

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

TRẦN THÁI TÔNG

KHÓA HƯ LỤC

Giảng Giải

THÍCH THANH TỪ



THIÊN VIỆN THƯỜNG CHIẾU
Ấn hành - P.L : 2540 - 1996

Kính Biểu

Thư viện Vạn Hạnh

Tại gia?

THƯ VIỆN
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

TRẦN THÁI TÔNG

KHÓA HƯ LỤC

Giảng Giải

THÍCH THANH TỪ

THIỆN VIỆN THƯỜNG CHIẾU

Ấn hành - P.L : 2540 - 1996

THƯ VIỆN
VIỆN NGHIÊN CỨU
* 301A Đ. L. 31 *

SER 007417

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển Khóa Hư Lục Giảng Giải này ra đời do lòng nhiệt tình, tâm tha thiết mong muốn có một "Pho Sách Phật Giáo Việt Nam" thực sự Việt Nam của chúng tôi. Bao nhiêu năm rồi, chúng tôi ao ước những tư liệu Phật Giáo Việt Nam còn sót lại được dịch ra chữ quốc ngữ để cho người sau có phương tiện tham khảo học tập. Rất hân hạnh được các vị : Thiều Chửu, Đào Duy Anh, Nguyễn Đăng Thục, Hòa Thượng Thanh Kiểm, nhóm Khoa Học Xã Hội đã dịch bộ Khóa Hư Lục. Nương chú giải của quý vị trên, chúng tôi dễ dàng nhiều trong khi giảng giải tập sách này. Quý vị là ân nhân lớn giúp chúng tôi thực hiện được sở nguyện từ lâu.

Sách Phật giáo Việt Nam vốn dĩ nghèo nàn lại bị mất mát, cần bảo tồn và làm tăng trưởng thêm, chúng tôi cố gắng giảng giải và in ra, hầu mong thêm lớn phần nào cho Pho Sách Phật Giáo Việt Nam. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam mà không có một Pho Sách Phật Giáo Việt Nam, đây là một thiếu sót lớn. Trước kia Tổng Hội Phật Giáo Bắc Kỳ nhờ Trường Viễn Đông Bác Cổ giúp đỡ đã in được Pho Sách Phật Giáo Việt Nam lấy tên là Việt Nam Phật Điển Tùng San để phát hành. Song pho sách này vẫn bằng chữ Hán, tài liệu còn hạn chế và ít người đọc được.

Theo quan niệm chúng tôi "Pho Sách Phật Giáo Việt Nam" là gom góp các quyển sách, văn thơ ... của các bậc Tôn Túc, các hàng đạt đạo người Việt Nam đã viết còn lưu lại, để thấy tinh thần người xưa tu hành đạt đạo và thâm hiểu

Phật Giáo như thế nào, cho chúng ta, hàng hậu học, có chút tự hào về Tổ Tiên mình và học hỏi theo các Ngài.

Quyển Khóa Hư Lục chúng tôi dùng giảng giải là bản in năm 1943 của Tổng Hội Phật Giáo Bắc Kỳ. Muốn người nghe và người đọc dễ lãnh hội, chúng tôi thay đổi thứ tự những đề mục trong sách chữ Hán, những phần dễ để trước, phần khó để sau, cốt hướng dẫn độc giả nhận được yếu chỉ Thiên Tông. Mong thực hiện được bản hoài, chúng tôi không ngại tài đức cạn mỏng, mạnh bạo làm một việc có thể quá sức. Chắc rằng còn lắm điều sai sót, mong quý vị Cao minh tha thứ và chỉ giáo cho.

Kính mong,

THÍCH THANH TỪ

Thiền Viện Thường Chiếu,
ngày 23/4/96 (6/3/ Bình Tý)

TRẦN THÁI TÔNG ÔNG VUA THIÊN SƯ (1218 -1277)

Trần Thái Tông tên Trần Cảnh, con thứ của Trần Thừa, sinh năm Mậu Dần niên hiệu Kiến Gia thứ tám (1218) triều Lý. Gia thế ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay là xã Tức Mặc huyện Mỹ Lộc tỉnh Hà Nam Ninh) ; ông cha làm nghề đánh cá. Nhờ có công dẹp loạn, họ Trần dần dần có thế lực từ đời Lý Cao Tông. Trần Cảnh mới có tám tuổi được Lý Chiêu Hoàng nhận làm chồng và truyền ngôi cho, lấy hiệu là Thái Tông.

Năm Thái Tông lên 20 tuổi, Lý Chiêu Hoàng 19 tuổi đang là Hoàng Hậu, bị Trần Thủ Độ ép Thái Tông giáng Chiêu Hoàng làm Công Chúa, lấy chị bà là Thuận Thiên, vợ Trần Liễu (anh ruột Thái Tông) làm Hoàng Hậu. Lý do, vì Thủ Độ nôn nóng Thái Tông có con để kế thừa, mà Chiêu Hoàng chậm con, chị bà đang mang thai. Trần Liễu phẫn uất nổi loạn tháng giêng năm Bình Thân (1236).

Do nhiều nỗi khổ và lòng ray rứt bất an, lúc 10 giờ đêm ngày mồng ba tháng tư năm 1236, vua Thái

Tông bỏ đai vàng, trốn lên núi Yên Tử đi tu. Vua đem theo một số tùy tùng, nói đi để nghe dư luận dân gian, biết rõ sự thực cho dễ bề trị nước. Sang sông, đoàn người đi về phía đông. Bấy giờ vua mới nói rõ ý định đi tu với các người tùy tùng và bảo họ trở về. Mọi người đều ngạc nhiên và khóc lóc. Vào khoảng sáu giờ sáng hôm sau vua đến bến đò Đại Than ở núi Phả Lại. Trời sáng, sợ người nhận ra, vua lấy vật áo che mặt mà qua đò, rồi theo đường tắt lên núi. Đến tối, vua vào nghỉ trong chùa Giác Hạnh, đợi sáng lại đi. Khó khăn trèo núi hiểm, lộ suối sâu, con ngựa đã yếu không thể lên núi được nữa, vua phải bỏ ngựa vịn vào các tảng đá mà đi. Khoảng hai giờ trưa mới đến chân núi Yên Tử. Sáng hôm sau, vua lên thẳng đỉnh núi và vào tham kiến Thiền Sư Trúc Lâm (có lẽ Thiền Sư Đạo Viên).

*Thấy Trẫm, Quốc Sư mừng rỡ. Người ung dung bảo Trẫm : Lão tăng ở chốn sơn dã đã lâu, xương cứng mặt gầy, ăn rau rặm, nhai hạt dẻ, uống nước suối, vui cảnh núi rừng đã quen, lòng nhẹ như đám mây nổi, cho nên mới theo gió mà đến đây. Nay bệ hạ bỏ địa vị nhân chủ mà nghĩ đến cảnh quê mùa rừng núi, hẳn là muốn tìm cầu gì ở đây cho nên mới đến, phải không ? Trẫm nghe lời thầy hỏi, hai hàng nước mắt ứa ra, liền thưa với thầy rằng : Trẫm còn thơ ấu, đã sớm mất mẹ cha, trơ vơ đứng trên sĩ dân, không có nơi nào để nương tựa. Lại nghĩ rằng sự nghiệp đế vương đời trước hưng phế bất thường, cho nên mới vào

đây, chỉ muốn cầu thành Phật, chứ chẳng muốn tìm gì khác. Thầy đáp : Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng lặng trí tuệ xuất hiện, đó chính là Phật. Nếu bệ hạ giác ngộ được tâm ấy thì tức khắc thành Phật ngay tại chỗ, không cần đi tìm cực khổ ở bên ngoài” (Bài tựa sách Thiền Tông Chỉ Nam).

Hôm sau, Trần Thủ Độ đem các quan lên núi Yên Tử đón vua về kinh. Bài tựa Thiền Tông Chỉ Nam, Thái Tông viết : “Thấy Trẫm, Trần Công thống thiết nói : Tôi chịu lời ủy thác của Tiên quân, phụng sự nhà vua trong việc làm chủ thần dân. Nhân dân đang mong đợi bệ hạ như con đò trông đợi cha mẹ. Huống chi ngày nay các vị cố lão trong triều đều là họ hàng thân thích, sĩ thứ trong nước ai nấy đều vui vẻ phục tùng, đến đứa trẻ lên bảy cũng biết nhà vua là cha mẹ dân. Vả lại Thái Tổ vừa mới bỏ tôi mà đi, hòn đất trên nắm mồ chưa ráo, lời dặn dò bên tai còn văng vẳng, thế mà bệ hạ đã lánh vào chốn núi rừng ẩn cư để cầu thỏa lấy ý chí riêng của mình. Tôi dám nói rằng bệ hạ vì sự tự tu cho riêng mình mà làm vậy thì được, nhưng còn quốc gia xã tắc thì sao ? Nếu để lời khen suông cho đời sau thì sao bằng lấy ngay thân mình làm người dẫn đạo cho thiên hạ ? Bệ hạ nếu không nghĩ lại, quần thần chúng tôi cùng thiên hạ sẽ xin cùng chết cả trong ngày hôm nay, quyết không trở về.

"Trẫm nghe Thái Sư và các quần thần bô lão đều không chịu bỏ Trẫm, cho nên mới đem lời Thái Sư mà bạch lại với Quốc Sư, Quốc Sư cầm tay Trẫm mà nói : Phàm làm đấng nhân quân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, và tâm thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về, bệ hạ không về sao được ? Tuy nhiên sự nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng phút nào quên.

"Bởi vậy Trẫm với mọi người trong triều mới trở về kinh, miễn cưỡng mà lên lại ngôi báu. Ròng rã trong mười năm trời, mỗi khi có cơ hội việc nước nhàn rỗi, Trẫm lại tụ họp các bậc kỳ đức để học hỏi đạo thiên. Các Kinh điển của các hệ thống giáo lý chính, không kinh nào là Trẫm không nghiên cứu. Trẫm thường đọc Kinh Kim Cương, một hôm đọc đến câu "Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", buông Kinh xuống chiêm nghiệm, bỗng hoá nhiên tự ngộ ..."

Thái Tông là ông vua chăm học, trong bài tựa Kinh Kim Cương Tam Muội ông viết : "Trẫm lo việc chăn dân, mỗi lúc gian nan thường lẫn lóc trong công việc, quên cả sớm chiều. Công việc thì có hàng vạn thứ mà thì giờ nhàn rỗi không có được bao lắm. Siêng công việc, tiếc ngày giờ, Trẫm cố học hành thêm. Chữ nghĩa thì chưa biết được bao lắm, cho nên ban đêm đến giờ khuya vẫn còn phải thức để đọc sách ; học sách Nho rồi còn học Kinh Phật". Thái Tông quả là ông vua cần mẫn hiếu học, không buông mình theo dục lạc.

Chẳng những thế, Thái Tông lại là ông vua anh hùng. Năm 1257 giặc Mông Cổ xâm lăng đất nước. Thái Tông đích thân tham gia chỉ huy nhiều trận, có mặt ở cả mọi nơi nguy hiểm, khiến quân sĩ đều nức lòng chiến đấu. Kết quả quân ta đã đánh tan quân xâm lược, giặc Mông Cổ tháo thân chạy về Vân Nam vào đầu năm 1258. Đây là ông vua vừa đạo đức vừa anh hùng, làm sáng rõ những trang sử oai hùng của dân tộc Việt Nam.

Sau cuộc chiến, đất nước thái bình, Trần Thái Tông nhường ngôi cho con năm 1258 lên làm Thái Thượng Hoàng. Từ đây Thái Tông vừa làm cố vấn cho con, vừa lo nghiên cứu tu thiền. Đến lúc vua Trần Thánh Tông đủ sức đảm đương việc nước, ông lui về lập am Thái Vi ở vùng rừng núi Vĩ Lâm cố đô Hoa Lư để an dân lập ấp và tu hành.

Thái Tông bệnh, nhân nuôi bệnh cha, Thánh Tông thưa : "Chân không và ngoan không là đồng hay khác ?" Thái Tông bảo : "Hư không là một, chỉ vì tâm mình mê ngộ nên có chân và ngoan. Thí như phòng nhà mở cửa thì sáng, đóng cửa thì tối, sáng tối chẳng đồng mà phòng nhà là một".

Hôm sau, Quốc Sư Đại Đăng vào thăm thưa : "Bệ hạ bệnh chẳng ?" Thái Tông nói : "Tứ đại là bệnh, cái này xưa nay sanh tử không can hệ, mà dính kẹt trong bệnh hoạn sao ?"

Khoảng mấy hôm sau, Thái Tông lặng thinh không nói, đui hết kẻ hầu hạ, đem việc nước dặn dò Thánh Tông. Thánh Tông muốn nhớ hai Quốc Sư Phù Vân (Đạo Viên), Đại Đẳng nói pháp xuất thế cho Thái Tông nghe. Thái Tông gần giọng bảo : "Đến trong đây, bớt một mảy tơ đường trên thịt khoét thương, thêm một mảy tơ như trong mắt để bụi. Ba đời chư Phật bốn mắt nhìn nhau, sáu đời Tổ Sư thối thần có phần. Dù Phù Vân nói huyền, Đại Đẳng thuyết diệu đều là lời thừa, có ích gì đối với cái này ?"

Nói xong, Ngài lặng lẽ thị tịch, nhằm năm Đinh Sửu niên hiệu Bảo Phù thứ năm, thọ 60 tuổi.

Ngài còn lưu lại những tác phẩm :

1. Thiền Tông Chỉ Nam
2. Kim Cương Tam Muội Kinh chú giải
3. Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi
4. Bình Đẳng Lễ Sám Văn
5. Khóa Hư Lục
6. Thi Tập.



Tựa THIÊN TÔNG CHỈ NAM

DỊCH

Trẫm thâm nghĩ : Phật không có nam bắc, mọi người đều có thể tu cầu. Tánh có trí ngu, đồng sẵn giác ngộ. Vì vậy, phương tiện dẫn dụ đám người mê, để sáng tỏ đường tắt sanh tử, là kinh điển của đức Phật chúng ta. Đặt mục thước cho đời, làm mô phạm người sau, là trọng trách các bậc Thánh trước (Tổ). Cho nên Lục Tổ nói : "Những bậc Thánh trước (Tổ) cùng Đại sư (Phật) không khác". Nên biết giáo pháp của Phật nhờ các bậc Thánh trước truyền bá ở đời. Nay Trẫm đâu thể không lấy trách nhiệm các bậc Thánh trước làm trách nhiệm của mình, giáo pháp của Phật làm giáo pháp của mình.

Vả lại, thuở Trẫm còn niên thiếu có chút ít hiểu biết, vừa nghe lời dạy của Thiên sư thì tâm tư lóng lạng, bỗng dựng thanh tịnh ; nên để tâm nơi nội giáo, tham

cứu Thiên tông, dốc lòng tìm thầy, chỉ thành mộ đạo. Tuy ý hồi hướng đã nảy mầm, mà cơ cảm xúc chưa thấu suốt.

Năm mươi sáu tuổi, Thái Hậu đã chán cõi đời, Trăm năm rơm gói đất, khóc ra máu mắt, đau đớn nát lòng ; ngoài nỗi đau buồn này, đâu rảnh nghĩ việc khác. Chỉ vài năm sau, Thái Tổ Hoàng Đế cũng băng hà. Lòng thương mẹ chưa nguôi, nỗi xót cha càng thống thiết, buồn thảm tràn trề khó bề dẹp được. Trăm nghĩ : Công cha mẹ đối với con, nuôi nấng vô về không thiếu điều gì, dù con phải xương tan thịt nát vẫn chưa đủ đáp đền trong muôn một. Huống nữa, Thái Tổ Hoàng Đế khai cơ lập nghiệp rất đổi gian nan, trị nước giúp đời càng hệ trọng. Người đem đất nước giao cho ta khi còn thơ ấu, khiến ta ngày đêm canh cánh không chút thánh thơi. Ta lòng riêng tự bảo : Trên đã không còn cha mẹ để tựa nương, dưới ngại chẳng xứng lòng dân mong đợi. Phải làm sao đây ? Ta suy đi nghĩ lại : Chi bằng lui về ở chốn núi rừng, tìm học Phật pháp để hiểu rõ việc lớn sanh tử, lấy đó đền đáp công ơn cha

mẹ, chẳng hay hơn sao ? Thế là chí Trẫm đã quyết định.

Đêm mừng ba tháng tư năm Bính Thân, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ năm (1236), Trẫm đổi y phục đi ra khỏi cửa cung, bảo tả hữu rằng : "Trẫm muốn đi dạo để ngẫm nghe lời dân, biết được chí dân, mới hiểu thấu nỗi khó khăn của họ". Bấy giờ tả hữu theo Trẫm không quá bảy tám người. Giờ Hợi đêm ấy, Trẫm cỡi một ngựa lặng lẽ ra đi ; sang sông thẳng về hướng đông, mới nói thực lòng cho tả hữu biết. Tả hữu ngạc nhiên, tất cả đều khóc. Giờ mẹo hôm sau, đến bến đò Đại Than bên núi Phả Lại, sợ có người biết, Trẫm lấy áo che mặt qua sông, đi tắt theo đường núi. Đến tối vào nghỉ chùa Tăng Giác Hạnh, đợi sáng lại đi. Leo trèo lặn lội, núi hiểm suối sâu, ngựa mỏi mệt không thể tiến lên được ; Trẫm bèn bỏ ngựa vin vách đá mà lần bước, đến giờ mùi mới tới sườn núi Yên Tử. Sáng hôm sau, Trẫm trèo thẳng lên đỉnh núi, tham kiến vị Đại Sa môn Quốc Sư Trúc Lâm. Quốc Sư vừa thấy Trẫm mừng rỡ, ung dung bảo :

"Lão tăng ở lâu nơi sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, uống nước suối dạo cảnh rừng, lòng như mây nổi theo gió đến đây. Nay bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây ?"

Trẫm nghe nói, hai hàng nước mắt tự tràn, đáp lại Sư rằng : "Trẫm còn thơ ấu vội mất hai thân, bơ vơ đứng trên sī dân không chỗ nương tựa. Lại nghĩ sự nghiệp các bậc đế vương đời trước, thịnh suy không thường, cho nên Trẫm đến núi này chỉ cầu làm PHẬT, chớ không cầu gì khác". Sư bảo :

"Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là Chọn Phật. Nay bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài".

Bấy giờ ông chú Trần Công, người em họ mà tiên quân gởi gắm đứa con cô. Sau khi tiên quân bỏ thế gian và quần thần, Trẫm phong làm Thái sư tham dự quốc

chính. Nghe tin Trầm trốn đi, ông liền sai tả hữu đi mọi nơi dò tìm tung tích, rồi cùng người trong nước lên đến núi này. Gặp Trầm, ông thống thiết nói :

"Thần nhận sự ủy thác của tiên quân, tôn bệ hạ làm chúa thần dân. Lòng dân trông đợi ở bệ hạ như con nhỏ mong đợi cha mẹ. Huống nữa, ngày nay các cố lão trong triều đều là bề tôi thân thuộc, dân chúng sĩ thứ ai cũng vui vẻ phục tùng. Cho đến đứa bé lên bảy cũng biết bệ hạ là cha mẹ dân. Vả Thái Tổ bỏ thần mà đi, nắm đất trên mồ chưa khô, lời dặn dò còn vẳng bên tai. Mà nay bệ hạ trốn lánh vào núi rừng, ẩn cư để mong thỏa mãn chí mình. Như thần nghĩ, bệ hạ tính kế tự tu thì có thể được, còn quốc gia xã tắc thì sao ? Chỉ để lời dạy suông cho đời sau, chi bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ. Bệ hạ nếu không nghĩ lại, chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về".

Trầm thấy Thái Sư cùng các cố lão quần thần không có ý bỏ Trầm, liền đem

lời này tỏ bày với Quốc Sư. Quốc Sư cầm tay Trẫm bảo :

"Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ trở về, bệ hạ không về sao được. Song phần nghiên cứu nội điển, mong bệ hạ đừng xao lãng".

Vì thế, Trẫm cùng mọi người trở về Kinh, miễn cưỡng lên ngôi. Khoảng hơn mười năm, những khi được rảnh rỗi, Trẫm tập họp các vị kỳ đức để tham cứu thiên, hỏi đạo và các kinh Đại Thừa ... đều nghiên cứu qua. Trẫm thường đọc Kinh Kim Cang đến câu "Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", trong khoảng để quyển kinh xuống ngâm nga, bỗng nhiên tự ngộ. Liên đem sở ngộ này viết thành bài ca, để tên là "Thiên Tông Chỉ Nam". Năm này, Quốc Sư từ núi Yên Tử về Kinh, Trẫm mời ở chùa Thắng Nghiêm, trông coi việc ấn bản các kinh. Trẫm đem tập sách này trình Sư, Sư xem qua liền tán thán rằng :

"Tâm chú Phật ở trọn nơi đây, sao không nhân khắc in các kinh, khắc in luôn để dạy kẻ hậu học".

Trẫm nghe lời này, sai thợ viết chữ chân phương, ra lệnh khắc bản in. Chẳng những để chỉ đường mê cho hậu thế, mà còn muốn tiếp nối công lớn các bậc Thánh nhân đời trước. Vì thế tự làm lời tựa này.

GIẢNG

Qua các tư liệu về Phật Giáo Thiên Tông đời Trần, chúng ta được biết đường lối tu thiên đời Trần bắt đầu từ vua Trần Thái Tông. Ngài là người lãnh đạo đất nước, đồng thời là một ông vua Thiên sư. Nói đến Thiên Tông đời Trần chúng ta cần nhìn tổng quát trước, rồi đi vào phần chi tiết sau.

Về đời Trần, các nhà nghiên cứu sử có những phê bình khác nhau, vì đứng từng góc độ khác nhau. Trên góc độ Khổng giáo, các vua đời Trần có lỗi là trong thân tộc cưới gả lẫn nhau, làm mất đi tinh thần luân lý đạo đức. Nhưng nếu nhìn qua góc độ Phật giáo Thiên Tông thì các Ngài ở địa vị vua mà có thể tu hành dạt dào, rất xứng đáng để chúng ta học hỏi. Đặc điểm của các Thiên sư đời Trần là các Ngài hiểu đạo, nói được và thực

hành được. Ngày nay noi gương các Ngài, không phải chúng ta chỉ biết lý thuyết suông mà phải thực hành cho được những điều đã học. Hơn nữa trong hoàn cảnh làm vua đang cai trị đất nước, chống ngoại xâm, hoàn cảnh hết sức khó khăn bận rộn mà các Ngài vẫn nghiên cứu Phật giáo và vẫn tu được. Chúng ta hiện giờ dù bận rộn bao nhiêu cũng không thể so bì được, trái lại còn phải thành tâm kính bái các Ngài. Đó là điều chúng tôi muốn nêu ra để tất cả thấy rõ tinh thần người xưa như thế nào và chúng ta ngày nay không thể sánh bằng.

Nói về vua Trần Thái Tông, trước hết chúng ta phải hiểu qua lịch sử của Ngài, phần này chúng tôi có ghi trong quyển Thiên Sư Việt Nam :

"Trần Thái Tông, ông vua Thiên Sư (1218 -1277).

Trần Thái Tông tên Trần Cảnh, con thứ của Trần Thừa, sinh năm Mậu Dần niên hiệu Kiến Gia thứ tám (1218) triều Lý. Gia thế ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay là xã Tức Mặc huyện Mỹ Lộc tỉnh Hà Nam Ninh) ; ông cha làm nghề đánh cá. Nhờ có công dẹp loạn, họ Trần dần dần có thế lực từ đời Lý Cao Tông. Trần Cảnh mới có tám tuổi được Lý Chiêu Hoàng nhận làm chồng và truyền ngôi cho, lấy hiệu là Thái Tông".

Như vậy vua Trần Thái Tông lên ngôi năm tám tuổi, còn nhỏ chưa biết cai trị đất nước, chú là Trần Thủ Độ thay quyền làm Nhiếp chính. Tuy Thái Tông ở địa vị vua, nhưng chỉ có danh mà chưa có thực.

"Năm Thái Tông lên hai mươi tuổi, Lý Chiêu Hoàng mười chín tuổi đang là Hoàng Hậu, bị Trần Thủ Độ ép Thái Tông giáng Chiêu Hoàng làm Công Chúa, lấy chị bà là vợ Trần Liễu (anh ruột Thái Tông) làm Hoàng Hậu. Lý do, vì Thủ Độ nôn nóng Thái Tông có con để kế thừa, mà Chiêu Hoàng chậm con, chị bà đang mang thai. Trần Liễu phần uất nổi loạn tháng giêng năm Bính Thân (1236)"

Đây là hành động mà các sử gia Nho học phê phán rất nhiều.

Theo sử năm vua Trần Thái Tông được hai mươi tuổi, bà Lý Chiêu Hoàng mới mười chín tuổi bị giáng xuống làm Công Chúa, lại đem chị bà là vợ Trần Liễu làm Hoàng Hậu, do đó có rối loạn trong nội bộ. Đoạn sử này dẫn đến bài học hôm nay : Tựa Thiên Tông Chỉ Nam.

Sách vở đời Trần rất nhiều, song những tư liệu còn sót lại không có bao nhiêu. Tỉ dụ như bài Tựa Thiên Tông Chỉ Nam còn lại đây, tức là có quyển sách Thiên Tông Chỉ Nam mà nay đã thất lạc. Bài tựa này bằng chữ Hán dịch thân vua Trần Thái Tông viết, chúng tôi dịch ra tiếng Việt.

"Trẫm thâm nghi : Phật không có nam bắc, mọi người đều có thể tu cầu. Tánh có trí ngu, đồng sẵn giác ngộ. Vì vậy, phương tiện dẫn dụ đám người mê, để sáng tỏ đường tắt sanh tử, là kinh điển của đức Phật chúng ta. Đặt mục thước cho đời, làm mô phạm người sau, là trọng trách các bậc Thánh trước (Tổ). Cho nên Lục Tổ nói : "Những bậc Thánh trước (Tổ) cùng Đại sư (Phật) không khác". Nên biết giáo pháp của Phật nhờ các bậc Thánh trước truyền bá ở đời. Nay Trẫm đâu thể không lấy trách nhiệm các bậc Thánh trước làm trách nhiệm của mình, giáo pháp của Phật làm giáo pháp của mình".

Trong đoạn này vua Thái Tông nêu lên trọng trách của Ngài đối với Phật pháp, tương đương với chư Tổ ngày xưa. Đức Phật dùng tất cả phương tiện để hướng dẫn mọi người, dù ở trình độ nào cũng có thể tiến tu. Nhưng đức Phật chỉ trụ thế có tám mươi năm rồi nhập Niết Bàn. Từ đó đến nay trên hai ngàn năm chúng ta biết được Phật pháp là nhờ chư Tổ. Các Ngài tiếp nối người trước chỉ dạy người sau, lần hồi đến chúng ta ngày nay. Nếu không có sự truyền bá đó thì chúng ta không biết đâu mà tìm hiểu và thấy được giáo lý của Phật. Khi xưa chư Tổ lấy việc truyền bá chánh pháp làm trách nhiệm chính, nay nhà vua hiểu được Phật

pháp phần nào thấy mình cũng có trách nhiệm như chư Tổ ngày trước.

"Lấy giáo pháp của Phật làm giáo pháp của mình" tức là đức Phật dùng chánh pháp giáo hóa mọi người và mình đang được hấp thụ thì chánh pháp của Phật đã chuyển thành như của mình. Từ đó tiếp nối truyền cho người sau, đó là trọng trách của chư Tổ, đó cũng là bản ý của nhà vua, Ngài tự đặt trách nhiệm phải làm sao truyền bá chánh pháp đến mãi sau này.

"Vả lại, thuở Trẫm còn niên thiếu có chút ít hiểu biết, vừa nghe lời dạy của Thiên sư thì tâm tư lóng lặng, bỗng dung thanh tịnh ; nên để tâm nơi nội giáo, tham cứu Thiên tông, dốc lòng tìm thầy, chí thành mộ đạo. Tuy ý hồi hướng đã nảy mầm, mà cơ cảm xúc chưa thấu suốt".

Đây nói về vua Trần Thái Tông lúc còn bé khoảng mười hai tuổi, hiểu biết chút ít, nhân nghe lời dạy của Thiên sư, tâm Ngài liền lóng lặng. So lại chúng ta ngày nay hiểu biết rất nhiều, rất đầy đủ mà nghe lời dạy của Thiên sư, tâm mình có lảng được chút nào không ? Do tâm Ngài lóng lặng, nên liền an ổn thanh tịnh. Từ đó Ngài phát tâm tìm hiểu nội giáo, nghiên cứu kinh điển và tham cứu Thiên tông. Ngài hết lòng tìm thầy và chí thành mộ đạo.

"Tuy ý hồi hướng đã nẩy mầm, mà cơ cảm xúc chưa thấu suốt". Thay vì hướng theo đục lạc thế gian, nhà vua xoay lại hướng về kinh điển của Phật và học hỏi nơi các Thiền sư, nhưng chưa được sự chỉ dạy để mở sáng con mắt đạo.

"Năm mười sáu tuổi, Thái Hậu đã chán cõi đời, Trăm năm rơm gói đất, khóc ra máu mắt, đau đớn nát lòng ; ngoài nỗi đau buồn này, đau rảnh nghĩ việc khác. Chỉ vài năm sau, Thái Tổ Hoàng Đế cũng băng hà. Lòng thương mẹ chưa nguôi, nỗi xót cha càng thống thiết, buồn thảm tràn trề khó bề dẹp được. Trẫm nghĩ : Công cha mẹ đối với con, nuôi nấng vô về không thiếu điều gì, dù con phải xương tan thịt nát vẫn chưa đủ đáp đền trong muôn một. Hướng nữa, Thái Tổ Hoàng Đế khai cơ lập nghiệp rất đổi gian nan, trị nước giúp đời càng hệ trọng. Người đem đất nước giao cho ta khi còn thơ ấu, khiến ta ngày đêm canh cánh không chút thánh thơi. Ta lòng riêng tự bảo : Trên đã không còn cha mẹ để tựa nương, dưới ngại chẳng xứng lòng dân mong đợi. Phải làm sao đây ? Ta suy đi nghĩ lại : Chi bằng lui về ở chốn núi rừng, tìm học Phật pháp để hiểu rõ việc lớn sanh tử, lấy đó đền đáp công ơn cha mẹ, chẳng hay hơn sao ? Thế là chí Trẫm đã quyết định".

Năm mười sáu tuổi vua Trần Thái Tông mất mẹ, Ngài diễn tả nỗi đau lòng rất là thống thiết, nào là nằm rom gối đất, khóc ra máu mắt, đau dớn nát lòng. Vài năm sau cha Ngài lại mất, nỗi xót cha càng thống thiết, buồn thảm tràn trề, khó bề dẹp được. Cha mẹ mất sớm, mà chưa đền đáp được công ơn, Ngài rất là buồn khổ.

Nhà vua lại nghĩ : "Thái Tổ Hoàng đế khai cơ lập nghiệp rất đời gian nan". Đây là lời tôn xưng Ngài Trần Thừa lúc đó làm quan đời Lý, có công giúp vua dẹp loạn. Nay Trần Thái Tông lên ngôi nên tôn xưng cha là Thái Tổ Hoàng đế. Nhà Trần vì có công cầm quân dẹp loạn, nên được nhà Lý trọng dụng cho ở trong cung và phong chức lớn. Do đó Ngài Trần Cảnh được đem vào cung để kế thừa ngôi nhà Lý. Vậy Ngài Trần Cảnh lên ngôi là do công lao khai cơ lập nghiệp rất là gian khổ của ông cha. Nay được giàu sang quyền thế lãnh đạo cả đất nước, Ngài nhớ công ơn cha mẹ sâu dày, dầu cho tan thân mất mạng cũng không đền đáp được. Giờ đây nhà vua còn nhỏ tuổi mà phải lãnh đạo toàn quốc không biết có đủ khả năng để đảm đương trách nhiệm hay không, nên Ngài mới nghĩ :

"Ta lòng riêng tự bảo : Trên đã không còn cha mẹ để tựa nương, dưới ngại chẳng xứng lòng dân mong đợi. Phải làm sao đây ?" Trên đã mất cha mẹ,

dưới lại e không làm tròn bổn phận đối với dân, bây giờ phải làm sao ? Ngài nghĩ ra kế duy nhất :

"Ta suy đi nghĩ lại : Chi bằng lui về ở chốn núi rừng, tìm học Phật pháp để hiểu rõ việc lớn sanh tử, lấy đó đền đáp công ơn cha mẹ, chẳng hay hơn sao ?"

Ngài là vua mà suy gẫm như vậy, giúp cho chúng ta thêm một sức mạnh trên đường tu. Ngài không dám nghĩ mình gánh vác việc nước để đền ơn cha mẹ, mà nghĩ chỉ có đi tu, hiểu rõ việc lớn sanh tử mới đủ đền đáp công ơn cha mẹ. Ngài nhìn và hiểu Phật pháp rất sâu, nên Ngài quyết định đi tu. "Thế là chí Trẫm đã quyết định".

"Đêm mừng ba tháng tư năm Bính Thân, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ năm, Trẫm đổi y phục đi ra khỏi cửa cung, bảo tả hữu rằng : "Trẫm muốn đi dạo để ngẫm nghe lời dân, biết được chí dân, mới hiểu thấu nỗi khó khăn của họ". Bấy giờ tả hữu theo Trẫm không quá bảy tám người. Giờ hội đêm ấy, Trẫm cỡi một ngựa lặng lẽ ra đi ; sang sông thẳng về hướng đông, mới nói thực lòng cho tả hữu biết. Tả hữu ngạc nhiên, tất cả đều khóc. Giờ mọo hôm sau, đến bến đò Đại Than, bên núi Phả Lại, sợ có người biết, Trẫm lấy áo che mặt qua sông, đi tắt theo đường núi. Đến tối vào nghỉ chùa Tăng Giác Hạnh, đợi sáng lại đi. Leo trèo lặn

lội, núi hiểm suối sâu, ngựa mỗi mệt không thể tiến lên được ; Trẫm bèn bỏ ngựa vin vách đá mà lần bước, đến giờ mùi mới tới sườn núi Yên Tử".

Khi đã quyết chí, Ngài liền lạng lẽ ra đi lúc ban đêm. Từ trong cung cấm đi ra rất khó, nên Ngài phải thay đổi y phục và dẫn theo một ít kẻ tả hữu, giả nói là đi để thăm nghe lời than oán của dân, để biết rõ nỗi khổ của họ. Thấy trò âm thầm ra đi, theo hướng đông đi thẳng về phía núi Yên Tử. Qua khỏi sông Ngài mới nói thật với tả hữu là Ngài đi lên núi tu và cho tất cả trở về, mọi người đều khóc. Một mình một ngựa ra đi, sáng hôm sau Ngài đến bến đò Đại Than, lấy áo che mặt qua sông, đi tắt theo đường núi. Nơi nào mệt mỏi, Ngài dừng nghỉ, đến tối nghỉ lại chùa Tăng Giác Hạnh⁽¹⁾, sáng lại ra đi. Leo trèo lặn lội, khi đến gần núi Ngài phải bỏ ngựa theo vách đá mà lần bước. Đường đi hết sức khó khăn hiểm trở, Ngài chịu bao nhiêu gian khổ như vậy cốt lên đến núi Yên Tử để học đạo, vì núi này được nổi danh là có nhiều Thiên sư đắc đạo. Thế nên người tu muốn cho có công hạnh và thấu hiểu đạo đức thường phải lên núi Yên Tử tìm thầy. Lại nữa Ngài là vua, muốn yên tu cần phải trốn đi xa mới tránh khỏi

(1) Chùa Tăng Giác Hạnh là chùa của chư Tăng, tên chùa là Giác Hạnh.

bị phát giác và mời trở về triều đình. Núi Yên Tử cách xa thành Thăng Long mấy trăm cây số, một đoạn đường khá dài chắc không ai tìm đến được. Nhưng không ngờ vẫn có người tìm đến !

"Sáng hôm sau Trẫm trèo thẳng lên đỉnh núi, tham kiến vị Đại Sa môn Quốc Sư Trúc Lâm. Quốc Sư vừa thấy Trẫm mừng rỡ, ung dung bảo : "Lão tăng ở lâu nơi sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, uống nước suối, dạo cảnh rừng, lòng như mây nổi theo gió đến đây. Nay bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây ?"

Sáng hôm sau nhà vua lên đến đỉnh núi gặp vị Đại Sa môn Quốc Sư Trúc Lâm. Sách khác để tên là Quốc Sư Phù Vân, có lẽ do Ngài nói rằng : "Lão tăng ở lâu nơi sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, uống nước suối, dạo cảnh rừng lòng như mây nổi ...". Mây nổi tức là phù vân, vì vậy sau gọi hiệu Quốc Sư là Phù Vân. Người tu ở núi rừng thì xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, mà lòng thênh thang không dính mắc như mây nổi. Đây là diễn tả tinh thần của Quốc Sư Trúc Lâm, lòng thênh thang không có gì trói buộc được. Nhìn lại chúng ta ngày nay, ăn chén bột chiều mà đã thở than, ở cảnh núi rừng mà lòng còn dính mắc, thật không xứng đáng chút nào !

Quốc Sư lại nói tiếp : "Nay bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây ?".

"Trẫm nghe nói, hai hàng nước mắt tự tràn, đáp lại Sư rằng : "Trẫm còn thơ ấu vội mất hai thân, bơ vơ đứng trên sĩ dân không chỗ nương tựa. Lại nghĩ sự nghiệp các bậc đế vương đời trước, thịnh suy không thường, cho nên Trẫm đến núi này chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác".

Vua Thái Tông quyết chí đến đây chỉ cầu thành Phật, chớ không cầu gì khác giống như Lục Tổ thuở trước. Tại sao khi Quốc Sư hỏi, nhà vua lại khóc, hai hàng nước mắt tự tràn, chắc Ngài có tâm sự uẩn khúc chi đây ?

Trong sử ở đoạn trước, chúng ta được biết ông Trần Thủ Độ ép vua Thái Tông phải phế bỏ Hoàng Hậu Chiêu Thánh, giáng làm Công Chúa, lại ép lấy người chị của Công Chúa đang là vợ của Trần Liễu (anh ruột Trần Thái Tông), đem về làm Hoàng Hậu. Đối với người hạnh tốt biết đạo mà phải làm việc không hợp đạo lý này, nhà vua rất là đau đớn, không thể nào ngồi yên được. Nhưng ở đây với Quốc Sư Ngài chỉ nêu lý do là vì mất mẹ mất cha, không nơi nương tựa và nghĩ mình không xứng đáng để cho muôn dân trông đợi, còn lý do thâm kín Ngài nói ra không được, nên khi mở miệng là tràn nước

mát, đau đớn nát lòng. Đọc tới đây chúng ta mới thấm nỗi đau của Ngài, làm vua mà bị ép buộc, không cãi lại được nên chỉ còn chuyện đi tu là tròn hơn hết, khỏi bị tiếng xấu, cũng khỏi bị nổi khổ tâm ray rứt. Thế nên Ngài quyết chí đi tu để đền ơn cha mẹ, xong bốn phận mình không bị ai phê bình chê trách.

Khi nghe nhà vua thưa như vậy, Quốc Sư bảo : "Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là chơn Phật. Nay bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài".

Đây là câu chỉ thẳng không giấu giếm chút nào. Nhà vua lên núi để cầu làm Phật, mà Phật ở đâu ? Phật không phải ở trong núi mà ở ngay nơi tâm. Tâm lặng lẽ mà hằng biết đó là chơn Phật, Phật thật. Nhận được tâm này tức khắc thành Phật, nghĩa là ngay đó biết mình có Phật, chớ không phải liền thành Phật với đủ thần thông diệu dụng. Không nhọc tìm cầu bên ngoài là chỉ thẳng Phật nơi Ngài rồi.

Qua câu chuyện đối đáp giữa vua Trần Thái Tông và Quốc Sư, chúng ta thấy nỗi đau đớn của một ông vua phải bỏ ngai vàng lên núi xin tu và lời của vị Quốc Sư ngộ đạo, Ngài không nói quanh co mà chỉ thẳng chỗ tốt cùng cho người cầu đạo.

Nhà vua tưởng được an ổn tu hành, không ngờ lại gặp khó khăn.

"Bấy giờ ông chú Trần Công, người em họ mà tiên quân gởi gắm đưa con cô, sau khi tiên quân bỏ thế gian và quần thần, Trầm phong làm Thái sư tham dự quốc chính. Nghe tin Trầm trốn đi, ông liền sai tả hữu đi mọi nơi dò tìm tung tích, rồi cùng người trong nước lên đến núi này. Gặp Trầm, ông thống thiết nói :

"Thần nhận sự ủy thác của tiên quân, tôn bệ hạ làm chúa thần dân. Lòng dân trông đợi ở bệ hạ như con nhỏ mong đợi cha mẹ. Huống nữa, ngày nay các cố lão trong triều đều là bề tôi thân thuộc, dân chúng sĩ thứ ai cũng vui vẻ phục tùng. Cho đến đứa bé lên bảy cũng biết bệ hạ là cha mẹ dân. Vả Thái Tổ bỏ thần mà đi, nắm đất trên mồ chưa khô, lời dặn dò còn vẳng bên tai. Mà nay bệ hạ trốn lánh vào núi rừng, ẩn cư để mong thỏa mãn chí mình. Như thần nghĩ, bệ hạ tính kế tự tu thì có thể được, còn quốc gia xã tắc thì sao ? Chỉ để lời dạy suông cho đời sau, chi bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ. Bệ hạ nếu không nghĩ lại, chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về".

Vua Trần Thái Tông bị đặt trong thế bất khả kháng. Giả sử vua có quyết chí tu mà quần thần

cùng các bô lão kéo lên núi đòi chết ngay tại đó nếu nhà vua không chịu trở về kinh, thử hỏi làm sao Ngài yên tu cho được ? Thật là điều kiện hết sức khó khăn.

Ông Trần Thủ Độ lên đến núi gặp được nhà vua nói thật thống thiết. Ông nhận sự ủy thác của tiên quân tức là của Ngài Trần Thừa, tôn Ngài Trần Cảnh lên làm chúa thần dân khi mới tám tuổi. Đến bây giờ nhà vua hai mươi tuổi được dân chúng tin tưởng trông đợi coi như cha mẹ. Lại nữa ngày nay các cố lão trong triều đều là bầy tôi thân thuộc, tức là chỉ những vị quan lớn tuổi trong triều ủng hộ nhà vua đều là dòng họ nhà Trần, còn tất cả người dân đều trông đợi phục tùng.

"Vả lại Thái Tổ bỏ thân mà đi, nắm đất trên mồ chưa khô, lời dặn dò còn vẳng bên tai. Mà nay bệ hạ trốn lánh vào núi rừng, ẩn cư để mong thỏa mãn chí mình".

Lời ông Trần Thủ Độ rất tha thiết. Người anh là Ngài Trần Thừa vừa mất, đất mồ chưa khô. Nhà vua mất mẹ lúc mười sáu tuổi, mất cha khoảng mười tám tuổi, đến năm nay hai mươi tuổi lại tính chuyện đi tu, nên nói đất trên mồ cha chưa khô.

Ông lại nói tiếp : "Nhu thần nghĩ, bệ hạ tính kế tự tu thì có thể được, còn quốc gia xã tắc thì

sao ?". Riêng nhà vua đi tu thì có thể được, nhưng trách nhiệm làm vua thì sao ? Quốc gia xã tắc giao cho ai ? Đây là một câu hỏi làm nhà vua rối trí.

Kế ông lại trách "Chỉ để lời dạy suông cho đời sau, chi bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ". Nếu nhà vua đi tu, rồi đem những lời dạy của Phật và chư Tổ ra nhắc nhở, thì ông Trần Thủ Độ cho đó là những lời dạy suông, không thực tế. Chi bằng làm vua, lấy thân mình, lấy tài đức mình làm gương để dạy dân, hướng dẫn dân, đó mới là cụ thể, mới là thực tế hơn. Nghe đến đây nhà vua rùn chí, thật là khó xử.

Ông lại nói thêm một câu cuối, khiến nhà vua phải chịu thua : "Nếu bệ hạ không chịu về, chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về". Câu nói quyết liệt này làm nhà vua không còn cách gì thoái thác được.

Đến đây vua Trần Thái Tông mới kể :

"Trẫm thấy Thái sư cùng các cố lão quần thần không có ý bỏ Trẫm, liền đem lời này tỏ bày với Quốc Sư. Quốc Sư cầm tay Trẫm bảo :

"Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ trở về, bệ hạ không về sao được. Song

phần nghiên cứu nội điển, mong bệ hạ đừng xao lãng".

Lời dạy của Quốc sư rất là thấu đáo. Phàm làm vua phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, nhà vua làm việc gì không vì quyền lợi riêng tư mà phải hợp với sự mong mỏi của người dân. Lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình, lòng dân trông đợi điều gì, nhà vua phải làm sao cho dân được thỏa mãn, như vậy mới thật là một đấng minh quân, một vị vua chân chính.

"Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ trở về, bệ hạ không về sao được". Ý muốn của dân là đón nhà vua trở về, thì thôi vua phải trở về. "Song phần nghiên cứu nội điển, mong bệ hạ đừng xao lãng". Quốc Sư lại dặn dò, tuy về làm vua nhưng Ngài nhớ đừng quên phần nghiên cứu kinh điển tu hành.

"Vì thế, Trẫm cùng mọi người trở về kinh, miễn cưỡng lên ngôi. Khoảng hơn mười năm, những khi được rảnh rỗi, Trẫm tập hợp các vị kỳ đức để tham cứu thiên, hỏi đạo và các kinh Đại thừa ... đều nghiên cứu qua. Trẫm thường đọc Kinh Kim Cang đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", trong khoảng để quyển kinh xuống ngâm nga, bỗng nhiên tự ngộ. Liên đem sở ngộ này viết thành bài ca, để tên là "Thiên Tông Chỉ Nam".

Khi trở về kinh, Ngài lên ngôi vua một cách miễn cưỡng, không có chút gì thích thú. Trong khoảng hơn mười năm, từ hai mươi tuổi đến lúc ba mươi mấy tuổi, những khi rảnh rỗi Ngài mời các Thiên sư đầy đủ đức hạnh đến để hỏi đạo và tham cứu về Thiên, Ngài học và nghiên cứu qua các kinh điển Đại Thừa. Khi đọc Kinh Kim Cang đến câu "Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", Ngài để quyển kinh xuống, ngâm nga câu ấy tức là lập đi lập lại đôi ba lần, bỗng nhiên Ngài ngộ. Tại sao Ngài lập đi lập lại đôi ba lần ? Vì Ngài đã đọc kinh Pháp Bảo Đàn, biết Lục Tổ ngộ nơi câu này, nên khi đọc đến đây Ngài chú tâm, để quyển kinh xuống và nhắm đi nhắm lại câu ấy, bỗng dung Ngài ngộ. Chỗ ngộ của Ngài và chỗ ngộ của Lục Tổ giống nhau hay khác nhau ?

Nói về Lục Tổ, có hai lần ngộ. Lần ngộ thứ nhất : Khi gánh củi đem ra chợ bán, Lục Tổ đi ngang một căn nhà nghe có người tụng Kinh Kim Cang, đến câu : "Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", bỗng dung Ngài ngộ. Ngài mới hỏi người tụng : Kinh đó tên gì, phát xuất từ đâu ? Được biết đó là Kinh Kim Cang, do Ngũ Tổ Huỳnh Mai dạy thọ trì. Câu kinh Ngài ngộ, nói cho đủ là : "Bất ung trụ sắc sanh tâm, bất ung trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm".

Lục Tổ phát tâm đi tu, gởi mẹ già ở lại rồi thẳng đến Huỳnh Mai tìm Ngũ Tổ. Gặp được Ngũ Tổ rồi Ngài ở công quả trong nhà trụ cho đến tám tháng...

Lần ngộ thứ hai : Một đêm Ngũ Tổ bảo Lục Tổ lên thất và giảng Kinh Kim Cang cho Ngài nghe. Đến câu : Bất ưng trụ sắc sanh tâm... ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, Lục Tổ liền đại ngộ, mới nói lớn lên rằng :

Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh,

Đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt,

Đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ,

Đâu ngờ tánh mình vốn không dao động,

Đâu ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp.

Ngang đó Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài làm vị Tổ đời thứ sáu.

Như vậy Lục Tổ ngộ lần đầu Ngài phát tâm đi tu, ngộ lần sau Ngài được truyền y bát. Tuy cùng một câu kinh mà lần ngộ trước khác lần ngộ sau, lần trước gọi là giải ngộ hay tiểu ngộ, lần sau gọi là chứng ngộ hay triệt ngộ hay đại ngộ. Khi mới đi tu Lục Tổ đến với Ngũ Tổ, Tổ hỏi : "Ông là người miền nam quê mùa, đến đây cầu vật gì ? Ngài đáp : Cầu thành Phật. Tổ hỏi : Người dân quê mùa như ông làm sao thành Phật được ? Ngài

đáp : Người tuy có nam bắc, nhưng Phật tánh không có nam bắc. Đây là Lục Tổ đã giải ngộ rồi, thấy rõ mình có Phật nên mới đối đáp được. Ngũ Tổ biết người này có khả năng nên mới bảo xuống nhà trừ đi. Sau đó Lục Tổ có làm bài kệ : "Bổn lai vô nhất vật" v.v...

Giải ngộ là có khả năng biết được mình có Phật, biết được lý đạo rất thâm sâu, song phiền não chưa hết. Như ở Thiên viện đây tỉnh thoảng cũng có một ít người giải ngộ nhưng phiền não vẫn còn, chưa được triệt ngộ như lần thứ hai của Lục Tổ, tuy có khả năng thấy biết đúng như thật, nhưng hành chưa đúng, vì còn phiền não ! Mới giải ngộ mà tưởng triệt ngộ là lầm. Trường hợp vua Thái Tông khi ngâm nga câu kinh, bỗng nhiên tự ngộ, đây là tương đương với chỗ ngộ ban đầu của Lục Tổ. Nhà vua ngộ rồi biết mình có Phật, tin điều đó rõ ràng nên Ngài viết quyển Thiên Tông Chỉ Nam, để nói lên sự thấy biết của Ngài. Chúng ta phải hiểu chỗ ngộ này mới thấu được ý sâu xa của người tu Thiên, nếu không, nghe nói ngộ là quá hay rồi, mà sao lâu lâu cũng còn dở. Trong nhà Thiên thường nói tiểu ngộ thì nhiều vô số, lâu lâu ngộ một ít, còn đại ngộ thì đôi ba phen. Tiểu ngộ là sáng lên những vấn đề nhỏ, còn sáng lên việc lớn gọi là đại ngộ.

Nhìn rộng ra, trong Kinh Kim Cang Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật : Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao hàng phục được tâm, làm sao an trụ được tâm ? Phật dạy : Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Tức là muốn hàng phục tâm mình để thành tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì không nên trụ nơi sắc, không nên trụ nơi thanh hương vị xúc pháp (nghĩa là không nên trụ nơi sáu trần). Vậy phải làm sao ? Nên không chỗ trụ mà sanh tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là không nên dính mắc sáu trần mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thâm nhập được lý này nên vua Trần Thái Tông mới soạn thành bài Sáu thời Sám hối, đó là sám hối sáu căn. Thế nên trọng tâm của sự tu là dùng dính mắc sáu trần thì tâm an trụ, tâm an trụ tức là tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hiện nay Tăng Ni hay Phật tử tửu trọn một ngày dùng dính sáu trần thì tâm có an không ? Không dính sáu trần thì tâm tự an rồi ! Nếu còn chạy theo trần này dính mắc trần kia, như khi vượn buông nhánh này chụp nhánh khác thì tâm đâu có an. An trụ là không dính sáu trần, thì sáu trần đâu có quyền gì xâm phạm đến mình ! Mình là

mình nó là nó, mình ở đây, nó ở ngoài kia. Như sắc ở ngoài con mắt, mình ngó lơ thì không dính mắc, như tiếng người nói, mình nghe rồi buông dùm bắm vào, thì sắc thính đầu có xâm phạm đến chúng ta được. Chỉ vì mắt dính với sắc trần, tai dính với thính trần ... nên chúng ta bị sáu trần lôi kéo đắm chìm trong sinh tử đời đời kiếp kiếp. Ngay bây giờ dùm dính sáu trần thì tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức tâm Phật hiện ra. Trái lại nếu còn dính mắc thì tâm chúng sanh hiện ra. Dính mắc là chúng sanh, không dính mắc là Phật, Phật với chúng sanh gần kề nhau. Như vậy chúng ta thấy việc tu hết sức là đơn giản, không phải gian lao cực khổ gì.

Chỗ dạy tu của Lục Tổ khi trước và của vua Trần Thái Tông gần đây rất gần với nhau. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, trọng tâm Lục Tổ dạy tu là phải ứng dụng ba cái Vô : một là Vô niệm vi tông, hai là Vô tướng vi thể, ba là Vô trụ vi bản.

Vô niệm vi tông, tức là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi v.v... mà không khởi niệm chạy theo, chớ không phải ngồi một chỗ đờ nó xuống thành vô niệm. Đối với sáu trần không có niệm chạy theo, pháp tu này rất gần với chỗ sáu căn không dính mắc sáu trần, vì khởi niệm mới dính mắc phải không ? Thế nên Tổ dạy vô niệm là chủ của sự tu.

Vô tướng vi thể là gì ? Thể của muôn sự muôn vật là không có tướng. Thấy triệt theo tinh thần Bát Nhã thì các pháp tánh không, duyên hợp duyên có. Sự vật có hình tướng là từ nhân duyên kết hợp, nên không có tự thể. Nói các pháp tánh không tức là không có tướng thật. Vậy muốn không dấy niệm chạy theo sáu trần, thì phải thấy sáu trần chỉ là giả tướng, là tướng không. Biết được tướng không là thấy được thể của các pháp.

Vô trụ vi bốn (Trụ là dính mắc). Không dính mắc sáu trần là gốc của sự tu. Nếu khéo tu từng ngày từng giờ đừng dính mắc sáu trần, thì tâm mình hoàn toàn thanh tịnh an ổn, Phật bảo đó là trụ tâm, đó là tâm Bồ đề.

Như vậy chỗ nhìn của Lục Tổ khi trước, và của Ngài Trần Thái Tông sau này tuy cách mấy trăm năm mà đã có chỗ gần nhau. Cho nên người tu khi ngộ rồi dù là trăm ngàn vị, nhưng lời nói đều không sai biệt.

Đọc đoạn này chúng ta thấy Ngài Trần Thái Tông tuy là vua mà đã giải ngộ được lý đạo, Ngài đem chỗ sở ngộ viết thành bài ca "Thiền Tông Chỉ Nam" để chỉ dạy người sau. Điều này làm cho lòng tin chúng ta càng thêm vững mạnh. Nhưng rất tiếc là toàn quyển đã thất lạc, chỉ còn sót lại bài tựa.

"Năm này, Quốc Sư từ núi Yên Tử về kinh, Trẫm mời ở chùa Thắng Nghiêm, trông coi việc ấn bản các Kinh. Trẫm đem tập sách này trình Sư, Sư xem qua liền tán thán rằng :

"Tâm chú Phật ở trọn nơi đây, sao không nhân khắc in các Kinh, khắc in luôn để dạy kẻ hậu học".

Trẫm nghe lời này, sai thợ viết chữ chân phương, ra lệnh khắc bản in. Chẳng những để chỉ đường mê cho hậu thế, mà còn muốn tiếp nối công lớn các bậc Thánh nhân đời trước. Vì thế tự làm lời tựa này".

Nhà vua trình quyển Thiên Tông Chỉ Nam cho Quốc Sư xem, xem xong Quốc Sư tán thán nói : "Tâm chú Phật ở trọn nơi đây". Tức là những lời diễn tả đó là đúng tâm chú Phật. "Sao không khắc in để chỉ dạy cho người sau ?" Do nghe lời này nhà vua cho khắc bản in. Nhưng rất tiếc quyển sách đã mất, chúng ta chỉ biết được lời tựa. Qua lời tựa chúng ta thấy rõ vua Trần Thái Tông đã giải ngộ về Thiên và Giáo năm Ngài được hơn ba mươi tuổi. Từ chỗ ngộ đó Ngài soạn viết rất nhiều sách để người sau học hiểu. Học Ngài chúng ta hiểu được tâm tư nguyện vọng tha thiết chỉ dạy người sau của Ngài.



NĂM GIỚI

DỊCH

VĂN GIỚI SÁT

Phàm các loài sinh từ trứng, thai, ầm, hóa, tính vẫn đồng, thấy nghe hiểu biết đâu khác. Chỉ do tạo nghiệp kết oán, nên thọ tên khác hiệu khác. Ngày trước vốn loài người, nay sanh đàn giống khác nhau. Hoặc là bạn bè, hoặc là anh em. Thay đổi áo xiêm đai mũ, biến làm mai vẫy cánh lông. Vợ quên chồng, chồng quên vợ, con trái cha, cha trái con. Đã thấy đổi đầu khác mặt, lòi về mổ bụng chặt chân. Luống lo tham sống sợ chết, lại không một lời kêu đau khổ. Người giết nó, nó giết người, hấn ăn mày, mày ăn lại hấn, hằng không ngày dứt, mãi tạo oan trái. Kiếp kiếp trả nhau, đời đời thù nhau.

Người quay đầu liền đến quê nhà, kẻ phóng tâm hằng chìm địa ngục. Sách Nho dạy : "Thi ân bố đức". Kinh Đạo dạy : "Ái

vật háo sanh". Phật chỉ cấm sát là giữ giới, người phải để ý tuân hành chớ phạm.

Kệ rằng :

Cánh lông mai vảy trọn hàm linh,
Sợ chết tham sanh nào khác tình.
Từ trước Thánh hiền lòng chẳng nỡ,
Đâu cam thấy chết vẫn tham sinh.

VĂN GIỚI TRỘM

Người làm nhân nghĩa là quân tử, kẻ làm trộm cướp là tiểu nhân. Người quân tử ôm lòng cứu giúp kẻ cô bản, đưa tiểu nhân thì tham lấy tài vật. Vật của người lấy làm của mình, mặc kệ nhiều người trách cứ, chỉ biết lợi ích cho mình. Đâu biết giàu sang tại trời, chỉ thả ý tham cầu. Thuốc chó, đào hầm, đục tường, khoét vách theo gót tướng quân Sơn Dương, tập làm Lương Thượng quân tử. Nghịch trời trái đất, dối pháp khinh hình. Khi sống thì pháp luật trừng trị, lúc chết bị Minh Ty khảo tra.

Không những đồng vàng khối ngọc, dầu rằng cọng cỏ mấy lông. Người mù

hương sen trong ao mà Địa thần còn quở,
cho vay lấy lời Diêm Vương còn phạt. Lưới
trời lỏng lẻo, làm thiện thì thoát, làm ác
thì mang. Phép nước thênh thang, làm
việc công thì khỏi, làm việc tư thì phạm.

Kệ rằng :

Đục vách đào tường ý chẳng thôi,
Trăm mưu ngàn kế khổ mong cầu.
Đời này ví được của người đầy,
Nào biết muôn phen kiếp ngựa trâu.

VĂN GIỚI SẮC

Lưng ong tóc mọt hay khiến tâm tánh
say mê ; sắc én mày ngài làm cho hồn
phiêu phách lạc. Đưa mắt liếc chẳng phải
dao mài mà ai không đứt ruột. Lưới uốn
tựa sáo diều, mọi người đều phải lắng
nghe. Người mê thì nghĩa thân sơ đều dứt;
kẻ tham thì đạo đức tiêu tan. Trên thì
phong giáo đắm chìm, dưới thì khuê môn
tán loạn. Bất luận phạm phu, học giả đều
say áo đẹp thích điểm trang. Kỳ cương
quốc gia bị rơi chốn Tô đài ; giới thể bị
chôn vùi nơi dâm thất.

Thầy do phóng mắt đuổi theo bên ngoài, nên không xoay đầu nhìn lại bên trong. Cởi hết lụa là che thân chỉ bày làn da bọc thịt. Độc giác gần nữ am mà hoàn tục ; Chân quân xa Thán phụ nên thăng thiên. Người chẳng theo sắc được năm thân thông ; kẻ mê sắc thì mất các giới hạnh.

Kệ rằng :

Má thoảng hương mai, mặt nhụy đào,
Thấy rồi mắt dán, ý nao nao.
Thầy đều một đấng da hôi thúi,
Thâm cắt ruột người chẳng dụng dao.

VĂN GIỚI VỌNG NGŨ

Tâm là gốc thiện ác, miệng là cửa họa phúc. Nghĩ một niệm thì hưởng ứng không sai ; nói một lời thì bóng theo chẳng lệch. Quân tử trọng lời như biện ; cổ nhân ngừa nói như bình. Nói ra thì ngay thẳng công bằng ; mở lời thì không cong queo tà vạy. Không nói đây hay kia dở ; chẳng bân mình phải người sai. Đâu dám khua môi

múa lưỡi, cần phải giữ miệng gìn lời. Và nghiệp của thân là nặng, song họa của miệng là trước. Chẳng những kẻ nói là vọng ngôn, còn khiến người nghe làm bậy.

Đời này bị người khinh rẻ, sau khi chết bị nghiệp kéo lôi. Hoặc kèm sắt kéo lưỡi cam chịu chua cay. Hoặc nước đồng sôi rót vào miệng lòng ôm đau đớn.

Kệ rằng :

Kề vai cười nói khua lưỡi môi,
Cứ mãi làm người vọng ngữ thôi.
Riêng ý cầu tài, mong người thích,
Sau cùng khó tránh nghiệp kéo lôi.

VĂN GIỚI RƯỢU

Người ưa uống rượu thì đức hạnh suy kém, lời nói nhiều lỗi lầm. Hơi nóng xông nát dạ dày, vị cay xuyên thủng gan ruột. Rồi loạn tinh thần, tâm tánh hôn mê. Chẳng nghĩ đến cha mẹ, tội ngũ nghịch chuyên làm. Hoặc ồn náo nơi tiệm quán, hoặc say mèm ngoài đường sá. Khi trời mắng đất, hủy Phật chê tăng. Miệng làm

nhảm hát ca, thân trần trụi nhảy múa. Đã không tiếp Phật cúng dường, mà lại theo bọn mũ đen bất chánh. Tan thân mất mạng từ đó mà sanh, mất nước hại nhà từ đây mà có.

Bỏ rượu thì ngàn diêm lành đông tới, uống rượu thì trăm họa kéo về. Đại Võ không uống rượu nên muôn họ đều theo. Thái Khang mê rượu nên năm con đều oán. Đâu chỉ hàng phong lưu phải răn, mà bậc đạt giả cũng cần phải tránh. Bao nhiêu người rạng rỡ trên đời, lại bị tối tăm trong rượu.

Kệ rằng :

Men bã một vò ủ nấu thành,
Bao nhiêu người trí mất thông minh.
Chẳng riêng tăng sĩ không gìn giới,
Mất nước, tan nhà từ đó sanh.



GIẢNG

NĂM GIỚI

Trong bài Năm giới Ngài Trần Thái Tông nhắc nhở người cư sĩ tại gia, nhưng đồng thời cũng ảnh hưởng rất lớn với người xuất gia. Ảnh hưởng ở hai mặt :

1) Năm giới là căn bản của người xuất gia, nếu thọ Sa di, Năm giới là đầu trong Mười giới Sa di, nếu thọ Tỷ kheo, bốn giới đầu trong Năm giới là Tứ Ba La Di của Tỷ kheo.

2) Người xuất gia lấy Năm giới làm căn bản để hướng dẫn Phật tử tu hành, nếu chúng ta không hiểu rành thì sự hướng dẫn không đầy đủ. Thế nên Năm giới là nền tảng của Phật tử tại gia, cũng là trợ duyên lớn cho người xuất gia. Vậy Tăng Ni và Phật tử học Năm giới đều có lợi ích.

VĂN GIỚI SÁT

"Phàm các loài sinh từ trứng, thai, ẩm, hóa, tính vẫn đồng, thấy nghe hiểu biết đâu khác. Chỉ do tạo nghiệp kết oán, nên thọ tên khác, hiệu khác."

Mở đầu Ngài Trần Thái Tông chỉ rõ tai hại của sự sát sanh. Trong bốn loài noãn sanh, thai

sanh, thấp sanh và hóa sanh tuy hình tướng khác nhau song tính vẫn đồng, thấy nghe hiểu biết không có khác. Chỉ do tạo nghiệp thiện ác sai biệt nên thọ tên khác, hiệu khác, tỷ dụ như tên người, tên súc sanh..., nghiệp có sai biệt chớ thể tánh không khác.

"Ngày trước vốn loài người, nay sanh đàn giống khác nhau". Như hiện giờ cùng làm người, nhưng kẻ tạo nghiệp thiện, người tạo nghiệp ác. Sau kiếp này, khi sanh trở lại, chúng ta hoặc làm người hoặc làm súc sanh, hay các loài khác... Chúng ta có phước làm người được đầy đủ sáu căn và đủ tất cả nhu cầu, các loài khác thiếu phước hơn phải sanh làm loài vật bị đọa đày khổ sở.

"Hoặc là bạn bè, hoặc là anh em. Thay đổi áo xiêm đai mũ, biến làm mai vảy cánh lông". Trong đời này hoặc là bạn bè anh em, qua đời khác thay đổi hình thức cũ, có người biến thành loài rùa loài trăn có mai, hoặc biến thành loài cá loài trăn có vảy, hay loài chim có cánh có lông... Tuy đời này cùng là người, song kiếp tới biến thành khác loại. Lúc ấy còn nhớ nhau không ? Thế nên :

"Vợ quên chồng, chồng quên vợ, con trái cha, cha trái con". Khi xưa là vợ chồng, đổi qua kiếp khác mang hình thức khác, nên quên nhau, cha con

cũng không biết được nhau. Vì thế xảy ra những chuyện :

"Đã thấy đôi dẫu khác mặt, lồi về mổ bụng chặt chân". Vì thay đổi dẫu mặt, dẫu còn nhớ nhau nữa, nên khi xưa là người thân của mình, bây giờ sanh làm gà vịt, mình mổ bụng chặt chân không chút xót thương.

"Luống lo tham sống sợ chết, lại không một lời kêu đau khổ". Nghe câu này thật là đau đớn ! Con vật nào cũng tham sống sợ chết. Như khi gà vịt bị cắt cổ thì giãy giụa, hay bò lợn bị bắt đem làm thịt thì kêu la, chúng ta đâu có màng tới, chúng tham sống sợ chết, lại không một lời kêu đau khổ vì không biết nói cho người thấu hiểu. Chúng ta không biết nỗi đau đớn của chúng nên sẵn sàng giết không chút xót thương. Mình giết nó, nó oán hận mình. Vì vậy :

"Người giết nó, nó giết người, hấn ăn mày, mày ăn hấn, hàng không ngày dứt, mãi tạo oan trái. Kiếp kiếp trả nhau, đời đời thù nhau". Bây giờ chúng ta giết con vật, nó không giết được mình thì kiếp sau nó sẽ trả thù lại. Ngày nay mình ăn nó thì ngày sau nó ăn lại mình. Cứ ăn nuốt lẫn nhau mãi không có ngày thôi dứt nên oan trái đời kiếp nối tiếp luôn. Như người đập đầu bò, nó oán hận, khi được trở lại làm người, nó chỉ muốn giết lại

người đã đập nó. Tại sao người lại muốn giết người ? Vì hận đời trước đã gieo, kiếp này gặp lại chỉ muốn giết nhau. Vậy một khi gây oán hận cho ai thì sau này mình phải đền trả khó mà trốn tránh được. Như mình giết loài vật để được ăn ngon thích miệng, kiếp sau nó cũng giết lại mình để được ăn ngon thích miệng.

"Người quay đầu liền đến quê nhà, kẻ phóng tâm hằng chìm địa ngục". Câu này có tánh cách thiển. Nếu biết quay đầu trở lại liền đến quê nhà, tức là không để tâm đuổi theo dục lạc hay sáu trần thế gian, thì chúng ta thấy được cái chân thật của mình, đó là quê nhà muôn thuở. Quê nhà sẵn có của mình chỉ cần một phen quay đầu nhìn lại thì thấy, chớ không phải là xa. Còn kẻ phóng tâm chạy theo ngoại cảnh, đó là nhân chìm trong địa ngục. Trong câu hết sức gọn này chúng ta thấy rõ ràng hai mặt. Một bên là người tỉnh biết quay đầu trở lại quan sát chính mình để dẹp bỏ những vọng tưởng điên đảo, đó là người trở về quê nhà. Một bên là kẻ mê buông tâm chạy theo ngoại cảnh, sáu trần, đó là nhân để chìm trong địa ngục.

Ngài Trần Thái Tông dẫn chúng "Sách Nho dạy : Thi ân bố đức. Kinh Đạo dạy : Ái vật háo sanh. Phật chỉ cấm sát là giữ giới, người phải để

ý tuân hành chớ phạm". Đoạn này nói đến ba phần : Nhà Nho dạy : Làm người phải thi ân bố đức, tức là đối với người và các loài vật chúng ta phải đem ân đức ban rải khắp tất cả. Kinh Đạo tức Lão giáo dạy : Ái vật háo sanh. Đối với loài vật mình phải biết thương và biết quý sanh mạng của nó (háo sanh là thích sanh), đừng giết hại nó. Như vậy nhà Nho với Lão giáo nói đơn giản mà hay. Còn Phật giáo dạy thế nào ? Phật chỉ cấm sát là giữ giới, lời dạy tuy không văn chương nhưng rất cụ thể. Không nói thương quý, không nói ban ân bố đức, Phật chỉ bảo đừng giết. Lời nói thẳng, đơn giản và thực tế, có tính cách bắt buộc. Thế nên khi vào đạo, giới đầu tiên là cấm sát sanh tức không được giết hại chúng sanh, đó là háo sanh, đó là thi ân bố đức rồi. Vì thế :

"Người phải để ý tuân hành chớ phạm". Phạm giới là có tội, phạm giới tức là sát hại chúng sanh.

Lời nói thực tế, không phải lời nói rộng nói suông. Thế nên trong nhà Phật chúng ta thấy dường như có sự khắt khe bắt buộc giữ giới. Sự thực vì muốn tâm chúng ta lương thiện, đầy đủ phước đức nên đức Phật cấm sát sanh, chúng ta sợ không dám làm những tội ác, đó là chúng ta ái vật, háo sanh rồi.

Để kết thúc, Ngài Trần Thái Tông làm bài kệ :

*Cánh lông mai vảy trọn hàm linh,
Sợ chết tham sanh nào khác tình,
Từ trước Thánh hiền lòng chẳng nỡ,
Đâu cam thấy chết vẫn tham sinh.*

Những loài có cánh có lông, có mai, có vảy, tất cả đều là hàm linh. Hàm linh là những chúng sinh có chứa sẵn tánh linh nơi mình, dù cho khác loại song đều sẵn một tánh linh. Tất cả đều tham sống sợ chết như nhau, kể cả loài người cũng vậy.

Những bậc Thánh hiền ngày xưa lòng không nỡ làm cho chúng sinh chết khi thấy chúng tham sống như mình. Chúng ta biết tham sống không muốn chết, các loài vật cũng vậy, nếu ép chúng chết đó là tàn nhẫn, là ác tâm.

Đây là bài răn về giới sát. Nếu chúng ta không có tâm giết hại chúng sanh, đó là tâm thi ân bố đức, thương vật háo sanh. Như thế chúng ta đã ngừa tránh được tội lỗi, không gây oan trái để phải đền trả và chịu khổ ở đời sau. Vì vậy đức Phật dạy muốn đời này đời sau đều an vui thì chúng ta đừng sát hại chúng sanh.

VĂN GIỚI TRỘM

Giới trộm nói đủ là giới trộm cướp.

"Người làm nhân nghĩa là quân tử, kẻ làm trộm cướp là tiểu nhân. Người quân tử ôm lòng cứu giúp kẻ cô bản, đưa tiểu nhân thì tham lấy tài vật. Vật của người lấy làm của mình, mặc kệ nhiều người trách cứ, chỉ biết lợi ích cho mình. Đâu biết giàu sang tại trời, chỉ thả ý tham cầu. Thuốc chó, đào hầm, đục tường, khoét vách theo gót Sơn Dương tướng quân, tập làm Lương Thượng quân tử, nghịch trời trái đất, đối pháp khinh hình. Khi sống thì pháp luật trùng trị, lúc chết bị Minh ty khảo tra".

Người biết nhân nghĩa, làm việc nhân nghĩa là người quân tử. Kẻ trộm cướp làm những việc hại người lợi mình gọi là kẻ tiểu nhân. Vì thế theo tinh thần nhà Nho, người quân tử ôm lòng cứu giúp kẻ cô bản, nếu thấy ai nghèo khổ cô đơn thì sẵn sàng giúp đỡ. Đưa tiểu nhân thì tham lấy tài vật của người, thấy ai có lắm của nhiều tiền thì dấy khởi tâm tham muốn giựt lấy cho được. Qua hành động chúng ta biết rõ tâm ai là quân tử, tâm ai là tiểu nhân. Như vậy mình cũng biết mình là quân tử hay tiểu nhân, không phải nhờ ai phán đoán.

"Vật của người lấy làm của mình, mặc kệ nhiều người trách cứ, chỉ biết lợi ích cho mình". Kẻ tiểu

nhân lấy của người làm của mình rồi mặc ai trách cứ chê bai mắng nhiếc, miễn lấy được của thì thôi, nên nói "chỉ biết lợi ích cho mình".

"Đâu biết giàu sang tại trời, chỉ thả ý tham cầu". Theo nhà Nho giàu sang là tại trời, theo nhà Phật giàu sang là do nghiệp lành mà được. Kẻ tiểu nhân không biết nên buông thả ý mình, thấy cái gì là mong cầu cái ấy, không biết hạn chế, ngăn ngừa lòng tham rồi làm những việc tà quái như :

"Thuốc chó, đào hầm, đục tường, khoét vách theo gót tướng quân Sơn Dương, tập làm Lương Thượng quân tử". Sơn Dương tướng quân là chỉ một số tướng cướp thời xưa ở Trung Quốc, ẩn trên đất Sơn Dương. Còn Lương Thượng quân tử tức là người quân tử ở trên xà nhà (lương là cây kèo, là xà nhà). Gọi như vậy là do câu chuyện như sau : Đời Hậu Hán có ông Trần Thục là người khá giả học thức. Một buổi tối gia đình đang tụ họp, ông nhìn lên xà nhà thấy chú ăn trộm nằm núp sẵn trên đó chờ tối để xuống. Ông mới gọi tất cả con cháu đến rồi bảo : Con người bản tánh thiện, nghĩa là con người bất thiện vị tất vốn ác, vì tập nên thành thói xấu, thành kẻ Lương Thượng quân tử. Người ăn trộm trên xà nhà nghe ông chủ nhà nói biết là chỉ mình nên tuột xuống, rồi khúm núm kính sợ. Ông Trần Thục khuyên : Anh nên bỏ nghề

này để làm người lương thiện. Người ăn trộm xấu hổ, từ đó về sau bỏ nghề trộm. Và những người ăn trộm trong làng nghe câu chuyện Lương Thượng quân tử cũng xấu hổ bỏ nghề luôn. Nhờ lời khuyên dạy của ông Trần Thực mà trong làng không còn ai làm nghề trộm đạo. Còn chúng ta nếu thấy ăn trộm thì nói làm sao ? Chắc sẽ bảo đó là kẻ tiểu nhân núp trên xà nhà, chớ đâu bao giờ nói là người quân tử ! Nhưng nhờ gọi người ăn trộm là quân tử nên ông ấy xấu hổ đổi thái độ và quan niệm để trở thành người tốt.

"Nghịch trời trái đất, đối pháp khinh hình. Khi sống thì pháp luật trùng trị, lúc chết bị Minh ty khảo tra". Kẻ trộm cướp là người nghịch với lòng trời, trái với ý đất, đối pháp luật, khinh những hình phạt. Khi sống thì bị pháp luật trùng trị, lúc chết bị Minh ty tra khảo. Chử Minh, theo chữ Hán nghĩa là tối, Minh ty tức là âm phủ.

"Không những đóng vàng khối ngọc, dầu rằng cọng cỏ mảy lông". Không phải lấy trộm một đồng vàng, một khối ngọc mới mang tội ăn trộm, mà dù một cọng cỏ, một mảy lông, người không cho cũng không được lấy. Chúng ta thường có bệnh nói trộm cướp là phải cái gì to lớn như đồng vàng khối ngọc chẳng hạn, còn trái cà trái ớt nhỏ xíu, đi ngang thấy lấy bỏ vào túi không cần hỏi ai, tưởng là

không có tội; nhưng dù vật nhỏ bao nhiêu cũng do công khó nhọc của người trồng, mình không xin người chưa cho thì không được quyền lấy. Đây mới dẫn tích xưa :

"Ngửi mùi hương sen trong ao mà Địa thần còn quở". Đây là dẫn câu chuyện một ông Sa di đi qua hồ sen, thấy hoa nở có mùi thơm đứng lại nhìn và ngửi mùi sen thơm. Chợt có Địa thần xuất hiện và quở : Tại sao ông ngửi trộm hương hoa sen của tôi ? Ông Sa di nói : Tôi chỉ ngửi mùi hương, đâu có hại gì đến hoa của ông. Địa thần bảo : Ngửi như vậy là đã phạm tội trộm rồi. Ngay lúc đó có đôi ba người ào xuống hồ sen kẻ hái gương người nhổ ngó. Ông Sa di hỏi lại ông thần : Tôi chỉ ngửi một chút hương sen mà ông đã quở, còn những người kia bẻ gương móc ngó, sao ông không rầy ? Địa thần nói : Ví như có người mặc chiếc áo trắng chỉ cần dính một điểm mực nhỏ đã thấy dơ rồi. Còn người mặc áo đen nếu dính một bệt mực to cũng không thấy là dơ. Ông thần nói tiếp : Cũng như vậy, vì ông là người tu thanh tịnh, nên ngửi lén một chút hương sen, ông đã như rồi, còn các người kia là kẻ phàm tục dù họ có làm những điều tội lỗi cũng như bệt mực phết lên chiếc áo đen không ai thấy, nên tôi không rầy. Qua câu chuyện này chúng ta thấy người tu là phải đề dặt tối đa,

đừng nghĩ rằng người ta ăn trộm còn không sao, mình hái có trái cà trái ớt đậu có gì quan trọng. Song thái độ người tu phải khác hơn, dù một chuyện nhỏ cũng phải tránh, vì mình là người trong sạch, một vết nhơ tuy nhỏ cũng làm nhơ mình rồi. Còn người dã nhơ sẵn thì một vết nữa cũng không thấm vào đâu.

"Cho vay lấy lời Diêm Vương còn phạt". Đến việc cho vay lấy lời cũng vậy, vua Diêm vương cũng rầy phạt, chớ không phải dễ. Như người tu ở chùa thỉnh thoảng ngân quỹ được rộng, cũng muốn cho vay lấy lãi, mà không ngờ việc làm đó cũng bị quả rầy !

"Lưới trời lồng lộng, làm thiện thì thoát, làm ác thì mang. Phép nước thênh thang, làm việc công thì khỏi, làm việc tư thì phạm". Lưới trời tuy nhìn không thấy, nhưng lồng lộng mênh mông, nếu làm lành thì không dính mắc lưới trời, còn làm ác nhưt định mắc họa bị đọa đày, không sao tránh khỏi. Phép nước mênh mông rộng lớn, nếu làm việc công ích lợi cho mọi người thì không phạm tội. Nếu vì tư tài tư lợi được mình hại người thì phạm tội, chớ không tránh được.

Kệ rằng :

*Đục vách đào tường ý chẳng thôi,
Trăm mưu ngàn kế khổ mong cầu.*

*Đời này ví được của người dấy,
Nào biết muôn phen kiếp ngựa trâu.*

Đục vách, đào tường là làm nghề trộm cướp, làm mãi không muốn thôi. Bày ra trăm mưu ngàn kế để mong cầu được tài lợi của người. Ví như đời này được hưởng, đâu có biết muôn kiếp phải làm trâu ngựa để đền trả. Đừng nghĩ lấy của người hưởng hết là xong, hiện giờ tưởng như sung sướng, nhưng đời sau phải chịu khổ đau không biết bao nhiêu lần. Vì vậy phải ngựa tránh chớ lấy của người, đó là giữ giới trộm cướp.

VĂN GIỚI SẮC

Giới sắc tức là giới tà dâm đối với người tại gia, còn với người xuất gia gọi là giới dâm dục.

"Lung ong tóc mọt hay khiến tâm tánh say mê; sắc én mày ngài làm cho hồn phiêu phách lạc. Đưa mắt liếc chẳng phải dao mài mà ai không đứt ruột. Lưỡi uốn tựa sáo diều, mọi người đều phải lắng nghe. Người mê thì nghĩa thân sơ đều dứt; kẻ tham thì đạo đức tiêu tan. Trên thì phong giáo dấm chìm, dưới thì khuê môn tán loạn. Bất luận phạm phu, học giả đều say áo đẹp thích điểm trang. Kỷ cương quốc gia bị rơi chốn Tô Đài; giới thể bị chôn vùi nơi dâm thất".

Đoạn này nói tai họa của sắc đẹp. "Lung ong tóc mượt hay khiến tâm tánh say mê. Sắc én mây ngài làm cho hồn phiêu phách lạc". Đây diễn tả hình dáng của người đẹp. Đôi mày ngài, gương mặt đẹp khiến cho người nhìn phải hồn xiêu phách tán.

"Đưa mắt liếc chẳng phải dao mài mà ai không đứt ruột. Lưỡi uốn tựa sáo diều, mọi người đều phải lắng nghe". Liếc mắt không phải dao mà người bị đứt ruột. Khéo nói khéo lựa lời êm dịu nên ai nghe cũng phải lắng tai.

"Người mê thì nghĩa thân sơ đều đứt, kẻ tham thì đạo đức tiêu tan. Trên thì phong giáo dấm chàm, dưới thì khuê môn tán loạn". Người mê sắc thì nghĩa thân như cha mẹ, sơ như bà con láng giềng đều tan mất. Kẻ tham mê sắc dục thì đạo đức tiêu tan. Trên thì gia phong và giáo dục bị mất, trong gia đình riêng thì khuê môn tán loạn, chồng vợ bất hòa.

"Bất luận phàm phu, học giả đều say áo đẹp, thích điểm trang. Kỳ cương quốc gia bị rơi chốn Tô Đài, giới thể bị chôn vùi nơi dâm thất." Dù kẻ phàm phu tầm thường hay người học giả cao siêu đều say mê những chiếc áo đẹp, thích dáng điểm trang của người khác phái. Do đó kỳ cương quốc gia bị rơi nơi chốn Tô Đài. Tô Đài là cái đài xây cất trên núi Cô Tô bên Trung Hoa. Ngày xưa, vua

Ngô Phù Sai vì say mê sắc đẹp Tây Thi, ngày đêm vui chơi trên Tô Đài, quên hết việc nước, nên về sau bị Việt Vương Câu Tiễn kéo quân sang đánh, nước Ngô tan nát, vua Ngô phải chết. Còn người tu mà đắm mê nhan sắc thì giới thể bị chôn vùi nơi thâm thất.

"Thấy do phóng mắt đuổi theo bên ngoài, nên không xoay đầu nhìn lại bên trong", mỗi giới đều có nhắc lại câu này. Đoạn trước nói : Nếu xoay đầu liền đến quê hương, ở đây nói : Do phóng mắt đuổi theo bên ngoài... con người say mê sắc đẹp vì phóng tầm mắt đuổi theo những hình dáng bên ngoài, nên không xoay đầu nhìn lại bên trong, tức là không biết xoay trở lại quê hương mình.

"Cởi hết lụa là che thân chỉ bày làn da bọc thịt. Độc giác gần nữ am mà hoàn tục; Chân quân xa Thán phụ nên thăng thiên. Người chẳng theo sắc được năm thần thông; kẻ mê sắc thì mất các giới hạnh". Con người chỉ có dáng bên ngoài, lụa là che thân, rồi trang điểm cho đẹp đẽ. Nếu cởi tất cả những che đậy bên ngoài, thì ai cũng là da bọc xương thịt, có gì đâu mê say ! Thế mà ngày xưa có một vị tiên Độc giác vì gần nữ am, tức là nhà của người nữ, mà bị hoàn tục. Trong kinh Phật có câu chuyện : Ngày xưa có một vị Độc giác đi khát thực, một người nữ dâng cơm, Ngài nhận.

Nhận quen rồi lần lần có sự xúc chạm. Khi trước mỗi lần nhận cơm xong Ngài dùng thần thông đi. Sau vì sự xúc chạm Ngài mất thần thông trở thành người thế tục. Đây là câu chuyện trong Luật, chúng ta thường nghe nhắc đến vị Độc giác được vua cúng dường.

"Chân quân xa Thán phụ nên thăng thiên". Chân quân chỉ các đạo sĩ tu tiên, Thán phụ là người đàn bà bằng than. Ngày xưa có một đạo sĩ tu tiên tên Trương Đạo Lăng luyện được nhiều pháp thuật, thuốc linh đơn và phù chú, danh tiếng đồn khắp, số người theo học rất đông. Ông muốn thử học trò xem ai quyết chí tu, nên lấy than gọt làm một người nữ và hóa thành một cô gái rất đẹp, rồi cho cô tới trêu ghẹo các đệ tử. Nếu người nào nắm tay cô gái thì tay bị nhuộm đen. Khi trình tay lên thầy xem, vị đệ tử nào tay bị dính đen thầy nói không xong rồi cho về nhà, người nào tay trắng sạch thầy cho học.

Ở đây nói Chân quân là một người học đạo tiên với Ngô Mạnh, như không dính mắc phái nữ nên sau này được sanh cõi trời. Như vậy người chẳng theo sắc được năm thần thông, còn kẻ mê sắc thì mất các giới hạnh.

Kệ rằng :

*Má thoảng hương mai, mặt nhụy đào,
Thấy rồi mắt dán, ý nao nao.
Thấy đều một dây da hôi thúi,
Thâm cắt ruột người chẳng dụng dao.*

"Má thoảng hương mai, mặt nhụy đào", dây tả dáng người nữ đẹp.

"Thấy rồi mắt dán, ý nao nao", thấy người đẹp thì mắt nhìn mãi không rời, trong lòng xao xuyên nao nao".

"Thấy đều một dây da hôi thúi", nhưng xét kỹ chỉ có dáng bên ngoài, thật sự nam hay nữ, ai cũng chỉ là một dây da hôi thúi.

"Thâm cắt ruột người chẳng dụng dao". Thế mà có người bị chết không cần dùng phương tiện, bị cắt đứt ruột không cần dùng dao. Đây là lời nhắc nhở những ai có bệnh đấm mê sắc đẹp thì sẽ gặp hiểm nguy như vậy.

VĂN GIỚI VỌNG NGŨ

"Tâm là gốc thiện ác, miệng là cửa họa phúc. Nghi một niệm thì hưởng ứng không sai; nói một lời thì bóng theo chẳng lệch. Quân tử trọng lời như bệnh; cổ nhân giữa nói như bình. Nói ra thì ngay

thẳng công bằng; mở lời thì không cong queo tà vạy. Không nói dây hay kia dở; chẳng bàn mình phải người sai. Đầu dấm khua môi múa lưỡi, cần phải giữ miệng gìn lời. Vả nghiệp của thân là nặng, song họa của miệng là trước. Chẳng những kẻ nói là vọng ngôn, còn khiến người nghe làm bậy".

Đoạn này giải thích về lỗi của vọng ngữ.

"Tâm là gốc thiện ác", tâm là những ý niệm, nguồn của thiện và ác.

"Miệng là cửa họa phúc", họa từ miệng mà ra, nên phải dè dặt lời nói.

"Nghĩ một niệm thì hưởng ứng không sai", chỉ khởi nghĩ một niệm là có sự hưởng ứng đúng như điều mình nghĩ, nghĩ xấu có hưởng ứng xấu, nghĩ tốt có hưởng ứng tốt rõ ràng.

"Nói một lời thì bóng theo chẳng lệch", một lời nói ra quả báo sẽ theo không sai chạy. Lời nói lành có quả lành, lời nói ác có quả ác theo ngay. Thế nên :

"Quân tử trọng lời như biện" tức là người quân tử trọng lời nói như đình đóng vậy. Biện là cái thành của chiếc giường, gồm những miếng gỗ nhờ đóng đình nên cứng lại, ý nói người quân tử trọng lời nói như đóng đình vào gỗ vậy.

"Cổ nhân ngữ như bình", người xưa ngữ miêng mình như bình. Cái bình nếu để đứng thì

không đổ nước, để nghiêng thì đổ. Vì thế chúng ta luôn luôn giữ lời nói, không phát ra những lời vô nghĩa hay những lời hại người.

"Nói ra thì ngay thẳng công bằng, mở lời thì không cong queo tà vạy". Người quân tử đạo đức nói lời ngay thẳng đúng đắn, không tà vạy. Còn người thế gian thấy một đảng nói một ngả, hoặc nói móp méo sự thật, đó gọi là nói cong queo tà vạy. Lời nói thẳng là không nói quanh co, có thể nào nói thế ấy.

"Không nói dây hay kia dở, chẳng bàn mình phải người sai". Chẳng những người cư sĩ tại gia mà cả người xuất gia cũng phải học thuộc câu này. Khi năm ba huynh đệ họp lại thường bàn chuyện người này hay người kia dở gọi là bàn chuyện thị phi. Chúng ta không nên nói chuyện hay dở của người, cũng chẳng bàn mình phải người sai, người nói lời thô lỗ vô phép, còn mình đối xử rất đẹp rất hay. Ít khi nào chúng ta nhận dở về mình và khen người hay khéo, lúc nào cũng cái ta trên hết. Cái ta hiện rõ ràng trong lời, cho nên ít nói là hơn hết.

"Đâu dám khua môi múa lưỡi, cần phải giữ miệng gìn lời". Đùng múa lưỡi phô trương mình giỏi mình khôn, cần phải giữ miệng không nói lời sai quấy rỗng suông.

"Và nghiệp của thân là nặng, song họa của miệng là trước". Tuy nghiệp thân là nặng, song miệng cái rầy trước rồi thân đánh đập sau làm khổ cho nhau. Ở thế gian nếu mỗi người biết giữ gìn miệng, thì trong nhà ít có cãi rầy đi đến đánh nhau. Vậy ai khéo giữ miệng thì sẽ tránh được tai họa này.

"Chẳng những kẻ nói vọng ngôn, còn khiến người nghe làm bậy". Nếu mình nói dối nói sai, khiến người nghe tưởng thật, họ làm bậy theo, đó là lỗi tại mình.

"Đời này bị người khinh rẻ, sau khi chết bị nghiệp kéo lôi. Hoặc kẽm sắt kéo lưỡi cam chịu chua cay. Hoặc nước đồng sôi rót vào miệng lòng ôm đau đớn".

Ai thường nói dối, hiện đời bị người khinh rẻ, sau khi chết nghiệp báo lôi vào địa ngục. Nơi đó kẽm sắt kéo lưỡi cắt di, thật là chua cay đau đớn. Lại bị đổ nước đồng sôi vào miệng, cháy cả ruột gan. Như thế quả báo nói dối hiện đời đã xấu, đời sau lại càng khổ đau, nên phải răn ngừa tránh .

Kệ rằng :

*Kẻ vai cười nói khua lưỡi môi,
Cứ mãi làm người vọng ngữ thôi.
Riêng ý cầu tài, mong người thích,
Sau cùng khó tránh nghiệp kéo lôi.*

"Kê vai cười nói khua lưỡi môi". Muốn dụ dỗ người nghe lời dối trá của mình thì phải kê vai nói cười thân thiết.

"Cứ mãi làm người vọng ngữ thôi", cứ như vậy mà làm người nói dối mãi.

"Riêng ý cầu tài mong người thích", mong được tài lợi về mình thì phải nói dối làm người ta ưa thích mới gặt được người.

"Sau cùng khó tránh nghiệp kéo lôi". Đến lúc chết, bị nghiệp lôi kéo vào địa ngục chịu những hình phạt khổ sở đau đớn vô cùng. Quả báo trong địa ngục là do vọng ngữ vậy.

VĂN GIỚI RƯỢU

"Người ưa uống rượu thì đức hạnh suy kém, lời nói nhiều lỗi lầm. Hơi nóng xông nát dạ dày, vị cay xuyên thủng gan ruột. Rối loạn tinh thần, tâm tánh hôn mê. Chẳng nghĩ đến cha mẹ, tội ngũ nghịch chuyên làm. Hoặc ồn náo nơi tiệm quán, hoặc say mèm ngoài đường sá. Khi trời mắng đất, hủy Phật chê Tăng. Miệng làm nhảm hát ca, thân trần trụi nhảy múa. Đã không tiếp Phật cúng dường, mà lại theo bọn mũ đen bắt chảnh. Tan thân mất mạng từ đó mà sanh, mất nước hai nhà từ đây mà có."

Người ưa uống rượu thì đức hạnh suy kém, lời nói nhiều lỗi lầm. Đây là điều cụ thể vô cùng ... Uống rượu nhiều thì quên hết những điều hay lẽ phải, nên đức hạnh suy kém, lời nói không xét nghĩ nên dễ sanh lỗi lầm.

"Hoi nóng xông nát dạ dày, vị cay xuyên thủng gan ruột". Uống rượu vào nóng quá làm cho dạ dày bị loét hư, vị cay của rượu làm gan ruột bị bệnh.

"Rối loạn tinh thần, tâm tánh hôn mê". Đây là tai họa của rượu : Đức hạnh suy kém, thân thể bệnh hoạn, tinh thần tối tăm, tất cả đều do uống rượu.

"Chẳng nghĩ đến cha mẹ, tội ngũ nghịch chuyên làm". Khi say sưa rồi thì không nghĩ đến cha mẹ, vì vậy dễ sanh tội ngũ nghịch giết hại mẹ cha...

"Hoặc ôn não nơi tiệm quán, hoặc say mèm ngoài đường sá". Uống rượu quá nhiều, nơi quán tiệm thì nói năng ôn não cãi vã qua lại. Hoặc say mèm đi không nổi nằm vật ngã bên lề đường. Lúc say sưa thì :

"Khi trời, mắng đất, hủy Phật, chê Tăng", không coi ai ra gì, cũng chẳng kể trời đất. "Miệng lảm nhảm hát ca" giống người mất trí.

"Thân trần trụi nhẩy múa" ngoài đường, lù con nít vây quanh reo cười chế nhạo. Chỉ vì rượu mà

từ con người tỉnh biến thành người điên. Thế mà người ta lại thích làm kẻ điên, không chịu làm người tỉnh !

Về phần đạo đức : "Đã không tiếp Phật cúng dường mà lại theo bọn mũ đen bất chánh". Chẳng biết đến Phật cúng dường, lại theo bọn bất chánh làm nghề trộm cướp.

"Tan thân mất mạng từ đó mà sanh, mất nước hại nhà từ đây mà có". Tan thân mất mạng hoặc hư nhà mất nước cũng vì rượu.

"Bỏ rượu thì ngàn diêm lành đồng tới, uống rượu thì trăm họa kéo về. Đại Võ không uống rượu nên muôn họ đều theo. Thái Khang mê rượu nên năm con đều oán. Đâu chỉ hàng phong lưu phải răn, mà bậc đạt giả cũng cần phải tránh. Bao nhiêu người rạn vỡ trên đời, lại bị tối tăm trong rượu".

Nếu không uống rượu thì ngàn điều lành đồng tới, còn uống rượu thì trăm tai họa kéo về.

"Đại Võ không uống rượu nên muôn họ đều theo. Thái Khang mê rượu nên năm con đều oán". Theo sử Trung Hoa, vua Đại Võ do không uống rượu nên muôn họ đều theo, còn ông Thái Khang vì mê rượu, nên năm người con đều oán trách bỏ ông.

"Đâu chỉ hàng phong lưu phải răn, mà bậc đạt giả cũng cần phải tránh.". Không những hàng nho

nhà ngoài đời phải ngừa rượu, mà cả bậc đạt giả tức người tu hành có đạo đức cao cũng phải tránh uống rượu.

"Bao nhiêu người rạng rỡ trên đời, lại bị tối tăm trong rượu". Người có danh tiếng giàu sang, rốt cuộc bị rượu làm cho tối tăm. Rượu là một tai họa rất lớn lao vậy.

Kệ rằng :

*Men bã một vò ủ nấu thành,
Bao nhiêu người trí mất thông minh.
Chẳng riêng Tăng sĩ không gìn giới,
Mất nước tan nhà từ đó sanh.*

Rượu là gì ? Chẳng qua là men trộn với bã nếp hoặc gạo, đổ vào vò ủ, rồi nấu thành rượu. Thế mà bao nhiêu người trí mất thông minh vì nó. Không phải riêng người tu sĩ uống rượu là phạm giới, (Không uống rượu là giữ giới), mà tất cả người thế gian từ vua chúa đến quan dân nếu mê say rượu, vua chúa thì mất nước, quan dân thì tan nhà, tất cả đều do bệnh rượu. Trong năm giới, giới uống rượu dường như nhẹ, mà thật là họa không thể lường. Vậy mỗi người phải cố gắng tránh rượu, tránh được là mình đã tiến một bước rất lớn, không gây lỗi lầm tai họa cho mình và người.

BỐN NÚI

DỊCH

Nguyên là, tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có. Do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không. Vọng ấy từ không, không hiện vọng, vọng sanh các sắc. Đã trái không sanh không hóa, mãi làm có hóa có sanh. Không sanh hóa thì không hóa không sanh, có hóa có sanh nên có sanh có hóa. Hoặc sanh Thánh hiền ngu trí, hoặc hóa vảy cánh lông sừng. Luôn luôn chìm đắm nơi bến mê, mãi mãi trôi lăn trong biển khổ. Mờ mờ mịt mịt nào biết nào hay, rối rắm lằng xằng chẳng tỉnh chẳng ngộ. Trộn là buông tâm chạy đi, đều không nắm mũi kéo về. Khiến đến qua lại sáu đường, xuống lên bốn núi. Bốn núi là : Sanh, già, bệnh, chết. Nay lần lượt trình bày bốn núi để lại đời sau.

KỆ BỐN NÚI

Bốn núi cheo leo vạ khóm tùng,
Ngộ xong chẳng có, muôn vật không.

Mừng được ba chân lừa có sẵn,
Cõi lên thúc mạnh vượt cao phong.

NÚI THỨ NHẤT

NÚI THỨ NHẤT LÀ TUỞNG SANH. Vì sai một niệm nên hiện đa đoan. Gá hình hài nơi tinh huyết mẹ cha, nương khí âm dương dưỡng nuôi thai nghén. Trong tam tài người đứng giữa, lại hàng chí linh của muôn vật. Chẳng luận kẻ trí người ngu, đều thuộc bào thai bao bọc; hỏi chi một người trăm họ đều trong lò bễ mà ra. Hoặc mặt trời biểu hiện, vua thánh giáng sanh, hoặc các sao ứng điềm, tôi hiền xuất hiện. Văn chương quét sạch ngàn quân, võ lược chiến thắng trăm trận. Trai cậy phong tư ném quả, gái khoe sắc đẹp nghiêng thành. Một trận cười nghiêng nước, hai trận cười đổ thành. Đua danh khoe đẹp, tranh lạ đấu trần, xem ra thấy đều luân hồi, đảo để khó trốn sanh hóa.

Tướng sanh của người là mùa xuân của năm. Hanh thông đang độ tam dương, muôn vật rục màu tươi tốt. Một trời trong sáng, nơi nơi liễu thắm hoa hồng; muôn

dậm phong quang, chốn chốn oanh kêu
bướm lượn.

Kệ rằng :

Trời đất nấu nung vạn tượng thành,
Xưa nay không mống cũng không manh.
Chỉ sai hữu niệm quên vô niệm,
Liên trái không sanh nhận có sanh.
Mũi dắm các hương, lưỡi tham vị,
Mắt mờ chúng sắc, tiếng mê tai.
Lang thang làm khách phong trần mãi,
Ngày cách quê hương muôn dặm trình.

NÚI THỨ HAI

NÚI THỨ HAI LÀ TUỞNG GIÀ. Hình dung thay đổi, khí huyết đã suy, dáng gầy tuổi cao, ăn uống hay sặc thường nghẹn. Tóc xanh má đỏ đổi thành tóc bạc da gà, ngựa trúc áo hoa lại thành gậy cưa xe côi. Dầu rằng mắt sáng như Ly Lô cũng khó phân rành màu sắc; dù cho tai thính như Sư Khoáng cũng khôn nhận rõ âm thanh. Tiều tụy như cây liễu lúc thu về, điêu linh như đóa hoa khi xuân hết. Bóng chiều vừa

ngã non tây, dòng nước sắp chảy về biển đông.

Tướng già của người là mùa hạ của năm. Trời nóng đá chảy muôn vật đều khô, nắng nóng sôi vàng trăm sông sắp cạn. Hoa tàn liễu úa, bờ lạch trong vườn há còn lưu giữ. Bướm lượn oanh bay, dưới lá đầu cành già sắp tới.

Kệ rằng :

Con người kiếp sống tợ phù ôu,
Thọ yếu người trời chớ vọng cầu.
Bóng ngã nương dâu, chiều sắp đến,
Thân như bồ liễu tạm qua thu.
Phan Lang thưở nợ còn xanh tóc,
Lữ Vọng ngày nay đã bạc đầu.
Cuồn cuộn việc đời trôi chẳng đoái,
Vâng ô gác núi, nước trôi xuôi.

NÚI THỨ BA

NÚI THỨ BA LÀ TUÓNG BỆNH - Tuổi đã già khòm, bệnh đến cao hoang. Chân tay mỏi mệt, mạch lạc khó thông, trăm lóng rã rời, nóng lạnh chẳng thuận. Tan

mắt tánh chơn thường, sai lệch nguồn
điều sương. Ngồi đứng khó khăn, co duỗi
đau đớn. Mạng dường ngọn đèn trước gió,
thân như hòn bọt trên sông. Tâm sanh
bóng qui lô nhô, mắt thấy không hoa lốm
đốm. Hình hài gây yếu, ai là Biển Thước
thuốc thang; thân thể hao mòn, nào kẻ Lu
Nhân cứu chữa. Bụng bè luống nhọc viếng
thăm, anh em uống sức nâng đỡ. Bệnh
nặng nhiều tháng chẳng lành, nằm liệt
nhiều tuần chưa khỏi.

Tướng bệnh của người là mùa thu
trong năm. Gặp khi sương lạnh mới rơi,
đến lúc cỏ cây đều héo. Rừng rậm sum sê
một trận gió vàng đã lơ thơ; núi biếc non
xanh, mọc ngọc mới sa liền trơ trọi.

Kệ rằng :

Âm dương trái vận vốn xoay vần,
Gieo rắc tai ương đến thế nhân.
Đại để có thân thì có bệnh,
Ví bằng không bệnh cũng không thân.
Linh đơn chớ cậy trường sanh thuật,
Lương dược khó mong được sống bền.

Sớm nguyện xa lìa ma cảnh giới,
Xoay tâm về đạo, dưỡng thiên chân.

NÚI THỨ TU

NÚI THỨ TU LÀ TƯỚNG CHẾT - Bệnh càng trầm trọng mạng sắp cáo chung. Tuổi thọ mong hưởng trăm năm, thân thể trở thành giấc mộng. Thông minh trí tuệ khó trốn ngày đại hạn sắp sang. Sức mạnh oai hùng đâu chống được khi vô thường đã đến. Thiếp thuận vợ trính trở thành đau thương đứt ruột; anh nhường em kính vợ nên ly biệt suốt đời. Vật mình lặn đất, vổ trán kê trời. Tường hoa nhà rộng có làm chi, ngọc đụn vàng kho rồi cũng bỏ. Dạ đài mù tối, luống nghe gió bắc vi vu, tuyền hộ then gài, chỉ thấy mây sâu ảm đạm.

Tướng chết của con người là mùa đông trong năm. Càn khôn ứng Thái tuế tròn vòng, nhật nguyệt hướng Huyền hiệu hội tụ. Âm tinh cực thịnh, khắp trời mưa tuyết bồi bồi, dương khí tan dần, nước tám đức đóng băng càng lạnh buốt.

Kệ rằng :

Cào đất dùng dùng trận gió hanh,
Lão ngư say tí, chiếc thuyền chành.
Bốn bề mù mịt mây sẫm bóng,
Một dãy lô xô sóng cuộn ghênh.
Theo lớp hạt mưa bay phấp phới,
Dồn nhau tiếng sét nổ đi đoành.
Giây lâu tan bụi, bên trời tạnh,
Trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh ?

NGÔ TẤT TỐ

Bão táp cuồng phong đất bụi bay,
Lão ngư say tí, chiếc thuyền lay.
Bốn bề mây phủ màu đen kịt,
Một dãy sóng gầm tiếng vang tai.
Sấm sập trận mưa ào ạt đổ,
Ì ầm xe sấm nổ vẫn xoay.
Tạm thời bụi lắng, chân trời sáng,
Trăng lặn lòng sông, canh mấy ai ?



GIẢNG

BỐN NÚI

Bốn núi này là y cứ trong kinh, ngài Trần Thái Tông diễn tả cho chúng ta dễ hiểu. Trong Hán tạng, Kinh Tạp A Hàm bài 1147 có nói về bốn núi. Tạng Pali Kinh Tương Ưng Bộ bài 136 (Hoa Thượng Minh Châu dịch) cũng nói về bốn núi. Một hôm vua Ba Tư Nặc đi chinh phạt loạn quân ngoài biên giới, đánh thắng kéo quân về đến gần tinh xá của Phật ông dừng quân lại, đích thân đến lễ Phật. Phật hỏi : Đại vương đi đâu về xem có vẻ nhọc nhằn ? Vua bạch : Con đi chinh phạt bọn ngoại xâm, vừa chiến thắng trở về. Khi nói nhà vua hiện ra kiêu khí của người thắng trận. Đức Phật hỏi : Này Đại vương, nếu có người ở phương đông đến thưa thế này : Tôi thấy một ngọn núi từ phương đông lăn lăn lăn về đây, lăn đến đâu nghiền nát cỏ cây người vật ở đó. Lại có một người phương nam tới cũng thưa : Đại vương có một ngọn núi ở phương nam đang lăn về đây, tới đâu nó đều nghiền nát cây cỏ người vật. Lại phương tây, phương bắc, mỗi phương có một ngọn núi đang lăn về, lăn đến đâu cây cỏ người vật đều bị nghiền nát. Nếu có người báo bốn ngọn núi đang lăn về, tàn sát cây

cổ, người, vật thì Đại vương sẽ cử đội quân nào để đi chinh phục chúng ? Nhà vua bạch : Dầu đội quân có tài trăm trận trăm thắng đi nữa cũng không thể nào chinh phục được bốn núi đó. Phật bảo : Bốn núi đó là sanh, già, bệnh, chết. Dầu cho ai tài giỏi đến đâu, dũng mãnh đến đâu cũng không thắng được, không chinh phục được sanh, già, bệnh, chết mà đều bị chúng nghiền nát. Nghe như thế kiêu khí của nhà vua không còn nữa. Đó là ý nghĩa bốn núi.

Trong chúng ta ai cũng không khỏi bị bốn núi nghiền nát, chúng ta đang thấy nó lăn từ từ gần đến mình. Như hiện nay ba núi sanh, già, bệnh lăn tới tôi rồi, chỉ còn núi thứ tư, núi tử nữa là kết cuộc. Như vậy ai cũng bị bốn núi nghiền nát mà không hay và cũng không ai chống lại được chúng. Thế nên người tu là muốn thoát bốn núi đó, không để chúng nghiền nát. Còn người thế gian bị nó nghiền mãi, sanh ra rồi lại bị nghiền nát, cứ như thế mà muôn đời muôn kiếp không biết bao nhiêu lần khổ đau. Từ ý nghĩa đó Ngài Trần Thái Tông làm bài bốn núi.

"Nguyên là tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có. Do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không. Vọng ấy từ không, không hiện vọng, vọng sanh các sắc. Đã trái không sanh không hóa,

mãi làm có hóa có sanh. Không sanh hóa thì không hóa không sanh, có hóa có sanh nên có sanh có hóa. Hoặc sanh Thánh hiền ngu trí, hoặc hóa vảy cánh lông sùng. Luôn luôn chìm đắm nơi bến mê, mãi mãi trôi lặn trong biển khổ. Mờ mờ mịt mịt nào biết nào hay, rối rắm lằng xằng chẳng tỉnh chẳng ngộ. Trọn là buông tâm chạy đi, đều không nắm mũi kéo về. Khiến đến qua lại sáu đường, xuống lên bốn núi. Bốn núi là : Sanh, già, bệnh, chết. Nay lần lượt trình bày bốn núi để lại đời sau”.

Mở đầu Ngài diễn tả : "Nguyên là tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có". Đọc Kinh Bát Nhã chúng ta thấy rõ tứ đại không thật, năm ấm cũng không thật, nên nói tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có.

"Do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không", tức là do thể không dấy niệm khởi vọng, từ vọng biến thành sắc chất, nên nói sắc chất gốc tự chân không, chứ không phải riêng có. Điều này những nhà khoa học hiện đại dễ tin, vì khi phân tích tột cùng sắc chất, họ thấy là chân không chớ sắc chất không có cái thể riêng. Tóm lại Ngài nói do không khởi sắc, tức là từ không rồi dấy vọng thành sắc, sắc do vọng dấy từ chân không, nên không rời chân không.

"Vọng ấy từ không, không hiện vọng, vọng sanh các sắc". Vọng đó là từ không, không hiện ra vọng, vọng sanh ra các sắc. Nay nói về tâm người tu, trong lúc chúng ta ngồi thiền, nếu không nghĩ gì, lúc đó là không hay là có ? Không nghĩ gì thì thấy như không. Vừa dấy niệm là vọng, vọng cấu kết với hình sắc nên nhớ hình này hình kia, nội tâm chúng ta rõ ràng như vậy. Bên ngoài cũng thế, từ vọng hiện ra các hình sắc, nên :

"Đã trái không sanh, không hóa", lý đáng chân không là không sanh không hóa, nhưng vì trái với nó nên "mãi làm có hóa có sanh", nghĩa là sanh hóa liên tục.

"Không sanh hóa thì không hóa không sanh, có hóa có sanh nên có sanh có hóa". Nếu đứng về mặt không sanh không hóa thì đó là thể, không có hóa sanh gì cả. Lục Tổ thấy được thể đó Ngài mới nói "Bản lai vô nhất vật", không sanh không hóa thì có vật gì ? Nay vì theo có hóa có sanh, nên mọi việc đều thành có sanh có hóa.

"Hoặc sanh Thánh hiền ngu trí, hoặc hóa vảy cánh lông sừng". Sanh hóa là sanh ra người Thánh bậc Hiền, hoặc kẻ trí người ngu sai biệt; hoặc hóa làm chim chóc, tôm cá, trâu bò, các loại.

"Luôn luôn chìm đắm nơi bến mê, mãi mãi trôi lăn trong biển khổ", vì sanh hóa nên cứ chìm đắm

mãi nơi bến mê, lặn lộn trong biển khổ không ra khỏi.

"Mờ mờ mịt mịt nào biết nào hay, rối rắm lằng xằng chẳng tỉnh chẳng ngộ". Như vậy chúng ta sống trong mờ mịt lằng xằng, không một phút giây thức tỉnh.

"Trợn là buông tâm chạy đi, đều không nắm mũi kéo về". Buông tâm chạy đi là phóng tâm chạy theo ngoại cảnh, vì phóng tâm chạy đi nên hóa hóa sanh sanh liên miên không dừng. Trái lại nếu biết nắm mũi kéo về thì không sanh không hóa. Chúng ta bắt đầu nắm mũi kéo về được chưa ? Cố nắm nhưng nó còn giây quá. Nếu kéo được thì trở về không sanh không hóa.

"Khiến đến qua lại sáu đường", khi đã sanh hóa thì lặn lộn trong sáu đường, "xuống lên bốn núi" sanh, già, bệnh, chết. Sở dĩ có bốn núi, là vì chúng ta bỏ chơn không, chạy theo vọng tưởng, từ vọng tưởng tạo thành sắc thân, rồi lặn lộn trầm luân trong biển khổ.

Ngài nói tổng quát kệ bốn núi :

*Bốn núi cheo leo vạn khóm tùng,
Ngộ xong chẳng có, muôn vật không.
Mừng được ba chân lìa có sẵn,
Cỡi lên thúc mạnh vượt cao phong.*

Bài kệ nghe như khó hiểu. "Bốn núi cheo leo vạm khóm tùng" là diễn tả sanh, già, bệnh, chết, cheo leo như ngọn núi cao. Tuy thế nếu "Ngộ xong chẳng có, muôn vật không". Nếu ngộ được lý chân không, mới thấy muôn vật là không thật, chỉ từ vọng sanh.

"Mừng được ba chân lừa có sẵn" tức là mừng được có sẵn con lừa ba chân.

"Cỡi lên thục mạnh vượt cao phong", cỡi lừa ba chân chạy thẳng lên ngọn núi cao tuyết. Có vô lý không ? Cỡi lừa bốn chân không biết có chạy nổi lên ngọn núi không, chứ lừa ba chân làm sao chạy được ? Vì thế bài kệ này mỗi người hiểu mỗi cách.

Con lừa ba chân xuất xứ từ câu chuyện của Ngài Dương Kỳ Phương Hội, đệ tử Ngài Từ Minh. Sử Trung Hoa ghi rõ : Có người tới hỏi Ngài Dương Kỳ : Thế nào là Phật ? Ngài đáp : Con lừa ba chân chạy tứ tung. Ngài Trần Thái Tông mượn câu chuyện đó, nói có sẵn lừa ba chân cỡi chạy thẳng lên ngọn núi cao phong. Trong nhà Thiên, nói đến chỗ cứu kính, đó là chỗ vô lý hay phi lý. Tại sao ? Vì tất cả lý lẽ chúng ta bàn luận ở thế gian đều tương đối, có phải có quấy. Nếu ai nói phải thì cho là hợp lý, nói quấy là phi lý. Nhưng cứu kính tuyệt đối là cái phi lý, tức là cái không suy lường được.

Thường người ta nói tu là làm lành, là giúp kẻ khổ, nhưng đối với chỗ cứu kính, tu lại là buông, là bỏ, buông những niệm tưởng lành dữ, bỏ những tâm thiện ác. Lành dữ thiện ác đều buông sạch thì có lý hay phi lý ? Từ cái phi lý mới đi đến chỗ cứu kính được, còn nằm trong đối đãi thì chưa đến cứu kính. Con lừa ba chân là chỉ cái phi lý. Đạt được cái phi lý mới lên tận ngọn núi cao phong. Trái lại nếu chưa đạt thì chưa lên được. Đó là ý nghĩa thâm sâu trong nhà Thiền.

NÚI THỨ NHẤT

Ngài diễn tả núi thứ nhất, tức là tướng sanh. "Vi sai một niệm nên hiện đa đoan". Sai một niệm tức là từ thể chân không dấy động, có niệm phát ra thì sanh muôn mối. Thế nên chúng ta tu đến chỗ không còn một niệm mới là hết mầm sanh tử. Nếu còn một niệm là hiện đa đoan, tức là hiện đủ tất cả việc.

Từ hiện đa đoan mới lộ thân thức "Gá hình hài nơi tinh huyết mẹ cha, nương khí âm dương dưỡng nuôi thai nghén", do hợp khí âm dương từ đó thai nghén thành hình.

"Trong tam tài người đứng giữa". Trong tam tài thiên địa nhân, người (nhân) ở giữa rất là quan trọng.

"Lại hàng chí linh của muôn vật", lại người là hàng chí linh của muôn vật.

"Chẳng luận kẻ trí người ngu đều thuộc bào thai bao bọc". Dù người ngu hay kẻ trí cũng từ trong bào thai ra.

"Hỏi chi một người, trăm họ đều trong lò bẽ mà ra". Lò bẽ là của thợ trời, trăm họ cùng ở trong đó ra, không ai ở ngoài được.

"Hoặc mặt trời biểu hiện vua thánh giáng sanh, hoặc các sao ứng điềm, tôi hiền xuất hiện". Người xưa hay nói : Mẹ nằm mộng thấy nuốt mặt trời, đó là điềm sanh con làm vua, hoặc thấy có vì sao rơi vào bụng thì sau sanh con là hiền thần.

"Văn chương quét sạch ngàn quân, võ lược chiến thắng trăm trận". Dầu cho người văn chương hay quét sạch cả ngàn quân, hoặc võ giỏi đánh thắng trăm trận, cũng không thoát được cuộc sống chết của thế gian.

"Trai cây phong tư ném quả". Người nam cây nét đẹp của mình làm thiên hạ mê say. Đây là dẫn câu chuyện xưa ở Trung Hoa, sách Tấn thư nói : Ông Phan Nhạc lúc còn trẻ là người đẹp trai nhất ở thành Lạc Dương. Mỗi khi ra đường các cô gái cầm trái cây ném vào xe ông, đi một vòng về thì xe đầy trái. Như vậy sắc đẹp được tán thưởng nhiều, gọi là trai cây phong tư ném quả.

"Gái khoe sắc đẹp nghiêng thành". Nguyên ông Lý Diên Niên đời Hán làm một bài ca trong đó có câu : "Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc", nghĩa là một lần ngoảnh lại làm nghiêng thành, hai lần ngoảnh lại làm nghiêng nước. Đây là tả sắc đẹp tuyệt trần của người nữ.

"Đua danh khoe đẹp, tranh lạ đấu trần". Đấu trần là đem của báu mà so đấu nhau.

"Xem ra thấy đều luân hồi, đáo để khó trốn sanh hóa". Dù đẹp dù tài thế mấy, rốt cuộc cũng luân hồi sanh hóa.

"Tướng sanh của người là mùa xuân của năm". Tướng sanh tương tự như mùa xuân. Mùa xuân rất đẹp, tướng sanh cũng vậy.

"Hanh thông đang độ tam dương, muôn vật rực màu tươi tốt". Tam dương là chỉ mùa xuân có ba tháng thuộc về dương, nên gọi là dương xuân hay tam dương. Mùa xuân muôn vật đều đẹp đẽ tươi tốt, đó là nói theo các nước có bốn mùa, theo miền Nam chúng ta thì không phải vậy. "Một trời trong sáng, nơi nơi liễu thắm hoa hồng, muôn dặm phong quang, chốn chốn oanh kêu bướm lượn". Đó là diễn tả cảnh mùa xuân.

Kệ rằng :

*Trời đất nấu nung vạn tượng thành,
Xưa nay không mống cũng không manh.
Chỉ sai hữu niệm quên vô niệm,
Liền trái không sanh nhận có sanh.
Mũi dấm các hương, lưỡi tham vị,
Mắt mờ chúng sắc, tiếng mê tai.
Lang thang làm khách phong trần mãi,
Ngày cách quê hương muôn dặm trình.*

Bài kệ này rất hay, vừa nói giáo lý, vừa nhắc nhở chúng ta kiếp luân hồi.

*Trời đất nấu nung vạn tượng thành,
Xưa nay không mống cũng không manh.*

Muôn hình tượng trong thế gian do âm dương trời đất mà hiện, trước đó không có manh mối gì.

*Chỉ sai hữu niệm quên vô niệm,
Liền trái không sanh nhận có sanh.*

Con người từ vô niệm dấy lên thành hữu niệm, đó là sai lầm, vừa có niệm liền quên mất vô niệm. Vô niệm là không sanh, dấy thành hữu niệm nên nhận có sanh. Vì thế khi chúng ta nhắm mắt vừa có niệm giận liền đi trên đường đau khổ của sân, có niệm tham thì đi đường khổ của tham, nếu niệm

tịnh được sanh về cõi tịnh. Trái lại vô niệm thì hết sanh, tức vô sanh, thật là rõ ràng.

*Mũi đấm các hương lưởi tham vị,
Mắt mò chúng sắc tiếng mê tai.*

Mũi, lưởi, mắt, tai, bị các trần lôi kéo, nói đủ là sáu trần lôi kéo sáu căn làm chúng ta say mê suốt cả cuộc đời. Vì say mê nên :

*Lang thang làm khách phong trần mãi,
Ngày cách quê hương muôn dặm trình.*

Buồn làm sao ! Cứ làm khách phong trần lang thang trong vòng luân hồi, càng đi càng xa quê hương, đi một đời là xa một dặm, đi trăm ngàn muôn kiếp thì xa trăm ngàn muôn dặm. Nếu chạy theo sáu trần là chấp nhận lang thang làm khách phong trần. Trái lại không dính mắc sáu trần là kẻ xuất trần thượng sĩ. Trong nhà Phật thường tán thán người xuất gia là bậc xuất trần thượng sĩ. Thử hỏi hiện nay chúng ta là kẻ xuất trần hay là khách phong trần ? Tùy chúng ta lựa chọn, nhưng chọn rồi là phải thực hành. Hai câu kết này tôi thích nhất :

*Lang thang làm khách phong trần mãi,
Ngày cách quê hương muôn dặm trình.*

Đi ra là mỗi ngày một xa quê hương. Hình ảnh thật rõ ràng. Tỉ dụ quê hương chúng ta ở Đà Lạt, chỉ đi bộ thôi, mỗi ngày đi bộ xuống miền đông, dù đi dở cũng khoảng mấy mươi cây số. Đi năm này qua năm khác càng đi càng xa tít, quên cả đường về. Trái lại nếu đi chừng năm, ba cây số, giựt mình tỉnh lại, quay trở về thì rất gần. Nếu nhớ quê hương phải trở về sớm, đừng đi nữa !

NÚI THỨ HAI

Núi thứ hai là diễn tả tướng già.

Đọc bài này nghe thật buồn. "Hình dung thay đổi", rất dễ thấy.

"Khí huyết đã suy, dáng gầy tuổi cao, ăn uống hay sặc' thường nghẹn". Đó là diễn tả cảnh già rất cụ thể, nhất là như tôi đây chứng minh điều này rất rõ.

"Tóc xanh má đỏ đổi thành tóc bạc da gà". Ngày trước tóc xanh má đỏ nay đổi thành tóc bạc da gà.

"Ngựa trúc áo hoa lại thành gậy cưa xe côi". Ngựa trúc áo hoa là theo sự tích xưa những đứa bé lấy cành tre làm ngựa chạy giỡn, gọi là ngựa trúc, chúng mặc áo bông gọi là áo hoa. Mặc áo hoa, cỡi ngựa trúc là những trò vui của trẻ con. Nay lại

thành gậy cưu xe côi. Ngày xưa ai sống đến tám mươi tuổi được nhà vua tặng cho cây gậy có hình chim cưu vì chim cưu ăn không mắc nghẹn, để chúc người già ăn không nghẹn. Xe côi là dùng rơm hay cỏ lác buộc dưới bánh cho xe chạy êm để người già đi. Gậy cưu xe côi là chỉ tuổi già.

"Dẫu rằng mắt sáng như Ly Lô cũng khó phân rành màu sắc". Thuở xưa ông Ly Lô mắt rất sáng, nhìn xa trăm bước vẫn thấy được cây kim hay một hạt nhỏ. Thuở trẻ mắt sáng như sao băng, nhưng khi già nhìn thấy lờ mờ.

"Dù cho tai thính như Su Khoáng cũng khôn nhận rõ âm thanh". Su Khoáng ở xa nghe tiếng âm nhạc có thể phân biệt được tai họa hay điềm lành sẽ xảy đến cho người chơi nhạc. Tai thính như Su Khoáng nhưng đến tuổi già cũng khó phân rành được âm thanh.

"Tiêu tụy như cây liễu lúc thu về, điêu linh như đóa hoa khi xuân hết", khi xuân hết, liễu rũ hoa tàn rơi từng cánh.

"Bóng chiều vừa ngã non tây, dòng nước sắp chảy về biển đông". Mặt trời sắp gác núi, nước chảy ra biển đông không trở lại.

"Tuổi già của người là mùa hạ của năm". Tuổi già dụ như mùa hạ trong năm. Mùa hạ thì :

"Trời nóng đá chảy muôn vật đều khô, nắng nóng sôi vàng trăm sông sắp cạn". Chỉ sự nóng bức của mùa hạ.

"Hoa tàn liễu úa, bờ lạch trong vườn há còn lưu giữ. Bướm lượn oanh bay dưới lá đầu cành già sắp tới". Những gì vui thích tới đây sắp tàn không còn nữa.

Kệ rằng :

*Con người kiếp sống tựa phù ôu,
Thọ yếu người trời chớ vọng cầu.
Bóng ngà nương dâu, chiều sắp đến,
Thân như bèo liểu tạm qua thu.
Phan Lang thuở nọ còn xanh tóc,
Lữ Vong ngày nay đã bạc đầu.
Cuốn cuộn việc đời trôi chẳng đoái,
Vẳng ô gác núi, nước trôi xuôi.*

Phù ôu là bọt nước, kiếp sống của con người như bọt nước. Thọ là sống lâu, yếu là chết sớm, thọ yếu ở cõi người cõi trời cũng đừng mong cầu. Dâu sanh cõi trời được sống lâu nhưng rồi cũng chết chớ không tránh khỏi.

"Bóng ngà nương dâu chiều sắp đến", bóng mặt trời đã nghiêng về những bờ dâu, chiều sắp đến.

"Thân như bồ liễu tạm qua thu". Thân như cây
bồ, cây liễu qua mùa thu thì xơ xác.

*Phan Lang thuở nọ còn xanh tóc,
Lữ Vọng ngày nay đã bạc đầu.*

Phan Lang là Phan Nhạc. Thuở nào tóc xanh
đẹp như Phan Nhạc, nay nhìn lại đầu đã bạc như
Lữ Vọng. Lữ Vọng tức là Khương Tử Nha, cũng
gọi là Thái Công Vọng, hay Lã Thượng hay Lữ
Thượng. Lúc chưa gặp Văn Vương ông ngồi câu ở
bến Bàn Khê, đầu tóc bạc phơ, sau Văn Vương mời
ông ra giúp nước. Con người thuở trẻ đầu xanh khỏe
mạnh bao nhiêu, nay đầu bạc yếu đuối bấy nhiêu !

Hai câu cuối nghe rất buồn :

"Cuốn cuộn việc đời trôi chẳng đoái". Đoái tức
là nhìn lại, nghĩa là mọi việc trên đời cứ trôi qua
không nhìn lại, cuối cùng không còn gì nữa.

"Vàng ô gác núi nước trôi xuôi". Mặt trời lặn
sau núi, không còn thấy nữa, nước ra biển đông,
không biết bao giờ trở lại. Như vậy để thấy việc
đời luôn trôi qua, thuở trẻ phô trương sắc tài, tuổi
già đến dần dần, tất cả rồi sẽ mất.

NÚI THỨ BA

Núi thứ ba là tướng bệnh. "Tuổi đã già khòm, bệnh đến cao hoang", đoạn này diễn tả cảnh già rồi bệnh. Cao hoang là trong hông, trong lồng ngực của mình. Bệnh đến hông ngực thì khó trị, gọi là bệnh nan y.

"Chân tay mỗi mệt, mạch lạc khó thông, trâm lóng rã rời, nóng lạnh chẳng thuận". Khi bệnh thì trong thân phần nào cũng chống trái nhau không an ổn điều hòa.

"Tan mất tánh chơn thường, sai lệch nguồn điều sương". Tâm tánh người bệnh rối loạn không còn bình thường nữa. Nguồn điều hòa trong cơ thể không còn thông suốt, mà sai lệch đi rồi.

"Ngồi đứng khó khăn, co duỗi đau đớn". Ngồi đứng đều thấy khó, co duỗi nghe đau đớn vì mang thân bệnh.

"Mạng dường ngọn đèn trước gió, thân như hòn bọt trên sông". Mạng sống lúc bệnh giống như ngọn đèn trước gió, cơn gió mạnh thổi đến đèn tắt ngay (đây chỉ đèn dầu không phải đèn điện). Thân bệnh như hòn bọt nổi, chỉ cần một lượn sóng dập vào thì bể nát. Đoạn này diễn tả tướng bệnh của thân.

Đây nói về tâm bệnh :

"Tâm sanh bóng quỉ lô nhô, mắt thấy không hoa lốm đốm". Khi bệnh trầm trọng thì tâm thấy những chuyện làng xăng ma quái. Cho nên người già khi đau sắp chết, con cháu phải trông ngó chăm nom luôn luôn, nếu không thì nói nhảm, mắt thấy hoa đốm trong hư không.

"Hình hài gãy yếu, ai là Biển Thước thuốc thang ; thân thể hao mòn, nào kẻ Lư Nhân cứu chữa". Thân hình đã gãy yếu có thầy thuốc nào đại tài như Biển Thước để cứu trị hay không ? Theo sách Trung Hoa, Biển Thước là thầy thuốc giỏi nhất thời Chiến Quốc, tên là Tần Việt Nhân. Ông học được phương bí truyền của Trường Tang Quân, đem ứng dụng và hốt thuốc giỏi nhất vào thời đó ; vì vậy nói đến thầy thuốc giỏi ở Trung Hoa ai cũng biết chỉ có Biển Thước. Lư Nhân là tên khác của Biển Thước.

"Bạn bè luống nhọc viếng thăm, anh em uống sức nâng đỡ". Vì đau nặng nên bạn bè chống gậy đến thăm, anh em ra sức bông đỡ.

"Bệnh nặng nhiều tháng chẳng lành, nằm liệt nhiều tuần chưa khỏi". Bệnh lâu ngày không lành, người bệnh nằm chờ chết, cảnh tượng rất là buồn !

"Tương bệnh của người là mùa thu trong năm. Gặp khi sương lạnh mới rơi, đến lúc cỏ cây đều

héo". Tương bệnh được ví như mùa thu trong năm. Thu đến sương lạnh rơi, cỏ cây bắt đầu héo vàng.

"Rừng rậm sum sê, một trận gió vàng đã lơ thơ ; núi biếc non xanh, móc ngọc mới sa liền tro trọi". Mùa thu gió tây thổi, lá cây trong rừng đều rụng hết. Mới khi nào núi biếc non xanh, giờ đây sương móc vừa sa, lá cây rơi rụng, cảnh cây cỏ, hòn núi trở thành tro trọi.

Kệ rằng :

*Âm dương trái vận vốn xoay vần,
Gieo rắc tai ương đến thế nhân.
Đại để có thân thì có bệnh,
Ví bằng không bệnh cũng không thân.
Linh đon chớ cậy trường sanh thuật,
Luong được khó mong được sống bền.
Sớm nguyện xa lìa ma cảnh giới,
Xoay tâm về đạo, dưỡng thiên chân.*

"Âm dương trái vận vốn xoay vần". Khí âm dương không đúng thời tiết nên khiến có sự xoay vần bất thường.

"Gieo rắc tai ương đến thế nhân". Vì âm dương không điều hòa nên con người phải bệnh hoạn.

"Đại để có thân thì có bệnh". Tất cả người đời có thân đều có bệnh, chớ không riêng ai.

"Vi bằng không bệnh cũng không thân". Chi bằng dùng có bệnh cũng dùng có thân, nghĩa là không có thân thì không có bệnh. Chỉ có thân không tương tức là pháp thân mới không bệnh. Còn nhục thân do tứ đại hòa hợp như định phải bệnh. Thế nên người tu muốn bỏ nhục thân để sống với pháp thân không tương.

"Linh đơn chớ cậy trường sanh thuật, lương dược khó mong được sống bền". Dù có thuật trường sanh cũng không còn, dù có thuốc hay bao nhiêu cũng không sống mãi. Như các vị tiên ngày xưa luyện linh đơn và các thứ thuốc trường sanh, đâu có vị nào sống mãi đến ngày nay, sống dai lắm chỉ đến vài trăm tuổi là nhiều !

"Sớm nguyện xa lìa ma cảnh giới". Nếu biết không thoát được cái chết, thì mỗi người chúng ta phải sớm nguyện xa lìa cảnh giới ma, tức là cảnh giới sáu trần đang lôi kéo chúng ta.

"Xoay tâm về đạo dưỡng thiên chân" là xoay tâm trở về với đạo để nuôi dưỡng thiên chân. Thiên chân là cái chân thật không còn sanh diệt, cái đó sẵn có muôn đời, không phải mới tạo nên. Nếu biết xoay tâm về đạo thì thiên chân hiện tiền.

NÚI THỨ TƯ

Núi thứ tư là tướng chết.

"Bệnh càng trầm trọng mạng sắp cáo chung. Tuổi thọ mong hưởng trăm năm, thân thể trở thành giấc mộng". Bệnh trầm trọng đến giờ sắp ra đi. Khi còn mạnh, ai cũng mong sống đến trăm tuổi, nên thường chúc nhau : Sống lâu trăm tuổi, nhưng làm sao được. Con chết sắp đến, ôn lại cuộc đời, giống như giấc mộng, tất cả những gì mình tạo dựng được, nay chỉ là một giấc mộng thôi.

"Thông minh trí tuệ khó trốn ngày đại hạn sắp sang. Sức mạnh oai hùng đâu chống được khi vô thường đã đến". Dù thông minh trí tuệ đến đâu, tới ngày chết cũng không ai trốn khỏi. Dù anh hùng võ tướng, khi vô thường đến cũng phải bó tay không làm gì hơn.

"Thiếp thuận vợ trinh trở thành đau thương đứt ruột ; anh nhường em kính vợi nên ly biệt suốt đời". Ở thế gian khi có thể thiếp trinh thuận, đến lúc ra đi lại càng đứt ruột, vì càng thương càng khổ. Nếu vợ chồng bất hòa khi đi lại ít khổ hơn. Còn anh em hòa thuận kính yêu, khi sắp đi lại càng đau đớn vì ly biệt suốt đời. Người chết đi rồi, người sống ở lại thì sao ?

"Vật mình lặn đất, vôi trún kê trời. Tường hoa nhà rộng có làm chi, ngọc đụn vàng kho rồi cũng bỏ". Người ở lại thì than khóc, đau khổ vô cùng, không sao tả xiết. Người ra đi thì tường hoa nhà

rộng, ngọc đụn vàng kho đều bỏ lại, dẫu có mang theo vật gì !

"Dạ dài mù tối, luống nghe gió bắc vi vu, tuyền hộ then gài, chỉ thấy mây sâu ảm đạm". Một mình ra đi vào chốn dạ dài, là nơi mù tối, gọi là âm ti, chỉ nghe gió bắc lạnh lẽo thổi vi vu. Tuyền hộ then gài tức là cửa huỳnh tuyền then gài đóng chặt, không cho trở lên nữa, không ai bên vực tiếp cứu. Lúc đó nhìn dẫu cũng chỉ thấy mây sâu ảm đạm, buồn bã làm sao ! Vậy mà thế nhân không lo, chỉ nghĩ chuyện sống, không bao giờ nghĩ đến cái chết...

"Tướng chết của con người là mùa đông trong năm". Tướng chết ví như mùa đông mây sâu ảm đạm.

"Càn khôn ứng Thái tuế tròn vòng". Càn khôn vũ trụ ứng với sao Thái tuế, đây là chỉ sao Mộc, xoay quanh mặt trời mười hai năm mới hết một vòng gọi là Thái tuế. Cũng như con người sống mấy mươi năm rồi tử là một vòng, tử rồi lại sanh giống như sao đi một vòng rồi trở lại vậy.

"Nhật nguyệt hướng Huyền diệu hội tụ". Huyền diệu cũng gọi là sao Huyền hào, ở phương bắc, gồm một chòm sao như : sao Hư, sao Ngụy, sao Nữ, sao Tú. Sao Hư ở chính bắc, phương bắc màu huyền nên gọi là Huyền diệu, diệu còn gọi

là hào có nghĩa là hư hao, tức là nói ngôi sao xấu. Thế nên nói : Mặt trời mặt trăng ứng hiện, ngôi sao xấu Huyền diệu trở về chung hợp. Vì vậy :

"Âm tinh cực thịnh, khắp trời mưa tuyết bởi bởi, dương khí tan dần, nước tám đức đóng băng càng lạnh buốt". Nước tám đức là bát công đức thủy, tám đức gồm có : Một là đức trong sạch, hai là đức sanh mát, ba là đức ngọt ngào, bốn là đức mềm nhẹ, năm là đức thấm nhuần, sáu là đức an hòa, bảy là đức trừ đói khát, tám là đức nuôi lớn các căn. Câu này nói : Phần âm cực thịnh nên khắp trời mưa tuyết, khí dương tan dần nên nước tám đức bị đóng băng lạnh buốt.

Kệ rằng :

*Cào đất dùng dùng trận gió hanh,
Lão ngư say tít, chiếc thuyền chành.
Bốn bề mù mịt mây sầm bóng,
Một dãy lô xô sóng cuộn ghènh.
Theo lớp hạt mưa bay phấp phới,
Đồn nhau tiếng sét nổ đi doanh.
Giây lâu tan bụi, bên trời tạnh,
Trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh ?*

Đây là bài dịch của Ngô Tất Tố rất hay nhất là câu cuối : "Trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh ?".

Trong bài kệ này chúng ta có thấy nói gì về chết đâu ! Chỉ diễn tả hình ảnh tượng trưng một cách bóng bẩy thôi.

*Cào đất dùng dùng trận gió hanh,
Lão ngư say tít chiếc thuyền chành.*

Đây nói người sắp chết giống như ngư phủ đang ở ngoài sông thả câu thả lưới xong, nằm ngư say trên chiếc thuyền con. Bỗng một trận bão to gió mạnh dùng dùng thổi tới, thuyền của ông lắc lư chòng chành. Khi đó lại còn :

*Bốn bề mù mịt mây sầm bóng,
Một dây lô xô sóng cuộn ghềnh.
Theo lớp hạt mưa bay phấp phới,
Đồn nhau tiếng sét nổ đi àoành.*

Vừa giông bão, vừa sấm sét, mưa âm ì dồn dập tới, ông ngư phủ một mình trên chiếc thuyền con cảm nhận bao nhiêu nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đây mượn hình ảnh trận bão tố để diễn tả nỗi đau khổ của người sắp chết, bao nhiêu thứ hiểm nguy sợ sệt dồn dập tới, con cháu bên ngoài chỉ biết khóc thôi ! Một mình mình chịu, không ai giúp được, không ai thế được cho mình ! Giống như lão ngư phủ này một mình trên chiếc thuyền con chòng chành sắp lật úp, mà không ai cứu giúp, cuối cùng thì :

*Giây lâu tan bụi bên trời tạnh,
Trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh ?*

Khi trời tạnh nhìn lại chiếc thuyền ông câu đâu rồi ? Nó chìm tận đáy sông, cũng như mặt trăng lặn xuống lòng sông. Hỏi chừng nào gặp lại ông câu ? Đêm mấy canh ? Tức là bao giờ mới gặp lại ? Đây là câu hỏi làm cho mình đau đớn ! Khi tắt thở để vào quan tài, khiêng ra đặt dưới mộ rồi, thì từ giã tất cả, không bao giờ gặp lại. Vì thế câu "Trăng lặn lòng sông, đêm mấy canh ?" làm cho chúng tôi rất đau xót mà thích thú.

Bài kệ này dịch rất hay, nhưng có đôi chữ tôi chưa bằng lòng, tôi dịch lại như sau :

*Bão táp cuồng phong đất bụi bay,
Lão ngư say tí, chiếc thuyền lay.
Bốn bề mây phủ màu đen kịt,
Một dây sóng găm tiếng vang tai.
Sầm sập trận mưa ào ạt đổ,
Ì ầm xe sấm nổ vẫn xoay.
Tạm thời bụi lắng, chân trời sáng,
Trăng lặn lòng sông, canh mấy ai ?*

Canh mấy rồi, hỏi thử xem ai có thể trả lời giùm !

Để kết thúc chúng ta thấy lối diễn tả bốn núi của Ngài Trần Thái Tông rất hay, vừa khéo, vừa văn chương, người đọc không chán mà lại thấm nhuần giáo lý. Ngài là một ông vua cai trị muôn dân mà có thì giờ làm những bài nhắc nhở người sau như thế này, thật là một điều hiếm có, rất xứng đáng chúng ta bái phục. Hiện nay trong nhóm Phật tử, người nào làm việc nuôi bầy tám đứa con được no ấm đầy đủ là giỏi lắm rồi, đâu có thì giờ làm việc văn chương giảng dạy như vậy.

Qua cái nhìn của Ngài Trần Thái Tông về cuộc đời, chúng ta biết rằng không bao giờ ngại vàng và tất cả sự giàu sang sung sướng quyến rũ được Ngài. Nhìn lại chúng ta hiện giờ ở địa vị nghèo thiếu mà cái gì bỏ cũng không đành. Còn Ngài ở ngại vàng mà không nhiễm, thật là hai bên khác nhau biết bao nhiêu ! Ngài là một con người như chúng ta mà gan dạ, nhìn thấu lẽ sinh tử của cuộc đời. Chúng ta cũng là con người mà sao mê muội quá đời, không thấy thấu đáo như vậy. Thế nên chúng ta cố gắng bắt chước Ngài để sửa để tu, đó là điều rất cần thiết cho đời mình.



NÓI RỘNG SẮC THÂN

DỊCH

Hết thầy các người ! Thân là gốc khổ, thể chất là nhân nơi nghiệp, nếu tự cho nó là thật, cũng là nhận giặc làm con.

Các ông nên chín chắn xem, chỉ sắc thân này khi chưa vào bào thai thì nơi nào được có. Bởi do niệm khởi duyên hội, năm uẩn hợp thành, thể mạo vọng sanh, hình dung giả có. Quên thật quên gốc, hiện giả hiện dối, hoặc nữ hoặc nam, hoặc đẹp hoặc xấu. Trọn là buông tâm chạy đi, toàn không một bước trở về, chạy rong trên đường sanh tử, mất tuốt "bản lai diện mục". Do đó, gương mắt nhìn bên ngoài, ai biết xoay đầu ngó lại bên trong. Khi lại, sanh là hóa sanh ; nơi đến, trong mộng nói mộng. Lãng xăng lộn xộn, vội vội vàng vàng, lấy giả làm chơn, trái không đến sắc. Đầu sọ khô cài hoa giắt ngọc, túi da hôi ướp xạ xông hương, cát lùa là che đậy máu tanh, giồi son phấn át thùng phân

thúi. Trang sức như thế trọn là gốc nhớp. Không thể nơi đây tự thẹn, lại hương trong ấy mền yêu.

Hết thầy các người ! Giống hệt con rỗi, đều nhờ sợi tơ kéo rút, đùa đến đùa đi cùng sanh một thứ, sau khi buông đi, thật là đáng chết. Tự khởi muôn việc tính toán, đều do lục tặc công phá. Chẳng lo già bệnh chết đến, chỉ thích sắc tài rượu thịt. Luống đua đầu lằng sừng ốc, cam chịu lợi ràng danh buộc. Trọn ngày dồn sức mong cầu, tối lại trở thành mộng tưởng. Chất chứa nghiệp dơ như giếng, chẳng biết tóc bạc như sương. Một hôm bệnh nặng trầm kha, trăm năm trọn về mộng lớn. Tim gan đau đón dường thể oán thù, thân thể ốm gầy giống như qui đói. Còn muốn cầu đảo sống dai, nào biết sát sinh hại mạng. Chỉ mong biết đời sống như tùng bá, đâu ngờ thân thể ví tựa nhà xiêu. Hồn phách tụy về cõi qui, thi hài vẫn còn ở nhân gian, tóc lông răng móng chưa kịp tiêu, đàm dãi máu me đều chảy trước. Rửa nát thì máu mù chảy trào, hôi hám ất xông trời xông đất, đen nám chẳng dám nhìn, xanh bầm

thật đáng tởm. Chẳng luận giàu nghèo
đồng vào cối chết, hoặc để trong nhà thì
giời đục tửa sinh, hoặc ném ra đường quạ
ăn chó xé. Người đời đều bịt mũi đi qua,
con hiếu thì lấy chiếu mền quấn giấu.
Nhật thu hài cốt, chôn cất thịt xương.
Quan quách phó cho đóm lửa ma trời nơi
hoang dã, mà mồ giao cho muôn dặm núi
sông. Khi xưa tóc đen má ửng, ngày nay
xương trắng tro đen. Khi mưa lệ rơi thì
mây sầu thê thảm, lúc gió buồn thổi thì
trăng sáng hắt hiu. Đêm vắng thì qui khóc
thần sầu, năm dài thì ngựa giày trâu đạp.
Lửa đom đóm lập lòe trong đám cỏ xanh,
tiếng dế ngâm nỉ non cạnh hàng dương
liễu. Bia ghi nửa chìm, rêu xanh phủ, tiêu
phu giậm mãi thành lối mòn. Dầu cho văn
chương cái thế, giả sử tài sắc nghiêng
thành, chung cuộc đâu có đường khác,
cuối cùng cũng chỉ một lối đi. Mắt bị sắc
dẫn trèo lên cây kiếm ; tai theo tiếng lời
tiến lên núi đao ; lỗ mũi ngửi toàn mùi
hôi hám ; trong lưỡi ăn sắt nóng nuốt
hoài ; thân khiếp sợ nước đồng sôi nóng
đội ; ý chua cay vạc dầu sôi nung nấu.

Nhân gian trọn một trăm năm, trong địa ngục mới là sáng tối.

Nếu người tác gia đủ mắt, cần phải sớm gấp hồi quan chuyển thân nhảy khỏi vòng sanh tử, khoảng khảy tay cắt đứt lưới ái ân. Dù là nam hay nữ thấy đều tự được ; dấu rằng trí hay ngu trọn đều có phần. Nếu chưa đạt được Phật tâm, Tổ ý hãy trước nương trì giới tụng kinh. Đến lúc Phật cũng chẳng phải, Tổ cũng chẳng phải, thì giới gì trì, kinh nào tụng. Nơi sắc huyện cũng là chơn sắc, ở thân phàm cũng là thân Phật. Phá sáu thức làm sáu thần thông, đạo tám khổ thành tám tự tại.

Tuy nói thế ấy, mà mỗi người vào trong sắc thân rồi, bỏ đó thật khó thay !

Hết thầy các người ! Chỉ sắc thân này lại làm sao giải thoát ? Nếu chưa giải thoát, cần phải nghe đây :

**Vô vị chân nhân thịt đỏ au,
Hồng hồng bạch bạch chớ lẫn nhau.
Ai hay mây cuộn, không toàn tịnh,
Sương biếc bên trời, một núi xanh.**

GIẢNG

Ngài Trần Thái Tông đối với sắc thân con người có cái nhìn thấu đáo khác hơn người phàm tục chúng ta.

"Hết thầy các người ! Thân là gốc khổ, thể chất là nhân nơi nghiệp, nếu tự cho nó là thật, cũng là nhận giặc làm con".

Đầu tiên Ngài kêu gọi tất cả chúng ta phải thấy thân này là gốc khổ. Thông thường chúng ta nghĩ khổ từ nơi khác đưa lại, nhưng không biết gốc khổ từ nơi thân. Thí dụ như hiện giờ tất cả chúng ta làm lưng khó nhọc mới có cơm ăn áo mặc, vậy lo cơm áo làm việc nhọc nhằn là vì có thân, nên nói gốc khổ từ thân mà ra, song ít ai nghĩ tới điều này !

"Thể chất là nhân nơi nghiệp" tức là thể xác này từ nơi nghiệp mà có, do nghiệp đời trước lành hay dữ, nên mang thân hiện tại khổ hay vui, chứ không phải là sự ngẫu nhiên.

"Nếu tự cho nó là thật, cũng là nhận giặc làm con". Thân do nghiệp tạo mà chúng ta lầm tưởng là thật, đó là chúng ta nhận giặc làm con. Tại sao ? Vì thân là tướng vô thường đau khổ. Nếu cho tướng vô thường đau khổ là mình thật, đó là nhận khổ làm mình, cũng như nhận giặc làm con. Điều sai lầm này

hầu hết chúng ta đều mắc phải. Ai cũng quý tiếc thân, nhưng càng quý tiếc thì càng khổ, vì một ngày nào nó sẽ từ già mình, lúc đó khổ vô cùng !

"Các ông nên chín chắn xem, chỉ sắc thân này khi chưa vào bào thai thì nơi nào được có". Thử hỏi sắc thân chúng ta khi chưa vào thai thì nó ở đâu ? Nó là cái gì ? Như người ba mươi tuổi thì hỏi trước ba mươi một năm mình là cái gì ? Ở đâu ? Đều không biết ! Nếu người sáu mươi tuổi chết rồi, hỏi năm sáu mươi một ở đâu, là cái gì ? Thì nói làm sao ? Như vậy trước khi chưa có, chúng ta không biết nó ở đâu, sau khi hoại rồi cũng không biết nó ra sao ! Thế mà khi có nó thì bắt đầu bám giữ, bảo bọc nó, rồi cuộc càng lo bảo bọc, tạo điều kiện cho nó thỏa mãn, nó hoại càng sớm chớ không đi tới đâu !

"Bởi do niệm khởi duyên hội, năm uẩn hợp thành, thể mạo vọng sanh, hình dung giả có". Chỗ này phải người tu sâu mới hiểu được. Tâm thể chúng ta là trong sạch, thanh tịnh, an ổn, không dao động. "Bởi do niệm khởi duyên hội năm uẩn hợp thành". Từ niệm khởi lên, theo duyên hội hợp mới kết thành năm uẩn, niệm thiện dấy lên thì sanh cõi lành, niệm ác dấy lên thì sanh cõi ác. Vậy gốc sinh tử là do niệm khởi, nhiều người không hiểu tường việc sinh tử do ai áp đặt buộc mình

phải nhận. Như vậy cái thân không phải tự có, gốc từ niệm khởi mà thành.

"Thế mạo vọng sanh hình dung giả có". Hình dung tướng mạo do vọng khởi thành hình, nên là hư giả không thật. Trong nhà Phật nói khi chết nếu chúng ta khởi niệm thiện được sanh cõi lành, khởi niệm ác phải đọa đường dữ, nếu khởi niệm tịnh thì sanh về cõi tịnh. Vậy niệm khởi là duyên để sanh ở đời sau, khi gần chết niệm nào mạnh sẽ dẫn mình đi về cõi đó.

"Quên thật quên gốc, hiện giả hiện dối, hoặc nữ hoặc nam, hoặc đẹp hoặc xấu". Quên thật quên gốc tức là quên bản thể thanh tịnh sáng suốt, rồi dấy niệm. Từ dấy niệm mới hiện ra tướng giả dối nên có thân nam thân nữ, hoặc đẹp hoặc xấu. Thế nhưng tất cả chúng ta khi mang thân nào lại bám vào thân đó cho là thật, rồi tự hào khi thấy mình đẹp, hổ thẹn khi thấy mình xấu, bao nhiêu khổ vui do đó mà sanh nên phải trầm luân mãi mãi. Thân này do niệm khởi hiện ra là tướng động, vì động nên vô thường sinh diệt. Mang thân vô thường sinh diệt mà tự hào mình đẹp mình xinh, quả thật là vô minh tam tối.

"Trộn là buông tâm chạy đi, toàn không một bước trở về, chạy rong trên đường sanh tử, mất

tuốt "bản lai diện mục". Trọn ngày chúng ta buông tâm chạy đi, tức là quên tâm thể thanh tịnh, lại giông ruổi chạy theo vọng niệm duyên hợp sáu trần. "Toàn không một bước trở về" là không có một niệm nào hướng về tâm thể thanh tịnh, suốt ngày mãi duyên theo sắc, thanh, hương, vị ... Sáng sớm thức dậy tìm thức ăn ngon là chạy theo vị, thích nhìn hoa đẹp là chạy theo sắc, muốn nghe lời hay là duyên theo tiếng ... Như vậy chúng ta chạy theo sáu trần, không một bước trở về, không bao giờ quay lại tìm xem tâm thể thanh tịnh mình ở đâu, còn hay mất. Sáu trần là tướng vô thường sanh diệt, đuổi theo sáu trần tức là "chạy rong trên đường sanh tử". Đi trên đường sanh tử thì "mất tuốt bản lai diện mục". Bản lai diện mục là mặt thật ngàn thuở xưa nay, đây là chỉ tâm thể thanh tịnh chưa động, chưa bao giờ sanh diệt. Vì dấy niệm chạy theo sáu trần, tức là chạy theo cái sanh diệt nên mất đi bản lai diện mục của mình. Đến đây chúng ta thấy Ngài Trần Thái Tông nếu không phải là người ngộ đạo thì không làm sao nói được những câu như thế này !

"Do đó, gương mặt nhìn bên ngoài, ai biết xoay đầu ngó lại bên trong". Vì chúng ta chạy theo sáu trần, giông ruổi trên đường sanh tử, nên cả

ngày giương mắt nhìn tướng hư dối bên ngoài, ít khi biết xoay đầu ngó lại bên trong, tức là ngó lại cái thật của chính mình.

"Khi lại, sanh là hóa sanh ; nơi đến, trong mộng nói mộng". Chúng ta có mặt trên cõi trần này đó là khi lại, "sanh là hóa sanh" tức là sự sanh do duyên hợp hóa ra chớ không có thật (không phải hóa sanh như chư thiên trên các cõi trời). Nơi đến tức là cõi chúng ta ở, "trong mộng nói mộng", bởi vì chỗ mình đang ở đối với chúng ta là một thế giới vững chắc vô cùng, nhưng với con mắt của những vị đạt đạo, thế giới này cũng là tướng vô thường. Vì thế Phật bảo thế giới chúng ta đang ở có bốn tướng : Ban đầu mới tạo dựng là Thành, ở một thời gian lâu gọi là Trụ, rồi nó hư hoại từ từ gọi là Hoại, cho đến một ngày tan nát ra là Không. Như vậy đối với chúng ta tuổi thọ thế giới dài, tuổi thọ con người ngắn, nên thấy thế giới là lâu bền, nhưng sự thực nó cũng là giả dối tạm bợ. Chúng ta giữ thân cũng là thân mộng, giữ cảnh cũng là cảnh mộng, không có cái gì bền lâu chắc thật.

"Lăng xăng lộn xộn, vội vội vàng vàng, lấy giả làm chơn, trái không đến sắc". Cả ngày chúng ta người nào cũng lăng xăng lộn xộn ! Sáng sớm vội vàng ăn một ít cơm, rồi vác cuốc đi làm, đến trưa

nghe đánh kiếng vội vác cuốc ra về, tắm rửa ăn trưa, rồi vội vàng đi ngủ. Cứ như thế mà lãng xãng suốt ngày, không có lúc nào bình an tĩnh táo ! Nhất là ở thế gian, sáng vừa thức dậy hấp tấp sửa soạn ăn rồi đi làm, mãn giờ ở sở gấp gáp chạy về bất kể nguy hiểm, đến nhà sửa soạn ăn và nghỉ, thức dậy lại vội vàng đi đến sở, cứ như thế lãng xãng lộn xộn, vội vội vàng vàng !

"Lấy giả làm chơn, trái không đến sắc". Mang thân giả, chấp cảnh giả, tưởng đó là thật. Trăm người như một cho rằng ta là thật, cảnh bên ta là thật, trong nhà Phật danh từ chuyên môn gọi là ngã và ngã sở, cho đó là thật nên nói "lấy giả làm chơn". "Trái không đến sắc" tức là trái với thể thanh tịnh không tướng mạo, rồi đến với hình sắc có tướng mạo. Hình sắc là duyên hợp, vô thường, duyên hợp là giả dối, vô thường là tạm có, lại cho đó là thật, nên nói là "trái không đến sắc".

Đến phần này Ngài Trần Thái Tông nói về sự trau dồi trang sức trên thân người.

"Đầu sọ khô cài hoa giắt ngọc, túi da hôi ướp xạ xông hương, cắt lựa là che dầy máu tanh, giồi son phấn át thùng phân thúi".

"Đầu sọ khô cài hoa giắt ngọc" tức là trên đầu ai cũng là một lớp da tóc bao bọc xương sọ, nếu

lột lớp da ra thì chỉ là một cái sọ khô ! Thế mà trên tóc lại cài hoa giắt ngọc làm đẹp để dễ coi. "Túi da hôi ướp xạ xông hương", vì mang túi da hôi hám nên kiếm xạ hương xông ướp cho thơm để dễ ngửi một chút, đó là cách đánh lừa thiên hạ, gạt lỗ mũi người. Nếu túi da mình thơm mùi hoa sen thì khỏi phải xông ướp xạ hương, vì nó đã tự thơm rồi. Nhưng vì túi da hôi hám nên buộc lòng phải ướp thêm hương. Thí dụ như sáng ngủ thức dậy, chúng ta phải rửa mặt súc miệng đánh răng cho sạch sẽ để bớt đi mùi hôi. Biết thân mình là một dây da tanh hôi cho nên "cắt lụa là che dậy máu tanh", vì máu để ra ngoài thì có mùi tanh nên phải kiếm lụa là che dậy lại cho kín đáo. "Giới sơn phấn át thùng phân thúí", thân là thùng phân thúí cần thoa sơn giới phấn để che khuất cho dễ coi.

Đọc đoạn này chúng ta mới cảm nhận được tinh thần của Ngài Trần Thái Tông. Trong triều đình nhất là trong thâm cung có biết bao nhiêu là cung phi mỹ nữ trang sức lộng lẫy, nào là cài hoa giắt ngọc, ướp xạ xông hương, nào là mặc lụa là giới sơn phấn..., thế mà Ngài thấy tận gốc chỉ là đầu sọ khô, túi da nhớp, máu tanh hôi, thùng phân thúí, chớ không có gì là đẹp để mỹ miều ! Thấy hiểu như vậy Ngài có còn đắm mê những tướng

giả dôi dó hay không ? Chắc là Ngài đã chán đã
tôm lấm rồi ! So lại chúng ta ngày nay lại tìm
những thứ trang sức đẹp đẽ, kiếm những hương
thơm để xông ướp, thật là quá mê muội !

"Trang sức như thế trọn là gốc nhớp. Không
thể nơi đây tự thẹn, lại hướng trong ấy mền yêu".
Các thứ trang sức đều là để che đậy thân nhớp
nhúa thôi, không có gì là quý. Biết rõ bản chất thân
người dơ xấu gớm ghê như vậy phải tìm cách che
đậy nó lại, sao không biết hổ thẹn, lại còn tự hào
mền yêu nó nữa, thật là mê lầm quá đáng.

"Hết thấy các người ! Giống hết con rối, đều
nhờ sợi tơ kéo rút, đùa đến đùa đi, cùng sanh một
thứ, sau khi buông đi, thật là đáng chết". Như con
rối chúng ta cho nó nhảy múa là do kéo rút sợi
dây ở bên trong, chớ thực ra nó không có múa nhảy
chi hết. Nếu buông sợi dây ra thì nó đứng xuôi xì,
không còn cử động nữa thật như đáng chết. Thân
của chúng ta cũng giống như con rối vậy, nghĩa là
thân này còn tinh thần nương tựa vào thì nó nhảy
múa làm đủ động tác, đến khi tinh thần rời ra thì
thể xác cứng đờ như một khúc gỗ, không có nghĩa
gì. Cuộc sống lãng xãng của chúng ta chẳng qua
là do duyên hợp của cơ thể, giống như cái máy,
khi ấn nút thì chạy nhảy lãng xãng, khi buông nút
thì dừng lại. Thân chúng ta là kết tụ cả thể xác

lẫn tinh thần làm tất cả các hoạt động, khi tinh thần rời thể xác, lúc đó như khúc cây khô, không nghĩa lý gì. Thân này còn gọi là cơ thể tức là máy thân, nó hoạt động như một cái máy vậy. Thí dụ như máy xe cần có xăng nhớt mới chạy được, không đòi hỏi loại xăng nhớt hảo hạng. Máy thân của chúng ta cũng vậy. Khi bao tử trống hoạt động không nổi, lúc đó chỉ cần vài chén cơm hay một khúc bánh mì bỏ vào bao tử là máy chạy rồi, giả sử như cơm nguội hay bánh mì khô cũng được, không đòi hỏi phải có thức ăn thơm ngon bao tử mới chấp nhận. Sở dĩ chúng ta cực khổ làm thức ăn ngon đủ mùi vị là do cái lưỡi, đó chẳng qua là thỏa mãn cảm giác nhỏ mọn tầm thường, chứ không phải là điều cần thiết.

"Tự khởi muôn việc tính toán, đều do lục tặc công phá". Chúng ta tính toán lãng xăng, tất cả đều do lục tặc công phá. Lục tặc tức là sáu căn, khi tiếp xúc với sáu trần sanh ưa thích, như mắt thích sắc đẹp, tai thích tiếng hay, mũi thích mùi thơm, lưỡi thích vị ngon v.v..., nên các lo toan tính toán hằng ngày của chúng ta đều do sáu tên giặc này phá phách không cho chúng ta được yên ổn.

"Chẳng lo già bệnh chết đến, chỉ thích sắc tài rượu thịt". Chẳng lo già bệnh chết đến, chỉ thích đắm theo sắc đẹp, tiền bạc rượu thịt. Cả ngày chỉ

lo có bao nhiêu việc đó mà quên đi cái già bệnh chết đã chờ chực một bên mình.

"Luống đua đầu lẳng sừng ốc, cam chịu lợi ràng danh buộc. Trọn ngày dồn sức mong cầu, tối lại trở thành mộng tưởng". Luống đua theo những việc tạm bợ nhỏ nhoi như đầu con lẳng, con nhặng (con ruồi xanh), sừng con ốc sên. Đây là chỉ chúng ta đua chạy theo những chuyện rất tầm thường nhỏ mọn, rồi cam chịu sự buộc ràng của danh lợi chớ không có ích gì ! Trọn ngày cứ mong cầu hết điều này đến điều khác, mong cầu nhiều mà chưa được toại nguyện, nên tối ngủ những điều mơ ước biến thành cảnh mộng.

"Chất chứa nghiệp dơ như giếng, chẳng biết tóc bạc như sương. Một hôm bệnh nặng trằn kha, trăm năm trọn về mộng lớn". Nghiệp xấu chứa chất nhiều như giếng sâu bao nhiêu cũng chưa đầy, không nhớ trên đầu tóc đã bạc như sương, tức là cái già đã đến, mà chỉ nhớ tạo nghiệp thôi. Tất cả chúng ta thấy cái mê muội của con người thật quá lắm, già chết duỗi gập bên mình mà không bao giờ thức tỉnh, chỉ tạo nghiệp mãi mãi không dừng. Đến khi gập con bệnh nặng nằm liệt trên giường không thể tới lui đi đứng được nữa, mới biết "trăm năm trọn về mộng lớn". Những tưởng tuổi thọ được trăm năm, nhưng khi sắp chết ôn lại cuộc đời giống như

giấc mộng đêm qua. Những gì mình đã tạo, bao nhiêu danh lợi, bao nhiêu thân bằng quyến thuộc v.v..., khi sắp lâm chung nhớ lại đâu còn gì, chẳng qua là một giấc mộng lớn mà thôi.

"Tim gan đau đón đường thể oán thù, thân thể ốm gầy, giống như quả dói. Còn muốn cầu đảo sống dai, nào biết sát sinh hại mạng. Chỉ mong biết đời sống như từng bả, đâu ngờ thân thể ví tựa nhà xiêu". Đây tả cơn bệnh nặng, tim gan hành hạ mình đau đón đường như oán thù, muốn cắt bỏ nó đi. Thân thể gầy ốm nằm liệt trên giường, giống như quả dói. Lại đi hỏi thầy bùa thầy pháp cầu cho hết bệnh, phải làm bò làm trâu cúng thì họ sẽ trị cho. Muốn được sống dai lại còn giết hại sinh mạng, đó là điều rất trái với lẽ thật. Chỉ mong đời sống của mình bền vững lâu dài như cây tùng cây bách sẽ xanh tươi mãi mãi ; đâu ngờ thân thể khi sắp tàn ví tựa nhà xiêu, chỉ một cơn gió nhẹ thổi qua cũng đủ sập rồi.

"Hồn phách tuy về cõi quỷ, thi hài vẫn còn ở nhân gian, tóc lông răng móng chưa kịp tiêu, đàm dãi máu me đều chảy trước. Rửa nát thì máu mủ chảy trào, hôi hám ất xông trời xông đất, đen nám chẳng dám nhìn, xanh bầm thật đáng tởm". Khi tắt thở hồn phách đi về cõi quỷ, bởi vì khi sống không tạo duyên lành, không tạo nghiệp tốt, nên

khi chết phải đi vào cõi quỷ hay cõi địa ngục. Khi hồn phách đi rồi thì hài vẫn còn ở nhân gian, chất cứng như tóc lông răng móng chưa kịp tiêu, còn chất nước như đàm dãi máu me đều chảy ra trước. Nếu thân chết chưa kịp chôn thì sẽ rữa nát, máu mủ chảy trào, hôi hám xông trời xông đất, ai đi qua cũng phải bịt mũi đi mau, da đen nám chẳng dám nhìn, xanh bầm thật đáng tởm. Giả sử sắc đẹp như Tây Thi mà chết năm ba hôm chưa chôn, cũng chỉ là cái thây ma hôi thúi. Khi sống dường như thân thuộc ruột rà, lúc chết lại sợ không dám đến gần nhìn kỹ, như vậy tình nghĩa gì, chỉ là tạm bợ mà thôi.

"Chẳng luận giàu nghèo đồng vào cõi chết, hoặc để trong nhà thì giòi đục tủa sinh, hoặc ném ra đường qua ăn chó xé. Người đời đều bịt mũi đi qua, con hiếu thì lấy chiếu mền quấn giấu". Dù giàu hay nghèo ai ai rồi cũng chết, nếu để trong nhà thì giòi đục tủa sinh, nếu bỏ ra ngoài đường thì quạ ăn, chó xé, không được toàn thây. Mùi hôi thúi xông lên, người đi ngang chịu không nổi phải bịt mũi, con hiếu thảo thương xót kiếm mền chiếu quấn kỹ che kín lại.

"Nhặt thu hài cốt, chôn cất thật xương. Quan quách phó cho đóm lửa ma trôi nơi hoang dã, mã mô giao cho muôn dặm núi sông". Khi chôn cất xong

rồi thì đêm đến thấy lửa ma trời lốm đốm nơi hoang dã, mờ mả để mặc nằm đó không ai lui tới, một năm trở lại thăm một lần, đó là hiệu để lẩn rồi.

"Khi xưa tóc đen má ửng, ngày nay xương trắng tro đen. Khi mưa lẹ rơi thì mây sâu thâm thắm, lúc gió buồn thổi thì trăng sáng hắt hiu". Đây mới ôn lại, khi xưa tóc đen nhánh má ửng hồng, ngày nay thì xương trắng tro đen, xưa nay khác nhau biết là bao nhiêu ! Năm mờ nằm giữa đồng hoang gặp lúc mưa rơi như lẹ, thì mây sâu buồn thắm vô cùng, khi gió buồn thổi, thì trăng sáng hắt hiu cô quạnh. Khi sống con cháu đầy nhà, chết rồi ra nằm ngoài đồng vắng một mình, không ai lai vãng ngó ngang, phó cho gió táp mưa sa.

"Đêm vắng thì quỷ khóc thần sầu, năm dài thì ngựa giày trâu đập. Lửa dom đóm lập lòe trong đám cỏ xanh, tiếng đế ngâm nỉ non cạnh hàng dương liễu. Bia ghi nửa chìm, rêu xanh phủ, tiêu phu giậm mãi thành lối mòn". Khi đêm vắng nghe những âm thanh buồn bã như tiếng quỷ khóc thần sầu. Trải qua nhiều năm tháng, mờ mả bị ngựa giày trâu đập, vì các chú mục đồng thả trâu ngựa đi ăn trong đám mộ. Trong đám cỏ xanh rậm rạp chỉ thấy lửa dom đóm chớp chớp lập lòe, hoặc nghe tiếng đế ngâm nỉ non dưới hàng dương liễu. Tấm bia ghi tên họ người mất lâu ngày bị chìm hết phân

nửa dưới đất, phân nửa trên còn lại bị rêu xanh che phủ. Các chú tiêu phu vạch cỏ đi, giậm mãi thành lối mòn cho người qua lại.

"Dầu cho văn chương cái thể, giả sử tài sắc nghiêng thành, chung cuộc dầu có đường khác, cuối cùng cũng chỉ một lối đi". Dù cho văn chương cái thể ai nghe cũng quý cũng trọng, dù cho sắc đẹp nghiêng thành ai nhìn cũng mến cũng yêu, nhưng rốt cuộc rồi đi tới đâu, cuối cùng chỉ đi tới cái chết, không có con đường nào khác !

"Mắt bị sắc dẫn trèo lên cây kiếm ; tai theo tiếng lôi tiến lên núi đao; lỗ mũi ngửi toàn mùi hôi hám ; trong lưỡi ăn sắt nóng nuốt hoài ; thân khiếp sợ nước đồng sôi nóng dội ; ý chua cay vạc dầu sôi nung nấu. Nhân gian trọn một trăm năm, trong địa ngục mới là sáng tối". Hằng ngày mắt chúng ta đắm đuối nhìn theo sắc đẹp, nên khi nhắm mắt sức mê sắc đẹp dẫn chúng ta trèo lên cây kiếm, bị lưỡi kiếm cắt da xẻ thịt ; tai mê đắm tiếng hay, nên khi chết nghiệp lôi trèo lên ngọn núi đao ; mũi dính mùi nên nó lôi mình đến chỗ tanh hôi như nhớp ; lưỡi thích vị ngon nên phải ăn những hòn sắt nóng ; thân thích những xúc chạm vừa ý thì bị nước đồng sôi dội trên thân ; còn ý ưa cay nghiệt với mọi người sẽ bị vạc dầu sôi nung nấu. Đây là nói các họa do sáu căn đắm

luyện sáu trần, kết quả phải chịu những khổ đau như vậy ! Ở nhân gian sống được một trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm trong địa ngục chịu những khổ đau dồn dập, ở địa ngục cả ngàn năm thì bằng ở nhân gian cả triệu năm, chịu khổ sao cho thấu. Nếu chúng ta đắm mê theo sáu trần tạo nghiệp hung dữ ác độc, thì phải đọa địa ngục chịu đau khổ không biết là bao lâu, nên cái vui quá ngắn mà cái khổ quá dài. Thế mà người đời dẫu có sợ dẫu có tỉnh, cứ đua tìm cho được những gì vui thích, quên đi cái khổ lâu dài phải chịu ở ngày mai.

Đoạn văn trên Ngài Trần Thái Tông diễn tả đời người chúng ta từ khi mới sinh ra đến lúc già bệnh rồi kết cuộc là chết. Sau khi chết sẽ chịu đau khổ như thế nào, Ngài đều diễn tả đầy đủ cho chúng ta thấy rõ. Đến đây Ngài mới đánh thức chúng ta

"Nếu người tác gia đủ mắt, cần phải sớm gấp hồi quan, chuyển thân nhảy khỏi vòng sanh tử, khoảng khảy tay cắt đứt lưới ái ân". Nếu là người tác gia đủ con mắt sáng, tác gia là người có trí tuệ thấy rõ được lẽ thật, có thể hướng dẫn chỉ dạy cho người khác, đủ con mắt sáng tức là đủ con mắt trí tuệ, "cần phải sớm gấp hồi quan", hồi quan là xoay lại xem xét chính mình, chữ hồi quan có giá trị rất

sâu đậm trong Phật giáo. Bởi vì chúng ta sống mà đuổi theo sáu trần, là chúng ta lệ thuộc bên ngoài, chạy theo cái vô thường sinh diệt. Khi bị lệ thuộc ngoại trần rồi, chúng ta lại bị chi phối bởi những tâm niệm tham sân si. Đuổi theo được là tham, không được thì lòng sân nổi dậy ; rồi từ cái mê muội không thấy được lẽ thật, đuổi theo nắm bắt sáu trần, chúng ta gây tạo không biết bao nhiêu tội nghiệp, phải chịu bao nhiêu cảnh khổ ở ngày mai. Thế nên nếu là người trí tuệ sáng suốt, phải xoay lại nhìn xem thân này là thật hay giả, kể đó nhìn lại xem những tâm niệm mình là thật hay giả. Thấy rõ được bản chất không thật của thân và những tâm niệm rồi, chúng ta mới tìm được cái chân thật không niệm dấy khởi của mình, đó là cái chân thật bất sanh bất diệt, mà trong nhà Thiền gọi là "bản lai diện mục"; trở về nơi đó chúng ta mới thoát được vòng sanh tử. Vậy nếu chúng ta muốn nhảy khỏi vòng sanh tử, thì phải nhanh như khoảnh khắc móng tay cắt đứt hết lưới ái ân. Ái là yêu mến, là quyến luyến, ràng buộc giữa người này với người kia, cho nên có yêu mến là có buộc ràng ! Giả sử có hai người làm bạn với nhau, nếu mến nhau nhiều tức có sự buộc ràng. Hướng nữa hai người khác phải yêu nhau, lại thêm con cái trói buộc làm sao gỡ nổi ! Vậy nếu chúng ta quyết tâm nhảy khỏi vòng sanh tử thì phải cắt nhanh cho đứt hết lưới ái ân.

"Dù là nam hay nữ thầy đều tu được ; dẫu rằng trí hay ngu trọn đều có phần". Dù là người nam hay người nữ ai cũng tu được, dù là người trí hay người ngu cũng đều có phần, việc tu không dành riêng cho ai. Trên đường tu của mở rộng, ai cũng có thể tiến vào, nhưng với điều kiện là phải can đảm nhìn rõ lại mình, rồi phải cắt đứt hết những sợi dây ân ái buộc ràng.

"Nếu chưa đạt được Phật tâm Tổ ý, hãy trước nương trì giới tụng kinh. Đến lúc Phật cũng chẳng phải, Tổ cũng chẳng phải, thì giới gì trì, kinh nào tụng". Nếu chúng ta chưa ngộ được tâm Phật, chưa thấu suốt được ý Tổ, thì trước phải rán giữ giới và tụng kinh. Đến lúc Phật cũng chẳng phải, Tổ cũng chẳng phải, đó chính là lúc nhận ra "bản lai diện mục" tức là mặt thật xưa nay của mình. Đã là mặt thật xưa nay của mình thì đâu phải là của Tổ, đâu phải là của Phật, nói của Phật là trật, nói của Tổ là sai, cho nên nói : "Phật cũng chẳng phải, Tổ cũng chẳng phải", mà chính là bản lai diện mục của mình, Sống được với cái đó rồi thì nói gì trì giới, nói gì tụng kinh. Tại sao ? Vì sống với bản lai diện mục thì không có niệm khởi, không niệm khởi thì đâu có phạm giới. Có niệm thì có niệm thương niệm ghét, niệm danh niệm lợi, không có niệm thì còn gì phải trì giới. Còn tụng kinh là nhắc

lại lời Phật để tỉnh giác, nếu đã sống với cái tỉnh giác thì nhắc lại lời Phật cũng là dư, cho nên tới đó rồi thì còn kinh gì mà tụng. Vì thế chúng ta phải hiểu thật rõ, đừng hiểu lầm, chưa tới chỗ mà không cần trì giới, không cần tụng kinh, đó là nói sai không đúng lẽ thật. Khi nào chúng ta hằng sống được với bản lai diện mục rồi, chừng đó cũng không phải Phật, cũng không phải Tổ, nói gì là trì giới tụng kinh.

"Nơi sắc uẩn cũng là chơn sắc, ở thân phàm cũng là thân Phật". Khi ấy ngay trong sắc uẩn này cũng là chơn sắc, ngay nơi thân phàm tục này cũng là thân Phật. Tại sao ? Vì mê tưởng huyền là thật nên bị huyền mê hoặc, khi tỉnh rồi biết là huyền, từ sắc huyền thấy được cái chân thật nên gọi là chơn sắc. Còn ngay thân phàm mà chúng ta tưởng là thật, nên thân này hoại diệt chúng ta đau khổ. Nếu ngay thân phàm này, chúng ta nhận ra bản lai diện mục, đó là thấy thân Phật, chớ không có đâu khác.

"Phá sáu thức làm sáu thần thông, đạo tám khổ thành tám tự tại". Khi ngộ rồi thì phá sáu thức làm thành sáu thần thông. Như sáu căn mất tại mũi lưỡi thân ý, do thức duyên theo sáu trần nên thành lục tặc. Khi sáu căn không còn vọng thức duyên theo sáu trần, thấy nghe mà không dính

mắc đó là phá lục tặc thành lục thông, hay là phá sáu thức thành sáu thân thông.

"Đạo tám khổ thành tám tự tại", tám khổ là sanh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc và ngũ ấm xí thạnh khổ, tức là thân năm ấm này là khổ. Khi chúng ta mê thì có bốn cái khổ của thân : vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh. Trong Kinh Niết Bàn dạy, khi ngộ được pháp thân thì được bốn tự tại là thường, lạc, ngã, tịnh. Còn đối với tám khổ, được tám tự tại, Kinh Niết Bàn dẫn tám tự tại là :

- 1.- Một thân hiện nhiều thân như số vi trần.
 - 2.- Một thân vi trần ở khắp cõi đại thiên.
 - 3.- Thân Phật lớn đến cả các thế giới.
 - 4.- Phật hiện vô số thân.
 - 5.- Sáu căn hỗ dụng.
 - 6.- Phật đạt được tất cả pháp mà như không được.
 - 7.- Phật thuyết pháp một bài kệ trải vô số kiếp.
 - 8.- Thân khắp các nơi như hư không.
- Đây là tám tự tại khi đạt được pháp thân.
- Đoạn khác nói về Pháp giới thứ đệ, có tám tự tại là :

- 1.- Hay từ lớn mà thu lại nhỏ.
- 2.- Hay từ nhỏ mà hóa ra lớn.
- 3.- Hay nhẹ nhàng vượt đi trong hư không.
- 4.- Hay tự tại, nghĩa là tùy muốn đi trong không, xuống nước hay vào đất đều tự tại.
- 5.- Hay có chủ tức là mình làm chủ tự tại đối với tất cả những cái bên ngoài.
- 6.- Hay đến xa tức là vừa nghĩ là đến.
- 7.- Hay động tức là mình làm cả thế giới chuyển động gọi là lục chủng chấn động, đó đều là do sức thần thông của mình.
- 8.- Tùy ý nghĩa là tùy ý muốn làm gì cũng được.

Như vậy nếu chúng ta khéo tu thì từ lục tặc biến thành sáu thần thông, từ tám khổ biến thành tám tự tại. Đó là tự mình chuyển chở không ai thay cho mình mà chuyển được, điều này hết sức rõ vậy.

"Tuy nói thế ấy, mà mỗi người vào trong sắc thân rồi, bỏ đó thật khó thay". Tuy giảng nói như vậy, nhưng trên sự thật khi mang sắc thân này rồi muốn bỏ nó là chuyện không phải giản đơn, thật là cay đắng.

"Hết thầy các người ! Chỉ sắc thân này lại làm sao giải thoát ? Nếu chưa giải thoát, cần phải nghe

dây". Mỗi người chúng ta phải giải thoát sắc thân này, nhưng làm sao giải thoát ? Nếu chưa được giải thoát, cần phải nghe bài kệ sau đây :

*Vô vị chon nhon thịt đỏ au,
Hong hong bạch bạch chó lằm nhau,
Ai hay mây cuộn, không toàn tịnh,
Suong biếc bên trời, một núi xanh.*

Bốn câu kệ này rất là thâm thúy.

"Vô vị chon nhon" là từ của Tổ Lâm Tế. Một hôm Tổ Lâm Tế ở trước hội chúng nói : "Các người hãy nghe, nơi cửa mặt các người có vô vị chon nhon thường ra vào". Vô vị chon nhon là người chon thật không có ngôi vị, không có chỗ nơi, vô vị chon nhon cũng tức là tên khác của bản lai diện mục, từ trong cửa mặt chúng ta ra vào. Như vậy ai cũng có vô vị chon nhon, từ khác là tâm thể thanh tịnh. Tâm thể này không tướng mạo, nên không chỗ nơi, không ngôi vị, đó là chon nhon, con người chon thật. Chon nhon ở ngay nơi thân thịt đỏ au này, nơi thân thịt máu mỡ này không phải tìm kiếm nơi nào khác.

"Hong hong bạch bạch chó lằm nhau". Hong là đỏ, bạch là trắng. Ngay nơi thân thịt có những hình sắc hoặc đỏ hoặc trắng, đừng có lằm nó, nghĩa là đừng mắc kẹt ở khối thịt đỏ au, mà phải thấy được

vô vị chơn nhơn ở trong đó. Nếu thấy khối thịt đỏ mang màu sắc trắng hồng rồi có yêu có ghét đó là lầm, rồi chìm đắm trong cái lầm mà phải khổ.

Đến hai câu kết :

*Ai hay mây cuộn, không toàn tịnh,
Sương biếc bên trời, một núi xanh.*

Có ai biết rằng khi mây cuộn hết chỉ có hư không hoàn toàn trong sạch. Bên trời mù sương đã tan, chỉ còn bầu trời trong, lúc đó ngọn núi xanh hiện sừng sững trước mắt chúng ta.

Trong bài kệ trên, hai câu đầu chủ yếu Ngài Trần Thái Tông muốn cho chúng ta hiểu rõ ngay nơi thân thịt hôi hám bản thủ của chúng ta có một cái chân thật sẵn ở trong ấy. Chúng ta đừng lầm nhùng màu sắc của thân thịt này để rồi phải tạo nghiệp chịu khổ. Khi chúng ta hết lầm thân này, những ý niệm đen tối đã tan vỡ, lúc đó giống như mây bị cuộn đi chỉ còn một khoảng hư không trong sạch. Chúng ta nhìn nơi vùng sương mù đã tan rồi một ngọn núi xanh hiện ra rõ ràng. Ngọn núi xanh để chỉ cái gì ? Sương mù để nói cái gì ? Sương mù có thể là hình dáng của khối thịt đỏ au, hay của thân tứ đại, hay những tâm cuồng loạn của chúng ta. Khi những tâm niệm cuồng loạn đã lặng yên rồi, chúng ta sẽ thấy ngọn núi bất động

sùng sụng trước mắt. Ngọn núi là chỉ bản lai diện mục sẵn có tự thừa nào của chúng ta, hay nói cách khác là chỉ vô vị chơn nhơn sùng sụng ở trước mắt.

Qua bài "Nói rộng sắc thân" chúng ta thấy vua Trần Thái Tông có cái nhìn rất thấu đáo, Ngài diễn tả đầy đủ về con người phàm tục mà chúng ta đang mê đắm. Ngài tuần tự chỉ cảnh sanh già bịnh chết của con người và cuối cùng chỉ ra một lối đi, một lẽ thật để chúng ta biết mà tu, hầu vượt khỏi mọi mê muội lầm lẫn. Thoát khỏi các mê muội lầm lẫn chúng ta sẽ đến chỗ giác ngộ an lành thanh tịnh.

Đọc bài này chúng ta thấy Ngài Trần Thái Tông tuy là vua ngồi trên ngai vàng mà Ngài có cái nhìn tường tận về bản chất con người, không bị những tài sắc danh lợi quyền rủ đến phải mờ mịt như những vị vua khác.



RỘNG KHUYÊN PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

DỊCH

Ở đời cái quý tột chỉ là vàng ngọc mà thôi. Nhưng xét kỹ chỗ quý tiếc ấy, chẳng bằng thân mạng. Ví như có người giàu sang được phong làm đại tướng, dùng vàng ròng làm giáp để che đỡ cho thân. Đến khi lâm chiến binh đao bị thua, hoặc cởi giáp ném gươm mà chạy, mong được thân mạng an toàn mà thôi, giáp vàng ròng đâu rảnh nghĩ tiếc. Mới biết, cái quý vàng ròng chẳng bằng cái quý thân mạng, đây là thực vậy.

Ngày nay thì không thế, trái lại quý vật kia mà khinh thân này. Chẳng biết thân này khó được có ba. Thế nào là ba ?

1. Trong lục đạo chỉ có người là quý, đến khi nhắm mắt đi rồi, mờ mờ mịt mịt chẳng biết chỗ đến. Hoặc vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la chẳng

được làm người. Đây là cái khó được thứ nhất.

2. Đã được làm người, lại sinh nơi mọi rợ, tằm thì đồng sông, ngủ thì chung giường, trật tự tôn ty không có, nam nữ lẫn lộn, chẳng được phong tục nhân thuần, chẳng nghe chư Thánh giáo hóa. Đây là cái khó được thứ hai.

3. Đã được sanh nơi phồn thịnh mà sáu căn không đủ, thân thể tật nguyên, mù, điếc, câm, ngọng, què, thọt, còng, gù ; miệng mũi hôi tanh, thân hình như nhớp. Thầy chẳng được gần, chúng chẳng được thân. Tuy ở nơi phồn thịnh dường thế ở ngoài quê vắng. Đây là cái khó được thứ ba.

Nay đã làm người, được sanh nơi phồn thịnh lại đầy đủ sáu căn, đâu chẳng là quý sao ? Người đời luôn luôn đuổi theo con đường danh lợi, luống nhọc xác tổn thân, đem thân mạng rất quý báu này làm tội tứ cho tiền của đáng khinh. Sánh với người ăn bánh quên vợ, ngậm cơm quên môi nào có khác gì. Tuy thân mạng thực

là quý trọng, vẫn chưa quý trọng bằng đạo tối cao. Cho nên Khổng Tử nói : "Sớm nghe đạo chiều chết cũng vui". Lão Tử nói : "Tôi sợ dĩ có họa lớn, vì tôi có thân". Thế Tôn thuở xưa cầu đạo xả thân cứu cạp đói. Dâu chẳng phải ba bậc Thánh nhân đều khinh thân mà trọng Đạo đó sao ? Than ôi ! Thân mạng thật là quý trọng còn phải xả để cầu Vô thượng Bồ đề, huống là vàng ngọc, tiền của đáng khinh mà lại tiếc sao ? Ôi trong ấp mười nhà vẫn có người trung tín, huống là cả thế gian há không có người thông minh sáng suốt hay sao ? Đã nghe lời này, cần phải gắng học, chớ nên nghi ngờ chậm trễ. Kinh nói : "Một phen mất thân người, muôn kiếp chẳng được lại", thật là thống thiết. Cho nên Khổng Tử nói : "Người không chịu làm, tôi chẳng làm gì, cam đành thôi vậy".

Rõ ràng thời gian trăm năm, toàn ở trong sát na, thân huyền tứ đại dâu thế lâu dài. Mỗi ngày chìm đắm trong trần lao, mỗi lúc nghiệp thức càng mênh mông vô tận. Chẳng biết một tánh viên minh, luống theo sáu căn tham dục. Công danh cái thế

cũng chỉ là một trường đại mộng, phú quý
kinh nhân khó khỏi vô thường hai chữ.
Tranh nhân tranh ngã rốt cuộc thành
không, khoe giỏi khoe hay cứu cánh chẳng
thật.

Gió lửa khi tan không già trẻ,
Núi sông bại hoại mấy anh hùng.

Đầu xanh chưa mấy lúc tóc bạc đã sớm
điểm sương ; ngày vui vừa đến thì ngày
điều cũng đi theo. Một bao máu mủ nhiều
năm khổ luyện ân tình, bảy thước hình
hài buông lòng tham mê tài bảo. Thở ra
khó mong được hít vào, ngày nay không
bảo đảm ngày mai.

Sông yêu chìm nổi lúc nào trôi,
Nhà lửa đốt thiêu bao giờ tắt ?

Chẳng nguyện vượt ra lối nghiệp, chỉ
vì chưa có công phu. Vua Diêm La chợt
truy tìm, Thôi tướng công há cho triển
hạ. Ngoái đầu nhìn người thân chẳng
thấy, đến đây rồi nghiệp báo tự mang. Quỉ
vương ngục tốt mặc sức khảo tra, cây
kiếm núi đao khôn chống đỡ. Hoặc nhất

dưới ngọn núi lửa, hoặc giam trong núi Thiết Vi. Vào vạc dầu sôi muôn kiếp ngàn đời, bị chặt chém một đao thành hai khúc. Đói nuốt hoàn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi. Suốt ngày luôn chịu khổ đau, năm trăm kiếp chẳng thấy hình bóng. Trả xong tội nghiệp, trở vào luân hồi. Bỗng mất thân người khi trước, trở lại mang lấy dây da. Đội lông mang sừng, hàm sắt dây yên, lấy thịt nuôi người dùng mạng trả nợ. Sanh bị khổ đao bằm chày nện, sống bị nạn nước sôi lửa bỏng. Hằng chứa oán thù, thay nhau ăn nuốt. Khi đó mới hối hận, học đạo không nhân. Chi bằng ngày nay tu tập, chớ để đời này trôi qua.

Đức Phật Thích Ca trước bỏ hoàng cung đi thẳng vào núi Tuyết. Cư sĩ Bàn Long Uẩn đem gia tài đổ xuống biển sâu. Chân Vũ chẳng thiết ngôi vua chỉ cầu tu hành. Lữ Công đã làm thân tiên vẫn còn tham vấn. Tô Đông Pha thường gần Phật Ấn, Hàn Văn Công lại lễ Đại Diên, Bùi Công bị đoạt hốt nơi Thạch Sương, Phòng Tương hỏi pháp ở Quốc Nhất. Diệu Thiện không nhận phò mã, thành Phật chẳng ngờ. Lục

Tổ mới gặp khách nghe kinh liền tỉnh ngộ. Đạo Thiên nếu không thú vị, Hiền Thánh sao chịu qui y. Hoa Lâm cảm hóa hai cọp theo luôn. Đầu Tử có ba con chim báo sáng. Lý Trưởng giả giải kinh mà thiên trù dâng cơm. Tu Bồ Đề ngồi yên mà Đế Thích tán hoa. Đạt Ma một chiếc dép về tây. Phổ Hóa rung chuông bay đi. La Hán đến tham vấn với Hòa Thượng Ngưỡng Sơn. Nhạc Đế qui y với Thiên sư Tư Đại. Cảnh Sơn đến nay vẫn được Long Vương thỉnh cúng. Tuyết Phong ngày xưa hay sai người gõ phá non. Đây là những nguyên do để nghiệm biết, chớ tự khinh mà lui sụt.

Chôn hoang còn nghe Bá Trượng nói pháp. Loài ốc sò vẫn biết hộ Kinh Kim Cang. Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật được hóa làm con trời. Năm trăm con dơi nghe tiếng pháp thấy được làm Hiền Thánh. Mãng xà nghe sám hối được sanh thiên. Rồng nghe kinh mà ngộ đạo. Chúng là loài vật còn hay lãnh ngộ, huống là người sao chẳng hồi tâm.

Hoặc có người vui đầu trong ăn uống, qua mất một đời. Hoặc có người trên

đường tu hành lầm lẫn, mà không thức tỉnh. Đâu biết tánh giác Bồ đề mỗi mỗi viên thành, nào hay căn lành Bát Nhã người người đầy đủ. Chớ luận đại ẩn tiểu ẩn, thôi phân tại gia xuất gia. Chẳng cuộc người tăng kẻ tục, chỉ cốt nhận được bản tâm. Vốn không có nam nữ, đâu cần chấp tướng. Người chưa rõ đối chia tam giáo, liễu được rồi đồng ngộ nhất tâm. Nếu hay phản chiếu hồi quang, đều được kiến tánh thành Phật.

Huống là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nếu muốn vượt khỏi vòng quanh lục đạo, chỉ có con đường tắt nhất thừa. Cần tìm chánh kiến, chớ tin tà sư. Ngộ rồi mới là vào cửa, hành được mới hay thoát tục. Bước bước đạp đến đất thật; đầu đầu đều đội hư không. Khi dùng thì muôn cảnh toàn bày, buông đi thì máy bụi chẳng lập. Vượt đến chỗ không còn tương quan sanh tử, cơ liễu ngộ qui thân nhìn chẳng ra.

Là phạm là thánh đồng vào đường này, hoặc oán hoặc thân cùng chung một lỗ mũi. Thật ngộ như thế, còn kẹt giữa

**đường. Thôi nói tam huyền hương thượng,
cốt rõ một câu rốt sau. Hãy nói hiện nay
cái gì là "một câu rốt sau ?"**

**Non xanh chốn ấy nhìn trời rộng,
Sen đỏ nở rồi nghe mùi thơm.**

GIẢNG

Trong bài này Ngài Trần Thái Tông khuyên chúng ta phải phát tâm Bồ đề, tức là phải phát tâm cầu giác ngộ.

"Ở đời cái quý tốt chỉ là vàng ngọc mà thôi. Nhưng xét kỹ chỗ quý tiếc ấy chẳng bằng thân mạng. Ví như có người giàu sang được phong làm đại tướng, dùng vàng ròng làm giáp để che đỡ cho thân. Đến khi lâm chiến binh đao bị thua, hoặc cởi giáp ném gươm mà chạy, mong được thân mạng an toàn mà thôi, giáp vàng ròng đâu rảnh nghĩ tiếc. Mới biết, cái quý vàng ròng chẳng bằng cái quý thân mạng, đây là thực vậy".

Trước tiên Ngài nói cái quý của thân mạng con người. Người thế gian không ai không quý vàng bạc, vàng bạc tuy rất quý, nhưng khi tai nạn đến với thân, người ta không còn quý vàng bạc nữa, chỉ nghĩ đến thân mà thôi. Ví dụ như một viên tướng ra trận mang giáp bằng vàng, khi thất trận phải

bỏ chạy, giáp vàng nặng quá, sợ bị giặc đuổi bắt chặt đầu, bấy giờ phải cởi giáp vàng ném đi, miễn chạy khỏi chết thì thôi. Như vậy thân mạng quý trọng hơn vàng.

"Ngày nay thì không thế, trái lại quý vật kia mà khinh thân này". Nhưng thời nay có nhiều người đem thân để cầu được vàng bạc, nghĩa là xem nhẹ thân mà quý trọng vàng. Thí dụ như những người ăn trộm ăn cướp, dám đem thân đến chỗ hiểm nguy, có khi bị đánh bị giết, mà không lo sợ, miễn được vàng bạc thôi. Họ quý vàng bạc hơn thân mạng, đó là sai lầm, vì thân quý hơn vàng mà họ lại đem thân đổi lấy vàng !

"Chẳng biết thân này khó được có ba. Thế nào là ba ?

1. Trong lục đạo chỉ có người là quý, đến khi nhắm mắt đi rồi, mờ mờ mịt mịt chẳng biết chỗ đến. Hoặc vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la chẳng được làm người. Đây là cái khó được thứ nhất". Trong lục đạo, được thân người là một cái khó. Nếu lấy tiêu chuẩn Phật dạy để đối chiếu, khi con người mất thân này có dễ được lại thân người nữa hay không ? Đức Phật nói : "Ai giữ tròn năm giới, bảo đảm được làm người". Nếu năm giới khuyết đi, nghĩa là chỉ giữ hai hay ba giới thì có thể mất thân người, nếu khuyết trọn vẹn thì hoàn

toàn không được làm người. Như vậy trong năm giới, chúng ta thử kiểm lại xem có ai giữ trọn được chưa ? Khuyết chừng một phần tư, một phần tám còn khả dĩ, nếu khuyết trọn vẹn hoặc ba, bốn phần thì thật khó trở lại làm người. Vì thế trong lục đạo, nhất là ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và đường thứ tư là A tu la, con người dễ rơi xuống, còn hai đường người và trời, ít được trỗi lên. Trong sáu đường, mà bốn thua hai thắng, thì dễ gì đi con đường thắng, nên đa số mất thân này khó tìm lại được. Vậy được thân người là cái khó thứ nhất.

"2. Đã được làm người, lại sinh nơi mọi rợ, tăm thì đồng sông, ngủ thì chung giường, trật tự tôn ty không có, nam nữ lẫn lộn, chẳng được phong tục nhân thuần, chẳng nghe chư Thánh giáo hóa. Đây là cái khó được thứ hai". Nếu được làm người mà sanh vào những nơi không đầy đủ văn hóa, phải sống trong hoàn cảnh hỗn mang, không tôn ty trật tự, không phong tục nhân thuần, đó là cái khó thứ hai.

"3. Đã được sanh nơi phồn thịnh mà sáu căn không đủ, thân thể tật nguyên, mù, điếc, câm, ngọng, què, thọt, còng, gù ; miệng mũi hôi tanh, thân hình như nhóp. Thấy chẳng được gần, chúng chẳng được thân. Tuy ở nơi phồn thịnh dường thế ở ngoài quê vắng. Đây là cái khó được thứ ba".

Được thân người mà bị tật nguyên sáu căn không đầy đủ, chẳng được gần thầy, chẳng gần chúng bạn, đây là cái khó được thứ ba.

Như vậy ba cái khó được là :

1. Được thân người đối với lục đạo là khó.

2. Được thân người mà ở nơi phần thịnh là khó.

3. Được thân người, ở nơi phần thịnh mà không bị tật nguyên là khó. Hiện giờ tất cả chúng ta có qua được ba cái khó đó chưa ? Tương đối cũng qua được rồi, như vậy hạnh phúc biết mấy mà không chịu hưởng, lại đi tìm hạnh phúc khác. Có khi vì tìm hạnh phúc mà bị tật nguyên khổ ải.

"Nay đã làm người, được sanh nơi phần thịnh lại đầy đủ sáu căn, đâu chẳng là quý sao ?" Chúng ta được làm người một cách trọn vẹn vượt qua ba cái khó rồi, thật là đáng quý.

"Người đời luôn luôn đuổi theo con đường danh lợi, luống nhọc xác tổn thân, đem thân mạng rất quý báu này làm tội tớ cho tiền của đáng khinh. Sánh với người ăn bánh quên vợ, ngậm cơm quên môi nào có khác gì". Người đời chạy theo danh lợi nên khổ nhọc thân xác, hao tổn tinh thần, đem thân quý báu làm tội tớ cho tiền của đáng khinh, đó là sai lầm lớn. Sánh với người ăn bánh quên vợ đâu có khác, tức là chỉ người thấy lợi nhỏ mà

quên tình nghĩa thiết tha. Ngậm com quên môi là nhớ com quên môi, com là tạm thời, môi là lâu dài, tức là chỉ cái ngu muội của con người, nhớ việc nhỏ mà quên việc lớn.

"Tuy thân mạng thực là quý trọng, vẫn chưa quý trọng bằng đạo tối cao". Đoạn trên Ngài Trần Thái Tông kết tội những người quý tài vật mà quên thân mạng, đó là kẻ ngu. Đến đây Ngài nói thêm, thân mạng tuy quý, nhưng vẫn chưa bằng đạo tối cao. Thật vậy thân mạng rất quý nhưng đạo tối cao còn quý trọng hơn.

"Cho nên Khổng Tử nói : Sớm nghe đạo chiều chết cũng vui. Lão Tử nói : Tôi sở dĩ có hoạn lớn, vì tôi có thân. Thế Tôn thuở xưa cầu đạo xả thân cứu cạp dối. Đâu chẳng phải ba bậc Thánh nhân đều khinh thân mà trọng Đạo đó sao ?"

"Khổng Tử nói : Sớm được nghe đạo chiều chết cũng vui", tức là quý đạo hơn thân. Còn Lão Tử nói : Có thân này là có hoạn lớn, nếu không có thân thì mới hết hoạn. Vậy hai vị Thánh nhân đều coi thường thân mạng.

"Đức Thế Tôn thuở xưa cầu đạo, xả thân cứu cạp dối". Đây là câu chuyện tiền thân của đức Phật. Thấy cạp dối, Ngài thương nên lăn mình xuống hố cho cạp ăn, đó là xả thân cứu cạp dối. Người thế

gian coi thân là quý, nhưng các bậc Thánh thì khinh thân quý đạo, nên các Ngài xả thân để cầu đạo. Chúng ta chẳng nghe người xưa nói : Tu là xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo đó sao ! Nhưng ngày nay lại khác hơn, nhiều khi đi tu bỏ cái nghèo vào chùa để làm giàu, đó là xả bần cầu phú rồi. Xưa nói : Xả thân cầu đạo, nay lại nói : Xả đạo vị thân, nghĩa là coi thường đạo mà trọng thân hơn, đó là những điều lầm lẫn, thật trái với đạo nghĩa.

"Than ôi ! Thân mạng thật là quý trọng còn phải xả để cầu Vô thượng Bồ đề, huống là vàng ngọc, tiền của đáng khinh mà lại tiếc sao ?" Đây là lời than, thân mạng thật là quý còn phải xả để cầu giác ngộ, sao lại còn tiếc vàng ngọc tiền của là cái đáng khinh. Cho nên người tu mà còn tiếc tiền của bạc vàng là không đúng.

"Ôi trong ấp mười nhà vẫn có người trung tín, huống là cả thế gian há không có người thông minh sáng suốt hay sao ?" Người xưa nói : Trong ấp có mười nhà, vẫn có một người trung tín, huống nữa cả thế gian này không có người nào sáng suốt thấy được lẽ thật này hay sao ? Lẽ thật này là lẽ khinh tiền của, khinh thân mạng mà quý trọng đạo vậy, đây là lẽ thật ít người thấy được.

"Đã nghe lời này, cần phải gắng học, chớ nên nghi ngờ chậm trễ. Kinh nói : "Một phen mất thân

người, muôn kiếp chẳng được lại", thật là thống thiết. Cho nên Khổng Tử nói : "Người không chịu làm, tôi chẳng làm gì, cam đành thôi vậy". Ngài Trần Thái Tông khuyên mỗi người chúng ta phải rán tu hành, cần mẫn học tập, chớ có nghi ngờ làm chậm trễ con đường tu của mình. Trong kinh dạy : Một khi mất thân người, muôn kiếp không được trở lại. Thế mà chúng ta được thân người không cố gắng tu sao ? Lời khuyên này thật là thống thiết. Khổng Tử dạy : Việc của mỗi người tự làm, nếu người không chịu làm, không chịu tu, dù cho bậc Thánh nhân muốn giúp cũng không giúp được, nên cam đành thôi vậy, không biết làm sao hơn !

"Rõ ràng thời gian trăm năm, toàn ở trong sát na, thân huyền tứ đại đâu thể lâu dài. Mỗi ngày chìm đắm trong trần lao, mỗi lúc nghiệp thức càng mênh mông vô tận". Thời gian tuổi thọ chúng ta tưởng là sống được trăm năm, nhưng cơ thể chuyển đời từng giây phút, từng sát na, không phải đợi đến trăm năm mới thay đổi. Thân chuyển từng sát na thì thân là huyền hóa, tứ đại này làm sao bền vững lâu dài được. Mỗi ngày chúng ta chìm đắm trong bụi trần lãng xăng, tức là chìm đắm trong sáu trần, thì nghiệp thức càng mờ mịt, càng mênh mông vô tận, không biết đâu là manh mối. Cho

nên chúng ta phải sớm lo tu hành để thoát khỏi trần lao nghiệp thức.

"Chẳng biết một tánh viên minh, luống theo sáu căn tham dục". Chúng ta không thức tỉnh, không biết rằng nơi mỗi người có một tánh tròn sáng, trong kinh thường dụ như hạt minh châu, gọi là tánh viên minh. "Luống chạy theo sáu căn tham dục", tức là sáu căn đuổi theo sáu trần nên chúng ta bị sáu trần lôi kéo dẫn dắt đi không làm chủ được.

"Công danh cái thế cũng chỉ là một trường đại mộng, phú quý kinh nhân khó khỏi vô thường hai chữ". Dù được công danh tốt thế gian cũng chỉ là một trường đại mộng, dù cho giàu sang tốt đỉnh người nghe phải giật mình, cũng khó thoát được hai chữ vô thường, tức là khó trốn được cái chết.

"Tranh nhân tranh ngã rốt cuộc thành không, khoe giỏi khoe hay cứu cánh chẳng thật". Nếu chúng ta còn thấy nhân ngã là quý, là cao, thì còn tranh hơn thua với nhau. Nhưng nhân ngã rốt cuộc cũng thành không, giỏi hay cứu cánh đều không thật. Hai câu kệ sau đây cảnh tỉnh chúng ta :

*Gió lúa khi tan không già trẻ,
Núi sông bại hoại mấy anh hùng.*

Gió lửa tan rồi, tức là thân tứ đại rã tan, lúc đó không nói già nói trẻ nữa, già trẻ đều tan không có khác nhau. Khi con vô thường đến sông núi đều bại hoại, còn mấy kẻ anh hùng ! Trong bài nói về Bốn núi, dù cho những đội quân hùng mạnh đến đâu cũng không chống đỡ được bốn núi sinh, già, bệnh, chết. Thế nên khi vô thường đến, anh hùng thế mấy cũng là vô nghĩa.

"Đầu xanh chưa mấy lúc tóc bạc đã sớm điểm sương, ngày vui vừa đến thì ngày điếu cũng đi theo". Những câu này nghe xót xa làm sao ! Xót xa cho thân phận của chính mình. Đầu xanh chưa bao lâu thì tóc đã điểm sương. Như hiện giờ, chú Tăng Ni tuy nói còn nhỏ nhưng đầu đã điểm sương, còn tôi tóc đã bạc như tuyết. Từ tóc xanh thành tóc bạc không có bao lâu.

"Ngày vui vừa đến thì ngày điếu cũng đi theo". Ngày vui là ngày sinh, nên nói mừng sinh nhật. Nhưng có sinh thì có tử, nên vừa mừng ngày sinh, lại sửa soạn lo ngày điếu, chứ có lâu đâu. Thế mà người đời chẳng nhớ, đến bảy mươi tuổi cũng lo ăn mừng sinh nhật, không nghĩ tới ngày điếu của mình.

"Một bao máu mủ nhiều năm khổ luyện ân tình, bấy thuốc hình hài buồng lòng tham mê tài bảo. Thở ra khó mong được hít vào, ngày nay không

bảo đảm ngày mai". Trong kinh nói thân này là một dây da máu mủ, nhưng chúng ta không nhớ, do bao máu mủ này mà phải nhiều năm khổ luyện ân tình vì thương vì ghét. "Bảy thước hình hài buồng lòng tham mê tài bảo", mang thân bảy thước (thước ta ngày xưa) mà không nhớ, chỉ lo ham mê tài bảo. "Thở ra khó mong được hít vào", một khi thở ra tưởng như hít vào là dễ, nhưng đến lúc nghẹt thở muốn hít vào rất khó, cho nên không ai bảo đảm cuộc sống mình được lâu bền. "Ngày nay không bảo đảm ngày mai", chúng ta cứ tính việc phải làm ở ngày mai, nhưng sự thật ngày mai chưa bảo đảm. Sống ngày nay biết ngày nay, còn ngày mai phải chờ xem, không biết có mặt mình hay không. Nói nghe buồn nhưng đó là một lẽ thật.

Đoạn này kết thúc bằng hai câu thơ :

*Sông yêu chìm nổi lúc nào thôi,
Nhà lửa đốt thiêu bao giờ tắt.*

Sông yêu dịch từ chữ ái hà trong nhà Phật. Chúng ta chìm đắm mãi trong sông yêu biển ái biết đến chừng nào thôi dứt. Nhà lửa tam giới thiêu đốt chúng ta đến bao giờ mới tắt. Hai câu kết này là lời nhắc nhở cảnh tỉnh chúng ta phải mau mau thoát khỏi sông yêu đang nhận chìm và nhà lửa tam giới đang thiêu đốt chúng ta.

"Chẳng nguyện vượt ra lối nghiệp, chỉ vì chưa có công phu. Vua Diêm La chợt truy tìm, Thôi tướng công há cho triển hạn". Sở dĩ chúng ta không thoát được lối nghiệp lại bị nghiệp dẫn vì công phu tu hành chưa có bao nhiêu. Nếu không thoát được nghiệp, một ngày kia Vua Diêm La cho lệnh truy tìm, Thôi tướng công cũng không cho triển hạn. Tướng công họ Thôi là chỉ quỷ vô thường trong nhà Phật. Trong sử các Thiền sư có câu chuyện quỷ vô thường tìm thầy Tri sự. Khi xưa ở một Thiền viện, công việc quá bề bộn, thầy Tri sự siêng năng làm công tác không có thời giờ tu. Một hôm quỷ vô thường tới mời đi, Thầy hoảng hốt nói : Tôi làm Tri sự mấy năm nay không rảnh để tu, xin ông về tâu lại với Diêm Vương hoãn cho tôi một tuần lễ, để tôi có thời giờ tu hành. Quỷ vô thường nể tình về tâu lại, Vua Diêm Vương bằng lòng. Ngang đó thầy Tri sự buông tất cả việc và tu gấp rút. Đến đúng kỳ hẹn, quỷ vô thường trở lại, tìm không ra thầy Tri sự nữa. Bấy giờ thầy Tri sự ở đâu ? Chúng ta cũng rần tập như vậy, khi làm việc thì làm tận lực, lúc buông việc thì tu gấp, như vậy mới giỏi mới hay, nếu không chịu tu, tướng công họ Thôi cũng không triển hạn được.

"Ngoái đầu nhìn người thân chẳng thấy, đến đây rồi nghiệp báo tự mang. Quỷ vương ngục tốt

mặc sức khảo tra, cây kiếm núi đao khôn chống đỡ". Khi bị quỷ vô thường dẫn đi, quay đầu nhìn lại tìm người thân chẳng thấy một ai. Một thân một mình ra đi, còn ở nhân gian người thân đang khóc. Khi xuống đến Diêm đài, đã tạo nghiệp gì phải tự chịu nghiệp ấy, không có ai thay thế cho mình. Bị quỷ vương ngục tốt khảo tra, chịu đủ cực hình đau đớn, trèo lên cây kiếm núi đao, không thể nào chống đỡ được.

"Hoặc nhốt dưới ngọn núi lửa, hoặc giam trong núi Thiết Vi. Vào vạc dầu sôi muôn kiếp ngàn đời, bị chặt chém một đao thành hai khúc. Đói nuốt hoàn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi. Suốt ngày luôn chịu khổ đau, năm trăm kiếp chẳng thấy hình bóng". Hoặc bị nhốt thiêu trong núi lửa, hoặc bị giam ép trong núi Thiết Vi. Có khi bị quăng trong vạc dầu sôi không biết bao lâu, hoặc bị đao chặt chém thành hai khúc. Đói thì nuốt hoàn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi, trải qua năm trăm kiếp chịu khổ đau trong địa ngục.

"Trả xong tội nghiệp, trở vào luân hồi. Bồng mát thân người khi trước, trở lại mang lấy dây da. Đội lông mang sừng, hàm sắt dây yên, lấy thịt nuôi người dùng mạng trả nợ". Trả xong tội nghiệp lại trở vào luân hồi bị các dư báo : Trước là người nhưng tạo tội bị xuống địa ngục, trả xong quả báo

còn các dư báo, mất thân người khi trước lại mang thân các loài vật. Hoặc làm thân trâu ngựa, hoặc làm lợn chó vịt gà, dùng mạng trả đền nợ cũ.

"Sanh bị khổ dao bằm chày nện, sống bị nạn nước sôi lửa bỏng. Hằng chứa oán thù, thay nhau ăn nuốt". Khi sanh làm loài vật, hoặc bị dao bằm chày nện, hoặc bị nước sôi lửa bỏng. Làm thân bò lợn bị dao bằm thịt, làm thân dê nai, bị chày nện cho mềm, làm gà vịt bị nhúng nước sôi ... Khi xưa mình giết họ, họ oán hận mình, bây giờ họ giết mình, mình oán hận lại, cứ như thế mà chứa thù chất oán, ăn nuốt lẫn nhau mãi mãi không cùng.

"Khi đó mới hối hận, học đạo không nhân. Chi bằng ngày nay tu tập, chớ để đời này trôi qua". Đến khi này mới hối hận tại sao trước kia chúng ta không cố gắng học đạo đến nơi đến chốn, nay không có cơ hội học đạo phải chịu khổ đau, có ăn năn cũng không kịp nữa. Chi bằng ngay bây giờ phải rán tu tập chớ để đời này trôi qua. Đây là lời khuyên nhắc chúng ta phải mau mau thức tỉnh gắng tu, nếu không tu phải theo nghiệp chịu khổ vô cùng, hết kiếp này sang kiếp khác làm thân súc vật để đền trả nợ trước.

Đến đây Ngài Trần Thái Tông dẫn những sự tích để chỉ việc học đạo rất là quý trọng.

"Đức Phật Thích Ca trước bỏ hoàng cung đi thẳng vào núi Tuyết". Khi xưa đức Phật do thức tỉnh, Ngài bỏ cung vàng, điện ngọc, ngôi vua, đi vào núi Tuyết tu khổ hạnh cho đến quên thân.

"Cư sĩ Bàn Long Uẩn đem gia tài đồ xướng biển sâu". Ông Bàn Long Uẩn là một nhà Nho giàu có, khi hiểu đạo rồi, ông đem tiền của bạc vàng đồ xướng sông Tương, chỉ lo tu hành mà thôi.

"Chân Vũ chẳng thiết ngôi vua chỉ cầu tu hành". Chân Vũ là một vị Thái tử nước Trịnh Lạc đời Hán, khi sanh ra có nhiều điềm lạ. Lớn lên có chí trừ khử tà ma, vượt biển đông gặp thiên thần trao cho cây bảo kiếm. Chân Vũ tu luyện ở núi Đông Hải bốn mươi hai năm thành công, ngay ban ngày bay lên không, vâng lệnh Thượng đế trấn thủ phương bắc. Vốn tên là Huyền Vũ, sau đổi là Chân Vũ. Đây là một vị Thái tử vì ham tu mà bỏ cả ngôi vua.

"Lữ Công đã làm thần tiên, vẫn còn tham vấn". Đây là câu chuyện tiên. Lữ Công tức là Lữ Đồng Tân, trong sách có một bài viết Lữ Đồng Tân đầu Phật. Lữ Đồng Tân quê ở Hà Dương, sinh khoảng Thiên Bảo nhà Đường, dòng họ làm quan, ông mấy phen thi Tiến sĩ không đậu, chán nản dạo núi Hoa Sơn, gặp Hán Chung Ly là Lang tướng nhà Tấn trấn loạn nơi đây, ông xin ở lại và học pháp dưỡng sinh. Chung Ly muốn độ Lữ Đồng Tân, trước dùng

tài thí, một hôm Đồng Tân đứng hầu, Chung Ly lượm một hòn đá lấy thuốc bôi vào liền thành vòng tặng cho Tân nói để đi đường bán xài. Tân hỏi : Cái này có hoại chăng ? Ly nói : Năm trăm năm mới hoại. Tân liền ném đi nói : Khi khác làm lầm người. Ly lại thử Tân bằng sắc đẹp, sai Tân vào núi hái thuốc, Ly hóa ra túp lều tranh có một cô gái đẹp, cô gái thấy Tân vui mừng đón tiếp nói : Chồng tôi mất đã lâu, nay gặp quân tử mong không bỏ tôi, bước lại gần muốn nắm tay. Tân lấy tay gạt ra nói : Chớ đem cái dây nhóp đến gần ta. Người nữ ấy biến mất hiện Hán Chung Ly. Hán Chung Ly liền dạy cho Tân thuật kim đơn và phép Thiên tiên kiếm. Từ đây Tân được đạo đi tự tại, làm thi rằng :

Triều du Nam Việt, mộ Thương Ngô,
Tụ lý thanh xà đả khí thô,
Tam nhật Nhạc Dương nhơn bất thức,
Lãng ngâm phi quá Động Đình hồ.

Dịch :

*Sớm chơi Nam Việt, xế Thương Ngô,
Trong áo thanh xà gan mật thô,
Đương Nhạc ba ngày người chẳng biết,
Ngâm to bay thẳng Động Đình hồ.*

Sau Tân đến yết kiến Hòa Thượng Long Nha,
hỏi : Thế nào là đại ý Phật pháp ? Long Nha đáp
bằng bài kệ :

Hà sự triều sấu dữ mộ sấu,
Thiếu niên bất học lão hoàn tu,
Minh châu bất thị Ly long tích,
Tự thị thời nhân bất giải cầu.

Dịch :

*Chi phải sớm buồn với chiều buồn,
Thiếu thời không học, lão hối sông,
Minh châu nào phải Ly long tích,
Chỉ tại người đòi chẳng biết cầu.*

Tân nhơn đạo núi Hoàng Long ở Nhạc Châu,
thấy mây đỏ vòng quanh, nghi có dị nhân ở, liền
vào chùa gặp Thiên sư Hối Cơ Siêu Huệ đang
thượng đường. Cơ biết có dị nhân thâm ẩn dưới
tòa, liền to tiếng bảo : Trong chúng có người trộm
pháp. Tân ngang nhiên ra hỏi : Trong một hạt lúa
chứa thế giới, trong nổi nửa thăng nấu núi sông,
hãy nói ý chỉ này thế nào ? Cơ đáp : Quý giữ thầy
chết. Trong dãy Tân vẫn có thuốc trường sanh, Tân
nói : Trong dãy vẫn có thuốc trường sanh bất tử
thì sao ? Cơ đáp : Dù trải tám muôn kiếp trọn là
roi trong không vong. Tân bất bình ra đi, đến nửa

dêm phi kiếm hại Cơ. Cơ đã biết trước, lấy pháp y trùm đầu ngồi tại phương trượng, kiếm đến bay quanh mấy vòng, Cơ lấy tay chỉ, kiếm liền rơi xuống đất. Tân đến tạ lỗi, Cơ nhân đó hỏi : Trong nồi nửa thăng thì chẳng hỏi, thế nào là trong một hạt lúa chứa thế giới ? Tân ngay lời hỏi này có tỉnh, bèn thuật kệ :

Hạo khước biểu nhi toái khước câm,
Như kim bất luyện thủy trung câm,
Tự từng nhất kiến Hoàng Long hậu,
Thủy giác từng tiền thổ dụng tâm.

Dịch :

*Bẻ gãy chiếc bầu, đập nát đàn,
Hiện nay chẳng thích nước trũ vàng,
Sau khi gặp được Hoàng Long đấy,
Mới biết từ xưa quấy dụng tâm.*

Đây là câu chuyện thần tiên di học Phật. Lữ Đồng Tân là thần tiên, còn đi tham vấn với Thiên Sư Hối Cơ ở Hoàng Long.

"Tô Đông Pha thường gần Phật Ấn". Trong sử có ghi : Một hôm Sư (Phật Ấn) và đồ chúng vào thất, cư sĩ Tô Đông Pha đến thẳng thất, Sư nói : Trong này không có ghế ngồi, cư sĩ đến đây làm

gì ? Đông Pha đáp : Tạm mượn thân tứ đại của Phật Ấn làm ghế ngồi. Phật Ấn nói : Sơn tăng có một câu hỏi, nếu cư sĩ nói được thì mời ngồi, bằng nói chẳng được thì cởi ngọc đá để lại. Đông Pha vui vẻ chấp nhận. Phật Ấn hỏi : Vừa rồi cư sĩ nói "Tạm mượn thân tứ đại Sơn tăng làm ghế ngồi", chỉ như Sơn tăng tứ đại vốn không, năm ấm chẳng có, cư sĩ đến chỗ nào ngồi ? Tô Đông Pha không đáp được, phải cởi dây ngọc đá để lại, Sư tặng cho lá y Vân Sơn, Đông Pha làm bài kệ :

Bách thiên đấng tác nhất đấng quang,
Tận thị hằng sa diệu pháp vương,
Thị cố Đông Pha bất cảm tích,
Tá quân tứ đại tác thiên sàng.
Bệnh cốt nan kham ngọc đới vi,
Độn căn nhưng lạc tiền phong ky,
Hội đương khát thực ca cơ viện,
Đoạt đắc Vân Sơn cựu nạp y.

Dịch :

*Đèn trăm ngàn ngọn ánh sáng đồng,
Cá thấy hằng sa diệu pháp vương,
Bởi thế Đông Pha đâu dám tiếc,
Mượn anh tứ đại làm giường thiền.
Bệnh xương khó chịu ngọc đới ràng,*

*Căn độn nên roi máy nhọn tên,
Hiếu nên khất thực xa ca kỹ,
Nhận lãnh Vân Sơn chiếc y xưa.*

Câu chuyện này cho thấy Tô Đông Pha là một nhà văn nổi tiếng, còn phải đến học với Ngài Phật Ấn.

"Hàn Văn Công lại lễ Đại Điền". Hàn Văn Công tức Hàn Dũ, là một nhà Nho nổi tiếng, người Xương Lê đời Đường, đậu Tiến sĩ. Vì dâng biểu can vua Hiến Tông rước xá lợi Phật vào cung, nên bị đày đi Triều Châu. Ở đây, Hàn Dũ có viết thư mời Thiên sư Đại Điền ở chùa Linh Sơn phía tây Triều Châu đến tranh luận về đạo, cùng nhau đi lại nhiều lần, sau qui y Đại Điền. Vậy là một nhà Nho nổi tiếng cũng qui y với nhà Thiên.

"Bùi Công bị đoạt hốt nơi Thạch Sương". Bùi Công tức là Tướng quốc Bùi Hưu đời Đường. Một hôm Ngài tới chỗ Thiên sư Thạch Sương, Ngài Thạch Sương thấy Bùi Công cầm cây hốt trong tay, Ngài mới mượn cây hốt, cầm đưa lên hỏi : Cây hốt này ở trong tay vua gọi là khuê, ở trong tay quan nhân gọi là hốt, bây giờ ở trong tay Sơn tăng gọi là gì ? Nếu nói được thì trả, nói không được thì giữ lại. Ngài Bùi Hưu nói không được, Ngài Thạch

Sương giữ cây hốt lại. Nên nói : "Bùi Công bị đoạt hốt nơi Thạch Sương".

"Phòng tướng hỏi pháp ở Quốc Nhất". : Phòng tướng tức là Tướng quốc Phòng Huyền Linh, giúp vua Đường Thái Tông dấy nghiệp, làm đến chức Tể tướng. Quốc Nhất tức là Thiên sư Đạo Khâm, người huyện Côn Sơn thuộc Tô Châu. Vua Đường Thái Tông mời Ngài vào cung hỏi đạo, ban cho hiệu là Quốc Nhất Thiên Sư. Phòng tướng quốc vẫn tới hỏi đạo với Thiên sư Quốc Nhất.

"Diệu Thiện không nhận phò mã, thành Phật chẳng ngờ". Đây là câu chuyện Công chúa Diệu Thiện không lập phò mã, chỉ chuyên lo tu hành và thành Phật Quan Âm.

"Lục Tổ mới gặp khách nghe kinh liền tỉnh ngộ". Lục Tổ nghe khách tụng Kinh Kim Cang liền tỉnh ngộ...

"Đạo Thiên nếu không thú vị, Hiền Thánh sao chịu qui y". Nếu đạo Thiên không có giá trị cao siêu, tại sao nhiều vị có tài, có địa vị cao ở thế gian đều phải theo học ?

"Hoa Lâm cảm hóa hai cọp theo luôn". Theo sử, Ngài Hoa Lâm ở dưới hội của Tổ Bá Trượng, là sư huynh của Ngài Qui Sơn Linh Hựu. Khi đó Ngài làm thủ tọa và sau vào núi tu, có hai con

cọp theo hầu, cọp lớn tên Đại Không, cọp nhỏ tên Tiểu Không. Mỗi khi khách đến, hai con cọp chạy ra mừng, nhưng khách thấy cọp hoảng sợ, Ngài bảo : Đại Không, Tiểu Không có khách đến, ra sau đi. Hai con cọp rón rén bước ra sau.

"Đầu Tử có ba con chim báo sáng". Ở núi Đầu Tử có hai Thiên sư nổi tiếng, vị đầu tiên là Ngài Đại Đồng Đầu Tử, vị sau là Ngài Nghĩa Thanh Đầu Tử, thuộc tông Tào Động. "Đầu Tử có ba chim báo sáng" không biết là chỉ vị nào, trong đây không nói rõ.

"Lý Trường giả giải kinh mà thiên trù dâng cơm". Lý Trường giả tức là Lý Thông Huyền đời Đường niên hiệu Khai Nguyên thứ bảy (719), Ngài trước tác bộ Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận bốn mươi quyển, do miệt mài viết kinh cho nên quên cơm, chư Thiên đem cơm dâng cho Ngài.

"Tu Bồ Đề ngồi yên mà Đế Thích tán hoa". Câu chuyện này được nhắc lại nhiều lần. Ngài Tu Bồ Đề là một trong mười vị đại đệ tử của đức Phật, Ngài là Giải Không đệ nhất. Một hôm Ngài tọa thiền dưới chân núi, ngồi yên lặng, hoa trời rơi xuống rất nhiều. Ngài hỏi : Ai tán hoa đó ? Trời Đế Thích thưa : Tôi là trời Đế Thích. Hỏi : Tại sao ông tán hoa ? Đáp : Thấy Hòa Thượng thuyết pháp hay quá nên tôi tán hoa. Hỏi : Ta chưa từng nói

mà sao nói thuyết pháp hay ? Trời Đế Thích thưa : Ngài không nói, tôi không nghe, đó là thuyết pháp.

"Đạt Ma một chiếc dép về Tây". Đây nói về Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa giáo hóa. Sau thời gian chín năm Ngài an nhiên tịch, nhục thân nhập tháp tại núi Hùng Nhĩ. Tống Văn (sứ giả Trung Hoa) đi sứ Ấn Độ trở về gặp Ngài tại núi Thông Lãnh tay xách một chiếc dép đi nhanh như bay trở về Ấn Độ (Tây Thiên). Vua nghe việc ấy ra lệnh mở cửa tháp mở quan tài ra, quả nhiên quan tài trống không, chỉ còn một chiếc dép. Vua sắc đưa chiếc dép về thờ ở chùa Thiếu Lâm... (1).

"Phổ Hóa rung chuông bay đi". Trong sử của Ngài Lâm Tế, có Ngài Phổ Hóa dường như là người điên nhưng thật không phải, cả ngày ra chợ ăn xin lang thang, nhưng Ngài nói nhiều câu rất kỳ đặc. Khi sắp tịch, Ngài nói với người ngoài chợ : Xin quý vị cho tôi vải để may chiếc áo dài. Ngài Lâm Tế nghe nói sai đồ đệ sắm cho Ngài chiếc quan tài. Ngài vác quan tài ra chợ nói : Lâm Tế cho tôi chiếc áo dài rồi, mai tôi tịch ở cửa đông. Ngày mai dân chúng chạy lại cửa đông xem, Ngài nói : Nay tôi chưa tịch, ngày mai tôi tịch ở cửa tây. Như thế hẹn đến ba ngày, mọi người đều chẳng tin. Đến

(1) Theo sử 33 vị Tổ Thiên Tông Ấn Hoa.

ngày thứ tư, không ai theo xem nữa, Ngài tự chun vào quan tài, mượn người đi dườn, dấy nắp lại. Khi hay tin, mọi người trong chợ chạy đến xem, gỡ quan tài ra không thấy thi hài Ngài, chỉ nghe tiếng chuông rung xa dần trên hư không. Cho nên ở đây nói "Phổ Hóa rung chuông bay đi".

"La Hán đến tham vấn với Hòa Thượng Ngưỡng Sơn". Trong sử ghi rõ có vị Tăng người Ấn từ hư không đến. Ngưỡng Sơn hỏi : Vừa rồi ở đâu đến ? Tăng thưa : Ở Tây Thiên. Sư hỏi : Rồi Tây Thiên lúc nào ? Tăng thưa : Sớm mai. Sư bảo : Sao mà chậm lắm vậy. Tăng thưa : Vì còn dạo núi xem nước. Sư bảo : Thần thông du hí thì chẳng không, Phật pháp của Xà lê cần trao lại cho Lão tăng mới được. Tăng thưa : Định sang Đông độ lễ Văn Thù, lại gặp Tiểu Thích Ca. Bèn đem sách chữ Phạn bằng lá bổi trao cho Sư, làm lễ rồi nương hư không mà đi.

"Nhạc Đế qui y với Thiên sư Tư Đại". Thiên sư Tư Đại thường ngồi thiền trên núi Nam Nhạc, tức là ngọn núi ở phía nam. Ngài là Huệ Tư, còn gọi là Tư Đại. Một hôm Ngài đang ngồi thiền, có một đoàn người đi ngang, đi đầu là một người rất oai vệ, ăn mặc như một vị quan lớn. Khi đi ngang Ngài, họ tính la to cho Ngài sợ, Ngài sẽ đứng dậy tránh đi, nhưng Ngài vẫn ngồi thiền tự nhiên. Nhạc Đế là vị đi đầu tới bên Ngài qui xuống thưa : Bạch

Hòa Thượng, nay tôi muốn qui y với Phật. Ngài Tư Đại mới xả thiền làm lễ qui y. Buổi lễ xong, Nhạc Đế thưa : Bạch Hòa Thượng, tôi muốn tặng Ngài một vật để làm kỷ niệm, vì tôi là Nhạc Đế, là thần lớn nhất ở núi này. Vị thần năn nỉ mãi, Ngài Huệ Tư không chấp nhận. Sau cùng thần nói : Ở xóm dưới chân núi có nhiều người chưa biết đạo, để tôi ám trợ họ lên qui y với Hòa Thượng, Ngài có bằng lòng không ? Ngài Huệ Tư bảo : Không được. Hỏi : Tại sao ? Đáp : Vì qui y là tự người thức tỉnh phát tâm, nếu do sức ám trợ là không đúng pháp Phật. Thần hỏi : Vậy có cái gì để con đền ơn Ngài ? Ngài bảo : Ở trước chùa ta cây cối xơ xác, cạnh núi bên kia từng bá sum sê, nếu được, ông dời những cây bên đó qua dùm ta. Nhạc Đế nhận lời và dặn : Tối nay nếu nghe tiếng sấm sét, Hòa Thượng bảo người trong chùa dùng kính sợ, con sẽ dời cây cối. Đúng tối hôm đó sấm sét âm âm nổ vang, sáng ra cây cối xơ rơ biến mất, chỉ có từng bá sum sê. Đó là câu chuyện "Nhạc Đế qui y với Thiền sư Tư Đại".

"Cảnh Sơn đến nay vẫn được Long vương thỉnh cúng". Có nhiều vị trụ trì ở Cảnh Sơn, nhưng đây là chỉ Thiền sư Vô Chuẩn, tức là Ngài Phật Giám ở đời Tống. Ngài trụ trì ở Cảnh Sơn, thường được Long cung mời cúng dường.

"Tuyệt Phong ngày xưa hay sai người gõ phá non". Tuyệt Phong Nghĩa Tôn nói : Có những lúc tự có những người bằng gỗ lên núi phá rừng để xây cất chùa.

"Đây là những nguyên do để nghiệm biết, chớ tự khinh mà lui sụt". Những sự tích được dẫn chứng cốt làm cho chúng ta sáng tỏ rằng những người có địa vị ở thế gian như những nhà Nho làm quan, hoặc những vị tu tiên, những vị thần đều hướng về Phật pháp, hướng về thiên, hướng là những người thường. Như vậy chúng ta thấy giá trị của người tu thiên hết sức cao quý chớ không phải tầm thường.

"Chồn hoang còn nghe Bá Trượng nói pháp. Loài ốc sò vẫn biết hộ Kinh Kim Cang. Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật được hóa làm con trời. Năm trăm con dơi nghe tiếng pháp thấy được làm Hiền Thánh. Mãng xà nghe sám hối được sanh thiên. Rồng nghe kinh mà ngộ đạo. Chúng là loài vật còn hay lãnh ngộ, hướng là người sao chẳng hồi tâm".

Đoạn này Ngài Trần Thái Tông muốn nói loài thú còn có thể nghe kinh tu tiến được, hướng nữa là người sao chẳng lo tu.

"Chồn hoang còn nghe Bá Trượng nói pháp"⁽¹⁾. Một hôm Tổ Bá Trượng thuyết pháp dạy chúng. Sau thời pháp tất cả mọi người đều lui, chỉ còn một ông già ngồi mãi không đi. Tổ Bá Trượng thấy mới hỏi : Ông người ở đâu, vì sao mãi gờ mà không về ? Ông già thưa : Con không phải là người. Tổ hỏi : Vậy ông là gì ? Thưa rằng : Con là chồn ở sau núi này. Khi xưa, một thời con đã làm Tỳ Kheo tăng, nhân có người học đạo đến hỏi : Bậc đại tu hành có rơi vào nhân quả không ? Con đáp : không rơi vào nhân quả. Vì trả lời sai lầm, con phải đọa làm thân chồn năm trăm kiếp. Giờ đây con đến nghe pháp, cầu xin Hòa Thượng nói cho con một chuyển ngữ để con thoát kiếp chồn. Tổ Bá Trượng bảo : Ông hỏi lại ta đi. Ông già đứng lên hỏi Tổ : Người đại tu hành có rơi vào nhân quả không ? Tổ đáp : Không lầm nhân quả. Ngay đó ông tỉnh ngộ và thưa với Tổ : Ngày mai Hòa Thượng đến phía sau núi, bên mé hang có xác con chồn, xin Hòa Thượng cho làm lễ táng như một Tỳ Kheo tăng để giúp con. Hôm sau Tổ Bá Trượng dẫn chúng tăng ra sau núi chỗ mé hang gặp xác con chồn vừa chết bèn làm lễ thiêu như một Tỳ Kheo.

Câu chuyện này quan trọng nơi câu trả lời. Người học Phật pháp nông cạn, nghe chur Tổ nói

(1) Thiên sư Trung Hoa tập I.

hoặc đọc trong kinh rồi hiểu lầm, khi có người đến hỏi đạo, mình nói sai nên phải đọa. Thế nên tu mà không hiểu thâm sâu lý đạo, rồi nói sai, đó là một họa lớn. Như nói : Người đại tu hành tức là người tu hành đã ngộ đạo, còn rơi vào nhân quả không ? Đa số nghĩ mình tu hành ngộ đạo rồi, đâu còn rơi vào nhân quả nữa, cho nên trả lời : Không rơi vào nhân quả. Một câu nói sai lầm phải đọa làm thân chồn năm trăm kiếp. Tại sao ? Bởi vì trong giáo lý đạo Phật, nhân quả là nền tảng của pháp hữu vi, tức là của phần tu cơ bản còn trong đối đãi. Vậy trong đối đãi nhân quả là chân lý, cho nên đức Phật luôn luôn dạy mọi người phải hiểu thấu ý nghĩa nhân quả để ứng dụng trong đời tu và trong cuộc sống, thế mới tiến bộ và mới là chánh tín. Nếu nói người đại tu hành không rơi vào nhân quả, đó là phủ nhận lý nhân quả, nên thành tội phải đọa làm chồn năm trăm kiếp. Đến khi ông già hỏi lại câu đó, Tổ trả lời : Không lầm nhân quả. Không lầm là thấy rõ, biết rõ nhân quả, thế là thoát khỏi kiếp chồn. Đối với nhân quả Phật dạy, người ngộ đạo thấy càng rõ, chớ đâu thế nói không rơi không mắc. Vậy một câu nói đúng chân lý cứu người thoát khỏi kiếp trầm luân, còn câu nói sai làm cho mình phải đọa.

"Loài ốc sò vẫn biết hộ Kinh Kim Cang". Tục truyền, thuở xưa có một người đi biển là một Phật tử chân thành, nên đem Kinh Kim Cang theo dọc tọng dưới thuyền. Thuyền chìm, ai nấy bị trôi giạt, bộ kinh cũng bị trôi. Nhưng sau này có người chài lưới vớt được quyển kinh, thì thấy sò ốc bu quanh che kín nên quyển kinh không bị hư hoại. Như vậy loài ngu như sò ốc còn biết quý trọng và bảo vệ kinh.

"Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật được hóa làm con trời". Theo điển tích mười ngàn con cá do nghe danh hiệu Phật mà được hóa làm người.

"Năm trăm con doi nghe tiếng pháp thủy được làm Hiền Thánh". Trong Tây Vực ký quyển hai có chép : Bờ biển nam có một cây khô có cái bông lớn, trong bông có năm trăm con doi ở ẩn. Một nhóm thương lữ dừng dưới gốc cây, gặp lúc gió lạnh, nhóm lửa để hơ. Lúc đó có một khách buôn dọc tọng Tạng A Tì Đạt Ma, doi mê nghe kinh nên khi lửa cháy tấp tới vẫn cố chịu đựng không bay đi nên phải bị chết thiêu, sau hóa kiếp làm người, được xuất gia học đạo, đồng chứng Thánh quả. Nên nói doi được làm Hiền Thánh.

"Mãng xà nghe sám hối được sanh thiên". Mãng xà là con rắn lớn. Chuyện xưa nói vua Lương Võ Đế có một bà phi, ông rất thương quý, nhưng bà

có nhiều tật xấu ác đố kỵ, nên khi chết hóa thành con rắn lớn về báo mộng cho nhà vua. Nghe như thế, nhà vua mới mời các Cao Tăng đến, xin các Ngài soạn ra bài sám hối gọi là Lương Hoàng Sám, và đọc cho bà phi nghe. Nhờ nghe sám hối, mạng xà hết tội, được sanh lên cõi trời.

"Rồng nghe kinh mà ngộ đạo". Trong Kinh Pháp Hoa nói : Bồ Tát Văn Thù xuống Long cung thuyết pháp, có bà Long nữ tám tuổi nhân nghe pháp mà ngộ đạo. Khi đức Phật nói Kinh Pháp Hoa, bà hiện thân thông cho mọi người thấy. Rồng là loài vật nghe kinh còn ngộ đạo thay !

"Chúng là loài vật còn hay lãnh ngộ, huống là người sao chẳng hồi tâm". Đây là câu Ngài Trần Thái Tông nhắc nhở chúng ta phải cố gắng tu học, tất cả loài chim chôn, sò ốc hay rắn rồng còn biết quý kinh, tu hành đạt đạo, huống nữa chúng ta là người mà không tu được hay sao ? Thế mà có nhiều người nghĩ mình nghiệp nặng nên có mặc cảm tự ti, tự khi mình không thể tu nổi. Thật ra, trong tất cả chúng sanh, loài người là trên hết, các chúng sanh kia còn có thể nghe kinh ngộ đạo, loài người nghe kinh há không ngộ đạo được sao ?

"Hoặc có người vui đầu trong ăn uống, qua mất một đời. Hoặc có người trên đường tu hành lắm lần, mà không thức tỉnh. Đâu biết tánh giác Bồ

đề mỗi mỗi viên thành, nào hay căn lành Bát Nhã người người đầy đủ. Chớ luận đại ẩn tiểu ẩn, thôi phân tại gia xuất gia. Chẳng cuộc người Tăng kẻ tục, chỉ cốt nhận được bản tâm. Vốn không có nam nữ, đâu cần chấp tướng. Người chưa rõ đối chia tam giáo, liễu được rồi đồng ngộ nhất tâm. Nếu hay phản chiếu hồi quang, đều được kiến tánh thành Phật".

Đầu tiên Ngài quở "Hoặc có người vui đầu trong ăn uống, qua mất một đời", nay đòi ăn món này, mai đòi món khác. Nhưng phải làm mới có ăn, nên lo làm lo ăn mãi, hết tháng hết năm, đến tuổi già chết không biết đi về đâu. Suốt đời chỉ lo ăn uống, không làm được điều gì cao thượng hơn. Thí dụ như người đập xích lô suốt buổi sáng một nhòai, tới trưa chiều kiếm được số tiền về nhậu một bữa cho ngon, sáng lại đi đập xích lô nữa, cứ như thế qua hết một đời !

"Hoặc có người trên đường tu hành lầm lẫn, mà không thức tỉnh". Có nhiều người hình thức người tu, xem như xuất gia học đạo, mà đi lầm đường lạc lối, không cố gắng tu hành để được giác ngộ, lại làm những điều mê tín dị đoan gây cho bao nhiêu người khác lầm theo, đó là đi đường mê mà không thức tỉnh.

"Đâu biết tánh giác Bồ đề mỗi mỗi viên thành, nào hay căn lành Bát Nhã người người đầy đủ". Tánh giác Bồ đề ai ai cũng tròn sẵn, không có người nào thiếu. Căn lành Bát Nhã người người đều có đủ, không phải người có người không. Vậy mỗi người chúng ta ai cũng sẵn tánh giác, ai cũng đầy đủ trí Bát Nhã, đâu có ai thua ai, tại sao nói người tu được, mình tu không được, người giác mình mê ? Điều này chúng ta phải nghĩ xét lại, đừng mặc cảm người là bậc thượng còn chúng ta là bậc hạ, chẳng qua là tỉnh sớm thì giác sớm, tỉnh muộn thì giác muộn mà thôi. Không ai trọn quyền hưởng tánh giác, cũng không ai vô phần. Hiểu rõ như vậy để chúng ta đừng mặc cảm người có tánh giác mà ta không.

"Chớ luận đại ẩn tiểu ẩn, thôi phân tại gia xuất gia". Theo bên Nho, đại ẩn là những người trí sĩ tại thành thị mà không ham danh lợi, ở yên tu hành. Tiểu ẩn là những người cũng trí sĩ nhưng ẩn nơi rừng hoang núi vắng, yên giữ ý chí của mình. Về mặt Nho giáo, đại ẩn hay tiểu ẩn đều có thể tu. Về mặt Phật giáo, xuất gia hay tại gia cũng đều tu được. Không phải dành riêng phần tu cho người xuất gia, còn cư sĩ là vô phần, hiểu như vậy là lầm. Tất cả chúng ta đều có tánh giác như nhau, ai cũng có quyền tu, cũng có quyền ngộ,

chúng ta chớ có nghi ngờ. Đa số Phật tử hiện nay hay nghĩ : Muốn tu được giải thoát, được giác ngộ là phải xuất gia, còn tại gia không thể nào tu nổi, nghĩ như vậy là sai. Thật ra nếu xuất gia mà tâm phiền não không sạch, niệm thế gian chưa hết thì làm sao giải thoát, làm sao giác ngộ. Nếu là hình thức tại gia mà dứt hết phiền não, buông sạch những niệm thế tục tham sân si thì cũng được giải thoát giác ngộ vậy. Hình thức chỉ là phần phụ, cốt yếu là dứt phiền não, sạch tham sân si, là chúng ta được giải thoát không nghi.

"Chẳng cuộc người tăng kẻ tục, chỉ cốt nhận được bản tâm". Không hạn cuộc đây là tăng kia là tục, chỉ cốt tu và nhận được nơi mình bản tâm thanh tịnh chưa từng sanh diệt. Nhận được bản tâm rồi, tăng tục đều tu được đến chỗ an ổn giải thoát. Trái lại nếu không nhận được dù tăng hay tục cũng trầm luân đau khổ.

"Vốn không có nam nữ, đâu cần chấp tướng". Nhìn theo mắt phàm tục thì có kẻ nam người nữ rõ ràng, nhưng bản tánh thanh tịnh chẳng sanh chẳng diệt, không có nam, không có nữ. Nam nữ là giả tướng do nghiệp tạo thành. Thế nên trong Kinh Pháp Hoa có đoạn Ngài Văn Thù đưa bà Long nữ đến gặp Phật, Ngài Xá Lợi Phất nghi hỏi : Người nữ có năm chướng, tu không được thành Phật, vậy

Long nữ là người nữ, lại là loài rồng, làm sao thành Phật ? Khi ấy Long nữ đem hạt châu dâng lên Phật, Phật liền nhận lấy. Long nữ hỏi : Tôi dâng hạt châu Phật nhận, việc đó chậm hay mau ? Ngài đáp : Rất mau. Long nữ nói : Tôi thành Phật cũng mau như vậy. Ngay đó Long nữ biến thành nam tử, đủ hạnh Bồ Tát liền thành Phật.

Như vậy Phật là chỉ cho tánh giác, tánh giác không có nam nữ, nam nữ chỉ là giả tướng thôi. Nếu chúng ta chấp tướng rồi sanh niệm phân biệt khen chê khinh trọng, là vì chúng ta không hiểu rõ. Thế nên đừng nói người nam tu được, còn người nữ nguyện tu cho đời sau chuyển nữ thành nam rồi tu tiếp. Còn chấp tướng là chưa nhận được tánh giác của mình. Nam nữ đều có quyền tu, có quyền giác ngộ. Như thời đức Phật tại thế, Tăng chúng A La Hán, Ni cũng chúng A La Hán. Câu chuyện khi xưa kể khi nghe Phật sắp Niết bàn, năm trăm vị Tỳ Kheo ni xin Phật được Niết Bàn trước vì không thể nhìn đức Phật nhập Niết Bàn. Vị lãnh đạo Ni chung khi đó là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề, tức là Kiều Đàm Di Mẫu. Phật cho phép, năm trăm vị về ngôi kiết già nhập Niết Bàn. Nếu các vị không chúng A La Hán thì làm sao sanh tử tự tại như vậy. Thế là Tăng chúng A La Hán, Ni cũng chúng được. Trong nhà Thiên, Tăng ngộ đạo, Ni cũng ngộ

được. Ở Trung Hoa có các Thiên sư Ni như bà Thiết Ma, bà Liễu Nhiên và cô cư sĩ Linh Chiếu. Ở Việt Nam có Ni sư Diệu Nhân. Vì ai cũng có tánh giác nên Tăng Ni ai cũng có quyền ngộ đạo, nếu hện đến đời sau làm thân nam mới tu e muộn quá. Vậy chúng ta nguyện tu giác ngộ ngay đời này không chờ đến kiếp sau.

"Người chưa rõ đối chia tam giáo, liễu được rồi đồng ngộ nhất tâm". Phần trên Ngài Trần Thái Tông phá chấp Tăng tục, nam nữ, đến đây Ngài phá chấp tam giáo Phật, Khổng, Lão. Dù người tu theo giáo nào cũng đều có tánh giác, nếu hướng về tánh giác tu được nhất tâm là đạt đạo. Đừng phân chia đạo này đạo khác rồi chống đối lẫn nhau, gây ra bao nhiêu phiền não. Nếu biết tu thì đều giác ngộ.

"Nếu hay phản chiếu hồi quang, đều được kiến tánh thành Phật". Phản chiếu hồi quang là bốn chữ rất hệ trọng đối với người tu thiền. Hồi quang là xoay ánh sáng trở về, phản chiếu là quay lại chiếu soi nơi mình. Trong kinh Phật cũng như trong sử các Thiên sư có dạy : Sở dĩ chúng ta muôn kiếp mê lầm là vì buông sáu căn giống ruồi theo sáu trần, đó gọi là phóng ra. Hiện giờ kiểm lại có ai không phóng ra chăng ? Mắt thấy sắc khen đẹp chê xấu. tai nghe tiếng phân biệt dở hay, dù ai

nói lên nói thầm cũng rán lắng nghe cho kỹ, không chịu bỏ qua. Còn mũi người lạ liền tìm hiểu cho ra mũi gì. Vì thế cả ngày sáu căn giông ruổi theo sáu trần, đó gọi là buông cho chúng chạy ra. Trái lại, nếu chúng ta xoay sáu căn trở về, tức là xoay cái chiếu trở về soi lại thân và tâm mình để tìm ra cái chân thật, đó gọi là hồi quang phản chiếu. Biết thật rõ, hiểu thật kỹ con người mình là cái gì, thân này là mình chẳng, tâm suy nghĩ vọng tưởng là mình chẳng, rồi tự mình giác ngộ. Thế nên chúng tôi thường nhắc nhở Tăng Ni, người biết phản chiếu hồi quang đâu có rảnh nói chuyện thiên hạ, lúc nào cũng lo nhìn lại mình, nhìn những vọng tưởng của mình. Ai nói gì làm gì đâu có phân biệt để khen chê. Người hay khen chê, hay nói chuyện thiên hạ chắc rằng người đó không có phản chiếu hồi quang, vì người tu nhiều thì đâu có rảnh. Như Thiền sư Lại Toản, Lại là lừa biếng, tức là Thiền sư Toản lừa biếng. Ngài vào rừng núi cất am để tu, mỗi ngày chỉ bươi củ nân hoặc củ khoai mài đem về nướng hoặc luộc ăn. Vua Đường nghe hạnh của Ngài, biết là người quyết chí tu nên sai Sứ đến thỉnh Ngài về triều. Sứ đến, đang nằm trên giường Ngài ngồi dậy, không nói gì đến Sứ, lại bèn đóng lửa bươi kiếm củ khoai mài lột ăn, khoai đang nóng nên nước mũi chảy ròng. Sứ giả thua : Thỉnh Sư vì con chùi mũi. Ngài nói : Ta đâu có rảnh vì

ông mà chùi mũi. Thế thì Ngài không nhớ để ăn, không rửa để lau mũi, vậy Ngài đang làm gì, vì sao gọi Ngài là lười biếng ? Nằm cả ngày lo phần chiếu hồi quang, có rửa đầu để nhớ chuyện dói, chuyện ăn. Đến khi bị gọi dậy giựt mình, nghe dói bụng Ngài kiếm khoai ăn, Sứ thì mặc Sứ. Còn chúng ta nghe Sứ nhà vua đến thì khúm núm đứng dậy chào hỏi. Như vậy chúng ta thấy người dồn hết tâm lực để phần chiếu hồi quang không rửa nhớ chuyện bên ngoài. Chúng ta tu là phải quan sát lại xem tâm niệm mình trong sạch hay không, cái gì chân, cái gì ngụy, luôn luôn thấy rõ mình mà không màng chuyện bên ngoài. Người nào thường phần chiếu hồi quang như vậy sẽ kiến tánh thành Phật không nghi. Tóm lại, Ngài Trần Thái Tông muốn nói rằng tất cả mọi người ai cũng có thể tu được, nhưng phải luôn luôn phần chiếu hồi quang thì sẽ thấy tánh thành Phật.

"Huống là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nếu muốn vượt khỏi vòng quanh lục đạo, chỉ có con đường tắt Nhất thừa. Cần tìm chánh kiến, chớ tin tà sư. Ngộ rồi mới là vào cửa, hành được mới hay thoát tục. Bước bước đạp đến đất thật, dầu dầu đều đội hư không. Khi dùng thì muôn cảnh toàn bày, buông đi thì mây bụi chẳng lập. Vượt đến chỗ không còn tương quan sanh tử, cơ liễu ngộ

quỉ thần nhìn chẳng ra". Đây là Ngài nói đến chỗ cao siêu của đạo.

"Huống là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nếu muốn vượt khỏi vòng quanh lục đạo, chỉ có con đường tắt Nhất thừa". Thân người khó được, mà chúng ta ngày nay đã được thân người, đó là điều hết sức quý. Phật pháp khó nghe, mà nay chúng ta được nghe pháp Phật, đó là điều quý thứ hai. Vậy chúng ta phải làm gì ? Nếu muốn ra khỏi vòng quanh của lục đạo luân hồi, chỉ có con đường tắt Nhất thừa. Trong Kinh Pháp Hoa dạy Nhất thừa tức là Phật thừa. Nhất thừa là chỉ Tri Kiến Phật mỗi chúng sanh sẵn có, vậy ai cũng có Tri Kiến Phật, hay nói theo nhà Thiên là có tánh giác, hay là Bản lai diện mục, nếu xoay lại liền thấy liền được, nên gọi là con đường tắt. Không phải tu để đời này có phước sanh lên cõi trời, rồi tu nữa cho đến trăm ngàn muôn kiếp sau mới thành Phật, đó là con đường quanh. Vậy phải trở lại mình tìm cho ra tánh giác hay Tri Kiến Phật của mình, đó là con đường tắt nhất.

"Cần tìm chánh kiến, chớ tin tà sư". Ngài khuyên người Phật tử cũng như Tăng Ni, khi tu cần phải tìm những bậc thầy có chánh kiến, chớ tin những thầy tà. Thầy chánh kiến có hai : Chánh kiến đối với Phật pháp và chánh kiến đối với Thiên

tông. Có chánh kiến đối với Phật pháp tức là người thâm hiểu Phật pháp đúng như thật, không dạy thiên lệch một bên. Tỉ dụ như không dạy chúng ta chấp về hình thức sự tướng, cũng không dạy chấp về lý tánh, không nghiêng bên nào gọi là chánh kiến. Đạo Phật là đạo dạy chúng ta đi đúng trung đạo, nghĩa là không mắc kẹt bên này bên kia. Nếu kẹt một bên là thiên kiến, không phải chánh kiến. Còn chánh kiến nhà Thiền là chỉ những người đã giải ngộ hoặc đại ngộ, thấy được nơi mình có tánh Phật, hoặc nhận được bản lai diện mục của mình không còn nghi ngờ. Được những bậc ngộ đạo chỉ dạy, mình mới tiến đến giác ngộ, đó là chánh kiến. Tà sư là những người dạy lệch, không đúng chánh pháp, như trong kinh Phật dạy thế này, người ở chùa lại dạy thế khác. Thí dụ trong chánh pháp, những bộ kinh dạy người sơ cơ như Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Kinh Di Giáo, Phật cấm Tăng không được coi tướng bói số v.v... Nhưng hiện nay khi có Phật tử vào chùa, thầy lại xem tướng bói số cho, đó là tà, trái lời Phật dạy. Thế nên chúng ta tu phải biết chọn lựa, nếu không rất dễ lạc đường tà, lạc đường rồi chúng ta nói tu mà rốt cuộc lại đi trong chỗ mờ mịt tối tăm.

"Ngộ rồi mới là vào cửa, hành được mới hay thoát tục". Đây nói cao siêu hơn. Người tu Thiền

ngộ đạo rồi gọi là vào cửa. Như Lục Tổ nhân nghe một câu trong Kinh Kim Cang, liền ngộ đạo. Ngộ rồi Ngài đến chỗ Ngũ Tổ trình kệ, Tổ cho vào cửa. Từ đó về sau Ngài cố gắng tu hành và ngộ một lần nữa mới là người thoát tục. Vì thế nếu có duyên tốt chúng ta ngộ được tâm thể trong sáng hằng hữu nơi mình là được vào cửa của người tu Thiền. Nhưng phải "hành được mới hay thoát tục", tức là từ đó về sau chúng ta không còn bị những tướng giả dối bên ngoài chi phối, lại hằng sống với cái chân thật, đó là hành được, ngay đó là thoát tục. Hành được như thế thì :

"Bước bước đạp đến đất thật, đầu đầu đều đội hư không". Người sống được với thể chân thật thì mỗi bước đi không rời bản tâm thanh tịnh, đến nơi nào đâu không bao giờ rời hư không, nghĩa là chân và đầu không rời thể chân thật. Nói cách khác đến đâu lúc nào cũng không rời thể thật, mới gọi là thoát tục. Người được như vậy thì có diệu dụng :

"Khi dùng thì muôn cảnh toàn bày, buông đi thì mây bụi chẳng lập". Nghĩa là khi ứng dụng thì muôn cảnh toàn bày, bỏ đi thì không dính một mây bụi. Khi xưa các Ngài ngộ đạo rồi, sống được với thể chân thật thì trí tuệ rất nhạy bén, cần dùng phương tiện gì để tiếp độ chúng sanh, các Ngài dùng không thiếu, nên nói : Khi dùng thì

muôn cảnh toàn bày. Khi không cần thì buông đi, không dính một mảy bụi, trong lòng hoàn toàn thanh tịnh. Đó là diệu dụng của người đã sống được với đạo.

"Vượt đến chỗ không còn tương quan sanh tử, cơ liễu ngộ quỉ thần nhìn chẳng ra". Người ngộ đạo như vậy mới vượt lên, vượt ra đến chỗ không còn vướng mắc sanh tử. Thật ra sanh tử là một lẽ đương nhiên, như chúng ta có thân chắc chắn phải có tử. Nếu ngộ đạo rồi không còn tương quan sanh tử, nghĩa là sao ? Vì người ngộ đạo thấy rõ sanh tử do đâu mà có, nên nhân tạo sanh tử không còn chi phối được nữa, đó gọi là không tương quan sanh tử. (Không phải ngộ đạo rồi thành tiên sống hoài như thế gian tưởng). Tuy có tử nhưng không bị nhân lôi kéo phải sanh trở lại, nên ngang đó làm chủ được sanh tử. Sống được như vậy thì quỉ thần cũng không thấy được tâm. Cho nên nói :

"Cơ liễu ngộ quỉ thần nhìn chẳng ra". Tại sao ? Quỉ thần thấy tâm mình là khi chúng ta có vọng tưởng. Tôi nói để quý vị kinh nghiệm, khi đi tới nơi nào gọi là linh thiêng, quý vị tưởng cái gì thì nó biết, còn hết tưởng thì nó không biết. Thí dụ như chuyện cầu cơ, chúng ta khởi nghĩ cầu một người mất trở về, tưởng đến người nào thì quỉ thần thấy tâm mình nên nó gạt. Thật ra người

mắt dā đi thọ sanh nơi khác rồi, dāu còn lẩn quẩn ở đây để chúng ta cầu về. Như vậy quỷ thần thấy được tâm là khi chúng ta khởi tưởng, vọng tưởng là mầm dẫn chúng ta đi trong sanh tử đời sau. Trong kinh thường dạy khi gần nhắm mắt chúng ta phải nhiếp tâm niệm Phật, hoặc nhất tâm hướng về kinh điển, hoặc làm chủ được mình như tu Thiên, không khởi niệm. Thế là thoát được sanh tử hay là tự do đi trong sanh tử. Niệm là nhân đưa mình đến sanh tử, vậy niệm là tướng quỷ thần nhìn thấy được.

"Là phàm là thánh đồng vào đường này, hoặc oán hoặc thân cùng chung một lỗ mũi. Thật ngộ như thế, còn kẹt giữa đường. Thôi nói tam huyền hướng thượng, cốt rõ một câu rốt sau. Hãy nói hiện nay cái gì là "một câu rốt sau?"

*Non xanh chốn ấy nhìn trời rộng,
Sen đỏ nó rồi nghe mùi thơm.*

Đến đây Ngài Trần Thái Tông nhắc lại chúng ta, người ngộ rồi luôn luôn sống với đạo, tâm không bị ngoại cảnh chi phối, đối với người ấy là phàm là thánh cũng đồng một đường, đường này không phải đường tử mà là đường không sinh tử. Nghĩa là thánh cũng tâm thể đó, phàm cũng tâm thể đó. Nhận ra tâm thể gọi là thánh, chưa nhận ra gọi

là phàm. Thánh hay phàm đều có tâm thể, cho nên đồng một đường.

"Hoặc oán hoặc thân cùng chung một lỗ mũi".
Mỗi người có lỗ mũi riêng, tại sao nói : Oán thân cùng một lỗ mũi ? Vì nhà Thiên thường dùng lỗ mũi để biểu trưng cho cái chân thật hiện hữu tối quan trọng của con người, ở ngay trước mắt mà không thấy. Chúng ta thấy mặt, thấy mũi của người khác mà không thấy rõ mặt mũi mình, nhìn kỹ chỉ thấy một chút ở đầu mũi thôi, nếu nhìn vào gương thì thấy bóng chớ đâu thấy lỗ mũi thật. Thế nên mũi ở trên mặt mà chúng ta không thấy, nó luôn luôn hiện hữu nhưng dường như ít khi thấy nó. Đối với thân này, mũi là mạch sống tối thượng, miệng ngừng ăn ngừng uống được đôi ngày, nhưng mũi ngừng thở được bao lâu ? Ngừng thở là tắt thở chết ngay. Cũng như vậy, tâm thể là cái chân thật hiện hữu, là thể tối thượng của con người, song chúng ta chưa bao giờ thấy biết. Đừng nghĩ rằng cái không thấy không biết là không có, nó luôn luôn hiện hữu, nhưng vì chúng ta không chịu hồi quang phản chiếu thì làm sao thấy được ! Thế nên người tu muốn thấy cái chân thật của mình, tất phải hồi quang phản chiếu. Cái chân thật được tượng trưng như lỗ mũi, phải chịu khó nhìn xuống mới thấy, nếu ngó ra ngoài chẳng thấy nó đâu. Chúng ta phải

hiểu cho thật kỹ những lời nhắc nhở này, bất cứ hạng người nào, dù kẻ thân hay người oán cũng đều có lỗ mũi, cũng đều có mạng sống chớ thật như nhau, không phải người này có người kia không. Cho nên nói "cùng chung một lỗ mũi", tức là ai cũng có mạng sống như nhau, mạng sống đó là tâm thể thanh tịnh hay tánh giác của mình.

"Thật ngộ như thế, còn kẹt giữa đường". Ngộ đúng như vậy vẫn còn kẹt giữa đường, vì sao ? Vì người ngộ đạo giống như người đứng xa nhìn thấy một ngọn núi, thấy thật rõ, biết ngọn núi cao thấp, có những tảng đá lớn nhỏ v.v.. Thấy ngọn núi nhưng chưa phải là người đến núi. Người ngộ chưa phải là người đến nơi, nên nói "còn kẹt giữa đường", thấy được mà chưa đến được. Ngài Trần Thái Tông nói những câu không phải con người thường nói được !

"Thôi nói tam huyền hương thượng, cốt rõ một câu rốt sau". Tam huyền tam yếu là chủ đích của Tông Lâm Tế, những điều này rất cao siêu. Giờ đây cốt rõ "một câu rốt sau".

"Hãy nói hiện nay cái gì là "một câu rốt sau ?"
Ngài liền làm hai câu thơ rất tài tình :

Thanh sơn đề xứ kiến thiên hoạt,
Hồng ngẫu khai thời văn thủy hương.

Dịch :

*Non xanh chón ấ nhìn trờ rộng,
Sen đỏ nó rời nghe mùi thơm.*

Nếu người đứng dưới giếng nhìn lên, trời chỉ lớn bằng miệng giếng, đứng trên đất bằng nhìn, trời rộng hơn, nhưng khi lên đến ngọn núi, tức là vượt hết mọi ngăn che thì chúng ta nhìn trời càng rộng hơn nữa, nên nói : "Non xanh chón ấ nhìn trờ rộng".

"Sen đỏ nở rồi nghe mùi thơm" : Khi hoa sen chưa nở, tuy nhìn thấy hoa, nhưng chưa có mùi thơm. Khi hoa nở tròn đầy, hương mới cùng khắp.

Cũng như vậy, câu rốt sau là câu vượt lên trên tất cả những chướng ngại, như ngọn núi xanh cao ngất. Khi ấy chúng ta mới thấy tâm thể thành thang rộng lớn. Thấy như vậy chỉ là mới ngộ thôi, nhưng chưa thưởng thức được cái cao siêu quý báu của nó. Giống như hoa sen từ dưới bùn trôi lên khỏi mặt nước, có hình dáng nụ hoa, nhưng chưa có mùi thơm. Phải đợi hoa nở mới có mùi hương thơm ngát. Người tu cũng vậy, dù có tỉnh ngộ vượt ra khỏi vòng tầm thường, tưởng như mình đã tỉnh giác, nhưng còn phải tu hành một thời gian cho công phu viên mãn mới được quả xuất thế. Đừng nghĩ mình ngộ là được quả ngay, đó là không đúng.

Vây câu rớt sau có nghĩa là đạt đến chỗ cứu cánh viên mãn. Nếu mới ngộ đạo là còn kẹt giữa đường, chỉ nên mừng phân nửa thôi. Bao giờ đi đến tận nơi cuối cùng, mới mừng trọn vẹn, hiểu như vậy mới khỏi lầm lẫn. Nhưng hiện nay có một số người hiểu lầm, khi có tình ngộ thì nói hay quá, cái thấy của mình so lại với kinh điển đều trúng hết không sai chút nào, tưởng như mình là thánh cứ lo nói hoài, rớt cuộc thành thánh nói chớ không phải thánh thiệt, đó là bệnh mà những người tu sau này hay mắc phải. Thế nên khi tu thấy đạo rồi, chúng ta cần phải hành cho đến chỗ cứu kính viên mãn.

Qua bài "Rộng khuyên phát tâm Bồ đề", chúng ta thấy Ngài Trần Thái Tông quả là một ông vua kỳ đặc, đang ngồi trên ngai vàng trị vì muôn dân mà tu được, ngộ được và cố gắng tu để giải thoát, thật quá hy hữu. Nhớ lại chúng ta là một thầy tu, một cô ni, có bận rộn chăng là chút việc làm vườn làm rẫy, có thắm vào đâu, chỉ lo chuyên tu mà thôi. Thế mà chúng ta tu không ra gì, nghĩ có hổ thẹn với nhà vua này không ? Các cư sĩ Phật tử cũng vậy, nếu có bận rộn lo cho gia đình một vợ vài ba con, so với nhà vua lo cho muôn dân, người cư sĩ tại gia bận rộn bao nhiêu mà nói tu không được. Lỗi tại mình không quyết tu, nếu chúng ta quyết chí tu hành thì chắc chắn sẽ tu được.

Nói tóm lại trong bài "Rộng khuyên phát tâm Bồ đề", Ngài Trần Thái Tông muốn khuyên mọi người phát tâm cầu giác ngộ, nên tuân tự giải bày hướng dẫn chúng ta :

1. Trước tiên Ngài so sánh vàng bạc của báu với thân mạng con người, chính thân người mới thật là quý. Nhưng thế gian có nhiều người mê muội, quên thân để tìm vàng bạc. Thật ra vàng bạc chỉ là vật bên ngoài, chính thân này mới là gốc của sự sống, cho nên thân quý hơn vàng bạc.

2. Kế đến, thân mạng tuy quý song so với đạo thì đạo còn quý hơn. Vì thân này có rồi phải hoại, đạo là bất hoại nên cao cả hơn. Như đức Phật Thích Ca khi xưa quên thân để cầu đạo. Bên Nho giáo có Ngài Nhan Hối, bên Lão giáo có ông Tử Cơ, cũng vì cầu đạo mà quên thân. Người xưa coi nhẹ thân mà quý trọng đạo.

3. Sau đó Ngài dẫn chứng làm sao biết đạo là quý ? Như những người làm vua, làm quan, làm tướng vẫn đi hỏi đạo với các Thiền sư. Như vậy nếu đạo không quý làm sao người đi cầu học.

4. Cho đến các loài vật nghe đạo còn ngộ còn tu, huống nữa là con người không ham tu, không mộ đạo sao ? Đây là Ngài nhắc nhở đánh thức chúng ta, đã được làm người lại được học đạo, phải nỗ lực cố gắng tu hành, chớ để thiệt thời.

5. Cuối cùng Ngài chỉ cho người tu muốn đạt được kết quả viên mãn, là phải đi con đường tắt nhất, tức là phải hồi quang phản chiếu, chính mình là gốc để tìm ra đạo, không chạy ra bên ngoài. Biết hồi quang phản chiếu thì ai cũng có tánh giác như nhau, ai cũng có thể tu được, vì đạo là bình đẳng không có riêng tư. Nếu tu được, có ngộ chút ít cũng dùng tụ mãn, vì đó mới là nửa đường, còn phải rón đi cho đến chỗ cuối cùng. Như hoa sen từ dưới bùn ngoi lên khỏi bùn, trôi lên khỏi nước, có nụ hoa và phải nở tròn tỏa mùi thơm ngát mới đầy đủ giá trị. Chúng ta cũng phải tu tiến như vậy cho đến chỗ cứu kính viên mãn.

Tóm lại bài này nhắc nhở chúng ta, cả tăng và tục, ai cũng có thể tu được và ai cũng phải cố gắng hành được cho đến ngày đạo quả viên thành.



LUẬN VỀ THỌ GIỚI

DỊCH

Tịnh giới tiếng Phạn gọi là Ba la đề mệ xoa. Sở dĩ chư Phật ba đời được thành đạo không vượt ngoài giới. Nên nói : "Người có phá giới, được gọi là Tỳ kheo, người không phá giới gọi là ngoại đạo". Đây là chỉ người có thọ giới cùng người không thọ giới vậy. Thọ giới rồi lại phá còn gọi Tỳ kheo ; huống là người thọ tất cả tịnh giới, lại kiên trì gìn giữ ! Cho nên hiện tại Bồ Tát lấy đây (giới) mà độ sanh ; vị lai người tu hành do đây (giới) mà giải thoát. Kinh nói : "Giới như đất bằng, muôn điều lành từ đó mà sanh. Giới như thuốc hay, chữa lành các bệnh. Giới như hòn ngọc sáng, hay phá mờ tối. Giới như chiếc thuyền, hay đưa người qua biển. Giới như chuỗi anh lạc, trang nghiêm pháp thân".

Người có tội phải sám hối, nếu không sám hối thì tội càng sâu. Một phen mất

thân này, muôn kiếp chẳng được lại. Ngày nay tuy an, sáng mai khó bảo đảm. Nên giữ giới pháp này, chóng qua sanh tử. Thờ Phật làm thầy, trước phải y theo giới luật. Cổ Đức nói : "Qua sông phải dùng bè, đến bờ chẳng cần thuyền". Đây là cổ nhân dùng giới luật làm thuyền bè. Song người nay chẳng dùng thuyền bè qua sông, mà được đến bờ kia, thật ít thay !

GIẢNG

Bài này tuy ngắn nhưng rất thiết yếu với cư sĩ tại gia và người xuất gia. Bởi vì người tu theo Phật trước tiên phải thọ giới. Tại gia thì thọ ngũ giới, xuất gia thì thọ thập giới hoặc nhiều nhất là 250 giới của Tỳ Kheo Tăng, hoặc là Bồ Tát giới. Vậy thọ giới là gì ? Cần yếu trên đường tu thế nào ? Đây Ngài giải thích cho chúng ta nghe :

"Tịnh giới tiếng Phạn gọi là Ba la đề mộc xoa", đây là dịch âm. Ba la đề mộc xoa là chỉ cho giới luật. Giới luật là những điều răn cấm của đức Phật, từ người cư sĩ đến người xuất gia phải sống thế nào cho đúng, nên gọi đó là giới. Giới là răn cấm. Tại sao đức Phật lại răn cấm những điều đó ? - Là vì lòng từ bi đức Phật răn cấm cho chúng ta thoát

khỏi khổ. Tôi thí dụ như cha mẹ thương con nhỏ dại, sợ con trai hư nên không cho hút thuốc, uống rượu, cờ bạc, bỏ học v.v... Không cho tức là cấm. Vì thương muốn cho con mai sau trở thành người tốt, người hay trong xã hội, nên cha mẹ cấm không cho làm những điều dở, điều xấu. Đức Phật nhìn chúng ta cũng như cha mẹ nhìn con thơ vậy. Nếu không cấm thì nó không sợ, không sợ thì nó khổ, nên Phật ra lệnh cấm. Người tại gia phải giữ năm điều, còn người xuất gia phải giữ mười điều, 250 điều chẳng hạn ... Cấm tức là bắt buộc, mà bắt buộc để làm gì ? Nếu tại gia giữ được năm giới thì bảo đảm có được hai điều tốt là :

1. Nếu tại gia giữ tròn năm giới thì gia đình hạnh phúc, cuộc sống được an tịnh thanh nhàn, mai sau chết đi bảo đảm được trở lại làm người và được hạnh phúc. Như vậy vì muốn cho cuộc sống mình hạnh phúc trong hiện tại và cả mai sau, nên Phật bắt buộc phải giữ giới để cho mình được an lành trong đời này và đời sau.

2. Người xuất gia Phật bắt phải giữ mười giới, 250 giới để chi vậy ? Vì người xuất gia không nghĩ, không muốn mình hạnh phúc, mà muốn mình được giải thoát ngay trong đời này và đời sau. Giải thoát ngay trong đời này tức là đời này sạch hết phiền não, đời sau được giải thoát sanh tử, cho nên Phật

bắt giữ nhiều hơn, để đi đúng con đường giải thoát. Tóm lại, vì thấy chúng ta còn mê muội, Phật muốn cho chúng ta an toàn trên con đường tu hành không trở ngại, nên bắt giữ những điều Phật thấy có hại gọi là giới. Giữ được những giới cấm thì cuộc đời mình an lành và mai kia cũng sẽ an lành. Do đó vì lòng từ bi Phật bắt mình phải giữ giới.

Đây Ngài dẫn : "Số di chu Phật ba đời được thành đạo không vượt ngoài giới". Ba đời chu Phật được thành đạo đều phải do giới luật mà được thành tựu kết quả giác ngộ viên mãn, chứ không phải ngẫu nhiên mà thành.

"Nên nói : "Người có phá giới, được gọi là Tỳ kheo, người không phá giới gọi là ngoại đạo". Câu này mới nghe quý vị hoảng hốt. Vì sao người có phá giới được gọi là Tỳ kheo, người không phá giới gọi là ngoại đạo ? Câu sau Ngài giải : "Đây là chỉ người có thọ giới cùng người không thọ giới vậy". Người có thọ mới có phạm, có phạm mới gọi là phá giới. Người không thọ thì không phạm, không phạm thì không phá giới. Ngài kết luận : "Thọ giới rồi lại phá còn gọi Tỳ kheo, huống là người thọ tất cả tịnh giới, lại kiên trì gìn giữ". Nghĩa là thọ giới rồi lỡ phạm còn gọi là Tỳ kheo thay, huống là thọ giới rồi mà giữ được trong sạch hoàn toàn thì quý biết ngần nào !

"Cho nên hiện tại Bồ Tát lấy đây (giới) mà độ sanh ; vị lai người tu hành do đây (giới) mà giải thoát". Nghĩa là Bồ Tát trong thời hiện tại dùng giới pháp mà dạy, mà độ sanh ... trong thời vị lai người tu hành cũng nhờ giới mà giải thoát. Như vậy lợi tha hay tự lợi đều phải dùng giới, chớ không cách nào khác. Thí dụ như chúng tôi giảng dạy cho Phật tử nghe, Phật tử hiểu đạo rồi phát tâm tu, thì chúng tôi phải dạy làm sao ? - Phải Qui y Tam Bảo và thọ năm giới. Như vậy dạy Phật tử thọ năm giới để tránh tội lỗi, để thoát khỏi những điều phiền não, mới được an lành, nên nói phải lấy giới để độ sanh. Chính chúng ta tu, muốn giải thoát cũng phải lấy giới làm căn bản.

Đây dẫn kinh : "Kinh nói : "Giới như đất bằng, muôn điều lành từ đó mà sanh. Giới như thuốc hay, chữa lành các bệnh. Giới như hòn ngọc sáng, hay phá mờ tối. Giới như chiếc thuyền, hay đưa người qua biển. Giới như chuỗi anh lạc, trang nghiêm pháp thân". Như vậy phương tiện đưa chúng ta đến chỗ an lành, đưa chúng ta thoát khỏi khổ đau đều gốc từ giới. Nghe như thế quý vị thấy có đúng không ? Ở đây tôi thí dụ như cư sĩ tại gia chỉ giữ năm giới là : Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Nếu giữ trọn được năm giới quý vị sẽ thấy bớt khổ

nhiều. Vì không sát sanh thì không gây oán thù ; không trộm cắp thì không bị người khinh bỉ và khỏi lo tù tội ; không nói dối thì đâu có ai sợ mình lừa gạt và không mất uy tín với người khác ; không tà dâm thì gia đình hạnh phúc ; không uống rượu thì tránh khỏi chuyện say sưa. Người giữ được năm giới là đã thoát khổ rất nhiều. Từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội mình không khổ mà lại tăng thêm uy tín, còn nếu phạm thì mất hết uy tín với mọi người. Tỉ dụ như nếu phạm tội trộm cắp thì sợ bị bắt, sợ bị người đánh... Nếu phạm tội giết người lại càng sợ hơn, thấy ai cũng sợ, sợ người ta giết lại mình, sợ bị tù tội... Như vậy tất cả hành động đó làm cho mình bối rối lo sợ, mất cả uy tín của con người. Người tự cho mình là quân tử, là đứng đắn thì không bao giờ đi ăn trộm hay giết người, vì làm như vậy là giảm giá trị con người của mình, đồng thời bao nhiêu thứ khổ khác sẽ đến nữa. Vì vậy nên nói giới làm cho mình lành hết tất cả gốc bệnh khổ.

"Người có tội phải sám hối" : Nếu đã thọ giới rồi lỡ có phạm phải sám hối.

"Nếu không sám hối thì tội càng sâu" : Ví như bây giờ quý vị đã thọ giới không nói dối, nhưng vì làm ăn buôn bán, vì quyền lợi nên phải nói dối. Nói dối một lần rồi coi như phương tiện bỏ qua,

mai một lại phương tiện nữa, phương tiện mãi cho đến chết thôi. Cho nên lỡ nói dối một lần phải ăn năn hối hận, phải thành tâm sám hối, như vậy khả dĩ bệnh nói dối mới hết. Trong giới tu sĩ gần đây hay dùng chữ phương tiện để khi nói điều gì không có sự thật thì bảo "Ồi phương tiện mà !" Nói phương tiện là để biện minh, bào chữa bệnh nói dối của mình. Cứ thế mãi, rốt cuộc mình trở thành người chuyên nói dối. Cho nên càng che chở hoặc tỏ ra mình là người không cố chấp, thì tội lỗi càng sâu. Vì vậy, nếu lỡ làm lỗi chúng ta phải ăn năn hối cải, không nên để nó tăng trưởng. Vì chưa là Thánh nên khi hứa trước Phật, chúng ta cũng cố gắng, nhưng gặp hoàn cảnh thúc bách, vì quyền lợi hoặc vì việc gì đó, có khi phải nói dối. Tôi nói thí dụ như ở trong chùa, việc này không phải lớn, nhưng lỡ khi nào mình đi làm bỏ quên cuộc ngoài rẫy, đến tối bị lấy mất. Sáng hôm sau, tri sự thấy mất cuộc hỏi ai làm mất, vì không ai thấy nên mình nói không biết. Cầm cuộc đi làm mà nói "không biết" là nói dối. Nói không biết là phương tiện để khỏi bị rầy, vậy mai một sẽ nói không biết nữa. Mình nói không biết thì người ta sẽ nghi người khác. Nghi người khác là phiền tới người khác, vì vậy lỡ làm thì nhận lỗi, chịu tội, sám hối, để người khỏi bị họa lây, đó mới là người chân thật. Còn

làm lỗi rồi chôi bỏ để cho người hứng chịu, đó là có ý ác. Cho nên sự việc thấy dường như nhỏ mà không khéo sẽ gây họa lớn. Đây là nói việc nhỏ xiu trong đạo mà nhiều người hay "phương tiện" như thế. Phương tiện tức là che giấu lỗi lầm của mình. Như vậy là yếu đuối, là hèn hạ chứ không phải là phương tiện.

"Một phen mất thân này, muôn kiếp chẳng được lại". Nếu lỡ mất thân này muôn kiếp khó được trở lại làm người. Vì vậy, được thân này là quý, được thân này là phải làm sao có lợi ích cho bản thân mình và cho mọi người.

"Ngày nay tuy an, sáng mai khó bảo đảm". Câu này để nhắc cho những người hay hẹn : "Năm nay bận rộn quá tu không được, thôi hẹn sang năm đi", hoặc có người nói : "Năm nay tôi bận quá, đang lo chuyện này chuyện kia, để sang năm rảnh việc rồi tôi tu". Nhưng mà ngày nay sống thì mừng ngày nay, chắc gì ngày mai mình còn sống. Nếu hẹn ngày mai, rủi mai chết rồi thì sao ? Làm sao có thì giờ mà tu, vì vậy việc tu không thể hẹn. Việc gì làm được lợi mình lợi người phải làm ngay chứ có chần chờ, mai kia biết mình còn sống hay không ?

"Nên giữ giới pháp này, chóng qua sanh tử". Người nào khi thọ giới rồi khéo giữ giới, lần lần sẽ qua được con đường sanh tử.

"Thờ Phật làm thầy, trước phải y theo giới luật". Ai nói là đệ tử Phật thì phải y theo giới luật của Phật dạy.

"Cổ Đức nói : "Qua sông phải dùng bè, đến bờ chẳng cần thuyền". Qua sông tức là khi cần vượt qua sông phải nhờ thuyền bè, đến lúc lên bờ rồi thì thuyền bè không cần thiết nữa. Nhưng không cần thiết là khi đã lên bờ, còn chưa lên bờ mà nói không cần thuyền bè là nhẩy xuống sông tự tử, chớ không đi đến đâu hết. Cho nên tu chưa đến nơi mà không giữ giới luật, cho giới luật là ràng buộc, mất tự do v.v... là họa vậy ! Chừng nào tới bờ kia là bờ giác ngộ rồi, lúc đó bỏ giới luật được, vì đã giác ngộ đâu còn mê mà phải giữ, còn giữa chừng là còn mê mà không giữ thì tạo tội, phải chìm. Hiện nay có một số tu sĩ, đã là Tỳ kheo nữa, lại ngồi quán nhậu nếu có ai thấy hỏi tại sao thấy tu mà còn uống rượu, bèn nói tôi phá cái chấp của thiên hạ, vì họ cứ khư khư chấp giới mãi, nên tôi phá chấp cho họ. Phá chấp như thế là đúng hay sai ? Như vậy là mình làm cho thiên hạ chìm trong sanh tử chứ không phải cứu họ.

"Song người nay chẳng dùng thuyền bè qua sông, mà được đến bờ kia, thật ít thay !" Ngài nói thật là chí lý. Người thời nay không dùng thuyền bè (tức giới luật) để qua sông đến bờ kia (bờ giác

ngộ) thật là ít lắm thay ! Người như vậy ít có lắm, nghĩa là phải nhờ giới luật trước mới đi tới giác ngộ sau. Giới luật không có mà đòi giác ngộ là chuyện không thể được.

Đây là bài Ngài Trần Thái Tông muốn khuyến khích tất cả Tăng Ni và Phật tử, khi vào đạo đã lãnh thọ giới Phật mình phải rón gìn giữ cho tròn. Đó là tự cứu mình, là đưa mình đến chỗ an vui hết khổ, không nên xem thường, xem thường là nguy, là tội lỗi.



LUẬN TỌA THIÊN

DỊCH

Phàm người học đạo chỉ cầu kiến tánh. Tuy thọ được tất cả tịnh giới, mà không tọa thiên thì định lực chẳng sanh ; định lực chẳng sanh thì vọng niệm không diệt, muốn được kiến tánh, thật là khó vậy. Đức Phật Thích Ca vào núi Tuyết, ngồi ngay thẳng sáu năm, chim Cáp làm tổ trên đầu, cỏ tranh mọc xuyên qua bắp vế, mà thân tâm thản nhiên. Tử Cơ ngồi tựa ghế, thân như cây khô, tâm tợ tro tàn. Nhan Hồi ngồi quên, tay chân rời rã. Đuổi thông minh, lia ngu trí, đồng với đại đạo. Đó là các bậc Thánh hiền trong tam giáo ngày xưa, đã từng ngồi định.

Song đi đứng nằm ngồi đều là thiên, không phải chỉ riêng ngồi. Nhưng vì đi thì cất bước, đứng thì nhọc nhằn, nằm thì mờ mịt mà yên tĩnh, yên tĩnh thì cái nghĩ sanh, nghĩ sanh thì niệm khởi. Muốn dứt các niệm, nên tập ngồi thiên định. Nếu khi

ngồi không dứt các niệm, tâm khi đua
nhảy, ý vượn chạy dong, hoặc vọng tưởng
mà biết tiền trần, hoặc vô ký mà quên tự
tánh. Tựa giường, dựa vách, nhắm mắt
che tròng ngủ gục, nước miếng chảy, đầu
cúi, xương sống cong. Tuy giả danh là tọa
thiền, mà ngồi dưới núi đen, trong hang
quỉ. Cho nên Thiên sư Hoài Nhượng nói :
"Mài gạch muốn làm gương" là nói về
người này vậy.

Và lại, thiền có bốn thứ : 1. Tạo kế
khác, ưa trên chán dưới mà tu, gọi là
"Ngoại đạo thiền". 2. Chánh tín nhờn quả,
cũng ưa trên chán dưới mà tu, gọi là
"Phàm phu thiền". 3. Rõ lý sanh (nhân)
không, chứng đạo thiên chơn mà tu, gọi
là "Tiểu giáo thiền". 4. Đạt nhân, pháp đều
không mà tu, gọi là "Đại giáo thiền".

Nay người hậu học, cần lấy "Đại giáo
thiền" làm chánh. Nơi đây tập tọa thiền
dứt niệm, chớ sanh kiến giải.

GIẢNG

"Phàm người học đạo chỉ cầu kiến tánh". Đã nói về giới rồi phải nói đến định. Định tức là tọa thiền. Ngài nói người học đạo phải cầu kiến tánh, tức nhận ra bản tánh thanh tịnh sáng suốt của mình, gọi là kiến tánh.

"Tuy thọ được tất cả tịnh giới, mà không tọa thiền thì định lực chẳng sanh". Nghĩa là mình có được giới trong sạch là có phước, là tránh được phiền não, nhưng không tọa thiền thì sức định không mạnh.

"Định lực chẳng sanh thì vọng niệm không diệt". Không có sức định thì vọng niệm không diệt, nó cứ lăng xăng làm cho tâm mình rối loạn không an. Bởi vậy có giới rồi kế đó phải tọa thiền để tâm được định. Tâm được định thì vọng tưởng mới dừng.

"Muốn được kiến tánh, thật là khó vậy". Nếu vọng niệm chưa hết mà muốn được kiến tánh thật là khó. Bởi vì nếu tâm chưa dừng lặng mà muốn nhận ra được bản tánh thật là điều khó, không thể được. Cho nên đầu tiên là Giới, kế đó là Định. Định là nhờ sức tọa thiền. Nhờ tọa thiền tâm mới lặng. Tâm lặng thì tánh giác mới hiện tiền.

Đấy dẫn chúng : "Đức Phật Thích Ca vào núi Tuyết, ngồi ngay thẳng sáu năm, chim Cáp làm

tổ trên đầu, cỏ tranh mọc xuyên qua bắp vế, mà thân tâm thật nhiên". Đây là chỉ lúc đức Phật tu khổ hạnh sáu năm, chim làm tổ trên đầu, cỏ mọc qua bắp vế, mà Ngài vẫn ngồi yên thiền định.

"Tử Cơ ngồi tựa ghế, thân như cây khô, tâm tựa tro tàn". Tử Cơ là người học đạo tiên. Người tu tiên cũng ngồi thiền định cho tâm yên lặng, khô kiệt không còn rối loạn nữa.

"Nhan Hồi ngồi quên, tay chân rời rã" Nhan Hồi là người tu theo Nho vẫn ngồi quên cả thân thể, buông thõng tay chân. Đây để chỉ tu theo Phật, Lão, Khổng đều phải nhờ thiền định.

"Đuổi thông minh, lìa ngu trí, đồng với đại đạo". Đại đạo là chỉ tánh giác thanh tịnh. Muốn được tánh giác thanh tịnh thì đừng giữ thông minh, ngu trí. Thông minh là cái suy nghĩ lanh lợi, bén nhạy của thế gian, trong nhà Phật gọi là thế trí biện thông tức là trí thế gian, chưa phải là chỗ chân thật, chỗ giác ngộ. Vì vậy nên nói đuổi thông minh, lìa ngu trí mới đồng với đại đạo. Không nên phân biệt trí ngu, chỉ khi nào tâm thân nhiên thanh tịnh, lúc đó mới sống được với đại đạo.

"Đó là các bậc Thánh Hiền trong tam giáo ngày xưa, đã từng ngồi định". Như vậy những bậc Thánh, bậc Hiền trong Phật giáo, Khổng và Lão

vấn ngồi thiền cho tâm được an định. Vì ngồi thiền mới có sức mạnh kềm chế được vọng tưởng, nếu không thì e không có khả năng chinh phục được nó.

"Song đi đứng nằm ngồi đều là thiền, không phải chỉ riêng ngồi". Tuy Ngài đề cao ngồi thiền, nhưng bây giờ Ngài nói lại, trong nhà thiền không phải chỉ ngồi mới thiền, mà đi đứng nằm ngồi đều là thiền.

"Nhưng vì đi thì cất bước, đứng thì nhọc nhằn, nằm thì mờ mịt mà yên tĩnh, yên tĩnh thì cái nghĩ sanh, nghĩ sanh thì niệm khởi". Ở đây nói mọi hành động đều là thiền, nhưng khi đi phải cất bước, cất bước thì có lăng xăng có động, mà động thì khó định. Đứng thì đứng lâu mỏi chân, cũng khó định. Nằm thì mờ mịt vì buồn ngủ, mà mờ mịt thì không có sức mạnh. Tuy nó hơi yên nhưng yên thì cái nghĩ dễ sanh, mà nghĩ sanh thì niệm khởi. Như vậy tuy đi đứng nằm đều được, nhưng không phải là thế ưu.

"Muốn dứt các niệm nên tập ngồi thiền định". Ngồi thiền là ưu hơn hết, bởi vậy bất quý vị ngồi hai giờ là cái lý của tôi. Có ngồi nhiều rồi quý vị mới thấy kinh nghiệm tôi không sai. Nếu ngồi một giờ thì nửa giờ đầu rối bời, lúc hơi yên là hết giờ. Ngồi một giờ rưỡi thì nửa giờ đầu rối, nửa giờ kế

hơi yên yên, nửa giờ sau vừa mới yên thì hết giờ. Ngồi hai giờ thì bỏ giờ đầu, còn giờ sau là giờ yên. Yên là sức mạnh. Ngoại trừ những người mới ngồi thì giờ sau là giờ chịu đựng, nhưng có chịu đựng rồi sẽ thắng. Còn người ngồi được lâu thì giờ sau mới yên, yên rồi sẽ thấy sức mạnh của thiền. Sức mạnh đó mới thắng được vọng tưởng, nếu không thì vọng tưởng cứ ào ào tuôn ra dùng không nổi. Bởi vậy, tu cần phải cố gắng chịu đựng mới thắng được, chớ không phải dễ dàng.

"Nếu khi ngồi không dứt các niệm, tâm khởi đưa nhẩy, ý vượn chạy dong, hoặc vọng tưởng mà biết tiền trần, hoặc vô ký mà quên tự tánh". Ở đây Ngài nói, khi ngồi cốt dứt vọng niệm, mà vọng niệm không dứt thì tâm, ý chạy lăng xăng loạn động. Như đang ngồi ở thiền đường Trúc Lâm mà đi dạo chợ Đà Lạt, có khi chạy xuống Thường Chiếu, chạy khắp mọi nơi. Đó là tâm khởi đưa nhẩy, ý vượn chạy dong.

"Hoặc vọng tưởng mà biết tiền trần, hoặc vô ký mà quên tự tánh". Vọng tưởng và vô ký là hai bệnh của người ngồi thiền. Vọng tưởng nhớ lại cảnh này cảnh nọ, hoặc hình ảnh của những ngày qua, biết là biết theo cái bóng của những việc đã qua. Vô ký là chuẩn bị hôn trầm. Nếu ngồi mà tỉnh sáng, thì không là tánh giác. Có nhiều người không

hiếu, ngồi cứ cầu cho thấy tánh. Cần thấy tánh làm gì ? Chỉ cần tỉnh sáng không vọng tưởng là đủ rồi. Sao vậy ? Vì tánh hiện đó chớ đâu, còn cầu thấy chỉ là bệnh. Cho nên vô ký quên tự tánh là khi mờ mờ mịt mịt quên cái tỉnh sáng của mình.

Đây nói những bệnh : "Tựa giường, dựa vách, nhắm mắt che tròng ngủ gục, nước miếng chảy, đầu cúi, xương sống cong". Đó là những bệnh của người ngồi thiền còn lười thôi. Ngồi thiền mà ngồi trong bụng tựa giường, vừa mỗi muốn dựa vách cho đỡ mỏi, hoặc nhắm mắt một hồi rồi gục lên gục xuống, hoặc ngồi đầu cúi, nước miếng chảy xuống, xương sống cong. Người tập tu thiền có những bệnh ở trên đây cần phải rán sửa.

"Tuy giả danh là tọa thiền, mà ngồi dưới núi đen, trong hang quỷ". Ngồi như vậy là giả danh ngồi thiền, vì bị mờ mờ mịt mịt đâu có thấy gì, mà quỷ thì ở trong bóng tối, nên nói là ngồi dưới núi đen, trong hang quỷ, chớ không phải ngồi trong nhà Phật, trong nhà thiền. Như vậy ngồi thiền phải ngồi cho ngay thẳng, không nương dựa vào vật gì, mắt mở nhỏ, không nên nhắm, đầu đừng cúi quá, không cho nước miếng chảy, xương sống thẳng, đó mới đúng cách tọa thiền.

"Cho nên Thiền sư Hoài Nhượng nói : "Mài gạch muốn làm gương" là nói về người này vậy".

Thiền sư Hoài Nguợng ở núi Nam Nhạc, một hôm Ngài đi dạo núi chơi, thấy một vị sư ngồi thiền nghiêm chỉnh trên tảng đá, Ngài liền đến hỏi : Ông làm gì đây ? Đáp : Dạ, con ngồi thiền. Hỏi : Ngồi thiền cầu làm gì ? Đáp : Cầu thành Phật. Ngài im lặng trở về. Hôm sau, Ngài trở lại, đến bên tảng đá vị sư kia ngồi (vị sư này sau là Mã Tổ Đạo Nhất), lấy một viên gạch ngồi mài. Vị sư thấy lạ hỏi : Hòa thượng mài gạch để làm gì ? Ngài đáp : Ta mài gạch để làm gương. Vị sư thắc mắc hỏi : Mài gạch sao thành gương được ? Đáp : Nếu mài gạch không thành gương được thì ngồi thiền đâu thể thành Phật được ? Vị sư giật mình hỏi lại : Ngồi thiền sao không thành Phật ? Ngài giải thích : Ông học ngồi thiền hay học ngồi Phật ? Nếu học ngồi thiền, thiền không phải ngồi nằm. Nếu học ngồi Phật, Phật không có tướng nhất định. Nếu ông chấp ngồi là Phật tức là giết Phật. Như vậy Phật không phải chỉ ngồi mới có. Nếu ngồi mới gọi là Phật, thì lúc đi, đứng là ai ? Vì Phật đâu phải chỉ ngồi, có khi Phật đi khất thực, không ngồi thì không phải Phật sao ? Ngài nói như vậy để đánh thức vị sư. Lại nữa, Phật là giác ngộ mà giác ngộ không phải chỉ riêng ở trạng thái ngồi mà cả trong bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi). Nếu chấp ngồi mới là Phật, đó là bệnh. Ở đây Ngài muốn nói nếu tu thiền mà cố chấp ngồi để thành Phật, rồi ngồi

gục lên gục xuống, không tỉnh, không sáng, thì chẳng khác nào mài gạch muốn thành gương vậy !

"Vả lại, thiên có bốn thứ : 1. Tạo kế khác, ưa trên chán dưới mà tu, gọi là "Ngoại đạo thiên". 2. Chánh tín nhân quả, cũng ưa trên chán dưới mà tu, gọi là "Phàm phu thiên". 3. Rõ lý sanh (nhân) không, chúng đạo thiên chơn mà tu, gọi là "Tiểu giáo thiên". 4. Đạt nhận, pháp đều không mà tu, gọi là "Đại giáo thiên". Ở chỗ khác theo lời giải của Ngài Tông Mật có thêm cái thứ năm nữa là Tối thượng thừa thiên, đó là Thiên Tông.

"Tạo kế khác, ưa trên chán dưới mà tu, gọi là "Ngoại đạo thiên". Tức là ưa ngồi thiền để có một cái gì bên ngoài tựa vào mình để được thành Thánh thành Thần ; hoặc ngồi thiền để mong cầu có một sức mạnh thiêng liêng nào ở bên ngoài tựa vào mình, dầu sức mạnh đó có diện lực gì cũng thuộc về Ngoại đạo thiên.

"Chánh tín nhân quả, cũng ưa trên chán dưới mà tu, gọi là "Phàm phu thiên". Nghĩa là nghe trong kinh Phật dạy, người tu được sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên thì được sanh trên các cõi trời sắc giới ... Vì ham sanh ở các cõi trời sắc giới mà tu để chứng các thứ thiên đó, nên gọi là phàm phu thiên. Tuy có tín nhân quả, nhưng kết quả chỉ sanh lên các cõi trời sắc giới thôi.

"Rõ lý sanh không, chúng đạo thiên chơn mà tu, gọi là "Tiểu giáo thiên". Sanh không là rõ về thân con người không có ngã. Sanh không chỉ do cái nhân con người phá được ngã chấp, mà tu thiên chúng được đạo thì gọi là Tiểu thừa thiên hay Tiểu giáo thiên. Đây chúng được quả A La Hán, giải thoát sanh tử.

"Đại nhân, pháp đều không mà tu, gọi là "Đại giáo thiên". Người tu phá được chấp ngã chấp pháp, cả hai đều không mà tu thì gọi là Đại giáo thiên hay Đại thừa thiên.

"Nay người hậu học, cần lấy Đại giáo thiên làm chánh. Nơi đây tập tọa thiên dứt niệm, chớ sanh kiến giải". Ngài khuyên người thời nay tu hành nên theo Đại giáo thiên, là thiên không còn chấp ngã, chấp pháp. Ngã là chỉ cho mình cho người, pháp là chỉ cho sự vật chung quanh. Cả hai đều không chấp gọi là Đại giáo thiên, cũng gọi là thiên Đại thừa. Pháp tu này mới giải thoát sanh tử cho mình và phát đại bi tâm cứu độ mọi người. Vì vậy Ngài khuyên chúng ta nên học theo Đại giáo thiên này mà tu dứt niệm, không nên sanh kiến giải.



LUẬN VỀ GIỚI ĐỊNH TUỆ

DỊCH

Phàm tất cả người tu hành đều do hai việc : chán sanh, tử. Bỏ cha mẹ vợ con, xuất gia cầu đạo, phụng thờ đức Phật làm thầy. Noi theo đường tắt của chư Phật, chỉ có kinh mà thôi. Song trong kinh nói ra, duy giới, định, tuệ. Luận Giải Thoát nói : "Giới, định, tuệ gọi là đạo giải thoát". Giới là nghĩa oai nghi. Định là nghĩa chẳng loạn. Tuệ là nghĩa giác tri. Lấy giới để trừ ác cấu. Lấy định để trừ triền cấu. Lấy tuệ để trừ sử cấu. Cho nên dùng giống thiện này (Giới - định - tuệ) mà theo đạo, gọi là : Sơ thiện, trung thiện, hậu thiện. Giới là sơ thiện, định là trung thiện, tuệ là hậu thiện. Giới là sơ thiện là, vì tinh tấn trì giới thành tựu bất thối nên mừng. Vì mừng nên nhả nhót, vì nhả nhót nên cử động, vì cử động nên vui, vì vui nên tâm không định. Định là trung thiện là, do thân cử động nên dừng, do dừng nên tâm trụ, do tâm trụ nên thấy biết như thật,

đây là trung thiện. Tuệ là hậu thiện là, do thấy biết như thật nên chán ghét, do chán ghét nên lia dục, do lia dục nên giải thoát, gọi là hậu thiện.

Vì thế dùng giới trừ ác thú, dùng định trừ dục giới, dùng tuệ trừ tất cả cõi. Nương theo giới định tuệ này mà tu, tức là đường tắt của chư Phật, chẳng phải xa vậy.

GIẢNG

Bài này đặt nặng về người xuất gia hơn. Ngài nói rằng : "Phàm tất cả người tu hành đều do hai việc : chán sanh, tử". Hai việc nói chung là chán sanh tử. Tại sao vậy ? Bởi vì có sanh ra thì phải có tử, muốn khỏi tử phải làm sao ? - Phải khỏi sanh. Vì vậy phải chán sanh mới được. Nhưng người thế gian lại chán tử, ưa sanh. Ngày ra đời gọi là sanh nhật, mời bà con ăn mừng, thết đãi rượu chè v.v... Còn ngày tử gọi là ngày gì ? - Ngày húy kỵ là ngày kiêng sợ, như vậy người ta hay sợ chết lại thích sống. Thích sanh, mà có sanh phải có tử. Muốn có sanh mà sợ tử, không thể được. Nên người học đạo, hiểu đạo phải chán cả hai, chán tử mà cũng chán cả sanh. Đã sợ chết thì dùng sanh mới khỏi chết, nhưng thế gian chỉ chán một thứ làm sao được.

"Bỏ cha mẹ vợ con, xuất gia cầu đạo, phụng thờ đức Phật làm thầy". Đây nói người xuất gia hơi lớn tuổi, chớ không phải nói những người còn nhỏ, người nhỏ chỉ bỏ cha mẹ thôi, còn người lớn phải bỏ cả cha mẹ vợ con để theo Phật, phụng thờ đức Phật làm thầy phải :

"Nói theo đường tắt của chư Phật". Đường tắt đó là gì ? "Chỉ có kinh mà thôi". Kinh Phật dạy là đường tắt của chư Phật đã đi. Phật chỉ dạy chúng ta phải noi theo đó. Bởi vậy nói rằng kinh là bản đồ do đức Phật ngày xưa đã đi qua, Ngài vẽ lại cho chúng ta thấy, biết và noi theo để đi đến chỗ cuối cùng mà Ngài đã đến. Như vậy kinh là lối chỉ cho chúng ta tiến theo con đường của Phật.

"Song trong kinh nói ra, duy giới, định, tuệ. Luận Giải Thoát nói : "Giới, định, tuệ gọi là đạo giải thoát". Kinh Phật nói rất nhiều, nhưng chỉ có ba phần căn bản là giới, định, tuệ. Ba môn này gọi là tam giải thoát. Giới, định, tuệ là ba con đường đưa đến giải thoát. Vì vậy người nào muốn giải thoát sanh tử phải thực hành giới, định, tuệ.

"Giới là nghĩa oai nghi". Oai nghi là hình tướng. Từ cách đi, đứng, nằm, ngồi, ăn nói của mình sao cho hợp với oai nghi. Người muốn cho tâm an, trước phải có hình tướng điềm đạm trang nghiêm, nếu

hình tướng còn lảng xăng thì tâm rất khó yên. Cho nên giới là để kèm chế cho hình tướng được nghiêm chỉnh. Vì vậy, giới Phật không cho Ty Kheo vừa đi vừa nhảy, không cho đi ngó bên này liếc bên kia. Đi phải nghiêm trang, đi từng bước, hoặc đi phải nhìn ngay ngó thẳng. Những cử chỉ đó tuy là hình thức nhưng giúp cho chúng ta nhiều để tâm ít loạn. Thế nên nói giới rồi mới nói đến định.

Định là gì ? "Định là nghĩa chẳng loạn". Nghe nói định chúng ta cứ tưởng có cái gì lạ, nhưng thật ra khi tâm không dấy niệm, không khởi nghĩ đó là định. Quý vị thử tìm xét lại có được bao nhiêu phút không dấy nghĩ, hay hết việc này kéo đến việc kia, hết chuyện kia lại kéo ra chuyện khác, chuyện của năm trên năm dưới cứ tuôn ra liên miên không dừng nên tâm loạn động. Khi nào dừng được cái nghĩ, tâm yên lại là định. Bởi vậy, có nhiều vị hỏi tôi : Con tu biết chừng nào được định. Cần hỏi tôi điều đó không ? Nếu có trả lời, tôi sẽ nói : Chừng nào tâm không loạn là được định, đó là chơn lý. Vì không ai có thể trả lời thời gian chừng nào. Như vậy định nghĩa Định rất rõ rồi.

"Tuệ là nghĩa giác tri". Giác tri tức là hiểu biết đúng như thật. Hiểu biết đúng như thật gọi là Tuệ.

Bây giờ Ngài nói rõ công dụng của mỗi thứ :

"Lấy giới để trừ ác cấu". Ác cấu là gì ? Cấu là như nhóp. Tam độc gọi là ác cấu. Tam độc là tham, sân, si. Nhờ giữ giới nên bớt tham sân si.

"Lấy định để trừ triền cấu" : Triền cấu là thập triền. Thập triền là : 1. Vô tầm. 2. Vô quý. 3. Tật. 4. Xan (khan). 5. Hối. 6. Thùy miên. 7. Trạo cử. 8. Hôn trầm. 9. Sân phần. 10. Phú.

Đó là âm chữ Hán, còn nghĩa :

- Vô tầm là không hổ, không biết xấu hổ.

- Vô quý là không thẹn, tức làm điều xấu mà không thẹn.

Vô tầm vô quý nói gọn là : không hổ không thẹn. Đó là hai bệnh lớn, bệnh nặng. Người nào làm những điều xấu, điều trái không biết hổ thẹn gọi là người da chì lạnh không thay đổi. Những người đó cứ lầm lì tiến tới, không bao giờ sửa đổi. Cho nên hổ thẹn là phương tiện tốt nhất để giúp cho con người vươn lên. Không hổ không thẹn là gốc của tội lỗi. Vì vậy khởi đầu của thập triền là vô tầm vô quý.

- Tật là tật đổ, thấy ai hơn mình thì bực bội kiếm chuyện dèm pha, nói xấu. Không thích ai hơn mình, vì mình là số một. Còn có người nào bằng mình thì tâm cứ bực bội bất an.

- Xan là keo sến, xan tham rít rắm.

- Hối là hối hận, là tốt, sao đây lại cho là lỗi. Bởi vì hối hận có hai mặt, nếu làm lỗi rồi hối hận để xin lỗi, sám hối thì cái hối đó tốt, nó làm cho mình sửa bỏ được những sai lầm, tội quấy. Còn cái hối mà nhớ lại chuyện cũ đã xảy ra, tí dụ người ta nói một câu chửi mình, mà lúc đó mình trả lời không hay, không vừa ý, đến lúc ngồi thiền cứ nhớ đi nhớ lại việc đó mà hối hận, rồi cố tìm câu trả lời cho hay, khi tìm ra được câu đáp lại muốn xá thiền ngay, để trả lời lại cho há giận. Như vậy giờ ngồi thiền thành giờ loạn tưởng và cái hối đó là hối loạn tưởng, là bệnh. Cho nên chúng ta phải hiểu cho rõ, cũng một chữ hối mà ở trường hợp này là tốt, trường hợp kia là xấu. Hối lỗi để sám hối, xin lỗi là tốt. Còn thấy mình kém thua có những cái dốt rồi hối tức việc đó sao không đúng như mình muốn, thì cái hối đó làm cho tán loạn trong tâm, nó là bệnh thuộc về triền sử.

- Thùy miên là ngủ mùi, ngủ mê, cứ nằm xuống là ngủ, có khi ngồi dựa cũng ngủ. Đó là bệnh thùy miên. Khi ngồi thiền mà ngủ gọi là ngồi ở đâu ? Ngồi ở núi đen, ngồi trong hang quỉ.

- Trạo cừ tức là lãng xăng. Thí dụ như ngồi thì chân nhip, tay gõ. Thân không yên, tâm cũng không yên, hết nghĩ chuyện này đến chuyện khác lãng xăng. Thân lãng xăng gọi là thân trạo cừ. tâm

lãng xãng là tâm trạo cử. Người tu có khi thân trạo, có khi tâm trạo.

- Hôn trầm là ngủ gục.

- Sân phần có chỗ gọi là sân hận, dịch là giận hờn. Giận hờn người này, giận hờn người kia. Khi giận hờn ai thì ngồi thiền có yên không ? Cứ nhớ chuyện giận mãi mà lòng bất an.

- Phú là che. Che dậy lỗi lầm. Làm quấy mà không chịu sám hối nhận tội, cứ che lỗi của mình, đổ thừa người này người nọ. Đó là bệnh phú.

Mười điều này là thập triền, làm sao để trừ nó ? - Lấy định để trừ triền cấu, tức là lấy thiền định để trừ cái nhờn nhớp của thập triền. Triền là trói buộc, làm cho mình tối tăm mờ mịt.

"Lấy tuệ để trừ sử cấu". Sử cấu là cấu nhờn của thập sử. Thập sử là tham, sân, si, mạn, nghi. Năm cái này gọi là ngũ độn sử. Còn năm cái sau là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến và giới cấm thủ kiến gọi là ngũ lợi sử. Sử là sai khiến, là thúc đẩy mình phải làm, phải đi theo con đường đó gọi là sử. Trong mười sử này chia làm năm cái độn và năm cái lợi. Năm độn sử là năm sử ngu si, nó rất mạnh, trừ rất khó. Năm lợi sử là sử khôn ngoan, lanh lẹ. Sử khôn ngoan tuy thấy dữ nhưng dễ trừ.

- Tham là tham lam. Như chúng ta có lòng tham, bất cứ tham cái gì, nó xúi giục mình chạy tìm kiếm. Thí dụ tham ăn, muốn được một món ăn ngon, trong viện không có, ngoài chợ Đà Lạt mới có, thì phải chạy ra Đà Lạt mua. Vậy có phải cái tham sai khiến không ? Nhiều người phải khổ vì cái tham này.

- Sân nghĩa là nóng giận. Thí dụ đang ngồi trong nhà, nghe người ngoài đường kêu tên mình nói xấu, mình có ngồi yên không hay chạy ra để cãi lại ? Tất cả sự việc đó đều sai sử mình tìm kiếm.

- Si tức si mê mờ ám.

- Mạn tức ngã mạn.

- Nghi là nghi ngờ, không có lòng tin cũng là bệnh lớn. Thông thường trong nhà thiền nói đa nghi thì đa ngộ, nhưng tại sao ở đây lại nói nghi là bệnh ? Nói đa nghi đa ngộ là trong khi tu mình dồn tâm đến chỗ thanh tịnh, nếu có một nghi vấn gì chưa giải quyết được, vừa nhớ lại là giải quyết được ngay. Cái nghi đó làm cho mình ngộ được vấn đề chưa hiểu, còn cái nghi này là không biết rõ được gốc thật hư. Thí dụ khi mới tu, cái nghi đầu tiên là nghi Tam Bảo, nghi Phật, nghi Pháp, nghi Tăng, mà nếu nghi Phật, Pháp, Tăng thì không thể tu. Hoặc giả nghi không biết mình tu nổi không,

tu không biết có được gì không ? Đó là những cái nghi làm chương sự tu của mình, nên nó nằm trong ngũ độn sử.

- Thân kiến là chấp thân hoặc thường còn, hoặc đoạn diệt.

- Biên kiến là chấp một bên, hoặc chấp có, hoặc chấp không.

- Tà kiến là nhìn hiểu theo những điều sai lầm mà cho là đúng.

- Kiến thủ kiến tức là chấp chặt sự hiểu biết sai lầm của mình.

- Giới cấm thủ kiến là làm theo lời răn cấm của ngoại đạo tà giáo. Có nhiều tà thuyết đặt ra những điều răn cấm không đúng mà mình lại chấp vào những điều đó.

Mười điều trên đây gọi là thập sử, làm mê hoặc, sai khiến mình chạy theo nó. Như vậy nhờ trí tuệ trừ được nó.

"Cho nên dùng giống thiện này (Giới - định - tuệ) mà theo đạo, gọi là : Sơ thiện, trung thiện, hậu thiện. Giới là sơ thiện, định là trung thiện, tuệ là hậu thiện". Như vậy là Ngài mới đưa chúng ta đến chỗ biết Giới - định - tuệ là ba gốc lành đầu giữa và cuối.

"Giới là sơ thiện là, vì tinh tấn trì giới thành tựu bất thối nên mừng. Vì mừng nên nhảy nhót, vì nhảy nhót nên cử động, vì cử động nên vui, vì vui nên tâm không định". Nghĩa là người nào luôn giữ giới được thanh tịnh thì có niềm mừng, vì mừng nên nhảy nhót. Cũng như đứa bé khi thấy ba má đi đâu xa về thì mừng nên nhảy nhót tung tăng. Vì thế khi chúng ta giữ giới thanh tịnh thì có niềm mừng, vì mừng nên nhảy nhót cử động, tức là lảng xãng trong tâm. Vì cử động nên vui, vì vui nên tâm không định. Cho nên cái vui của giữ giới không được an định.

"Định là trung thiện là, do thân cử động nên dừng, do dừng nên tâm trụ, do tâm trụ nên thấy biết như thật, đây là trung thiện". Nghĩa là dừng cử động của thân, thân dừng thì tâm trụ, do tâm trụ nên thấy biết đúng như thật không còn làm lẫn nữa.

"Tuệ là hậu thiện là, do thấy biết như thật nên chán ghét, do chán ghét nên liả dục, do liả dục nên giải thoát, gọi là hậu thiện". Như tôi thường nói người thế gian thấy những gì có dáng vẻ bề ngoài, rồi chạy theo, tưởng lầm nó đẹp thật, xấu thật. Người tu thấy rõ thân này là như chớp, vô thường, không có chủ thể tức không có ngã, thấy rõ như vậy không còn mến thích nó. Vì vậy nên chán

ghét, lia ngũ dục, vì lia ngũ dục nên giải thoát, không còn bị các trói buộc của thế gian nữa.

"Vì thế dùng giới trừ ác thú". Nhờ giữ giới nên tránh không sanh các cõi ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

"Dùng định trừ dục giới". Vì nhờ sức định nên không bị sanh trong các cõi trời dục giới.

"Dùng tuệ để trừ tất cả cõi". Bởi vì định không sanh trong các cõi trời dục giới, nhưng lại sanh trong các cõi trời sắc giới, vô sắc giới, nên phải nhờ có trí tuệ để trừ hết các cõi, không còn dính trong tam giới. Vì vậy tuệ là cái sau cùng.

"Nương theo giới định tuệ này mà tu, tức là đường tắt của chư Phật, chẳng phải xa vậy". Nếu ai tu đúng theo Giới Định Tuệ là đi đường tắt của chư Phật, thì kết quả thành Phật không phải là chuyện xa vời.

Qua những bài tôi giảng của Ngài Trần Thái Tông, quý vị thấy Ngài không những là người hiểu đạo trong phạm vi cư sĩ mà còn hiểu sâu xa đến những người xuất gia, tu hành muốn tiến đến giải thoát phải thế nào. Ngài cũng bàn luận chỉ vẽ rất rõ ràng. Như vậy chúng ta mới thấy Ngài là một con người đang bị trói buộc bởi tất cả tài sắc danh

lợi, mà Ngài đã gỡ thoát ra được, thấy rõ hướng đi, chỉ vẽ lại cho người sau, đó là điều thật đáng quý. Bởi vậy càng đọc càng nghe, chúng ta càng hổ thẹn cho mình. Tại sao mình có nhiều điều kiện dễ tu hơn Ngài, mà tu còn lơ mơ, chưa xứng đáng. Vì vậy mỗi người chúng ta nghe thấy gương người đi trước thì phải nỗ lực đi cho đúng, cho bằng chớ đừng thua. Đó là điều tôi mong tất cả hãy cố gắng.



LUẬN GUƠNG TUỆ GIÁO

DỊCH

Tuệ sanh từ sức định. Nếu tâm định thì gương tuệ sanh, nếu tâm loạn thì gương tuệ diệt. Cũng như chiếc gương bằng đồng trước phải nhờ mài giữa, sau mới trong sạch soi sáng. Nếu chẳng mài giữa thì tỳ vết bụi như phủ tối. Đã bị bụi như phủ thì ánh sáng làm sao mà sanh ? Cho nên trí tuệ do định hiện, định tuệ nương nhau không thể thiếu một.

Nếu mượn danh tọa thiền, tâm chưa được định mà gương tuệ sanh thì không bao giờ có. Tuy có tánh tuệ mà không tập tọa thiền, tự cho đã có tuệ thì cần tọa thiền làm gì ? Người như thế, tuy có tuệ mà không gương thể. Nếu khi thiền định, tâm chưa được định mà muốn cầu tuệ, ví như sóng gió chưa dừng mà mong thấy bóng mặt trăng. Nếu tâm đã định lại sanh tà giải, cầu mong được tuệ, cũng như sóng gió đã lặng, bóng trăng lóng trong mà lại

lấy tay vớt trong nước muốn được bóng mặt trăng, khi nào được thấy.

Tổ sư nói : "Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch". Lại nói : "Tịch tịch tình tình phải, tịch tịch vô ký sai. Tình tình tịch tịch phải, tình tình loạn tướng sai"⁽¹⁾. Tình tình tịch tịch, tịch tịch tình tình là thuốc, vô ký loạn tướng là bệnh. Nếu thân có bệnh phải nhờ thuốc đối trị, thân đã bình định còn gì phải trị. Nếu được như thế thì định tuệ thành tựu.

GIẢNG

"Tuệ sanh từ sức định ... định tuệ nương nhau không thể thiếu một". Đây là đoạn đầu Ngài Trần Thái Tông nói về gương trí tuệ. Trí tuệ từ đâu mà có, tức là trí tuệ từ sức định, do định mà có tuệ. Nếu không có giới thì khó được định, nếu không có định, không thể phát tuệ. Thế nên giới định tuệ có sự liên quan mật thiết, nếu thiếu một chúng ta khó thực hiện được trí tuệ cao siêu.

(1) Trong chạnh văn "Tịch tịch tình tình thị vô ký, tình tình tịch tịch thị loạn tướng". Nguyên bản của Thiền sư Huyền Giác "Tịch tịch tình tình thị, tịch tịch hôn trầm phi. Tình tình tịch tịch thị, tình tình loạn tướng phi". Có lẽ ở đây in sót mấy chữ.

"Nếu tâm định thì gương tuệ sanh, nếu tâm loạn thì gương tuệ diệt". Ở đây Ngài ví dụ tuệ như cái gương. Gương sáng là nhờ dầu, tức nhờ trong sạch nên gương sáng. Nếu gương bị bụi phủ, hay bị những vết hằn trên mặt gương, chúng ta sẽ không thấy gương sáng được. Ví dụ tâm chúng ta loạn tưởng nhiều, đó là những bụi làm mờ gương trí tuệ của mình. Vì vậy định là phương tiện để gương trí tuệ sáng. Muốn được sáng suốt, trước hết tâm phải an định, từ tâm an định mới phát ra trí tuệ. Nếu tâm không an định mà muốn được trí tuệ không bao giờ có. Thế nên, chúng ta phải ngồi thiền nhiều là phương tiện để tâm an định, từ tâm an định chúng ta mới có trí tuệ sáng suốt thấy được lẽ thật ở nơi mình và ở ngoại cảnh. Vì vậy, trí tuệ không phải tự có mà nhờ tâm an định mới phát ra.

"Cũng như chiếc gương bằng đồng trước phải nhờ mài giữa, sau mới trong sạch soi sáng. Nếu chẳng mài giữa thì bụi như phủ kín". Đây nói gương bằng đồng chớ không phải gương pha lê. Gương bằng đồng có khi chúng ta thấy nó sáng, có lúc thấy tối. Vì sao ? Gương sáng là nhờ có mài giữa, do mài giữa cho hết tỳ vết để gương được phẳng, có phẳng gương mới sáng, nhưng nếu không giữ để bụi bặm phủ lấp thì gương vẫn tối như thường.

Vì vậy trước có công phu mài giũa, kế phải giữ gìn gương mới trong, gương trong thì được sáng. Gương trí tuệ của chúng ta cũng vậy, trước phải cố gắng dẹp bỏ vô minh phiền não, rồi gìn giữ không cho loạn tưởng. Hội đủ hai điều này thì trí tuệ chúng ta sẽ được sáng. Đó là ý nghĩa dụ trí tuệ như gương.

"Đã bị bụi nhơ phủ thì ánh sáng làm sao mà sanh ? Cho nên trí tuệ do định hiện, định tuệ nương nhau không thể thiếu một". Nghĩa là gương bị bụi nhơ phủ kín thì làm sao có ánh sáng. Cũng vậy, nếu tâm loạn tưởng thì trí tuệ không thể sanh. Trí tuệ sanh là do có sức an định. Nhưng ở đây nói theo lối nhìn của Nhị thừa, luôn luôn đặt trước có giới, sau có định, rồi mới có tuệ. Nếu nhìn theo tinh thần của Lục Tổ thì định tuệ bình đẳng. Định và tuệ không tách rời nhau, có định tức có tuệ, có tuệ tức có định. Tại sao vậy ? Vì đối với Thiên Tông chúng ta không phải đợi tâm an định viên mãn mới phát ra trí tuệ. Nếu vậy thì định trước tuệ sau, mà Thiên Tông nói định và tuệ đồng thời, trong định có tuệ, trong tuệ có định, hai cái không tách rời nhau được. Do đâu để chúng nghiệm điều này. Thí dụ hằng ngày chúng ta ngồi thiền thấy vọng không theo. Vọng đấy là động, mình biết nó, nó lặng xuống, thì cái biết vọng là tuệ, vọng lặng

là định. Do đó không phải đợi khi tâm an định hoàn toàn chúng ta mới có tuệ, mà chính khi nó đang dấy động chúng ta vẫn có trí tuệ thấy biết, không theo thì được an. Hiểu như vậy mới biết tinh thần Thiền Tông mà Lục Tổ đã nói là Định Tuệ bình đẳng. Nếu vọng dấy lên chúng ta thấy thì cái thấy vọng để không theo đó là tuệ. Nhưng khi vọng lặng hết không còn nữa thì lúc đó tuệ đang ở đâu ? - Tuệ ở chỗ biết vọng đang yên. Như bây giờ không có vọng thì ai biết không vọng ? Khi vọng dấy lên nó biết, khi không vọng nó cũng biết, thì cái biết trước là tuệ, cái biết sau cũng là tuệ. Hiểu cho thật kỹ mới rõ được ý nghĩa tu thiền. Nếu không hiểu cứ cố gắng kềm cho nó yên, khi nó yên lại hoảng hốt lên tưởng mình đâu mất rồi. Khi có vọng tưởng mình còn thấy, bây giờ vọng lặng hết sao không thấy gì. Như vậy tưởng là mất sạch không còn tâm tri giác, nhưng không ngờ khi vọng yên rồi, thì thấy rõ vọng yên, mà thấy rõ vọng yên là cái gì thấy ? - Đó là trí tuệ thấy.

Thế nên tôi thường hay dẫn câu chuyện của vị Tổ thứ 18 ở Ấn Độ là Tổ Già Da Xá Đa. Một hôm, Ngài đi hóa đạo ngang qua một vùng nọ, có người Bà La Môn tên Cưu Ma Đa La (sau này là vị Tổ thứ 19) thấy Ngài bèn đến hỏi : "Ngài tu theo đạo nào mà có đức hạnh đáng kính như thế ?" Ngài

nói . "Tôi tu theo đạo Phật". Người Bà La Môn nghe Ngài nói tu theo Phật, ông hoảng sợ, chạy về nhà đóng kín cửa lại. Tổ biết người này có duyên, về sau sẽ làm được Phật sự lớn, nên Tổ theo tới nhà. Đến nơi, thấy cửa đóng kín, Tổ bước lại gõ cửa, gõ mãi ông vẫn làm thính. Sau cùng, ở bên trong ông nói vọng ra : "Trong nhà không có người". Tổ liền hỏi : "Không có người, vậy ai trả lời đó ?" Nghe Tổ nói như vậy, ông mới giật mình mở cửa ra đón Tổ. Câu chuyện này nghe qua như chuyện đùa, nhưng có một ý nghĩa thâm trầm mà chúng ta không biết. Thường chúng ta cứ nghĩ khi vọng tưởng lăng xăng nghĩ việc này đến việc khác, lúc đó nói tâm mình đang nghĩ, đang suy tính, nhưng có một phút giây nào tâm lặng xuống không nghĩ suy nữa, lại hoảng hốt tưởng như mất mình, mình không còn nữa. Cũng giống như người Bà La Môn kia đóng cửa, khi nghe tiếng gõ cửa lại trả lời không có người ở nhà. Vậy câu nói "Không có người ở nhà" đó có tánh cách ra sao ? Quả là đốt ! Nghĩa là ông đã lên tiếng mà nói không có người thì chỉ có người ngu đốt mới như vậy. Nhưng thật tình chúng ta cũng giống như ông Bà La Môn kia. Khi tâm lăng xăng thì cho là có tâm, đến lúc tâm yên lặng nói tôi không có tâm nữa, mất tôi rồi. Vậy ai biết tâm yên lặng, ai biết mất tôi ? Đã biết nói "mất tôi" là có người biết nói, mà có biết nói tức

có mình chớ có mất đầu ? Nếu mất tôi thì không có cái biết, còn biết mất tôi là có mình rõ ràng. Đó là việc rất tế nhị mà người tu có khi không hiểu, từ chỗ không hiểu mà tu ít lâu rồi hoảng sợ mình tu sai, sợ rơi vào không. Bởi vì khi không có vọng tưởng lại tưởng là không ngờ, nhưng không ngờ không vọng tưởng mà có "cái biết không vọng tưởng". Biết không vọng tưởng thì làm sao nói "không" được ? Đó là ý nghĩa trong nhà thiền thường nói Định Tuệ không rời nhau. Tóm lại, khi định còn có cái biết mình an định đó là tuệ, nếu không có cái biết, làm sao biết lúc đó tâm an định. Chỗ này quý vì cần phải thấy rõ để khỏi lầm lẫn. Vì vậy định và tuệ không thể thiếu trong lúc chúng ta tu thiền.

"Nếu mượn danh tợa thiền, tâm chưa được định mà gương tuệ sanh thì không bao giờ có". Câu : "Mượn danh tợa thiền", nguyên chữ Hán là "Giả danh tợa thiền". Ở đây Ngài muốn nói cho chúng ta hiểu rõ chữ "TUỆ". Như trong kinh thường nói mỗi chúng sinh đều có tánh giác, hay đều có Phật tánh, tức là có trí tuệ sẵn nơi chúng ta, tuy có trí tuệ sẵn nhưng nếu tâm chưa an định thì trí tuệ không phát sanh được. Đây tôi phân tích cho quý vị hiểu rõ nghĩa hai chữ trí tuệ sanh và trí tuệ sẵn. Trí tuệ sẵn là trí tuệ thâm biết, lúc nào cũng

hằng hữu noi chúng ta, trí tuệ đó gọi là tánh tuệ. Tuy có tánh tuệ nhưng nếu, không nhờ tọa thiền để tâm an định thì tánh tuệ không phát khởi mạnh nên không sanh tuệ. Như vậy là có tánh tuệ mà không có diệu dụng, không có hiện tướng của trí tuệ. Người tu thiền sẽ thấy rõ điều này. Vì vậy chúng ta thường nghe nói tu thiền sẽ có giác ngộ, việc này không gì lạ. Vì trong khi tu, những gì chúng ta học hoặc đọc trong kinh chưa hiểu, lòng còn bồn khoăn, thắc mắc, ôm ấp nghi ngờ, bất chợt một hôm nào đó ngòai thiền tâm được yên, bỗng dung sáng ra, thông suốt được là do trí tuệ phát khởi hay trí tuệ sanh. Trí tuệ phát sanh này do tâm yên sáng, phát ra diệu dụng làm chúng ta hiểu biết cụ thể những vấn đề chưa hiểu. Do đó trí tuệ sanh là cái diệu dụng hay cái hiện tướng của trí tuệ sẵn hay tánh tuệ. Cho nên nói :

"Tuy có tánh tuệ mà không tập tọa thiền, tư cho đã có tuệ thì cần tọa thiền làm gì ? Người như thế, tuy có tuệ mà không gương thể". Nghĩa là tuy có trí tuệ sẵn mà gương thể của trí tuệ không hiện. Như cái gương bị bụi bặm phủ, nên tuy có gương mà không có ánh sáng của gương, phải nhờ lau bụi ánh sáng mới phát. Đây là trường hợp chỉ người tự ý mình có tánh tuệ không cần tọa thiền thì tuệ không phát sanh.

"Nếu khi thiên định, tâm chưa được định mà muốn cầu tuệ, ví như sóng gió chưa dừng mà mong thấy bóng mặt trăng". Thí dụ như đêm rằm, chúng ta ở gần bờ hồ hoặc gần dòng sông, khi có gió mạnh sóng to, dù có trăng nhưng nhìn xuống sông, hồ chúng ta có thấy được bóng mặt trăng không? Vì có sóng mặt nước không yên, nên nhìn không thấy được bóng mặt trăng. Cũng như trường hợp trên, tuy biết mình có tuệ sẵn tức là có tánh tuệ, nhưng vẫn phải ngồi thiền cho tâm được định thì trí tuệ mới phát sanh. Như khi sóng gió lặng thì đêm rằm nhìn xuống mặt hồ, mặt sông, chúng ta sẽ thấy mặt trăng hiện đầy đủ.

"Nếu tâm đã định lại sanh tà giải, cầu mong được tuệ, cũng như sóng gió đã lặng, bóng trăng lóng trong mà lại lấy tay vớt trong nước muốn được bóng mặt trăng, khi nào được thấy" Đây là trường hợp tâm được định lại khởi tà giải. Tà giải là hiểu không đúng chân lý hay hiểu thiên lệch một bên. Nếu khởi hiểu thiên lệch thì cái định bị xao xuyên. Thí dụ: Chúng ta nghe trong kinh Phật dạy, những người tu chứng A La Hán có lục thần thông trong đó có túc mạng thông là biết được quá khứ vì lai, nhớ được vô số đời trước và biết những đời sau. Vì vậy khi ngồi thiền tâm vừa được yên, chúng ta liền khởi nghĩ muốn được thần thông để biết quá

khứ vị lai của mình của người, hoặc khởi niệm xuất hồn để đi du lịch chỗ này chỗ kia. Khi khởi niệm tâm liền xao xuyến không còn yên nữa. Giống như đêm nằm ở dưới dòng sông hay dưới mặt hồ không có sóng, nhìn xuống thấy bóng mặt trăng vội đưa tay vớt bóng, đã không nắm bắt được, lại làm xao động mặt hồ và mất bóng mặt trăng. Vì vậy khi tâm được định cứ để định, trí sáng cứ để sáng, tâm càng định trí càng sáng. Đến khi nào tất cả phiền não lậu tận sạch rồi thì tự sáng, biết được quá khứ vị lai, nếu khởi niệm muốn biết là lạc, là sai. Đó là để nói người tu thiền mà sanh tà giải thì từ đó trí tuệ mất luôn không còn hiện nữa. Vì vậy có nhiều người rất thích tu thiền, nhưng trong khi tu lại khởi những niệm sai lầm nên bị dẫn đi lạc hướng, rồi từ đó mất hết trí tuệ chân thật, là do không hiểu được gốc của sự tu.

"Tổ Sư nói : "Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch". Lại nói : "Tịch tịch tĩnh tĩnh phải, tịch tịch vô ký sai. Tĩnh tĩnh tịch tịch phải, tĩnh tĩnh loạn tướng sai. Tĩnh tĩnh tịch tịch, tịch tịch tĩnh tĩnh là thuốc, vô ký loạn tướng là bệnh. Nếu thân có bệnh phải nhờ thuốc đối trị, thân đã bình định còn gì phải trị. Nếu được như thế thì định tuệ thành tựu". Đây là Ngài dẫn lời của Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác trong bộ Vĩnh Gia Tập, để làm

tiêu chuẩn cho người tu thiền đúng và sai. Đầu tiên nói : "Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch" Tịch là lặng, chiếu là soi sáng. Lặng mà thường soi sáng, soi sáng mà thường lặng lẽ. Đó là trọng tâm của tu thiền. Bây giờ dẫn câu nói rõ ràng về đúng và sai của người tu thiền là : "Tịch tịch tĩnh tĩnh phải". Tức lặng lặng mà tĩnh tĩnh, đó là ngôi thiền đúng. Khi ngôi thiền tâm yên mà luôn luôn tĩnh sáng là đúng. Ngược lại : "Tịch tịch vô ký sai". Vô ký tức không nhớ không biết. Lặng lặng mà không biết gì đó là sai. Đây là cây thước để đo người tu thiền đúng và sai. Nếu ngôi thiền được yên tĩnh, tâm không dấy động mà vẫn tĩnh sáng, đó là tịch tịch tĩnh tĩnh, là đúng. Nếu ngôi yên tĩnh mà không biết mình đang làm gì, đó là vô ký, là sai. Đúng hay sai chỉ do lệch một chút đó. Nếu tịch mà tĩnh là đúng, tịch mà quên hết là sai. Ngược lại : "Tĩnh tĩnh tịch tịch phải, tĩnh tĩnh loạn tưởng sai". Ngôi thiền mà luôn luôn tĩnh sáng, có gió thổi, có tiếng động đều nghe, ai đi qua trước mặt cũng thấy v.v... Tĩnh như vậy mà tâm vẫn lặng lẽ là đúng. Nếu tĩnh mà cứ nghĩ chuyện này chuyện kia luôn, là sai. Đây là tĩnh tĩnh mà loạn tưởng thì sai. Như vậy chúng ta hãy kiểm tra lại mình sai ở chỗ nào, chắc hầu hết là tĩnh tĩnh mà loạn tưởng. Đó là chưa đúng tinh thần thiền. Chúng ta phải nắm vững được điều này, để khi tu

tự biết lúc nào đúng, lúc nào sai. Nếu không biết nhiều khi cứ ngồi để mặc nó ra sao thì ra là không được, là đưa đến sai lầm. Vì vậy người tu thiên cần phải học hiểu cho cẩn thận, không nên để sai lệch, vì nếu mình tu đã lệch rồi hướng dẫn người khác cũng sẽ lệch theo luôn. Thế nên trong kinh thường nói thấy mù dẫn một đám mù, người đi trước mù, những người đi theo cũng mù luôn, rốt cuộc rơi xuống hố không ai cứu được. Bởi vậy muốn hướng dẫn người đi, trước chúng ta phải sáng, nếu còn mù thì không nên làm. Nhưng nhiều người có thiện chí tốt da, tuy mình còn mù mà cũng muốn dẫn người đi, cho nên không sợ tránh khỏi rơi vào những tệ nạn. Vì vậy chúng ta phải hiểu cho thật kỹ điều này.

Đây tôi chỉnh lại câu này theo trong quyển của Ngài Trần Thái Tông, không biết do người xưa hay người sau này viết sai. Nguyên văn chữ Hán của Ngài Huyền Giác là : "Tịch tịch tĩnh tĩnh thị, tịch tịch hôn trầm phi. Tĩnh tĩnh tịch tịch thị, tĩnh tĩnh loạn tưởng phi". Ở đây trong chánh văn lại nói : "Tịch tịch tĩnh tĩnh thị vô ký, tĩnh tĩnh tịch tịch thị loạn tưởng". Hai câu này tôi cho là lộn, vì trong khi sắp bản in có thể sai, chứ nguyên bản chữ Hán là : "Tịch tịch tĩnh tĩnh thị, tịch tịch hôn trầm phi. Tĩnh tĩnh tịch tịch thị, tĩnh tĩnh loạn tưởng phi".

Những câu này tôi đã đọc kỹ trong Vĩnh Gia Tập, nên đây tôi chỉnh lại cho quý vị so sánh để khỏi hiểu lầm bên chữ Hán.

Kết luận bài Luận Quang Tuệ Giáo chủ yếu Ngài Trần Thái Tông muốn khuyến khích tất cả chúng ta tu phải nhờ thiên định để phát sanh trí tuệ. Mặc dù trong kinh Phật dạy mỗi người chúng ta đều có tánh giác, tức là tánh tuệ đã sẵn, nhưng nó bàng bạc ở con người chúng ta. Vì vậy phải nhờ tọa thiền đúng cách, đúng pháp thì tánh giác mới phát khởi diệu dụng để thấy biết thân và cảnh đúng như thật được. Nếu không tọa thiền, chúng ta khó có được diệu dụng của tánh giác, nghĩa là trí tuệ không phát. Như vậy người tu thiền phải tránh hai bệnh :

1. Tự ý có tánh giác rồi cứ đi ngao du nơi này chốn nọ mãi mà không cần tọa thiền, vì nghĩ nó đã có sẵn cần gì phải tọa thiền cho mất thời giờ. Đó là bệnh. Tuy có tánh giác hay đã nhận ra mình có tánh giác, nhưng chưa có diệu dụng, nhờ tâm an định mới phát khởi diệu dụng. Muốn tâm an định phải nhờ tọa thiền. Vậy nên tánh giác tuy có nhưng nếu không tọa thiền thì cũng không phát khởi.

2. Tuy tọa thiền tâm được an định lại sanh tà giải, khi khởi niệm tà, tâm định liền mất lại rơi

vào loạn tưởng. Cũng giống như người thấy bóng mặt trăng dưới hồ, vội đưa tay vớt, dầu có vớt suốt ngày cũng không nắm được bóng mặt trăng.

Phần cuối là nương theo ý Tổ dạy dùng làm thước để đo người tu thiền biết đúng hay sai. Nếu tọa thiền tâm yên lặng mà vẫn sáng suốt thấy nghe không lầm, gọi là tịch tịch tỉnh tỉnh là đúng với người tu thiền. Nếu khi tọa thiền tâm yên một lúc rồi quên hết không biết gì nữa, đó là tịch tịch mà vô ký. Đây là bệnh. Vì vô ký sẽ đi đến hôn trầm. Như vậy vô ký và hôn trầm gần kề với nhau. Cho nên nói ngồ thiền mà nhắm mắt che tròn là ở trong hang quỉ. Vì khi mình mờ mờ mịt mịt rồi không biết gì hết, đó là sai lầm. Khi ngồ thiền rất tỉnh sáng mà không có vọng tưởng gọi là tỉnh tỉnh tịch tịch. Chữ Tịch nghĩa là Định, chữ Tỉnh nghĩa là Tuệ. Như vậy định và tuệ không rời nhau. Trí tuệ hăng sáng mà tâm vẫn an định đó là đúng. Nếu tỉnh mà loạn tưởng là sai. Chúng ta hãy lấy dây làm cây thước đo để biết mình ngồ thiền đúng hay sai. Vì có người tu mà không được gần thầy hướng dẫn, nên tu mà không biết đúng hay sai, có lạc hay không lạc. Vì thế để nhắc cho quý vị hiểu rõ, trong khi tu chúng ta có thể nương những bài này tự làm thước đo để biết mình tu đúng hay sai không cần phải hỏi ai nữa cả.

LUẬN VỀ NIỆM PHẬT

DỊCH

Phàm niệm Phật là do tâm khởi. Tâm khởi thiện thì niệm thiện, khởi niệm thiện thì nghiệp báo thiện. Tâm khởi ác là niệm ác, sanh nghiệp ác thì ứng nghiệp ác. Như gương hiện ảnh, tợ bóng theo hình. Cho nên Thiên sư Vĩnh Gia nói : "Ai vô niệm, ai vô sanh ?" là nghĩa này vậy.

Nay học giả muốn khởi chánh niệm để dứt ba nghiệp, cũng nhờ công niệm Phật. Thế nào là niệm Phật được dứt ba nghiệp ? Vì khi niệm Phật thân ngời ngay thẳng, không làm hạnh tà là dứt thân nghiệp. Miệng tụng chân ngôn, chẳng nói lời tà là dứt khẩu nghiệp. Ý gắng tinh tấn, chẳng khởi niệm tà là dứt ý nghiệp. Song người trí có ba bậc :

Bậc thượng trí thì tâm tức là Phật, chẳng nhờ tu thêm. Niệm tức là trần, chẳng cho một điểm. Niệm trần vốn tịnh, nên gọi như như bất động, tức là thân

Phật. Thân Phật tức là thân ta, không có hai tướng. Tướng tướng không hai, lạng lẽ thường còn, còn mà chẳng biết, đó là Phật sống.

Bậc trung trí'ất nương niệm Phật. Chú ý chuyên cần, niệm niệm chẳng quên, tự tâm thuần thiện. Niệm thiện đã hiện, niệm ác liền tiêu. Niệm ác đã tiêu, chỉ còn niệm thiện. Do niệm là ý niệm, nên niệm niệm diệt đó. Khi niệm diệt ất về chánh đạo. Lúc mạng chung được vui Niết Bàn - thường lạc ngã tịnh - là Phật đạo vậy.

Bậc hạ trí thì miệng siêng niệm lời Phật, tâm muốn thấy tướng Phật, thân nguyện sanh về nước Phật. Ngày đêm siêng năng tu hành, không có thói chuyển. Sau khi mạng chung, tùy niệm thiện đó được sanh về nước Phật. Sau được chư Phật dạy bảo chánh pháp, chứng được bồ đề, cũng vào quả Phật.

Ba bậc trên sâu cạn chẳng đồng, chỗ được là một vậy. Song bậc thượng trí nói thì dễ mà hành thì khó. Người thời nay muốn theo gương học, toàn không có chỗ

gá nương, trọn trông bờ rồi lui, rất khó đặt chân. Bậc trung trí nếu hay siêng tu như lời nói ở trên thì tức khắc thành Phật. Nếu như lậu chưa hết mà lâm chung, tùy quả báo kia trở lại thọ sanh ở đời, nhận quả báo thiện. Quả báo thiện đã hết, không có người đánh thức, trở lại rơi vào đường ác. Như thế đó cũng là khó vậy. Bậc hạ trí lấy niệm Phật làm nấc thang, lấy tinh tấn làm cây thang, chú ý duyên lành, nguyện sanh về nước Phật. Siêng năng không lười biếng, tâm tánh thuần thực, sau khi mạng chung, tùy theo sở nguyện, được sanh về nước Phật. Đã sanh về nước Phật thân đó không bao giờ mất.

Người học thời nay, đã được thân người, ba nghiệp đồng có, mà chẳng dùng niệm Phật, cầu sanh về cõi Phật, đâu chẳng khó sao ? Như muốn niệm Phật, tức lấy bậc hạ trí làm trước. Tại sao ? - Vì có chú ý vậy. Ví như xây đài ba tầng, mà chẳng dùng tầng dưới làm trước thì không thể có vậy.



GIẢNG

"Phàm niệm Phật là do tâm khởi. Tâm khởi thiện thì niệm thiện, khởi niệm thiện thì nghiệp báo thiện. Tâm khởi ác là niệm ác, sanh nghiệp ác thì ứng nghiệp ác. Như gương hiện ảnh, tợ bóng theo hình. Cho nên Thiền sư Vĩnh Gia nói : "Ai vô niệm, ai vô sanh ?" là nghĩa này vậy".

Đây là mở đầu nói về niệm Phật, Ngài nêu chủ yếu của niệm cho chúng ta thấy, niệm là tâm dấy khởi, tâm vừa dấy khởi nghĩ một cái gì gọi đó là niệm. Dấy khởi nhớ danh hiệu Phật thì gọi là niệm Phật, dấy khởi nhớ chúng sanh thì gọi là niệm chúng sanh v.v... Dấy khởi nghĩ ác là niệm ác, dấy khởi nghĩ thiện là niệm thiện. Như vậy tất cả dấy khởi đều từ tâm mà ra, đó là chủ của nghiệp, cho nên trong kinh Phật thường nói tam nghiệp : thân, khẩu, ý. Cái dấy khởi ở nội tâm mình là dấy khởi của ý nghiệp. Như vậy, khởi niệm là gốc của mọi thiện ác.

Niệm có thể chia làm ba thứ : Niệm ác, niệm thiện và niệm tịnh. Niệm ác bị dẫn đi đường ác, niệm thiện được dẫn đến nơi lành, niệm tịnh được dẫn sanh cõi tịnh. Ba niệm đó đều là niệm hết. Như vậy chúng ta biết rõ do đâu chúng ta sanh đến đây. Tôi nói xa hơn, trong kinh thường dạy mười hai nhân duyên, đầu tiên là vô minh, vô minh

duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc v.v... Vô minh là mờ tối, do vô minh nên khởi nghiệp là hành. Từ có nghiệp nên dẫn thức đi thọ sanh. Từ thức mới có danh sắc, lục nhập v.v... Nếu tâm thể chúng ta yên lặng trong sáng bình tĩnh thì không có vô minh, nhưng khi vừa khởi nghĩ là đã quên mất cái tâm sáng rồi, mà quên tâm sáng là vô minh. Bởi vô minh nên mới khởi nghĩ ác, khởi nghĩ thiện, khởi nghĩ tịnh v.v... Những khởi nghĩ đó là động cơ dẫn mình đi. Vì vậy nên khi chúng ta sắp chết mà lúc còn tỉnh thì không có nghiệp ác nghiệp thiện hiện ra, nhưng khi vừa quên cái tỉnh là vô minh, tức lúc hôn mê nếu khởi nghĩ lành thì ngay đó có chư thiên hoặc thân nhân quyến thuộc dẫn đi chỗ an vui, đó là đường lành ; nếu khởi nghĩ ác thì thấy ngưu đầu ngục tốt lấy roi gậy rượt đánh dẫn vào đường ác. Còn khởi nghĩ tịnh thì nhớ Phật, niệm Phật liền thấy Phật hay Bồ Tát hiện ra rước về Cực Lạc. Như vậy niệm có trong khi hôn mê là chủ yếu dẫn mình đi tùy theo niệm ác, niệm thiện hay niệm tịnh. Cho nên trong nhà Phật dạy chúng ta khi gần nhắm mắt nên thỉnh quý thầy quý cô cùng thân quyến đến hộ niệm, hoặc niệm Phật hoặc tụng kinh cho nghe để khi vừa quên cái tỉnh thì bắt đầu có niệm thiện dẫn đi. Điều này hết sức quan trọng, vì vậy nên hộ niệm là ngay lúc đó, còn khi đã đi rồi thì thôi, bốn

mười chín ngày cũng là phụ. Chỉ ngay lúc lâm chung đang tranh tối tranh sáng, khi cái tối vừa che mất cái sáng thì tùy khởi niệm nào liền đi theo niệm đó. Vì niệm khởi là nghiệp, lúc đó thân không tạo, khẩu không tạo, chỉ có ý nên khi ý khởi niệm lành nhớ những người hiền hay nhớ cảnh tốt thì có người hiền cảnh tốt hiện ra, nhớ những người thù kẻ oán thì người thù kẻ oán hiện ra, nhớ Phật thì có Phật đến. Niệm đó gọi là hành, vì khi quên mất thân này, quên mất sự sống này, rồi khởi niệm thiện ác và theo đó mà đi thọ sanh. Như vậy chúng ta mới thấy cái khởi niệm trong lúc này hết sức hệ trọng. Vì vậy có người đặt câu hỏi : "Tôi niệm Phật, khi chết Phật rước về Cực Lạc, còn quý thấy tu thiện chỉ buông niệm, không có niệm, khi chết ai rước và đi đâu ?" Như vậy quý vị phải trả lời thế nào ? Người niệm Phật được Phật rước vui quá, còn chúng ta tu thiện nhất là đến chỗ vô niệm thì ai rước, chẳng lẽ đi lang thang hay sao ? Đây là chỗ chúng ta phải hiểu cho thật rõ : Còn niệm là còn sanh, hết niệm là vô sanh. Còn rước là còn sanh, không ai rước là vô sanh. Vô sanh là gì ? - Là Niết Bàn. Mục đích chúng ta tu là đạt đến vô sanh, là Niết Bàn, nên tu đến vô niệm là được vô sanh. Ngay đời này nhập Niết Bàn còn hơn là về Cực Lạc phải mất thời giờ tu đến thời gian sau mới được vô sanh, được Niết Bàn. Như vậy là chúng

ta tu tắt. Song có nhiều người không hiểu cứ nghĩ muốn tu để về sau hưởng, mà hưởng là phải có sanh mới hưởng, không sanh làm sao hưởng, nên tưởng không ai rước rồi sẽ lang thang. Đó là hiểu lầm rồi đâm ra hoảng hốt ! Vì vậy chúng ta nên biết khi niệm dứt sạch yên tĩnh đó là Niết Bàn, là vô sanh, tự tại tự do không cần ai đón rước. Còn đón còn rước là còn lệ thuộc, còn bị sanh. Thế nên Ngài Vĩnh Gia nói : "Thùy vô niệm, thùy vô sanh ?". Thùy là ai, "Ai vô niệm, ai vô sanh ?". Người tu khi đã đạt đến chỗ vô niệm vô sanh rồi, lúc đó còn gì phải nói đi đâu, còn gì phải nói sanh tử, cho nên nói : "Ai vô niệm, ai vô sanh ?". Còn niệm tự nhiên còn sanh nơi này nơi kia, khi niệm dứt rồi thì sanh tử không còn. Nhưng với các vị Bồ Tát, các Ngài không như chúng ta ung nhập Niết Bàn sớm. Tại sao vậy ? Bởi vì nếu trong đời này từ một phàm phu tăng chúng ta tu được vô niệm rồi nhập Niết bàn, như vậy chúng ta đã an trụ trong Niết Bàn của Thanh Văn. Vì vậy nên cần phải độ sanh đến khi nào tất cả chúng sanh đều được Niết Bàn rồi chúng ta mới nhập, đó mới gọi là Bồ Tát hạnh. Thế nên tuy các Ngài đạt đến chỗ vô sanh, nhưng khi gần nhắm mắt các Ngài khởi đại nguyện, nguyện đời sau làm những gì cho chúng sanh. Do khởi đại nguyện tức khởi niệm nên các Ngài theo nguyện tiếp tục sanh để làm tròn

bốn' nguyện, chứ không chịu ngang đó dừng nghỉ. Nếu dừng nghỉ thì không đầy đủ tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Vì vậy giả sử chúng ta tu đến hết đời này được yên, rồi muốn nhập Niết Bàn thì không độ được bao nhiêu người. Thế nên phải nguyện trở lại để độ chúng sanh, mà nguyện tức là khởi niệm, vì có niệm nên chỗ nào có duyên thì sanh ra để hóa độ đến khi nào đầy đủ mới thành Phật, chứ không phải hết niệm liền thành Phật. Hiểu như vậy mới thấy rõ ý nghĩa của người tu, nếu không nhiều khi chúng ta tu rồi cứ hoang mang không biết sao cho trúng.

"Nay học giả muốn khởi chánh niệm để dứt ba nghiệp, cũng nhờ công niệm Phật. Thế nào là niệm Phật được dứt ba nghiệp ? Vì khi niệm Phật thân ngồi ngay thẳng, không làm hạnh tà là dứt thân nghiệp. Miệng tụng chân ngôn, chẳng nói lời tà là dứt khẩu nghiệp. Ý gắng tinh tấn, chẳng khởi niệm tà là dứt ý nghiệp".

Ở đây Ngài nói : "Miệng tụng chân ngôn" nghĩa là niệm Phật cũng như chân ngôn, mà chân ngôn đây không phải là thần chú, vì chân là chân thật, ngôn là lời nói, lời nói chân thật là lời niệm Phật. Như vậy Ngài giải thích niệm Phật là để dứt ba nghiệp : nghiệp thân, nghiệp khẩu và nghiệp ý. Làm sao niệm Phật dứt được nghiệp thân ? Bởi

vì khi niệm Phật thân ngay thẳng, yên tĩnh đó là dứt nghiệp ác của thân, miệng niệm danh hiệu Phật, chẳng nói lời tà là dứt nghiệp ác của khẩu. Ý gắng tinh tấn không cho nghĩ ác nghĩ bậy là dứt tà niệm. Tà niệm dứt là dứt được ý nghiệp. Như vậy niệm Phật có công năng dứt được ba nghiệp, nhưng ở đây chúng ta phải hiểu cho rõ : Không có nghiệp tạo ác nhưng còn có nghiệp tịnh, nên nói cõi Phật là tịnh độ. Người muốn được sanh cõi tịnh thì phải có nghiệp tịnh, tức ý nghiệp thanh tịnh mới được sanh về cõi Phật. Vì vậy mới có câu : "Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương".

"Song người trí có ba bậc :

Bậc thượng trí thì tâm tức Phật, chẳng nhờ tu thêm. Niệm tức là trần, chẳng cho một điểm. Niệm trần vốn tịnh, nên gọi như như bất động, tức là thân Phật. Thân Phật tức là thân ta, không có hai tướng. Tướng tướng không hai, lặng lẽ thường còn, còn mà chẳng biết, đó là Phật sống".

Ngài chia niệm Phật làm ba bậc : Thượng trí, trung trí, và hạ trí.

"Bậc thượng trí thì tâm tức Phật, chẳng nhờ tu thêm, niệm tức là trần, chẳng cho một điểm". Nghĩa là sao ? Tâm an tịnh trong sáng của chúng

ta đó là Phật. An tịnh trong sáng tức là "tịch tịch
tĩnh tĩnh". Tâm ấy là Phật nhưng vừa **đ**ấy một
niệm là đã có bụi, nên nói "niệm tức là trần".
"Chẳng cho một điểm". Nghĩa là nó đang thanh
tịnh trong sáng mà **đ**ấy niệm tức là có bụi, có bụi
là đã mất cái thanh tịnh trong sáng ấy. Quý vị nhớ
trong nhà thiền có câu : "Mạt vàng tuy quý, rơi
vào mắt cũng bị xốn". Đó là muốn nói mạt vàng
là quý nhưng để rơi vào con mắt một tí cũng cảm
thấy khó chịu, huống nữa là bụi bặm. Bụi bặm là
dụ cho niệm thiện, niệm ác, còn mạt vàng dụ cho
niệm tịnh, tức là niệm Phật. Đối với tâm thể
thanh tịnh trong sáng là đủ, còn thêm một niệm
tức là bụi. Thế nên người tu thiền phải buông hết
tất cả niệm, vì còn có một niệm tức còn một điểm
bụi, mà có bụi là chưa hoàn toàn trong sáng. Chỗ
trong sáng đó gọi là tâm tức Phật, là tánh giác
của chính mình.

"Niệm trần vốn tịnh, nên gọi như như bất động,
tức là thân Phật". Niệm trần tức là những niệm
lăng xăng, nó vốn tịnh tức yên lặng nên gọi như
như bất động. Lúc nó đã yên, không **đ**ấy niệm thì
gọi là như như, là bất động, mà chính chỗ như
như bất động là thân Phật.

"Thân Phật tức là thân ta" : Thân Phật là pháp
thân của chính mình chớ không phải thân báo hay

úng. Bởi vì cái như như bất động đó đâu có rời mình nên nói thân Phật là thân ta.

"Không có hai tướng" : Vì nó không rời mình nên không có hai tướng.

"Tướng tướng không hai, lặng lẽ thường còn, còn mà chẳng biết, đó là Phật sống". Tất cả tướng đều không hai, nhưng tại sao "Lặng lẽ thường còn, còn mà chẳng biết, đó là Phật sống?". Tôi ví dụ có một phút giây nào trong tâm quý vị không dấy một niệm mà mắt vẫn sáng, tai vẫn nghe, tất cả cảm giác đều nguyên vẹn, không mờ không thiếu, sáng rõ rõ ràng mà tâm vẫn an tịnh, lặng lẽ như như, đó là Phật sống. Còn khởi niệm biết mình đang tịnh thì nó đã động rồi. Các Ngài sống không dấy niệm là sống thường sáng suốt, hằng giác, hằng tri gọi là Phật sống. Còn chúng ta vừa có niệm dấy lên thì chạy theo nên tạo nghiệp và có luân hồi. Nếu vừa được yên một chút liền khởi niệm mừng là đã mất cái an tịnh. Như vậy ở đây chỉ cho chúng ta thấy được Phật pháp thân của chính mình. Những giờ phút yên tĩnh là giờ phút sống với Phật pháp thân, mà Phật pháp thân luôn hiện hữu chứ không vắng mặt lúc nào, đó gọi là bậc thượng trí. Niệm Phật như thế thì cả thiên và tịnh không hai.

"Bậc trung trí ắt nương niệm Phật. Chú ý chuyên cần, niệm niệm chẳng quên, tụ tâm thuần

thiện. Niệm thiện đã hiệu niệm ác liền tiêu. Niệm ác đã tiêu, chỉ còn niệm thiện. Do niệm là ý niệm, nên niệm niệm diệt đó. Khi niệm diệt ắt về chánh đạo. Lúc mạng chung được vui Niết Bàn - "Đông lạc ngã tịnh - là Phật đạo vậy". Đây là bậc trung trí niệm Phật. Trung trí niệm Phật thì niệm cách nào ? Người trung trí niệm Phật thì chú ý chuyên cần, niệm niệm luôn nhớ Phật không bao giờ quên.

"Tự tâm thuần thiện" : Nhờ nhớ Phật mãi mãi nên tâm mình hoàn toàn thiện, không có niệm ác chen vào.

"Niệm thiện đã hiện, niệm ác liền tiêu" : Tức cái niệm Phật luôn luôn hiện tiền thì niệm ác phải tiêu, vì niệm không có hai. Khi chúng ta nghĩ thiện thì không có cái ác, khi nghĩ ác thì không có cái thiện. Nếu đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng niệm thiện thì niệm ác theo đó tiêu hết.

"Niệm ác đã tiêu, chỉ còn niệm thiện. Do niệm là ý niệm nên niệm niệm diệt đó. Khi niệm diệt ắt về Chánh đạo". Nghĩa là có ý niệm thiện thì ý niệm ác không còn. Đã là ý niệm thì niệm niệm liên tục, niệm này dấy lên, niệm kia lặng xuống, nhưng chỉ có niệm thiện. Người được như vậy "khi niệm diệt ắt về chánh đạo". Những niệm đó được yên thì ắt về chánh đạo. Vì vậy trong kinh thường

hay nói niệm đến vô niệm. Niệm này đây, niệm kia diệt cho đến bao giờ không còn đây niệm nữa, tức niệm đến vô niệm thì lúc đó là chánh đạo.

"Lúc mạng chung được vui Niết Bàn - thường lạc ngã tịnh - là Phật đạo vậy". Về chánh đạo rồi thì lúc mạng chung được vui Niết Bàn, nghĩa là niệm đến vô niệm là được Niết Bàn. Niết Bàn thì có đủ bốn đức : Thường lạc ngã tịnh. Đây đủ bốn đức đó là Phật đạo vậy.

Tóm lại, ở đây dạy dùng niệm Phật để diệt niệm ác, niệm ác diệt hết chỉ còn câu niệm Phật, niệm Phật mãi mãi đến bao giờ câu niệm Phật cũng lặng luôn đến vô niệm, là Niết Bàn thường lạc ngã tịnh. Như vậy cũng đi đến chỗ đạt đạo. Đây là bậc trung trí.

"Bậc hạ trí thì miệng siêng niệm lời Phật, tâm muốn thấy tướng Phật, thân nguyện sanh về nước Phật. Ngày đêm siêng năng tu hành, không có thói chuyển. Sau khi mạng chung, tùy niệm thiện đó được sanh về nước Phật. Sau được chư Phật dạy bảo chánh pháp, chúng được bồ đề, cũng vào quả Phật". Bậc hạ trí thì phải đủ ba điều kiện : Miệng niệm danh hiệu Phật, tâm quán tưởng muốn thấy tướng Phật, thân nguyện được sanh về cõi Phật, cả ba thân, khẩu, ý đều có chỗ hướng về. Khẩu thì mượn danh hiệu Phật làm chỗ hướng, tâm thì

muôn hình tướng Phật làm chỗ hướng, thân nguyện sanh về cõi Phật làm chỗ hướng. Như vậy miệng, thân và tâm đều có chỗ cho mình hướng về. Ở đây quý vị dạy niệm Phật phải rán nhớ để thực hiện cho đúng. Thông thường chúng ta dạy niệm Phật cứ đưa xâu chuỗi bảo niệm cho nhiều chuỗi, niệm một đêm được mười chuỗi thì ghi sổ, đến khi nào đủ một muôn thì đem sổ lại thầy chúng cho. Như vậy chỉ niệm danh hiệu suông thôi. Nhiều khi quý bà niệm rất nhanh, niệm liên tục cho xong, nhưng niệm như vậy chừng nào tâm mới yên ? Còn ở đây bảo niệm phải có chỗ tựa, miệng niệm danh hiệu Phật, tâm phải nhớ Phật, thân nguyện sanh về cõi Phật. Phải hội đủ ba điều này thì thân khẩu ý mới thuần nhất được. Nếu chỉ có miệng niệm, còn thân, ý không có thì làm sao tâm yên. Vì vậy tuy niệm Phật mà khó có kết quả, là do mình thực hành không đúng. Nếu cả ba hợp tác thì lúc lâm chung sẽ theo niệm thiện được sanh về cõi Phật, về sau đủ điều kiện tu hành được quả bồ đề, cũng thành Phật quả. Tóm lại phải có đủ ba điều tín, hạnh, nguyện thì niệm Phật mới có kết quả. Đó là ý nghĩa ba hạng niệm Phật.

"Ba bậc trên sâu cạn chẳng đồng, chỗ được là một vậy". Tuy có cao thấp khác nhau, sâu cạn

khác nhau, nhưng khi được thành quả Phật thì không khác.

"Song bậc thượng trí nói thì dễ mà hành thì khó". Bậc thượng trí nói tâm tức Phật nghe rất dễ, nhưng thực hành thật cay đắng.

"Người thời nay muốn theo gương học, toàn không có chỗ nương, trọn trông bờ rồi lui, rất khó đặt chân". Người thời nay nghe nói bậc thượng trí niệm Phật rất dễ, muốn noi theo đó tu học, nhưng không chỗ nương gá. Nói tức tâm tức Phật, biết nương gá vào đâu mà theo, nên "trọn trông bờ rồi lui", nghĩa là nhìn thấy bờ cao quá ngán không thể thực hiện được rồi thôi lui, cho nên "rất khó đặt chân". Vì vậy rất khó tiến lên con đường đó.

"Bậc trung trí nếu hay siêng tu như lời nói ở trên thì tức khắc thành Phật. Nếu như lậu chưa hết mà lâm chung, tùy quả báo kia trở lại thọ sanh ở đời, nhận quả báo thiện. Quả báo thiện đã hết, không có người đánh thức, trở lại rơi vào đường ác. Như thế đó cũng là khó vậy." Bậc trung trí niệm cho đến vô niệm, nhưng chưa được vô niệm liền tịch. Khi tịch mà chưa vô niệm thì đâu được Niết Bàn. Vì hạng trung trí không có nguyện vãng sanh, chỉ lấy niệm diệt niệm, đến vô niệm mới nhập Niết Bàn. Bây giờ không được vãng sanh thì do niệm thiện được sanh về cõi thiện. Nếu khi sanh

về cõi thiện, ra đời không gặp thiện hữu tri thức nhắc nhở lại quên. Vì vậy chúng ta thấy nhiều người ở hiện tại có phước, được làm quan to lại giàu có lớn, nếu vô phước thì đâu được như thế. Nhưng vì sao họ lại không lương thiện ? Là vì xưa kia họ có lòng tốt, có hành động tốt nên được hưởng phước, khi hưởng phước họ không có duyên gặp thiện hữu tri thức nhắc nhở, nên hưởng hết phước rồi, gặp ai xúi làm điều ác thì làm theo, cho nên hết phước phải đọa trở lại đi trong đường khổ. Điều này hết sức hệ trọng cần phải biết là không nên hưởng hết phước và cần phải có thiện hữu tri thức nhắc nhở để mình tiến lên cho khỏi đọa. Quý vị thấy có những người giàu sang sung sướng mà bị bạn bè lôi vào chỗ ác, nhưng cũng có những người giàu sang sung sướng lại vẫn biết tu. Trong hai hạng người trên đều có phước, nhưng sao một người biết tu, còn một người lại làm ác ? Đó là điều tôi muốn nhắc cho tất cả hiểu. Phật dạy Phật tử làm lành, nhưng phải qui y Tam Bảo. Tại sao phải qui y Tam Bảo ? Nghĩa là chúng ta phải đối trước Phật, Pháp, Tăng hứa nguyện đời đời hướng theo con đường Phật pháp để tu hành đến khi thành Phật mới thôi. Do có nguyện đó, nên qui y Tam Bảo là cái duyên tốt để mình gieo trong đời này và mãi những đời sau được gặp thiện hữu tri thức nhắc nhở mình. Vì qui y không phải chỉ có Phật mà còn

Pháp và Tăng. Tăng thì đâu chắc đời này nhập Niết Bàn mà còn đáo đi trở lại bao nhiêu đời nữa. Giả sử đời này có người qui y với tôi, nếu tôi chết đi và tái sanh trở lại thì người đó đã có duyên với tôi, nên khi gặp lại tôi dễ nhắc dễ độ họ. Đó là có thiện hữu tri thức nhắc nhở nên không quên, không mất giống lành. Còn những người đời này có phương tiện làm lành, nhưng không qui y Tam Bảo, nên không gặp thiện hữu tri thức, vì vậy có ai xúi làm quấy làm ác thì họ làm theo, rồi tạo tội và phải đọa. Thế nên, duyên thiện hữu tri thức đời sau cũng rất thiết yếu. Đời này đã thiết yếu, đời sau lại càng thiết yếu hơn, cho nên Phật dạy người Phật tử phải nhớ qui y Tam Bảo. Có qui y Tam Bảo mới thành Phật tử. Thực ra nếu chúng ta làm lành, làm phước đều được hưởng phước, nhưng có khác là có người được hưởng phước mà không có thiện hữu tri thức nhắc nhở, còn người được hưởng phước lại có thiện hữu tri thức nhắc nhở, nên không quên duyên cũ và tiến lên mãi không dừng. Vì vậy nên nói rằng do mình hưởng hết phước mới thọ quả báo ở đời sau. Như vậy quý vị mới thấy qui y Tam Bảo là việc rất quan trọng đối với người mới phát tâm. Nhờ phát tâm qui y trước Tam Bảo chúng ta mới được nương theo Phật, nương theo chánh pháp và có những bậc thầy làm thiện hữu tri thức chỉ dạy cho mình đường lối tu

trong hiện tại, đến khi nhắm mắt đời sau gặp lại, do có duyên thấy trò nên sớm gặp được người nhắc nhở. Như vậy đời đời đi mãi trong chánh pháp cho đến kết quả cuối cùng là thành Phật mới thôi. Nếu không có người đánh thức, đời này nhiều khi hiểu đạo chút ít, nhưng đời sau trở lại có thể sẽ làm ác làm dữ.

"Bậc hạ trí lấy niệm Phật làm nấc thang, lấy tinh tấn làm cây thang, chú ý duyên lành, nguyện sanh về nước Phật. Siêng năng không lười biếng, tâm tánh thuần thực, sau khi mạng chung, tùy theo sở nguyện, được sanh về nước Phật. Đã sanh về nước Phật thân đó không bao giờ mất". Như vậy bậc hạ trí có chỗ tựa vững chắc hơn, vì miệng niệm danh hiệu Phật, tâm nhớ hình tướng Phật, thân nguyện sanh về cõi Phật, nên khi nhắm mắt có chỗ qui hướng. Hướng về đó rồi, được sanh về nước Phật tiếp tục tu hành, không mất hột giống lành. Còn chúng ta nếu chưa được sanh về nước Phật, nhớ phải qui y Tam Bảo để sanh nơi nào cũng được có thiện hữu tri thức nhắc nhở, tránh khỏi rơi vào đường ác.

Kết thúc lại Ngài nhắc nhở :

"Người học thời nay, đã được thân người, ba nghiệp đồng có, mà chẳng dùng niệm Phật, cầu sanh về cõi Phật, đâu chẳng khó sao ?" Người tu

đời này nếu không dùng niệm Phật cầu sanh nước Phật thì việc tu cũng hơi khó.

"Như muốn niệm Phật, tức lấy bậc hạ trí làm trước. Tại sao ? - Vì có chú ý vậy". Nếu tu về niệm Phật thì phải tu theo bậc hạ trí, vì có chỗ cho mình nhắm đến.

"Ví như xây đài ba tầng, mà chẳng dùng tầng dưới làm trước thì không thể có vậy". Như vậy trong ba cách niệm Phật, chỉ có cách dưới là dễ hơn hết, vì có chỗ tựa và bảo đảm đời sau sanh ra gặp Phật, ở nước Phật không thối chuyển, còn hai cách trên thì khó hơn.

Qua bài này tôi cũng muốn nói cho quý vị thấy rõ tinh thần Thiên tông đời Trần. Từ Ngài Trần Thái Tông về sau, các Ngài tu thiên mà không chống niệm Phật, tức không chống Tịnh Độ. Ngược lại còn chỉ cho chúng ta cách tu Tịnh Độ thế nào cho hợp lý, cho đúng pháp. Như vậy Tịnh Độ và Thiên hòa hợp chớ không chống đối. Chúng ta thấy tinh thần các vị Thiên sư đời Trần không những là ở trong pháp niệm Phật và pháp tu Thiên, mà còn dung hòa luôn cả Khổng giáo, Lão giáo, không chia rẽ, không đối nghịch. Lấy Thiên tông làm chỗ tựa để dung hợp Lão, Khổng thành một nhà. Đó là để cho chúng ta thấy người tu không đặt ai là kẻ thù, không thấy ai là người đáng cho mình

chống đối, mà phải cùng chung hòa hợp để mình và mọi người đều tiến tu không thoái chuyển. Như vậy quan niệm rộng rãi bao dung của Thiên tông đời Trần chứng tỏ các Ngài đã vượt qua chỗ riêng tư của mình, mà trong nhà Phật gọi là "cuộc", cuộc là chấp. Cũng như chúng ta ngồi trong nhà nhìn ra bốn phương, chúng ta chỉ thấy bốn phương qua cửa sổ, cửa cái mở. Nếu thấy qua cửa sổ, cửa cái thì cái thấy bị hạn chế, nên gọi là cuộc. Nếu chúng ta bước ra khỏi nhà, đứng ngoài trời nhìn bốn phương, thì chúng ta không bị vật gì ngăn cách, đó là thông. Người tu khi đến chỗ thấy tâm mình tức Phật, thì ai không có tâm ? Nếu ai cũng có tâm thì ai cũng có Phật. Dầu người tu theo Khổng giáo cũng có Phật, người tu theo Lão giáo cũng có Phật và chúng ta tu theo Phật cũng có Phật. Ai cũng có Phật thì đều giống nhau. Không thể ông Phật này khác ông Phật kia được, nếu khác thì không phải là Phật. Cho nên nói Phật, Phật đạo đồng, Phật Phật không khác. Như vậy ai cũng có Phật tánh thì có ai đáng cho mình thù ghét đâu. Chẳng lẽ Phật lại ghét Phật, Phật thù Phật sao ? Vì vậy đối với mọi người dù không tu theo đạo Phật, cũng thấy họ có Phật. Đã thấy họ có Phật thì không thể ghét họ được. Vậy muốn cho ông Phật mình sống trọn vẹn là Phật thì thấy Phật nào mình cũng quý. Cho nên Ngài Bồ Tát Thường Bất Khinh

nói một câu rất hy hữu : "Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật". Không dám khinh tức là phải trọng, phải quý. Còn thù ghét là không trọng không quý. Hiểu được chỗ này mới thấy tinh thần đạo Phật tràn khắp. Lâu nay chúng ta chỉ nói theo thế gian là tất cả nhân loại đều là đồng loại nên phải thương nhau. Nói như vậy nghe cũng tốt, nhưng chỗ này nếu nói theo Thiên tông thì nhân loại đều là Phật. Đã là Phật thì không dám khinh ai, không dám ghét ai. Nếu có thương có ghét thì ông Phật của mình đã ẩn mất. Tôi nhắc cho quý vị biết rằng chúng ta tu không phải cố gắng, không phải dằn ép, không phải dẹp bỏ mà phải nhìn cho tường tận ai cũng có tánh giác. Mình biết mình có tánh giác hiện hữu, thì tánh giác của người cũng thật có hiện hữu, nhưng khác nhau chẳng chỉ là một bên biết và tìm mọi cách khai thác được sáng tỏ, còn một bên không biết thì có tánh giác mà vẫn để mờ昧, tối tăm. Vì vậy mình không nên khinh khi ai, cũng không dám giận ai, vì người nào cũng đáng quý hết thì giận sao được. Có giận ghét là hết quý rồi. Như vậy sống trong đời này chúng ta mới thấy tâm mình bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, nếu không thì sẽ phân biệt người này hay, kẻ kia dở. Từ cái phân biệt đó lại sanh ra nhiều bệnh chướng khác. Chỉ một câu của Ngài Bồ Tát Thường Bất Khinh mà

chúng ta tu suốt đời không xong. Thấy được như vậy thì sống trong cuộc đời không có phiền não, những cái xấu, cái dở chỉ là bụi che lấp gương, lau đi sẽ hết. Hiểu được ý này quý vị mới thấy được tinh thần của các vị Thiền sư ngày xưa đối với mọi người, hoặc thấy tinh thần của các vị Bồ Tát nhìn chúng sanh một cách rộng mở bao dung, chứ không như cái nhìn phàm tục rồi gây phiền não cho nhau.



Tựa

KHOA NGHI SÁU THỜI SÁM HỐI

DỊCH

Tiện lợi việc đi lại dưới sông trên bộ, là nhờ xe, thuyền ; tẩy sạch bụi nhơ nơi thân, tâm, là do sám hối. Muốn tẩy sạch thân tâm mà không dùng sám hối, khác nào muốn tiện lợi qua lại mà chẳng dùng xe, thuyền. Thế mới biết công dụng sám hối rất là to. Cho nên Kinh Đại Tập nói : "Như áo nhơ hằng trăm năm, có thể trong một ngày giặt được sạch sẽ. Như thế, trong trăm ngàn kiếp đã tích tập các nghiệp chẳng lành, do nhờ lực Phật, khéo thuận tư duy, có thể trong một ngày hay một giờ, trọn hay tiêu diệt".

Vả lại, chúng sanh từ trước đến nay tánh giác thanh tịnh tròn sáng, trong trẻo như hư không chẳng có mấy bụi. Do bợn vọng chột dấy, cội ứ hiện thành, năng và

sở nương nhau, Phật với chúng sanh thấy hai. Căn tánh sai biệt, ngu trí phân chia, chỉ cho một cửa, khó được ngộ nhập. Vì thế, đức Phật chúng ta trí nguyện rộng lớn, mở cửa phương tiện, tùy lối chỉ đường về, đúng bệnh cho thuốc. Biết huyền cấu của chúng sanh từ vọng mà sanh, khuyên họ một niệm kính thành qui y sám hối. Khiến thân tâm thanh tịnh, trong sạch như xưa. Gió yên thì sóng lặng, bụi sạch thì gương sáng. Sao thế ? Vì trước khởi tâm ác, như mây che mặt trăng, sau sanh tâm thiện, như đước sáng tan bóng tối. Ôi ! công dụng sám hối lớn lao há chẳng vậy sao ?

Trẫm nhờ quyền thuộc nhà Trời, ở ngôi chí tôn, nên việc dân gian, quốc chính phiền rộn. Phồn hoa dụ dỗ bên ngoài, thị dục mê hoặc ở trong. Miệng thì chán ngán vị ngon, thân phải đeo mang vàng ngọc. Thấy nghe đuổi theo thịnh sắc, ở ăn toàn chốn gác đài. Lại nữa, thói đời khinh bạc, nhân pháp suy vi, học giả mù độn, căn lành kém mỏng. Ngày thì cần, trần va chạm, lưới nghiệp kéo lôi ; đêm

thì mê ngủ che đậy, dây lười trói buộc. Ngày đêm dính mắc, đâu không phải là lỗi chước họa gây thù. Trầm vì lẽ đó, ôm ấp trong lòng, thương cảm xen lẫn, quên ăn mất ngủ. Nhân khi việc triều rảnh rỗi, xem khắp Kinh, Luận và các văn nghi lễ, tuyển chọn pháp có được tự lợi lợi tha, dùng để chỉ dạy cho người. Trần trở suy đi nghĩ lại, xưa tạo nghiệp trọn do sáu căn. Vì thế đức Phật Thích Ca khi chưa thành đạo, trước vào núi Tuyết sáu năm tu khổ hạnh, là do sáu căn đó vậy. Phòng theo ý ấy, lấy sáu căn phân làm sáu thời, mỗi thời lễ sám một căn. Chính trầm chế nghi văn sám hối này, gọi là "Khoa nghi sáu thời lễ Phật sám hối".

Văn thì rườm rà, nói thì lời xa xôi. Nếu văn rườm rà thì người lười sám hối, lời xa xôi thì dễ sanh nghi. Cho nên không dùng lời phù phiếm dôn cho đầy quyển, cốt khiến người đọc tụng vui vẻ, người nghe thấy dễ ngộ. Mới mong những kẻ có lòng tin, ngày đêm phát tâm chí thành, theo khoa nghi này làm lễ sám hối. Đây là chẳng phụ chí nguyện tự lợi lợi tha của trầm.

**Người sáng mắt thời sau, chớ xem nghi
vấn này mà phát cười. Tuy nhiên như thế :**

**Không nhân ngô tía hoa cười sớm,
Đâu có hoàng oanh đậu liễu xanh.**

GIẢNG

Vua Trần Thái Tông soạn Khoa nghi sáu thời sám hối rất là đầy đủ, thích hợp với giáo lý, với Thiền tông, nhưng chúng ta lại bỏ quên, không ai ngó ngang đến. Ngài chia sám hối mất một thời, tai một thời ... đến ý một thời. Ngài muốn dành cho người rảnh rỗi chưa tu thiền được, mỗi ngày đêm chia ra sáu thời để sám hối thì sáu căn cũng được thanh tịnh. Tại Thiền viện Trúc Lâm, vì có những giờ ngồi thiền nên chúng ta chỉ dùng một thời sám hối để gỡ những dính mắc của sáu căn cho khi ngồi tu được an ổn, chớ không dùng sáu sám hối làm trọng tâm tu, ngồi thiền mới là trọng tâm. Thế nên chúng tôi tóm tắt sáu thời chung thành một thời. Đây là lời tựa sáu thời sám hối nói lên sở nguyện của Ngài.

"Tiện lợi việc đi lại dưới sông trên bộ là nhờ xe thuyền, tẩy sạch bụi nhơ nơi thân tâm là do sám hối. Muốn tẩy sạch thân tâm mà không dùng sám hối khác nào muốn tiện lợi qua lại mà chẳng

dùng xe thuyền. Thế mới biết công dụng sám hối rất là to. Cho nên Kinh Đại Tập nói : "Như áo nhơ hằng trăm năm, có thể trong một ngày giặt được sạch sẽ. Như thế trong trăm ngàn kiếp đã tích tập các nghiệp chẳng lành, do nhờ lực Phật, khéo thuận tư duy, có thể trong một ngày hay một giờ, trọn hay tiêu diệt".

Đây là đoạn mở đầu nói về công dụng của sám hối. Phật dạy ai ai cũng có thể lầm lỗi nhưng biết sám hối thì lầm lỗi đó sẽ hết. Trái lại nếu che giấu thì lỗi càng tăng, nên sám hối có công dụng giúp chúng ta tiêu ma những nghiệp cũ và sạch những nghiệp mới. Có như thế sự tu hành của chúng ta mới tiến mau, chứ nghiệp cũ còn tràn đầy, nghiệp mới lại tiếp tục tạo thì việc tu hành sẽ càng ngày càng lui sụt. Vì thế sám hối là một điều rất thiết yếu. Tuy nhiên tôi cũng nói rõ, sám hối là kể lại những lỗi lầm, những sai sót chúng ta đã gây ra, những tội lỗi chúng ta thường vấp phải, để chúng ta nhớ rồi sửa và tránh. Nếu sám hối mà không biết mình nói gì, không hiểu mình làm gì thì lời sám hối không có giá trị. Điều đáng buồn là lâu nay, ở các chùa, Phật tử chúng ta mỗi nửa tháng đều sám hối, thật là đúng tinh thần Phật dạy, nhưng khi quì xuống đọc những lời sám hối, thí dụ như sám hối Hồng Danh quý vị đọc :

Như thị dǎng nhất thiết thế giới chư Phật Thế Tôn v.v..., đọc một mạch xong rồi không biết nói gì, vậy sám hối là sám điều gì ? Đó là điều rất đáng tiếc. Đúng ra sám hối là chúng ta phải biết mình có lỗi gì, nay xin chừa cải những lỗi lầm đó ... ôn di ôn lại cho tâm trí ghi nhớ để mỗi khi gặp những việc đó, sực nhớ mới tránh được, chứ nói mà không biết rõ nói gì thì buổi sám hối làm sao có tác dụng ? Đó là điều tôi thường hay buồn vì thấy dường như chúng ta làm cho có lệ chứ không phải để có một công dụng thực sự.

Khi nói về công dụng của sám hối, vua Trần Thái Tông dẫn Kinh Đại Tập. Một ông vua bận rộn việc nước, việc dân lại có giờ nghiên cứu kinh điển như Kinh Đại Tập, chưa hẳn các vị ở chùa có đọc đến nữa. Ngài thấy trong Kinh Đại Tập dạy, như chiếc áo nhơ hằng trăm năm không giặt nay đem ra giặt thì có thể trong một ngày được sạch liền. Cũng như vậy, trong trăm ngàn kiếp đã chứa nhóm các nghiệp chẳng lành nay nhờ sức thần của chư Phật, khéo thuận tư duy, có thể trong một ngày hay một giờ trọn hay tiêu diệt. "Khéo thuận tư duy", thuận là thuận theo giáo lý, tư duy là suy nghĩ, thường trong nhà Phật hay dùng từ ngữ Chánh tư duy. Nhờ oai lực của Phật, nhờ suy nghĩ đúng chánh pháp, đúng theo lời Phật dạy nên có

thể trong một ngày hay một giờ tất cả nghiệp sẽ tiêu diệt rất nhanh. Như vậy sám hối là phải có tư duy về lỗi lầm để chữa cái.

"Và lại chúng sanh từ trước đến nay, tánh giác thanh tịnh tròn sáng, trong trẻo như hư không chẳng có mảy bụi. Do bợn vọng chột dấy, cõi uế hiện thành, năng và sở nương nhau, Phật với chúng sanh thấy hai. Căn tánh sai biệt, ngu trí phân chia, chỉ cho một cửa, khó được ngộ nhập. Vì thế đức Phật chúng ta trí nguyện rộng lớn, mở cửa phương tiện, tùy lối chỉ đường về, đúng bệnh cho thuốc. Biết huyền cấu của chúng sanh từ vọng mà sanh, khuyên họ một niệm kính thành qui y sám hối, khiến thân tâm thanh tịnh, trong sạch như xưa. Gió yên thì sóng lặng, bụi sạch thì gương sáng. Sao thế ? Vì trước khởi tâm ác, như mây che mặt trăng, sau sanh tâm thiện, như đức sáng tan bóng tối. Ôi công dụng sám hối lớn lao há chẳng vậy sao ?"

Đoạn này Ngài đi từ lý đến sự. Lý là nói từ trước đến nay tất cả chúng sanh đều có tánh giác, thanh tịnh tròn sáng, trong trẻo như hư không chẳng có mảy bụi, thế nên Lục Tổ bảo : "Bản lai vô nhất vật". Tánh giác đó không dính một mảy bụi nhưng nay "do bợn vọng chột dấy", vọng tưởng như hòn bọt, chột dấy lên thì cõi uế hiện thành. Ta bà là uế độ tức là cõi uế, cõi nhơ nhớp. Do bợn

vọng tưởng dấy lên đưa đẩy chúng ta sanh vào những cõi khổ đau ô ế, rồi từ đó có năng sở đối đãi, có Phật có chúng sanh, thành thấy có hai bên. Như vậy sở dĩ có cõi, có người, có Phật, có chúng sanh đều do vọng tưởng. Rồi "Căn tánh sai biệt, ngu trí phân chia, chỉ cho một cửa khó được ngộ nhập" : Căn tánh có kẻ khôn, người khờ, nếu Phật chỉ dạy một môn thì mọi người khó tu được vì người thông minh mau hiểu mau nhận, người trì độn lại khó nhận hiểu.

"Vì thế đức Phật chúng ta trí nguyện rộng lớn, mở cửa phương tiện, tùy lối chỉ đường về, đúng bệnh cho thuốc" : Bởi vậy nên đức Phật mới dùng trí nguyện rộng lớn của Ngài mở nhiều cửa, lập nhiều phương tiện để hướng dẫn họ, tùy theo lối mà chỉ đường, người thấp chỉ đường thấp, người cao chỉ đường cao v.v..., đúng các bệnh mà cho thuốc để mọi người đều hết bệnh, hết khổ.

"Biết huyền cấu của chúng sanh từ vọng mà sanh, khuyên họ một niệm kính thành qui y sám hối". Cấu là nhớ nhớt, huyền là giả dối. Cái nhớ nhớt giả dối của chúng ta chỉ từ vọng tưởng sanh ra, nay khuyên nên một niệm thành kính qui y sám hối thì lần lần huyền cấu hết, nhờ đó tâm được thanh tịnh, trong sạch như buổi ban đầu, tức là trở về tánh giác thanh tịnh tròn sáng.

Ngài giải thích : "Gió yên thì sóng lặng, bụi sạch thì gương sáng". Hai hình ảnh : mặt biển khi gió dừng sóng lặng, mặt biển thênh thang ; mặt gương khi sạch bụi thì gương trong sáng. Như vậy có gió mới dậy sóng, gió là dụ cho vọng tưởng, sóng dụ cho những huyền cấu làm cho tâm mất thanh tịnh ; bụi dụ cho vọng tưởng, bụi sạch gương sáng là chỉ tâm trong sáng như cũ. Tại sao ? "Vì trước khởi tâm ác như mây che mặt trăng", chúng ta khởi tâm ác giống như mây đen che mặt trăng. "Sau sanh tâm thiện như đuốc sáng tan bóng tối", sau khởi tâm lành như cầm đuốc sáng, bóng tối liền mất. "Sau" là chỉ khi sám hối và chánh tư duy. "Ôi công dụng sám hối lớn lao há chẳng vậy sao", tức là công dụng sám hối rất là to lớn vậy.

Tiếp đến Ngài nói : "Trẫm nhờ quyền thuộc nhà Trời, ở ngôi chí tôn, nên việc dân gian quốc chính phiền rộn". Thuở xưa, vua được gọi là Thiên tử tức là con Trời, vì thế gọi là quyền thuộc nhà Trời. Trong nước vua là trên hết nên nói là chí tôn. Vì được trên hết nên việc dân gian quốc chính phiền rộn quá nhiều.

"Phồn hoa dụ dỗ bên ngoài, thị dục mê hoặc ở trong" : Ở ngoài bao nhiêu thứ phồn hoa dụ dỗ, ở trong thị dục mê hoặc. Làm vua đâu có thiếu vật gì, cái gì cũng tốt đẹp, cũng cám dỗ. "Miệng thì

chán ngán vị ngon, thân phải đeo mang vàng ngọc" : Ăn đủ thức ngon, ăn mãi thành ngán. Đeo còng bằng sắt với còng bằng vàng có khác nhau không ? Khác là khác sắt với vàng, nhưng đều là còng. Bị trói, bị xiềng bằng sắt, bằng đồng hay đeo mang vàng ngọc cũng tương tự nhau thôi nên Ngài cảm thấy thân bị đeo mang vàng ngọc.

"Thấy nghe đuổi theo tinh sắc, ở ăn toàn chốn gác dãi". Thấy nghe đều toàn là sắc là thanh, lúc nào cũng sắc đẹp tiếng hay, tiếng khen ngợi, tôn xưng ...

"Lại nữa thói đời khinh bạc nhân pháp suy vi, học giả mù độn, căn lành kém mỏng" : Hoàn cảnh quá dư làm cho Ngài khổ, nhìn lại tình đời khinh bạc, pháp luật trong đời không có ai theo, người học giả ngu ngơ không sáng, căn lành lại kém mỏng.

"Ngày thì căn trần va chạm, lưới nghiệp kéo lôi, đêm thì mê ngủ che dấy, dây lười trói buộc". Những câu này rõ ràng là bệnh của chúng ta. Ngày thì mắt chạy theo sắc, tai chạy theo tiếng v.v... cứ như thế mà bị lưới nghiệp trói, lôi kéo không thoát khỏi. Đêm thì mê ngủ che dấy, từ mê ngủ bị dây lười trói buộc. Tất cả chúng ta thích tỉnh hay thích mê ? Đúng lý ai cũng thích tỉnh nên mới tu. Nhưng ngủ mê tức là không tỉnh, nếu có người đến gọi

cho tỉnh, chúng ta có buồn không ? Lẽ ra phải mang ơn người gọi vì đang mê được tỉnh là mừng, trái lại đang ngủ ngon bị gọi dậy mà nổi giận là thích mê. Muốn tỉnh mà thích mê, thật là một vòng lẩn quẩn ! Giả sử ba giờ rưỡi mới thức mà có người gọi trước mười lăm phút, mình cũng hoan hỷ vì huynh đệ tốt, gọi mình tỉnh sớm, nếu gọi trễ lẽ ra phải buồn giận vì để mình mê dài. Nhưng hình như chúng ta thích dậy trễ hơn là dậy sớm, nên chúng ta là kẻ thích mê, bị dây lười trói buộc.

Tóm lại ban ngày bị lưới ngũ dục hay lưới nghiệp sáu trần kéo lôi, ban đêm sợi dây của ma lười trói cột không lúc nào được thành thoi, được tự do. Người tu là người muốn tự do, muốn giải thoát tức nhiên phải gỡ lưới nghiệp và cắt sợi dây lười. Muốn ban ngày không dính sáu trần, phải chịu khó sám hối mỗi đêm để nhớ không cho sáu trần dính mắc. Ban đêm nên dậy sớm để tỉnh nhiều hơn, nghĩa là càng tỉnh càng hay.

"Ngày đêm dính mắc, đâu không phải là lỗi chước họa gây thù ?" Ngày đêm đều dính mắc là nhân để chước họa gây thù, cột trói mãi không thể thoát khỏi.

"Trầm vì lẽ đó ôm ấp trong lòng, thương cảm xen lẫn, quên ăn mất ngủ". Một vị vua mà nói : Trầm vì lẽ đó, tức là vì nghĩ đến sự mê muội và

nỗi khổ đau của con người, ôm ấp trong lòng, cảm xúc thương xót họ đến quên ăn mất ngủ. Trong khi đó có người xuất gia đường như chưa nhớ như vậy, chỉ biết ăn ngon ngủ kỹ, ai khổ mặc ai, thật là thiếu lòng từ bi.

"Nhân khi việc triều rảnh rỗi, xem khắp Kinh Luận và các văn nghi lễ, tuyển chọn pháp có được tự lợi lợi tha, dùng để chỉ dạy cho người" : Khi việc triều đình rảnh rỗi Ngài xem Kinh Luận, các khoa nghi lễ để tìm chọn những gì lợi ích cho mình, cho người để chỉ dạy người.

"Trần trở suy đi nghĩ lại, xua tạo nghiệp trọn do sáu căn" : Ngài suy nghĩ ngày trước chúng ta tạo nghiệp đều do sáu căn.

"Vì thế đức Phật Thích Ca khi chưa thành đạo, trước vào núi Tuyết, sáu năm tu khổ hạnh là do sáu căn đó vậy" : Đức Phật hành khổ hạnh sáu năm là để tượng trưng cho sáu căn.

"Phong theo ý ấy, lấy sáu căn phân làm sáu thời, mỗi thời lễ sám một căn, chính Trẫm chế nghi văn sám hồi này, gọi là "Khoa nghi sáu thời lễ Phật sám hối". Ngài nói lý do chế ra khoa văn sám hồi này. Vì xét kỹ con người có nhiều tội lỗi, nhiều mê muội nên bị khổ chồng chất kiếp kiếp đời đời. Xét như vậy rồi nghĩ thương thân phận mình. Câu

"được tự lợi lợi tha" nghĩa là sám hối thế nào có lợi cho mình, cho người. Có lẽ Ngài cảm thấy mình tội lỗi nên trần trọc tìm cách giải những tội lỗi trước kia, Ngài tìm được khoa nghi sám hối này, Ngài tự tu, Ngài sám hối, đó là tự lợi, để người sau bắt chước tu theo đó là lợi tha. Như vậy Ngài biết mình không trong sạch nên phải sám hối rồi chỉ dạy cho người biết sám hối như Ngài.

"Văn thì rườm rà, nói thì lời xa xôi. Nếu văn rườm rà thì người lười sám hối, lời xa xôi thì dễ sanh nghi. Cho nên không dùng lời phù phiếm đồn chọ đây quyền, cốt khiến người đọc tụng vui vẻ, người nghe thấy dễ ngộ. Mới mong những kẻ có lòng tin, ngày đêm phát tâm chí thành, theo khoa nghi này làm lễ sám hối. Đây là chẳng phụ chí nguyện tự lợi lợi tha của Trẫm".

Đoạn này Ngài nói về lời văn trong Lục thời sám hối. Nếu Ngài dùng văn chương thì có tính cách rườm rà, người ta sẽ lười sám hối. Còn dùng lời xa xôi người nghe khó hiểu, nên dễ sanh nghi. Vì thế Ngài không dùng lời văn rườm rà phù phiếm mà dùng những lời bình dị khiến người đọc tụng nghe dễ hiểu nên vui vẻ, lại người ở chung quanh được nghe cũng dễ ngộ. Được như thế mới mong những kẻ có lòng tin, nghĩa là những ai tin lỗi tu hành sám hối, ngày đêm phát tâm chí thành làm

lễ sám hối. Như vậy mới đúng chí nguyện tự lợi và lợi tha của Ngài.

Để kết thúc tôi dẫn nguyên văn chữ Hán : "Hậu chi minh nhân giả vô dĩ nghi văn kiến tiếu. Tuy nhiên như thi :

Bất nhân tử bách hoa khai tảo,
Tranh đắc hoàng oanh hạ liễu điều.

"Hậu chi minh nhân giả" là người mắt sáng đời sau tức chỉ đời sau những người ngộ đạo, đạt được lý thiền.

"Vô dĩ nghi văn kiến tiếu" : Chớ thấy nghi văn sám hối này mà cười, vì người ngộ đạo rồi thấy nghi lễ sám hối cho là hình thức, yêu cầu quý vị chớ cười, tại sao ?

Tuy hình thức như thế nhưng :

*Không nhân ngô tía hoa cười sớm,
Đâu có hoàng oanh đậu liễu xanh.*

Hai câu thơ này trả lời rất khéo. Bách là con đường hẹp, hoa cười sớm là hoa nở sớm. Nếu bên những con đường hẹp không có hoa nở sớm thì đâu có hoàng oanh đậu liễu xanh. Đây là theo tinh thần ở Trung Hoa, vào mùa xuân hoa nở mới có chim hoàng oanh về đậu trên cành liễu. Như vậy hai câu thơ trên nghĩa là không nhân hình thức nghi

lễ này thì làm gì có cơ hội ngộ được bản tâm thanh tịnh, vậy đừng nghĩ hình thức là vô nghĩa, vô ích. Hình thức tuy ở bên ngoài nhưng nhờ nó mà cái cao siêu sáng suốt trong sạch bên trong hiện ra. Như vậy toàn bài kết thúc bằng hai câu thơ cho chúng ta thấy ý nghĩa rất là đầy đủ.

Tóm lại chúng tôi đã nhiều lần nhắc nhở sáu thời sám hối của vua Trần Thái Tông là then chốt của sự tu hành. Thế nên chúng ta mỗi đêm hằng sám hối theo sáu thời để sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần không dính mắc, không dính mắc là vô trụ, vô trụ thì tâm Bồ đề hay tâm Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác phát sanh.



KHÓA LỄ SÁU THỜI SÁM HỐI

DỊCH

KỆ CẢNH SÁCH CHÚNG GIỜ DẦN
(3 - 5 giờ)

Phương đông tờ mờ sáng,
Mặt đất tối tan dần.
Tâm chạm trần cảnh dấy,
Mắt lòa sắc tung bùng.
Thôi tham ôm xác thú,
Đầu vùi, sớm ngưỡng lên.
Ân cần chuyên sáu niệm,
Hầu mong hợp cơ chân.

(Lễ Tam Bảo 3 lay)

DÂNG HƯƠNG BUỔI SÁNG

Cúi mong, phương tây mặt trăng vừa lặn, hướng đông vầng nhật hiện dần. Chiều phạn hộp dòng thanh tịnh, cội không lẽ bậc thánh hiền. Mong thấu lòng thành, kính dâng hương báu.

Hương này, trông từ rừng giới, tưới bằng nước định, chặt từ vườn tuệ, vót bằng dao giải thoát. Chẳng do sức người - rìu - búa, hình thế xuất tự thiên nhiên. Đốt lên từ lò báu tri kiến, kết dài mây sáng rỡ. Khi bay khắp chốn ngạt ngào, tan ra đầy trời thơm phức. Vừa lúc rạng đông, thấp hương cúng dường.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Trăm thúy, rừng thiên hương sực nức,
Chiên đàn, vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thắm,
Nguyệt đốt lò tâm mãi cúng dâng.

KỆ DÂNG HOA

Đất tâm mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

PHÁT NGUYỆN

Nguyện mây hương hoa này
Khắp cả mười phương cõi
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ Tát,
Vô lượng chúng Thanh Văn
Và tất cả Thánh Hiền.
Vừa rời đài Quang minh
Qua cõi nước vô biên
Trong vô biên cõi Phật
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sinh
Đều phát tâm Bồ đề.

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

TÂU BẠCH

Kính bạch, mười phương Đại Giác, ba đời Hùng Sư. Soi đuốc tuệ nơi đường tối, thả thuyền từ trong biển khổ.

Trộm nghe, canh gà vừa qua, bóng thỏ mới lặn. Khói mù nơi sông núi chớm tan, xe ngựa xa gần đều chuyển động. Tiếng mai hoa trên lầu vừa tàn, chén trúc điệp trước song mới tỉnh. Mây liễu thập thò bày nắng sớm, mặt hoa e thẹn đọng sương mai. Gặp khi bùng sáng, thương kẻ ngu mê. Trong đêm giấc mộng đã lờ mờ, sáng đến tâm hồn còn rộn rịp. Mắt tai đuổi theo thình sắc, mũi lưỡi dính mắc vị hương. Nhà lửa hừng cam thiêu đốt, sông ái mãi chịu đắm chìm. Mặc dù sáng nay ông thức giấc, cũng như người đang ngủ đêm qua. Chẳng lo sanh già bệnh chết đuổi gắp, chỉ chăm vợ con tiền của buộc ràng.

Các Phật tử ! Gốc thân chẳng bền, cành mạng khó yên. Mọi người trên đầu đội trời, khó khỏi mất sáng rơi đất. Một sớm chột sậy tay, muôn kiếp thân khó được. Cần phải mau mau gieo giống lành,

chớ có khư khư câu quả ác. Người người
sớm tỉnh, mỗi mỗi siêng tu. Chuyên tâm
lễ Vô thượng Từ Dung, chạm mắt thấy Đại
quang minh tạng.

Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này,
lấy làm khóa lễ buổi sáng.

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

SÁM HỐI TỘI CĂN MẮT

Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay ;
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Roi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm.
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

NGHIỆP CĂN MẮT LÀ :

Nhân ác xem kỹ, nghiệp thiện coi khinh.
Lầm nhận hoa giá, quên ngắm trăng thật.
Yêu ghét nổi dậy, đẹp xấu tranh giành ;
Chợt mắt dối sanh, mờ đường chánh kiến.
Trắng qua xanh lại, tía phải vàng sai ;
Nhìn lệch các thứ, nào khác kẻ mù.
Gặp người sắc đẹp, liếc trộm nhìn ngang ;
Lòa mắt chưa sanh, bản lai diện mục.

Thấy ai giàu có, giương mắt mãi nhìn ;
Gặp kẻ bần cùng, lờ đi chẳng đoái.
Người dung chết chóc, nước mắt ráo khô ;
Thân quyến qua đời, đấm đĩa lệ máu.
Hoặc đến Tam Bảo, hoặc vào chùa chiền ;
Gần tượng thấy kinh, mắt không thềm ngó.
Phòng Tăng điện Phật, gặp gỡ gái trai ;
Mắt liếc mày đưa, đăm mê sắc dục.
Không ngại Hộ Pháp, chẳng sợ Long Thần ;
Trố mắt ham vui, đấu chưa từng cú.
Những tội như thế, vô lượng vô biên ;
Đều từ mắt sanh, phải sa địa ngục.
Trải hàng sa kiếp, mới được làm người ;
Dù được làm người, lại bị mù chột.
Nếu không sám hối khó được tiêu trừ.
Nay trước Phật đài, thầy đều sám hối.

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Và chư Bồ Tát, Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

CHÍ TÂM TÙY HỖ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thêm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ đề chơn tâm không lui sụt.

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Chúng con hồi tâm nương Thánh chúng
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh
Nhờ thắng nhơn này thành Chánh giác.

(Lễ một lay)

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyện rộng mở sáng chánh kiến,
Hai nguyện lau sạch bụi trần mù,
Ba nguyện nhìn hình không đắm mến,
Bốn nguyện thấy sắc chẳng bận lòng.
Năm nguyện quên đầu cần kíp nhận,
Sáu nguyện mắt tuệ tự tròn đầy,
Bảy nguyện hiện nay sớm tỉnh mộng,
Tám nguyện hằng được sáng xưa nay.
Chín nguyện khi nhìn trừ che huyền,
Mười nguyện chỗ thấy dứt hoa sanh,

**Mười một nguyện trông xa mây chướng cuốn,
Mười hai nguyện chớp mắt nghiệp băng trong.**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

KỆ VÔ THƯỜNG BUỔI SỚM

**Đêm tối vừa rạng sáng
Ánh dương dần hiện không.
Tóc bạc thâm tới điểm
Má hồng dần đổi thay.
Chẳng biết tuổi xuân ngắn
Vấn tranh nghiệp quả hùng.
Thân như băng gặp nắng
Mạng tợ đuốc gió đùa.
Chớ mãi mê làm khách
Quay về sớm chiếu soi.**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)



DÂNG HƯƠNG BUỔI TRƯA

Cúi mong, ánh dương rực rỡ, bầu trời chói chang. Nhìn lại ngày cứ trôi qua, đến Phật khẩn cầu. Lòng tin tỏ bày dưới tòa bái, thấp nén hương trầm cắm lò châu. Hương này hun đúc bởi tiên thiên, chẳng phải Bồng Đảo châu sản xuất ; ngát thơm quả đất, nào do chiên đàn sinh ra. Danh phẩm hơn cả trầm tiên, mùi vị vượt xa lan xạ. Chỗ tỏa khói lành, bởi lửa tam muội đốt ; mây hương bùa khắp, vốn từ khí nhất nguyên tan. Mỗi mỗi trên đánh đều thấu triệt, người người trong mũi thấy ngửi mùi.

Đây do Nghi sám hối, làm lễ dâng hương. Nay giờ ngọ thấp hương cúng dường.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Trầm thủy rừng thiên hương sức nức,
Chiên đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thắm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

KỆ DÂNG HOA

Tâm địa mở ra, hoa nở rộ,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỒI BẠCH :

Nguyện mây hương hoa này, qua đây
mười phương cõi, cúng dường tất cả Phật,
tôn Pháp, chư Bồ Tát, vô lượng chúng
Thanh Văn và tất cả Thánh Hiền ; từ đài
Quang minh dậy, qua vô biên thế giới,
trong vô biên cõi Phật, thọ dụng làm Phật
sự ; khắp huân các chúng sanh, đều phát
tâm Bồ đề.

Cúng dường rồi, chí tâm qui mạng lễ,
mười phương Vô thượng Tam Bảo.

(Lạy 1 lạy)

TÂU BẠCH

(Lại niệm hương quy bạch)

Kính bạch : Mười phương Đại Giác, ba
đời Hùng Sư, chuyển sáu đạo thành sáu
thần thông, nhiếp chín loài về chín phẩm.

Trộm nghe : gà xóm gáy trưa, mặt trời đứng bóng. Vòm trời cao ánh dương vừa đến giữa, khắp nơi dương liễu bóng đứng ngay. Nắng gội sân hoa vờn ngọc, gió đưa rặng liễu lay vàng. Long lanh chập chờn soi thềm ngọc. Lò nghê hương quyện, trời xanh vằng vặc chói chang. Gối tiên giấc nồng, trên gác tia ngày dài dêm ngấn. Hè cao độ thì chảy vàng nứt đá. Đông cực hàn thì sương phủ tuyết rơi. Nắng trưa bụi mù trong sạch, bóng xế mây tối quét tan. Đối cảnh tánh thiên rộng suốt, đương thời tâm địa sáng ngời. Nơi nơi thấy có quang minh, bước bước trọn không hắc ám.

Chư Phật tử ! Mặt trời đứng ngọc rồi phải xế, con người có thịnh ắt có suy. Thân thể chẳng bền lâu, giàu sang khó giữ mãi. Nhanh chóng như nước chảy trên sông, lệ làng tợ mây qua đỉnh núi. Bình sanh chẳng tạo nhân lành ngày khác ắt về đường khổ. Quyết khởi tin sâu, trừ sạch nghi ngờ. Sớm nở tâm chân chư Phật, chiếu phá thùng sơn chúng sanh.

**Đệ tử chúng con kính tưởng thời này,
lấy làm khóa lễ buổi trưa.**

**Tâu bạch rồi, chí tâm qui mạng lễ mười
phương ba đời Vô thượng Tam Bảo. (1 lay)**

SÁM HỐI TỘI CĂN TAI

**Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lấm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.**

NGHIỆP CĂN TAI LÀ :

**Ghét nghe chánh pháp, thích lắng lời tà ;
Mê mất gốc chơn, đuổi theo ngoại vọng.
Sáo đàn inh ỏi, bảo khúc long ngâm ;
Vãng vãng mờ chuông, coi như ếch nhái.
Câu ví bài vè, bông nhiên để dạ ;
Lời kinh câu kệ, không chút lắng tai.
Thoảng nghe khen hảo, khắp khởi mong cầu;
Biết rõ lời lành, đâu từng ưng nhận.
Vài ba bạn rượu, năm bảy khách chơi ;
Tán ngắn bàn dài, châu đầu nghe thích.
Hoặc gặp thầy bạn, dạy bảo đĩnh ninh ;**

Những điều hiểu trung, che tai bỏ mặt.
Hoặc nghe tiếng xuyên, bỗng nảy lòng dâm ;
Nghe nửa câu kinh, liền như tai ngựa.
Những tội như thế, vô lượng vô biên ;
Đầy áp bụi trần, kể sao cho xiết.
Sau khi mạng chung, rơi ba đường ác ;
Hết nghiệp thọ sanh, lại làm người điếc.
Nếu không sám hối , khó được tiêu trừ ;
Nay trước Phật đài, thầy đều sám hối.

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM TÙY HỖ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thêm thang thập địa nguyện sớm lên,
Bồ đề chơn tâm không lui sụt.

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Chớp mắt vãng ô vừa mới mọc,
Quay đầu bóng nhật giữa vòm trời.
Trộn tham gỗ mục say mê ngủ,
Nào tỉnh bóng hèn đã đổi đời.
Phút chốc hoa tươi lẫn rơi rụng,
Dần dà mạng nấp thanh rồi suy.
Mọi người sớm tỉnh xoay soi lại,
Tự khổ ruổi dong khắp nẻo đường.

(Lễ Tam Báo 1 lay)



DÂNG HƯƠNG BUỔI MẶT TRỜI LẶN

Cúi mong, chân trời ráng hiện, khói tụ non xa. Thân đến đàn tràng thanh tịnh, đầu lễ Hiền Thánh từ bi. Mong thấu lòng thành, kính đốt hương báu. Hương này, danh cao ở Bồng đảo, phẩm lạ ở Lục dương. Nào phải trầm thủy dâng từ Lâm Ấp, chẳng như tô du cống hiến của Đại Tần. Mùi hơn xạ hương ở Phong huyện vị quá Ô trành long não. Riêng chiếm giá cao bậc nhất, mùi thơm vượt hẳn các hương. Hương báu vừa bay, chiếu phạm huân thành đàn thế giới. Lò vàng mới đốt, xoay vẫn kết tụ thận lâu đài. Tim đến, Càn thành tan ảo hóa, ngửi mùi địa ngục hết chua cay. Nay mặt trời lặn, thấp hương cúng dường.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Trầm thủy, rừng thiên hương sức nức,
Chiên đàn, vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

KỆ DÂNG HOA

Tâm địa mở ra, hoa nở rộ,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỒI BẠCH

Nguyện mây hương hoa này, khắp cả
mười phương cõi, cúng dường tất cả Phật,
tôn Pháp chư Bồ Tát, vô lượng chúng
Thanh Văn và tất cả Thánh Hiền ; vừa rời
đài Quang minh, qua cõi nước vô biên
trong vô biên cõi Phật, nhận dùng làm
Phật sự, xông khắp các chúng sinh, đều
phát tâm Bồ đề.

Cúng dường rồi, chí tâm qui mạng lễ
mười phương Vô thượng Tam Bảo.

(1 lay)

TÂU BẠCH

(Lai niệm hương quy bạch)

Kính bạch : Mười phương Đại Giác, ba
đời Hùng Sư. Vung kiếm tuệ ở rừng tà,
quạt gió từ vào nhà lửa. Trộm nghe : ráng

đỏ phủ đầu non, mặt trời vừa gác núi. Đầu thành giọng ốc thổi buồn thiu, chày nện ngoài rèm nghe âm đạm. Thuyền chài quay lại bến cất tiếng hát chiều, chim bay trở về rừng nhẹ nhàng vỗ cánh. Phờ phạc đàn cò đậu bãi cát ; tiêu sơ bờ liễu để ngâm sâu. Đồng rộng lập lòe vài đóm lửa, trời cao lơ lửng trăng lơỉ liềm. Cửa phen hờ khếp gà vào chuồng ; đèn lửa chưa lên trâu lại ngồ. Lữ khách thúc ngựa chạy như tên bắn ; thuyền về chèo gấp nhanh tợ thoi đưa. Thương thay kẻ mê lại vào đường tối. Ngày sáng trưng còn chẳng biết lối đi, đêm càng tối lối về nhà quên bằng. Nhóm kia như người không đủ mắt, cảnh này quyết hẳn kẻ quên đường.

Các Phật tử ! Phải nhớ vô thường nhanh chóng, chớ tham phù thế xa hoa. Cần kíp kéo mũi xoay đầu, chớ để buông tâm phóng chạy. Mỗi người soi sáng bên trong, không cho theo cảnh tìm ngoài. Nếu là tri âm, hãy mau tiến bước.

Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ mặt trời lặn.

(Lễ Tam Báo 1 lay)

SÁM HỐI TỘI CĂN MŨI

Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không theo chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

NGHIỆP CĂN MŨI LÀ :

Thường tham mùi lạ, trăn thú ngọt ngào ;
Chẳng thích chân hương, nếm phần thanh tịnh.
Lan xông xạ ướp, chỉ thích tim tòi ;
Giới định hương huân, chưa từng để mũi.
Trầm đàn thiêu đốt, đặt trước Phật đài ;
Nghênh cổ hít hơi, trộm hương phẩy khói.
Theo dõi hương trần, Long thần chẳng nể ;
Chỉ thích mùi xăng, trọn không chán mỗi.
Mặt đào má hạnh, lôi kéo chẳng lia ;
Cây giác hoa tâm, xây đi không đoái.
Hoặc ra phố chợ, hoặc vào bếp sau ;
Thấy bần thềm ăn, ưa như kiếm nuốt.
Chẳng ngại tanh hôi, không kiêng hành tỏi;
Mê mãi không thôi, như lợn nằm ổ.
Hoặc chảy nước mũi, hoặc hỉ đàm vàng ;

Bôi cột quét thêm, làm như đất sạch.
Hoặc say nằm ngủ, điện Phật phòng tăng ;
Hai mũi thở hơi, xông kinh như tượng.
Ngủ sen thành trộm, nghe mùi thành dâm ;
Không biết không hay, đều do nghiệp mũi.
Những tội như thế, vô lượng vô biên ;
Sau khi mạng chung, đọa ba đường khổ.
Trải nghìn muôn kiếp, mới được làm người ;
Dù được làm người, quả báo bệnh mũi.
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ ;
Nay trước Phật đài, thầy đều sám hối.

(Lễ Tam Bảo 1 lạ)

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).

(Lễ Tam Bảo 1 lạ)

CHÍ TÂM TÙY HỖ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám hối lỗi lầm.

**Thêm thang thập địa nguyện sớm lên,
Bổ đề chơn tâm không lui sụt.**

(Lễ Tam Báo 1 lay)

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

**Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhơn này thành Chánh giác.**

(Lễ Tam Báo 1 lay)

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

**Một nguyện ra hết tà khí loạn,
Hai nguyện nhận vào tuệ hương huân,
Ba nguyện đóng thành cửa vô lậu,
Bốn nguyện ho tan trần hữu duyên.
Năm nguyện lồi về đường Tam Bảo,
Sáu nguyện ngáp nát xóm tứ sanh,
Bảy nguyện thờ trừ chướng phiền não,
Tám nguyện ngủi được hoa giác tươi.
Chín nguyện thường thông giống các pháp,
Mười nguyện hằng lập nhân ngũ tân,**

Mười một nguyện kéo về đạo biển tánh,
Mười hai nguyện lôi ra khỏi bến mê.

(Lễ Tam Báo 1 lay)

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Cảnh giục trời gác núi,
Tắc bóng có tiếc chãng ?
Chỉ chạy theo ý ngựa,
Tâm khỉ chịu dừng đâu ?
Mặt trời mọc rồi lặn,
Thân nổi trở lại chìm.
Già đến ngu cùng trí,
Chết đi xưa và nay.
Chẳng khỏi vô thường đến,
Hạn lớn tránh được nào ?
Mỗi nên đi đường chánh,
Chớ để vào nẻo tà.

KỆ KHUYÊN CHÚNG BUỔI HOÀNG HÔN

Cảnh giục nướng dâu tối,
Non tây ô lặn rồi.
Ngày giờ đâu dừng mãi,
Già bệnh dễ kể người.
Chết đến ai hay giữ,

Hạn lại sao cấm ngăn.
Mọi người nên để mắt,
Hôn tán chớ vương tâm.

KỆ TÁM KHỔ

Sanh đến thành người thân khổ nhọc,
Già sang lự khuy ý mê mờ,
Bệnh xâm thân thể đau khôn nhẫn,
Chết đọa ba đường nghiệp dễ thôi.
Ân ái xa lìa buồn khó tả,
Oán thù gặp lại giận không cùng.
Ngàn cầu chẳng được thêm phiền não,
Năm ấm tranh nhau đấu sức hùng.

(Lễ Tam Bảo 3 lay)



DÂNG HƯƠNG BUỔI ĐẦU HÔM

Cúi mong, lửa đom đóm điểm không, đèn thuyền chài rọi nước. Bọn tịnh trên đàn đều tới, trong lò mới thấp tín hương. Hương này, sản phẩm chẳng ở Lạc Sơn, chủng loại không phải trầm thủy. Đâu bởi Thần Long dâng cúng, chính do Bồ Tát cất danh. Trong rừng Ngưu đầu khó so bì, nơi vườn Kê thiết suy tôn bậc nhất. Gươm tuệ chặt, vót bằng đao giới rất mực thanh kỳ; nước định rửa, lửa tam muội đốt mùi thơm ngào ngạt. Đâu chỉ đàn tràng người được, mọi nơi khắp chốn đều thơm. Một nén hương xông nhiều đời nghiệp sạch. Nay buổi đầu hôm, đốt hương cúng dường.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Trầm thủy rừng thiên hương sức nức,
Chiên đàn vườn tuệ đã vun trồng.
Đao giới vót thành hình non thắm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

KỆ DÂNG HOA

Đất tâm mở ra, hoa nở rộ,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rui.

PHÁT NGUYỆN

Nguyện mây hương hoa này
Khắp cả mười phương cõi
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ Tát,
Vô lượng chúng Thanh Văn
Và tất cả Thánh Hiền.
Vừa rời đài Quang minh
Qua cõi nước vô biên
Trong vô biên cõi Phật
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh
Đều phát tâm Bồ đề.

TÂU BẠCH

**Kính bạch : Mười phương Đại Giác, ba
đời Hùng Sư, mở rộng đèn tuệ chư Phật,**

soi khắp nhà tối quần sanh. Trộm nghe :
kèn lầu vừa thổi, trống cấm mới truyền,
nhà nhà đèn sáp sáng trưng, chồn chồn
mỡ rồng cháy rục. Ngựa báu thôi hí ngoài
ngõ tía, cá vàng ngưng nhảy dưới ao
trong. Lúa thừa mặt nước đom đóm bay,
lấp ló đầu non ngậm vầng nguyệt. Bên đài
Phượng hoàng say sưa tiệc rượu liên
hoàn, trước lầu Anh Vũ tham đắm mê hoa
thủ lạc. Hoặc vịnh trăng cợt gió, hoặc thổi
sáo đánh đàn. Người người chăm chăm
duyên trước mắt, kẻ kẻ đâu quên việc sau
thân.

Các Phật tử ! Phải tỉnh đường trước
khó tiến tới, chớ tham gối cao mặc ngũ
say. Lên giường khó bảo đảm xuống
giường, đêm nay đâu thể biết đêm mai.
Cửa đệ nhất nghĩa nên thẳng vào, nơi ba
đường ác chớ tiến bước. Quay đầu nhận
về gia hương mình, mở mắt chớ ham mộng
phù thế. Đệ tử chúng con, chỉ tưởng giờ
này, lấy làm khóa lễ đầu hôm.

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

SÁM HỐI TỘI CĂN LƯỠI

Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lằm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

NGHIỆP CĂN LƯỠI LÀ :

Tham đủ mọi mùi, thích xét ngon dở ;
Nếm hết các thứ, biết rõ béo gầy.
Sát hại sinh vật, nuôi dưỡng thân mình ;
Quay rán cá chim, nấu hầm cầm thú.
Thịt tanh béo miệng, hành tỏi ruột xông ;
Ăn rồi đòi nũa, nào thấy no lâu.
Hoặc đến đàn chay, cầu thần lễ Phật ;
Cố cam bụng đói, đợi lúc việc xong.
Sáng sớm ăn chay, cơm ít nước nhiều ;
Giống hệt người đau, gắng nuốt thuốc cháo.
Mắt đầy mỡ thịt, cười nói hân hoan ;
Rượu chuốc cơm mời, nóng thay nguội đổi.
Bày tiệc đãi khách, cưới gả cho con ;
Giết hại chúng sanh, vì ba tác lỗi.
Nói dối bày điều, thù dệt bịa thêm ;
Hai lỗi bỗng sanh, ác khẩu đấy khởi.

Chửi mắng Tam Bảo, nguyên rủa mẹ cha ;
Kính khi Hiền Thánh, lừa dối mọi người.
Chê bai người khác, che giấu lỗi mình ;
Bàn luận cổ kim, khen chê này nọ.
Khoe khoang giàu có, lãng nhục người nghèo;
Xua đuổi Tăng, Ni, chửi mắng tôi tớ.
Lời gièm thuốc độc, nói khéo tiếng đàn ;
Tô vẽ điều sai, nói không thành có.
Oán hờn nóng lạnh, phỉ nhổ non sông ;
Tán dóc tăng phòng, ba hoa Phật điện.
Những tội như thế, vô lượng vô biên;
Ví như cát bụi, đếm không thể cùng.
Sau khi mạng chung, vào ngục phạt thiệt ;
Cày sắt kéo dài, nước đồng rót mãi.
Quả báo hết rồi, muôn kiếp mới sinh ;
Dù được làm người, lại bị cầm bặt
Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ ;
Nay trước Phật đài, thầy đều sám hối.

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

**Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.**

**Mở rộng tâm từ bi vô lượng
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác)**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM TÙY HỖ

**Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm,
Thêm thang thập địa nguyện sớm lên,
Bồ đề chơn tâm không lui sụt.**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

**Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thẳng nhơn nầy thành Chánh giác.**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

**Một nguyện ăn no vị vô thượng,
Hai nguyện nhà hết vị trần tanh,
Ba nguyện biện tài trừ các hoặc,
Bốn nguyện thích nói độ quần sanh.**

Năm nguyện đọc hết kho vô tận,
Sáu nguyện sông pháp uống cạn khô,
Bảy nguyện sớm nhận Đại Ngu thổ,
(thổ thiết : le lưởi)

Tám nguyện nhanh đồng Lâm tế thanh
(tiếng hét).

Chín nguyện lưởi dài cùng Phật phủ,
Mười nguyện trong sạch như trời xanh,
Mười một nguyện thế gian không cam ngọng,
Mười hai nguyện địa ngục hết trâu cày
(cây lưởi).

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Ngày sáng mất rồi đêm tối đến,
Đường đêm mờ mịt lại mịt mờ,
Uổng công đốt đuốc cho người khác,
Chẳng chịu mỗi đèn chính nhà mình.
Chăm chặm vắng ô vừa khuất núi,
Tù tù bóng tỏ biển đông lên,
Chết sống xoay vần đều như thế,
Sao chẳng qui y Phật Pháp Tăng.



DÂNG HƯƠNG NỬA ĐÊM

Cúi mong, đồng hồ canh ba chuyển, muôn tiếng nhạc lặng im. Chúng tăng hòa hợp trước nghiêm đàn, một nén hương thơm trùm pháp giới. Hương này trời đất sanh thành, công vun trồng chẳng phải một đời, do bảo hộ trăm thân mà được. Cội rễ tốt tươi, mãi nhờ mưa pháp thấm nhuần. Thế chất thanh cao, hằng được mây từ che mát. Giống lạ, chớ đem cây thường so sánh, mùi thơm nào phải kẻ phàm hay. Cắm trong lư vàng, mảnh mảnh vừa châm vào ngọn lửa ; kết thành lọng báu tầng tầng, bay thẳng tận mây ngàn. Dùng làm lễ nghi trước Phật, mong nêu lòng tin kẻ phàm. Nay lúc nửa đêm, thấp hương cúng dường.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Trầm thủy, rừng thiên hương sức nức,
Chiên đàn, vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

KỆ DÂNG HOA

Tâm địa mở ra, hoa nở rộ,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỜI BẠCH

Nguyện mây hương hoa này, khắp cả
mười phương cõi, cúng dường tất cả Phật,
tôn Pháp chư Bồ Tát, vô lượng chúng
Thanh Văn và tất cả Thánh Hiền ; vừa rời
đài Quang minh, qua cõi nước vô biên,
trong vô biên cõi Phật, nhận dùng làm
Phật sự, xông khắp các chúng sinh, đều
phát tâm Bồ đề.

Cúng dường rồi, chí tâm qui mạng lễ
mười phương Vô thượng Tam Bảo. *(1 lay)*

TÂU BẠCH

(Lại niêm hương quỳ bạch)

Kính bạch, mười phương Đại Giác, ba
đời Hùng Sư. Duỗi tay vàng tiếp độ quần
sinh, phóng sáng ngọc soi cùng các cõi.

Trộm nghe, giờ vừa sang tỵ, đêm đã nửa rồi. Ngọn đèn đĩa bạc đã hầu tàn, đường sá trong thành đều lắng bụi. Mấy trận gió mây sanh muôn dặm ; một vầng trăng sáng giọi canh ba. Lúa thừa rừng trúc rây vàng, lấp lánh hoa sân vờn ngọc. Hạc oán lặng thình nơi trướng huệ, vượn buồn kêu mãi chốn rừng tùng. Xa xôi Sâm, Đẩu trái ngân hà, vắng vẻ quỷ thần khóc đồng nội. Cuộc kêu thống thiết, mộng điệp say mê. Thân huyền lè loi trong rừng rậm, mộng hồn giồng ruổi ngàn dặm trường. Cam chịu ma ngũ quấy rầy luôn, đâu biết được trí hằng sáng rực. Ngoài nhà thân phách lạc hồn bay, trong hang quỷ tròng che mắt nhắm. Chỉ thích tham mê ngũ nghị, đâu biết nếm vị chơn như. Ham ưa một giấc ngon đến sáng, nào ngại trăm năm cơn chết chờ.

Các Phật tử ! Phải nhớ bốn rấn bức bách, chớ quên hai chuột gặm mòn. Luân hồi ba cõi chừng nào thôi, quanh quẩn bốn loài bao giờ hết ? Đường vắng sanh nên bước, cần vin xe dẫn ra. Nào là chỗ lao quan, quyết định đêm nay phá vỡ. Đệ

**tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy
làm khóa lễ nửa đêm.**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

SÁM HỐI TỘI CĂN THÂN

**Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Roi ba đường khổ, bởi sáu căn lamm
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.**

NGHIỆP CĂN THÂN LÀ :

**Tình cha huyết mẹ, chung hợp nên hình ;
Năm tạng trăm hài, cùng nhau kết hợp.
Chấp cho là thật, quên mất pháp thân ;
Sinh dâm, sát, trộm, bèn thành ba nghiệp.**

NGHIỆP SÁT SANH LÀ :

**Luôn làm bạo ngược, chẳng khởi nhân từ ;
Giết hại bốn loài, đâu biết một thể.
Lầm hại cố giết, tự làm dạy người;
Hoặc tìm thấy bùa, đem về ếm đối.
Hoặc làm thuốc độc, để hại sinh linh ;
Chỉ cốt hại người, không hề thương vật.**

Hoặc đốt núi rừng, lấp cạn khe suối ;
Buông chài bủa lưới, xuýt chó thả chim.
Thấy nghe tùy hỷ, niệm dấy tưởng làm ;
Cử động vận hành, đều là tội lỗi.

NGHIỆP TRỘM CẤP LÀ :

Thấy tài bảo người, thẳm khởi tâm tà ;
Phá khóa cạy then, sờ bao mò túi.
Thấy của Thường trụ, lòng dấy khởi tham ;
Trộm của nhà chùa, không sợ thần giện.
Không những vàng ngọc, mới mắc tội to ;
Ngọn cỏ cây kim, đều thành nghiệp trộm.

NGHIỆP TÀ DÂM LÀ :

Lòng mê nhan sắc, mắt đắm phấn son ;
Chẳng đoái liêm trinh, riêng sanh lòng dục.
Hoặc nơi đất Phật, chánh điện phòng tăng ;
Cự sĩ gái trai đụng chạm đùa giỡn.
Tung hoa ném quả, đập cẳng kề vai ;
Khoét gạch trèo tường, đều là dâm nghiệp.
Những tội như thế, vô lượng vô biên ;
Đến lúc mạng chung, đều vào địa ngục.
Gái nằm giường sắt, trai ôm cột đồng ;
Muôn kiếp tái sinh, lại chịu tội báo.

**Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ ;
Nay trước Phật đài, thầy đều sám hối.**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

**Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM TÙY HỖ

**Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thêm thang thập địa nguyện sớm lên,
Bồ đề chơn tâm không lui sụt.**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

**Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhơn này thành Chánh giác.**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyện mạng căn chóng thành tuệ,
Hai nguyện thể tướng biến thành chơn,
Ba nguyện gieo mình cầu đại pháp,
Bốn nguyện vào lửa ngộ thâm nhân.
Năm nguyện đốt thân đền Phật đức,
Sáu nguyện chẻ tủy đáp ơn thầy,
Bảy nguyện xin đầu trọn chẳng tiếc,
Tám nguyện móc mắt cũng là thân.
Chín nguyện thoa hương không có thích,
Mười nguyện cắt thịt chẳng sanh sân,
Mười một nguyện đời đời không đắm trước,
Mười hai nguyện kiếp kiếp lia tục trần.

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Muôn tiếng vừa im bật,
Canh ba trống điểm hồi.
Chim cuốc kêu thảm thiết,
Giấc mộng mãi mê say.
Cam trong hờ làm kiến,
Trở thành cá trên ao,
Không thể xem trăng mọc,
Chỉ luyến ái trong hoa.

**Quên mất nhà muôn dặm,
Còn tham giấc ngủ thừa.
Chẳng biết thân là huyễn,
Mê muội đến bao giờ.**



DÂNG HƯƠNG CUỐI ĐÊM

Cúi mong, sao Bắc đẩu chuyển về phương bắc, giải Ngân hà nghiêng hẳn về tây. Bên gối giấc mộng còn say, trên lầu tiếng sừng vừa dứt. Chúng Tỳ Kheo họp nơi chiếu phạm, trước đức Phật dâng nén hương tin. Hương này giống từ cung nguyệt đem về, trong non rã quán chẳng chịt. Dáng hình khác tục, thể chất phi phạm. Vượt xa Tước Đầu ở nước Ngô, cao hơn Qui Giáp ở Quế Lâm. Nơi đốt không dung lửa sân, khói bay bèn nhờ gió từ. Nào phải hương phạm hạ phẩm, hẳn là vị lạ thượng phương. Mông mông tơ bay kết thành diềm tốt, ngạt ngào khí lạ tụ hội duyên lành. Nghi ngút trước ngôi tòa báu, phảng phất ngoài bức rèm châu. Quay đầu tìm biết, quang minh ngay đó tự nhiên sanh. Thấy mặt người huân, tịch diệt do đây chứng được. Nay lúc cuối đêm, đốt hương cúng dường.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Trầm thủy, rừng thiên hương sục nức,
Chiên đàn, vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thắm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.

KỆ DÂNG HOA

Tâm địa mở ra, hoa nở rộ,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.

HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỜI BẠCH

Nguyện mây hương hoa này, khắp cả
mười phương cõi, cúng dường tất cả Phật,
tôn Pháp chư Bồ Tát, vô lượng chúng
Thanh Văn và tất cả Thánh Hiền, vừa rời
đài Quang minh, qua cõi nước vô biên,
trong vô biên cõi Phật, nhận dùng làm
Phật sự, xông khắp các chúng sinh, đều
phát tâm Bồ đề.

Cúng dường rồi, chí tâm qui mạng lễ
mười phương Vô thượng Tam Bảo. *(1 lay)*

TÂU BẠCH

(Lại niêm hương quỳ bạch)

Kính bạch, mười phương Đại Giác, ba đời Hùng Sư ; rót cam lồ cứu đàn đói khát, cầm thần châu gieo chỗ tối tăm. Trộm nghĩ : "Trùng thúc năm đạo, gà giục ba hồi. Bóng đuốc tiệc hoa vừa tàn lụi, giải sao Ngân hà sắp lặn chìm. Giác bướm lại quay về thế mộng, chuông chùa phá vỡ chốn âm u. Đầu non biếc ngậm nửa trăng mờ, mặt biển xanh vắng hồng chưa hiện. Vách cũ để kêu từng chập, đường quan vó ngựa nhịp đều. Đầu thành làn khói nhạt bao quanh, ngoài trời màn sương sớm che phủ. Chính là lúc đạo sĩ luyện tu, cũng là thời chư Tăng hành đạo. Đường đời mờ mịt, quần sinh rối bời. Tuy sợ đang đêm ôm gối ngủ, chưa tỉnh trọn đời mở mắt mê.

Chư Phật tử ! Nếu mặc suốt đêm theo dục lạc, bèn khiến trọn ngày chịu tâm mê. Đến nỗi trôi buộc một đời, đều bởi TÁN HÔN hai chữ. Vì người mở thẳng một con đường, để lại mai sau Tác gia ngắm. Nên

biết, mạng người khó thường, chớ để thời
này qua rỗng. Nhìn lấy Tịnh Độ trước mắt,
nhận ra trong tâm Di Đà. Nếu hay ưa vui
gánh vác, liền được trong ấy hiện ra. Đệ
tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy
làm khóa lễ cuối đêm.

Tâu bạch rồi, chí tâm qui mạng lễ
mười phương Vô thượng Tam Bảo *(1 lay)*

SÁM HỐI TỘI CĂN Ý

Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.

NGHIỆP CĂN Ý LÀ :

Nghĩ vợ nghĩ vắn, không lúc nào dừng ;
Mắc mứu tình trần, kẹt tâm chấp tướng.
Như tầm kéo kén, càng buộc càng bền ;
Như bướm lao đèn, tự thiêu tự đốt.
Hôn mê chẳng tỉnh, diên đảo dối sanh ;
Não loạn tâm thần, đều do ba độc.

TỘI KEO THAM LÀ :

**Âm mưu ghen ghét, keo cú vét vợ ;
Mười vốn ngàn lời, còn cho chưa đủ.
Cửa chứa tợ sông, lòng như hủ chảy ;
Rót vào lại hết, nên nói chưa đầy.
Tiền mục lúa hư, không cứu đói rét ;
Lụa là chất đống, nào có giúp ai.
Được người mấy trăm, chưa cho là nhiều ;
Mất mình một đồng, tưởng như hao lớn.
Trên từ châu báu, dưới đến tơ gai ;
Kho đục chất đầy, chưa từng bố thí.
Bao nhiêu sự việc, ngày tính đêm lo ;
Khổ tứ lao thần, đều từ tham nghiệp.**

TỘI NÓNG GIẬN LÀ :

**Do tham làm gốc, lửa giận tự thiêu ;
Quắc mắt quát to, tiêu tan hòa khí.
Không riêng người tục, cả đến thầy tu ;
Kính, Luận tranh giành, cùng nhau công kích.
Chê cả Sư Trưởng, nhiếc đến mẹ cha ;
Cổ nhẵn héo vàng, lửa độc rục cháy.
Buông lời hại vật, cất tiếng hại người ;
Không nhớ từ bi, chẳng theo luật cấm.
Bàn thiên tợ thánh, trước cảnh như ngu ;**

**Dầu ở cửa không, chưa thành vô ngã.
Như cây sinh lửa, lửa cháy đốt cây.
Những tội trên đây, đều do nghiệp giạn.**

TỘI NGU SI LÀ :

**Căn tánh dẫn động, ý thức tối tăm ;
Chẳng hiểu tôn ti, không phân thiện ác.
Chặt cây hại mạng, giết gấu gãy tay ;
Mắng Phật chuốc ương, phun trời ướt mặt.
Quên ơn quên đức, bội nghĩa bội nhân ;
Không tỉnh không xét, đều do si nghiệp.
Những tội như thế, rất nặng rất sâu ;
Đến lúc mạng chung, rơi vào địa ngục.
Trải ngàn muôn kiếp, mới được thọ sanh ;
Dù được thọ sanh, lại mắc ngu báo.
Nếu không sám hối, đâu được tiêu trừ ;
Nay trước Phật đài, thầy đều sám hối.**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

**Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).**

(Lễ Tam Bảo 1 lay)

CHÍ TÂM TÙY HỖ

Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thạng thập địa nguyện sớm lên,
Bồ đề chơn tâm không lui sụt.

(Lễ Tam Báo 1 lay)

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhơn này thành Chánh giác.

(Lễ Tam Báo 1 lay)

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyện nguồn linh thường trong lặng,
Hai nguyện tạng thức dứt lãng xăng,
Ba nguyện khối nghi đều tan nát,
Bốn nguyện trăng định mãi tròn đầy.
Năm nguyện pháp trần không khởi diệt,
Sáu nguyện lưới ái lìa buộc ràng,
Bảy nguyện suy nghĩ hành Thập địa,
Tám nguyện nghe suốt bỏ tam thiên.
Chín nguyện tâm vượn thôi nhảy nhót,

Mười nguyện ý ngựa dứt cương yên,
Mười một nguyện mở lòng nghe Phật dạy,
Mười hai nguyện mến thích Tổ Sư Thiên.

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Tiếng pháp khua tan mộng thế trần,
Chuông chùa phá vỡ giấc ngu mộng,
Còn ưa gối đầu trong tối ngủ,
Chẳng quản trời đông đã rạn ngời.
Mù mịt đêm dài thì có sáng,
Mờ mờ đường tối lại khó thông .
Ngày nay nếu chẳng siêng hành đạo,
Khi khác làm sao gặp Thế Tôn.

GIẢNG

KỆ CẢNH SÁCH CHÚNG GIỜ DẦN (3g -5g)

*Phương đông tờ mờ sáng,
Mặt đất tối tan dần.
Tâm chạm trần cảnh dấy,
Mắt lòa sắc tung bùng.
Thôi tham ôm xác thú,
Đầu vùi sớm ngưỡn lên,
Ân cần chuyên sáu niệm,
Hầu mong hợp cơ chân.*

Đây là bài cảnh sách buổi khuya thức dậy.

"Phương đông tờ mờ sáng" tức là khoảng bốn, năm giờ sáng, phương đông hơi ửng một chút sáng.

"Mặt đất tối tan dần" : Trên mặt đất bóng tối tan dần.

"Tâm chạm trần cảnh dấy" : Tâm xúc chạm với cảnh, cảnh liền dấy khởi. Đúng ra cảnh là cảnh, tâm là tâm, tại sao cảnh dấy khởi theo tâm ? Như cây thông trước chùa, nếu khuya chúng ta không chỗi dậy nhìn thấy gió thổi rung rinh cành lá thì tự nó không có gì, nhưng khi nhìn gió thổi cành lá thông, chúng ta lại có ý niệm dấy lên theo cảnh,

vậy cây không có niệm khởi, khi tâm mình duyên nó bỗng dung mình thấy cảnh có dấy động, cảnh dấy động là do tâm không phải tại cảnh. Thế nên nhiều người nhìn cảnh đêm trăng, ánh trăng bạc rọi xuống rặng thông xanh, cho là cảnh nên thơ. Cảnh là cảnh, nên thơ là tại tâm mình dấy động.

"Mắt lòa sắc tung bùng" : Mắt lòa vì bị che mờ nên thấy cảnh loạn tung bùng. Cảnh loạn là tại mắt lòa, chứ cảnh là cảnh không có gì tung bùng cả. Chử lòa là nói mắt mê muội nên thấy cảnh có đẹp có xấu, có thích có chán. Hai câu trên cảnh tỉnh chúng ta, cảnh là cảnh, không có động, động là tại tâm, cảnh không đẹp xấu, đẹp xấu cũng do lòng người và con mắt lòa chấp.

Đến bốn câu sau Ngài khuyên : "Thôi tham ôm xác thúì" nghĩa là thôi thức dậy đi, đừng ôm xác thúì ngủ nữa. Tại sao Ngài nói xác thúì ? Lúc chúng ta ngủ mê, tất cả đều không sạch, thế mà chúng ta cứ thương xác thúì, đến giờ thức dậy, kiểng đánh rồi mà còn nấn ná ôm nó để ngủ thêm chút nữa.

"Đầu vùi sớm ngưỡng lên" : đầu vùi dưới gối rán ngẩng lên một chút. Ngài khuyên rán ngẩng đầu chỗi dậy, đừng ôm xác thúì đắm chìm trong giấc ngủ say.

*Ân cần chuyên sáu niệm,
Hầu mong hợp cơ chân.*

Nên ân cần chuyên tu sáu niệm mới mong hợp với cơ chân thật. Chữ sáu niệm có hai ý :

1. Trong Kinh A Hàm lục niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Niệm Thiên nghĩa là nhớ tất cả công đức của người sanh lên cõi Trời như là tu Thập Thiện v.v...

2. Đây cũng có thể là Ngài khuyên những người tu Tịnh độ niệm lục tự Di Đà. Nhưng thường lục tự Di Đà người ta gọi là lục tự chớ ít khi nói lục niệm.

Vậy lục niệm là nhớ đến Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng), nhớ đến tri giới, bố thí và công đức của chư Thiên. Có thể mới hợp với cơ chân thật. Tóm lại đây là lời khuyên trong giờ thức dậy, tức là giờ đánh kiếng thức chúng buổi sáng. Vậy người nào nghe đánh kiếng mà còn nằm thêm thì người chung quanh nhắc giùm "thôi ôm xác thúì" cho người đó tỉnh.



DÂNG HƯƠNG BUỔI SÁNG

"Cúi mong phương tây mặt trăng vừa lặn, hướng đông vầng nhật hiện dần. Chiếu phạn hợp dòng thanh tịnh, côi không lễ bạc Thánh hiền. Mong thấu lòng thành, kính dâng hương báu.

Hương này trồng từ rừng giới, tưới bằng nước định, chặt từ vườn tuệ, vót bằng dao giải thoát. Chẳng do sức người riu búa, hình thể xuất tự thiên nhiên. Đốt lên từ lò báu tri kiến, kết đài mây sáng rõ. Khi bay khắp chốn ngạt ngào, tan ra đầy trời thơm phức. Vừa lúc rạng đông, thấp hương cúng đường".

"Cúi mong phương tây mặt trăng vừa lặn, hướng đông vầng nhật hiện dần" tức là mặt trăng vừa lặn, hướng đông mặt trời từ từ lên.

"Chiếu phạn hợp dòng thanh tịnh". Phạn, chữ Hán là phạn nhưng thường đọc là phạm. Phạm là thanh tịnh. Chư Thiên do tu hạnh thanh tịnh được gọi là Phạm Thiên, nên phạm là chỉ hạnh thanh tịnh. Chiếu phạn hợp dòng thanh tịnh tức là trên chùa, trước bàn Phật trải chiếu, những người tu trong sạch hợp lại, quì trên chiếu bắt đầu lễ Phật dâng hương.

"Cõi không lễ bạc Thánh hiền, mong thấu lòng thành, kính dâng hương báu" : Trong cõi hư không, kính lễ tất cả bậc Thánh hiền ở mười phương, mong thấu suốt được lòng chân thành của mình kính dâng hương quý báu này. Hương báu này là hương gì ?

"Hương này trông từ rừng giới, tưới bằng nước định, chặt từ vườn tuệ, vót bằng dao giải thoát" : Hương cúng dường Phật là giới hương, định hương, tuệ hương, giải thoát hương. Vậy hương này không phải là hương thế tục mà là hương do giới, định, tuệ, giải thoát tạo thành.

"Chẳng do sức người rìu búa, hình thế xuất tự thiên nhiên, đốt lên từ lò báu tri kiến" : Hương này không phải do rìu búa chặt đem về xay ra rồi kết lại thành hương, hương này là hương sẵn có tự thiên nhiên, thấp lên từ lò báu tri kiến của chính mình.

"Kết dài mây sáng rõ, khi bay khắp chốn ngạt ngào, tan ra đầy trời thơm phức" : Kết những dài mây sáng rõ bủa khắp các nơi, hương bay đến đâu, mùi thơm đều ngạt ngào, lúc tan ra khắp cả trời đều thơm phức.

"Vừa lúc rạng đông thấp hương cúng dường".
Chư Tăng Ni hay Phật tử đốt hương cúng Phật không phải chỉ nặng về hương thế gian, như hương

trâm hay các mùi hương khác mà đây là hương giới, định, tuệ, giải thoát, đó là hương quý nhất, không gì sánh được. Hương thế gian thuận theo gió, còn hương giới, định, tuệ, giải thoát, nơi nào cũng đến được nên dâng hương quý báu này cúng Phật.

KỆ DÂNG HƯƠNG

*Trâm thủy rừng thiên hương sực nức,
Chiên đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thẳm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.*

"Trâm thủy rừng thiên hương sực nức" là hương trâm thủy trong rừng thiên, mùi thơm sực nức. Rừng thiên chỉ cho định.

"Chiên đàn vườn tuệ đã vun trồng" là mùi thơm chiên đàn trong vườn trí tuệ. Vườn tuệ là chỉ cho tuệ.

"Đao giới vót thành hình non thẳm" : dùng giới làm đao vót hương này thành giống như một hình núi cao.

"Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng" : Hương này là hương định, hương tuệ, hương giới từ tâm phát ra nên cúng dâng Phật mãi mãi không cùng.

Trong Khoa Nghi Sám hối chúng ta dùng bài
dâng hương này.

KỆ DÂNG HOA

*Đất tâm mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.*

"Đất tâm mở ra, hoa nở rộn" tức là đất tâm vừa mở thì thấy hoa nở rộn rã bên ngoài, hoa rộn rã nở từ đất tâm của mình so với trời mưa hoa thì hoa trời thơm không bằng nên nói : "Trời có mưa hoa vẫn kém thơm". Hoa cúng Phật từ nơi tâm quý hơn là hoa trời rải xuống, vì hoa trời vẫn còn là hoa phàm tục nên thơm không bằng hoa từ đất tâm của chúng ta.

"Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật" : từng cành hoa, từng đóa hoa dâng cúng Phật.

"Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi" : Hoa của đất tâm đâu gió nghiệp muôn đời thổi cũng không lay động, không rơi rụng, còn hoa thế gian chỉ vài hôm là rụng hết, đó là điểm đặc biệt.

PHÁT NGUYỆN

*Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ Tát,
Vô lượng chúng Thanh Văn
Và tất cả Thánh Hiền.
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh,
Đều phát tâm Bồ đề.*

Bài phát nguyện này nguyện mây hương hoa của mình dâng cúng sẽ bay khắp cả mười phương cõi, cúng dường tất cả Phật, tất cả Pháp, tất cả Bồ Tát, tất cả chúng Thanh Văn và những vị Thánh Hiền. Các Ngài vừa rời đài quang minh qua vô biên cõi nước trong vô biên cõi Phật, nhận dùng hương hoa này để làm Phật sự. Hương hoa này xông khắp các chúng sanh đều phát tâm Bồ đề. Như vậy hương hoa này nguyện cúng dường tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, cả pháp của Phật cho đến hàng Thanh Văn Hiền Thánh, nói gọn là cúng

dường tất cả Tam Bảo. Lại cũng cúng dường các vị Bồ Tát, từ dài quang minh của các Ngài, hóa thân làm Phật sự khắp vô biên cõi, các Ngài nhận hương hoa này để làm Phật sự lợi ích cho chúng sanh. Lại nguyện hương hoa này xông khắp tất cả, chúng sanh nào nghe mùi hương hoa này đều phát tâm Bồ đề.

Tóm lại chúng ta thấy bài nguyện chia làm ba phần : Phần thứ nhất là nguyện cúng dường Tam Bảo.

Phần thứ hai là nguyện cúng dường tất cả những vị di làm Phật sự.

Phần thứ ba là nguyện hương hoa này xông ướp cho mọi người đều phát tâm Bồ đề.

TÂU BẠCH.

"Kính bạch mười phương Đại Giác, ba đời Hùng sư, soi đuốc tuệ nơi đường tối, thả thuyền từ trong biển khổ.

Trộm nghe canh gà vừa qua, bóng thỏ mới lặn. Khói mù nơi sông núi chớm tan, xe ngựa xa gần đều chuyển động, tiếng mai hoa trên lầu vừa tàn, chén trúc điệp trước song mới tỉnh. Mây liễu thập thò bày nắng sớm, mặt hoa e thẹn đọng sương mai. Gặp khi bừng sáng thương kẻ ngu mê. Trong đêm

giác mộng đã lơ mờ, sáng đến tâm hồn còn rộn rịp. Mắt tai đuổi theo thình sắc, mũi lưỡi dính mắc vị hương. Nhà lửa hằng cam thiêu đốt, sông ái mãi chịu đắm chìm. Mặc dù sáng nay ông thức giấc cũng như người đang ngủ đêm qua. Chẳng lo sanh già bệnh chết đuổi gáp, chỉ chăm vợ con tiền của buộc ràng".

Ngài tâu bạch : "Kính bạch mười phương Đại Giác"... Đại Giác là chỉ đức Phật. Hùng sư là thầy hùng, cũng là Phật. Trước điện thờ Phật thường khắc chữ Đại Hùng bảo điện, tức là điện thờ bậc Đại Hùng. Đức Phật đã thắng bao nhiêu trận giặc mà gọi Ngài là Đại Hùng ? Hùng là anh hùng là người thắng giặc ngoài biên cương, còn Phật ngồi im lìm dưới cội bồ đề sao lại gọi là anh hùng ? Đó là một ý nghĩa chúng ta phải hiểu cho tường tận. Trong Kinh Pháp Cú đức Phật dạy : "Thắng một vạn quân không bằng thắng chính mình, thắng mình mới là chiến công oanh liệt". Ngoài mặt trận người thắng một vạn quân đáng gọi là anh hùng chưa ? - Là anh hùng.

Song đức Phật bảo : Không bằng thắng mình, thắng được mình mới là chiến công oanh liệt nhất. Như vậy thắng người ngoài chưa phải thật anh hùng. Người yếu, chúng ta mạnh thì chúng ta thắng

họ, nhưng thắng được chính mình mới thật là anh hùng. Tại sao ? Từ xưa biết bao vị anh hùng phải chịu thua nữ sắc hay sự nóng giận của chính họ v.v... Ví dụ như Lữ Bố, một võ tướng ở Trung Hoa, được xem là anh hùng nhưng phải chịu thua sắc đẹp của Điêu Thuyền ... nghĩa là không tự thắng được trước sự cám dỗ của nữ sắc. Chỉ có đức Phật, trước bao nhiêu cám dỗ nào tài sắc, nào danh lợi v.v..., Ngài đều thắng hết, đó mới thật là anh hùng. Thế nên đối với người tu, anh hùng là phải thắng mình. Tự thắng mình thiên hạ có thấy không ? Hẳn là khó thấy nên không được người đời kể công, không được ghi trong lịch sử, chỉ tự mình biết thôi. Thắng mình, nghe dường như dễ nhưng thật không phải dễ. Vì những ma quân ẩn núp khó thấy, gặp cơ hội liền hiện ra nên chiến thắng rất khó. Bao nhiêu người tu hành đã nghĩ rằng : Từ đây về sau giữ gìn đừng nóng giận, đừng tham lam v.v... nhưng bất chợt có ai nói khích một câu, niệm giận ở đâu ùng ùng kéo đến kềm chế không kịp, thế là thua. Làm kẻ bại trận thì dễ, làm kẻ thắng trận thật gian nan ! Lại như bình thường chúng ta tự nhủ phải giữ không để lòng tham dấy động, nhưng khi gặp sự quyến rũ của tài sắc danh lợi, bất chợt lòng tham dấy khởi, thế nên thắng được nó không phải là việc giản đơn.

Đối với người tu được đến nơi đến chốn rồi, trong kinh có câu : "Xuất gia giả phi tướng tướng chi sở năng vi", nghĩa là người xuất gia không phải là tướng võ tướng văn có thể làm được. Tại sao ? Tướng võ đánh thắng trận về thì được phong chức lại được người tán thưởng v.v.. còn thắng ma quân không ai tán thưởng, thắng trong im lìm nên khó khuyến khích chúng ta mạnh mẽ được. Viên tướng cố gắng thành công, khi về được thưởng, được lên chức, như vậy sự cố gắng đó do động cơ tham danh lợi thúc đẩy nên dễ làm. Lại nhiều người thắng người khác là do họ tức giận, họ hận thù nên họ hành động mạnh mẽ. Đó là tham, sân thúc đẩy họ. Người xuất gia thành công là do động cơ thức tỉnh giác ngộ không phải do tham sân. Người tu chỉ do trí tuệ mà thắng giặc ma quân nên việc làm hết sức khó. Tuy quan văn quan võ làm được nhiều điều hay giúp nước an dân, nhưng đối với người học đạo thì chưa bằng. Vì người học đạo phải dùng hết khả năng, trí tuệ để chiến thắng mình, chiến thắng trong âm thầm, chỉ khi thành Phật mới được mọi người hoan hô, chứ còn là phàm Tăng phàm Ni thì chưa được. Vì hôm nay thắng chưa chắc ngày mai lại thắng, thắng trận nào mừng trận ấy chứ chưa phải là toàn thắng, nên không ai hoan hô mà cũng không dám khoe, vì e rằng hôm sau lại thua người ta sẽ cười cho. Như thế Tăng, Ni là chiến sĩ

trong âm thầm, không ai biết, nhưng nếu làm được điều đó mới gọi là bậc Hùng sư. Tóm lại lời tâu bạch này mong đức Phật đem đức trí tuệ của Ngài soi cho các chúng sinh đang trong đường tối tăm được biết lối ra và cũng cầu xin Ngài thả chiếc thuyền từ bi vào biển khổ cứu độ muôn loài.

"Trộm nghe : Canh gà vừa qua, bóng thỏ mới lặn". Canh gà tức là canh tư. Canh tư vừa qua, mặt trăng mới lặn.

"Khói mù nơi sông núi chớm tan, xe ngựa xa gần đều chuyển động" : Khuya khoảng ba giờ sương mù lẩn lẩn tan, thức giấc thì nghe xe ngựa ở các nơi bắt đầu chuyển động.

"Tiếng mai hoa trên lầu vừa tàn, chén trúc điệp trước song mới tỉnh" : Đây là dùng điển tích. Mai hoa nói đủ là mai hoa thanh lấy từ chữ "Mai hoa dẫn" là tên một ca khúc cổ điển do ống sáo biểu diễn trong khi vui mừng chúc tụng. Ca khúc này nói đủ là "Giang thành mai hoa dẫn".

Trúc điệp là tên một thứ rượu khi nấu có thêm gia vị của lá trúc nên gọi là "trúc điệp tửu". Nói cho dễ hiểu là tiếng sáo, tiếng nhạc trên lầu vừa tàn, chén rượu trước song mới tỉnh, tức là tiệc tùng vui ca nhạc vừa dứt.

"Mây liễu thập thò bầy nắng sớm" là chỉ những cây liễu ở trước chùa thập thò bầy nắng sớm.

"Mặt hoa e thẹn dạng sương mai". Ngài diễn tả rất nên thơ, các đóa hoa trước sân chùa còn đọng lại những hạt sương buổi sớm.

"Gặp khi bình sáng thương kẻ ngu mê" : Khi mình thức tỉnh mới thương những người còn đang ngu mê.

"Trong đêm giấc mộng đã lơ mờ, sáng đến tâm hồn còn rộn rịp" : Trong đêm khuya ngủ mê nằm mộng, những cảnh mộng lơ mờ không rõ, sáng dậy thì tâm hồn còn nhớ, còn hiện ra những cảnh mộng đêm hôm nên tâm hồn còn rộn rịp. Đêm đã mê mà sáng cũng còn đeo đẳng cái mê đó !

"Mắt tai đuổi theo thính sắc, mũi lưỡi dính mắc vị hương". Khi sáng ra, chúng ta mắt đuổi theo sắc, tai đuổi theo thanh, mũi lưỡi dính mắc hương vị Như sáng mắt nhìn trước chùa thấy hoa nở thì khen hoa đẹp, thấy hoa tàn thì chê hoa rụng; lại nghe người chung quanh nói chuyện thì đuổi theo thanh; đến chuẩn bị làm bếp thì đuổi theo hương vị. Thế là sáng ra các căn luôn dính mắc các trần.

"Nhà lửa hàng cam thiêu đốt" : Chúng ta bị thiêu đốt trong nhà lửa mà cam chịu chứ không chạy ra. Kinh Pháp Hoa nói : "Tam giới vô an du như hỏa trạch" là ba cõi không an như trong nhà

lửa, nhưng chúng ta không chịu chạy ra, bằng lòng vui chơi trong nhà lửa, khi nào bị đốt cháy sẽ hay.

"Sông ái mãi chịu đắm chìm" : Thương con rồi đến thương cháu, thương chất ... hết một đời chìm trong sông ái, không ra khỏi.

"Mặc dù sáng nay ông thức giấc, cũng như người dang ngủ đêm qua" : Hiện giờ đã sáng rồi, thức dậy đi đây đi kia, làm các việc nhưng vẫn trong mê, không thức tỉnh thì chẳng khác người ngủ mê trong đêm hôm qua.

"Chẳng lo sanh già bệnh chết duỗi gấp, chỉ chăm vợ con tiền của buộc ràng". Sanh già bệnh chết duỗi gấp tới mà cứ lo làm sao có tiền của nhiều, vợ con no ấm không nghĩ gì đến việc tu hành.

"Các Phật tử, gốc thân chẳng bền, cành mạng khó yên. Mọi người trên đầu đội trời, khó khỏi mất sáng rơi đất. Một sớm chột sẩy tay, muôn kiếp thân khó được. Cần phải mau mau gieo giống lành, chớ có khư khư cầu quả ác. Người người sớm tỉnh, mỗi mỗi siêng tu. Chuyên tâm lễ Vô thượng Từ Dung, chạm mắt thấy Đại quang minh tạng".

"Các Phật tử, gốc thân chẳng bền, cành mạng khó yên" : Thân là gốc không bền, mạng sống như cành lá, không yên ổn, bền lâu.

"Mọi người trên đầu đội trời, khó khỏi mất sáng rơi đất". Ai đi đứng đầu cũng đội trời. Mất sáng rơi đất chữ Hán gọi là nhân quang lạc địa, chỉ cho cái chết. Toàn câu có nghĩa là đầu đội trời rồi cũng phải chôn dưới đất, không ai tránh khỏi.

"Một sớm chột sẩy tay, muôn kiếp thân người khó được". Thí dụ một người sáng treo lên cây cao, lỡ trượt tay rớt xuống thì xong một đời, một phen sẩy tay là đã mất thân mạng rồi, không biết khi nào được thân người nữa.

"Cần phải mau mau gieo giống lành, chớ có khư khư câu quả ác" : Chúng ta cần phải gấp tạo nhân lành, đừng ôm ấp giữ chặt quả ác.

"Người người sớm tỉnh, mỗi mỗi siêng tu". Khuyên mỗi người phải sớm tỉnh để siêng tu hành.

"Chuyên tâm lễ Vô thượng Từ Dung" : Từ Dung là hình dáng hiền lành của đức Từ phụ. Từ bi của Phật không ai bì nổi, không ai hơn được nên gọi là Vô thượng. Vô thượng Từ Dung là chỉ đức Phật.

"Chạm mắt thấy Đại quang minh tạng" : Lễ Phật rồi trước Phật mình thấy được kho Đại quang minh tức là tâm thể sáng suốt sẵn có của chính mình. Ngoài thì chúng ta lễ Phật, nơi mình thì thấy được nguồn gốc sáng suốt muôn đời của mình.

"Đệ tử chúng con kính tưởng thời này lấy làm khóa lễ buổi sáng". Tâu bạch rồi bắt đầu sám hối.

Ngài Trần Thái Tông chia sáu căn, mỗi căn sám hối một thời. Thời sáng là sám hối về mắt.

SÁM HỐI TỘI CĂN MẮT

*Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo,
Roi ba đường khổ bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.*

"Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay". Danh từ vô thủy trong nhà Phật thường dùng, nghe rất khó hiểu. Vô là không, thủy là trước. Kiếp không trước là kiếp nào ? Vì trong nhà Phật không chấp nhận có ban đầu, nhân duyên trùng trùng điệp điệp kết hợp nhau không có mối đầu, nên nói là vô thủy. Như vậy tất cả chúng ta từ vô thủy kiếp tức là không biết bao lâu rồi đến ngày nay.

*Bỏ mất bản tâm không biết chánh đạo,
Roi ba đường khổ bởi sáu căn lầm.*

Bỏ quên tâm chân thật của mình nên không biết đạo chân chánh. Ai ai cũng có bản tâm chân thật nhưng quên đi không biết nên mới chạy theo đường ác tạo nghiệp luân hồi. Tất cả chúng ta hiện nay đang sống theo bản tâm hay là sống theo

vọng tâm ? Chúng ta chỉ sống theo vọng tâm suy tưởng mà quên mất bản tâm. Vọng tâm suy tưởng theo nghiệp hơn thua, được mất, phải quấy v.v... do đó không đi được con đường chánh mà rơi vào ba đường khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Sở dĩ rơi ba đường khổ là do sáu căn lầm lẫn.

"Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau" : Nếu không sám hối lỗi trước thì khó tránh khỏi hối hận về sau nên phải thành tâm sám hối.

"Nghiệp căn mất là : Nhân ác xem kỹ, nghiệp thiện coi khinh" : Nhân ác chúng ta xem kỹ mà nghiệp thiện lại coi khinh. Thí dụ một người lân cận chúng ta có điều xấu, chúng ta nhớ rất kỹ từng chi tiết, có khi còn tô đậm nét thêm, còn điều tốt của họ chúng ta lảng qua không để ý, đó là bệnh của con người đối với điều lành điều tốt thì xem thường, dễ quên, còn đối với điều dữ điều xấu lại chăm chú, nhớ dai. Bệnh đó gốc từ mắt.

"Lầm nhận hoa giả, quên ngắm trăng thật". Hoa giả là tất cả những gì có hình có sắc trên thế gian, đó đều là những tướng vô thường tạm bợ, có rồi mất, không lâu bền, nhưng chúng ta mê đắm trong giả tướng nên lầm nhận hoa giả, chạy theo giả tướng nên quên ngắm trăng thật. Trăng thật là chỉ cho thể chân thật sẵn có nơi con người cũng như ở ngoại cảnh. Nếu thấy rõ muôn pháp đều là

duyên hợp, không có pháp nào thật thì chúng ta không đắm mê theo cảnh tức là không nhận lầm hoa giả mà dễ thấy được cái thật của chính mình hay cái thật của ngoại cảnh.

*Yêu ghét nổi dậy, đẹp xấu tranh giành,
Chợt mất đối sanh, mò đường chánh kiến.*

Thấy đẹp thì yêu, thấy xấu thì ghét nên tranh cái đẹp, ghét cái xấu, cứ như thế mà yêu ghét nổi dậy cả ngày. Trong một thoáng, một chớp, mắt đã sanh ra những mê lầm, nên cái thấy không còn đúng nữa. Khi đã kẹt trong đẹp xấu, hẳn không còn thấy được cái chân thật.

"Trắng qua xanh lại, tía phải vàng sai" : Người nói màu tía đẹp, màu vàng xấu, người nói màu vàng đẹp, màu tía xấu rồi sanh ra cãi nhau. Cứ đem màu này sánh với màu kia, thích màu nào thì khen màu đó đẹp, nếu ai chê thì không bằng lòng.

"Nhìn lệch các thứ nào khác kẻ mù" : Nhìn không đúng lẽ thật nên giống như người mù. Quý vị thấy ngoài đường hay trong chợ nhiều người cãi nhau thật đáng tức cười. Như vào hàng vải, người nói màu vàng đẹp, người nói màu trắng đẹp, người nói màu xanh đẹp v.v... mỗi người thấy mỗi màu đẹp khác nhau nên không ai bằng lòng ai. Vậy màu

nào đẹp thật ? Chẳng qua là mê chấp thôi. Vì nhìn lệch theo thói quen, không thấy đúng lẽ thật, không thấy đúng chân lý nên chẳng khác kẻ mù.

*Gặp người sắc đẹp liếc trộm nhìn ngang,
Lòa mắt chưa sanh bản lai diện mục.*

Thấy ai đẹp liền nhìn lén, ngó trộm nên mắt lòa đi, quên mất bản lai diện mục của mình.

*Thấy ai giàu có, giương mắt mãi nhìn,
Gặp kẻ bần cùng lờ đi chẳng đoái.*

Thấy ai ăn mặc sang trọng thì ngó chăm chi, còn ai ăn mặc rách rưới lười thôi liền ngó lơ, không để ý.

*Người dung chết chóc, nước mắt ráo khô,
Thân quyền qua đời, dằm đĩa lệ máu.*

Quý vị thấy người dung chết cũng là mất một mạng người, thân thuộc chết cũng là mất một mạng người. Tại sao người dung chết lại tỉnh, lại dừng dung, không một chút tỏ ra buồn bã thăm sầu ? Trái lại khi thân nhân chết thì đau khổ, khóc rư rượi ? Cả hai đều là người mà một bên xem trọng, một bên xem thường, như thế để thấy chúng ta bị buộc ràng trong chỗ giòng họ thân quyền, mà không có tình thương nhân loại.

*Hoặc đến Tam Bảo, hoặc vào chùa chiền,
Gần tượng thấy kinh, mắt không thèm ngó.*

Nhiều người vào chùa thấy tượng thấy kinh
không để ý đến.

*Phòng Tăng điện Phật, gặp gỡ gái trai,
Mắt liếc mà đưa, đăm mê sắc dục.*

Nghĩa là Phật, tượng, kinh đều không để ý, chỉ
để ý đến người thôi.

*Không ngại Hộ pháp, chẳng sợ Long thần,
Trố mắt ham vui, đầu chưa từng cúi.*

Đối với Long thần Hộ pháp, không sợ các Ngài
quở, cứ mê vui thôi.

*Những tội như thế vô lượng vô biên,
Đều từ mắt sanh phải sa địa ngục.*

Tội do mắt nhiều vô lượng vô biên, kể không
hết, do mắt mê lầm nên sau khi chết phải rơi vào
địa ngục.

*Trái hằng sa kiếp mới được làm người,
Dù được làm người lại bị mù chột.*

Trong Kinh Phật dạy : Ai tạo nghiệp ác phải
đọa địa ngục, nhân đó trả xong rồi còn dư báo, tức

là quả báo thừa của quá khứ, khi trở lại làm người như nhân mắt tạo nghiệp thì mắt lại bị mù chột.

*Nếu không sám hối khó được tiêu trừ,
Nay trước Phật đài thấy đều sám hối.*

Mắt gây tội rất nhiều nên phải thành tâm sám hối thật tha thiết.

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

*Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật,
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia.*

Bờ kia là bờ giác. Phần khuyến thỉnh này là đem hết lòng thành thỉnh Phật, thỉnh Bồ Tát, thỉnh các vị Tăng Thánh Hiền, vì lòng thương xót tất cả chúng sanh mà độ họ được lên bờ giác.

CHÍ TÂM TÙY HỖ

*Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thêm thang thập địa nguyện sớm lên,
Bỏ để chơn tâm không lui sụt.*

Chúng ta được niềm vui là do thường gần gũi Tam Bảo, gần gũi Phật, nên ngày đêm luôn thành kính sám hối. Sám hối để cầu điều gì ? Nguyện sớm bước lên những nấc thang của hàng Thập địa. Thập địa là chỉ cho Thập địa Bồ Tát, gồm có :

1. Hoan hỷ địa
2. Ly cấu địa
3. Phát quang địa
4. Diễm tuệ địa
5. Cự nan thắng địa
6. Hiện tiền địa
7. Viễn hành địa
8. Bất động địa
9. Thiện tuệ địa
10. Pháp vân địa.

Nếu tiến thêm hai bước nữa là Đẳng giác và Diệu giác. Diệu giác là Phật. Như vậy qua Thập địa thì lên Đẳng giác rồi đến Diệu giác là thành Phật nên "Thêm thang Thập địa nguyện sớm lên".

"Bồ đề chơn tâm không lui sụt". Chơn tâm là tâm thể không bị sinh diệt, tâm thể này sáng suốt, giác ngộ gọi là tâm Bồ đề.

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

*Chúng con hồi tâm nương Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thẳng nhơn này thành Chánh giác.*

"Chí tâm hồi hướng" là lòng chân thành hồi hướng của mình.

"Chúng con hồi tâm nương Thánh chúng" tức là xoay tâm mình về nương với Thánh chúng.

"Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn" là chí thành cúi đầu dâng lễ đức Phật.

"Nguyện đem công đức đến quần sanh" : Tất cả công đức tu hành nguyện đem đến cho tất cả quần sanh.

"Nương thẳng nhơn này thành Chánh giác" : Nương nhơn thù thẳng này, tức là nhơn sám hối mà sau này được thành Chánh giác, nghĩa là thành Phật.

Trong bài có những từ ngữ chữ Hán cần giải thích cho quý vị hiểu. Trong bài Nhứt sơ chúc hương, câu "Phục dĩ thiêm luân tây một, Long chúc đông sanh" có dùng điển tích.

Thiêm luân là vàng thiêm, chỉ cho mặt trăng. Thiêm nói đủ là thiêm thù là con cóc. Ngày xưa người ta nhìn trong mặt trăng thấy có bóng đen giống con cóc. Truyền thuyết nói rằng : Thuở xưa có chàng Hậu Nghệ xin được thuốc trường sinh của bà Tây Vương Mẫu đem về, nhưng bị vợ là Hằng Nga ăn cắp uống đi rồi trốn lên mặt trăng hóa thành con cóc ở đó. Thế nên người ta nói Hằng

Nga ở trên cung trăng và gọi mặt trăng là thiềm luan.

Mặt trăng cũng còn gọi là bạch thố hay ngọc thố. Bạch thố là thỏ trắng, ngọc thố là thỏ ngọc. Thiên "Nghĩ thiên vấn" của Phó Hàm có câu : Nguyệt trung hà hữu ? Đáp : Bạch thố đào dược. Nghĩa là trong mặt trăng có gì ? Đáp : Có con thỏ trắng giã thuốc, hay cũng nói con thỏ ngọc giã thuốc.

Sự tích này ngày nay đã lạc hậu, hẳn là ít ai dùng rồi.

Long chúc : Chúc là ngọn đuốc, long chúc là ngọn đuốc rồng, chỉ mặt trời. Theo Sơn Hải Kinh nói : Phương bắc bầu trời có một nước không có ánh sáng mặt trời, có con rồng ngậm lửa phun như cây đuốc cháy sáng.

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

*Một nguyện rộng mở sáng chánh kiến,
Hai nguyện lau sạch bụi trần mù,
Ba nguyện nhìn hình không đắm mến,
Bốn nguyện thấy sắc chẳng bận lòng.
Năm nguyện quên đầu cần kíp nhận,
Sáu nguyện mất tuệ tự tròn đầy,
Bảy nguyện hiện nay sớm tỉnh mộng,
Tám nguyện hằng được sáng xưa nay.*

*Chín nguyện khi nhìn trờ che huyền,
Mười nguyện chỗ thấy dứt hoa sanh,
Mười một nguyện trông xa mây chướng cuốn,
Mười hai nguyện chớp mắt nghiệp băng trong.*

Nguyện thứ nhất là "rộng mở sáng chánh kiến" tức là nguyện sao cho cái thấy của mình luôn luôn đúng không sai chân lý.

"Hai nguyện lau sạch bụi trần mù", nghĩa là tất cả những bụi trần che mờ nay đều lau sạch.

"Ba nguyện nhìn hình không đắm mến" : Thấy tất cả hình sắc mình không mê, không đắm.

"Bốn nguyện thấy sắc chẳng bận lòng" : Dầu thấy sắc đẹp lòng vẫn không vướng bận.

"Năm nguyện quên dầu cần kíp nhận", nghĩa là chúng ta đã quên dầu phải mau nhận lại. Nguyện này có sự tích trong Kinh Lăng Nghiêm. Một buổi sáng chàng Diễn Nhã Đạt Đa cầm gương soi, nhìn trong gương thấy đầu mặt đẹp đẽ, anh úp gương xuống, không thấy đầu mặt, anh hốt hoảng ôm đầu chạy la : Tôi mất đầu, tôi mất đầu rồi ! Đó là mê hay tỉnh ? Chúng ta có giống như vậy không ? Chúng ta cũng như chàng Diễn Nhã Đạt Đa. Khi chúng ta khởi nghĩ việc này việc kia lăng xăng thì cho là tôi đang nghĩ, tôi đang tỉnh,

bất chợt lúc nào quên không nghĩ tính, khi đó nói tôi mất rồi. Nghĩ tính chỉ là cái bóng duyên theo bóng dáng của sáu trần bên ngoài, không phải là thật, nhưng khi thấy nó, tưởng là tâm mình, đến khi mất nó tưởng như mất mình. Như chàng Diễn Nhã Đạt Đa, anh thành diên là tại sao ? Ôm cái thật mà chạy tìm cái giả. Tìm bóng là tìm cái giả ! Chúng ta cũng thế, khi tâm không khởi niệm lãng xăng thì cái hiện tiền chân thật đầy đủ mà chúng ta lại quên, cứ cho là tôi đâu mất rồi. Đó là chúng ta chỉ biết cái bóng, cho cái bóng nghĩ lãng xăng là tôi, chớ không biết cái hiện tiền chân thật là tôi. Thế nên nguyện thứ năm này là nguyện từ lâu quên đầu, nay phải cần kíp nhận lại.

"Sáu nguyện mắt tuệ tự tròn đầy" là nguyện mất trí tuệ của mình càng ngày càng tròn đầy.

"Bảy nguyện hiện nay sớm tỉnh mộng". Cuộc sống của chúng ta hiện nay chỉ là một giấc mộng dài mấy mươi năm, nào có gì đâu, phải rần sớm thức tỉnh, đừng nghĩ đó là thật rồi lầm quên cái chân thật của mình.

"Tám nguyện hằng được sáng xưa nay", nghĩa là nguyện hằng sáng suốt thấy được cái chân thật đã có tự thuở nào đến nay chưa bao giờ thiếu vắng, không bao giờ mất.

"Chín nguyệt khi nhìn trừ che huyền", nghĩa là khi nhìn người, vật không bị vô minh, không bị những huyền hóa che lấp làm cho chúng ta bị mờ đi, không thấy được rõ ràng.

"Mười nguyệt chỗ thấy dứt hoa sanh" : Nguyệt thấy sự vật đúng như thật, không bị hoa đốm lăng xăng che mờ. Hoa đốm là do mắt lừa nên thấy không đúng sự thật.

"Mười một nguyệt trông xa mây chướng cuốn" : Nguyệt nhìn ra xa những mây che đều tan mất, mắt mình thấy thông suốt.

"Mười hai nguyệt chớp mắt nghiệp băng trong" : Nguyệt trong chớp mắt những nghiệp từ xưa đến nay che đây đều được trong sạch như băng như tuyết, không còn chút nhơ bợn.

KỆ VÔ THƯỜNG BUỔI SỚM

*Đêm tối vừa rạng sáng,
Ánh dương dần hiện không.
Tóc bạc thâm tới điểm,
Má hồng dần đổi thay.
Chẳng biết tuổi xuân ngắn,
Vấn tranh nghiệp quả hùng.
Thân như băng gập nắng,*

*Mạng tợ đước gió đùa.
Chớ mái mè làm khách,
Quay về sớm chiếu soi.*

"Đêm tối vừa rạng sáng, ánh dương dần hiện không" là diễn tả thời gian trôi qua.

"Tóc bạc thâm tới điểm, má hồng dần đổi thay" : Tóc bạc len lén điểm trên đầu mỗi ngày một chút, chợt nhớ lại đầu đã muối tiêu, lâu nữa nhớ lại, đầu đã nhuộm bông lúc nào không hay. Má hồng cũng dần dần thay đổi, ngày xưa mặt hồng hào, nay khô lại, hiện những nếp nhăn.

"Chẳng biết tuổi xuân ngắn, vẫn tranh nghiệp quả hùng" : Không biết tuổi xuân ngắn ngủi, chỉ mãi tranh nghiệp quả để thành kẻ anh hùng hảo hán, thành kẻ hay người giỏi. Đó chỉ là tạo nghiệp cho nhau.

"Thân như băng gặp nắng". Băng, hay nói dễ hiểu hơn là nước đá. Nước đá để ngoài trời nắng, chỉ một chốc là tan hết. Thân này cũng như vậy, ngày nay đi lại lãng xãng, đến một hôm nào nó cũng tan hoại.

"Mạng tợ đước gió đùa" : Mạng như ngọn đước, gió thổi mạnh một lát sau nó tàn rụi.

"Chớ mãi mê làm khách" : Đừng mãi mê làm khách phong trần giông ruồi trong tam giới lục đạo, lang thang nơi này nơi khác, không chịu trở về.

"Quay về sớm chiếu soi" : Quay về chiếu soi lại chính mình. Đó là tinh thần thiền. Thiền là quay lại chiếu soi nơi mình, không chạy theo cảnh; đuổi theo cảnh là làm khách. Biết xoay lại mình tức là tìm ra quê hương, trở về quê hương. Lời nhắc nhở rất rõ ràng nên mỗi khi đọc tụng chúng ta phải nhớ để răn tu.



DÂNG HƯƠNG BUỔI TRƯA

"Cúi mong, ánh dương rực rỡ, bầu trời chói chang. Nhìn lại ngày cứ trôi qua, đến Phật khẩn cầu. Lòng tin tỏ bày dưới tòa báu, thấp nén hương trầm cắm lò châu. Hương này hun đúc bởi tiên thiên, chẳng phải Bồ Đê châu sản xuất ; ngát thơm quả đất, nào do chiên đàn sanh ra. Danh phẩm hơn cả trầm tiên, mùi vị vượt xa lan xạ. Chỗ tỏa khói lành, bởi lửa tam muội đốt ; mây hương bủa khắp, vốn từ khí nhất nguyên tan. Mỗi mỗi trên đánh đều thấu triệt, người người trong mũi thấy ngửi mùi.

Đây do Nghi sám hối, làm lễ dâng hương. Nay giờ ngọ thấp hương cúng dường".

"Ánh dương rực rỡ bầu trời chói chang". Dâng hương vào buổi trưa đúng ngọ, ánh nắng chói chang cả bầu trời.

"Nhìn lại ngày cứ trôi qua đến Phật khẩn cầu". Nhìn lại những ngày đã qua, ngày qua không dừng một chỗ. Ngày qua, tháng qua, năm qua, tuổi chúng ta theo thời gian không dừng lại. Cái chết gần kề nên đến Phật khẩn cầu.

"Lòng tin tỏ bày dưới tòa báu". Đem lòng tin sám hối tỏ bày dưới tòa báu, tức là tòa đức Phật ngồi.

"Thấp nén hương trầm cắm lò châu", đem nén hương trầm cắm trong lư hương châu ngọc, vì trên là tòa báu, dưới là lò châu để đối nhau:

"Hun đức bởi tiên thiên, chẳng phải Bồng Đảo châu sản xuất". Hương cúng dường Phật hun đức bởi tiên thiên. Tiên thiên đối với hậu thiên, tiên thiên là trước, hậu thiên là sau. Tức là mùi hương này hun đức sẵn từ thuở nào, không phải do nơi đảo Bồng lai của các vị tiên sản xuất. Tục truyền chỗ tiên ở gọi là Bồng đảo hay Bồng lai tiên cảnh. Theo truyền thuyết, những đảo thần tiên phần nhiều ở trên biển Bột hải.

"Ngát thơm quả đất, nào do chiên đàn sinh ra", mùi thơm ngát của hương tỏa khắp quả đất, không phải do cây chiên đàn tạo. Hương cúng dường Phật, là hương từ tâm chúng ta, do giới, định, tuệ phát sinh, không phải hương từ đảo tiên đem lại, cũng không phải từ cây chiên đàn ra.

"Danh phẩm hơn cả trăm tiên, mùi vị vượt xa lan xạ", giá trị của hương này hơn cả hương trăm tiên ở nước ta có tiếng là rất thơm.

"Mùi vị vượt xa lan xạ", nó vượt hơn mùi thơm của hoa lan, hay xạ của loài chồn.

"Chỗ tỏa khói lành, bởi lửa tam muội đốt", hương giới, định, tuệ phát ra khói thơm tỏa khắp là do ngọn lửa tam muội đốt. Tam muội là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là chánh định.

"Mây hương bủa khắp, vốn từ khí nhất nguyên tan", nghĩa là mùi hương này bủa khắp cả trời đất, nhưng không phải từ đâu đến mà chính từ tâm thể nhất chân bủa ra, phủ khắp.

"Mỗi mỗi trên đánh đều thấu triệt". Ngài nói tất cả chúng ta trên đánh đầu đều thấu triệt mùi hương đó, tức là phải nhìn tường tận, tột cùng thể nhất nguyên hay khí nhất nguyên đó. "Người người trong mũi thấy ngửi mùi", ai ai ở trong mũi đều ngửi được mùi hương, đó là hương giới, định, tuệ từ thể nhất tâm ra. Ngài mượn hình tướng thấp hương cúng dường Tam bảo để nói lên tâm chúng ta là gốc phát ra giới, định, tuệ; giới định tuệ tức là mùi hương bủa khắp tất cả, không do các thứ cây cối hoặc loài vật sanh ra.

"Đây do Nghĩ sám hối, làm lễ dâng hương", là do nghi lễ sám hối nên làm lễ dâng hương. "Nay giờ ngọ thấp hương cúng dường".

KỆ DÂNG HƯƠNG

*Trâm thủy rừng thiên hương sực nức,
Chiên đàn vườn tuệ dã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thắm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.*

KỆ DÂNG HOA

*Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành dóa dóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.*

HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỒI BẠCH :

"Nguyện mây hương hoa này, qua đây mười phương cõi, cúng dường tất cả Phật, tôn Pháp, chư Bồ Tát, vô lượng chúng Thanh Văn và tất cả Thánh Hiền; từ đài Quang minh dậy, qua vô biên thế giới, trong vô biên cõi Phật, thọ dụng làm Phật sự ; khắp huân các chúng sanh, đều phát tâm Bồ đề.

Cúng dường rồi, chí tâm qui mạng lễ, mười phương Vô thượng Tam Bảo".

Các bài này đã giảng trong bài trước. .

TÂU BẠCH

(Lại niệm hương quỳ bạch).

Quỳ niệm hương

"Kính bạch : Mười phương Đại Giác, ba đời Hùng Sư, chuyển sáu đạo thành sáu thần thông, nhiếp chín loài về chín phẩm". Mười phương Đại Giác, ba đời Hùng Sư đã giảng trong bài trước.

"Chuyển sáu đạo thành sáu thần thông". Sáu đạo là lục đạo luân hồi. Chuyển lục đạo luân hồi thành lục thần thông. Trong nhà Thiên, sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý khéo tu cũng chuyển thành sáu thần thông : Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông v.v... Như vậy nguyện Phật thương giúp chúng ta chuyển sáu đường luân hồi sinh tử thành sáu thần thông.

"Nhiếp chín loài về chín phẩm". Chín loài là thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng phi vô tướng. Hiểu theo tinh thần đạo Phật, chúng sinh trên thế gian này không phải chỉ có một loài thai sanh như con người hay các loài thú, mà còn có noãn sanh là sanh bằng trứng, thấp sanh là sanh chỗ ẩm ướt, hóa sanh tức không phải do ấi dục mà là theo nghiệp hóa sinh, các loài chúng sinh có hình sắc, loài chúng sinh không hình sắc, loài

chúng sinh có tâm tưởng, loài chúng sinh không tâm tưởng, rồi cuối cùng có loài chúng sinh không phải có tướng không phải không tướng, tức là loài chúng sinh này có tướng rất là vi tế. Hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng phi vô tướng, năm loài này do tu thiên mà được. Trong kinh Phật thường dạy những chúng sinh nào được định sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên thì sinh cõi trời sắc giới, do đó trong cõi trời sắc giới có sơ thiên thiên, nhị thiên thiên, tam thiên thiên, tứ thiên thiên, tu được tứ thiên trong nhà Phật gọi là phạm phu thiên, vì thiên đó còn luân hồi sinh tử. Những người tu quán về không tướng, không vô biên xứ, thức vô biên xứ thì sinh cõi trời vô sắc. Những chúng sinh tu thiên mà còn tư tưởng thì sinh cõi trời hữu tướng. Cõi trời đó không có hình tướng, chỉ còn tư tưởng. Còn những chúng sinh nào không còn tư tưởng thì gọi là sinh cõi vô tướng rồi tới phi hữu tướng phi vô tướng là cao nhất. Qua khỏi chín loài này mới tới Diệt thọ tướng định, chúng A la hán, đó là siêu xuất sinh tử.

Như vậy trên thế gian, theo con mắt nhà Phật, không phải chúng sinh nào cũng có thân nặng nề mấy mươi ký như chúng ta, chúng sinh ở cõi vô sắc làm sao có tướng, hữu tướng vô tướng cũng không có tướng, phi hữu tướng phi vô tướng cũng

vậy. Thế nên những hành tinh không thích hợp với con người, biết đâu lại thích hợp với những loài khác, chứ không phải chúng sinh nào cũng giống hệt chúng ta, nên không thể lấy con người làm tiêu chuẩn nghiên cứu. Nếu hiểu theo nhà Phật thì chắc rằng trên thế giới có nhiều cõi có những chúng sinh khác như vô sắc thì mắt chúng ta đâu có thấy, hay là hữu tướng, chỉ có tâm tưởng, chúng ta cũng không thấy ... Nếu chúng ta muốn tìm biết hết trong vũ trụ này không biết chừng nào, mới xong, chỉ mắt Phật mới thấy tường tận.

Chín phẩm tức chín phẩm Liên Hoa (cửu phẩm Liên Hoa) là nói theo tinh thần Tịnh Độ. Sinh về Cực Lạc có Thượng phẩm, Trung phẩm, Hạ phẩm. Mỗi phẩm chia làm ba. Thượng phẩm có Thượng phẩm thượng sanh, Thượng phẩm trung sanh, Thượng phẩm hạ sanh. Trung phẩm có Trung phẩm thượng sanh, Trung phẩm trung sanh, Trung phẩm hạ sanh. Hạ phẩm cũng vậy, có thượng, trung, hạ sanh. Chung tất cả là chín phẩm.

"Trộm nghe : Gà xóm gáy trưa, mặt trời đứng bóng. Vòm trời cao ánh dương vừa đến giữa, khắp nơi dương liễu bóng đứng ngay". Ngài diễn tả rất cụ thể, "gà xóm gáy trưa" là mười hai giờ trưa nghe gà gáy. "Mặt trời đứng bóng, vòm trời cao ánh dương vừa đến giữa, khắp nơi dương liễu bóng đứng

ngay", dương liễu rơi bóng thẳng xuống không có nghiêng lệch.

"Nắng gội sân hoa vờn ngọc, gió đưa rặng liễu lay vàng". Cảnh rất nên thơ, nắng gội xuống sân hoa rung rinh như vờn ngọc ; gió đưa rặng liễu lung lay trong ánh nắng như lay vàng.

"Long lanh rực rỡ chiếu dao đài, lấp lánh chập chờn soi thêm ngọc". Dao đài là chỗ ở của thần tiên, nghĩa là ánh nắng long lanh rực rỡ soi chiếu như chỗ ở của thần tiên, chập chờn lấp lánh rọi trên thêm giống như thêm ngọc.

"Lò nghề hương quyện, trời xanh vắng nhạt chói chang". Có hai loại nghề : Một loại là loài thú giống như sư tử, một loại là cá kình (có bộ ngư ở bên). Thường các lư hương hay chạm hình sư tử hoặc hình cá kình. Lò nghề hương quyện tức là lò hương chạm hình sư tử quyện khói. Trong bầu trời xanh mặt trời soi sáng, ánh nắng chói chang.

"Gối tiên giấc nồng, trên gác tía ngày dài đêm ngắn" : Những vị thánh thơ trưa nằm trên gác tía kê đầu trên gối ngủ một giấc say, đêm ngủ chưa đủ nên trưa ngủ tiếp. Đó là chỉ người thích ngủ trưa nhiều.

"Hè cao độ thì chày vàng nứt đá. Đông cực hàn thì sương phủ tuyết rơi" : Đây là tả cảnh ở ngoài

Bắc với Trung Hoa hay các nước khác. Còn ở miền Nam hè cao độ chưa đến chảy vàng, nứt đá, động chỉ có sương chứ không có tuyết. Đây là Ngai tả sức nóng và lạnh của mùa hè và mùa đông.

"Nắng trưa bụi mù trong sạch, bóng xế mây tối quét tan", trưa nắng nên tất cả những mây mù đều không còn, bóng hơi xế thì mây tối đều tan hết.

"Đối cảnh tánh thiên rộng suốt, đương thời tâm địa sáng ngời". Đối với sáu trần hay ngoại cảnh, tánh thiên là tánh sẵn có của chúng ta rộng suốt, chính ngay lúc đó, tâm địa mình được sáng ngời. Người tu khi đối cảnh phải có tánh sáng suốt, không bị ngoại cảnh ngăn trở, nghĩa là không dính mắc ngoại cảnh. Chúng ta hiện nay đối cảnh thì phạm tình dính mắc, đương thời thì vọng tưởng lăng xăng. Chúng ta phải tu như thế nào để được đối cảnh tánh thiên rộng suốt, đương thời tâm địa sáng ngời.

"Nơi nơi thấy có quang minh, bước bước trọn không hắc ám", nơi nào cũng thấy rõ ràng sáng suốt, mỗi bước đều không mờ mịt tối tăm, thế mới thực là người ngộ đạo.

Tóm lại người thâm nhập được lý đạo thì đối cảnh tâm tánh rộng suốt không bị dính kẹt, ngay khi đó tâm địa sáng ngời không bị phủ che, nơi

noi đều sáng rõ, bước bước không mịt mờ. Trái lại chúng sanh đối cảnh tâm luôn dính mắc, đương thời niệm khởi lăng xăng, nơi nơi đều mù tối, bước bước thấy rộn ràng. Mê và giác khác nhau như vậy. Nay thử nghiệm xem những người giác chút ít có được như thế này chưa ? Nếu chưa được là điều đáng hổ thẹn, phải nên cố gắng. Chúng ta thường nói hành thiền, nghĩa là đi thiền, mỗi bước phải ở trong tỉnh giác. Nếu đi trong mê lầm đó là hắc ám chẳng phải hành thiền. Thế nên người tu phải luôn nhớ đi trong sáng suốt.

"Chư Phật tử ! Mặt trời đúng Ngọ rồi phải xế, con người có thịnh ắt có suy", đó là Ngài cảnh giác chúng ta, nhìn mặt trời thấy đúng Ngọ, một lát sau đã xế. Như vậy mặt trời lên cao rồi xuống thấp, có giữa trưa phải có xế chiều. Sự sống của chúng ta cũng vậy, thịnh rồi phải suy. Như hiện giờ quý vị hai mươi, ba mươi tuổi, là lúc cơ thể thịnh nhưng rồi sẽ bốn mươi, năm mươi, không dùng một chỗ mà luôn thay đổi. Biết rõ mặt trời có trưa có xế, thân người có thịnh có suy thì khi thịnh phải nghĩ đến lúc suy. Vậy chúng ta phải làm gì ? Lo tranh cãi hơn thua hay là cố gắng tu hành không để thì giờ uổng phí ?

"Thân thể chẳng bền lâu, giàu sang khó giữ mãi". Thân chúng ta không bền lâu, rồi cũng sẽ

mất ; sự giàu sang ở thế gian cũng khó giữ mãi, duyên tốt thì giàu, duyên suy thì nghèo khó.

"Nhanh chóng như nước chảy trên sông, lẹ làng tợ mây qua đỉnh núi", sự đổi thay nhanh chóng như giòng nước chảy trên sông, lẹ làng như mây qua đỉnh núi. Chúng ta thấy mọi sự vật chuyển biến không dừng, thân chúng ta cũng vậy, chuyển từ trẻ lần đến già không dừng lại một phút giây nào, vậy chúng ta phải khéo lo liệu. Ngài khuyên :

"Bình sanh chẳng tạo nhân lành, ngày khác ắt về đường khổ". Khi còn sống chúng ta bon chen giành giật không chịu tạo nhân lành nên đến lúc nhắm mắt, bảo đảm sẽ đi trong đường khổ không nghi.

"Quyết khởi tin sâu, trừ sạch nghi ngờ", vậy chúng ta phải quyết tâm khởi lòng tin sâu về lý vô thường của Phật dạy, trừ sạch hết nghi ngờ để cố gắng tu hành đến nơi đến chốn.

"Sớm nở tâm chân chư Phật, chiếu phá thùng sơn chúng sanh", hai câu này mang tính cách thiền. Sớm nở tâm chân tức là phải khai thác cho tâm chân thật chư Phật nơi mình được nở ra, dùng để bị tàn lụi. Chiếu phá thùng sơn chúng sanh, thùng sơn là cái gì đen kịt và dẻo dai, chùi không ra, rửa không sạch. Quý vị có mang thùng sơn đó

không ? Có nhiều người than là cố gắng tu nhưng sao bỏ thói cũ không được, thói cũ là sơn đã dính chùi không ra. Thế thì ai cũng mang một thùng sơn đen kịt. Nay phải làm sao cho cái thùng thùng đi, sơn chảy hết ra, nhà thiền gọi là đập bể thùng sơn. Muốn cho thùng sơn bể chỉ có tâm chân thật chư Phật của mình nở ra, thùng sơn mới bể. Trái lại nếu tâm chân thật nơi mình không nở thì thùng sơn không thể nào lủng dáy được. Do đó khi tu chúng ta phải cố gắng thâm nhập được tâm chân thật của chính mình. Tâm ấy còn gọi là Tri kiến Phật, nếu được phát triển thì thùng sơn phiền não tối tăm sẽ tan nát.

"Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ buổi trưa".

"Tâu bạch rồi, chí tâm qui mạng lễ mười phương ba đời Vô thượng Tam Bảo".

Khải bạch xong bắt đầu sám hối.

SÁM HỐI TỘI CĂN TAI

*Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Roi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.*

Những câu này đã giảng trong bài trước.

NGHIỆP CĂN TAI LÀ :

*Ghét nghe chánh pháp, thích lắng lời tà ;
Mê mất gốc chơn, đuổi theo ngoại vọng.*

"Ghét nghe chánh pháp " : Ngồi nghe kinh một chút là muốn ngủ gục và nói : Cứ đem mấy điều luân lý nói hoài chán quá ! Trái lại nếu ai ca hát hoặc nói đùa chơi v.v... thì chú tâm nghe không biết chán, lại còn nhớ nữa. Đó là bệnh của tai. Thế nên "Mê mất gốc chơn, đuổi theo ngoại vọng". Vì thích lời tà nên quên mất gốc chơn. Mê đây là quên cái chân thật của chính mình. Đuổi theo ngoại vọng là đuổi theo những vọng tưởng điên đảo bên ngoài. Chỉ bốn câu đã thấy bệnh chúng ta cũng trầm trọng.

*Sáo đàn inh ỏi, bảo khúc long ngâm ;
Văng vẳng mõ chuông, coi như ếch nhái.*

Nghe tiếng sáo tiếng đàn thì khen ngợi là hay như những khúc long ngâm. Long ngâm là tên một khúc nhạc hay thời cổ Trung quốc. Theo Trịnh Thuật Tổ truyện trong bộ Bắc Tê Thư thì Trịnh Thuật giỏi đàn, tự chế ra mười bài long ngâm nên được xem là Tổ về long ngâm, vì thế người ta gọi là Tổ Thuật. Nói đến long ngâm là nói đến những bản nhạc hay.

Còn nghe chuông nghe mõ thì cho là inh ỏi giống như nhái ếch kêu chớ không quan tâm. Đó là hai hình ảnh mà tai chúng ta hay lầm lẫn.

*Câu ví bài vè, bỗng nhiên để dạ ;
Lời kinh câu kệ, không chút lắng tai.*

Bài vè, câu ví là những bài có vẻ chế nhạo kẻ này người kia. Câu ví bài vè nghe qua liền thuộc nhớ, còn lời kinh câu kệ nghe thì buồn, bỏ đi không chút lắng tai.

*Thoảng nghe khen hảo, khắp khỏi mong cầu;
Biết rõ lời lành đâu từng ưng nhận.*

Khen hảo tức là khen để được lòng. Mình không tốt nhưng muốn được lòng mình thì người khen dù điều tốt. Thoảng nghe khen hảo liền thích, khắp khỏi mong cầu, chớ xem còn khen thêm gì nữa. Nếu bị chê thì không thích nghe. Đó là bệnh của đa số chúng ta. "Biết rõ lời lành đâu từng ưng nhận", những lời lành người ta khuyên thí dụ chúng ta đang buồn giận một người nào, huynh đệ tới khuyên thôi đừng buồn giận e chướng đạo v.v....thì không ưng thuận. Chúng ta phải kiểm lại bệnh của mình, nếu có, phải tha thiết sám hối.

*Vài ba bạn rượu, năm bảy khách chơi ;
Tán gẫu bàn dài, châu đầu nghe thích.*

Những người uống rượu nói việc say sưa hoặc những kẻ kể chuyện ăn chơi, khen chê v.v... nghe những điều đó mình lại lắng tai, chuyện không nên nghe mà tai cứ thích. Đó là rất dở.

*Hoặc gặp thầy bạn, dạy báo đình ninh ;
Những điều hiểu trung che tai bỏ mặc.*

Thầy bạn dạy nhắc hết lời khô cổ mà che tai không chú ý.

*Hoặc nghe tiếng xuyên, bỗng nảy lòng dâm ;
Nghe nửa câu kinh, liền như tai ngựa.*

Trong Luật kể chuyện một Sa di ở trong phòng, một cô thiếu nữ đi bên ngoài, tiếng xuyên chạm khua, ông liền động tâm.

"Nghe nửa câu kinh liền như tai ngựa ", nghĩa là nghe nửa câu kinh rồi ngễnh tai không biết gì, không chú ý. Thường người ta hay nói dằn khảy tai trâu hay nước xao dầu vịt là nghe mà không dính dáng. Lẽ ra người tu nghe kinh thì phải lắng tai chăm chú nhưng trái lại nửa câu kinh cũng không chịu nghe, nếu có nghe thì không lọt vào tai , không dính vào tâm. Đó là để chỉ bệnh xem thường đạo lý chỉ thích những điều tầm thường ở thế gian.

*Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Đầy ắp bụi trần, kể sao cho xiết.*

Những tội như vậy nhiều vô lượng vô biên, như bụi đầy cả không gian không sao kể hết.

*Sau khi mạng chung, rơi ba đường ác,
Hết nghiệp thọ sanh, lại làm người điếc.*

Bởi tai tạo tội như thế nên sau khi chết phải đọa ba đường ác : Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Khi nghiệp ác trong địa ngục đã hết, còn dư báo nên sanh làm người điếc.

*Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ,
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.*

Đây là Ngài Trần Thái Tông nhắc lại cho chúng ta nhớ những bệnh của mình để chữa sửa, nếu không thì do thói quen cứ chạy theo điều dở, không biết quý những điều hay, nên phải trầm luân nhiều đời nhiều kiếp. Nay thức tỉnh phải bỏ những điều dở, lắng nghe những điều hay thì khả dĩ mới tiến được.

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

*Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (Bờ giác).*

CHÍ TÂM TÙY HỖ

*Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang thập địa nguyện sớm lên,
Bỏ để chơn tâm không lui sụt.*

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

*Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nuông dưỡng nhơn này thành Chánh giác.*

Những bài này đã giảng trong bài trước.

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

*Một nguyện nghe tiếng liền ngộ đạo,
Hai nguyện nghe khổ sớm tu hành,
Ba nguyện nghe suốt khắp bốn phương ,
Bốn nguyện nghe vui vô sanh tột.
Năm nguyện lời tà tai chẳng dính,
Sáu nguyện chánh ngữ chóng nghe rành,
Bảy nguyện tiếng pháp thường gần gũi,
Tám nguyện trống pháp cần lắng nghe.
Chín nguyện Quán Âm cùng tay nắm,*

*Mười nguyên Khánh Hỷ đồng nổi danh,
Mười một nguyên nhóm điếc thường phá
chướng,
Mười hai nguyên hai tai hằng suốt thông.*

"Một nguyên nghe tiếng liền ngộ đạo", nghĩa là nguyên nghe một câu, một lời liền ngộ đạo.

"Hai nguyên nghe khỏ sớm tu hành" là nghe kể lại cảnh khỏ liền thức tỉnh, lo tu hành sớm.

"Ba nguyên nghe suốt khắp bốn phương", nghĩa là tiếng khắp bốn phương hay mười phương, tai đều nghe suốt không trở ngại.

"Bốn nguyên nghe vui vô sanh tột": Nghe những điều vui liền tột cùng được lý vô sanh, không phải nghe vui rồi nhiễm theo điều vui.

"Năm nguyên lời tà tai chẳng dính," tức là nghe lời nói sai, lời vô nghĩa đều không dính mắc.

"Sáu nguyên chánh ngữ chóng nghe rành". Những lời chân chánh nghe được rõ ràng không nghi ngờ, không khó hiểu.

"Bảy nguyên tiếng pháp thường gần gũi", nơi nào có giảng kinh thuyết pháp mình thường gần gũi để được nghe.

"Tám nguyên trống pháp cần lắng nghe", thường lắng nghe trống pháp cho được thâm nhập.

"Chín nguyện Quán Âm cùng tay nắm", nguyện nắm tay Bồ tát Quán Thế Âm tức là nguyện làm bạn đồng tu hành với Bồ tát Quán Thế Âm. Bồ tát Quán Thế Âm tu pháp phản văn văn tự tánh, nên nguyện mình cũng được như Ngài.

"Mười nguyện Khánh Hỷ đồng nổi danh". Khánh Hỷ là tên Ngài A Nan, khi Ngài sanh ra, trong triều đình được tin Phật thành đạo dưới cội Bồ đề, cả vua quan đều vui mừng nên đặt tên Ngài là Khánh Hỷ. Ngài Khánh Hỷ nổi danh đa văn đệ nhất. Như vậy trên nguyện học được hạnh phản văn tự tánh của Bồ Tát Quán Thế Âm, dưới nguyện đồng với Ngài A Nan được nổi danh đa văn đệ nhất.

"Mười một nguyện nhóm điếc thường phá chướng", phá hết chướng là hết ngăn che, nguyện cho tất cả người điếc đều nghe được thông suốt.

"Mười hai nguyện hai tai hàng suốt thông", nguyện cho hai tai mình được suốt thông luôn luôn không trở ngại.

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

*Chớp mắt vãng ô vừa mới mọc,
Quay đầu bóng nhật giữa vòm trời.
Trọn tham gỗ mục say mê ngủ,
Nào tỉnh bóng hèn đã đổi đời.*

*Phút chốc hoa tươi lần rơi rụng,
Dần dà mạng nắm thanh rồi suy.
Mọi người sớm tỉnh xoay soi lại,
Tự khổ ruổi dong khắp nẻo đường.*

Đây là lời nhắc nhở lý vô thường để chúng ta thức tỉnh.

*Chớp mắt vầng ô vừa mới mọc,
Quay đầu bóng nhật giữa vòm trời.*

Buổi sáng mặt trời mới mọc, bận việc lãng xăng một chút nhìn lên là đúng Ngọ. Mặt trời đổi đời rất nhanh chóng, ngời gấm lại thật tức cười cho con người. Trái đất quay đều đều con người lại đặt từng chặng là một giờ, hai giờ v.v... nhưng trái đất đâu có dừng lúc nào. Nó chỉ quay đều, phía mặt trời thấy sáng, khuất mặt trời thấy tối, con người lại đặt ra ngày đêm, tháng năm để tính toán ; như vậy tất cả chúng ta có mặt trên cõi đời này, dù nói năm, bảy mươi năm thật ra có nghĩa lý gì đâu, trái đất cứ quay đều, con người có mặt rồi mòn chết. Thế mà ngời thiên cứ tính giờ tính khắc ! Nên nghiêm chỉnh ngời đến giờ kiêng đánh, đừng trông đợi làm chi, vì trông hay không thời gian vẫn cứ trôi. Khi ngời nói chuyện đùa chơi, bàn lý này lẽ kia, không trông mà giờ qua mau quá, còn ngời thiên nghiêm chỉnh lại

thấy lâu, nghe mỗi lung, nhức tay chân mà vẫn chưa hết giờ. Đó là do chúng ta đặt thời gian là quan trọng. Nay đừng nghĩ tới thời gian, chỉ biết tâm yên là vui, chứ muốn thời gian đi mau cũng không được.

*Trợn tham gỗ mục say mê ngủ,
Nào tỉnh bóng hờn đã đổi đời.*

Thân này như khúc gỗ mục, mà cứ rán lo bảo vệ nó. Ví như chúng ta đi ngoài biển, thuyền bị dầm chọt gặp khúc gỗ mục chúng ta đeo nó nên không bị chết chìm. Nhưng đeo khúc gỗ mục rồi tự mãn, hay điều tối thiết yếu là phải rán bơi vào bờ vì khúc gỗ mục rồi cũng nát, không thể bảo vệ nó mãi. Nói không bảo vệ không có nghĩa là mình bẻ nó nát ra từng mảnh, vì nếu nát mà chưa tới bờ thì chết chìm. Vậy tuy biết thân này như khúc gỗ mục nhưng chưa được giác ngộ, phải lợi dụng nó để làm phương tiện tiến tu. Nếu chưa giác ngộ mà liêu chểnh những không đạt được kết quả tu hành mà cũng uổng đi một kiếp !

Tóm lại tuy thân này tạm bợ như khúc gỗ mục, nhưng chúng ta đã có mặt nơi đây, phải lợi dụng nó để tiến đến giác ngộ chớ không ôm khúc gỗ mục và bảo vệ nó, ở mãi ngoài biển thì sẽ chết chìm. Cũng không phá đập nó cho nát, vì đó cũng

là chết chìm. Hai quan niệm này đều cực đoan, trong nhà Phật gọi một bên là hành lạc, một bên là khổ hạnh. Vậy chúng ta phải xử thế nào ? Không bảo vệ tối đa, cũng không hủy hoại, phải tạm nhờ nó đưa chúng ta đến bờ. Khi chưa đến bờ, chỗ nào mục chúng ta kết lại để còn chỗ tựa, đến bờ rồi nó là vô nghĩa. Đó là quan niệm của người tu chân chánh. Thế nên ở đây chúng ta tu không bắt buộc phải thức suốt ngày đêm vì như thế khúc gỗ dễ bể dễ nát. Nhưng cũng không phải ăn nhiều ngủ nhiều cho khỏe mạnh lâu dài, chỉ cần vừa đủ sống và cố gắng tiến tu, thế mới đúng ý nghĩa nương khúc gỗ mục này.

"Nào tỉnh bóng hờ đã đổi đời". Mãi vùi đầu ngủ, bóng hờ đã đổi đời tức đã xế rồi. Cho nên buổi trưa ngủ một tiếng là đủ, đừng ngủ mãi tới chiều.

*Phút chốc hoa tươi lần rơi rụng,
Dần dà mạng nấm thạnh rồi suy.*

Cuộc đời chúng ta như một đóa hoa buổi sáng nở, xế chiều héo tàn. Đang tươi thắm đẹp đẽ, phút chốc từ từ rơi rụng. Những tai nấm mọc, vươn lên khỏi đất thấy tròn trịa, đến chiều tàn dần. Qua hai câu trên, Ngài ví thân chúng ta như một đóa hoa, như một tai nấm, tươi tốt đó rồi tàn úa đó.

Biết thân tạm bợ không lâu bền, phải khéo lợi dụng nó để tiến tu, đừng chần chờ.

*Mọi người sớm tỉnh xoay soi lại,
Tự khổ ruổi dong khắp nẻo đường.*

Xoay là quay lại, soi là soi sáng. Chúng ta phải sớm thức tỉnh đừng hướng ra ngoài, phải quay lại soi sáng chính mình, một ngày nào chúng ta liền thấy được cái chân thật của mình. Như vậy là Ngài khuyên chúng ta phải tỉnh tu. Tu không phải chỉ trong giờ ngồi thiền mà cả khi đi đứng nằm ngồi, đều phải biết mình từng phút từng giây.

"Tự khổ ruổi dong khắp nẻo đường", tức là chúng ta tự dày ải mình, chạy nơi này nơi kia, đuổi theo tài sắc, danh lợi, theo những ảo ảnh bên ngoài, không biết dừng lại để được an lành. Thí dụ như được một chức phận gì, khi chết nó có cứu được mình không ? Hoặc đuổi theo tài sắc, muốn được thỏa mãn, nên suốt đời chỉ là chuốc khổ thôi. Để kết thúc Ngài khuyên chúng ta phải thức tỉnh quay về soi lại mình, những kẻ chỉ biết giông ruổi ra ngoài, sẽ chuốc khổ trong đời này kể cả đời sau. Lời khuyên này rất quý báu, mỗi khi đọc lại, chúng ta thức tỉnh, nhớ tu hành.



DÂNG HƯƠNG BUỔI MẶT TRỜI LẶN

"Cúi mong, chân trời ráng hiện, khói tụ non xa. Thân đến đàn tràng thanh tịnh, dầu lễ Hiền Thánh từ bi. Mong thấu lòng thành, kính đốt hương báu. Hương này danh cao ở Bồng đảo, phẩm lạ ở Lục dương. Nào phải trầm thủy dâng từ Lâm ấp, chẳng như tô du cống hiến của Đại Tần. Mùi hơn xạ hương ở Phong huyện, vị quá Ô Trành long não. Riêng chiếm giá cao bậc nhất, mùi thơm vượt hẳn các hương. Hương báu vừa bay, chiếu phạm huân thành đàn thế giới. Lò vàng mới đốt, xoay vần kết tụ thận lâu dài. Tìm đến Càn thành tan ảo hóa, gửi mùi địa ngục hết chua cay. Nay mặt trời lặn, thấp hương cúng dường".

Thấp hương cúng dường mà cũng rất nên thơ.

"Cúi mong, chân trời ráng hiện", khi mặt trời lặn, chân trời hiện ráng vàng và khói tụ ở non xa.

"Thân đến đàn tràng thanh tịnh, dầu lễ Hiền Thánh từ bi", đến trước Phật điện dâng lễ Phật, Bồ Tát, mong các Ngài thấu thấu lòng thành, nên đốt hương báu này cúng dường.

"Hương này danh cao ở Bồng đảo" tức là ở đảo Bồng lai, hương này rất quý.

"Phẩm lạ ở Lục dương". Lục dương là biển xanh, chỉ một đảo ở ngoài biển như đảo Bồng lai, có người nghỉ đảo này ở biển Thái Bình Dương.

"Nào phải trăm thủy dăng từ Lâm ấp". Lâm ấp chỉ cho miền Trung nước Việt Nam khoảng tỉnh Thừa Thiên, Quảng Ngãi trở vào trong. Thời Hán xâm chiếm Nam Việt thì đây là vùng đất gọi là huyện Tượng Lâm.

"Chẳng như tô du cống hiến của Đại Tần", tô du là một thứ dầu thơm từ Đại Tần đem qua. Đại Tần là chỉ các nước Ba Tư, Ai Cập, La Mã.

"Mùi hơn xạ hương ở Phong huyện". Xạ hương là mùi thơm của con xạ, tức là một con thú rừng giống như con hươu nhỏ, không có sừng, lông đen, dưới bụng có một bông da lớn bằng quả trứng gà, mùi rất thơm gọi là xạ hương. Phong huyện là tên một huyện ở phía Tây Bắc huyện An Hương tỉnh Hồ Nam, thuộc Trung Quốc.

"Vị quá Ô Trành Long não". Ô Trành là nước Ô Trành, tên một nước ở phía Bắc Ấn Độ.

"Riêng chiếm giá cao bậc nhất, mùi thơm vượt hẳn các hương". Hương này là hạng nhất, hơn tất cả loại hương.

"Hương báu vừa bay, chiếu phạm huân thành đàn thế giới". Hương báu này bay tới đâu, những

nơi đó đều trải chiếu thanh tịnh huân tập thành đàn tràng khắp cả thế giới.

"Lò vàng mới đốt, xoay vần kết tụ thận lâu dài". Thận lâu dài là dịch chữ thận khí lâu, lâu là lâu, thận là con sò, trong kinh thường hay dụ lấu sò. Khi khí trời tạnh trong, ngoài hải đảo có những ảnh giả do ánh sáng soi mặt biển rọi lên trên không thành muôn hình vạn trạng, ngày xưa cho là con sò thần hóa ra nên gọi là thận lâu thị, còn gọi là Càn thất bà thành, tức thành Càn thất bà, mắt nhìn thấy mà không có thực, đó là ảo ảnh. Thế nên .

"Tìm đến Càn thành tan ảo hóa", Càn thành là thành Càn thất bà, biến tan như ảo hóa.

"Ngửi mùi địa ngục hết chua cay", ai ngửi được mùi thơm của hương báu này thì những khổ đau ở địa ngục đều dứt.

"Nay mặt trời lặn, thấp hương cúng dường".

KỆ DÂNG HƯƠNG

*Trầm thủy, rừng thiên hương sực nức,
Chiên đàn, vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thắm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.*

KỆ DÂNG HOA

*Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.*

HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỜI BẠCH

"Nguyện mây hương hoa này, khắp cả mười phương cõi, cúng dường tất cả Phật, tôn Pháp chư Bồ Tát, vô lượng chúng Thanh Văn và tất cả Thánh Hiền ; vừa rời đài Quang minh, qua cõi nước vô biên trong vô biên cõi Phật, nhận dùng làm Phật sự, xông khắp các chúng sinh, đều phát tâm Bồ đề.

Cúng dường rồi, chí tâm qui mạng lễ mười phương Vô thượng Tam Bảo".

Những bài này đã giảng.

TÂU BẠCH

(Niêm hương quy bạch)

"Kính bạch : Mười phương Đại Giác, ba đời Hùng Sư. Vung kiếm tuệ ở rừng tà, quạt gió từ vào nhà lửa".

"Mười phương Đại Giác" tức là chư Phật khắp mười phương. "Ba đời Hùng Sư" là ba đời chư Phật. Nguyễn Ngải "vung kiếm tuệ ở rừng tà", tất cả rừng tà Ngải dùng kiếm bén chặt đứt hết. "Quạt gió từ vào nhà lửa", Ngải quạt gió từ bi làm mát nhà lửa tam giới.

"Trộm nghe : Ráng đỏ phủ đầu non, mặt trời vừa gác núi. Đầu thành giọng ốc thổi buồn thiu, chày nện ngoài rèm nghe âm đạm. Thuyền chài quay lại bến, cất tiếng hát chiều, chim bay trở về rừng nhẹ nhàng vỗ cánh. Phờ phạc đàn cò đậu bãi cát ; tiêu sơ bờ liễu để ngâm sầu. Đồng rộng lập lờ vài đóm lửa, trời cao lơ lửng trăng lười liếm. Cửa phen hờ khép gà vào chuồng ; đèn lửa chưa lên trâu lại ngủ. Lữ khách thúc ngựa chạy như tên bắn ; thuyền về chèo gấp nhanh tợ thoi đưa. Thương thay kẻ mê lại vào đường tối. Ngày sáng trung còn chẳng biết lối đi, đêm càng tối lối về nhà quên bằng. Nhóm kia như người không đủ mắt, cảnh này quyết hẳn kẻ quên đường.

Các Phật tử ! Phải nhớ vô thường nhanh chóng, chớ tham phù thế xa hoa. Cần kíp kéo mũi xoay đầu, chớ để buông tâm phóng chạy. Mỗi người soi sáng bên trong, không cho theo cảnh tìm ngoài. Nếu là tri âm, hãy mau tiến bước.

Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ mặt trời lặn".

Đoạn này Ngài diễn tả cảnh mặt trời lặn. "Ráng đỏ phủ đầu non, mặt trời vừa gác núi". Khi mặt trời lặn nhìn đầu non thấy ráng đỏ sáng rực.

"Đầu thành giọng ốc thổi buồn thiu, chày nện ngoài rèm nghe ảm đạm". Ốc là tù và. Thuở xưa là tiếng ốc, nay là kèn, đầu thành giọng ốc thổi buồn thiu. Tiếng chày giã gạo hoặc nện vải ngoài rèm nghe ảm đạm.

"Thuyền chài quay lại bến, cất tiếng hát chiều, chim bay trở về rừng nhẹ nhàng vỗ cánh". Chiều đến những ngư phủ quay thuyền chèo vào bến, cất tiếng hát buổi chiều. Khi mặt trời lặn, những đàn chim cùng nhau nhè nhẹ vỗ cánh bay về rừng.

"Phò phạc đàn cò đậu bãi cát ; tiêu sơ bờ liễu đế ngâm sâu". Những con cò đi kiếm ăn đến chiều mệt mỏi đậu trên bãi cát ; nơi bờ liễu cây cối thưa xơ xác, bấy đế đang ngâm sâu. Đế ngâm sâu hay người sâu ? Nghe đế ngâm chúng ta tưởng nó cũng sâu !

"Đồng rộng lập lòe vài đóm lửa, trời cao lơ lửng trăng luói liềm". Ngoài đồng mênh mông vài đóm lửa đom đóm lập lòe, trên trời mặt trăng luói liềm vừa hiện.

"Cửa phen hở khép gà vào chuồng, đèn lửa chưa lên trâu lại gõ". Cửa trong nhà khép hở chưa kín hẳn, gà túc túc gọi nhau dẫn về chuồng. Trong nhà đèn chưa đốt mà ngoài cổng trâu đã kéo nhau về. Đây là diễn tả cảnh vật chung quanh vào buổi đầu hôm.

"Lữ khách thúc ngựa chạy như tên bắn. Thuyền chèo về gấp nhanh tợ thoi đưa". Thấy trời sắp tối khách tha phương thúc ngựa chạy nhanh như tên bắn. Người chèo thuyền vội vã chèo để kịp về tới bến.

"Thương thay kẻ mê lại vào đường tối. Ngày sáng trung còn chẳng biết lối đi. Đêm càng tối lối về nhà quên bẵng". Thương cho người mê gặp ban đêm nên vào đường tối. Ngày sáng trung còn mờ mịt không biết lối đi, huống nữa là đêm tối làm sao biết được đường về nhà ? Đó là Ngài muốn nhắc cho chúng ta biết người thế gian lúc ban ngày còn không biết đường lối tiến tu, huống nữa là đêm tối thì làm sao nhớ.

"Nhóm kia như người không đủ mắt. Cảnh này quyết hẳn kẻ quên đường". Người không đủ mắt là người mù. Nhóm không biết đường giống như kẻ mù, dù ban ngày vẫn không thấy lối đi. Người thế gian không biết tu, chỉ mê say theo ngoại cảnh, đối với con đường Niết Bàn hẳn họ là kẻ quên

đường. Đây là Ngài muốn nhắc cho mọi người thức tỉnh tu hành.

"Các Phật tử phải nhớ vô thường nhanh chóng, chớ tham phù thế xa hoa", vô thường hay cái chết rất là mau gấp, phải nhớ nó luôn chực sẵn bên mình, chỉ một phút sẩy tay sơ ý là có thể mất mạng. Thế nên đừng tham cảnh xa hoa ở thế gian tạm bợ này. Phù là tạm bợ như bong bóng nổi, không có gì đáng ưa thích.

"Cần kíp kéo mũi xoay đầu, chớ để buông tâm phóng chạy". Cần gấp kéo mũi con trâu của mình xoay trở lại chớ để nó phóng chạy ra ngoài. "Kéo mũi" từ chuyên môn gọi là phản quan tức là xoay chiếu lại nơi mình. Thế nên phải sám hối sáu căn. Mắt tai mũi lưỡi thân ý của chúng ta đang phóng ra ngoài, giống như con trâu đang chạy hung hăng ngoài đồng ruộng. Nay muốn cho sáu căn quay trở lại soi sáng nơi mình, giống như kéo mũi trâu trở về chuồng, vì trâu nào cũng đang ngó cỏ ngoài đồng ruộng. Thế nên tu là phải kéo mũi nó xoay trở lại dùng để nó tha hồ phóng chạy.

"Mỗi người soi sáng bên trong, không cho theo cảnh tìm ngoài". Mỗi người chúng ta đều phải soi sáng lại bên trong, đừng tìm theo cảnh bên ngoài. Nhưng hiện nay chúng ta đang làm gì ? Trăm người như một đều đang chạy theo cảnh bên ngoài. Ngài

Toàn Khoát có nói : "Khuớc vật là thượng, trực vật là hạ", nghĩa là từ chối không theo cảnh là người bậc thượng, theo cảnh là bậc hạ. Như vậy soi sáng bên trong là thượng, theo cảnh tìm ngoài là hạ. Nếu tất cả ai cũng biết soi sáng bên trong thì trên đường tu chúng ta không có chuyện gì phải dao động, phải luận bàn. Tới lui qua lại đều nhìn từng niệm, không cho theo cảnh mà phải soi sáng lại nội tâm, đó là chúng ta tu thiên.

"Nếu là tri âm hãy mau tiến bước". Nếu là người tri âm thông cảm được với Ngài thì hãy nhanh chân tiến bước, nghĩa là phải mau soi sáng lại mình, đừng chạy theo cảnh bên ngoài. Đây là lời nhắc nhở rất thiết yếu, khuyên chúng ta phải rán vận dụng sáu căn soi sáng nội tâm, mỗi người nên tiến bước đừng chậm trễ, đừng chần chờ.

"Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ mặt trời lặn".

SÁM HỐI TỘI CĂN MŨI

*Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không theo chánh đạo.
Roi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.*

Chúng ta từ thuở nào đến nay vì quên mất bản tâm, không theo đường chánh nên phải rơi trong ba đường khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Gốc từ sáu căn sai lầm phóng ra ngoài đuổi theo sáu trần, nay muốn hết sai lầm phải quay sáu căn trở lại soi sáng nội tâm, đó là trở về cố hương, nếu phóng ra ngoài thì rơi trong lục đạo. Nhưng đa số chúng ta sáu căn đều phóng ra nên mới tạo những tội lỗi, vì vậy nếu không sám hối những lỗi trước thì những tội sau sẽ khó tránh được.

NGHIỆP CĂN MŨI LÀ :

*Thường tham mùi lạ, trăm thứ ngạt ngào ;
Chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh.*

Có mũi ai không thích mùi lạ ? Mùi lạ này là mùi thơm chứ không phải mùi hôi. Vật gì thơm như hoa thơm hơi nhẹ là kẻ mũi sát hoa để ngủi, đó là bệnh của chúng ta.

"Chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh". Chân hương là hương chân thật. Đó là hương giới, hương định, hương huệ, hương giải thoát và giải thoát tri kiến. Trong Kinh Pháp Cú Phật dạy mùi hương của hoa, của trầm v.v... ở thế gian chỉ thơm theo chiều gió, gió phía nào, mùi hương bay về hướng đó. Còn mùi hương của giới đức thì tỏa khắp nơi. Thí dụ có một người hiền lành đức hạnh

ở Đà Lạt, dù gió thổi về hướng Campuchia nhưng ở thành phố Hồ Chí Minh hay ở ngoài Trung ... người người đều nghe được tiếng thom. Như vậy mùi thom của giới đức không phải ngửi bằng mũi, mà nghe bằng tai. Giới đức hay định tuệ của người hiền được mọi người hay biết và quý kính thì gọi là ngửi được mùi thom. Thế nên đạo đức không bị gió, đất, nước, lửa làm mất mà luôn còn lâu dài. Đó là chân hương năm phần thanh tịnh, không thom ngào ngạt mà thom trong sự thanh tịnh. Hương thế gian ngào ngào có vẻ hấp dẫn hơn nên người đời ưa thích, vì thế Ngài nói "Thường tham mùi lạ, trăm thứ ngào ngào; chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh". Hai câu này nói lên sự mê lầm của con người, cứ chạy theo mùi thom tạm bợ mà không biết được điều quý báu thanh tịnh lâu bền. Chính vì lâu bền nên gọi là chân hương.

*Lan xông xạ ướp, chỉ thích tìm tôi ;
Giới định hương huân, chưa từng để mũi.*

Chỉ thích tìm tôi mùi thom của hoa lan, của xạ mà không huân tập hương giới, hương định. Đối với giới định chưa bao giờ để ý lưu tâm, nên nói chưa từng để mũi.

*Trâm đàn thiêu đốt, đặt trước Phật đài ;
Nghềnh cổ hít hơi, trộm hương phẩy khói.*

Nếu đốt hương trầm hoặc hương chiên đàn cúng Phật, thì ngửinh cỏ hít khói xông lên khen là hương thơm quá. Hương cúng Phật, đâu phải cho mình mà ngửi, như vậy là trộm hương.

*Theo dõi hương trần, Long thần chẳng nề ;
Chỉ thích mùi xăng, trọn không chán moi.*

Nhưng mùi hương trần tục, dầu thơm thế mấy cũng là trần tục, có rồi mất, mà chúng ta lại thích ngửi trộm không sợ Long thần Hộ pháp quở. Chúng ta ưa thích, đuổi theo những mùi thơm xăng đó, không bao giờ biết chán, biết moi.

*Mặt đào má hạnh, lôi kéo chẳng lia ;
Cây giác hoa tâm, xây đi không đoái.*

Thấy những người mặt đào má hạnh thì mắt đuổi theo dính chặt không rời. Cây giác hoa tâm là sự giác ngộ, là tâm thanh tịnh của con người, chúng ta xây mặt làm ngơ không màng, không để ý đến, lại đuổi theo những hình bóng tạm bợ bên ngoài.

*Hoặc ra phố chợ, hoặc vào bếp sau;
Thấy bán thềm ăn, ưa nhờ kiếm nuốt.*

Người đời đến chợ thấy thịt heo thịt bò để ngổ ngang trên thớt biết là nhớp, là tanh nhưng vì thích

ăn nên lựa miếng này, miếng kia khen ngon chớ
dở. Những thứ như như ruột, gan v.v... người ta
hay dùng nấu cháo, lại cắt cổ các con vật, lấy máu
làm thức ăn thành ra ăn thịt uống máu mà nhiều
người thích lắm, nên Ngài Trần Thái Tông chê :
"Thấy bản thềm ăn, ưa như kiếm nuốt".

*Chẳng ngại tanh hôi, không kiêng hành tỏi;
Mê mãi không thôi, như lợn nằm ổ.*

Chữ nằm ổ là tạm dịch chữ tử xí tức là hầm
phân, như con lợn đi tới hầm phân, nghe bản quá
nên phải dịch nhẹ đi.

*Hoặc chảy nước mũi, hoặc hỉ đàm vàng;
Bôi cột quẹt thêm, làm nhơ đất sạch.*

Chúng ta nghĩ mũi là quý nhưng khi mũi chảy
nước hoặc ra đàm mà không có phương tiện để lau
thì quẹt bừa vào cột làm nhơ nhớp.

*Hoặc say nằm ngủ, diện Phật phòng Tăng ;
Hai mũi thở hơi, xông kinh nhơ tượng.*

Ngủ thì thở hơi hôi hám làm nhơ kinh, tượng.

*Người sen thành trộm, nghe mùi thành dâm;
Không biết không hay, đều do nghiệp mũi.*

Người sen thành trộm là do sự tích trong Sa di Luật giải : Thuở xưa có một Tỷ kheo đi dạo quanh bờ hồ sen, nghe mùi thơm hoa sen liền hít ngửi. Ngay khi ấy có một vị thần hiện ra quở : Tại sao ông trộm hương hoa sen của tôi ? Vị Tỷ kheo không biết nói sao. Khi đó có người lội xuống hồ bẻ hoa nhỏ ngó làm cho sen ngã rạp, vị Tỷ kheo hỏi : Tôi chỉ ngửi hương sen mà ông nói tôi trộm hương, nay người kia nhỏ ngó bẻ hoa sao ông không quở họ ? Vị thần bảo : Đó là kẻ thế tục không biết tội lỗi, ví dụ như chiếc áo đen dù cho có năm, mười vết mực lấm vào cũng không thấy, còn ông tu hành giống như chiếc áo trắng, chỉ một vết mực nhỏ cũng thấy rõ, nên tôi trách ông. Như vậy có những việc người thế gian làm được nhưng người tu không được làm. Người tu chỉ nhiệm mùi thơm là đã bị quở rồi trong khi người đời nhỏ ngó, bẻ hoa mà không bị trách, đó là vì muốn cho người tu chúng ta hoàn toàn thanh tịnh. Thế nên người tu phải rón dè đặt dùm so bì với người thế gian.

Nghe mùi thành dâm là do chuyện một Sa di ở trong phòng, có vài cô thiếu nữ đi qua trước phòng, ông ngửi mùi dầu thơm nên sanh tâm dâm.

"Không biết không hay, đều do nghiệp mũi". Những điều đó chúng ta không biết, không hiểu nhưng sự thực là do nghiệp của mũi.

*Những tội như thế, vô lượng vô biên ;
Sau khi mạng chung, đọa ba đường khổ.*

Mũi tào vô lượng vô biên tội, khi chết rồi thì
rơi trong ba đường khổ.

*Trải nghìn muôn kiếp, mới được làm người ;
Dù được làm người, quả báo bệnh mũi.*

Tuy được làm người nhưng do dư báo nên mũi
hay bệnh.

*Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ ;
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.*

Đây là sám hối về căn mũi. Sáu căn là nhân
tạo nghiệp thọ khổ, vì chúng hay phóng chạy ra
ngoài đuổi theo sáu trần. Nay biết tu thì chúng ta
phải kềm chế sáu căn đừng cho chúng chạy theo
sáu trần nữa, đó là chúng ta biết sám hối, mới
được hết tội lỗi.

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

*Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia.*

CHÍ TÂM TÙY HÝ

*Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang thập địa nguyện sớm lên,
Bỏ để chơn tâm không lui sụt.*

CHÍ TÂM HỒI HƯƠNG

*Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chỉ thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng nhơn này thành Chánh giác.*

Những bài này đã giảng.

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

*Một nguyện ra hết tà khí loạn,
Hai nguyện nhận vào tuệ hương huân,
Ba nguyện đóng thành cửa vô lậu,
Bốn nguyện ho tan trần hữu duyên.
Năm nguyện lìa về đường Tam Bảo,
Sáu nguyện ngáp nát xóm tứ sanh,
Bảy nguyện thờ trừ chướng phiền não,
Tám nguyện gửi được hoa giác tươi.
Chín nguyện thường thông giống các pháp,*

*Mười nguyên hằng lập nhân ngũ tân,
Mười một nguyên kéo về đạo biến tánh,
Mười hai nguyên lôi ra khỏi bến mê.*

Những nguyên mạnh này nhắm vào căn mũi.

"Một nguyên ra hết tà khí loạn", tức là thở ra tưởng như hơi loạn hơi tà đều ra ngoài.

"Hai nguyên nhập vào tuệ hương huân", nguyên khi hít vào thì huân được hương trí tuệ.

"Ba nguyên đóng thành cửa vô lậu", tức là đóng cửa vô lậu, không cho rơi trong tam giới nữa.

"Bốn nguyên ho tan trần hữu duyên". Chữ ho dùng cho hợp vận, đúng nghĩa phải là chữ ách xì. Một cái nhảy mũi, tất cả hữu duyên ở thế gian tan hết, vì khi hắt hơi thì hơi ra nên tưởng như các hữu duyên thế gian tan hết không còn dính với mình.

"Năm nguyên lôi về đường Tam Bảo", tức là lôi mọi thấy, nghe, nghĩ, nếm, trở về đường Tam Bảo.

"Sáu nguyên ngáp nát xóm tứ sanh", tứ sanh là bốn loài : Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, nghĩa là ngáp tan hết không còn dính trong tứ sanh nữa, tức là không rơi vào loài người, loài vật sanh bằng thai, không rơi vào loài sanh bằng trứng, loài sanh chỗ ẩm ướt, loài do hóa sanh hiện ra.

"Bảy nguyện thờ trừ chúng phiến não", nghĩa là khi thờ tất cả chúng phiến não đều trừ hết.

"Tám nguyện ngủi được hoa giác tươi", luôn luôn mũi ngủi được hoa giác ngộ x'nh tươi.

"Chín nguyện thường thông giống các pháp", nghĩa là nguyện mũi ngủi biết tất cả pháp không lầm, biết nhân của nó rõ ràng.

"Mười nguyện hằng lập nhân ngũ tân". Ngũ tân là ngũ vị tân, nghĩa là không ưa mùi ngũ vị tân.

"Mười một nguyện kéo về đạo biển tánh", tức là kéo về đạo biển thể tánh hay biển giác.

"Mười hai nguyện lôi ra khỏi bến mê", nghĩa là nguyện không còn kẹt trong bến mê nữa.

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Cảnh giục trời gác núi,

Tác bóng có tiếc chãng ?

Chỉ chạy theo ý ngựa,

Tâm khỉ chịu dùng dâu ?

Mặt trời mọc rồi lặn,

Thân nổi trở lại chìm.

Già đến ngu cùng trí,

Chết đi xưa và nay.

Chẳng khỏi vô thường đến,

*Hạn lớn tránh được nào ?
Mỗi nên đi đường chánh,
Chớ để vào nẻo tà.*

Ngài nhắc chúng ta :

*Cánh giục trời gác núi,
Tắc bóng có tiếc chăng ?*

Cảnh thúc đẩy mặt trời gác núi tức đã lặn. Vậy chúng ta có tiếc từng tắc bóng, hay có tiếc từng giờ, từng phút không ? Nhiều khi còn mong mau tối để xem ngày mai có đẹp hơn không. Ai cũng tưởng tượng hảo huyền là ngày mai thế nào cũng đẹp hơn nên hôm nay chưa hết lại mong đến mai, tháng này chưa hết lại mong tháng sau, năm này chưa hết lại mong năm tới. Mong để làm gì ? Để mà chết, nghĩa là mong hết ngày, hết tháng, hết năm rồi chết !

Chúng ta không tiếc từng ngày, từng phút, không nghĩ một ngày qua đã làm được gì. Thiên sư Y Am mỗi chiều qua, ôn lại thấy chưa được gì, Ngài nhìn mặt trời lặn mà sa nước mắt. Chúng ta hiện nay như thế nào ? Ngày giờ thật là quý báu để nó qua mất rất đáng tiếc. Từ sớm đến chiều kiểm lại xem chúng ta mê nhiều hay tỉnh nhiều ? Nếu cảm thấy mê thì tui thân, buồn trách mình

sao quá dở, chớ không phải ngấm mặt trời lặn rồi vui chơi, không tiếc thời gian đã trôi qua.

*Chỉ chạy theo ý ngựa,
Tâm khỉ chịu dùng dâu.*

Tâm khỉ ý ngựa dịch chữ tâm viên ý mã. Ý giống như ngựa chạy sai, tâm như vượn khỉ chuyền cây. Chúng ta chạy theo tâm ý lăng xăng không biết dùng.

*Mặt trời mọc rồi lặn,
Thân nổi trở lại chìm.*

Buổi sáng mặt trời mọc, chiều đến mặt trời lặn, mặt trời có mọc thì có lặn, thân người cũng vậy, có sinh phải có tử. Nó hiện có rồi sẽ mất đi. Tại sao chúng ta không biết quý tiếc, để dùng nó vào chỗ lợi ích cho mình, cho chúng sinh mà thả trôi thì giờ quý báu ?

*Già đến ngu cùng trí,
Chết đi xưa và nay.*

Cái già bình đẳng đến với tất cả mọi người, dù ngu hay trí chớ không phải dành riêng cho ai. Cái chết cũng vậy. Người xưa chết người nay cũng phải chết. Khi cái chết đến dù già dù trẻ dù muốn dù không cũng phải chịu, ai ai cũng phải đến chỗ

đó. Thế nên ngày còn sống là ngày quý báu để làm được chút gì cho đạo, cho mình chớ không phải sống để chờ chết.

*Chẳng khỏi vô thường đến,
Hạn lớn tránh được nào ?*

Không ai tránh khỏi vô thường, không ai tránh được cái chết. Hạn lớn là chỉ cho khi chết.

*Mỗi nên đi đường chánh,
Chớ để vào nẻo tà.*

Tức là mỗi người phải rán tu hành, đừng để bị lôi cuốn vào đường tà quấy. Đây là lời khuyên về vô thường vào buổi mặt trời lặn. Ngài cảm hứng nên khuyên thêm hai bài kệ.

KỆ KHUYÊN CHÚNG BUỔI HOÀNG HÔN

*Cảnh giục nương dâu tối,
Non tây ô lặn rồi.
Ngày giờ dâu dưng mãi,
Già bệnh dễ kẻ người.
Chết đến ai hay giữ,
Hạn lại sao cấm ngăn.
Mọi người nên để mất,
Hôn tán chớ vương tâm.*

*Cảnh giục nương dâu tối,
Non tây ô lặn rồi.*

Cảnh thúc đẩy, nhìn lại bờ dâu đã tối, vầng ô đã chìm xuống núi phía tây.

*Ngày giờ dâu dùng mãi,
Già bệnh dễ kẻ người.*

Ngày giờ không dùng lại một chỗ thì già, bệnh sớm muộn gì cũng đến với chúng ta, không ai tránh được.

*Chết đến ai hay giữ,
Hạn lại sao cấm ngăn.*

Không ai giữ được cái chết chẳng đến với mình; hạn là chết, cũng là nạn. Khi những chuyện không tốt xảy đến, không ai ngăn cản được. Thế nên :

*Mọi người nên để mắt,
Hôn tán chó vương tâm.*

Hôn tán là hôn trầm và tán loạn. Chúng ta nên nhớ cảnh vô thường dồn dập đến không tha mình, vậy khi tu phải làm sao đuổi được con ma hôn trầm và chặn được con quỷ tán loạn, không cho chúng quấy nhiễu, thì đường tu mới xứng đáng. Vậy chúng ta tu là phải thắng ma quân đó. Nếu người nào ngồi thiền bị hôn trầm mãi sanh chán,

ngồi thà ngủ một giấc còn hơn liền xả thiền nằm xuống ngủ, đó là rất dở. Tại sao ? Ngồi gục còn tha thứ được vì thua mà vẫn cố gắng tranh đấu, nếu chuỗi xuống ngủ là kéo cờ đầu hàng, nên không tha thứ được. Hiểu như vậy nên ai đuổi ra nằm ngủ là tôi không chấp nhận. Có nhiều giám thiền cũng từ bi, thấy gục tội quá liền bảo thôi nằm xuống ngủ đi. Như vậy là nguy hiểm, vì như thế cả thiền đường sẽ ngủ hết. Chúng ta phải nghịch hạnh từ bi, bằng cách đánh một trượng cho họ giật mình, đuổi được con ma hôn trầm, đó là cứu họ. Nhìn người đi giám thiền cầm cây trượng, thấy hơi bất nhẫn, nhưng thực ra cây trượng là đuổi ma chứ không phải đánh người. Đừng quan niệm người giám thiền tàn nhẫn rồi nổi sân, đó là chưa biết tu. Đánh là đuổi ma hôn trầm chạy, lẽ ra mình phải chấp tay cảm ơn vì lúc đó mình say rồi, không tự chủ nên phải nhờ đánh mạnh mình mới tỉnh, ma hôn trầm mới chạy xa, đánh nhẹ quá, người giám thiền đi qua khỏi nó trở lại nữa. Hiểu như thế mới biết ý nghĩa của việc giám thiền.

KỆ TÁM KHỔ

*Sanh đến thành người thân khổ nhọc,
Già sang lụ khu ý mê mờ,
Bệnh xâm thân thể đau khôn nhẫn,*

*Chết đọa ba đường nghiệp dễ thôi.
Ân ái xa lìa buồn khó tả,
Oán thù gộp lại giận không cùng.
Ngàn cầu chẳng được thêm phiền nã,
Năm ấm tranh nhau đấu sức hùng.*

Chỉ có tám câu, Ngài diễn tả được tám khổ (bát khổ) : Sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc và ngũ ấm xí thạnh khổ.

"Sanh đến thành người thân khổ nhọc", từ khi sanh đến lúc thành người thân phải trải qua nhiều khổ nhọc. Đọc sử đức Phật chúng ta thấy Thái tử Tất Đạt Đa theo vua cha ra đồng dự lễ hạ điền, tức là lễ cho dân bắt đầu cày ruộng. Khi vua cha xem người cày, Thái tử đến ngồi bên gốc cây, Ngài nhìn thấy trên luống cày những con trùng bị đứt trôi lên giẫy giụa, các con cườm, con sáo liền sà xuống mổ nuốt. Thấy cảnh đó Ngài nói : Chúng sanh sanh trong đau khổ. Nghe như thế, chúng ta không quan tâm, nhưng nay xét kỹ lại, sanh quả là khổ, không ai chối cãi được. Tại sao ? Nếu để ý chúng ta sẽ thấy những con chim sâu nhảy chuyền trên các cành cây để tìm mồi, khi thấy con sâu, nó dùng mỏ nhọn gắp nhanh, quật qua quật lại con sâu run bầy bầy rồi chim nuốt. Một ngày sống nó phải nuốt bao nhiêu sâu, mà mỗi con sâu

bị nuốt đau khổ vô cùng. Đến con người, ngày xưa tôm cá nhiều, mỗi bữa ăn đem vài con cá ra đập đầu, chúng giãy giụa run run. Như thế cuộc sống của chúng ta do những con vật nhỏ yếu cung cấp. Một ngày chúng ta sống là một ngày khổ của chúng sinh. Lại như muốn được sung túc, kẻ khôn hiếp kẻ dại, người mạnh hiếp người yếu. Tất cả cuộc sống đều là tranh giành lấn áp làm khổ cho nhau chớ đâu có an vui. Sống trong đau khổ mà chúng ta không thấy, có khi thấy cũng làm ngo. Như những người cắt cổ gà vịt, khi bị giết, chúng kêu la giãy giụa, người giết tỏ ra từ bi, tụng chú vãng sanh cho đời sau chúng đừng làm gà vịt nữa. Đó thực là đạo đức giả. Giả sử có ai cầm gươm kẻ cổ chúng ta nói : Anh sống khổ quá để tôi đâm anh chết, rồi tụng chú vãng sanh cầu cho anh hết khổ, chúng ta bằng lòng không ? Hay vừa lay vừa van xin cho tôi sống, đừng cầu vãng sanh làm chi ! Nếu thực tình thương, chúng ta không nỡ làm khổ chúng sinh để ngon miệng mình. Thế nên cuộc sống là đau khổ, có mấy người đem lại an lạc cho nhau.

"Già sang lụ khụ ý mê mờ", già đến thì lưng còng chân yếu thân thể mỗi mệ, ý cũng mù mịt mờ tối.

"Bệnh xâm thân thể đau khôn nhẫn", khi con bệnh xâm nhập, thân đau đớn nhẫn chịu không nổi.

"Chết đọa ba đường nghiệp dễ thôi", chết đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là chuyện dễ. Tại sao ? Phật dạy nếu chúng ta giữ tròn năm giới (không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu), bảo đảm người đó được trở lại làm người. Nếu trong năm giới mà phạm một, hai điều thì không bảo đảm. Kiểm lại ở thế gian, bao nhiêu người giữ đủ năm giới ? Vậy trở lại làm người là việc khó, rơi trong ba đường ác là việc dễ. Vì thế người ta thường nói lên núi khó xuống núi dễ. Chúng ta rán giữ đủ, tư cách một con người tốt thì khó, buông lung tạo nghiệp xấu ác thì rất dễ.

"Ăn ái xa lìa buồn khó tả", người thương mến mà phải xa lìa thì buồn khôn kể xiết, nhưng đâu có ai tránh khỏi điều đó. Một là vì đi nơi này, nơi khác làm ăn nên phải xa nhau. Hai là vì kẻ còn người mất. Sống xa lìa gọi là sanh ly, chết xa lìa gọi là tử biệt, cả hai trường hợp đều buồn khổ. Khổ vì chết phải lìa nhau, theo thời gian cũng khuây khỏa, khổ vì sống mà lâu lâu mới biết tin tức nhau thì khổ này dài hơn.

"Oán thù gặp lại giận không cùng", người mình oán ghét mà cứ ở trước mắt làm sao chịu nổi ! Ở thế gian chưa bao giờ chúng ta thương tất

cả mọi người. Trong trăm người, thân lấm chỉ độ vài ba mươi, ghét chắc cũng vài ba mươi. Như vậy người ghét cũng tương đương với người thương. Xa lìa người thương đã khổ, gặp mãi người ghét cũng khổ, vậy lúc nào hết khổ ? Chỉ khi hết thương hết ghét. Thế nên Phật dạy tu là dứt tâm thương ghét. Làm sao ai cũng là người mình quý kính, không ghét thù ai cũng không trói buộc với ai, thế mới là hết khổ.

"Ngàn cầu chẳng được thêm phiền não". Đây là cầu bất đắc khổ. Vì sao lại nói ngàn cầu ? Vì sự mong cầu của chúng ta quá nhiều. Tỉ dụ chưa có tiền, muốn có tiền, có tiền rồi muốn có xe, có nhà v.v... sự ham muốn không cùng. Mong cầu cả ngàn thứ mà chỉ được hai, ba thì chưa vừa ý nên lúc nào cũng phiền não.

"Năm ấm tranh nhau đấu sức hùng". Năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc ấm là chỉ cho thân, bốn ấm sau là chỉ cho tâm. Nay chúng ta nhìn từng ấm một thử xem chúng tranh nhau như thế nào ? Thứ nhất là sắc ấm. Sắc ấm là do sự tụ họp của đất, nước, gió, lửa. Bốn thứ họp lại có hòa thuận nhau không ? Lửa đương cháy phùng lấy nước dội liền tắt, nước để trong nồi đốt lửa một lúc bốc hơi khô hết. Như vậy lửa nước chống đối

nhau. Nhưng trong người chúng ta thiếu thứ nào cũng không được. Nếu thiếu nước thì thân khô khan, thiếu lửa thì thân bị lạnh. Lửa nước thù địch nhau, nay điều hòa chúng là việc không phải dễ. Khi nghe nóng phải tìm thức ăn cho mát, khi lạnh lại tìm thức uống cho ấm, cứ như thế mà phải tìm kiếm thức ăn thức uống để bồi bổ cho quân bình thì thân mới an ổn. Đến đất với gió, khi gió thổi mạnh bụi đất bay tung mù mịt. Trong thân chúng ta cũng vậy, lâu lâu có một trận gió xoong vào cả mình đau nhức. Vậy gió thổi thì đất rung rinh không nghi ngờ. Như thế tứ đại lúc nào cũng tranh hùng, chúng ta phải rán điều hòa chúng, thì thân mới được bình an.

Đến phần thọ, tướng, hành, thức lại càng lằng lằng hơn nữa. Thọ là những cảm giác, tướng là những tưởng tượng, hành là suy tư, thức là phân biệt. Cảm giác thích được vừa ý, tưởng tượng thức này ngon món kia dở ... suy tư phân biệt lằng lằng trong nội tâm, bốn thứ đó lúc nào cũng dao động bất an.

Tóm lại sắc uẩn là tứ đại, chúng tranh giành nhau không dừng, tâm là thọ tướng hành thức cũng lằng lằng dao động. Thân và tâm đều giả hợp mà chúng ta lại bảo vệ nó. Đã là giả hợp có lúc phải

tan, đủ duyên thì còn, thiếu duyên thì mất, không bền chắc lâu dài. Thế nên ai nghĩ gìn giữ thân này còn mãi là si mê. Biết như vậy phải lợi dụng nó để tinh tấn tu hành, đó mới là người sáng suốt khôn ngoan.



DÂNG HƯƠNG BUỔI ĐẦU HÔM

"Cúi mong, lửa dom dóm diễm không, đèn thuyền chài rọi nước. Bọn tịnh trên đàn đều tới, trong lò mới thấp tín hương. Hương này, sản phẩm chẳng ở Lạc Sơn, chủng loại không phải trầm thủy. Dầu bởi Thần Long dâng cúng, chính do Bồ Tát cất dành. Trong rừng Ngưu đầu khó so bì, nơi vườn Kê-thiệt suy tôn bậc nhất. Gươm tuệ chặt, vót bằng dao giới rất mực thanh kỳ ; nước định rửa, lửa tam muội đốt mùi thơm ngào ngạt. Dầu chỉ đàn tràng gửi được, mọi nơi khắp chốn đều thơm. Một nén hương xông nhiều đời nghiệp sạch. Nay buổi đầu hôm, đốt hương cúng dường".

"Cúi mong, lửa dom dóm diễm không, đèn thuyền chài rọi nước". Tối đến dom dóm bay chớp chớp trên không, các thuyền chài thấp đèn, ánh sáng rọi xuống nước.

"Bọn tịnh trên đàn đều tới, trong lò mới thấp tín hương". Bọn tịnh là dịch chữ phạm lữ. Lữ là bạn, phạm là thanh tịnh, nghĩa là những người xuất gia vừa đến trước đàn tràng, là chùa hoặc Thiên đường, khi ấy mới bắt đầu thấp hương cúng dường cắm trên lò hương. Ngài tán thán hương :

"Hương này, sản phẩm chẳng ở Lạc Sơn, chủng loại không phải trầm thủy". Lạc Sơn là chỉ những ngọn núi ở ngoài biển tương tự như núi Bồng lai, tức là những ngọn núi có hương quý. Chủng loại của hương này vượt hơn hương trầm thủy.

"Đâu bởi Thần Long dâng cúng, chính do Bồ Tát cất dành". Hương này không phải do các vị thần, rồng dâng cúng mà do trong kho của Bồ Tát cất dành sẵn.

"Trong rừng Ngưu đầu khó so bì, nơi vườn Kê thiết suy tôn bậc nhất". Rừng Ngưu đầu tức Ngưu đầu chiên đàn, là cây chiên đàn rất thơm, sản xuất trên núi Ngưu đầu, một ngọn núi ở miền Nam Ấn Độ. Trong Kinh Chính Niệm Xứ chép : Đỉnh núi này giống như đầu con trâu và núi sản sanh cây chiên đàn nên gọi là Ngưu đầu chiên đàn. Hương chiên đàn ở núi Ngưu đầu rất thơm nhưng so với hương dâng cúng Phật còn thua kém. "Nơi vườn Kê thiết suy tôn bậc nhất". Kê thiết cũng là tên. (Kê thiết là lưỡi gà). Tìm trong sử thì thấy tên nhưng không thấy diễn tả là vườn hay núi ... Hương Kê thiết là một thứ hương rất thơm nhưng cũng không bằng nên gọi là suy tôn bậc nhất. Vậy hương này là tâm hương nên chỉ có ở kho của Bồ Tát.

"Gươm tuệ chặt, vót bằng đao giới rất mực thanh kỳ". Vì là tâm hương nên chặt bằng gươm

trí tuệ, vót bằng dao giới luật nên rất mực thanh kỳ, tức là thơm tho kỳ đặc.

"Nước định rửa, lửa tam muội đốt mùi thơm ngào ngạt". Khi vót thành cây hương liền lấy nước định rửa, dùng lửa tam muội đốt. Tam muội là âm chữ Phạm, dịch nghĩa là chánh định. Mùi thơm hương này do trí tuệ biết, không phải như các loại hương thế gian do mũi ngửi được.

"Đâu chỉ đàn tràng ngửi được, mọi nơi khắp chốn đều thơm". Mùi thơm của hương này không chỉ ở trong chùa mà tỏa khắp nơi. Đây là tâm hương, do giới, định, tuệ hun đúc thành, nên không phải do mũi ngửi mà do trí người trọng đạo đức biết nó thơm quý.

"Một nén hương xông nhiều đời nghiệp sạch", nghĩa là xông được nén hương này thì tất cả nghiệp nhiều đời theo đó sạch hết. "Nay buổi đầu hôm đốt hương cúng dường".

KỆ DÂNG HƯƠNG

*Trầm thủy rừng thiên hương sực nức,
Chiên đàn vườn tuệ đã vun trồng,
Dao giới vót thành hình non thắm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.*

KỆ DÂNG HOA

*Đất tâm mở ra hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa vẫn kém thơm.
Cành cành dóa dóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.*

PHÁT NGUYỆN

*Nguyện mây hương hoa này,
Khắp cả mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ Tát,
Vô lượng chúng Thanh Văn
Và tất cả Thánh Hiền.
Vừa rời đài Quang minh,
Qua cõi nước vô biên,
Trong vô biên cõi Phật,
Nhận dùng làm Phật sự.
Xông khắp các chúng sanh
Đều phát tâm Bồ đề.*

Đây là lời phát nguyện sau khi dâng hương,
dâng hoa.

TÂU BẠCH

"Kính bạch : Mười phương Đại Giác, ba đời Hùng Sư, mở rộng đèn tuệ chư Phật, soi khắp nhà tối quần sanh" Kính mong chư Phật mở rộng đèn trí tuệ để soi khắp nhà tối của chúng sanh.

"Trộm nghe (hay thâm nghe) : kèn lầu vừa thổi, trống cấm mới truyền, nhà nhà đèn sáp sáng trưng, chôn chôn mỡ rỗng cháy rục". Đây là dẫn giải theo lối xưa, chữ kèn là gương dịch, nguyên là chữ giác tức là sùng, thường gọi là tù và. Tiếng tù và thổi là báo hiệu đã tối, trống cấm trong thành vua được lệnh đánh, nhà nhà đều đốt đèn cây sáng trưng. Mỡ rỗng cũng là mỡ rần, thường thuở xưa người ta hay lấy mỡ những con rần lớn thắng làm dầu đốt, cũng như ở quê đốt dầu phộng dầu mù u, tối đến mỗi nhà đốt các đĩa dầu cháy rục.

"Ngựa báu thôi hí ngoài ngõ tía, cá vàng ngưng nhảy dưới ao trong". Ngõ tía tức là đường quan. Những con ngựa hay chở đưa người đi chơi ngoài đường quan, tối rồi ngưng không còn hí nữa. Cá ban ngày được người cho ăn, nhảy đớp bọt, tối đến im lặng không nhảy nữa. Đó là hai hình ảnh rất nên thơ.

"Lua thừa mặt nước dom dóm bay, lấp ló đầu non ngậm vàng nguyệt". Trên mặt hồ lua thừa dom dóm bay lập lờ, lúc đó mặt trăng sắp lặn.

"Bên đài Phụng hoàng say sưa tiệc rượu liên hoan, trước lầu Anh vũ tham đắm mê hoa thủ lạc". Đài Phụng hoàng và lầu Anh vũ chỉ cho những lầu đài cất gần đền vua ở Trung Hoa thuở xưa. Đó là chỗ vui chơi của vua quan, nên bên đài Phụng hoàng say sưa tiệc rượu liên hoan, trước lầu Anh vũ tham đắm mê hoa thủ lạc. Mê hoa tức là ham chơi thích thú theo những dục lạc thế gian.

"Hoặc vịnh trăng cột gió, hoặc thổi sáo đánh đàn", hoặc nhìn trăng đùa gió rồi làm thơ vịnh hoặc đánh đàn thổi sáo v.v...

"Người người chăm chăm duyên trước mắt, kẻ kẻ dẫu quên việc sau thân". Người đời mãi ham chơi mê duỗi theo những việc trước mắt, nhưng dẫu thế quên được việc sau thân. Sau thân là việc gì ? Mai kia thân này già nua lụn bại, nên ai cũng phải biết còn có việc sau thân. Đến đây Ngài đánh thức :

"Các Phật tử phải tỉnh đường trước khó tiến tới, chớ tham gối cao mặc ngủ say". Người tu hành phải luôn luôn nhìn trước mình, mỗi ngày mỗi bước tiến lên không được chần chừ, không được dừng nghỉ. Muốn tiến tới luôn luôn như vậy thật là khó, chúng ta phải nỗ lực. "Chớ tham gối cao mặc ngủ say", tối nằm trên gối ngủ một giấc ngon tới sáng, đó là gối cao nệm ấm ngủ say sưa, quên đường trước mà không chịu tiến.

"Lên giường khó bảo đảm xuống giường, đêm nay đâu thể biết đêm mai". Câu này đánh thức chúng ta. Như vừa rồi tại một thất ở sau Thường Chiếu có một cô xuất gia, cô Huệ Toàn, chiều còn nói chuyện vui với huynh đệ như thường, tối ngủ đến sáng không thấy mở cửa, những người hàng xóm chạy đến nạy cửa vào thấy cô nằm yên không còn thở nữa. Thật đúng như câu : "Lên giường khó bảo đảm xuống giường". Như vậy mà có ai nhớ đâu, cứ nghĩ sáng thì xuống, không ngờ có khi lên mà không xuống được. "Đêm nay đâu thể biết đêm mai", đêm nay còn sống, chưa chắc đêm mai còn. Đó là những câu cảnh tỉnh cho chúng ta thấy cuộc đời mỏng manh tạm bợ, ngày nay khỏe mạnh chớ chưa bảo đảm ngày mai được khỏe. Nếu ai nhớ luôn luôn như vậy thì tu hành đâu có dám bê trễ. Trái lại, cứ tin ngày mai mình vẫn khỏe, vẫn làm việc như thường, nên ngày nay tu thiếu, để dành mai tu bù không có gì phải lo. Nếu biết rằng ngày nay chưa bảo đảm ngày mai thì ngày nào khỏe phải tu ngay, chớ không thể chần chờ.

"Cửa đệ nhất nghĩa nên thẳng vào, nơi ba đường ác chớ tiến bước". Cửa đệ nhất nghĩa là dịch từ đệ nhất nghĩa môn là cửa có một nghĩa thôi, đó là cửa không dính hai bên. Quý vị đang tiến vào cửa đệ nhất hay cửa đệ nhị ? Nếu là đệ nhị

thì kẹt hai bên. Cửa đệ nhất thì không có hai bên, tức là không có hơn thua, tốt xấu, phải quấy. Đó cũng gọi là đệ nhất nghĩa đế, nơi cửa đó phải rón thẳng vào. Còn ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đừng tiến bước vào vì sẽ khổ. Như vậy người biết tu phải luôn luôn đi thẳng vào cửa đệ nhất nghĩa, tức là nơi không còn đối đãi, không còn phân biệt, đó là nơi an định, giải thoát khỏi vòng sanh tử.

"Quay đầu nhận về gia hương mình, mở mắt chớ ham mộng phù thế". Gia là nhà, hương là làng xã nơi nhà mình ở, đó là nghĩa đen. Theo nghĩa ở đây gia hương là chỗ cố hương mình có từ thuở nào. Nay chúng ta có phải là những người đang phiêu bạt không ? Người rời khỏi cố hương là kẻ phiêu bạt ! Như vậy nếu chưa về được gia hương mình là còn đang phiêu bạt.

Ngài Trần Thái Tông bảo chỉ quay đầu nhận về gia hương ! Vậy gia hương khác với phiêu bạt ở chỗ quay đầu lại hay phóng mắt nhìn ra. Quay đầu lại, từ chuyên môn nhà Thiền gọi là "Hồi đầu thị ngạn" nghĩa là quay đầu là bờ ấy, bờ ấy là gia hương. Trái lại nếu phóng mắt ra ngoài, đó là phiêu bạt. Buông sáu căn chạy theo sáu trần đó là phiêu bạt. Xoay sáu căn trở lại nơi bốn quán của nó, là quay đầu về cố hương, quay đầu về là bờ giác. Bờ

giác xa hay gần ? Gần nhưng đi mãi không đến nên thành xa ! Xa mà không phải xa, chỉ cần quay đầu lại, nhưng vì cú phóng ra nên trở thành xa ! Như vậy tự kiểm điểm lại xem một ngày chúng ta quay lại được bao lâu, chắc chắn nhất là sáu tiếng. Chúng ta còn như thế, huống là người thế gian mãi đi theo con đường phiêu bạt hẳn khó kiếm được một tiếng đồng hồ quay trở lại. Thế nên chúng ta thấy Kinh Pháp Hoa diễn tả hay đáo để. Người cùng tử bỏ nhà đi không biết từ thuở nào, chỉ thấy đang lang thang, nay giật mình, quay trở về quê hương tìm cha mẹ. Khi trở về buổi đầu được cha trao cho công tác tầm thường như hốt phân, dần dần được gần cha và cuối cùng cha trao hết gia tài cho. Biết trở về là như vậy, còn nếu không biết thì suốt kiếp làm cùng tử lang thang. Nếu tử nhục cho đời cùng tử thì chúng ta phải mau quay về. Hiện nay chúng ta cũng giống như chàng cùng tử đang làm chuyện hốt phân sống qua ngày vậy.

"Mở mắt chó ham mộng phù thế". Mộng phù thế là gì ? Con phù du ở trên mặt nước, sớm mai có mặt, chiều tối chết, cuộc đời tạm bợ giống như đời con phù du. Cuộc sống của chúng ta là giấc mộng trong cõi tạm. Thế thì có gì đáng ưa thích. Nhưng chúng ta đang mê, mở mắt thì ham mộng phù thế nên Ngài nhắc chúng ta đừng say mê cái

tạm bợ, cái mộng ảo trên thế gian này. Chỉ hai câu này đủ nhắc nhở chúng ta tu, "Quay đầu nhận về gia hương mình, mở mắt chớ ham mộng phù thế". Tới lui, xuống bếp, ra vườn cứ ngâm hai câu đó chớ đừng ca những câu khác.

"Đệ tử chúng con kính tưởng giờ này, lấy làm khóa lễ đầu hôm".

SÁM HỐI TỘI CĂN LƯỚI

*Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay ;
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo,
Roi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.*

NGHIỆP CĂN LƯỚI LÀ :

*Tham đủ mọi mùi, thích xét ngon dở;
Ném hết các thứ, biết rõ béo gầy.*

"Tham đủ mọi mùi, thích xét ngon dở". Lưỡi chúng ta thích đủ mùi. Vị bùi béo thì ưa, chất đắng thì không thích, để vào lưỡi thì khen món này ngon chê món kia dở. Nhiều khi trên mặt xã giao có những trường hợp nếu không làm giống người thì thấy què, mà làm theo người thì thấy xấu hổ. Thí dụ như có nhiều Phật tử nấu

thức ăn ngon cúng dường quý Thầy, họ hỏi : Thầy dùng món này được không ? Theo thể tình muốn vui lòng người làm bếp thì phải nói : À ngon quá ! Như vậy mình đã theo vị rồi. Còn nếu chỉ làm thỉnh hoặc gặt dầu một chút thì thấy thiếu lịch sự. Thế nên việc xã giao làm con người xa lữ với đạo lý, nghĩa là muốn được lòng người cúng dường thì phải khen, mà khen thì phải nghĩ tới ngon dở, nhưng chúng ta thấy lỗi của lưỡi là "tham đủ mọi mùi, thích xét ngon dở".

"Ném hết các thứ, biết rõ béo gầy" : Thức gì cũng ưa ném, cũng ăn qua cho biết, nên nhiều người vì nghe quán này nấu khéo, quán kia nấu ngon liền rủ nhau đi ăn quán này, mai đi ăn quán kia để cho biết hết các thứ và "biết rõ béo gầy". Thức ăn có mỡ thì biết đó là con vật béo mập, còn thức ăn không mỡ thì biết đó là gầy nên những bệnh của lưỡi kể ra cũng nhiều.

"Sát hại sinh vật, nuôi dưỡng thân mình". Một con vật chết là nuôi cho mình được một bữa ăn. Đó là nói những con vật khá lớn, còn những con vật nhỏ thì một bữa ăn sát hại không biết bao nhiêu con.

"Quay rán cá chim, nấu hầm cầm thú". Cá hay chim thì đem quay, đem rán, cầm thú thì đem nấu hầm. Tất cả những thứ đó là cái ngon miệng, cái sở thích của người đời.

"Thịt tanh béo miệng, hành tỏi ruột xông". Có thứ thịt nào chưa xào nấu mà không tanh đâu. Nhưng xào nấu rồi thì ăn béo miệng. Lại muốn cho nó được thơm thì thêm hành tỏi. Tanh thì ngon miệng, thơm thì xông trong ruột, khi vô thì thơm đến khi ra thì hôi chịu không nổi.

"Ăn rồi đòi nữa, nào thấy no lâu". Món gì ngon thì để dành lại, nếu trưa chiều mà không dọn lên thì hỏi : Món hồi sáng đâu rồi ? Đó là diễn tả sở thích ăn thịt cá hoặc các loài vật, chim chóc v.v.... Đến hoàn cảnh bắt buộc phải đi chùa ăn chay thì :

*Hoặc đến đàn chay, cầu thân lễ Phật;
Cố cam bụng đói, đợi lúc việc xong.*

Phải đi chùa để cầu cúng theo lệnh của cha mẹ, ông bà thì rán tới, tới thì cam bụng đói để đợi xong việc đặng về nhà ăn cho ngon chớ ở chùa ăn không được.

*Sáng sớm ăn chay, cơm ít nước nhiều;
Giống hệt người đau gắng nuốt thuốc cháo.*

Ăn chay thì gượng ăn thôi, nuốt cơm không trôi, chỉ húp một chút canh cho đỡ dạ, nên cơm ít nước nhiều. Ăn chay giống như là uống thuốc không có gì ngon, vì vậy mà ăn lếu láo để về nhà ăn lại.

*Mắt đầy mỡ thịt, cười nói hân hoan,
Rượu chuốc com mời, nóng thay nguội đối.*

Bữa nào thấy những thức ăn có thịt cá tươi ngon đầy bàn thì cười nói hân hoan, cho nên đến bàn ăn mà vui vẻ là nhờ những thức ăn vừa ý đầy bàn. Nếu đến bàn ăn thấy toàn là những thứ không thích hẳn là không vui chút nào. Trong các bữa tiệc luôn luôn là mời ăn mời uống, đem món nóng lên, đổi món nguội xuống v.v...

*Bày tiệc đãi khách, cưới gả cho con,
Giết hại chúng sanh, vì ba tấc lưỡi.*

Nghĩa là giết lợn bò, gà vịt để làm tiệc, đều gốc từ cái lưỡi ba tấc này (nói theo tấc ta ngày xưa). Đó là diễn tả lỗi thích ăn ngon, không ưa dở của lưỡi.

Tiếp đến là lỗi hay nói của lưỡi :

*Nói dối bày điều, thêu dệt bịa thêm,
Hai lưỡi bồng sanh, ác khẩu dấy khởi.*

Hoặc nói dối bày điều tức là nói không có lẽ thực, hoặc chuyện như thế này mà thêu dệt tô điểm thành thế khác, hoặc nói hai lưỡi, tới người này thì chê gièm người kia, tới người kia thì chê gièm người này làm cho người hờn giận nhau, hoặc nói những lời dữ, lời hung ác. Từ lưỡi sanh ra bốn tội nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói ác khẩu.

*Chửi mắng Tam Bảo, nguyên rửa mẹ cha ;
Khinh khi Hiền Thánh, lừa dối mọi người.*

Đây là chỉ những đứa con bất hiếu không kể gì cha mẹ, không kể gì Phật pháp nên có những lời nói dữ, khinh chê Hiền Thánh, lừa dối mọi người.

*Chê bai người khác, che giấu lỗi mình ;
Bàn luận cố kim, khen chê này nọ.*

Bệnh của chúng ta là bệnh chê người khen mình, hoặc giấu lỗi mình, bươi móc lỗi người. Dù ai hay mấy mà người ta khen trước mặt mình, mình cũng khó chịu, nên có lần tôi nói một câu mà tôi còn nhớ : Nghe người khen bạn mình trước mặt mình mà không đổi sắc mặt, đó là người can đảm. Thí dụ hai người bạn cùng làm một việc mà người xa lạ lại khen bạn mình nức nở, mà không nói đến mình, mình phải can đảm lắm mới giữ được sắc mặt bình tĩnh. Trái lại nếu họ khen mình, chê bạn mình thì chắc mình dễ chịu hơn ! Giấu cái dở của mình và bươi móc lỗi người thì người tức bươi lại lỗi mình rất cuộc cả hai đều xấu. Con người mê muội dễ có hai bệnh này.

*Khoe khoang giàu có, lừng nhục người nghèo;
Xua đuổi Tăng Ni, chửi mắng tôi tớ*

Nếu mình khá giả thì tới đâu cũng khoe, thấy ai nghèo hèn hơn thì khinh chê, lảng nhục họ. Đố với Tăng Ni thấy chỉ có ăn hại, không có lợi gì, nên tới nhà là duỗi di. Tôi tớ làm gì không vừa ý thì chửi mắng.

*Lời gièm thuốc độc, nói khéo tiếng đàn ;
Tô vẽ điều sai, nói không thành có.*

Lời gièm pha là một thứ thuốc độc. Còn lời nói khéo nói xảo, vuốt ve nghe như đàn êm tai. Những điều đúng phải mà tô vẽ thành trái quấy, việc không mà nói thành có, đó là lối nói tạo cho người hiểu lầm lẽ thật.

"Oán hờn nóng lạnh, phỉ nhổ non sông". Trời nóng quá cũng tức, lạnh quá cũng không ưa, không biết chuyện thời tiết nóng lạnh là lẽ thường. Phỉ nhổ non sông là có khi mình cũng bực bội tức tối cả núi sông.

"Tán dóc tăng phòng, ba hoa Phật điện". Lẽ ra tối đến về liêu phòng im lặng ngủ, nhưng hai ba người giùm lại tán dóc đủ chuyện. Điện Phật là chỗ cung kính trang nghiêm, mà lên đó còn ba hoa nói chuyện ồn náo.

*Những tội như thế, vô lượng vô biên ;
Ví như cát bụi, đếm không thể cùng.*

Tội của lưới quá nhiều ! Từ ăn uống đến nói năng, lưới tạo đủ các tội nhiều như cát bụi đếm không thể hết. Thế nên mỗi ngày đêm chúng ta phải rán tu hành cho bớt tội lỗi của nghiệp lưới.

*Sau khi mạng chung, vào ngục bạt thiết ;
Cày sắt kéo dài, nước đồng rót mãi.*

Sau khi chết rơi xuống địa ngục tên bạt thiết, nơi đó lưới bị kéo dài ra, rồi bị cây bằng sắt cháy đỏ cày lên trên, lại bị nước đồng sôi rót vào trong miệng. Ăn uống như vậy để bù lại vị ngon và lời nói sai quấy ở thế gian.

*Quả báo hết rồi, muôn kiếp mới sanh ;
Dù được làm người, lại bị cầm bặt.*

Quả báo ở địa ngục hết rồi, phải trải qua bao nhiêu kiếp mới được sanh trở lại làm người. Dù được làm người, do dư báo vẫn bị bịnh cầm ngưng. Vì lỗi của lưới mà phải chịu khổ trong địa ngục, đến khi trở lại làm người vẫn còn bị khổ ở thế gian.

*Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ ;
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.*

Hôm nay thành tâm sám hối những lỗi lầm do lưới tạo ra cho được sạch hết, và phải luôn nhớ không còn nói những lời tổn phước, tổn đức, gây đau khổ cho người và vật.

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

*Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia.*

CHÍ TÂM TÙY HỖ

*Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thêm thang thập địa nguyện sớm lên,
Bỏ để chơn tâm không lui sụt.*

CHÍ TÂM HỒI HƯƠNG

*Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thẳng nhơn này thành Chánh giác.*

Những bài này đã giảng.

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

*Một nguyện ăn no vị vô thượng,
Hai nguyện nhả hết vị trần tanh,
Ba nguyện biện tài trừ các hoặc,*

*Bốn nguyện thích nói độ quần sanh.
Năm nguyện đọc hết kho vô tận,
Sáu nguyện sông pháp uống cạn khô,
Bảy nguyện sớm nhận Đại Ngu thố,
Tám nguyện nhanh đồng Lâm Tế thanh.
Chín nguyện lưỡi dài cùng Phật phủ,
Mười nguyện trong sạch như trời xanh,
Mười một nguyện thế gian không cảm ngọn,
Mười hai nguyện địa ngục hết trâu cày.*

"Một nguyện ăn no vị vô thượng". Vị vô thượng là pháp vị. Nghe kinh học đạo đầy đủ gọi là ăn no vị vô thượng.

"Hai nguyện nhả hết vị trần tanh", nghĩa là phải nhả sạch những vị hôi hám của trần tục. Đó là nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói hung ác, khinh chê cha mẹ, khinh chê Tam Bảo, nói những lời lỗi lầm v.v..., tất cả những vị trần tanh đó phải nhả ra hết.

"Ba nguyện biện tài trừ các hoặc", nguyện được biện tài vô ngại để trừ các mê lầm cho chúng sanh.

"Bốn nguyện thích nói độ quần sanh". Nguyện thích nói pháp để độ quần sanh, chớ không phải được biện tài vô ngại rồi vào núi ở một mình, vì như vậy là tiêu nha bại chủng.

"Năm nguyện đọc hết kho vô tận", là nguyện đọc hết Tam tạng giáo điển không thiếu sót.

"Sáu nguyện sông pháp uống cạn khô", giáo pháp Phật như con sông lớn, nguyện uống cạn hết giáo pháp.

"Bảy nguyện sớm nhận Đại Ngu thô". Thỏ là thổ thiết, tức là le lưỡi. Đây là chỗ tôi nghi vì đọc trong sử không thấy Ngài Đại Ngu le lưỡi, mà chỉ có Ngài Hoàng Bá le lưỡi thôi, để sau sẽ khảo lại. Ngài Hoàng Bá le lưỡi lúc nào ? Khi Ngài định đến Giang Tây thì nghe tin Mã Tổ đã tịch, Ngài mới tìm đến Ngài Bá Trượng. Ngài hỏi : Khi ở chỗ Mã Tổ Hoa Thượng nhân cái gì mà thấy được đạo ? Ngài Bá Trượng thuật lại sau khi bị một tiếng hét đến ba ngày tai còn điếc, từ đó đến nay Ngài không quên. Nghe nói như thế Ngài Hoàng Bá le lưỡi. Ngài Bá Trượng nói : Ông nhận như vậy là nhận ở Mã Tổ hay nhận nơi ta ? Ngài Hoàng Bá thưa : Nếu con là đệ tử Mã Tổ thì sau này không có con cháu nữa. Như vậy do Tổ Bá Trượng kể lại mà Ngài nhận hiểu nên Ngài là đệ tử của Tổ Bá Trượng. Vậy cái le lưỡi là nói lên nhân nghe một câu mà nhận được chỗ đại cơ đại dụng của người xưa.

"Tám nguyện nhanh đồng Lâm Tế thanh", Ngài Lâm Tế hét một tiếng mà ngộ được là căn cơ nhanh

chóng, nên nguyện mình được nhanh như tiếng hét của Lâm Tế, vừa hét là ngộ.

"Chín nguyện lưỡi dài cùng Phật phủ". Trong Kinh Di Đà kể đức Phật le lưỡi phủ hết mặt. Tại sao ? Theo tinh thần trong Kinh dạy : Người không nói dối thì được tướng lưỡi rộng dài. Sở dĩ lưỡi đức Phật le ra phủ tới mí tóc tức là phủ hết mặt vì ba đời Ngài chưa từng nói dối. Lưỡi chúng ta ngắn quá chắc là ít có nói thật ! Chín nguyện được như Phật lưỡi rộng dài phủ trùm tới mí tóc.

"Mười nguyện trong sạch như trời xanh", nguyện tâm hồn mình trong sạch như bầu trời trong xanh không gợn mây.

"Mười một nguyện thế gian không cảm ngộ". Đây là lợi tha. Biết tu về lưỡi rồi thì nguyện cho tất cả mọi người thế gian cùng biết tu để hết nghiệp nói gian dối, đời sau không mang bịnh cảm ngộ.

"Mười hai nguyện địa ngục hết trâu cày", tức là nguyện không còn ai nói dối nói ác độc để phải đọa vào địa ngục bạt thiết bị trâu cày trên lưỡi.

Điểm đặc biệt của Ngài Trần Thái Tông là nói về căn nào thì có nguyện của căn ấy. Nói về tai có nguyện của tai, nói về mũi có nguyện của mũi, nói về lưỡi thì cũng nguyện cho mình và mọi người được lưỡi như thế nào, khỏi những cái khổ về lưỡi v.v...

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

*Ngày sáng mất rồi đêm tối đến,
Đường đêm mờ mịt lại mịt .nò.
Uống công đốt đuốc cho người khác,
Chẳng chịu mỗi đèn chính nhà mình.
Chậm chậm vâng ô vờ khuất núi,
Từ từ bóng tỏ biển đông lên.
Chết sống xoay vần đều như thế,
Sao chẳng qui y Phật Pháp Tăng.*

Qua bốn câu đầu bài kệ Ngài nhắc :

Hết sáng đến tối, trên đường mờ mịt lại thêm trời tối mịt mờ. Hai lớp mờ tối, lại lo đốt đuốc cho người mà không chịu mỗi đèn nhà mình cho sáng. Kinh Tam Bảo Giám có câu nói tương tự : "Nhon nhon tự tảo môn tiền tuyết, Bất vị tha nhon ốc thượng sương". Mỗi người tự quét tuyết trên cổng của mình, đừng nghĩ tới sương đọng trên nhà người. Chúng ta có bệnh ngược lại, muốn quét sương trên nhà người mà không chịu quét tuyết trên cổng nhà mình. Thế nên Ngài Trần Thái Tông bảo mỗi người hãy rán đốt đèn nhà mình cho sáng đừng lo đốt đuốc nhà người. Chúng ta không thấy rõ được cái hay dở, tốt xấu của chính mình, nhưng lại có thói quen nhìn người khác để phê bình. Tại sao không chịu khó nhìn lại mình ? Biết được cái

hay dở tốt xấu của mình có lợi là để chúng ta tu tập. Còn chuyện của người dù thấy nhưng chưa chắc chúng ta làm được gì cho họ. Vậy từ nay chúng ta chịu khó mỗi đèn nhà mình, dùng thấp đức nhà người nữa.

*Châm chậm vãng ô vừa khuất núi,
Từ từ bóng tỏ biển đông lên.
Chết sống xoay vẫn đều như thế,
Sao chẳng qui y Phật Pháp Tăng.*

Mặt trời từ từ khuất núi, bóng tỏ từ từ lên, tức là sáng rồi chiều, chiều rồi tối. Như vậy ngày qua đêm lại, hết tháng hết năm. Ngày tháng xoay vẫn đều đều thì sự vô thường già chết duỗi gấp tới một bên, còn gì nữa mà chần chờ, sao không hướng về Phật Pháp Tăng qui y để tu hành ? Đó là lời nhắc nhở của Ngài.



DÂNG HƯƠNG NỬA ĐÊM

"Cúi mong, đồng hồ canh ba chuyển, muôn tiếng nhạc lặng im. Chúng tăng hòa hợp trước nghiêm đàn, một nén hương thơm trùm pháp giới. Hương này trời đất sanh thành, công vun trồng chẳng phải một đời, do bảo hộ trăm thần mà được. Cội rễ tốt tươi, mãi nhờ mưa pháp thấm nhuần. Thể chất thanh cao, hằng được mây từ che mát. Gió lặng, chớ đem cây thường so sánh, mùi thơm nào phải kẻ phàm hay. Cắm trong lu vàng, mảnh mảnh vừa châm vào ngọn lửa, kết thành lọng báu tầng tầng, bay thẳng tận mây ngàn. Dùng làm lễ nghi trước Phật, mong nêu lòng tin kẻ phàm. Nay lúc nửa đêm, thắp hương cúng dường".

Trong bài dâng hương này, Ngài Trần Thái Tông diễn tả hương kỳ đặc của tâm thanh tịnh, không phải hương thường của thế gian.

"Đồng hồ canh ba chuyển, muôn tiếng nhạc lặng im. Chúng tăng hòa hợp trước nghiêm đàn, một nén hương thơm trùm pháp giới". Đồng hồ đã điểm canh ba, tất cả tiếng nhạc bên ngoài đều im lặng, khi ấy chúng tăng hòa hợp trước điện Phật thắp hương cúng dường. Nén hương này thơm trùm

pháp giới, ở thế gian không có hương nào thơm hơn, đây là chỉ hương của tâm thanh tịnh.

"Hương này trời đất sanh thành, công vun trồng chẳng phải một đời, do bảo hộ trăm thần mà được". Hương này là hương của tâm thanh tịnh do trời đất sanh thành, phải nhờ sự ủng hộ của chư thần trong nhiều đời nhiều kiếp mới được.

"Cội rễ tốt tươi, mãi nhờ mưa pháp thấm nhuần. Thể chất thanh cao, hằng được mây từ che mát". Cội rễ của cây hương sở dĩ được tươi tốt là nhờ mưa pháp thấm nhuần. Chính trong khi học kinh nghe pháp là lúc được mưa pháp thấm nhuần, nên hương này thể chất thanh cao, hằng được mây từ che mát.

"Giống lạ, chớ đem cây thường so sánh, mùi thơm nào phải kẻ phàm hay". Cây hương này là giống lạ, không thể đem so sánh với những loại cây thường. Mùi thơm của hương người phàm không ngửi được, chỉ có những bậc Thánh Hiền mới ngửi được. Vì sao ? Vì hương này phát nguồn từ tâm thanh tịnh.

"Cắm trong lư vàng, mảnh mảnh vừa châm vào ngọn lửa, kết thành lọng báu tầng tầng, bay thẳng tận mây ngàn". Khi thắp cây hương, vừa châm vào lửa, có những tầng khói bay lên tận mây ngàn. Hương này dùng làm gì ?

"Dùng làm lễ nghi trước Phật, mong nêu lòng tin kẻ phàm". Về sự là thắp hương cúng dường Phật, về lý là thắp hương của nội tâm, hương của tâm hồn trong sáng thanh tịnh. "Nay lúc nửa đêm thắp hương cúng dường".

KỆ DÂNG HƯƠNG

*Trầm thủy, rừng thiên hương sực nức,
Chiên đàn, vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thắm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.*

KỆ DÂNG HOA

*Tâm địa mở ra, hoa nó rộ,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành đóa đóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.*

HIẾN DÂNG HƯƠNG HOA RỜI BẠCH

"Nguyện mây hương hoa này, khắp cả mười phương cõi, cúng dường tất cả Phật, tôn Pháp chư Bồ Tát, vô lượng chúng Thanh văn và tất cả Thánh Hiền ; vừa rời đài Quang minh, qua cõi nước vô biên, trong vô biên cõi Phật, nhận dùng làm Phật sự, xông khắp các chúng sinh, đều phát tâm Bồ đề.

Cúng dường rồi, chí tâm qui mạng lễ mười phương Vô thượng Tam Bảo".

(Những đoạn này đã giảng ở trước).

TÂU BẠCH

(Lại niệm hương quy bạch : Cầm hương quy bạch)

"Kính bạch, mười phương Đại Giác, ba đời Hùng Sư. Duỗi tay vàng tiếp độ quần sinh, phóng sáng ngọc soi cùng các cõi. Trộm nghe, giờ vừa sang tý, đêm đã nửa rồi. Ngọn đèn đĩa bạc đã hầu tàn, đường sá trong thành đều lắng bụi. Mấy trận gió mây sanh muôn dặm, một vầng trăng sáng gội canh ba. Lua thưa rừng trúc rây vàng, lấp lánh hoa sân vờn ngọc. Hạc oán lặng thình nơi trưởng huệ, vượn buồn kêu mãi chốn rừng tùng. Xa xôi Sâm, Đẩu trái ngân hà, vắng vẻ quỷ thần khóc đồng nội. Cuộc kêu thống thiết, mộng điệp say mê. Thân huyễn lẽ loi trong rừng rậm, mộng hồn giông ruổi ngàn dặm trường. Cam chịu ma quỷ quấy rầy luôn, đâu biết được trí hằng sáng rực. Ngoài nhà thần phách lạc hồn bay, trong hang quỷ tròng che mắt nhắm. Chỉ thích tham mê ngủ nghỉ, đâu biết ném vị chơn như. Hạng ừ một giấc ngon đến sáng, nào ngại trăm năm cơn chết chờ.

Các Phật tử ! Phải nhớ bốn rấn bức bách, chớ quên hai chuột gặm mòn. Luân hồi ba cõi chùng nào thôi, quanh quẩn bốn loài bao giờ hết ? Đường vãng sanh nên bước, cần vin xe dẫn ra. Nào là chỗ lao quan, quyết định đêm nay phá vỡ. Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ nửa đêm”.

Bài tâu bạch này rất hay về văn chương lẫn ý nghĩa.

"Kính bạch, mười phương Đại Giác, ba đời Hùng Sư. Duỗi tay vàng tiếp độ quần sinh, phóng sáng ngọc soi cùng các cõi". Đây là lời tâu bạch với đức Phật, đấng Đại Giác, Đại Hùng, Đại Lực. Đức Phật duỗi cánh tay vàng để tiếp độ quần sanh. Như chúng ta thường thấy tượng Phật Di Đà đứng trên đám mây duỗi tay xuống để cứu vớt chúng sanh đang lặn hụp trong biển khổ. Phật Thích Ca và tất cả chư Phật cũng vậy, các Ngài lúc nào cũng duỗi tay tiếp đón mà chúng sanh cứ mãi mê ngụp lặn không chịu dựa tay.

Khi thuyết pháp, Phật thường phóng hào quang chỗ sợi lông trắng ở giữa chặng mày, gọi là bạch hào, soi sáng tất cả cõi, để nhắc nhở chúng sanh mau thức tỉnh trở về. Duỗi tay vàng là thể hiện lòng từ bi tiếp độ, phóng sáng ngọc là phóng ánh sáng trí tuệ soi đường cho mọi người được tỏ rạng. Đó là tinh thần từ bi cứu khổ của đức Phật.

"Trộm nghe giờ vừa sang tý, đêm đã nửa rồi Ngọn đèn đĩa bạc đã hầu tàn, đường sá trong thành đều lảng bụi". Giờ tý canh ba là nửa đêm. Đêm đã về khuya, ngọn đèn bằng đĩa bạc thấp trong nhà sang trọng lần lần tàn lụi. Ngoài đường ngựa xe đều nghỉ nên đường sá lảng bụi.

"Mấy trận gió mây sanh muôn dặm, một vầng trăng sáng giọi canh ba. Lua thưa rừng trúc rây vàng, lấp lánh hoa sân vờn ngọc". Mấy trận gió thổi mây bay đi muôn dặm, nhìn lên trời chỉ thấy một vầng trăng sáng giọi xuống lúc canh ba. Rừng tre rừng trúc có những chỗ thưa hở, ánh trăng xuyên qua giống như rây những tia vàng rơi xuống. Ngoài sân ánh sáng trắng lấp lánh, gió đùa hoa như vờn ngọc. Đây là cảnh nửa đêm trăng sáng có vườn trúc lung lay, hoa sân vờn ngọc.

"Hạc oán lặng thình nơi trướng huệ, vượn buồn kêu mãi chốn rừng tùng". Con hạc không biết oán hận ai mà đêm khuya lặng thình không kêu nữa, trong màn trướng người người đều yên giấc. Các con vượn buồn ai mà kêu mãi trong rừng tùng. Đây là diễn tả cảnh buồn đêm khuya.

"Xa xôi Sâm, Đẩu trái ngân hà, vắng vẻ qui thần khóc đồng nội". Trên trời cao, sao Sâm sao Đẩu trái dải Ngân Hà. Sâm tức là tên một ngôi sao trong nhị thập bát tú (hai mươi tám

vì sao). Đẩu là tên một chùm sao gồm có : Nam Đẩu (sáu ngôi sao), Bắc Đẩu (bảy ngôi sao), Tiểu Đẩu (năm ngôi sao), gọi sao Đẩu phần nhiều là để chỉ sao Bắc Đẩu. Ngoài đồng nội vắng vẻ điu hiu đường như quỷ thần đang khóc.

"Cuộc kêu thống thiết, mộng điệp say mê. Thân huyền lẽ loi trong rừng rậm, mộng hồn giông ruổi ngàn dặm trường". Chim cuộc kêu thống thiết ngoài lùm bụi, nơi phòng người đang say mê trong giấc điệp. Thân huyền hóa nằm một mình nơi thôn xóm, mà hồn mộng đi xa ngoài ngàn dặm. Thí dụ như đêm khuya thân nằm trên núi, mà mộng hồn đi tới thành phố Sài Gòn.

"Cam chịu ma quỷ quấy rầy luôn, đâu biết được trí hằng sáng rực. Ngoài nhà thần phách lạc hồn bay, trong hang quỷ tròng che mắt nhắm". Chúng ta cam chịu ma quỷ quấy rầy làm cho say mê, đâu biết rằng ngay khi mê được trí hằng sáng rực nơi mình. Muốn chiến thắng ma quỷ, chúng ta phải thấp lên ngọn đuốc trí, nghĩa là phải chịu khó ngồi dậy đi rửa mặt, tréo chân ngồi kiết già, không được nằm ì nhắm mắt, ma quỷ sẽ làm cho mình mê say tăm tối, hồn phách tản mát dạo chơi. Khi bị tối tăm, nhà Thiên gọi là ở trong hang quỷ. Giả sử đang ngồi thiền nhắm mắt, lâu lâu gật một cái, lúc đó tuy ngồi tại Thiên đường, nhưng chúng ta

đang sống trong hang quỷ, nên nói : "Trong hang quỷ trông che mắt nhắm", nghĩa là khi mắt nhắm trông mắt bị che bít nên ngủ say sưa như ở trong hang quỷ. Lúc đó chúng ta không còn đang hoảng tỉnh táo, không còn khôn ngoan làm chủ được mình, thật là đáng buồn. Chúng ta đi tu ai cũng muốn được giác ngộ thành Phật. Vậy chúng ta phải chiến thắng ma quỷ, thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ, quyết ra khỏi hang quỷ mê mờ u tối.

"Chỉ thích tham mê ngủ nghỉ, đâu biết nếm vị chơn như". Nếu chỉ ham thích ngủ nghỉ, thì không nếm được vị chơn như. Được ngồi yên tỉnh táo, hoàn cảnh chung quanh đều im lặng, chính khi ấy chúng ta mới nếm được vị chơn như. Còn nằm nhắm mắt ngủ khò, đó là vị say của ma quỷ.

"Ham ưa một giấc ngon đến sáng, nào ngại trăm năm con chết chò". Câu này thật là buồn. Chúng ta ham mê ngủ nghỉ, nằm xuống đánh một giấc ngon tới sáng, thật là thích thú, nhưng nào ngờ con chết đang chực sẵn bên mình. Thế nên ngủ ít, ngủ thiếu để lo giải quyết chuyện sanh tử, nếu mê ngủ hoài thì ai giải quyết cho mình ? Đó là lời nhắc nhở để đánh thức chúng ta không nên mê nữa.

"Các Phật tử ! Phải nhớ bốn rần bức bách, chớ quên hai chuột gặm mòn". Đây là điển tích trong

nhà Phật. Bốn rắn bức bách tức là "tứ xà đồng niếp", nghĩa là bốn con rắn nhốt chung trong một cái chậu. Trong Kinh Niết Bàn, đức Phật nói : Ngày xưa có một người nuôi bốn con rắn độc chung trong một chậu lớn, chúng không ưa nhau nên cắn lộn mãi, người nuôi phải đem đủ thức ăn và phải điều hòa chúng. Cứ như thế mà lo cho đảo để, đến một hôm cái chậu ngã lăn, mấy con rắn chạy tứ tán, mỗi con một nơi, người nuôi chơi với kiếm bốn con rắn khác nuôi nữa. Cứ nuôi như vậy một lần, hai lần đến cả trăm ngàn lần, thật là đáng thương cho người đó vì họ làm việc của dã tràng, ra công sức để làm, kết quả hoàn tay không. Người thích nuôi bốn rắn đó là ai ? Là người mê hay tỉnh, ngu hay sáng ? Nếu là người sáng suốt, khi bốn con rắn không ưng ở chung mỗi con muốn đi mỗi ngả, mình chỉ cười thôi, cười vì hết nợ, không còn ra công nuôi nấng nhọc nhằn và can ngăn để giảng hòa chúng nữa. Bốn con rắn ấy là : Rắn hổ đất, rắn nước, rắn hổ lửa, rắn hổ mây ; nếu nhốt chung lại một chỗ, chúng nó cắn lộn lẫn áp lẫn nhau cho nên chúng ta phải kiếm đất bỏ vào, lấy nước tươi vào.... cả ngày cực khổ, cứ như thế làm suốt đời, suốt kiếp. Thế mà khi bốn rắn sắp ly tán chúng ta lại than van khóc tiếc, thật là dại khờ. Đức Phật dùng thí dụ này để chỉ trong cuộc sống nếu chúng ta cứ theo

đuổi giữ gìn thân tứ đại thì uống đi một kiếp không có lợi ích gì.

"Chớ quên hai chuột gặm mìn". Đây là câu chuyện trong kinh, Phật dùng để thí dụ : Có người tử tội, nhà vua cho quân lính áp dẫn ra rồi thả hai con voi tới để giày xác, người ấy cầm đầu chạy, hai voi đuổi nà theo. Bất chợt bên đường ông thấy một cái giếng cạn nên vội nhảy xuống để trốn. Dưới đáy giếng có ba con rồng đang phun lửa, ông hoảng sợ vội chụp sợi dây bìm bìm thông xuống gần bên và phẫn lẩn lên. Khi còn đeo lơ lửng giữa chừng thì chung quanh thành giếng có bốn con rắn độc thè lưỡi ra chực đón ông. Hết lối thoát ông chỉ còn cách đeo sợi dây chờ chết. Trong khi đó, ở trên miệng giếng lại có hai con chuột, một trắng một đen, chạy qua chạy lại gặm nhấm sợi dây, thật nguy hiểm biết dường nào ! Thế mà bất thần có bấy ong mật bay ngang qua làm rớt năm giọt mật, người tử tội liếm được mật thích quá, say mê quên cả nguy hiểm đang chực sẵn bên mình.

Qua thí dụ trên đức Phật muốn nói lên điều gì ? Tất cả chúng ta sanh ra có phải là những người mang án tử hình không ? Có sanh thì nhất định có tử, cho nên người tử tội là dụ cho án tử hình của mỗi người chúng ta. Hai con voi đuổi theo là dụ cho hành khổ và hoại khổ. Hành khổ tức là

khổ vì vô thường, từng sát na thay đổi. Hoại khổ tức là khổ vì tan hoại. Hai khổ này theo đuổi thân chúng ta, nên Phật dụ hai con voi ruột đuổi người tử tội. Khi chạy trốn hai voi, người tội lại nhảy xuống giếng gặp ba con rồng đang phun lửa. Ba con rồng là dụ cho tam độc (tham sân si) đang thiêu đốt chúng ta. Muốn tránh ba độc, phải phẫn sợi dây leo lên. Đang ở nửa chừng giếng có bốn rắn ló đầu ra chực cắn. Bốn rắn là dụ cho tứ đại, lúc nào cũng tranh giành chống trái lẫn nhau. Người tử tội chỉ còn đeo sợi dây, dụ cho sinh mạng hay tuổi thọ của mình. Hai con chuột chạy qua chạy lại gặm nhấm sợi dây là dụ cho ngày và đêm, ngày qua đêm lại, tuổi thọ của mình mòn dần, đến một hôm nào sợi dây đứt thì rớt xuống giếng tan thân mất mạng. Nhưng lúc đó bất thần có mấy con ong làm rơi năm giọt mật, người tử tội liếm mật say mê quên hết khổ sở hiểm nguy. Năm giọt mật là dụ cho ngũ dục, theo nghĩa thông thường thế gian ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thụ, tức là tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ kỹ. Theo nhà Phật, ngũ dục là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Năm dục làm cho chúng ta say mê quên lửng mình đang sống trong nguy hiểm cơ cực tột cùng. Chúng ta phải quyết tâm thoát khỏi hiểm nguy cho kỳ được, đó mới là người thức tỉnh.

Thí dụ trên cho chúng ta thấy cuộc sống của mình lúc nào cũng bất an, hiểm nguy đang chực sẵn, mà ít người nhớ tới. Khi cơn vô thường chợt đến, chúng ta than khóc khổ đau. Nếu là người sáng suốt thì vô thường là chuyện đương nhiên, không có gì phải than van nuối tiếc.

"Luân hồi ba cõi chừng nào thôi, quanh quẩn bốn loài bao giờ hết?" Nếu chúng ta say mê theo năm giọt mật thì luân hồi trong ba cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới không biết lúc nào thôi, lên xuống trong lục đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, A tu la, Trời đến bao giờ mới dứt? Đây là câu hỏi làm cho chúng ta thức tỉnh.

"Đường vãng sanh nên bước, cần vin xe dẫn ra". Đường vãng sanh không phải hiểu theo nghĩa vãng sanh Tịnh độ, mà ở đây muốn nói đến con đường giải thoát, đường này chúng ta phải gấp bước. "Cần vin xe dẫn ra" là nhắc đến phẩm Thí dụ trong Kinh Pháp Hoa. Trong căn nhà lửa đang cháy hừng hực, các con ông Trưởng giả không hề hay biết, cứ say mê vui chơi đùa giỡn, không chịu chạy ra. Ông Trưởng giả thương xót mới tìm phương tiện dẫn dụ các con, đặt ra ba chiếc xe là xe dê, xe hươu, xe trâu. Nhờ ham xe nên chúng nó chạy ra khỏi nhà lửa. Nhưng khi các con chạy ra khỏi,

ông Trưởng giả chỉ cho xe trâu trắng trang hoàng lộng lẫy, màn trướng phủ che, tôi tớ hầu hạ... quá sự mơ ước của các con. Đây là để nói chúng ta đang quanh quẩn trong nhà lửa tam giới, muốn thoát ra phải nương ba xe dụ cho ba thừa : Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát. Thật ra chỉ Phật thừa là cứu cánh, được tượng trưng bằng xe trâu trắng.

"Nào là chỗ lao quan, quyết định đêm nay phá vỡ". Lao quan là chỗ ngục tù giam hãm, ngay trong đêm nay chúng ta quyết phá vỡ để vượt ra. Trong nhà Thiên, tông Lâm Tế thường nói đến Tam quan, tức là : Tổ sư quan, trùng quan và lao quan, nghĩa là chúng ta tu hành cốt phải vượt khỏi tất cả cửa ải trở ngại để đến chỗ giác ngộ viên mãn. Đây là Ngài Trần Thái Tông muốn nhắc ngay trong đêm tối đang ngủ ngon này, chúng ta phải gan dạ thức dậy tu hành để vượt khỏi những trói buộc giam hãm chúng ta trong ngục tù tam giới.

"Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ nửa đêm".

SÁM HỐI TỘI CĂN THÂN

Chí tâm sám hối,

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,

Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.

*Roi ba đường khổ, bói sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.*

Đây là lời sám hối tổng quát của các căn để nhắc rằng từ thuở nào đến giờ chúng ta đã quên mất bản tâm, không biết con đường chánh, vì vậy mà lẩn quẩn trong ba đường khổ : Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Sở dĩ như thế là vì sáu căn chúng ta sai lầm tạo nghiệp. Nay chúng ta phải sám hối những lỗi trước đã làm, mới có thể tránh được những lỗi sau này.

NGHIỆP CĂN THÂN LÀ :

*Tình cha huyết mẹ, chung hợp nên hình ;
Năm tạng trăm hài, cùng nhau kết hợp.
Chấp cho là thật, quên mất pháp thân ;
Sinh dâm, sát, trộm, bèn thành ba nghiệp.*

Thân hình chúng ta do tình cha huyết mẹ hợp thành, trong đó năm tạng trăm hài kết lại cùng nhau. Năm tạng là : Tâm, can, tì, phế, thận, trăm hài là chỉ các đốt xương. Thật ra khi ngồi tu, chúng ta nhìn lại thân này thật buồn cười. Nó chỉ là một cái sườn bằng xương, cột dính lại bằng những sợi gân, rồi tô đắp bằng máu thịt, bên ngoài bọc một lớp da, gọi đó là thân. Thân người là sự kết hợp như vậy, lại "chấp cho là thật, quên mất pháp

thân". Vì chấp thân mình là thật, nên sinh ra các tội, nào là dâm, sát và trộm tạo thành ba nghiệp.

1.- NGHIỆP SÁT SANH LÀ :

*Luôn làm bạo ngược, chẳng khởi nhân từ ;
Giết hại bốn loài, đâu biết một thể.*

Chúng ta luôn luôn làm những điều bạo ngược mà không khởi lòng nhân, thường giết hại bốn loài, đâu biết chúng cùng một thể. Bốn loài là : Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, tất cả những loài đó chúng ta đều giết hại, đâu biết rằng về mặt vật chất, chúng cũng từ từ đại hợp thành không khác gì chúng ta.

*Làm hại cố giết, tự làm dạy người ;
Hoặc tìm thầy bùa, đem về ếm đối.
Hoặc làm thuốc độc, để hại sinh linh ;
Chỉ cốt hại người, không hề thương vật.*

Tâm ác độc của con người luôn luôn là cố hại. Hoặc là giết lầm, hoặc là cố ý, có khi tự mình giết hay dạy người giết, bằng cách này hay cách khác. Làm bùa làm chú hoặc làm thuốc độc, chỉ cốt hại người cho được, không hề thương tưởng.

*Hoặc đốt núi rừng, lấp cạn khe suối ;
Buông chài búa lưới, xuyết chó thả chim.*

*Thấy nghe tùy hý, niệm dấy tương làm ;
Cử động vận hành, đều là tội lỗi.*

Có khi đốt rừng đốt núi làm cho những con vật bị chết thiêu, hoặc lấp cạn các khe suối làm cho tôm cá chết khô. Ở thế gian khi còn mê lầm, mỗi một ngày sống của chúng ta là mỗi một ngày sát hại sinh linh, nghĩa là chúng ta bồi bổ mạng sống của mình bằng thể xác của những con vật. Trong một bữa ăn dù nhà nghèo đi nữa, nếu chúng ta mua những con cá nhỏ nhỏ, ít ra cũng vài ba chục con để dùng cho ngon miệng. Ngày nào cũng như ngày nấy, đều đều như vậy, thì chừng bao nhiêu con vật đã chết vì mình ? Thế là chúng ta chỉ nghĩ tới sự sống của bản thân mà không nhớ đến nỗi khổ đau của chúng. Đó là nói về tội sát sanh.

2.- NGHIỆP TRỘM CẤP LÀ :

*Thấy tài bảo người, thâm khởi tâm tà ;
Phá khóa cạy then, sờ bao mò túi.
Thấy của Thường trụ, lòng dấy khởi tham ;
Trộm của nhà chùa, không sợ thần giân.
Không những vàng ngọc, mới mắc tội to ;
Ngọn cỏ cây kim, đều thành nghiệp trộm.*

Chẳng những trộm của thế gian, mà của chùa nhiều khi những người tham cũng muốn lấy cắp,

không sợ các Long thần Hộ pháp quở rầy. Mắc tội trộm, không phải lấy của nhiều mới là trộm, dù cho một cây kim, một trái ớt, không xin mà lấy, cũng là mang tội.

3.- NGHIỆP TÀ DÂM LÀ :

*Lòng mê nhan sắc, mắt đắm phấn son ;
Chẳng đoái liêm trinh, riêng sanh lòng dục.
Hoặc noi dốt Phật, Chánh điện phòng tăng ;
Cư sĩ gái trai, đụng chạm đùa giỡn.
Tung hoa ném quá, đập cẳng kẻ vai ;
Khoét gạch trèo tường, đều là dâm nghiệp.*

"Cư sĩ gái trai" là chỉ những người cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tiếng Trung Hoa gọi là Cận sự nam, Cận sự nữ, dịch từ chữ Phạn Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di.

Như vậy mê sắc đẹp, không những ở ngoài thế gian, có khi đến chùa những người cư sĩ còn đùa giỡn, có những ý niệm đắm mê nhan sắc, nên tạo nhiều tội lỗi.

*Những tội như thế, vô lượng vô biên ;
Đến lúc mạng chung đều vào địa ngục.
Gái nằm giường sắt, trai ôm cột đồng ;
Muôn kiếp tái sinh, lại chịu tội báo.*

Khi sống do thân này mà tạo ba nghiệp : Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gây nên bao nhiêu tội lỗi. Đến khi chết phải đọa vào địa ngục, người nữ thì nằm giường sắt nóng, người nam thì ôm cột đồng cháy đỏ. Khi hết tội, được sanh làm người, lại chịu các quả báo dư thừa.

*Nếu không sám hối, khó được tiêu trừ ;
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.*

Những lỗi lầm do thân tạo ra, chúng ta đều phải thành tâm sám hối để tiêu trừ ba nghiệp.

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

*Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia (giác).*

CHÍ TÂM TÙY HỖ

*Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang thập địa nguyện sớm lên,
Bỏ Đẻ chon tâm không lui sụt.*

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

*Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành dầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyên đem công đức đến quần sanh,
Nuơng thẳng nhơn này thành Chánh giác.*

(Những đoạn này đã giảng trong các bài trước).

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

*Một nguyện mạng căn chóng thành tuệ,
Hai nguyện thể tướng biến thành chơn,
Ba nguyện gieo mình cầu đại phước,
Bốn nguyện vào lửa ngộ thâm nhân.
Năm nguyện đốt thân đèn Phật đức,
Sáu nguyện ché tủy đáp ơn thầy,
Bảy nguyện xin đầu trọn chẳng tiếc,
Tám nguyện móc mắt cũng là thân.
Chín nguyện thoa hương không có thích,
Mười nguyện cắt thịt chẳng sanh sân,
Mười một nguyện dòi dòi không dấm trước,
Mười hai nguyện kiếp kiếp lìa tục trần.*

Mười hai nguyện này chúng ta đọc lên để thử xem có thành tựu được hay không ?

"Một nguyện mạng căn chóng thành tuệ". Chúng ta nguyện cho mạng căn được chóng thành trí tuệ, gọi là giới thân tuệ mạng, tức là lấy trí tuệ làm mạng, chớ không phải lấy cuộc sống làm mạng.

"Hai nguyện thể tướng biến thành chơn". Nguyện thể tướng vô thường tạm bợ này biến thành thể chân thật, tức là pháp thân.

"Ba nguyện gieo mình cầu đại pháp". Đây là dẫn sự tích trong Kinh Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên, kể lại chuyện Bồ Tát đi học đạo. Người hứa dạy đạo bảo : Nếu muốn được dạy pháp Phật thì phải hy sinh thân mình, nhảy xuống dưới hố rồi lên ta sẽ dạy cho. Bồ Tát vì cầu đại pháp mà chấp nhận xả thân không kinh sợ.

"Bốn nguyện vào lửa ngộ thâm nhân". Bảo nhảy vào lửa cũng nhảy để ngộ được nhân sâu xa.

"Năm nguyện đốt thân đền Phật đức". Vì đền ơn đức Phật nên dù đốt thân mình cũng không tiếc.

"Sáu nguyện chẻ tủy đáp ơn thầy". Chỉ cần biết ơn thầy lo tu hành cũng là khó rồi, huống nữa là chẻ tủy. Người xưa phát nguyện mạnh như vậy, chúng ta ngày nay chỉ đọc lời nguyện thôi, chưa chắc làm được.

"Bảy nguyện xin đầu trọn chẳng tiếc". Dù cho người ta xin cái đầu cũng chẳng tiếc. Như câu

chuyện Tố Sư Tử cho đầu : Vua nước Kế Tân, tay cầm kiếm bén đến hỏi : Ngài thấy năm uẩn đều không chưa ? Tố đáp : Phải, tôi thấy năm uẩn đều không. Vua hỏi : Nếu năm uẩn đều không, cho tôi cái đầu được chăng ? Tố bảo : Năm uẩn đều không, sá gì cái đầu. Tố cho đầu mà chẳng tiếc.

"Tám nguyện móc mắt cũng là thân". Dù móc con mắt của mình cũng là thân chứ không có thù. Trong kinh kể lại : Có một vị Tỷ kheo nguyện xả thân, ai muốn xin phần nào trong thân Ngài cũng cho. Một vị trời hiện thân làm người ngoại đạo tới nói : Tôi muốn xin tròng con mắt của Ngài về làm thuốc. Vị Tỷ kheo liền móc con mắt đưa cho, người ấy cầm tròng mắt quăng xuống đất, lấy chân chà lên. Vị Tỷ kheo liền nổi sân, tưởng đầu cho mắt làm thuốc, mà lại chà đạp lên. Người ngoại đạo liền hiện thân trời Đế Thích nói : Như vậy là Ngài chưa thật cho mà không tiếc. Dù móc mắt cho cũng là thân chứ đừng nổi sân.

"Chín nguyện thoa hương không có thích". Dù cho đem hương thoa thân cũng không thích. Nếu thoa chất gì như nhóp thì chúng ta không bằng lòng, còn đem hương thơm thoa mình, rất khó mà không thích.

"Mười nguyện cắt thịt chẳng sanh sân". Dù bị cắt thịt nguyện cũng không sanh hận. Nhưng chúng

ta bây giờ chỉ dưng đau một chút là kêu la, huống
nữa là cắt da thịt, làm sao chịu nổi.

"Mười một nguyện đời đời không dẫm trước".
Đôi với tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, nguyện
không bao giờ dẫm trước.

"Mười hai nguyện kiếp kiếp lia tục trần".
Nguyện kiếp kiếp không dính với những gì trần tục.

Đây là mười hai nguyện đôi với thân, nếu
chúng ta gan dạ nguyện và làm được như vậy, quả
là người siêu phàm.

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

*Muôn tiếng vừa im bật,
Canh ba trống điểm hồi,
Chìm cuốc kêu thảm thiết,
Giấc mộng mãi mê say.
Cam trong hộc làm kiến,
Tró thành cá trên ao.
Không thể xem trắng mọc,
Chí luyến ái trong hoa.
Quên mất nhà muôn dặm,
Còn tham giấc ngủ thừa.
Chẳng biết thân là huyễn,
Mê muội đến bao giờ.*

Bốn câu đầu diễn tả cảnh nửa đêm lúc canh ba.

"Cam trong hộc làm kiến", tức là cam làm con kiến trong cây hộc. Sự tích như sau : Ngày xưa ở Trung Hoa, có ông Thuần Vu Phần, ngủ trưa dưới gốc cây hộc. Ông nằm mơ thấy mình đến nước Đại Hộc An, làm Thái Thú quận Nam Kha hai mươi năm. Ông được vua nước Đại Hộc An gả Công chúa và sanh được năm trai, hai gái, cực kỳ vinh hiển. Sau ông đánh giặc bị thua, Công chúa chết, vua Đại Hộc An đuổi về quê. Ông chợt tỉnh dậy, thấy mình nằm dưới gốc cây hộc, trên cành hộc phía nam có một tổ kiến. Vì thế nên nói "Cam làm kiến trong hộc". Chúng ta cam say mê trong giấc mộng không chịu thức tỉnh. Cuộc đời chỉ là một giấc mộng dài, không có gì thật, cũng như chàng Thuần Vu Phần hưởng lạc thú trong giấc mộng, giật mình tỉnh giấc thấy mình nằm dưới gốc cây. Đây là hình ảnh rất buồn. Điển tích này trích trong Nam Kha ký của Lý Công Tá.

"Trở thành cá trên ao". Tức là muốn trở thành con cá trên ao. Đây là một sự tích khác.

*Không thể xem trăng mọc,
Chỉ luyến ái trong hoa.*

Nghĩa là chỉ thích làm con sâu trong cái hoa, chứ không muốn được tự do thông thả bên ngoài, cũng như chỉ thích làm kiến trong cây hộc, làm cá trong ao. Vì mê lầm chúng ta đắm trước trong những điều tạm bợ không ra gì, cho nên không thấy được cái đẹp đẽ, cao quý như mặt trăng.

*Quên mất nhà muôn dặm,
Còn tham giấc ngủ thừa.
Chẳng biết thân là huyễn,
Mê muội đến bao giờ.*

Chúng ta đã đi xa muôn dặm quên mất gia hương, lại mãi say sưa trong giấc ngủ, không chịu thức tỉnh. Chẳng biết thân này là tạm bợ huyễn hóa, lại mê muội chấp cho là thật.

Bao nhiêu phiền não dấy khởi đều do chấp thân và cảnh là thật. Vì thế ai chạm tới thân thì bực bội oán thù, ai tước đoạt cảnh mình ưa thích thì giận hờn tức tối. Nếu biết rõ thân chúng ta mấy mươi năm rồi cũng tan hoại, cảnh bên ngoài là tạm bợ giả dối thì phiền não không còn, ba nghiệp đẹp sạch, thế mới là người tỉnh giác.

Đây là lời nhắc nhở của Phật và Tổ, tất cả chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ thực hành để đường tu của mình được trong sáng và tươi đẹp cho đến ngày giác ngộ viên mãn.

DÂNG HƯƠNG CUỐI ĐÊM

"Cúi mong, sao Bắc Đẩu chuyển về phương bắc, giải Ngân hà nghiêng hẳn về tây. Bên gối giấc mộng còn say, trên lầu tiếng sùng vừa dứt. Chúng Tỳ kheo hợp nơi chiếu phạm, trước đức Phật dâng nén hương tin. Hương này giống từ cung nguyệt đem về, trong non rã quán chằng chịt. Dáng hình khác tục, thể chất phi phạm. Vượt xa Tước Đẩu ở nước Ngô, cao hơn Qui Giáp ở Quế Lâm. Nơi đốt không dung lửa sấm, khói bay bèn nhờ gió từ. Nào phải hương phàm hạ phẩm, hẳn là vị lạ thượng phương. Mỏng mỏng tơ bay kết thành diễm tốt, ngạt ngào khí lạ tụ hội duyên lành. Nghi ngút trước ngôi tòa báu, phẳng phất ngoài bức rèm châu. Quay đầu tìm biết, quang minh ngay đó tự nhiên sanh. Thấy mặt ngủ huân. tịch diệt do đây chứng được. Nay lúc cuối đêm, đốt hương cúng dường".

"Sao Bắc Đẩu chuyển về phương bắc, giải Ngân hà nghiêng hẳn về tây. Bên gối giấc mộng còn say, trên lầu tiếng sùng vừa dứt". Đây là chỉ lúc gần sáng, còn đang gối đầu ngủ say thì trên lầu tiếng sùng tức là tiếng tù và vừa dứt. Ngày xưa, gần sáng người ta thổi tù và trong thành phố cho mọi

người thức dậy, cũng như ngày nay có tiếng kèn trong trại lính. Giờ đó :

"Chúng Tỳ kheo họp nơi chiếu phạm, trước đức Phật dâng nén hương tin". Phạm là thanh tịnh. Nghĩa là ở trước Phật trải chiếu, chúng Tỳ kheo tụ hội lại chuẩn bị tụng kinh, tọa thiền, trước Phật dâng nén hương gói gắm tất cả lòng tin. Tỳ kheo hay Bí sô, Bí su là phiên âm từ chữ Phạn Bhiksu, nhưng sau này dùng chữ Tỳ kheo làm chánh. Tỳ kheo có ba nghĩa : Khất sĩ, bố ma và phá ác. Nghĩa thông dụng nhất là khất sĩ, tức là kẻ ăn mày. Một là ăn mày lương thực của Phật tử, hai là ăn mày chánh pháp của Phật. Vì người tu cần giữ cho thân khỏe mạnh nên phải ăn mày lương thực để có phương tiện nuôi thân. Nhưng không phải chỉ ăn để sống, mà còn phải tu nên chúng ta phải ăn mày chánh pháp của Phật để nuôi dưỡng trí tuệ, trong nhà Phật gọi là Giới thân tuệ mạng, để trở thành con người giải thoát.

Bố ma là ma sợ. Trong kinh điển, người tu thọ giới Tỳ kheo rồi thì ma sợ. Tại sao ? Chúng ta đâu có bùa chú gì để ma sợ, nhưng Tỳ kheo là người tu hạnh giải thoát, quyết ra khỏi tam giới, nên Ma vương hay Thiên ma sợ ra khỏi vòng kiểm soát của nó, vì thế thấy ai tu gần giải thoát là nó phá triệt để. Có những Tỳ kheo ngồi thiền quán vô thường,

thấy quả đất rung chuyển, vì thế ma thấy như quả đất của nó bị tan vỡ. Tu là làm lành nghĩ tốt, vượt khỏi tam giới để giáo hóa chúng sanh, lẽ ra ma đang ở trong cảnh khổ nó phải thương giúp mình, tại sao lại phá ? Nhưng sự thực khi một người vượt khỏi tam giới thì thế giới ma bị tan nát, nên tu ít nó phá ít, tu nhiều nó phá nhiều. Đức Phật khi thành đạo ma đến phá đủ cách, đến khi hoàn toàn không được nó mới hoảng sợ. Vậy đã là Tỳ kheo thì không được sợ ma, nếu sợ ma là làm trái ngược những gì đang lãnh thọ, đang thực hành.

Phá ác tức là tất cả những phiền não ác độc chúng ta dẹp hết không còn thừa. Một Tỳ kheo không thể nói tôi tức quá, tôi giận quá. Tức giận là điều ác mà ôm ấp, lại khoe với người, đó là còn nuôi cái ác, vậy chưa phải là Tỳ kheo. Thật là khó ! Nhiều vị muốn thọ giới cao, làm người lớn, mà không hiểu ý nghĩa thọ rồi phải làm gì cho xứng đáng. Vậy được thọ Tỳ kheo phải háng hái vươn lên làm đúng ý nghĩa đó.

Tóm lại chữ Tỳ kheo, nghĩa thông dụng nhất là khất sĩ, tức là khất thực để có cơm ăn. Lại có nghĩa là xin giáo pháp của Phật để nuôi dưỡng Giới thân huệ mạng. Nghĩa thứ hai là bố ma là ma sợ chúng ta, chứ chúng ta không được sợ ma. Nghĩa

thứ ba là phá ác, tất cả tam độc chúng ta phải thắng chứ không nuôi dưỡng chúng. Như vậy mới xứng đáng là Tỳ kheo, trái lại nếu không xứng đáng có gọi Tỳ kheo cũng chỉ là tên suông, không có giá trị thực.

"Hương này giống từ cung nguyệt đem về, trong non rêu quán chẳng chịt". Hương này ở trên cung trăng đem về, không phải tầm thường, gốc nó từ trong rừng núi.

"Dáng hình khác tục, thể chất phi phàm". Hương này hình dáng khác với thể tục, thể chất không phải theo phàm tình.

"Vượt xa Tước Đầu ở nước Ngô, cao hơn Qui Giáp ở Quế Lâm". Ở Trung Hoa, vùng sông Dương Tử, nếu từ trên nguồn đi xuống thì nước Ngô ở phía tay mặt, còn từ biển đi lên thì ở phía tay trái, nên ngày xưa gọi là Giang tả, cũng gọi là Đông Ngô, vùng đó có loại hương Tước Đầu thơm nhất. Quế Lâm là một tỉnh ở Trung Quốc, nơi đó người ta tinh luyện quế hương để trang sức, hình nó giống như mai rùa nên gọi là hương Qui Giáp. Hai loại hương này thơm quý nhất ở Trung Hoa, nhưng hương cúng Phật còn vượt xa hơn.

"Nơi đốt không dung lửa sân, khói bay bèn nhờ gió từ".

Hương này lửa sân không đốt được mà phải lửa thanh khiết. Thường chúng ta nóng giận thì gọi là lửa sân, hương này đốt lên lửa sân phải tiêu. Khói hương bay không do gió thường thổi mà phải là ngọn gió từ bi.

"Nào phải hương phàm hạ phẩm, hẳn là vị lạ thượng phương". Hương này không phải như hương thường ở thế gian thuộc hạ phẩm mà hẳn là hương lạ ở cõi trên. Ngài diễn tả làn hương bay :

"Mỏng mỏng tơ bay kết thành diễm tốt, ngạt ngào khí lạ tụ hội duyên lành, nghi ngút trước ngôi tòa báu, phảng phất ngoài bức rèm châu". Làn khói hương mỏng mỏng kết thành diễm tốt, mùi thơm ngạt ngào của khí lạ tụ hội thành duyên lành. Hương đốt trước ngôi tòa báu của Phật, mùi thơm phảng phất ngoài bức rèm châu.

"Quay đầu tìm biết, quang minh ngay đó tự nhiên sanh. Thấy mặt người huân, tịch diệt do đây chứng được". Ai biết quay đầu lại tìm biết hương này thì ánh sáng ngay đó tự nhiên sanh. "Quay đầu tìm biết" mang ý nghĩa thiền, xoay đầu nhìn lại mình thì khi ấy ánh sáng tự nhiên của mình được phát ra. Thấy mặt người huân là thấy được mùi hương mình gửi, huân được mùi hương thanh tịnh thì chứng quả Niết Bàn tịch diệt. "Nay lúc cuối đêm, đốt hương cúng dường".

KỆ DÂNG HƯƠNG

*Trâm thúy, rừng thiên hương sực nức,
Chiên đàn, vườn tuệ đã vun trồng,
Đao giới vót thành hình non thắm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.*

KỆ DÂNG HOA

*Tâm địa mở ra, hoa nở rộn,
Trời có mưa hoa, vẫn kém thơm.
Cành cành dóa dóa dâng cúng Phật,
Gió nghiệp muôn đời thổi chẳng rơi.*

Hiến dâng hương hoa rồi bạch :

Nguyện mây hương hoa này, khắp cả mười phương cõi, cúng dường tất cả Phật, tôn Pháp chư Bồ Tát, vô lượng chúng Thanh Văn và tất cả Thánh Hiền, vừa rời dài Quang minh, qua cõi nước vô biên, trong vô biên cõi Phật, nhận dùng làm Phật sự, xông khắp các chúng sinh, đều phát tâm Bồ đề".

"Cúng dường rồi, chí tâm qui mạng lễ mười phương Vô thượng Tam Bảo".

TÂU BẠCH

"Kính bạch mười phương Đại Giác, ba đời Hùng Sư ; rót cam lồ cứu đàn đối khát, cầm thần châu

gieo chỗ tối tăm. Trộm nghĩ : Trưng thúc năm đạo, gà giục ba hồi. Bóng đức tiệp hoa vừa tàn lụi, giải sao Ngân hà sắp lặn chìm. Giác bướm lại quay về thế mộng, chuông chùa phá vỡ chơn âm u. Dầu non biếc ngậm nửa trăng mờ, mặt biển xanh vàng hồng chưa hiện. Vách cũ để kêu từng chập, đường quan vó ngựa nhịp đều. Dầu thành làn khói nhạt bao quanh, ngoài trời màn sương sớm che phủ. Chính là lúc đạo sĩ luyện tu, cũng là thời chư Tăng hành đạo. Đường đời mờ mịt, quần sinh rối bời. Tuy sợ đang đêm ôm gối ngủ, chưa tỉnh trọn đời mở mắt mê.

"Chư Phật tử ! Nếu mặc suốt đêm theo dục lạc, bèn khiến trọn ngày chịu tâm mê. Đến nỗi trời buộc một đời, đều bởi Tán Hôn hai chữ. Vì người mở thẳng một con đường, để lại mai sau tác gia ngấm. Nên biết, mạng người khó thường, chớ để thời này qua rồi. Nhìn lấy Tịnh Độ trước mắt, nhận ra trọng tâm Di Đà. Nếu hay ưa vui gánh vác, liền được trong ấy hiện ra. Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ cuối đêm".

"Kính bạch mười phương Đại Giác, ba đời Hùng Sư", nói gọn là mười phương ba đời tất cả chư Phật. "Rót cam lồ cứu đàn đói khát, cầm thân châu gieo chỗ tối tăm". Phật rót nước cam lồ để cứu đàn con đại đang lang thang đói khát, cầm hạt châu sáng

gieo vào chỗ tối tăm cho những người đang ở chỗ u minh tìm được đường đi, thấy được lối ra.

"Trộm nghĩ trùng thúc năm đạo, gà giục ba hồi". Lúc canh năm các côn trùng để ve... kêu từng chập, gà đã gáy ba đợt.

"Bóng đức tiệp hoa vừa tàn lụi, giải sao Ngân hà sắp lặn chìm". Nơi cung điện đèn đức trong những buổi tiệp hoa vừa tàn, nhìn lại giải sao Ngân hà sắp lặn.

"Giác bươm lại quay về thế mộng, chuông chùa phá vỡ chốn âm u". Giác bươm là giác điệp hay mộng điệp. Qua một đêm ngủ say bao nhiêu giấc mộng dồn dập, nay thức giấc, tất cả đều là mộng của thế gian, không có thật. Bỗng tiếng chuông chùa vang lên phá vỡ chỗ âm u tăm tối. Buổi khuya chuông chùa gióng lên báo hiệu gần sáng, mọi người chuẩn bị lo buổi sáng. Câu này trong phần chữ Hán có từ ngữ : Bồ lao. Bồ lao là dùi chuông dóng, do tích : Thuở xưa tại một hòn đảo ở Ấn Độ có con cá kính, mỗi khi nó ngừng đầu nổi trên mặt nước, nước dâng lên thành lụt nên dân trên đảo rất sợ. Khi cá kính trôi lên, con bồ lao thấy hết lên một tiếng, cá kính sợ lặn xuống, dân trên đảo khỏi bị ngập lụt. Thế nên về sau trong chùa làm chuông chạm hình cá kính, dùi chuông dóng chạm hình bồ lao, chày dóng vào chuông tượng trưng

tiếng hét con bò lao cứu dân hết khổ. Vì thế khi nghe tiếng chuông mọi người đều giảm khổ đau trong cuộc đời này và trong cõi địa ngục u minh.

"Đầu non biếc ngậm nửa trăng mờ, mặt biển xanh vắng hồng chưa hiện". Trên đầu non xanh, vắng trắng đã khuất phân nửa. Trên biển xanh mặt trời hồng chưa hiện.

"Vách cũ để kêu từng chập, đường quan vô ngựa nhịp đều". Trong những vách cũ rêu phong tiếng để kêu từng chập. Trên đường quan chân ngựa bắt đầu nhịp đều.

"Đầu thành làn khói nhạt bao quanh, ngoài trời màn sương sớm che phủ". Đầu thành phố có những làn khói nhạt bao quanh, sáng sớm sương khói mờ che phủ.

"Chính là lúc đạo sĩ luyện tu, cũng là thời chư Tăng hành đạo". Đây là giờ những đạo sĩ tu tiên bắt đầu thức dậy luyện tập, cũng là giờ chư Tăng tụng hội tụng kinh tọa thiền.

"Đường đời mờ mịt, quần sinh rối bời". Đường đời dù các thứ dụ dỗ lôi cuốn làm cho con người phải mê lầm chìm đắm quay cuồng trong đó không tìm được lối ra.

"Tuy sợ đang đêm ôm gối ngủ, chưa tỉnh trọn đời mở mắt mê". Tối kê đầu trên gối ngủ đó là

mê. Người biết tu sợ ngủ là mê, nhưng nếu thức mà chưa tỉnh giác thì dù đi lại nói năng cũng vẫn là kẻ mê, mở mắt mà mê. Ngủ mê là do nhắm mắt, còn thức mê là do trí chưa mở, tuy mở mắt mà vẫn mê, đây là lời nhắc nhở rất chí thiết.

"Chư Phật tử ! Nếu mặc suốt đêm theo dục lạc, bèn khiến trọn ngày chịu tâm mê". Nếu trong đêm tối cứ chạy theo dục lạc, rượu chè đàn hát, say sưa theo "tửu sắc tài khí" thì khiến trọn ngày chịu tâm mê. Người đời ban ngày đi làm có tiền để ban đêm đi chơi thỏa mãn dục lạc, nên ban ngày họ cũng bị chìm đắm trong mê.

"Đến nỗi trói buộc một đời đều bởi Tán Hôn hai chữ". Cả đời bị trói buộc đều tại hai chữ tán và hôn. Tán là tán loạn, hôn là hôn trầm. Đối với người đời, tán là thả mình theo dục lạc, hôn là say sưa với mùi trần tục, chớ không phải chỉ nói tán loạn hôn trầm của người tu thiền.

"Vì người mở thẳng một con đường để lại mai sau tác gia ngấm". Ngài muốn nói các ông đang say mê, vì thương các ông tôi chỉ rõ một con đường cho các ông đi, con đường đó những người đạt đạo sau này sẽ thấy. Chữ tác gia, trong Kinh A Hàm có kể rằng sau khi ngộ đạo đức Phật nói : "Ta từ nay mới thấy được người làm nhà". Người làm nhà là chỉ người chủ động gây nên luân hồi sanh tử,

rồi cũng chủ động trở về giác ngộ. Trong nhà Thiên, hàng tác gia mắt sáng là chỉ những Thiên sư đã ngộ đạo, làm mẫu mực cho người. Thế nên Ngài muốn nói rằng Ngài vạch ra một con đường mà hàng sáng mắt sẽ thấy.

"Nên biết, mạng người khó thường, chớ để thời này qua rồi". Trước hết Ngài nhắc phải thấy mạng người vô thường, nay còn mai mất không gì bảo đảm, vậy đừng để một đời qua suông, đừng để thân vô thường sống ngày qua ngày rồi chờ chết mà không làm gì lợi ích, không tạo được những việc hay tốt, cao quý.

Ngài lại chỉ xa hơn : "Nhìn lấy Tịnh độ trước mắt, nhận ra trong tâm Di Đà". Chúng ta quan niệm Tịnh độ là ở Tây phương. Tây phương Cực Lạc cách đây bao nhiêu vạn cõi Phật. Nay Ngài muốn chỉ thẳng cho chúng ta biết Cực Lạc ở ngay trước mắt, đừng tìm Cực Lạc ở đâu xa, ngay trước mắt chúng ta tâm tịnh thì độ tịnh. Lúc nào tâm chúng ta lăng xăng, rối loạn là khổ, tâm thanh tịnh là lạc. Quý Phật tử thử nhớ buổi tối nằm lại nhắm mắt ngủ nhưng trong đầu cứ rối bời, muốn buông để ngủ mà không được, lúc đó thật là khổ. Trái lại nếu buông và ngủ được thì rất khỏe. Như vậy tâm loạn là khổ, nên tâm loạn là Ta bà ; tâm tịnh là

vui nên tâm tịnh là Cực Lạc. Ta bà, Cực Lạc ngay trước mắt chúng ta.

"Nhận ra trong tâm Di Đà" tức là tự tánh Di Đà, nghĩa là nhận ra Di Đà ngay trong tâm mình. Di Đà là tiếng Phạn, dịch nghĩa theo chữ Hán là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang. Vô Lượng Thọ là sống lâu không thể tính kể. Vô Lượng Quang là ánh sáng cũng không thể tính kể. Thân này có sinh có diệt nhưng tánh giác không sinh diệt tức là Vô Lượng Thọ. Vọng tưởng điên đảo là mê, còn tánh giác là hằng giác, hằng sáng, tức là Vô Lượng Quang. Như vậy Di Đà là ở ngay tự tánh mình. Nếu quên tự tánh là mê, ngộ tự tánh là giác, nhớ quay lại tự tánh mình, sống với tánh giác, đó là sống với Phật Di Đà. Thế nên tu thì phải làm sao cho tâm được thanh tịnh, đó là Cực Lạc, nhận ra tánh giác của mình đó là Phật Di Đà. Trong Kinh Di Đà có câu : "Nếu một ngày hai ngày đến bảy ngày nhất tâm bất loạn thì khi lâm chung vừa nhắm mắt liền thấy Phật Di Đà và Thánh chúng hiện ngay trước mặt. Nhất tâm bất loạn là tâm thanh tịnh, thì tánh giác hiện ra, không phải đợi về Cực Lạc mới ra mắt đức Phật Di Đà. Trong kinh nói rõ nhưng vì không hiểu nên chúng ta chấp sự mà không đạt được lý. Ở đây Ngài Trần Thái Tông muốn chỉ thẳng lý "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh

độ". Tâm tịnh thì độ tịnh, nên Tịnh độ ngay trước mắt và đức Phật Di Đà ngay tự tánh của mình.

"Nếu hay ưa vui gánh vác liền được trong ấy hiện ra". Nếu người nào ưa vui nhận và hành được lẽ này thì liền ngay trong đó thấy Phật hiện rõ ràng.

"Đệ tử chúng con kính tưởng thời này lấy làm khóa lễ cuối đêm".

"Tâu bạch rồi, chí tâm qui mạng lễ mười phương Vô thượng Tam Bảo".

SÁM HỐI TỘI CĂN Ý

*Chí tâm sám hối,
Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm, không biết chánh đạo.
Roi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm,
Không sám lỗi trước, khó tránh hối sau.*

NGHIỆP CĂN Ý LÀ :

*Nghi vu nghi vấn, không lúc nào dừng ;
Mắc máu tình trần, kẹt tâm chấp tướng.
Nhu tầm kéo kén, càng buộc càng bền ;
Nhu bươm lao đèn, tự thiêu tự đốt.
Hôn mê chẳng tỉnh, diên đảo đối sinh ;
Não loạn tâm thần, đều do ba độc.*

Trong ý căn, chúng ta "nghĩ vợ nghĩ vấn, không lúc nào dừng", chuyện dầu dàu không đáng mà cũng nhớ cũng nghĩ.

"Mắc mứu tình trần, kẹt tâm chấp tướng", dính kẹt với sáu trần lại thêm chấp tướng. Chấp tướng là kẹt về hình thức bên ngoài, tức là lời nói và việc làm bám chặt vào hình thức mà không nhận được ý nghĩa thâm trầm bên trong. Thí dụ thấy hoa này khen đẹp, hoa kia chê xấu, người này đẹp, người kia xấu, người dễ thương, người dễ ghét, bao nhiêu việc căn cứ trên hình thức để khen chê thương ghét, đều là chấp tướng, nên đều là khổ. Nếu không chấp tướng thì hết cả khen chê, thương ghét và cũng hết khổ. Thế nên còn mắc mứu tình trần kẹt tâm chấp tướng là còn khổ. Khổ đó như thế nào ?

"Như tầm kéo kén, càng buộc càng bền", như tầm nhỏ tơ kết thành kén, tầm kẹt luôn trong đó, rồi bị bỏ vào chảo nước sôi, khổ không sao tả hết !

"Như bướm lao đen, tự thiêu tự đốt". Ban đêm mùa hè chúng ta đốt ngọn đèn dầu, các con bướm ở ngoài thấy đèn liền đáp vào, nên tự thiêu tự đốt. Người đời đuổi theo dục lạc thế gian, tưởng rằng hưởng được dục lạc là hạnh phúc, nhưng nếu ai có nhiều tiền lắm của, ngày đêm đều vào tửu điếm trà đình, lầu xanh thì cũng giống như bướm lao

vào đèn. Đó là tự mình tìm cái chết, tự thiếu tự đốt.

*Hôn mê chẳng tỉnh, diên đảo đối sinh,
Nào loạn tâm thần, đều do ba độc.*

Vì mê không thức tỉnh nên diên đảo sinh ra. Tâm thần rối loạn đều do tham sân si. Đây là gốc mà ý căn tạo nên tội. Tham sân si là gì ?

1.- TỘI KEO THAM LÀ : Keo tham là keo kiệt, tham lam.

*Âm mưu ghen ghét, keo cú vét vợ;
Mười vốn ngàn lời, còn cho chưa đủ.*

Âm mưu ghen ghét người, bao nhiêu cũng keo cú vét vợ đem về cho mình. Vốn có mười đồng mà bán lời được một ngàn đồng vẫn cho chưa đủ, muốn lời ngàn rưỡi, hai ngàn, đó là bịnh tham của con người.

*Cửa chứa tợ sông, lòng như hủ chảy ;
Rót vào lại hết, nên nói chưa đầy.*

Cửa thì nhiều như sông nhưng lòng như hủ chảy, rót vô bao nhiêu cũng chảy hết, cũng không đủ nên nói chưa đầy.

*Tiền mục lúa hư, không cứu đói rét ;
Lụa là chất đóng, nào có giúp ai.*

Do keo kiệt nên có tiền lúa chưa nhiều để hư mục không dám cho người đói rét. Lúa vải chất đống để lên mốc meo không giúp người rách rưới.

*Được người mấy trăm, chưa cho là nhiều ;
Mất mình một đồng, tưởng như hao lớn.*

Người cho mình mấy trăm cũng chưa nói là nhiều, còn mình mất một đồng thì cho là hao lớn, nghĩa là được bao nhiêu cũng không vừa, mất một chút thì tiếc rẻ.

*Trên thì châu báu, dưới đến tơ gai ;
Kho đục chất đầy, chưa từng bố thí.*

Nào là châu báu, nào là tơ gai v.v... chất đầy kho đục nhưng không bao giờ bố thí cho ai.

*Bao nhiêu sự việc, ngày tính đêm lo ;
Khổ tứ lao thân, đều từ tham nghiệp.*

Bao nhiêu sự việc ngày đêm lo tính mãi, khổ tứ lao thân cũng từ tham mà ra.

2.- TỘI NÓNG GIẬN LÀ :

*Do tham làm gốc, lửa giận tự thiêu ;
Quốc mất quát to, tiêu tan hòa khí.*

Bao nhiêu niệm sân dấy khởi đều gốc từ tham. Thí dụ do tham được danh tốt, được mọi người

khen, nay lại có người chê liền nổi giận. Tại sao ? Chê là mạ nhục nên nổi giận, đó là vì thích danh. Muốn được quyền lợi để nếp sống được sung túc, nay có người ngăn chặn không cho, chúng ta cũng nổi giận. Lại như thấy người đẹp mình thương, nay không cho thương cũng giận. Ở thế gian nhiều kẻ tự tử cũng do nổi sân, tưởng là gan, nhưng không ngờ đó là liễu mạng, là sân chó không phải là gan. Thế nên từ tham sanh ra sân. Khi sân thì có những hiện tượng gì ? "Quắc mắt quát to", miệng la, mắt trợn làm hòa khí trong gia đình không còn nữa.

*Không riêng người tục, cả đến thầy tu ;
Kinh luận tranh giành, cùng nhau công kích.*

Tưởng đâu sân chỉ có nơi người thế gian, không ngờ trong giới thầy tu cũng có, đem kinh luận ra tranh hơn thua rồi công kích lẫn nhau.

*Chê cá Sư Trưởng, nhiếc đến mẹ cha ;
Có nhẫn héo vàng, lửa độc rục cháy.*

Khi đã sân rồi, thầy không kể, cha mẹ không màng, nói nặng nói nhẹ đều được hết. Người tu theo Phật là phải tập hạnh nhẫn nhục, khi nổi sân thì cỏ nhẫn bị héo khô vì lửa sân cháy rục.

*Buông lời hại vật, cất tiếng hại người ;
Không nhớ từ bi, chẳng theo luật cấm.*

Nói lời nào cũng làm cho người đau khổ, cất tiếng gì cũng làm hại người. Khi sân rồi có nhớ từ bi không ? Giận thì không có thương, thương thì không có giận. Thế nên khi nổi sân thì giới luật lòng từ đều quên mất. Như Phật dạy chúng ta phải sống với tinh thần lục hòa, thế mà khi nổi giận, thì không nhớ khẩu hòa vô tránh.

*Bàn thiền tợ Thánh, trước cảnh như ngu ;
Dầu ở cửa không, chưa thành vô ngã.*

Hai câu này chính là nhắc chư Tăng, nói lý Thiền thì hay lắm, thấy như thành Phật dễ dàng, nhưng gặp cảnh thì như ngu. Lúc bình tĩnh sáng suốt nói đạo rất hay, nhưng gặp ai nói trái tai, hành động trái mắt thì trí tuệ bay đâu mất, toàn thốt lên những lời si mê. Tỉ dụ như khi tỉnh nói Phật dạy người tu phải luôn luôn sáng suốt, những gì người thế gian say mê mình phải xem là thường, là giả dối. Nhưng có nhiều thấy tu kha khá khi gặp những người nữ đẹp nói ngọt vài câu thì thấy cái gì cũng thật, quên mất thế gian là huyền hóa. Dầu ở cửa không mà chưa thành vô ngã, nhà Phật nói cửa Thiền là cửa không (không môn), nhưng gặp cảnh thì ngã còn rõ ràng, nên chưa thành vô ngã.

*Như cây sinh lửa, lửa cháy đốt cây ;
Nhưng tội trên đây, đều do nghiệp giận.*

Chúng ta đui cây ra lửa, khi lửa cháy thì cây bị đốt trở lại, cũng như vậy nơi tâm sinh ra nóng giận, sự nóng giận đó trở lại hại chúng ta. Như vậy những tội lỗi đó là do nghiệp sân.

3.- TỘI NGU SI LÀ :

Căn tánh dần dần, ý thức tối tăm ;

Chẳng hiểu tôn ti, không phân thiện ác.

Người ngu si là do căn tánh dần dần, ý thức tối tăm. Tôn là bực lớn, ti là kẻ nhỏ, ai đáng quý, ai đáng trọng cũng không biết, ai ngang bằng hoặc thấp hơn cũng không hay, tức là không phân biệt kẻ trên người dưới, không thấy rõ ràng việc nào thiện, việc nào ác, đó là do gốc ngu si.

Chặt cây hại mạng, giết gấu gãy tay ;

Mãng Phật chuốc uong, phun trời ướt mặt.

Chặt cây hại mạng giết gấu gãy tay, hai câu chuyện này ở trong truyện cổ Việt Nam.

Thuở xưa có người nhà quê ngu ngốc, một hôm đi mé cây, có một nhánh lớn chia hai, anh cầm búa lên mé nhánh, thấy đứng phía trong gần thân cây khó chặt, anh ra ngồi phía ngoài xây vào chặt phía trong, nhánh gãy anh té chết, nên chặt cây hại mạng là nói sự ngu si đó. Giết gấu gãy tay

là nói một người cũng ngu si như vậy. Anh vào rừng một tay cầm rựa, một tay đánh đồng xa chọt có con gấu nhảy ra cắn tay anh, nhưng chưa trúng, anh lấy rựa chặt cánh tay rớt xuống cho gấu khỏi cắn trúng tay. Nếu người khôn thì giữ tay lên không chặt tay. Đó là hai hình ảnh người ngu đáo để. "Mãng Phật chuốc ương", khi muốn cầu điều gì, xin Phật ban ơn xuống phước cho nhưng cầu mãi không được nên chê bai Phật không linh... đó là chuốc tai ương. "Phun trời ướt mặt", ngày xưa có những người làm ruộng, đến mùa gặt lúa, đập lúa xong đem ra sân phơi, bỗng trời mưa ào xuống, tức quá họ ngửa mặt lên trời chửi, càng chửi càng phun nước miếng cho dơ trời, không ngờ nước miếng rớt xuống dơ mặt.

*Quên ơn quên đức, bội nghĩa bội nhân ;
Không tính không xét, đều do si nghiệp.*

Người có ơn sinh thành dưỡng dục hoặc có ơn giúp đỡ mình trong khi khốn khổ mà không nhớ là quên ơn bội nghĩa. Không tính không xét đều do nghiệp si.

*Những tội như thế, rất nặng rất sâu ;
Đến lúc mạng chung, rơi vào địa ngục.
Trái ngàn muôn kiếp, mới được thọ sanh ;
Dù được thọ sanh, lại mắc ngu báo.*

Những tội đó là tội đọa địa ngục. Đến khi hết nghiệp ở địa ngục được lên làm người, nhưng do dư báo nên cũng lại ngu ngốc nữa.

*Nếu không sám hối, đâu được tiêu trừ ;
Nay trước Phật đài, thấy đều sám hối.*

CHÍ TÂM KHUYẾN THỈNH

*Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Và chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng.
Mở rộng tâm từ bi vô lượng,
Đồng độ chúng sanh lên bờ kia.*

CHÍ TÂM TÙY HỖ

*Nay con theo Phật sanh hoan hỷ,
Hôm sớm kính thành sám lỗi lầm.
Thềm thang Thập địa nguyện sớm lên,
Bồ Đề chơn tâm không lui sụt.*

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

*Chúng con hồi tâm về Thánh chúng,
Chí thành đầu lễ đức Từ Tôn.
Nguyện đem công đức đến quần sanh,
Nương thắng non này thành Chánh giác.*

Những bài này đã giảng.

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

*Một nguyện nguồn linh thường trong lặng,
Hai nguyện tạng thức dứt lãng xăng,
Ba nguyện khối nghi đều tan nát,
Bốn nguyện trắng định mãi tròn đầy.
Năm nguyện pháp trần không khỏi diệt,
Sáu nguyện lưới ái lìa buộc ràng,
Bảy nguyện suy nghĩ hành Thập địa,
Tám nguyện nghe suốt bỏ Tam thiên.
Chín nguyện tâm vượn thôi nháy nhót,
Mười nguyện ý ngựa dứt cương yên,
Mười một nguyện mở lòng nghe Phật dạy,
Mười hai nguyện mến thích Tổ sư Thiền.*

"Một nguyện nguồn linh thường trong lặng".
Nguồn linh là chỉ cho nguồn giác. Nguyện nguồn
giác sẵn có của chúng ta thường trong lặng, đừng
bị phiền não làm như đục.

"Hai nguyện tạng thức dứt lãng xăng", tức là
trong kho tạng thức dứt hết, không còn dung chứa
các pháp trần làm cho nó lãng xăng.

"Ba nguyện khối nghi đều tan nát". Khối nghi
ở đây có nghĩa là những người tu thiền khi đã dồn
tâm thành khối, không còn niệm khởi, chỉ còn một

khối nghi, khi khối nghi nát ra thì ngộ đạo. Chúng ta cũng tu thiền nhưng không dùng thoại đầu, không có khối nghi nhưng chúng ta cũng có nghi. Thí dụ chúng ta thấy chư Phật dạy phải đạt được tánh giác hay chân tâm, mà khi chưa đạt chân tâm, chưa ngộ tánh giác chúng ta cũng nghi không biết chơn tâm, tánh giác như thế nào. Khi tâm lặng rồi, bỗng một lúc nào cái nghi của chúng ta tan nát, liền ngộ được chơn tâm, thấy được tánh giác, đó là tan được khối nghi.

"Bốn nguyện trăng định mãi tròn đầy", tức là trăng thiền định luôn luôn tròn đầy.

"Năm nguyện pháp trần không khởi diệt". Pháp trần tức là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc, mỗi trần đều có bóng dáng dồn chứa vào trong kho tàng thức. Thí dụ ra chợ thấy cái gì đẹp chúng ta thích, về nhà ngồi yên bỗng dung nhớ lại những hình ảnh ngoài chợ, hoặc nghe tiếng gì hay, một lúc sau ngồi yên nhớ lại tiếng đó, tức là những bóng dáng qua rồi mà còn chứa đựng trong tâm, đó gọi là pháp trần.

"Sáu nguyện lưới ái lìa buộc ràng". Ái có ba thứ, ái ngã là một, dứt được ái ngã không phải là dễ. Đến ái người thân, những người mình thương mến. Thứ ba là ái cảnh, tạo được cảnh vừa ý, chúng

ta ái cảnh đó. Nay nguyện tất cả những lưới ái đều không còn buộc ràng được mình.

"Bảy nguyện suy nghĩ hành Thập địa". Nguyện thường nhớ nghĩ thực hành cho được Thập địa Bồ Tát.

"Tám nguyện nghe suốt bỏ tam thiên". Tam thiên là ba cõi trời : Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Nguyện nghe thấu suốt được pháp giải thoát của Phật, không còn kẹt trong tam thiên nữa.

"Chín nguyện tâm vượt thôi nhảy nhót". Tâm vượt tức tâm viên trong từ ngữ tâm viên ý mã. Nguyện tâm viên này được yên lặng không còn nhảy nhót.

"Mười nguyện ý ngựa dứt cương yên". Ý ngựa (ý mã) không còn gì ràng buộc cột trói nữa. Tâm ý như con vượn, con ngựa lừng xăng. Nay làm thế nào cho ngựa thuần, ngựa thuần rồi thì không cần dây cương ; khi nhảy nhót thì phải nhót trong lồng, khi hết nhảy mới thả được. Như vậy đây là lời nguyện cho tâm ý được lặng lẽ, trong sáng.

"Mười một nguyện mở lòng nghe Phật dạy". Nguyện tâm mình mở rộng để đón nhận những lời dạy của Phật, lời nào cũng thấm nhuần, thấu đáo.

"Mười hai nguyện mến thích Tổ sư Thiên". Nghe lời dạy của chư Tổ về Thiên Tông, chúng ta ưa thích chớ không sợ, không chán.

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

*Tiếng pháp khua tan mộng thể trần,
Chuông chùa phá vỡ diếc ngu mê.
Còn ưa gói dầu trong tối ngủ,
Chẳng quản trời đông đã rạng ngời.
Mù mịt đêm dài thì có sáng,
Lờ mờ đường tối lại khó thông.
Ngày nay nếu chẳng siêng hành đạo,
Khi khác làm sao gặp Thế Tôn.*

"Tiếng pháp khua tan mộng thể trần": Chúng ta sống trên thế gian, tuy bảy, tám mươi năm, nhưng đến tuổi sắp mãn cuộc đời, nhớ lại những gì chúng ta đã tạo, chẳng khác nào như giấc mộng, giấc mộng trần gian. Muốn tan giấc mộng, chỉ nhờ tiếng pháp của Phật chúng ta mới tỉnh thức, không còn mê lầm nữa.

"Chuông chùa phá vỡ diếc ngu mê". Ngu mê là kẻ ngu mê, mù tối. Tiếng pháp, tiếng chuông của đạo làm cho người diếc, người ngu và mê mờ đều sớm thức tỉnh.

*Còn ưa gói dầu trong tối ngủ,
Chẳng quản trời đông đã rạng ngời.*

Chúng ta còn kê đầu trên gối mê ngủ trong tối mà không nhớ phương đông mặt trời đã rạng ngời.

*Mù mịt đêm dài thì có sáng,
Lò mờ đường tối lại khó thông.*

Mù mịt nên nói là đêm dài nhưng thực ra có đêm thì sẽ có ngày, tối rồi sẽ sáng. Tuy nhiên đã sống trong đêm dài mù mịt thì đường trước lò mờ, mù tối khó thông.

*Ngày nay nếu chẳng siêng hành đạo,
Khi khác làm sao gặp Thế Tôn.*

Ngày nay chúng ta ngày nay đang trong cảnh mờ mịt tối tăm phải rán thức tỉnh cố gắng tu hành thì ngày khác chúng ta mới được gặp Phật.

Tổng kết lại, Lục thời Sám hối của vua Trần Thái Tông có những ý nghĩa đặc biệt mà chúng ta phải học, phải hành. Trong các Kinh A Hàm, đức Phật luôn luôn dạy chúng ta phải thu nhiếp sáu căn, từ hành động đến ý nghĩ lúc nào cũng phải gìn giữ, đừng buông lung sáu căn chạy theo sáu trần. Thử xưa Phật dạy các Thầy Ty kheo khi ra đường không được nhìn hai bên chỉ nhìn trước mấy thước tây thôi, vì e thấy cảnh rồi dính mắc về ngôi thiên khó an nên phải hạn chế. Đến phần giới luật, cũng là thu nhiếp sáu căn. Không sát sanh, không trộm cướp là nhiếp thân căn, giới nói dối thuộc về miệng (khẩu), cấm uống rượu thuộc về lưỡi. Trong giới Sa di cấm xoa hương thuộc về mũi v.v..., như

vậy là tạo điều kiện cho chúng ta thu nhiếp sáu căn. Đức Phật nói rõ rằng Phật khác hơn người thường ở điểm người thường thả sáu căn chạy theo sáu trần, trái lại đối với sáu trần Phật không dính nhiễm, Ngài được giải thoát. Lại như trong Kinh Lăng Nghiêm, Ngài A Nan hỏi Phật : Cái gì là căn bản của Bồ đề Niết Bàn, cái gì là căn bản của phiền não sanh tử ? Không phải chỉ đức Phật Thích Ca mà mười phương chư Phật đồng trả lời : "Sáu căn của ông là căn bản của phiền não sanh tử, sáu căn của ông là căn bản của Bồ đề Niết Bàn". Như vậy sáu căn là cội gốc của trầm luân sanh tử, cũng chính là cội gốc của Bồ đề Niết Bàn. Thế nên chúng ta phải nương nơi sáu căn mà tu, ngăn không cho sáu căn ô nhiễm, dính mắc các trần.

Đến các Thiền sư thì thế nào ? Có người hỏi Ngài Huệ Hải : "Thế nào là giải thoát ?" Ngài đáp : "Căn trần không dính nhau là giải thoát". Như vậy gốc cũng là sáu căn. Gần nhất Ngài Sơ Tổ Trúc Lâm, trong bài Cư Trần Lạc Đạo, câu kệ cuối Ngài nói : "Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiền". Đối cảnh là gì ? Là mắt đối với sắc, tai đối với thanh, mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, nghĩa là năm căn đối với năm trần, tâm không dính mắc thì đừng hỏi thiền nữa vì đó là thiền. Tóm lại ngay sáu căn khéo dùng dính mắc sáu trần đó

là gốc của Thiên, cũng là gốc của Kinh, gốc của Phật dạy.

Như vậy Ngài Trần Thái Tông dùng sáu thời sám hối để sám hối sáu căn, điều đó thật là chí thiết đối với sự tu hành. Đọc Lục thời Sám hối chúng ta thấy Ngài khéo dùng ngôn ngữ vừa thực tiễn vừa văn chương để nhắc nhở sách tấn chúng ta. Đúng về mặt giáo lý, bài này là pháp tu căn bản cho người học Phật, đúng về mặt văn chương, đây là những áng văn có giá trị. Ngài đã có một cái nhìn tường tận thấu đáo, lại khéo diễn tả, thật đáng cho chúng ta cảm phục. Là một vị vua cai trị muôn dân, việc triều chính đa đoan mà Ngài vẫn có ngày giờ nghiên cứu Kinh điển, viết những áng văn hay để chỉ dạy người sau, thật là việc hy hữu. Chúng ta hiện nay chỉ làm trụ trì với năm bảy mươi đệ tử mà không rảnh, vì thế chúng ta phải noi gương Ngài, gương cần mẫn, gương cố gắng tu hành, gương thương người sau. Người xưa làm được, ngày nay chúng ta cũng làm được, chỉ cần phải cố gắng. Thế nên chúng tôi đem sáu thời sám hối này để dạy Tăng Ni ứng dụng tu hành. Mỗi đêm tụng một lần, không phải tụng cho tiêu nghiệp chướng, rồi vẫn để sáu căn chạy theo sáu trần. Không phải tụng suông mà tụng để nhớ rồi ứng dụng tu, như thế mới có lợi. Đó là lời nhắc nhở của tôi.

TỰA BÌNH ĐẰNG SÁM HỐI

DỊCH

Pháp tánh như như, không có niệm lự chừng mây tóc. Chơn nguyên trong lặng, xưa nay bật cả bụi nhơ. Bởi chợt khởi vọng duyên, hiện thành thân huyễn. Chạy theo nghiệp thức, quên mất hạt minh châu, tan hết gia tài, sáu căn ham mê tham dục. Nếu có thu nhận tịnh pháp, ắt hay tẩy sạch vọng trần. Phát tâm bình đẳng nhất chơn, lễ thể pháp thân vô tướng. Tiến vào trong ấy thì tự thọ dụng và tha thọ dụng lẫn nhau. Nhắm bên kia cầu thì diện mục mập mờ liền tự hiện.

Tuy nhiên như thế, kiếm chưa rút ra khỏi hộp ngọc thì chỗ loạn khó yên ; thuốc ra khỏi bình vàng thì gốc bệnh mới lành. Trăm khi muôn việc rảnh rồi, xem thấu chỗ sâu xa của ba tạng, gặp được pháp môn này, chỉ thẳng trong người có khả

năng thành Phật. Dù là người mắt sáng, ngại gì trên gấm thêm hoa. Nếu là tri âm, hãy nên tiến bước.

GIẢNG

Có quyển sách nói về Bình Đẳng Sám Hối, nhưng quyển sách đó đã mất chỉ còn lại bài tựa. Đây tôi giảng bài "TỰA BÌNH ĐẲNG SÁM HỐI".

"Pháp tánh như như, không có niệm lự chùng mảy tóc". Mở đầu quý vị thấy Ngài dùng những chữ "Pháp tánh như như", "không có niệm lự chùng mảy tóc". Vì pháp tánh như như nên những từ "Pháp tánh, chơn nguyên" đều là để chỉ cho cái thể tâm trong sạch suốt sẵn có của mọi người, nó như như, bất động. Thể của nó không có một niệm lự chùng mảy tóc, nhưng vì quên nó nên niệm dấy loạn không dùng.

"Chơn nguyên trong lặng, xua nay bật cả bụi nhơ". Tức là thể chơn nguyên vốn trong sạch lặng lẽ, không có một tí bụi nhơ. Bụi nhơ tức là niệm, niệm là trần. Những niệm khởi đó là bụi nhơ. Hai câu này nói rõ cho chúng ta thấy pháp thân thanh tịnh của chúng ta không có một mảy niệm, không có một mảy phiền não dính được. Nó là một thể trong sáng, lặng lẽ, thủy chung như nhất không

đổi thay, không dấy động. Đó là nói thể pháp thân trong sạch. Bây giờ nói đến lý do chúng ta có thân này.

"Bởi chợt khởi vọng duyên hiện thành thân huyền". Khởi vọng duyên tức là khởi niệm chạy theo ngoại trần. "Hiện thành thân huyền" : như tôi đã nói, chúng ta vừa nhắm mắt, bỏ thân này sang thân khác, thì lúc hôn mê mình khởi niệm hướng về điều gì thì thân huyền sẽ theo đó mà cấu tạo.

"Chạy theo nghiệp thức, quên mất hạt minh châu". Nghiệp thức là những cái biết của thói quen, thói quen làm thiện, thói quen làm ác. Cái biết đó dẫn mình đi theo nó nên quên mất hạt minh châu. Hạt minh châu tức là thể pháp tánh chơn nguyên như như trong lặng.

"Tan hết gia tài" : Gia tài tức là của báu trong nhà. Khi đã dấy niệm chạy theo nghiệp thức thì lúc đó thể pháp tánh chân thật của chúng ta bị mất đi, nên nói "Quên mất hạt minh châu, tan hết gia tài" tức là của báu, còn gọi là pháp bảo hay tài bảo. Vì lúc đó đã có thân cho nên :

"Sáu căn ham mê tham dục". Khi có thân huyền này rồi, nên nhớ thân này là thân huyền chớ không phải thân thật. Tại sao tôi nói như vậy ? Bởi vì

từ bảy mươi trở lên sẽ biết thân huyền chắc chắn không nghi. Nếu ôn lại mấy mươi năm qua rồi như giấc mộng, thân này không bao lâu sẽ trở thành bụi đất. Như vậy ngày nay có, ngày mai trở thành bụi đất thì có thật không ? Quý vị còn dài nên khó thấy, còn tôi hơi ngắn nên dễ thấy. Vì vậy nên nói thân này là thân huyền, tạm có rồi tan hoại. Nhưng khi đã có thì trong thân có sáu căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, bên ngoài cảnh có sáu trần : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Căn mê theo trần, sanh ra tham dục tức ham muốn, đắm say ham muốn theo sáu trần cả ngày. Sáng vừa mở mắt đã lo kiếm ăn cho thỏa mãn cái lưỡi, ăn rồi lo đi chơi ngắm cái này đẹp, cái kia đẹp cho thỏa mãn con mắt. Tối đến nghe âm nhạc cho vui tai. Suốt ngày cứ lo cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý được thỏa mãn. Ngày này qua tháng nọ mê mãi trong việc làm cho sáu căn thỏa mãn với sáu trần. Cứ lo như vậy nhưng có ai được thỏa mãn chẳng ? Gần nhất là cái lưỡi như hôm nay được ăn ngon, chưa chắc ngày mai cũng được ăn ngon. Như vậy lâu lâu mới được một bữa thỏa mãn cho cái lưỡi, vậy mà phải làm đổ mồ hôi xót con mắt chưa biết thỏa mãn được cái lưỡi hay không, huống nữa là thỏa mãn mũi, tai, mắt và thân này. Thật là khó mà cũng thật vô lý, vì đem thân làm để thỏa mãn cái thân, mà thân này có rồi cũng hoại thành không, trần cũng

hoại thành không. Lấy cái không thỏa mãn cái không, như vậy mình có khôn chăng ? Thế nên tôi thường nói, chúng ta như những con dã tràng xe cát ngoài biển, làm một lúc đắp lên hơi cao, rồi một đợt sóng biển ủa đến cuốn trôi mất. Cứ như thế mãi hết ngày này đến ngày khác, chùng nào ngã ra chết mới thôi. Cũng vậy, làm sao chúng ta thỏa mãn được cái thân, không biết chùng nào mới xong. Chưa thỏa mãn kịp thì nó đã hoại và những cái để cho nó thỏa mãn cũng hoại theo. Rốt cuộc chúng ta đã dồn sức để làm một việc phí công vô ích. Vậy mà có lắm người làm được chút việc gì đó, đã vội cho mình khôn, mình thông minh hơn người mà không biết rằng mình đang chạy theo nghiệp thức, quên mất của bấu tức là pháp tánh, chơn nguyên của chính mình.

"Nếu có thu nhận tịnh pháp, ất hay tẩy sạch vọng trần". Bây giờ nếu chúng ta thức tỉnh, học hỏi được chút ít tịnh pháp tức là pháp thanh tịnh của Phật, "ất hay tẩy sạch vọng trần" là chúng ta tẩy sạch được những vọng trần, những tâm tưởng hư dối như những hạt bụi làm che mờ gương sáng của mình vậy.

"Phát tâm bình đẳng nhất chơn, lễ thể pháp thân vô tướng". Nay chúng ta sám hối bằng tâm bình đẳng nhất chơn. Như tôi vừa nói, quý vị biết

mình có Phật tánh, biết mọi người cũng có Phật tánh, ai ai cũng có Phật tánh thì mọi người đều bình đẳng như nhau, gọi là bình đẳng nhất chơn. Như vậy chúng ta lẽ Phật là Phật nào ? Tức là hướng về Phật pháp thân vô tướng, là pháp tánh, là chơn nguyên vậy. Nghĩa là lúc nào chúng ta cũng xoay lại, cũng nhớ mãi nơi ta có tánh giác, tánh giác là bình đẳng. Nhớ mãi, hứa mãi như vậy là chúng ta theo pháp "Bình đẳng sám hối".

"Tiến vào trong ấy thì tự thọ dụng và tha thọ dụng lẫn nhau". Nếu chúng ta tiến vào trong thể pháp thân vô tướng đó, mà đã nói vô tướng thì làm sao tiến vào ? Nghĩa là chúng ta hằng nhớ hằng sống với thể pháp thân thanh tịnh bình đẳng ấy lâu ngày sẽ được tự thọ dụng, tức là cái thọ dụng của chính mình được thanh tịnh sáng suốt. Còn tha thọ dụng là cái thọ dụng cho người. Từ mình thanh tịnh sáng suốt, người gần mình cũng hưởng được thanh tịnh phần nào. Như vậy tự thọ dụng, tha thọ dụng cả hai đều có lợi ích. Được thể tức là chúng ta biết trở về với pháp thân thanh tịnh của chính mình.

"Nhằm bên kia cầu thì diện mục mập mờ liền tự hiện". "Nhằm bên kia cầu" tức nhằm bên thể pháp thân bình đẳng mà cầu. Cầu có nghĩa là trở về, sống lại với thể pháp thân bình đẳng đó thì

bản lai diện mục của mình từ xưa mờ mờ, nay lần lần hiện sáng ra. Đây đi thẳng vào lý chỉ cho pháp thân thanh tịnh. Chúng ta sám hối bằng cách hướng về pháp thân thanh tịnh của mình và nhận chân pháp thân đó không riêng mình có mà tất cả chúng sanh đều có, nên là bình đẳng.

"Tuy nhiên như thế, kiếm chưa rút ra khỏi hộp ngọc thì chỗ loạn khó yên ; thuốc ra khỏi bình vàng thì gốc bệnh mới lành".. Nghĩa là chúng ta tuy biết mình có sẵn pháp thân thanh tịnh hay có tánh giác trong sáng, nhưng "kiếm chưa rút ra khỏi hộp ngọc thì chỗ loạn khó yên". Người đi dẹp giặc loạn, nếu chưa rút kiếm ra để trừ giặc loạn thì giặc loạn chưa yên. Tuy đã có kiếm sẵn ở trong hộp, mà phải dụng công rút kiếm ra khỏi hộp mới có thể trị được giặc, dứt được loạn. Chúng ta cũng vậy, tuy có sẵn tánh giác, có sẵn pháp thân mà nếu không dụng công thì cũng không có diệu dụng. "Thuốc ra khỏi bình vàng, thì gốc bệnh mới lành". Linh đơn thần dược trị bệnh gì cũng khỏi, nhưng nếu nó còn nằm trong bình thì đâu trị lành bệnh được cho người. Vậy phải trút ra khỏi bình vàng thì gốc bệnh mới lành. Hai hình ảnh này nói lên cho chúng ta nhớ, chúng ta sẵn có pháp thân, sẵn có tánh giác giống như trong hộp ngọc chúng ta sẵn có cây kiếm dẹp được tất cả kẻ thù, kẻ loạn.

Tuy có mà chúng ta chưa rút kiếm ra thì kẻ loạn vẫn còn. Cũng như chúng ta có thuốc hay thuốc quý có thể chữa lành tất cả bệnh, nhưng thuốc còn để trong bình thì bệnh thiên hạ vẫn chưa lành. Vì vậy thuốc cần phải rút ra khỏi bình mới có hiệu dụng. Tóm lại hai câu này ý nói tuy chúng ta có pháp thân, có tánh giác sẵn, nhưng phải dụng công tu mới được diệu dụng, được lợi ích cho mình, cho người. Nếu không tu thì tuy nói là hay rất cuộc không được lợi ích gì cả. Đó là lời Ngài nhắc chúng ta phải ứng dụng.

"Trăm khi muôn việc rảnh rồi, xem thấu chỗ sâu xa của ba tạng, gặp được pháp môn này, chỉ thẳng trong người có khả năng thành Phật". Khi đang làm vua cai trị muôn dân mà những lúc rảnh rồi Ngài xem tam tạng kinh để tìm những cái hay rút ra chỉ dạy cho người. Như vậy Ngài là một ông vua thật siêng năng, còn chúng ta hiện nay việc làm chút chút mà than thở bận rộn quá không xem kinh được, không đi chùa được ... thật quá dở. Sở dĩ Ngài nhận được pháp sám hối bình đẳng này là vì biết ai cũng có khả năng thành Phật. Điểm này chúng ta thấy ở Ngài Bồ Tát Thường Bất Khinh đã nói : "Tôi không dám khinh các Ngài, các Ngài đều sẽ thành Phật". "Sẽ thành" tức là có khả năng mới thành được. Do đó mỗi người chúng ta đều có thể thành Phật được.

"Dù là người mất sáng, ngại gì trên gấm thêm hoa. Nếu là tri âm, hãy nên tiến bước" . Hai câu này Ngài khuyến khích rất hay. "Dù là người mất sáng, ngại gì trên gấm thêm hoa". Người mất sáng là người nào ? Trong nhà thiền thường hay nói ai tu thấy được đạo, ngộ được đạo gọi là người mất sáng. Nếu người ngộ đạo thì đối với pháp Bình Đẳng Sám Hối chẳng khác nào như một tấm gấm mà còn thêu thêm hoa nữa, lại càng đẹp hơn. "Nếu là tri âm, hãy nên tiến bước". Tri âm là người tri kỷ với Ngài, hiểu được Ngài, nghe được pháp này hãy rán tinh tấn tu, không nên chần chừ, không thể lơ là.

Qua những lời nhắc nhở của Ngài, chúng ta thấy rất là thiết yếu. Chẳng những mình biết mà muốn cho tất cả mọi người cùng biết, chẳng những mình hành mà muốn cho tất cả mọi người cùng hành. Được như vậy mới gọi là tự, tha đều hữu ích. Ở đây tôi không dẫn những vị Bồ Tát, A La Hán hay những vị Thiền sư đắc đạo ở các nơi, mà tôi dẫn một vị vua Việt Nam đang ở ngôi vị quân vương, cai trị muôn dân, giữ nước, dẹp giặc mà có được cái nhìn thông suốt, thấu đáo như vậy để quý vị lấy đó làm tấm gương sáng noi theo tu học. Đối với hàng cư sĩ, nhìn gương của Ngài sẽ không còn lười biếng, không còn than thở nhiều việc bận rộn

không tu được, không học hiểu được. Đối với người xuất gia chúng ta lại càng hổ thẹn hơn. Hổ thẹn vì mình là người được rảnh rỗi mà tu chưa chắc đã hơn người cư sĩ đang làm vua. Như vậy thật xấu hổ, thật tủi nhục ! Nên càng đọc, càng nghe những lời giảng dạy của Ngài càng thấm thía, càng hổ thẹn thì chúng ta càng phải nỗ lực tiến hơn, tu nhiều hơn, để mai sau khỏi bị người chê trách : Một người đã vì chúng sinh đi tu, nhưng rốt cuộc không làm được gì có lợi ích, uổng đi một kiếp người, một đời tu.

Đó là lời tôi nhắc nhở chung cho tất cả.



Tựa Kinh

KIM CANG TAM MUỘI

DỊCH

Trăm nghe bản tánh lắng mầu, chơn tâm trong lặng, tròn khuyết đều dứt, chẳng phải tánh trí hay tìm được mỗi manh ; tan hợp trọn quên, tai mắt đâu thể dự vào vang bóng ; có không chung lại, đạo tục san bằng ; sừng sững riêng còn, siêu nhiên không gì ngoài. Đây là trọng yếu tánh Kim Cang vậy.

Bởi chúng sanh đã lâu, huân nhiễm nghiệp tập khẩn chặt, tuy có thân thức mà bị sóng gió tri kiến lay động, kè buồng lung hạnh chớp, che đậy chẳng phải không ; người xoay huệ quang soi sáng rất ít. Bèn khiến bốn phương đổi chỗ, mơ màng hướng về ; lối tề đã sai, đường chánh thành nhiều ngõ. Bản giác thủy giác đâu rành, chơn tâm vọng tâm khó phân biệt. Vàng ròng lẫn trong chất quặng, trăng sáng cùng

bụi mù hiện chung. Cố hương, lằm về chốn nào ? Diện mục, quên mất bản lai. Trên đường Niết Bàn rất khó tiến lên, hang ổ sanh tử chui vào có lúc. Cho nên thầy ta bậc Năng Nhân chỉ "vô sanh từ nhân" ; vì thương các khổ đấm chìm nên ôm ấp "tứ hoàng thế nguyện" ; nhọc nhằn da diết "tam tư". Pháp thân lẳng lặng, Báo thân hiện ra, diễm lành hiện rõ ở Triều Chu. Chánh pháp đi, Tượng pháp lại, nơi điện Hán mộng thấy người vàng. Ngài Ca Diếp Ma Đằng, Trúc Pháp Lan chớ kinh vào, Tây Trúc (Ấn Độ) Chấn Đán (Trung Hoa) mới thông. Kinh chữ Phạn dịch ra văn Trung Hoa sáng tỏ, đổi lá bối viết vào giấy lụa. Biển giáo phô bày mọi trần bảo, nghĩa trời hiện rực các vì sao. Hoặc muốn tăng thêm nơi chưa ổn, hoặc mong bổ túc chỗ còn sót, nối gót theo lối Y Ngô, tiến chân trên đường Lưu sa. Vượt biển không xa, quyết chí về Trung Quốc. Từ đời Hán bắt đầu, đến nay mở rộng. Nào là : Thiên, Viên, Bán, Mãn không thiếu ở hòm châu. Nào là : Đốn, Tiệm, Thật, Quyền dầy đầy trong rương báu.

Kinh "Kim Cang Tam Muội", há chẳng phải là loại viên mãn đốn thật hay sao ? Nếu chẳng vậy, sao dùng pháp yếu "vô sanh", trình thần thông làm phương tiện. Đại sĩ (Bồ Tát) hỏi nhân xuất thế. Tôn giả (Phật) gieo quả cứu cánh. Muốn đẹp trừ có trụ có diệt, trước nên vô tướng vô sanh. Thấy sanh niệm nơi vọng niệm là mờ, khởi thủy giác nơi bản giác là lợi. Chuyển các tình thức vào thức Am Ma La. Quên đầu không đoái thân mình, duỗi tay dặt về nơi thật tế. Nếu chấp ngoại trần duyên hợp là có, liền bàn chơn tánh vốn không và tam tướng không quan hệ, tứ thiền làm gì có ? Hòa các vị thành vô thượng vị, đũa các dòng thành dòng sông bất nhị. Xoay chuyển vọng tâm biến kế, tiếp nhập thức Như Lai Tạng, bao gồm hiển bày một tâm. Người nhờn chấp mà mê, như Man, Thục giữ nhau. Người tùy sai mà ngộ, như Lỗ, Tề một lần đổi.

Trăm xét đức làm chủ cả nước, chân dặt muôn dân, mỗi khi nghĩ đến gian nan, quên mất sớm tối. Việc tuy hằng vạn, trộm lúc rảnh rang, chăm việc tiếc giờ, học

càng tăng tiến. Chữ nghĩa còn ngại chưa rành, đêm đến canh khuya mà vẫn còn chăm học. Đã đọc sách Khổng Tử, lại xem kinh nhà Phật. Kinh này một phen xem, trăm thứ cảm hứng nảy sinh, tìm tòi chỗ thâm áo, ba năm chín suy. Gặm nhấm nghĩa vị, thu thập văn hoa, muốn rõ lời Phật, để giúp ích phần nào cho kẻ hậu học. Lạm đem cái thấy biết cạn hẹp, hầu mở mang cho đàn vượn ngốc. Do đó, diễn tả lòng mình, tự làm chú giải. Tìm áo nghĩa nơi Long cung, dò lời mầu nơi Thấu lãnh, nhỏ từng giọt nước trong nguồn Chánh giác, bồi từng hạt bụi trên đường Chân như. Phát huy u chi, mở sáng chân tông, khiến người vừa mở xem, liền thấy nghĩa rõ ràng. Phá giậu phen cố chấp của bọn tà, làm thầy nhóm nghĩa đồ nghi thức. Vọng kiến mênh mang, dần biết hướng châu phương bắc, đường mê chi chút, tạm biết lối chánh về nam. Để làm chỗ nương cho học giả, mới thấy lòng Trâm không keo sên. Cho nên làm lời tựa.

GIẢNG

Sau khi đọc và giải thích xong quyển Kinh Kim Cang Tam Muội, Ngài Trần Thái Tông có làm bài tựa gọi là "Tựa Kinh Kim Cang Tam Muội". Rất tiếc quyển Kinh Ngài giảng đã mất, chỉ còn lại bài tựa chúng ta học hôm nay. Đọc bài tựa này chúng ta biết tổng quát quyển Kinh Kim Cang và biết được tâm niệm của Ngài đối với người hậu học.

"Trẫm nghe bản tánh lắng mầu, chơn tâm trong lặng, tròn khuyết đều dứt, chẳng phải tánh trí hay tìm được mối manh ; tan hợp trọn quên, tai mắt đâu thể dựa vào vang bóng ; có không chung lại, đạo tục san bằng ; sừng sững riêng còn, siêu nhiên không gì ngoài. Đây là trọng yếu tánh Kim Cang vậy".

Trước tiên Ngài giải thích thế nào là tánh Kim Cang.

"Bản tánh lắng mầu, chơn tâm trong lặng". Bản tánh yên tịnh mà nhiệm mầu, chơn tâm trong trẻo, lặng lẽ không dấy động.

"Tròn khuyết đều dứt, chẳng phải tánh trí hay tìm được mối manh". Hai bên tròn và khuyết đều không còn, không thể dùng trí suy gẫm hiểu biết để tìm ra manh mối của chân tâm. Vì bản tánh chân tâm lia dối dãi, nên dù dùng trí tìm hiểu cũng không thể được.

"Tan hợp trọn quên, tai mất đâu thể dự vào vang bóng". Tan và hợp đều quên, hai đối đãi đều dứt, dùng mắt dùng tai để thấy nghe vẫn không thể được. Dù cố lắng tai nghe hay chú mắt nhìn, chúng ta không bao giờ nghe được vang, thấy được bóng của chân tâm bản tánh.

"Có không chung lại, đạo tục san bằng". Có không đều hợp nhất, có không riêng ngoài không, không cũng không ngoài có. "Đạo tục san bằng", đạo là người xuất gia, tục là người tại gia, hai bên đều bình đẳng, người xuất gia có bản tánh chân tâm, người cư sĩ cũng có chân tâm bản tánh. Chân tâm lia đối đãi không mắc kẹt hai bên, không thể nói người xuất gia mới có chân tâm, người tại gia vô phần. Ai ai cũng bình đẳng như nhau.

"Sùng sùng riêng còn, siêu nhiên không gì ngoài". Sùng sùng riêng còn là chỉ bản thể rõ ràng sùng sùng, trùm khắp, vượt hơn tất cả, không có cái gì thoát ngoài nó được.

"Đây là trọng yếu tánh Kim Cang vậy". Tánh Kim Cang quan trọng là như vậy. Tánh Kim Cang là chỉ bản tánh chân tâm của con người. Tại sao ? Vì Kim Cang là chất cứng nhất đối với tất cả những loài khoáng sản, nó phá được tất cả chất cứng khác mà không chất nào phá được nó. Cũng vậy, tất cả sự vật mắt thấy tai nghe đều là tướng đối đãi sinh

diệt nên là tạm bợ giả dối. Còn bản tánh chân tâm không phải là tướng sinh diệt nên dụ như Kim Cang. Bản tánh chân tâm là từ chuyên môn để chỉ tánh thấy nghe hiểu biết của chúng ta. Tánh này không bị vô thường sinh diệt mà nó bao trùm tất cả cái vô thường sinh diệt, cho nên dùng từ "sùng sùng riêng còn, siêu nhiên không gì ngoài".

Bản tánh Kim Cang ai ai cũng có, nhưng nếu có người đặt câu hỏi : Tánh Kim Cang của tôi ở đâu ? Có ai chỉ được không ? Nghĩ lời Phật Tổ dạy chúng ta tin mình có tánh Kim Cang, nhưng không biết nó ở đâu. Vậy tánh Kim Cang có hay không ? Đây là một câu hỏi để chúng ta suy gẫm, rồi một lúc nào bỗng nhiên chúng ta biết mình có thật, không còn nghi ngờ nữa.

"Bởi chúng sanh đã lâu huân nhiễm nghiệp tập khẩn chặt, tuy có thần thức mà bị sóng gió tri kiến lay động, kẻ buông lung hạnh nhớt, che đậy chẳng phải không ; người xoay huệ quang soi sáng rất ít". Ai cũng có chân tâm thanh tịnh, nhưng do nghiệp tập huân vào làm cho nhờn nhớt, khẩn chặt nơi mình. Huân nhiễm là chũ Hán, huân là xông ướp, nhiễm là nhuộm nhờn. Thí dụ như chúng ta có cái khăn tay trắng mới chưa có nhiễm dơ. Muốn khăn có mùi thơm hoa lài, chúng ta lấy hoa lài ủ vào, một lát sau khăn có mùi thơm hoa lài đó gọi

là ướp. Muốn có mùi thơm hương trầm, chúng ta đốt gỗ trầm và xông khói cái khăn, một chốc sau, khăn có mùi hương trầm đó gọi là xông. Vậy khăn không tự có mùi thơm hương trầm hay hoa lài mà phải nhờ xông ướp. Như thế từ không, xông ướp mãi thành có, mùi thơm tuy có mà không thấy, tuy không thấy mà vẫn dính. Chúng ta cũng như vậy, ai cũng có chân tâm thanh tịnh, thanh tịnh thì đâu có nhiễm ô, nhưng vì xông ướp những tập nghiệp thế gian, lâu ngày trở thành như nhớp. Những tập nghiệp đó là gì ? Thí dụ như chúng ta quen ai làm việc gì vừa ý thì vui, không như ý thì giận. Chân tâm vốn thanh tịnh, không có nóng giận, nhưng vì thói quen muốn hơn thiên hạ, muốn được tiếng khen, nên bị chê thì nổi giận liền. Đó là do mới huân tập, chớ không phải chân tâm sẵn có. Từ khi lọt lòng mẹ đến nay, nếu không có ai khen chê thì sau này khi nghe chê chúng ta có giận không ? Hẳn là không. Sở dĩ có giận vì chúng ta quen được khen, nên bị chê là nổi tức ngay, đó gọi là huân tập, là xông ướp thói quen. Lời khen có khi thiệt, có khi khen cho vừa lòng, nếu nghe khen là vui, quen được như vậy, đó là ngầm chấp cái ngã của mình là tốt là hay. Vui mừng hay nổi giận vốn không có trong chân tâm thanh tịnh mà do xông ướp những thói quen của thế gian biến thành nghiệp cứng chắc nơi mình.

"Tuy có thân thức mà bị sóng gió tri kiến lay động". Chữ thức ở đây không phải là vọng thức mà chỉ cho thức thứ chín, gọi là thức Am ma la theo tiếng Phạn. Chúng ta có sẵn thức thanh tịnh nhưng bị sóng gió tri kiến làm cho lay động. Đây không phải tri kiến Phật mà là tri kiến chúng sanh. Sóng gió tri kiến là do thấy nghe hiểu biết đuổi theo sáu trần, làm cho biến thức thanh tịnh bị xao động nổi sóng.

"Kẻ buông lung hạnh nhiếp, che đậy chẳng phải không". Khi đuổi theo sáu trần chúng ta buông lung hạnh nhiếp, tức là buông theo những niệm tham sân si, làm che đậy tâm thức trong sạch sáng suốt nơi mình.

Đoạn này Ngài Trần Thái Tông muốn nói : Mọi người ai cũng có chân tâm thanh tịnh, nhưng vì đuổi theo sáu trần nên dao động, tạo những hạnh nhiếp như che đậy bản tánh trong sạch, sáng suốt. Số người này rất nhiều.

"Người xoay huệ quang soi sáng rất ít". Còn người biết xoay trí huệ sáng suốt soi chiếu lại bản tánh chân tâm, không để bụi như phủ kín, số người này quá ít. Như vậy mỗi ngày chúng ta chạy theo sắc, thanh, hương, vị ... độ bao nhiêu giờ, còn được bao nhiêu phút ngồi để xoay lại tìm cái chân thật nơi mình. Ở Thiền viện mỗi ngày chắc chắn

chúng ta được sáu tiếng đồng hồ ngồi xoay lại nhưng vẫn bị thiệt thòi, vì ma ngủ che mất ít ra cũng mất hai tiếng, chỉ còn bốn tiếng cho người biết xoay lại, thật là quá ít ! Còn thời gian thả trôi ra ngoài lại quá nhiều, khi tỉnh khi mê, lúc quên lúc nhớ, không hoàn toàn sáng suốt. Khi mê lầm chạy theo bên ngoài thì thế nào ?

"Bèn khiến bốn phương đổi chỗ, mơ màng hướng về ; lối tề đã sai, đường chánh thành nhiều ngõ". Nếu chúng ta buông lung hạnh chớp thì bản tánh bị che mờ, tâm thể bị khuất lấp, "bèn khiến bốn phương đổi chỗ", tức là không biết nhận định đâu chánh đâu tà, đâu chơn đâu ngụy. Cho nên "mơ màng hướng về", đối với đường trở về bản tánh, chúng ta mơ màng không biết.

"Bốn phương đổi chỗ", trong Kinh Lăng Nghiêm có nói rất rõ. Thí dụ như cái bàn có bốn góc, mỗi góc ở một phương : Phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc. Như hiện giờ tôi đang ngồi giữa, tôi nói : Đây là đông, đây là tây, kia nam, kia bắc. Giả sử tôi đổi chỗ ngồi sang một bên phía đông thì góc bàn phía đông đối với tôi biến thành phía tây. Nếu tôi đổi qua ngồi phía trên thì góc bắc biến thành nam mất rồi. Thế nên nói bốn phương đổi chỗ vì khi mình dời vị trí, bốn hướng cũng đổi theo, không có cố định. "Bèn khiến

bốn phương đổi chỗ" tức là không tìm ra được hướng cố định nữa, nên đường về sẽ mơ màng không nắm vững.

"Lối rẽ đã sai, đường chánh thành nhiều ngõ".
Đã đi lầm trong lối rẽ, chúng ta không còn nhận ra đường chánh. Đi trong đường rẽ mà tưởng lầm là đường cái thì không bao giờ tìm ra đường cái được.

"Bản giác thủy giác đầu rành, chơn tâm vọng tâm khó phân biệt". Bản giác là chỉ cho tánh giác sẵn có nơi mọi người, còn thủy giác là chỉ cho tánh giác mới ngộ thấy sau này. Như vậy thủy giác là cái mới nhận, bản giác là cái sẵn có. Trong nhà Thiền hay đặt câu hỏi : Ai xúi giục các ông đi tu ? Cha mẹ không xúi giục, anh chị em cũng không, vậy ai xúi giục mình đi tu ? Chính là bản giác. Vì động cơ bên trong là bản giác nên nó mới thúc đẩy mình đi tìm cái giác. Vậy nếu ai có hỏi : Tại sao Thầy đi tu, thì trả lời : Tại bản giác của tôi thúc đẩy tôi đi tu. Đó là một sự thật mà ít người biết được. Cũng như nhân đói bụng mình mới đi tìm cơm cháo, ai xúi giục ? Bao tử đói là động cơ bên trong, nó mới xúi mình được. Có nhu cầu nơi mình cho nên mình mới tìm kiếm cái đó. Cũng như vậy, bản giác thúc đẩy mình đi tìm cái giác, nó ngầm sâu bên trong, chúng ta không thấy. Đến khi học

đạo rồi thỉnh thoảng chúng ta thức tỉnh, giác ngộ được chân lý sẵn có nơi mình. Nhận ra sau gọi là thủy giác, tức là cái giác sau.

Tôi giải thích xa hơn một chút : Trên chánh điện Thiền viện Trúc Lâm, ở giữa thờ đức Phật Thích Ca, hai bên là tượng Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền. Thường ở các chùa thì tượng Ngài Văn Thù cỡi sư tử, cầm kiếm, còn Ngài Phổ Hiền cỡi voi, cầm hoa sen. Nhưng ở Thiền viện đây có hơi khác, hai vị Bồ Tát là hai biểu trưng : Bồ Tát Văn Thù biểu trưng cho trí tuệ bản giác hay Căn bản trí. Ngài cầm một vật giống như ống loa và cầm cây gõ, tiếng nó vang lên, mình lắng tai nghe, đây là tượng trưng cho bản giác hay Căn bản trí có sẵn nơi mỗi người. Còn Bồ Tát Phổ Hiền tay cầm quyển sách xem là huân tập những hiểu biết hiện tại, Ngài tượng trưng cho thủy giác hay là Sai biệt trí. Căn bản trí hay bản giác là gốc giác ngầm sẵn có bên trong, nó thúc đẩy mình đi tìm cái giác. Sai biệt trí hay thủy giác có công dụng giáo hóa chúng sinh. Hiểu như vậy mới biết mỗi vị Bồ Tát có chỗ tượng trưng khác nhau.

Nơi các chùa khác, hình ảnh hai Ngài tượng trưng cho trí tuệ và hạnh nguyện. Bồ Tát Văn Thù cỡi sư tử, cầm kiếm là tượng trưng trí tuệ cắt đứt tất cả dây triền phược. Bồ Tát Phổ Hiền cỡi voi,

cầm hoa sen là tượng trưng cho hạnh nguyện giáo hóa chúng sinh. Nếu có trí tuệ mà không hạnh nguyện để đem ứng dụng, đó là trí tuệ suông, không có lợi ích cho ai. Thế nên phải có hạnh nguyện mới làm được những điều lợi lạc, tức là phải lặn vào trong cõi đời ô trược để cứu độ chúng sinh. Hiểu như vậy chúng ta mới rõ ý nghĩa tượng trưng của mỗi hình tượng Bồ Tát.

"Chơn tâm vọng tâm khó phân biệt". Như hiện giờ chúng ta nói chơn tâm, vọng tâm, nhưng không biết cái nào là chơn, cái nào là vọng. Khi chúng ta dấy niệm suy nghĩ, đó là vọng tưởng, vọng tâm. Còn biết rõ ràng không mờ昧, biết một cách sáng suốt mà không niệm khởi, đó là chơn tâm.

"Vàng rờng lẫn trong chất quặng, trắng sáng cùng bụi mù hiện chung". Đây rất khó giản trạch. Khi vàng rờng ở trong quặng, trong mỏ, khó phân biệt cái nào là vàng, cái nào là cặn bã, cũng như "trắng sáng cùng bụi mù hiện chung". Khi trắng sáng, ánh sáng rọi khắp bầu trời, khắp cả hư không, lúc đó có những hạt bụi lẫn trong hư không thì ánh trắng rọi chung với bụi, thật khó phân biệt cái nào là bụi, cái nào là ánh sáng mặt trăng. Nhưng ánh sáng và bụi khác nhau, ánh sáng sáng mà không động, bụi thì lay động lằng xằng. Trong Kinh Lăng Nghiêm có một ví dụ : Ban ngày mặt

trời lên, ánh nắng rọi qua cửa sổ, nhìn theo làn ánh sáng, chúng ta thấy rất nhiều hạt bụi lửng lơ bay qua lại. Ánh sáng sáng mà không động, bụi thì lay động, nhưng bụi và ánh sáng không thể tách rời nhau được, chính chỗ này là chỗ thiết yếu của sự tu. Bụi động mà không ngoài ánh sáng, vọng tưởng là động mà không ngoài chơn tâm. Chơn tâm không động mà hằng tri hằng giác, giống như ánh sáng mặt trời, sáng mà không động, còn bụi ở trong ánh sáng đó thì lay động, dời đổi chỗ luôn. Vậy chúng ta tu phải khéo giản trạch, nếu ngồi để tìm chơn tâm là bệnh, thật ra chơn tâm không cần tìm, tìm chân tâm hay cầu giác ngộ đều là bệnh. Không tìm cầu, chỉ nhìn ánh sáng có bụi, thì biết bụi, biết ánh sáng. Ánh sáng không phải là bụi, bụi không phải là ánh sáng, biết rõ như vậy thì không quên ánh sáng. Vì thế tôi chỉ đơn giản nói : "Biết vọng không theo" là đủ. Không theo vọng thì chơn hiện, không phải tìm đâu xa. Thế mà có nhiều người không biết, ngồi lại tìm cho ra cái chơn, càng tìm càng mất, càng tìm càng xa, tại sao ? Vì nó là hiện hữu, lại đi tìm nó, thành ra mất cái hiện hữu, chỗ này phải rất tinh tế mới nhận ra được.

"Cố hương, lấm về chốn nào ? Diện mục, quên mất bản lai". Không nhận ra chân tâm, cũng

không biết vọng tâm, chân vọng không phân, như thế là chúng ta đã lẫn lộn bụi và ánh sáng, đất quặng và vàng ròng, không biết đâu là thật đâu là giả. Khi đã lầm rồi thì chúng ta quên mất cố hương, cho nên nói "cố hương, lầm về chốn nào". Muốn về cố hương nhưng không biết nơi đâu. Chúng ta cứ nghĩ mình xa quê hương trăm ngàn dặm, nên bây giờ tìm về nơi đó. Thật ra cố hương là nơi không nơi, không nơi không chốn, nhưng lại là chỗ muôn đời của mình. Hiện nay do hoặc nghiệp tạo ra thân cảnh, chúng ta đuổi theo, đây là chỗ tạm, không phải cố hương, chúng ta chỉ là khách tạm, vậy cố hương ở đâu ? Nếu chúng ta không phân biệt được chân vọng, không thấy rõ bản giác, thủy giác, thì chúng ta đã quên cố hương, không biết đâu mà tìm.

"Diện mục, quên mất bản lai". Mặt thật xưa nay của mình cũng quên mất. Đã quên cố hương thì quên mất cả mặt thật xưa nay. Mặt chúng ta hiện nay vài mươi năm sau thì hoại mất không còn, cho nên nó không thật. Mặt thật xưa nay mới là chân diện mục mà mình đã quên mất, chỉ sống với cái tạm bợ thôi.

"Trên đường Niết Bàn rất khó tiến lên, hang ổ sanh tử chui vào có lúc". Bởi quên mất cố hương, quên mất bản lai diện mục, nên con đường Niết

Bàn muốn tiến lên, làm sao tiên được ? Vì không tiên được nên đang chui vào hang ổ của sanh tử, chúng ta quá thật là những kẻ ngu si.

"Cho nên Thầy ta bậc Năng Nhân chỉ "vô sanh từ nhân". Ngài Trần Thái Tông nói Thầy ta là chỉ đức Phật, là bậc Năng nhân, tức là có khả năng làm cho mọi người hết khổ được an vui (Nhân là nhân từ, cứu người hết khổ). Vì thế nên Ngài chỉ ra pháp "vô sanh từ nhân", tức là lòng từ an nhân chỗ vô sanh. Vô sanh là chủ yếu của Kinh Kim Cang Tam Muội.

"Vì thương các khổ đắm chìm nên ôm ấp "tứ hồng thệ nguyện" ; nhọc nhằn da diết "tam tư". Đức Phật thương xót chúng sanh đang chịu đau khổ chìm đắm trong sanh tử, nên Ngài mới ôm ấp "Tứ hồng thệ nguyện" :

*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.*

Vì thương chúng sanh chìm đắm trong biển khổ nên đức Phật ôm ấp lòng từ bi nguyện độ tất cả chúng hàm linh.

"Nhọc nhằn da diết tam tư" (1), lòng Ngài luôn luôn nhọc nhằn da diết trong việc độ sinh.

"Pháp thân lắng lặng, Báo thân hiện ra, diễm lành hiện rõ ở triều Chu. Chánh pháp đi, Tượng pháp lại, nơi diện Hán mộng thấy người vàng".

"Pháp thân lắng lặng" là nói về pháp thân thanh tịnh, tịch tĩnh không dấy động. "Báo thân hiện ra" nghĩa là báo thân từ pháp thân mà hiện, do phúc báo hiện ra hình tướng. "Cho nên diễm lành hiện rõ ở triều Chu", thể pháp thân bất sanh bất diệt lắng lặng không hình tướng, nhưng vì bi nguyện, nên mới dùng báo thân hiện ra đời để cứu độ quần sinh. Chữ "triều Chu" là chỉ đời nhà Chu. Theo Thánh ký ở Trung Hoa, đức Phật sanh ra năm thứ hai mươi sáu đời Chu Chiêu Vương, tức là năm 1127 trước Công Nguyên. Pháp thân lắng lặng, báo thân tùy duyên ứng hiện ra đời, vì thể

(1) *Tam tư* : Phạm khi sắp phát khởi hai nghiệp thân và ngữ (lời nói), cần phải có tam tư (ba điều suy nghĩ).

1. *Thậm lự tư* : tức là trước khi muốn nói cần phải suy nghĩ cho cặn kẽ.

2. *Quyết định tư* : tức là trước khi hành động phải có suy nghĩ quyết định (dứt khoát).

3. *Động phát thắng tư* : tức là khi thân và ngữ (lời) hành động thì cần phải suy nghĩ xem việc nào thiện ác, việc nào tốt nhất để làm.

Trong đây, hai cái tư đầu thuộc về ý nghiệp. Cái tư thứ ba (động phát thắng tư) là thuộc về hai nghiệp thân và ngữ

đức Phật mới sanh ra ở Ấn Độ, nhằm triều nhà Chu bên Trung Hoa.

"Chánh pháp đi, Tượng pháp lại, nơi điện Hán mộng thấy người vàng". Thời chánh pháp là năm trăm năm đầu lúc đức Phật còn tại thế. Thời tượng pháp là năm trăm năm kế tiếp sau. Trong thời sau này vua Hán Minh Đế, niên hiệu Vĩnh Bình thứ bảy, năm sáu mươi bốn trước Công Nguyên, một đêm nằm mộng thấy có người vàng, trên đầu tỏa ánh hào quang. Nhà vua mới hội quần thần lại, hỏi người đó là ai ? Có người biết nói đó là hình ảnh đức Phật bên Ấn Độ, nhà vua mới cho người sang Tây Trúc thỉnh kinh, và rước chư Tăng về.

"Ngài Ca Diếp Ma Đằng, Trúc Pháp Lan chở kinh vào, Tây Trúc (Ấn Độ) Chấn Đán (Trung Hoa) mới thông". Hai vị Tăng Ấn Độ theo lời mời của vua Hán Minh Đế chở kinh về Trung Hoa. Từ đó Ấn Độ với Trung Hoa mới thông, Trung Hoa mới hiểu những kinh điển của Phật.

"Kinh chữ Phạn dịch ra văn Trung Hoa sáng tỏ, dõng lá bối viết vào giấy lụa". Ở Ấn Độ ghi kinh trên lá bối, từng miếng xâu lại thành một thiên, gồm một ngàn miếng, nên từ thường dùng là bối điệp, tức là kinh lá bối. Kinh từ chữ Phạn dịch sang văn Trung Hoa rất sáng tỏ, ghi kinh không dùng lá bối nữa mà viết vào lụa trắng.

"Biển giáo phô bày mọi trần bảo, nghĩa trời hiện rục các vì sao". Biển giáo tức là giáo lý Phật rộng như biển cả, trong ấy toàn là những lời vàng ngọc quý báu. "Nghĩa trời hiện rục các vì sao", nghĩa của kinh mênh mông như trời cao biển rộng, trong kinh có những điểm sáng suốt rất là cao quý.

"Hoặc muốn tăng thêm nơi chưa ổn, hoặc mong bổ túc chỗ còn sót, nối gót theo lối Y Ngô, tiến chân trên đường Lưu sa". Ngài Trần Thái Tông khi đọc kinh Phật thấy một hai chỗ chưa ổn, Ngài muốn làm cho dễ hiểu hơn, hoặc thấy những chỗ còn thiếu sót, Ngài muốn bổ túc cho được đầy đủ. Đó là "nối gót theo lối Y Ngô", tức là bắt chước đi theo con đường buôn bán tơ lụa để qua Ấn Độ. Các vị Tăng khi xưa cũng theo đường đó từ Ấn Độ sang Trung Hoa. Đường Y Ngô thuộc vùng đất của Hung Nô ngày xưa, nhà Đông Hán chiếm lấy làm đường sang Tây Vực, nay thuộc huyện Cáp Mật tỉnh Tân Cương. Đây là vùng sa mạc nên cũng gọi là Lưu sa, lưu là di chuyển, sa là sa mạc, tức là đường lưu chuyển qua vùng sa mạc. Như vậy ý Ngài Trần Thái Tông muốn nói khi đọc Kinh Phật Ngài hiểu được những điều cao siêu quý báu, Ngài muốn nối gót theo những vị truyền giáo ngày xưa từ Ấn Độ sang Trung Hoa, nên Ngài cố gắng tìm cách để bổ túc thêm những chỗ còn thiếu sót.

"Vượt biển không xa, quyết chí về Trung Quốc". Các vị truyền giáo khi trước hay Tổ Bồ Đề Đạt Ma sau này cũng đều đi đường biển sang Trung Hoa.

"Từ đời Hán bắt đầu, đến nay mở rộng". Khởi sự từ đời Hán Minh Đế đến nay, sự truyền bá Phật pháp càng ngày càng mở rộng.

"Nào là : Thiên, Viên, Bán, Mãn không thiếu ở hòm châu". Chữ thiên là chỉ cho thiên lệch, nằm một bên, viên là tròn đủ, bán là phân nửa, mãn là đầy khắp. Trong những bài kinh, tùy duyên người hỏi, đức Phật trả lời. Người căn cơ cao Ngài dạy pháp cao, người căn cơ thấp Ngài dạy thấp. Đối với người ngoại đạo, Ngài dùng luận ngoại đạo để chuyển họ trở về chánh pháp. Bởi thế Phật nói pháp không có nhất luật giống nhau, có khi chỉ nói phân nửa hay một phần chân lý. Còn những bài kinh gọi là "Vô vấn tự thuyết", nghĩa là không ai hỏi mà tự lòng Phật muốn dạy, đó mới thật là kinh gốc. Tùy hỏi mà đáp, cao thấp khác nhau, nên trong kinh Phật có những bài kinh chưa viên mãn. Thí dụ như trong Kinh Thi Ca La Việt hay là "lễ bái lục phương", ông Thi Ca La Việt sáng nào cũng ra trước nhà lạy sáu phương. Một hôm ông đang lạy, Phật đi tới hỏi : Ông lạy cái gì ? Ông đáp : Tôi cũng không biết nữa, cha tôi khi

trước dạy sáng nào cũng phải lạy sáu phương, tôi cứ y lời cha dạy mà làm. Nhân đó đức Phật mới dạy ý nghĩa lễ bái lục phương, lạy phương đông là ý nghĩa gì, phương tây ý nghĩa gì v.v... Từ ý của ngoại đạo Ngài chuyển về đạo lý chân thật, nhưng chưa phải hoàn toàn, chỉ có một phần thôi nên gọi là thiên hay bán. Song tất cả pháp Phật dạy đều chứa đựng những của báu, cho nên nói "không thiếu ở hòm châu", nghĩa là rương chứa đầy châu báu.

"Nào là : Đốn, Tiệm, Thật, Quyền đầy đầy trong rương báu". Đốn là đốn ngộ. Tiệm là tiệm tu, là pháp tu từ từ. Thật là chỉ ngay cái chân thật. Quyền là dùng phương tiện để hướng dẫn người đi. Vì thế giáo lý của đức Phật, đốn tiệm thật quyền tuy có khác, nhưng đều là của báu, nên tất cả đầy đầy trong rương báu không có thiếu. Tóm lại Ngài Trần Thái Tông tán thán kinh điển Phật dạy, Ngài thấy kinh Phật là rất cao quý, mệnh mệnh rực rỡ như những hòn ngọc quý, những của báu vô giá. Dù trong kinh có chia ra thứ bậc sai biệt, nhưng đều là của báu chớ không phải thường.

Sau đây Ngài nói thẳng về Kinh Kim Cang.

"Kinh Kim Cang Tam Muội há chẳng phải là loại viên mãn đốn thật hay sao ?" Ngài đặt câu hỏi mà chính là đã trả lời. Phần trên có nói kinh

điển Phật chia ra thiên, viên, bán, mãn hay đốn, tiệm, thật, quyền. Nhưng xét lại riêng quyển Kim Cang Tam Muội này không phải là viên, mãn, đốn, thật hay sao ? Quả thật vậy, Kinh Kim Cang Tam Muội là viên giáo, mãn giáo, đốn giáo, thật giáo.

"Nếu chẳng vậy, sao dùng pháp yếu "vô sanh", trình thần thông làm phương tiện". Nếu không phải là viên mãn đốn thật thì làm sao trong kinh này lại lấy pháp yếu "vô sanh" làm chủ ? Còn những thần thông chỉ là phương tiện. Đoạn sau tôi sẽ dẫn trong kinh để chỉ pháp yếu vô sanh là gì.

"Đại sĩ (Bồ Tát) hỏi nhân xuất thế. Tôn giả (Phật) gieo quả cứu cánh". Trong các kinh thường gọi đức Phật là Thế Tôn, trong Kinh Kim Cang Tam Muội thừa là Tôn giả. Bồ Tát hỏi về nhân xuất thế, đức Phật chỉ cho quả cứu cánh, tức là quả vị cùng tột.

"Muốn dẹp trừ có trụ có diệt, trước nên vô tướng vô sanh". Thấy được vô tướng vô sanh là trừ được sinh trụ dị diệt. Thí dụ như hiện giờ cái bàn ở đây đang còn gọi là trụ, ngày mai nó cũ mục gọi là dị, sau này nó hoại đi gọi là diệt. Nếu thấy cái bàn là thật thì có đúng bản chất trụ diệt của nó không ? Cho cái bàn là thật là chúng ta lầm, vì không đúng với bản chất của nó. Nguyên thể cái bàn là tướng thành trụ hoại không, phàm có tướng

là phải hoại, phải không. Còn ở chung quanh chúng ta có cái gì không hoại, không không chẳng ? Thí dụ như hư không trong cái nhà này có hoại chẳng ? Nếu cái bàn là có, thì chỗ không này gọi là gì ? Là hư không. Như vậy đây là có cái bàn, đây là có hư không. Nhưng cái bàn này có tướng, nên bị hoại diệt, hư không này không tướng, ai hoại diệt được nó ? Chúng ta phải nhớ cái không đây là không có tướng, chớ không phải là không ngo. Thường chúng ta hay phân biệt theo con mắt, vật gì có tướng gọi là có, không tướng gọi là không. Như thế con mắt chúng ta có đáng tin chẳng ? Thật ra trong cái không này còn có không khí, có vô số vi trùng, có những làn điện chẳng chịt mà chúng ta không thấy. Vì không thấy nên nói không, nên không đúng chân lý. Chẳng qua con mắt chúng ta chỉ thấy cái thô, không thấy được cái tế, chớ chẳng phải không có cái tế. Có cái có tướng, có cái không tướng, có tướng thì bị hoại, không tướng thì không hoại. Thế nên nói "muốn dẹp trừ có trụ có diệt, trước nên vô tướng vô sanh". Nhận ra cái vô tướng, cái đó là vô sanh.

Trở lại con người chúng ta, thân này là có tướng. Có tướng ắt hoại diệt, bám vào cái hoại diệt cho là thật, cho là ta, sẽ có lỗi gì ? Thế thì ta là cái hoại diệt, ta sẽ mất đi. Còn ngay trong thân

hoại diệt có cái không có tướng, không hoại diệt mà chúng ta lại bỏ quên. Vì vậy chúng ta phải nhận ra cái không tướng đó, mới là vô sanh.

Cái không tướng là cái gì ? Tức là cái thấy, cái nghe..., nó không có tướng. Học Kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy rất rõ điều này. Đức Phật từng hỏi Ngài A Nan chấp cái có tướng mà quên cái vô tướng. Đức Phật dùng thí dụ đưa tay lên và hỏi Ngài A Nan : Ông thấy không ? Ngài A Nan thưa : Bạch Thế Tôn, thấy. Phật để tay xuống lại hỏi : Ông thấy không ? Ngài đáp : Bạch Thế Tôn, không thấy. Khi Phật đưa tay lên Ngài A Nan nói thấy, để tay xuống lại nói không thấy. Vậy cái thấy là cái tay phải không ? Có cái tay nói có thấy, không tay nói không thấy, như thế đã lầm cái thấy với cái tay mất rồi. Biến cái tay thành cái thấy mà quên mất cái thấy đi, nên Phật mới giảng dạy : Đưa tay lên thì ông thấy có cái tay, để tay xuống thì thấy không có tay, chớ đâu phải không thấy. Nếu không thấy làm sao biết không có cái tay ? Vì lẫn lộn giữa cái tay và cái thấy, thành ra chúng ta chỉ biết cái có tướng mà quên đi cái không tướng, chả trách chúng ta trôi lăn trong sanh tử !

Đến thí dụ đánh chuông, đức Phật dạy Ngài La Hưu La đánh tiếng chuông "boong", rồi hỏi

Ngài A Nan : Ông nghe không ? Ngài A Nar. thưa : Bạch Thế Tôn, nghe. Tiếng chuông lặng hết, Phật hỏi : Ông nghe không ? Ngài thưa : Bạch Thế Tôn, không nghe. Phật lại dạy đánh chuông một lần nữa và hỏi : Nghe không ? - Thưa nghe. Chuông lặng, hỏi : Nghe không ? - Thưa không nghe. Nên Ngài A Nan bị Phật quở một lần nữa : Có tiếng chuông thì ông nghe tiếng chuông, khi tiếng chuông lặng hết thì ông nghe không có tiếng chuông, tại sao lại nói không nghe ? Nếu không nghe làm sao biết không có tiếng chuông ? Chúng ta hiện nay cũng lầm lẫn như vậy, có tiếng động nói có nghe, không tiếng động nói không nghe. Vậy là chúng ta đã đồng hóa tiếng động thành cái nghe, nên quên mất cái hay nghe, tức là quên mình. Kỳ thật tiếng động có sanh có diệt, song cái hay nghe không diệt không sanh. Thế mà chúng ta lại chấp cái sanh diệt là mình, mà quên đi cái không sanh diệt, quên đi cái vô tướng vô sanh. Chỗ này rất là tế nhị, chúng ta phải hiểu cho thật rõ, nếu không sẽ lầm chấp mà quên mất mình. Vì thế "muốn diệt trừ có trụ có diệt, trước nên vô tướng vô sanh", phải nhận ra cái vô sanh mới diệt trừ được cái trụ diệt.

"Thấy sanh niệm nơi vọng niệm là mờ, khởi thủy giác nơi bản giác là lợi". "Thấy sanh niệm

noi vọng niệm" nghĩa là dang yên tĩnh, bỗng dấy lên một niệm, gọi là sanh niệm, niệm đó che mờ bản giác. Vì mỗi niệm khởi là một hạt bụi, nếu niệm khởi liên miên thì có rất nhiều hạt bụi. Tánh giác giống như mặt gương, một hạt bụi dính vào thì gương mờ đi một chút, nếu nhiều hạt liên tục, lớp lớp phủ lên gương, thì gương sẽ bị mờ đi không sáng nữa. Cũng như vậy, nếu niệm khởi liên miên thì mặt gương trí tuệ bị mờ tối. Thế nên chúng ta tu buông vọng niệm là để cho những hạt bụi vọng tâm đừng tiếp tục dấy lên. Nếu chúng ta dứt được vọng niệm, thì tánh giác của mình được sáng tỏ không bị lu mờ.

"Khởi thủy giác nơi bản giác là lợi", tại sao ? Vì tất cả chúng ta ai cũng có bản giác, tức là tánh giác sẵn có, trong sáng. Khởi lên thủy giác nơi bản giác là có lợi cho chúng sanh. Khởi thủy giác tức là biết xoay chiếu lại, thủy giác là cái sáng xoay lại, từ chuyên môn nhà Thiên gọi là hồi quang. Xoay ánh sáng thủy giác thì sẽ có lợi cho mình, cho nên chỗ chúng tôi nói "biết vọng", chính là dụng của trí, gọi là thủy giác, chớ không phải là cái động của vọng tưởng. Chúng ta không biết nên nói "biết vọng" cũng là động, song không ngờ cái đó là trí, là thủy giác. Thế nên Ngài Trần Thái Tông nói : "Thấy sanh niệm nơi vọng niệm là mờ,

khởi thủy giác nơi bản giác là lợi". Phật dạy chúng ta tu là phải quán, quán chiếu tức là thủy giác. Thí dụ như Phật dạy : Quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường v.v..., đó là thủy giác, chớ không phải là cái động, cái tạm bợ. Chính thủy giác loại bỏ những mê lầm, làm cho bản giác được trong sáng. Vậy thủy giác rất là hữu ích, nên nói là có lợi.

"Chuyển các tình thức vào thức Am Ma La (Àmra Vijnàna)". Trong các Kinh Nguyên thủy chỉ nói sáu thức : Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Bên Đại thừa nói tới tám thức, ngoài sáu thức còn Mạt Na thức (Màna Vijnàna) và A Lại Da Thức (Àlaya Vijnàna). Riêng trong Kinh Kim Cang Tam Muội này nói thêm thức thứ chín là thức Am Ma La. Sáu thức ai cũng hiểu rõ, như mắt duyên với sắc trần khởi phân biệt gọi là nhãn thức, tai xúc chạm với thanh trần khởi phân biệt gọi là nhĩ thức v.v..., cho đến ý duyên với pháp trần dấy khởi phân biệt buồn vui thương ghét, gọi là ý thức.

Thức thứ bảy là thức Mạt Na, cũng gọi là ý hay ý căn, cũng có tên là Truyền tống thức. Thức này có công năng truyền tống (như ông tống thư văn), nghĩa là thấu thập những gì của sáu thức trước và dồn vào thức thứ tám là thức A Lại Da hay là Tàng thức. Thức thứ sáu hay ý thức, khi

có khi không, khi dấy lên hoạt động, khi lắng xuống ẩn vào Mặt Na, nên gọi Mặt Na là ý căn, tức là gốc của ý. Thức Mặt Na không có công dụng nhiều, chỉ bám vào thức thứ tám làm ngã.

Thức thứ tám gọi là A Lại Da, Trung Hoa dịch là Tàng thức, tức là kho chứa đựng. Thức A Lại Da chứa để dành tất cả những gì mắt thấy, tai nghe v.v... gọi chung là chủng tử hay hạt giống. Thức A Lại Da chứa đựng tất cả chủng tử thiện ác, tốt xấu v.v... không lựa chọn, không chê khen. Khi các chủng tử trôi lên (hiện hành) thì chúng ta nhớ biết lại. Vì thức A Lại Da chứa tất cả chủng tử nên còn gọi là Tàng thức.

Thức thứ chín là gì ? Thức thứ chín cũng không ngoài thức thứ tám. Theo Kinh Lăng Già, thức thứ tám gọi là Như Lai Tàng, thức thứ chín gọi là Không Như Lai Tàng. Như Lai Tàng tức là kho của Phật (hay kho Như Lai). Thức thứ tám không có mắt ; vì nó chứa lẫn lộn những chủng tử thiện ác nên nó mang chúng ta đến các nơi theo nghiệp chủng tử chứa trong nó. Hiện giờ chúng ta tu là để loại sạch hết những chủng tử, để tàng thức được hoàn toàn trong sạch, không còn một chủng tử nào tạp nhạp, khi ấy thức này có tên là thức Am Ma La, tức là thức thứ chín. Thức Am Ma La, Trung Hoa dịch ra nhiều tên như : Thanh tịnh thức hay

Vô cấu thức, Chân như thức, Như Lai tạng thức hay là Bạch Tịnh thức. Bạch là trắng, tịnh là sạch. Tuy có nhiều tên nhưng cùng một nghĩa thanh tịnh. Nói tóm lại thức thứ tám khi chứa các chủng tử tạp nhạp gọi là Tàng thức, khi loại hết tất cả chủng tử gọi là Am Ma La thức hay Bạch tịnh thức. Tuy có tên thức thứ chín nhưng thực sự nó chỉ là thức thứ tám sạch hết các chủng tử. Hiểu rõ như vậy mới thấy ý nghĩa Ngài Trần Thái Tông nói : "Chuyển các tình thức vào thức Am Ma La", nghĩa là xoay các tình thức trở về chỗ thanh tịnh, tức là trở về thức Am Ma La.

Quên đầu không doái thân mình, đuôi tay dắt về nơi thật tế". "Quên đầu" là một câu chuyện trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật kể lại : Có chàng Diễn Nhã Đạt Đa, một buổi sáng cầm gương soi mặt, thấy đầu mặt dằng hoàng, úp gương lại đầu mặt mất tiêu, hốt hoảng phát cuồng, ôm đầu bỏ chạy cùng xóm làng và nói "Tôi mất đầu rồi ! Tôi mất đầu rồi !" Đây là câu chuyện "Quên đầu". Chúng ta hiện giờ có giống Diễn Nhã Đạt Đa không ? Nếu nhớ bản giác hiện tiền thì không giống, bằng không nhớ, đó là quên đầu. Tất cả chúng ta có cái chân thật mà quên đi, giống như chàng Diễn Nhã Đạt Đa thấy bóng trong gương cho là thật, mà quên cái đầu thật của mình. Cũng như vậy, chúng ta có

tâm thể thanh tịnh bất sanh bất diệt nhưng chúng ta quên đi, cứ nghĩ điều này việc kia, cho cái suy nghĩ là tôi. Khi dùng nghĩ, lại nói : Tôi đâu mất rồi ! Giống như Diễn Nhã Đạt Đa nói mình mất đầu, không ngờ cái đầu thiệt vẫn còn đây ! Khi vọng tưởng lặn, chính là tâm thể thanh tịnh hiện tiền, có mất đi đâu mà nói tôi không có tâm ! Ở đây nói "Quên đầu không doái thân mình", nghĩa là đầu mình sờ sờ mà quên không nhớ. "Đuổi tay dắt về nơi thật tế", với những người "quên đầu", đức Phật đuổi tay dẫn họ trở về chỉ cái chân thật để cho họ đừng hoảng sợ phát cuồng ôm đầu bỏ chạy.

"Nếu chấp ngoại trần duyên hợp là có, liền bàn chơn tánh vốn không và tam tướng không quan hệ, tứ thiên làm gì có ?" Đối với người chấp ngoại trần duyên hợp cho là có thật, đức Phật liền nói cho họ biết "Chơn tánh vốn không", tức là chơn tánh của mình vốn không có các trần. Không có các trần thì ba tướng sinh, trụ, diệt không quan hệ. "Tứ thiên làm gì có ?" Tứ thiên là Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên và Tứ thiên cũng không phải thật, tức là chỉ cho chúng ta trở về chỗ cứu kính.

"Hòa các vị thành vô thượng vị, đùa các dòng thành dòng sông bất nhị". "Hòa các vị" là đem các mùi vị chuyển thành "vị vô thượng", là nói đức Phật

khéo đem tất cả pháp hòa lại rồi hương dẫn chúng ta đến chỗ cứu kính chơn thật. Cũng như đem các mùi vị hòa hợp lại để thành một vị hơn tất cả.

"Đùa các dòng thành dòng sông bất nhị", nghĩa là trên các con sông, mỗi sông có nhiều chi nhánh khác nhau, bây giờ Ngài dồn các chi nhánh lại thành một "dòng sông bất nhị". Đó là nói ý của Kinh Kim Cang Tam Muội.

"Xoay chuyển vọng tâm biến kế, tiếp nhập thức Như Lai Tàng, bao gồm hiển bày một tâm". Những sách Duy thức học có nói về ba tánh : Biến kế sở chấp tánh, Y tha khởi tánh và Viên thành thật tánh. Biến kế sở chấp tánh là tánh hư vọng chấp sai lầm. Thí dụ như ban đêm đi đường, trời tối lờ mờ, chúng ta thấy sợi dây luột tường là con rắn, hoảng sợ bỏ chạy. Y tha khởi tánh là nương nơi cái khác để thấy biết, đó là nói lên lý nhân duyên. Tức là chúng ta mượn cây đuốc để soi đường, thấy rõ dây là sợi dây thì chúng ta không còn sợ nữa mà chỉ cười cái ngu khi nãy. Viên thành thật tánh là tánh thấy rõ tròn đủ lẽ thật như ánh sáng cây đuốc thấy rõ dây là sợi dây. Chúng ta hiện giờ cũng vậy, vọng tưởng chấp trước đủ việc phải quấy, hay dở, rồi cả ngày sầu muộn lo âu. Thí dụ như một người thân đi xa, có hẹn ngày về. Nhưng đúng ngày hẹn người ấy chưa về,

những người ở nhà biến kế sở chấp, đủ điều, đặt ra đủ trường hợp nguy hiểm để lo sợ, rối loạn lên. Đó toàn là biến kế, không đúng sự thật, mà tưởng tượng ra, giống như tưởng lầm sợi dây là con rắn rồi hoảng sợ. Tâm vọng tưởng là biến kế sở chấp, chúng ta không nên theo nó, bởi thế Ngài Trần Thái Tông nói "Xoay chuyển vọng tâm biến kế, tiếp nhập thức Như Lai Tàng", nghĩa là xoay vọng tâm trở về với thức Như Lai Tàng. "Bao gồm hiển bày một tâm", khi trở về tới chỗ cứu kính thì chỉ còn một tâm, không có thức nào khác.

"Người nhon chấp mà mê, như Man, Thục giữ nhau. Người tùy sai mà ngộ, như Lỗ, Tề một lần đổi". Trong sử Trung Hoa nói rằng : Nước Man và nước Thục là hai nước nhỏ như hai sừng ốc sên mà cứ đánh nhau mãi, nên hai bên phải giữ nhau. Khi chúng ta mê chấp, cũng giống như hai nước nhỏ kia đánh nhau mãi không dừng. "Người tùy sai mà ngộ như Lỗ, Tề một lần đổi". Nước Tề một lần thay đổi thì đến được nước Lỗ, nước Lỗ một lần thay đổi đến được với đạo. Câu chuyện Man Thục đánh nhau có ghi trong sách Trang Tử, chuyện Lỗ Tề là trong sách Luận Ngữ. Ngài Trần Thái Tông dẫn chuyện trong sử sách để nói : Nếu chúng ta mê chấp thì giống như hai nước nhỏ đánh nhau hoài, không có lợi, nếu tùy duyên

chuyển biến để tiến tới giác ngộ là giống như nước Lũ, nước Tề, mỗi lần đổi mỗi lần tiến lên.

Sau đây vua Trần Thái Tông nói lên tâm trạng của Ngài.

"Trẫm xét đức làm chủ cả nước, chăn dắt muôn dân, mỗi khi nghĩ đến gian nan, quên mất sớm tối. Việc tuy hằng vạn, trộm lúc rảnh rang, chăm việc tiếc giờ, học càng tăng tiến. Chữ nghĩa còn ngại chưa rành, đêm đến canh khuya mà vẫn còn chăm học. Đã đọc sách Khổng Tử, lại xem kinh nhà Phật". Ngài Trần Thái Tông đang làm vua, chăm lo việc nước, chăn dắt muôn dân, bận rộn rất nhiều. Những lúc rảnh rỗi Ngài càng gắng học cho tăng tiến. Song chữ nghĩa chưa thông, nên đêm đã khuya Ngài vẫn còn chăm học, xem kinh sách Thánh Hiền.

"Kinh này một phen xem, trăm thứ cảm hứng nảy sinh, tìm tòi chỗ thâm áo, ba năm chín suy". Vừa xem Kinh Kim Cang Tam Muội, trăm thứ cảm hứng nảy sinh. Tìm tòi chỗ sâu kín nhiệm mầu, nhắm đi nhắm lại đôi ba lần, suy tới nghĩ lui tám chín lượt.

"Gặm nhấm nghĩa vị, thu thập văn hoa, muốn rõ lời Phật, để giúp ích phần nào cho kẻ hậu học". Gặm nhấm nghĩa vị cho thấm, thu thập những lời

văn hay trong kinh, cốt sao cho thấu hiểu lời Phật dạy để giúp ích phần nào cho người học đạo đời sau.

"Lạm dem cái thấy biết cạn hẹp, hầu mở mang cho đàn vượn ngọc". Câu chuyện đàn vượn ngọc như sau : Ngày xưa ông Thi Công nước Tống nuôi một bầy vượn. Buổi sáng ông cho vượn ăn bốn phần, buổi chiều ba phần, thì mấy con vượn giận dữ la hét. Nhưng khi ông đổi lại, sáng cho ăn ba phần, chiều bốn phần, bầy vượn mừng rỡ không kêu la nữa. Bầy vượn ngọc là như vậy. Ý Ngài Trần Thái Tông muốn nói cái hiểu biết của Ngài còn cạn hẹp, nhưng vì thương người ngu như bầy vượn ngọc, nên Ngài rán cứu được phần nào hay phần ấy.

"Do đó, diễn tả lòng mình, tự làm chú giải". Theo sự hiểu biết của Ngài, Ngài chú giải Kinh này.

"Tìm áo nghĩa nơi Long cung, dò lời mầu nơi Thứu Lãnh, nhỏ từng giọt nước trong nguồn Chánh giác, bồi từng hạt bụi trên đường Chân như". "Tìm áo nghĩa nơi Long cung", tức là Ngài tìm nghĩa thâm áo nơi những Kinh Đại thừa do Bồ Tát Long Thọ xuống Long cung đem về. "Dò lời mầu nơi Thứu Lãnh" là tìm hiểu nghĩa nhiệm mầu nơi Kinh thuộc hệ Pháp Hoa, Phật đã giảng ở núi Linh Thứu. "Nhỏ từng giọt nước trong nguồn Chánh giác", nghĩa là những lời giải của Ngài như những giọt nước nhỏ rơi trong nguồn Chánh giác.

"Bồi từng hạt bụi trên đường chân như", là Ngài giải thích cho chúng ta hiểu được chút ít như hạt bụi nhỏ bồi trên đường chân như.

"Phát huy u chỉ, mở sáng chân tông, khiến người vừa mở xem, liền thấy nghĩa rõ ràng. Pháp giâu phen cố chấp của bọn tà, làm thầy nhóm nghĩa đồ nghi thức". Hiểu được nghĩa chánh của Kinh là chúng ta phá được hàng rào của bọn tà giáo và cũng phá cái chấp của nghĩa đồ nghi thức. Nghĩa đồ là nhóm người tu chỉ chấp vào nghĩa mà không hiểu lý. Nghi thức là chỉ những người giữ hình thức nghi lễ mà không đạt được lý đạo cao siêu.

"Vọng kiến mệnh mang, dần biết hướng châu phương bắc, đường mê chi chút, tạm biết lối chánh về nam". Những người mang nhiều vọng kiến dần dần biết hướng châu về phương bắc, tức là hướng về ngôi sao Bắc Đẩu. Khi xưa những người đi biển bị lạc hướng thì họ nhắm sao Bắc Đẩu để đoán hướng trở về. Ý Ngài muốn nói những người có vọng kiến lãng xăng biết hướng trở về chỗ chánh. "Đường mê chi chút, tạm biết lối chánh về nam", tức là đường mê rối loạn, muốn đi không lầm đường lạc hướng phải nhờ kim chỉ nam. Vì thế Ngài giải thích Kinh Kim Cang này cho những người lầm lạc nhờ đó mà thấy rõ lối về.

"Để làm chỗ nương cho học giả, mới thấy lòng Trẫm không keo sèn. Cho nên làm lời tựa". Những điều hiểu biết Ngài muốn đem cho tất cả mọi người cùng hiểu. Vậy mới biết lòng Ngài không keo sèn. Nếu biết mà giấu thì mắc tội xan tham keo kiệt. Thế nên Ngài làm lời tựa Kinh Kim Cang Tam Muội này.

Đến đây chúng tôi dẫn một vài điểm để chúng ta thấy rõ Kinh Kim Cang Tam Muội này nằm trong Đại Tạng, chúng tôi sẽ giải thích. Tuy Ngài Trần Thái Tông ngộ Kinh Kim Cang Bát Nhã nơi câu : "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", nhưng Ngài lại giảng Kinh Kim Cang Tam Muội. Kinh Kim Cang Bát Nhã nằm trong hệ Bát Nhã, còn Kinh Kim Cang Tam Muội nằm trong hệ Pháp Hoa, đó là bài Kinh số 273 trong Đại Tạng. Kinh Kim Cang Tam Muội chia làm tám phẩm :

- Phẩm thứ nhất là phẩm Tự, Phật kể lại nơi Phật nói pháp.

-Phẩm thứ hai là phẩm Vô tướng pháp. Trong phẩm này Ngài Bồ Tát Giải Thoát chấp tay bạch Phật, nguyên văn chữ Hán : "Tôn giả, nhược Phật diệt hậu, Chánh pháp khứ thế, Tượng pháp trụ thế, ư mặt kiếp trung, ngũ trọc chúng sinh, đa chư ác nghiệp, luân hồi tam giới, vô hữu xuất thời. Nguyên Phật tử bi, vị hậu thế chúng sinh, tuyên thuyết nhất

vị quyết định chân thật, linh bử chúng sinh đẳng đồng giải thoát*.

Ngài Bồ Tát Giải Thoát hồi Phật : Tôn giả (Kinh khác thường gọi đức Phật là Thế Tôn, còn ở đây gọi là Tôn giả), nếu sau khi Phật diệt độ, Chánh pháp qua rồi, hiện nhằm thời Tượng pháp, ở thời mạt pháp chúng sanh có đủ năm thứ trước, phần nhiều nghiệp ác luân hồi trong tam giới không khi nào ra được. Nguyên Phật thương xót vì chúng sanh đời sau, tuyên nói nghĩa nhất vị quyết định chân thật, khiến chúng sanh kia đồng được giải thoát.

"Phật ngôn : Thiện nam tử, nữ năng vấn ngã, xuất thế chi nhân, dục hóa chúng sanh, linh bử chúng sanh hoạch đắc xuất thế chi quả, thị nhất đại sự bất khả tư nghi. Dĩ đại từ cố, dĩ đại bi cố, ngã nhược bất thuyết tức xan lẫn tham. Nữ đẳng nhất tâm đế thỉnh, đế thỉnh vị nữ tuyên thuyết*.

Phật bảo : Ông hỏi câu đó rất là quý ... Vì thương xót chúng sanh, nếu ta không nói thì mắc tội tham lam bỗn sẻn, nên ta sẽ vì ông nói, hãy gắng nghe.

"Thiện nam tử, nhược hóa chúng sanh, vô sanh u hóa, bất sanh vô hóa, kỳ hóa đại yên. Linh bử chúng sanh, giai ly tâm ngã, nhất thiết tâm ngã, bỗn

lai không tịch. Nhược đặc không tâm, tâm bất huyền hóa, vô huyền vô hóa, tức đặc vô sanh, vô sanh chi tâm, tại u vô hóa".

Đức Phật chỉ nghĩa quyết định chân thật, Ngài nói : "Nhược hóa chúng sanh, vô sanh u hóa", nếu chúng ta muốn giáo hóa chúng sanh thì không thấy có chúng sanh để giáo hóa. "Bất sanh vô hóa, kỳ hóa đại yên", không có chúng sanh, không có người giáo hóa, thì giáo hóa đó mới lớn vậy. Nghĩa là muốn giáo hóa chúng sanh đến chỗ giải thoát thì phải thấy chúng sanh không thật, thấy mình không thật. Trái lại thấy mình thật, thấy chúng sanh thật thì giáo hóa không lớn, tại sao ? Vì thấy mình thật là ngã, thấy chúng sanh thật là nhơn, thấy có ngã có nhơn là sự giáo hóa không lớn. Thí dụ giáo hóa được một trăm người thì nói tôi được một trăm đệ tử. Như vậy tôi là Thầy, đệ tử thuộc về tôi nên cái ngã to ra. Nếu giáo hóa được một ngàn đệ tử, mười ngàn đệ tử thì cái ngã to đến mức nào ! Thế nên giáo hóa càng nhiều thì chấp ngã càng lớn, nếu còn thấy mình thật người thật. Kinh dạy giáo hóa tất cả mà không thấy có mình hay hóa, có người bị hóa, mình người đều không thật, đó mới là thật lớn. Nếu thấy có mình thật người thật thì không bao giờ giải thoát. Muốn được giải thoát không bị trầm luân tức phải không thấy có thật mình thật người.

"Linh bí chúng sanh, giai ly tâm ngã, nhất thiết tâm ngã, bổn lai không tịch".

Khiến cho chúng sanh kia đều lia tâm chấp ngã. Tất cả tâm chấp ngã xưa nay là rỗng lặng. Đó mới là giáo hóa hay nhất. Chữ không tịch này tôi tạm giải thích cho quý vị hiểu. Thí dụ như tôi đưa bàn tay lên co năm ngón lại, đây là nắm tay. Thử hỏi hiện giờ thật có nắm tay hay không, nếu nói không, chúng ta có bằng lòng chăng ? Thế mà đức Phật lại nói là không, nắm tay là không tịch. Nói có nói không là theo con mắt chúng ta thấy. Nhưng với mắt trí tuệ Bát Nhã, Phật nói nắm tay là không tịch, lặng lẽ. Tướng nắm tay tuy hiện hữu, nhưng nhìn với mắt trí tuệ chỉ là năm ngón co lại, giả danh đặt là nắm tay chứ nó có thật đâu. Do co năm ngón lại thành có, vậy là do duyên hợp tạm có thì nắm tay không thật có. Nó là không tịch. Không này là thể không, chứ không phải là con mắt thấy không. Thể nắm tay là không, do duyên hợp tạm có, duyên tan thì mất. Như tôi buông năm ngón tay ra thì đâu có nắm tay, vậy khi tạm có mà nói là thật đó là sai lầm. Nhìn bằng trí tuệ biết nắm tay giả có, thể nó không tịch, là đúng lẽ thật. Khi năm ngón rời ra, nắm tay không có thì năm ngón là có hay không ? Trong kinh Nguyên Thủy Phật

dạy : Thân này vô ngã (vô ngã là không chủ thể), tại sao ? Thân này do năm uẩn hợp, năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nếu năm uẩn rời ra thì thân này không còn, giống như năm ngón tay hợp lại thì có nắm tay, rời ra thì không có nắm tay. Nhưng qua hệ Bát Nhã "Chiếu kiến ngũ uẩn giai không", nghĩa là ngã của năm uẩn hợp lại là không và năm uẩn cũng không luôn, giống như năm ngón tay rời ra cũng không. Thật là khó hiểu. Thử phân tích từng ngón tay xem, đây là xương, thịt, máu, gân, da bọc lại. Năm phần này rời ra thì không có ngón tay. Từ nắm tay, ngón tay nhìn lại con người, Phật nói thân này do năm uẩn hợp lại thì không thật, thân này không thật thì năm uẩn cũng không thật. Phật nói không thật vì Ngài giác. Còn chúng ta đòi thật vì ngu mê. Thế mà ai nói mình ngu thì sân si nổi dậy, như vậy mới thấy chúng ta ngu si quá mức. Thế nên con đường tu không phải khó, mà khó vì si mê muôn kiếp không bỏ được. Học Phật là học bằng trí tuệ. Trong mười hai nhân duyên, nhân duyên đầu tiên là vô minh (đen tối) cho nên Phật dạy muốn giải thoát chỉ có giác ngộ, chỉ có ánh sáng trí tuệ, mới phá trừ vô minh. Ví dụ như trong cái nhà tối không có đèn, muốn đuổi bóng tối, đổ cát đất vào nhà được không ? - Nhọc công vô ích. Chỉ cần thắp một ngọn

dền, công phu không bao nhiêu mà kết quả tròn đủ. Vì thế người tu gốc là phải giác ngộ, giác thì hết mê, có trí tuệ thì hết vô minh. Thấy bằng trí tuệ chứ không thấy bằng vọng tình, nhìn người nam cũng là năm uẩn hợp lại hư dối, người nữ cũng năm uẩn hợp lại hư dối, năm uẩn bình đẳng không ai hơn ai kém. Thấy như vậy thì nhẹ biết bao nhiêu. Đây là nói về tướng. Đến tánh giác hay chơn tâm ai cũng có như nhau không khác. Thấy được như vậy thì còn gì diên đảo, tất cả nghiệp đều tan như mây khói, chúng ta mới thấy cái hay của phẩm này.

Đến một đoạn nữa, Kinh này có cái hay giống với hệ Pháp Hoa. Trong Kinh Pháp Hoa đức Phật có nói dụ Hệ Châu, tức là hạt châu vô giá cột trong chéo áo. Có một người đến thăm bạn cũ, hai huynh đệ dùng bữa tiệc. Anh bạn nghèo say rượu nằm ngủ, anh kia còn tỉnh, mới lấy hạt châu báu cột trong chéo áo cho người bạn rồi có việc phải đi. Người bạn nghèo lang thang đầu đường xó chợ xin ăn. Lâu sau người bạn cũ gặp lại mới nói : Ngày xưa tôi có cột trong chéo áo anh một hạt châu, sao anh không lấy ra bán, thành người giàu có, tội gì phải đi xin ăn ? Anh bạn nghèo nghe vậy mừng rỡ, mở chéo áo lấy được hạt châu thành người giàu có, ngay đó anh hết khổ. Đây là dụ Hệ Châu trong

Kinh Pháp Hoa. Còn trong Kinh Kim Cang Tam Muội, đức Phật lại dùng một thí dụ khác cũng cùng ý nghĩa. Phật nói có một anh chàng mê, người cha cho một số tiền vàng để trong túi áo, nhưng vì mê không biết, anh đi lang thang nghèo khổ. Năm mươi năm sau, người cha gặp lại nói : Hồi xưa cha cho con một số tiền vàng để trong túi áo, sao con không lấy ra xài, lại đi ăn mày lang thang khổ sở như vậy ? Anh chàng giựt mình sờ lại thấy túi đầy vàng. Anh lấy vàng ra bán thành người giàu có sang trọng.

Khi Phật nói dụ như vậy, Bồ Tát Vô Trụ mới hỏi Phật : Người cha của người mê kia tại sao để cho con đi lang thang khổ sở đến năm mươi năm sau mới chỉ. Nếu biết con mình trong túi có vàng thì chỉ cho nó dùng cho đỡ khổ, tại sao đợi tới năm mươi năm ? Đức Phật mới trả lời :

"Phật ngôn : Kinh ngũ thập niên giả, nhất niệm tâm động, thập phương du lịch, viễn hành biến kế".

Trải qua năm mươi năm là dụ cho một tâm động niệm thì dạo đi mười phương khắp tất cả chỗ. Chỉ một niệm động tâm liền vào ngũ uẩn rồi tiếp tục sanh. Đó là tượng trưng cho cái mê năm mươi năm.

Vậy Kinh Kim Cang Tam Muội này di đôi với Kinh Pháp Hoa vì có mấy ví dụ gần nhau, nên không nằm trong hệ Bát Nhã mà nằm bên hệ Pháp Hoa. Đó là chúng tôi giải thích đại khái cho quý vị được rõ.



NÓI RỘNG MỘT ĐƯỜNG HƯỚNG THƯỢNG

DỊCH

Bàn Sơn để lời rằng : "Một con đường hướng thượng ngàn Thánh chẳng truyền, học giả nhọc hình như khi bắt bóng". Khiến người học các nơi thầy nhằm trên đầu đường này mà tham lấy ý thiền. Thử hỏi các ông, ý thiền làm sao tham ? Nếu là tham được việc ấy, lại như kẻ ngu trên đầu thêm đầu, dưới đuôi thêm đuôi, trong mắt thêm bụi, trên thịt thêm bướu. Nói đến thì môi méo miệng lệch, nhìn đến thì trông mắt rơi rớt. Đức Phật đứng bên liếc mắt nhìn, Tổ Đạt Ma tựa gốc châu mây, Mã Tổ treo phát tử, Thủ Sơn giấu trúc bê, Triệu Châu rách nát vải thô, Vân Môn đẹp bỏ bánh hồ, Đức Sơn ném phát cây gậy, Lâm Tế im hơi. Phật Phật Tổ Tổ đều ẩn dấu, người người đều tan mặt. Dù không thể vào, kim không thể dung, đầu đồng cũng không thể tiến được, trán sắt vọt

cũng chẳng thủng. Lửa nháng còn không đuổi kịp, điện xẹt cũng còn sau đuôi. Tịnh ngộ thì chìm trong làn say, động mê thì đi trên đường sanh tử. Giả sử được phó chúc trên hội Linh Sơn trọn là một trường bày vẽ, Thiếu thất truyền riêng cũng là hang dây bò. Mặc dù ông có cơ đường điện chớp, tiếng hét liền ngộ, nói thao thao như dòng nước chảy ; câu thoại đầu liền tiến được, tham qua tham lại, lâu ngày chầy tháng, trên miệng tạm có chút ít lưu loát, đâu khỏi thân vẫn ở trong hang ổ.

Này các người ! Đến trong đây cũng chẳng được vượt qua một mức, người học ngã nhào phóng mắt nhìn bờ thẳm rất khó bề tiến bước. Hôm nay tôi vì tất cả các người, chẳng khỏi vuốt râu trên miệng cọp, bước khỏi đầu sào. Chỗ nói gió khua tùng vang, chỗ nín trăng rọi đầm trong. Khi đi thì mây bay nước chảy, lúc đứng thì non yên núi vững. Lời lời là kế sống đức Thích Ca, câu câu vốn gia phong Tổ Đạt Ma. Buông đó thì chữ bát mở toang, nắm đó thì một cửa không kẻ hở. Tại trong hang quỷ làm lâu các Di Lặc, ở dưới

hắc sơn chẳng khác cảnh giới Phổ Hiền. Chốn chốn là Đại quang minh tạng, cơ cơ đều bất nhị pháp môn. Mặc cho tối đi sáng lại, ngại gì mây che trăng khuất. Minh châu trong tay, xanh thì rọi xanh, vàng thì rọi vàng, gương sáng trên đài Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Đâu quan hệ gì thân huyền, trọn là Pháp thân. Chẳng nhọc trên đánh phóng quang, vốn đủ sáu thông thân dụng. Hất nhào cung điện Ma Vương, lột trần tâm can ngoại đạo. Biến đại địa thành thế giới hoàng kim, khuấy trường hà làm tô lặc cho người trời. Trong lỗ mũi pháp luân thường chuyển, dưới chân mày chùa báu hiện tiền. Trên sóng gài đá múa điệu bà sa, người gỗ thổi sáo ca khoản đái. Hoặc gặp trường thì đùa cợt, hoặc được chỗ thì mở rộng lòng. Hoặc duỗi tay diu dặt, hoặc quay về núi rừng. Khi lười biếng thì ngủ mây gối đá, khi hứng thú thì vịnh gió ngâm trăng. Đạo chơi nơi quán rượu phòng trà, cười đùa nơi bờ hoa rặng liễu. Hoa vàng rợp rợp đều là tâm Bát Nhã, trúc biếc xanh xanh vốn thực lý Chân như. Vạch cỏ hiện bản

lai diện mục, đào đất dứt đường hiểm tử
sanh. Xoay đầu ngựa sắt đánh lôi về, xô
mũi trâu đất dẫn đi hành khước. Chẳng
cùng muôn pháp làm bạn, ai bảo một vật
vẫn còn ? Phật cũng phi, tâm cũng phi ;
chơn cũng vào, giả cũng vào. Ngoài cửa
tam yếu mặc tình hét hai làm ba, chữ thập
đầu đường tha hồ gọi chín làm mười. Sáo
không lỗ thổi bản vô sanh, đàn không dây
khảy bài khoái hoạt (vui sống). Kia nơi
nơi chẳng phải tri âm, đây chốn chốn đâu
cho nghe lỏm.

Chỉ một con đường hướng thượng xưa
nay làm sao nói ? Đốt ! Lửa này chưa từng
đốt miệng. Lắng nghe ! Lắng nghe ! Nếu
nghe được lời này thì tai điếc ba ngày,
nếu nghe chẳng được chạy qua nhanh. Lại
trao cho chẳng ?

Chốn chốn dương xanh nên cột ngựa,
Nhà nhà có lối thẳng Trường an.
Trở về dưới nguyệt người ít đến,
Một ánh trăng soi khắp mọi miền.

GIẢNG

"Bàn Sơn để lời rằng : Một con đường hướng thượng ngàn Thánh chẳng truyền, học giả nhọc hình như khỉ bắt bóng". Bàn Sơn là Thiên sư Bảo Tích ở Bàn Sơn, một trong tám mươi bốn vị Thiên tri thức đệ tử của Mã Tổ Đạo Nhất. Vì sao chư Thánh chẳng truyền con đường hướng thượng ? Vì đó là con đường mỗi người tự đi, tự có, không ai trao cho ai được. "Học giả nhọc hình như khỉ bắt bóng". Người học suy nghĩ, tìm hiểu, chỉ là nhọc nhằn không có kết quả gì, giống như con khỉ thấy bóng thì chụp nắm, rốt cuộc chỉ nhọc công vô ích thôi. Như thế con đường hướng thượng chúng ta không thể trông cậy vào bậc thầy truyền cho mình, hay Thiên tri thức chỉ cho mình mà mỗi người phải tự quay lại, tự nhận ra. Đó là ý thâm trầm của câu này. Nhưng Ngài Trần Thái Tông khéo diễn tả cho chúng ta thấy cái không thể chỉ được.

"Khiến người học các nơi thầy nhằm trên đầu đường này mà tham lấy ý thiên. Thử hỏi các ông, ý thiên làm sao tham ?" Nghe nói có con đường hướng thượng, mọi người cứ ngay đó mà tham cứu để tìm cho ra ý thiên. Nhưng ý thiên không thể tham cứu, không thể tìm ra được.

"Nếu là tham được việc ấy, lại như kẻ ngu trên đầu thêm đầu, dưới đuôi thêm đuôi, trong mắt thêm

bụi, trên thịt thêm bướu". Nếu tham được ý thiên, giống như kẻ ngu trên dầu lại thêm một lớp dầu, dưới dưới lại thêm một dưới nữa, con mắt để bụi vào, trên thịt thì thêm bướu, Chỗ này không thể do tham cứu mà đến được, nếu đến được đó là chuyện thừa, không có lợi ích, không có nghĩa lý gì. Tại sao ? Tham cứu được ý thiên thì thiên là cái ở ngoài, bị chúng ta tìm ra, cái đó không phải là mình. Thí dụ như có người già sắp chết dặn con : Cha có chôn hủ vàng ở giữa gian nhà, khi cha chết, con đào lên lấy. Người cha chết, dựa con đào tìm được hủ vàng. Vậy hủ vàng không phải là nó, nếu là nó thì nó không tìm thấy. Chỗ này quý vị phải lắng lặng tâm tư chớ không thể suy gẫm, hiểu theo thế thường. Nếu Thiên là cái chúng ta nghiên cứu tìm ra, thấy được, hẳn nó không phải là mình, vì chúng ta chỉ thấy những gì bên ngoài chớ không thể thấy được mình ! Như con mắt không bao giờ tự thấy con mắt, mà chỉ thấy bàn, ghế, ly, tách trước nó. Nếu mắt tự thấy là thấy bóng trong gương. Thiên tông nói thiên là nói thẳng tâm thể sẵn có của chúng ta, nó là chúng ta. Nhưng chúng ta làm sao biết ? Thí dụ tôi có con mắt, có người hỏi mắt Thầy sáng hay tối ? Làm sao tôi biết ? Tôi nhìn thấy sự vật, tôi tự biết mắt tôi sáng, nếu nói tôi thấy con mắt tôi sáng là nói sai. Biết mắt sáng là do mắt thấy sự vật chung quanh. Nếu

không thấy được sự vật thì biết mất tối. Đó là do qua vật đối diện bên ngoài mà nhận ra, chứ không phải thấy được con mắt. Vậy nếu người nào nói tôi thấy con mắt tôi sáng thì người đó không sáng suốt chút nào. Thế nên nói nếu tham cứu được ý thiền thì chẳng khác nào kẻ ngu trên đầu thêm dầu ... đó là làm chuyện thừa, vì tưởng thiền là cái gì ở bên ngoài, không ngờ thiền là chỉ cho tâm thể sẵn có của mình. Từ tâm thể khởi ra cái biết các sự vật, nay nói mình biết lại tâm thể đó thì thật vô lý. Chúng ta nhận ra mình có tâm thể là do chúng ta nhận biết được sự vật. Có biết do có tâm thể, cũng như có thấy do mắt sáng. Hiểu rõ ý này, thì những đoạn sau cũng dễ hiểu.

"Nói đến thì môi méo miệng lệch". Ai nói đến được cái đó thì môi có tật, miệng lệch qua một bên. Tại sao ? Vì tham cứu thuộc về tâm thức, không thể lấy tâm biết tâm được. Tham cứu không được thì nói cũng không được, nên nói thì sanh bệnh, môi méo miệng lệch. Tâm thể không dấy niệm, nói thì phải khởi nghĩ tức là dấy niệm nên mất tâm thể, đó là điều thứ nhất. Thứ hai là ngôn ngữ thành lập trên phương diện đối đãi, có đen mới nói trắng, có tối mới lập sáng v.v... Tâm thể là cái không đối đãi, dùng cái đối đãi để diễn tả không thể được.

"Nhìn đến thì trông mắt rơi rớt". Trong nhà thiền người ta thường hiểu lầm kiến tánh là thấy tánh. Thật ra kiến tánh là nhận ra mình có thể tánh, nhận một cách đúng đắn không nghi ngờ giống như mình thấy nên gọi là kiến tánh. Nếu thấy tánh của mình thì tánh đó không phải là mình, nên nói nhìn đến thì trông mắt rơi rớt. Vậy trên ba phương diện, một là tham cứu, hai là nói đến, ba là nhìn đến, cả ba đều không thể dùng đối với con đường hướng thượng. Kẻ phàm dã như vậy, Phật Tổ thì thế nào ?

"Đức Phật đứng bên liếc mắt nhìn, Tổ Đạt Ma tựa gốc châu mày". Tại sao đức Phật cũng không thấy, không nói được ? Đức Phật chứng được lục thông, trong đó có tha tâm thông, nghĩa là biết được tâm người khác. Biết tâm nào ? Tức tâm khởi niệm, tâm vọng tưởng chứ không phải tâm chân thật, tâm vô niệm. Chỗ không khởi niệm đức Phật cũng không thấy được nên đứng bên liếc mắt nhìn. "Tổ Đạt Ma tựa gốc châu mày". Tổ đứng dựa gốc cây châu mày, không nói được cũng không chỉ được.

Ngài dẫn các Tổ : "Mã Tổ treo phát tử, Thủ Sơn giấu trúc bê, Triệu Châu rách nát vải thô, Vân Môn dẹp bỏ bánh hồ, Đức Sơn ném phát cây gậy, Lâm Tế im hơi. Phật Phật Tổ Tổ đều ẩn dấu, người người đều tan mặt". Các Thiên sư sau này như Mã

Tổ Đạo Nhất, ai đến hỏi thiền thì Ngài đưa phất tử lên, nhưng đến chỗ chân thật này, phất tử không còn hữu dụng nên treo phất tử.

"Thủ Sơn giấu trúc bê". Trúc bê là cái thẻ tre như cây thước, thường thuở xưa các Tổ hay để trên bàn, ai tới cũng đưa thẻ tre lên giống như đưa phất tử. Thủ Sơn là Thiền sư Tĩnh Niệm, cũng gọi là Niệm Pháp Hoa, đệ tử của Thiền sư Phong Huyệt, cháu ba đời của Tổ Lâm Tế. Ngài thường để cây trúc bê trên bàn. Một hôm giữa đại chúng Ngài đưa trúc bê lên hỏi : Nói trúc bê là phạm, nói không phải trúc bê là trái, các ông thử nói xem ? Nói trúc bê là phạm húy, còn không nói trúc bê thì trái lẽ thật. Đó là thuật của các Thiền sư, nhưng đến chỗ này rồi cây trúc bê cũng giấu luôn, không đem ra dùng được.

"Triệu Châu rách nát vải thô". Triệu Châu tức là Thiền sư Tùng Thẩm ở thành Triệu Châu. Một hôm có người hỏi Ngài : "Muôn pháp trở về một, một về chỗ nào ?". Ngài nói : "Tôi ở Thanh Châu có bảy cân vải thô". Nhưng đến chỗ này cũng không thể nói, nên nói Triệu Châu rách nát vải thô.

"Vân Môn dẹp bỏ bánh hồ". Ngài Vân Môn là Ngài Văn Yến ở chùa Vân Môn, từ Thiệu Châu lên đó khoảng sáu mươi cây số, gần với chỗ của Lục Tổ. Bánh hồ (hồ bình) là loại bánh làm bằng bột

trộn chung với mè (miền Bắc là vừng) cộng thêm đường. Mỗi khi ai hỏi câu gì khó trả lời thì Ngài nói "bánh hồ". Một hôm có người hỏi Ngài : "Thưa Hòa Thượng, câu siêu Phật viết Tổ là thế nào ?" Ngài đáp : "Bánh hồ". Nhưng đến chỗ này "bánh hồ" của Ngài cũng đẹp bỏ luôn.

"Đức Sơn ném phất cây gậy". Đức Sơn là Ngài Tuyên Giám ở Đức Sơn, đệ tử của Ngài Sùng Tín. Một hôm ra giữa chúng Ngài bảo : "Nói trúng thì ăn ba gậy, nói không trúng cũng ăn ba gậy, các ông thử nói xem". Nhưng gặp trường hợp này Ngài Đức Sơn cũng phải ném cây gậy đi. Tại sao ? Vì chỗ này không thể dùng cái gì để đến được.

"Lâm Tế im hơi". Ngài Lâm Tế mỗi khi ai bước tới hỏi, hoặc mới bước vào cửa, Ngài liền hét. Đến chỗ này Ngài cũng im hơi không hét được. Như vậy tất cả thủ thuật đặc biệt của các Thiền sư để đánh thức đồ chúng đều không đến chỗ chân thật này được, nên đều không dùng.

"Phật Phật Tổ Tổ đều ẩn dấu, người người đều tan mặt". Cái chân thật này Phật Tổ và người đều không thể chỉ hay nói cho người khác hiểu được, nên không có dấu vết.

"Dùi không thể vào, kim không thể dung, đầu đồng cũng không thể tiến được, trán sắt vọt cũng

chẳng thủng". Nghĩa là cái chân thật đó dù cho dùng dùi bén dùi cũng không vào được, cây kim tí ti cũng không dung chứa được, dẫu cho người có dẫu cứng như đồng. muốn chui vào cũng không thể được, trán cứng như sắt, muốn vọt cho thủng cũng không được. Tóm lại dù cho người có những gì kỳ đặc cũng không thể chạm đến nó được.

"Lửa nháng còn không đuổi kịp, điện xẹt cũng còn sau đuôi". Dù nhanh như lửa nháng, điện xẹt cũng không theo kịp đến chỗ này.

"Tĩnh ngộ thì chìm trong làng say, động mê thì đi trên đường sanh tử". Động mà mê thì đó là luân hồi sanh tử, còn người tu được lặng lẽ mà ngộ vẫn còn chìm trong làng say. Tại sao ? Vì trong đó không còn đối đãi, tĩnh là đối với động, ngộ là đối với mê, động tĩnh ngộ mê không còn nữa.

"Giả sử được phó chúc trên hội Linh Sơn trọn là một trường bày vẽ". Nơi hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa đồng thời đưa mắt nhìn tứ chúng, thấy chỉ riêng Ngài Ca Diếp nhìn Phật mỉm cười, liền đó Phật bảo : "Ta có Chánh pháp Nhân tạng, Niết Bàn Diệu tâm ... truyền cho Ca Diếp". Đó là Phật truyền tâm ấn cho Ngài Ca Diếp. Nói truyền tâm ấn là truyền cái gì ? Thì dụ tôi có cây viết, muốn cho ai tôi đưa họ, họ nhận, đó là tôi trao cây viết

cho người đó. Hoặc tôi có lá y tôi đưa người nhận đó là truyền y. Có cái trao cho, có người nhận mới gọi là truyền. Còn Ngài Ca Diếp nhìn lên, thấy Phật đưa cành hoa, mắt nhìn tứ chúng, ngay đó Ngài nhận được cái thật của mình. Như tôi đã nói nhờ thấy được sự vật nên biết mắt mình sáng. Ngài Ca Diếp hội ý Phật muốn nói, Ngài mỉm cười, nên Phật bảo Ta truyền cho Ca Diếp. Truyền mà không có gì để truyền nên nói "Giả sử được phó chúc trên hội Linh Sơn trọn là một trường bày vẽ", chứ sự thực không có gì để truyền trao, chỉ tự mình lãnh hội được cái gì của mình mà Phật muốn chỉ, đó gọi là truyền. Thí dụ như tôi giảng có người lãnh hội được ý tôi, hiểu tôi muốn chỉ cái gì. Nay tôi không nói, tôi ngồi nhìn, thấy người nào lãnh hội được là người đó hiểu tôi muốn nói điều gì, người đó đồng tâm niệm với tôi, đồng với nhau nên gọi là truyền trao tâm ấn. Tâm này với tâm kia giống nhau gọi là ấn. Ấn là in, trong con dấu có chữ gì in xuống giấy có chữ ấy không sai. Tâm của người đệ tử, tâm của vị Thầy thông cảm nhau không khác, gọi là truyền tâm ấn. Nay vì không biết nên nhiều người bày đủ chuyện như vào phòng kín truyền tâm ấn, gây mê tín dị đoan, làm những việc trái đạo lý. Hiểu như vậy mới thấy trọng tâm của Thiên.

"Thiếu thất truyền riêng cũng là hang dây bò". Đến Tổ Đạt Ma truyền y cho Tổ Huệ Khả tại Thiếu thất cũng là dây bò miệng hang không có gì thật. Nói truyền thừa chỉ là một lối nói, không phải thật có vật để truyền trao.

"Mặc dù ông có cơ duyên diện chớp, tiếng hét liền ngộ, nói thao thao như dòng nước chảy ; câu thoại đầu liền tiến được, tham qua tham lại, lâu ngày chầy tháng, trên miệng tạm có chút ít lưu loát, đầu khởi thân vẫn ở trong hang ổ". Dù cho chúng ta có cơ nhạy bén, nghe một câu hoặc một tiếng hét liền ngộ, tự cho là đủ rồi nói dọc nói ngang, cũng chưa ra khỏi sanh tử. Lại như những người nghiên cứu thoại đầu, bỗng chợt trên miệng tạm có chút ít lưu loát, nói thì hay, "bàn thiên tợ Thánh", lý luận những lời cao xa nhưng "trước cảnh như ngu" gặp tài sắc thì dính mắc vì chưa sống trọn vẹn với thể chân thật của mình. Như vậy cũng chưa đến nơi đến chốn, nên chưa ra khỏi hang ổ của phiền não sanh tử. Tóm lại mỗi người sẵn có thể chân thật, khi do một cơ duyên đặc biệt chúng ta lãnh hội được và sống trọn vẹn với thể chân thật ấy mới là chỗ cứu kính.

"Này các người ! Đến trong đây cũng chẳng được vượt qua một mức, người học ngã nhào phóng mắt nhìn bờ thẳm rất khó bề tiến bước". Đến trong

dây là con đường hướng thượng, không được nhảy qua một bậc nào, tại sao ? Nếu vượt qua là ra ngoài phạm vi chân thật của mình. Thế nên các Thiền sư bảo phải nhìn xuống gót chân, phải ngay nơi đó mà nhận, vượt ra ngoài phạm vi là đã mất rồi. Vì thế những người nghe nói có con đường hướng thượng, muốn chạy ra tìm bên ngoài, đó là sai, vượt ra ngoài là ngã nhào không thể nào thấy được. Phóng mắt nhìn, thấy khó khăn như thấy bờ vực thẳm, không có chỗ vin, rất khó tiến bước.

"Hôm nay tôi vì tất cả các người, chẳng khỏi vuốt râu trên miệng cọp, bước khỏi đầu sào". Nay tôi vì tất cả các người mà chỉ nói thì việc làm này như vuốt râu trên miệng cọp, hẳn là không yên, như bước khỏi đầu sào ắt không đứng vững. Chuyện không thể nói, phải nói thế nào ?

"Chỗ nói gió khua tùng vang, chỗ nín trăng rọi dầm trong". Gió khua lá tùng lá thông reo, vang ra tiếng nhưng không có ý. Trăng rọi bóng dưới dầm trong, dầm và trăng cùng không có ý. Như vậy chỗ nói nín đều không có ý. Chúng ta hiện nay nói nín đều có ý, nên làm việc gì cũng trong diên đảo vọng tưởng. Phải làm sao nói nín đều không mắc kẹt, như gió khua tùng vang, như trăng rọi dầm trong, nghĩa là tất cả cảnh vật bên ngoài có tiếng vang có bóng rọi nhưng đều vô ý.

"Khi đi thì mây bay nước chảy, lúc đứng thì non yên núi vững". Mây bay nước chảy, non yên núi vững đều không có ý. Nói nín, đi đứng đều như vậy. Ngài Trần Thái Tông khéo dùng cảnh diễn tả rất hay cái không thể nói được.

"Lời lời là kế sống đức Thích Ca, câu câu vốn gia phong Tổ Đạt Ma". Lời nào cũng là lời Phật, câu nào cũng là câu của Tổ, chớ không nói lời phạm tục sai quấy. Trái lại lời nào của chúng ta cũng là lời phạm tục, câu nào cũng là câu thế gian. Ngài bảo đến chỗ đó là nói nín đi đứng đều không chen lẫn ý phạm, tất cả đều không ngoài nếp sống của Phật, gia phong của Tổ. Được vậy mới là đúng.

"Buông đó thì chữ bát mở toang, nắm đó thì một cửa không kẻ hở". Hai bên chân mày chúng ta giống hình chữ bát. Trong nhà thiền hay dùng hình ảnh này, vì dưới chân mày là con mắt, là cái sáng để thâm chỉ tâm. Buông ra tức là cặp chân mày mở trống, con mắt hiện tiền, nên : "Buông đó thì chữ bát mở toang, nắm đó thì một cửa không kẻ hở". Nếu nắm lại thì chỗ đó không có gì chen vào được.

"Tại trong hang quỉ làm lâu các Di Lặc, ở dưới hắc sơn chẳng khác cảnh giới Phổ Hiền. Chốn chốn là Đại quang minh tạng, cơ cơ đều bất nhị pháp môn. Mặc cho tối đi sáng lại, ngại gì mây che trăng

chuaít". Người đến chỗ tự tại đi đứng nói nín đều không ngoài nếp của Phật Tổ, buông nắm toàn là chỗ chân thật. Người đó sẽ có diệu dụng, dù ở hang quỉ, vẫn là lầu các Di Lạc, dù trong núi đen cũng là cảnh giới rực rỡ của Phổ Hiền. Như vậy ngay trong cảnh ma là cảnh Phật, ngay trong chỗ tối là chỗ sáng, không phải tìm kiếm đâu xa. Nơi nào cũng là kho Đại quang minh, căn cơ nào cũng là pháp môn bất nhị. Dù cho tối đi sáng lại, mây che trắng khuất, con người tự tại vẫn không bị cảnh bên ngoài làm thay đổi.

"Minh châu trong tay, xanh thì rọi xanh, vàng thì rọi vàng, gương sáng trên đài, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Đâu quan hệ gì thân huyền, trọn là Pháp thân". Đã lộ rồi ! Nói quanh nhưng đến đây thì thấy rõ. Người đi, đứng, nói, nín tự tại không có một niệm dấy khởi, nói như gió khua tùng vang, nín như trăng rọi đầm trong, đi như mây bay nước chảy, đứng như non yên núi vững v.v..., tất cả đều là nề nếp của Phật của Tổ, người đó có đầy đủ diệu dụng, ở chỗ tối cũng thành sáng, ở chỗ xấu cũng thành tốt. Như vậy người đó có đủ điều kiện để nhận ra cái chân thật sẵn có nơi mình, như hạt minh châu cầm sẵn trong tay, bên ngoài có màu sắc nào thì hiện màu sắc ấy, giống như gương sáng trên đài, người Ấn đến hiện người Ấn,

người Hoa đến hiện người Hoa không sai khác. Nói rõ hơn trong tất cả trường hợp chúng ta đều không đầy niệm thì tâm chúng ta là cảnh giới thanh tịnh sáng suốt. Thí dụ khoảng một tiếng đồng hồ tâm không khởi niệm, lúc đó chúng ta vui hay buồn ? Nói vui buồn là có niệm, không niệm thì đâu có vui buồn song gương mặt vẫn tươi sáng, không âu sầu. Quý vị thử nghiệm xem. Không còn niệm xấu tốt đối đãi thì tất cả chỗ đều như nhau, không còn nghĩ nơi đây xấu thì sợ, nơi kia tốt thì tham, nên nói ở trong hang quỷ làm lâu các Di Lặc, ở dưới hắc sơn chẳng khác cảnh giới Phổ Hiền. Khi tâm không khởi niệm mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, thân vẫn có cảm giác, nhưng thấy nghe và cảm giác đó giống như hạt minh châu sáng, như gương sáng, vật gì đến hiện vật ấy, người đến hiện người, cảnh đến hiện cảnh, không thêm một niệm nào, chớ không phải không còn gì. Thế nên nói xanh thì rơi xanh, vàng rơi vàng, Hồ thì hiện Hồ, Hán hiện Hán, cái nào hiện cái ấy rất trung thực. Đừng nói lúc đó không biết, không niệm nhưng vẫn biết đầy đủ, biết đúng như thật. Hiện nay chúng ta biết mà không đúng như thật. Nếu người có thiện cảm đến, chúng ta liền thấy vui, người có ác cảm đến liền thấy bực bội. Chúng ta nhìn tất cả mọi người qua lớp thành kiến của mình, thành kiến tốt thì thấy người tốt, thành kiến xấu thì thấy người xấu,

đó là nhìn sự vật không trung thực, không đúng như thật. Trong Kinh Pháp Hoa gọi là không "Nhu thị", tức là không đúng như thế, những gì qua khuôn của chúng ta đều biến chất. Tóm lại chúng ta đang mang kiếng hoặc màu xanh, hoặc màu đen, màu hồng v.v... nên sự vật đều biến màu. Chỉ khi tâm chúng ta không còn dấy niệm, không còn bị đóng khung trong thói quen nữa, lúc đó sự vật đều hiện ra rõ ràng không sai khác. Đó mới là thấy đúng như thật.

"Đâu quan hệ gì thân huyễn, trọn là Pháp thân". Cái thấy sự vật đúng như thật đó là Pháp thân, là cái chân thật, cái đó không quan hệ gì đến thân huyễn này, thân huyễn này là đất nước gió lửa, là vật bỏ đi, nó không biết, không soi rọi được, nó chỉ là tạm bợ, tùy duyên không phải thật. Nhưng hiện nay chúng ta đang sống với cái tạm bợ tùy duyên nên trở trời đổi gió cũng theo duyên trời duyên gió mà đau ! Nghe người nói trái tai cũng theo duyên trái tai mà ngủ không được ! Tất cả duyên ngoài chi phối chúng ta nên cả ngày điêu đứng khổ sở. Nếu sống với cái chân thật thì tất cả duyên đều không động tới chúng ta được vì cái đó lúc nào cũng nhất như, không gì làm cho nó biến đổi. Tu đến đó mới gọi là giải thoát, còn tu sơ sài thì vui buồn theo lời khen chê, làm sao giải

thoát được ! Đó là lẽ thực, là điều cao siêu của Phật giáo. Đọc qua đoạn trên chúng ta thấy dường như Ngài Trần Thái Tông tả cảnh trời mây không nói gì đến việc tu hành, nhưng thật ra đó là điều thiết yếu cho sự tu của chúng ta. Đa số người tu hiểu lầm khi tâm không còn dấy niệm, tu mà không suy nghĩ, không quán chiếu e sẽ ngu dần. Trong nhà thiền tuy thấy như ngậy như ngô, không có những bèn nhảy của thế gian, nhưng lại có diệu dụng bất tư nghì.

"Chẳng nhọc trên đánh phóng quang, vốn đủ sáu thông thần dụng. Hất nhào cung điện Ma Vương, lột trần tâm can ngoại đạo. Biển đại địa thành thế giới hoàng kim, khuấy trường hà làm tô lặc cho người trời". Không đợi trên đánh phóng hào quang mà vẫn có thần thông diệu dụng. Cung điện Ma Vương chúng ta cũng hất nhào, tâm can ngoại đạo cũng bị lột trần ra hết. Đại địa là chỗ đất đai gồ nổng, cao thấp khác nhau, chúng ta có thể đổi thành thế giới hoàng kim. Dù ở cảnh ta bà khổ nhưng lúc nào mặt cũng tươi vui, vậy không phải sống trong thế giới hoàng kim là gì ? Giả sử nước sông khuấy cũng thành tô lặc. Đến đó rồi, bất cứ một sự việc gì cũng thành hữu ích, cũng đều có lợi cho trời người.

"Trong lỗ mũi pháp luân thường chuyển, dưới chân mây chùa báu hiện tiền. Trên sóng gái đá

múa điệu bà sa, người gõ thối sáo ca khoản dài". Dưới chân mây là ngôi chùa báu. Mũi thở ra vào thường giảng pháp. Gái đá biết múa, người gõ thối sáo. Tóm lại người đến đó rồi có những diệu dụng khó nghĩ bàn.

"Hoặc gặp trường thì đùa cợt, hoặc được chỗ thì mở rộng lòng. Hoặc duỗi tay điu dất, hoặc quay về núi rừng. Khi lười biếng thì ngủ mây gối đá, khi hứng thú thì vịnh gió ngâm trăng. Đạo chơi nơi quán rượu phòng trà, cười đùa nơi bờ hoa rặng liễu". Đây là con người tự tại gặp trường hợp thuận thì đùa cợt cho vui, gặp chỗ lợi ích chúng sanh thì mở lòng thương giúp đỡ. Khi thấy chúng sanh khổ thì duỗi tay điu dất, khi mệt mỏi thì trở về núi rừng. Lười biếng thì ngủ trong mây, gối đầu trên phiến đá cũng sung sướng, đâu phải đợi đầy đủ tiện nghi. Khi hứng thú thì vịnh gió ngâm trăng thật là thích thú ! Đến chỗ đó rồi mới là kẻ buông thông tay vào chợ, quán rượu phòng trà, bờ hoa rặng liễu, nơi nào cũng có thể làm lợi ích cho chúng sanh.

"Hoa vàng rợp rợp đều là tâm Bát Nhã, trúc biếc xanh xanh vốn thực lý chân như. Vạch cỏ hiện bản lai diện mục, đào đất dứt đường hiểm tử sanh. Xoay đầu ngựa sắt đánh lôi về, xỏ mũi trâu đất dẫn đi hành cước". Hoa vàng không ngoài tâm Bát Nhã, trúc biếc không rời lý chân như. Hoa trúc

đều là trí tuệ, đều là như thật, không có gì phàm tục đảo điên. Vạch cỏ hay cắt cỏ, lúc nào cũng thấy bản lai diện mục hiện tiền. Cuốc đất, đào đất cũng là dứt đường sanh tử. Được như thế thì nơi nơi đều là giải thoát. Lôi dầu ngựa sắt, xỏ mũi trâu đất, tất cả đều tự tại, không có gì ngăn trở.

"Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, ai bảo một vật vẫn còn ? Phật cũng phi, tâm cũng phi ; chơn cũng vào, giả cũng vào. Ngoài cửa tam yếu mặc tình hét hai làm ba, chữ thập đầu đường tựa nõ gọi chín làm mười". Người không cùng muôn pháp làm bạn là người nào ? Là người không dính mắc vật gì cả, đó cũng là tên khác của pháp thân. Pháp thân thì làm gì có một vật, thế nên "nếu nói một vật tức không trúng" ⁽¹⁾. Nói Phật là đối với chúng sanh. Phật là giác, chúng sanh là mê, mê giác đối đãi, không phải thật, còn cái chân thật lia đối đãi nên không gọi là Phật, cũng không gọi là tâm. Nhà thiền thường nói tức tâm tức Phật, tâm chân thật đó là Phật, nhưng nói tâm cũng còn đối đãi với Phật, nói Phật là đối đãi với chúng sanh, tất cả ngôn ngữ không thể nói đến được cái chân thật đó nên nói "Phật cũng phi, tâm cũng phi". "Chơn cũng vào, giả cũng vào", chơn giả cũng nằm sẵn trong

(1) Lời của Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng.

đó, không có đối đãi riêng biệt. Ngài Lâm Tế có lập Tam huyền, Tam yếu, để chỉ chỗ thâm sâu của hệ phái Lâm Tế. Chỗ tam yếu hét ha, làm ba, nghĩa là nó không còn thật nữa. Đến đầu đường chữ thập là gần đến chỗ cứu kính, mặc tình gọi chín là mười, tức cũng không phải là thật. Như vậy lý rất nhiệm mầu rất đặc biệt của tông Lâm Tế là Tam huyền, Tam yếu cũng là tạm bợ, chữ thập đầu đường của những người tiến tu gần đến cứu kính cũng là giả lập.

"Sáo không lỗ thổi bản vô sanh, đàn không dây khảy bài khoái hoạt (vui sống). Kia nơi nơi chẳng phải tri âm, đây chón chón đâu cho nghe lôm". Khi ấy dùng sáo không lỗ thổi bài hát vô sanh, đàn không dây khảy khúc nhạc khoái hoạt, tức là sống vui thích. Như vậy khi thoát khỏi những đối đãi phân biệt, chúng ta mới tiến thẳng vào chỗ vô sanh. Vô sanh cũng là một lối nói thôi, vì không còn niệm thì đâu còn sanh, không sanh thì đâu có tử. Không phải nhờ sáo có lỗ mới thổi được bản vô sanh, không phải đợi đàn có dây mới khảy được bài khoái hoạt. Dù không sáo không đàn, chúng ta vẫn đang sống trong vô sanh, trong giải thoát tự tại nên gọi là an vui. Tri âm tri kỷ là biết mình, thân với mình. Người tri âm, tri kỷ nghe đoạn này mới thấm được,

mới thấy được tất cả cái hay. Nếu không phải tri âm thì đừng có lén nghe, vì chưa hiểu nên nghe không có lợi.

"Chỉ một con đường hướng thượng xưa nay làm sao nói ? Đốt ! Lửa này chưa từng đốt miệng. Lắng nghe ! Lắng nghe ! Nếu nghe được lời này thì tai điếc ba ngày, nếu nghe chẳng được chạy qua nhanh". Như vậy con đường hướng thượng từ xưa đến nay làm sao nói. Đâu phải cháy miệng nên không nói, nói mà không dính kẹt mới nên nói. Thế mà điều hết sức khó nói, Ngài Trần Thái Tông vẫn nói được cho chúng ta hiểu.

Lắng nghe ! Lắng nghe ! Nghe mà thấm được thì điếc tai ba ngày, nghe không thấm thì đi nhanh qua, đừng ngó lại. "Nếu nghe được lời này thì điếc tai ba ngày" là câu chuyện Tổ Bá Trượng khi làm thị giả. Sau khi thâm nhập được rồi Tổ Bá Trượng trở lên tái tham, Mã Tổ liền hỏi : Ta chưa nói câu nào tại sao người cuốn chiếu ? Ngài trình bày thì Mã Tổ hét một tiếng điếc tai ba ngày. Từ đó về sau Ngài không bao giờ quên. Rất tiếc chúng tôi không biết hết nên quý vị dễ quên. Mới nghe dường như hiểu nhưng một lúc sau lại quên hết. Nếu nghe hết, ba ngày còn ù tai thì còn nhớ.

Lại trao cho chẳng ?

Chốn chốn dương xanh nên cột ngựa,

Nhà nhà có lối thẳng Trường An.

Nơi nào cũng có dương xanh, muốn cột ngựa thì cứ đến, chẳng cần tìm kiếm đâu xa. Trường An là kinh đô nhà Đường ở Trung Hoa, là chỗ tụ hội của những người lãnh đạo. Nhà nao cũng có con đường thối tới Trường An. Như vậy tất cả chúng ta dù cư sĩ tại gia hay Tăng Ni xuất gia, ai ai cũng sẵn có một lối để tiến đến chỗ cứu kính, gọi là con đường hướng thượng hay con đường thẳng tới Trường An, không phải người này có, người kia vô phần.

Trở về dưới nguyệt người ít đến,

Một ánh trăng soi khắp mọi miền.

Người đi lang thang trong tăm tối thì nhiều, trở về dưới ánh trăng sáng rực lại ít. Chạy theo ngũ dục thế gian là chạy trên con đường tăm tối mà thiên hạ đua nhau không biết chán, ít ai chịu trở về dưới ánh trăng sáng ngời, cỏ cây hoa lá tươi đẹp.

Nhiều khi mang hình thức người tu cũng không chịu trở về, vẫn còn thích đi lang thang ! Nếu trở về được thì "một ánh trăng soi khắp mọi miền". Chỉ còn một ánh trăng sáng vàng vạc soi khắp cả

bầu trời ! Như vậy dường chúng ta đang đi là con đường tươi sáng vô cùng. Đường chúng sinh đang lao mình vào là con đường đen tối mịt mù, thế mà ít ai thức tỉnh.

Kết thúc bài này quý vị thấy con đường hướng thượng chưa ? Đây là một cách dùng hình thức để nói cho dễ hiểu, thật ra hướng thượng là chỉ cho chính mình. Ngài Toàn Khoát có nói : "Trục vật hướng hạ, khước vật hướng thượng", nghĩa là đuổi theo sáu trần là hướng hạ, từ chối không theo sáu trần là hướng thượng. Thử kiểm xem chúng ta đang hướng theo chiều nào. Nếu đang ngồi bông nhớ thức ăn ngon, hoặc nhớ lời phê bình của người chung quanh v.v... đó là đang đi trên đường hướng hạ. Nếu thấy người thấy vật như mây bay gió thổi không dính mắc, đó là hướng thượng. Vậy sáu căn không bị sáu trần lôi dẫn là người hướng thượng, trái lại bị sáu trần lôi dẫn là người hướng hạ. Nghĩa là không bị ngoại cảnh chi phối gọi là hướng thượng, bị ngoại cảnh chi phối gọi là hướng hạ, chứ không có gì khác. Cái chân thật không bị ngoại cảnh chi phối, không ai trao truyền, cũng không ai chỉ cho chúng ta thấy được. Thí dụ như tất cả chúng ta ngồi đây, mắt nhìn tượng Phật, ai cũng thấy tượng Phật, nhưng không ai thấy được cái thấy của

mình và của người khác. Thấy tượng Phật tức là có cái thấy. Tượng Phật có thể diễn tả được, còn cái thấy không thể diễn tả, nhưng tất cả chúng ta đều có. Thấy tượng Phật là có cái thấy, có cái sáng, chỉ mình tự nhận biết, không ai diễn tả hay chỉ bày cho mình được. Nếu diễn tả được đó là ngoại cảnh, không phải cái chân thật của mình. Nếu có trình bày là trình bày những tâm lý sinh diệt, những bóng dáng của sáu trần, còn cái chân thật không sanh không diệt, hằng sáng hằng giác, không dính sáu trần, không ai chỉ cho chúng ta được. Chỉ chúng ta mới tự nhận ra cái chân thật của chính mình. Còn thân bọt bóng này vài mươi năm rồi nát, nát rồi không biết ra sao. Cái chân thật đó không có gì chi phối nó được thì làm sao nát, làm sao hoại, thế mà chúng ta lại bỏ quên. Cho nên Phật Tổ dùng phương tiện nhắc chúng ta phải sống với cái thật đó tức là hướng thượng. Từ ngữ hướng thượng thì hiểu được, còn thật chất hướng thượng vừa khởi hiểu là mất ngay, vì hướng thượng là cái chân thật của chính mình, mỗi người phải tự nhận tự biết.

Tóm lại bài này chia làm hai phần :

1. *Phần thứ, nhất* : Nếu chúng ta muốn tìm thấy, muốn suy nghĩ, muốn nói đến cái chân thật

thì đó là điều không thể được. Hoặc giả có người nói tôi được truyền trao v.v... cũng không phải, vì đó là cái không thể trao truyền.

2. *Phần thứ hai* : Nếu muốn sống với cái chân thật thì đi đứng nằm ngồi nói nín ... tâm chúng ta như mây, như nước, như núi, như trăng, không dấy niệm. Được như thế dù sống trong cảnh khổ cũng thành vui, sống chỗ tối cũng thành sáng, sống trong địa ngục cũng thành thiên đường. Nghĩa là không có niệm so sánh thì không khổ không vui, nhưng luôn luôn tươi sáng và tất cả hành động ngôn ngữ đều chân thật như Phật Tổ không khác. Chúng ta sẽ có diệu dụng không thể nghĩ bàn, những cái vô nghĩa đều biến thành hữu ích. Muốn sống với thể chân thật sẵn có, chúng ta chỉ cần quay lại chính mình, không chạy theo sáu trần. Một ngày nào sáu trần không còn dính mắc, không còn len vào tâm tư, thì lúc đó cả bầu trời trắng sáng hiển hiện nơi mình. Đẹp biết chừng nào ! Đây là Ngài Trần Thái Tông chỉ cho chúng ta hiểu đại khái, còn cái thực là mỗi người phải sống chớ không thể chỉ ra được.



NGŨ LỤC VẤN ĐÁP

DỊCH

Một hôm vua (Trần Thái Tông) đến thăm chùa Chân Giáo. Có vị tăng tên Đức Thành người nhà Tống hỏi : Thế Tôn chưa rời Đâu Suất đã giáng sanh vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong. Là ý nghĩa thế nào ?

Vua đáp :

Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện,
Muôn dặm không mây muôn dặm trời.

Tăng hỏi :

Chưa rời cung, chưa ra đời đã được chỉ
dạy.

Đã rời cung, đã ra đời việc thế nào ?

Vua đáp :

Mây sanh đánh núi toàn màu trắng,
Nước đến Tiêu, Tương một dáng trong.

Tăng hỏi :

Mưa tạnh sắc núi sáng,
Mây di trong động ngời.
Vì sao ẩn hiện như một ?

Vua đáp :

Trừ người quả thật con ta đó,
Ai kẻ bạo chân vào đường này.

Tăng hỏi :

Xưa nay không lối khác,
Người đạt cùng chung đường.
Bệ hạ có nhận riêng Thế Tôn đắc đạo
chăng ?

Vua đáp :

Mưa xuân không cao thấp,
Cành hoa có ngắn dài.

Tăng hỏi :

Người người vốn tự người người đủ,
Mỗi mỗi xưa nay mỗi mỗi tròn.
Vì sao Thế Tôn vào núi tu hành ?

Vua đáp :

Kiểm vì bất bình mở hộp báu,

Thuốc do trị bệnh ra khỏi bình.

Tăng hỏi :

Trong mắt thôi để bụi,

Trên thịt chớ khoét thương.

**Trên phần người học có tu chứng
không ?**

Vua đáp :

Nước chảy xuống non đâu có ý,

Mây bay qua núi vốn không tâm.

Tăng im lặng.

Vua nói :

Chớ bảo không tâm đây là đạo,

Không tâm còn cách một lớp rào.

Tăng thưa :

**Nơi tâm đã không, nói gì là một lớp
rào ?**

Vua đáp :

Nước chảy xuống non đâu có ý,

Mây bay qua núi vốn không tâm.

Tăng không đáp được.

GIẢNG

"Một hôm vua (Trần Thái Tông) đến thăm chùa Chân Giáo. Có vị tăng tên Đức Thành người nhà Tống hỏi : Thế Tôn chưa rời Đâu Suất đã giảng sanh vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong. Là ý nghĩa thế nào ?

Vua đáp :

*Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện,
Muôn dặm không mây muôn dặm trời".*

Đó là lối đối đáp trong nhà thiền. Câu hỏi của ông tăng này là dẫn từ Kinh Hoa Nghiêm. Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói : "Đức Thế Tôn chưa rời Đâu Suất đã giảng sanh vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong". Khi nghe câu nói này có vị tăng tên Đức Thành mới đem ra hỏi, như vậy là ý nghĩa thế nào ? Nhà vua đáp :

*Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện,
Muôn dặm không mây muôn dặm trời.*

Câu đáp này thật hay, có ý nghĩa thế nào ? Đó là những việc mà tôi nghĩ nếu không chịu khó giải thích thì tất cả quý vị đọc mà không thể hiểu, không hiểu rất tốt, đó mới là Thiền, còn hiểu thì mất Thiền. Nhưng chúng ta tu Thiền mà không hiểu còn có ý nghĩa Thiền, chứ người không tu

Thiên chỉ nghiên cứu mà không hiểu là tai họa. Do đó tôi chịu khó giải thích cho quý vị thấm nhuần được ý nghĩa thâm trầm của câu hỏi và lời đáp. Như trong Kinh Hoa Nghiêm nói : Phật chưa rời cung trời Đâu Suất mà đã giáng sanh trong cung vua Tịnh Phạn. Chưa ra khỏi thai mẹ (tức là chưa ra khỏi thai bà Ma Da phu nhân) mà Ngài giáo hóa đã xong. Nói vậy làm sao chúng ta có thể hiểu, chưa rời cung trời thì làm sao có mặt dưới đây, chưa ra khỏi thai mẹ làm sao giáo hóa đã xong ? Đó là một vấn đề rất khó hiểu, nhưng ý kinh nói rằng tất cả chúng sanh cũng như chư Phật đều có pháp thân bất sanh bất diệt. Thể pháp thân bất sanh bất diệt không có đến đi, nhưng mọi việc đều đã an bài tức là đều đã xong, nên nói rằng : Chưa rời cung Đâu Suất mà đã đến vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong, là để chỉ cho ý nghĩa thể pháp thân bất sanh bất diệt ai cũng có. Vì vậy nhà vua mới đáp bằng hai câu thơ :

*Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện,
Muôn dặm không mây muôn dặm trời.*

Nghĩa là sao ? Vì trên hư không chỉ có một vầng trăng, nhưng dưới thế gian này có ngàn con sông thì có ngàn bóng mặt trăng hiện, đó là để biểu trưng hóa thân, còn một mặt trăng trên hư

không là để biểu trưng cho pháp thân. Pháp thân không có nhiều, mà hóa thân thì tùy duyên ứng hiện, như vậy câu "Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện, muôn dặm không mây muôn dặm trời". Trời có muôn dặm không ? Trời thì không có muôn dặm, nhưng chỗ nào có mây thì thấy trời bị ngăn cách, chỗ không mây thì thấy trời có cả ngàn dặm. Trời không phải là hai, nhưng tùy sự che đậy của mây mà thấy trời có ngắn có dài, có gần có xa. Thế nên, thấy trời gần, xa, ngắn, dài chỉ là do mây. Trời là để dụ cho pháp thân, còn mây nhiều ít là để dụ cho hóa thân tùy duyên thấy có lớn nhỏ sai biệt. Như vậy hai câu trả lời này để nói rõ rằng Phật giáng sanh ở vương cung hay đi giáo hóa người đó là Phật hóa thân, còn Phật pháp thân vẫn nguyên vẹn, vẫn sẵn đủ chưa bao giờ đến đi, mà không đến đi nên việc gì cũng đã xong. Đó là ý nghĩa của câu hỏi và câu đáp.

Tăng hỏi :

Chưa rời cung, chưa ra đời đã được chỉ dạy.

Đã rời cung, đã ra đời việc thế nào ?

Như vậy Ngài chỉ dạy lúc đức Thế Tôn chưa rời cung trời Đâu Suất, chưa ra khỏi thai mẹ, bây giờ sau khi đã rời cung trời Đâu Suất, đã ra khỏi thai mẹ rồi thì việc đó làm sao ?

Vua đáp :

*Mây sanh đánh núi toàn màu trắng,
Nước đến Tiêu, Tương một dáng trong.*

Nghĩa là mây sanh ở trên đánh núi thì tuy mây có nhiều cụm, nhiều áng, nhưng chỉ toàn một màu trắng. Còn nước sông Tiêu, nước sông Tương ở bên Trung Hoa khi chảy đến chỗ giáp nhau thì giòng sông sâu, nên lóng thành nước trong. Hai giòng tuy khác nhưng đến chỗ cứ kính đều trong. Như vậy trên thì lấy thể mà nói, dưới lấy dụng mà nói. Dụng là gì ? - Tức là mây, mây là tướng sanh diệt, tuy tướng sanh diệt khác nhau nhưng đồng màu. Nước sông Tiêu khác, nước sông Tương khác đến chỗ giáp nhau cũng đồng một sắc. Như vậy tuy rằng đã có giáng sanh ở vương cung, đã ra đời giáo hóa, nhưng thể cũng không hai. Hiểu như thế mới thấy câu trả lời khéo léo của Ngài. Ở trên nhắm thẳng về mặt trắng, về bầu trời là chỉ cái thể, còn dụng là hóa thân tùy duyên ứng hiện trăm ngàn thứ khác nhau, nhưng thể vẫn không hai.

Tăng hỏi :

*Mua tạnh sắc núi sáng,
Mây đi trong động ngời.
Vì sao ẩn hiển như một ?*

Nghĩa là trên những ngọn núi khi sắp mưa thì trời mù mịt, đến khi mưa tạnh thì núi hiện rõ ràng, nên sắc núi sáng. Mây che thì cửa hang động tối, mây qua rồi thì cửa hang động sáng ngời. Như vậy có tối có sáng rõ ràng. Hai hình ảnh đó có khác nhau, khi mưa khi tạnh núi có hai hiện tượng khác, khi mây che khi mây tan cửa động có hai hiện tượng khác, tại sao lại nói ẩn hiển như một ? Trong kinh nói : Ẩn hiển không hai là sao ? Câu hỏi này thật khó trả lời, nếu mình không khéo thì không làm sao đáp nổi.

Vua đáp :

*Trừ người quả thật con ta đó,
Ai kẻ bạo chân vào đường này.*

Lý ẩn hiển không hai trừ người thật là con trong nhà Thiên mới thấy được chỗ đó, còn kẻ khác thì không dám bước chân vào đây. Cho nên Ngài nói rõ "Trừ người quả thật con ta đó, ai kẻ bạo chân vào đường này". Như vậy thì ẩn hiển như một là để chỉ người đạt đạo rồi mới thấy rõ điều đó, còn người chưa đạt đạo thì lúc nào cũng thấy là hai.

Tăng hỏi :

*Xưa nay không lối khác,
Người đạt cùng chung đường.
Bệ hạ có nhận riêng Thế Tôn đắc đạo chăng ?*

Trong kinh nói "Xưa nay không lối khác, người đạt cùng chung đường" là chỉ chỗ chân thật xưa nay không có lối nào khác, ai đạt đạo cũng đi chung con đường đó. Mà đã không lối khác, vậy tại sao nói riêng Thế Tôn được đạo ? Ai cũng lối đó, ai cũng đường đó, ai cũng được đạo, tại sao nói riêng Thế Tôn được đạo ? Như vậy bệ hạ có nhận riêng Phật được đạo không ?

Vua đáp :

*Mưa xuân không cao thấp,
Cành hoa có ngắn dài.*

Câu trả lời thật hay "Mưa xuân không cao thấp". Nghĩa là trời mưa thì bình đẳng không cao thấp, nhưng mà "Cành hoa có ngắn dài", nên húng nước mưa có nhiều có ít khác nhau. Vậy là khác nhau tại cành hoa chứ không phải tại mưa. Mưa đó chỉ cho cái gì ? Cũng như ở trên nói "Xưa nay không lối khác, người đạt cùng chung đường", đó là ý nói tất cả chúng sanh đồng thể, đồng có tánh giác, thì đâu riêng gì Phật đắc đạo, mà ai có tánh giác cũng có quyền đắc đạo. Nhưng tại sao chỉ nói đức Thế Tôn đắc đạo, còn chúng ta không ai đắc đạo ? Vì đức Thế Tôn biết tu nên ngộ được tánh giác, còn chúng ta không biết tu nên chưa ngộ được tánh giác. Tánh giác đó ở đây nói "Mưa xuân không

cao thấp", mưa là chung chứ không riêng ai, nhưng vì cành hoa có ngắn dài, nhỏ lớn, nên húng mưa, húng sương có khác nhau. Cho nên khi đọc đến đây chúng ta mới thấy cái nhìn của các Ngài vừa thi vị, vừa tường tận ý nghĩa.

Tăng hỏi :

*Người người vốn tự người người đủ,
Mỗi mỗi xưa nay mỗi mỗi tròn.
Vì sao Thế Tôn vào núi tu hành ?*

Trong các vị Thiên sư hay trong Kinh Đại Thừa luôn luôn nói : Ai ai cũng vốn tự đủ, ai ai cũng vốn tròn đầy. Tự đủ cái gì, tròn đầy cái gì ? - Là tánh giác, ai cũng đủ ai cũng đầy, vì sao Thế Tôn vào núi tu hành, đầy đủ rồi cứ hướng đi, vào núi tu hành chi nữa. Đó là ý của câu hỏi.

Vua đáp :

*Kiểm vì bất bình mở hộp báu,
Thuốc do trị bệnh ra khỏi bình.*

Kiểm quý để trong hộp ngọc, vì bất bình thiên hạ có những cái gian xảo hung ác, nên mới mở hộp lấy kiểm ra để trị những kẻ gian ác. Cũng như thuốc nằm sẵn trong bình vàng nhưng vì bệnh chúng sanh nên mới trút ra để trị bệnh. Như vậy không phải do có giặc mới có kiểm, mà kiểm đã

nằm sẵn trong hộp ngọc, cũng như không phải do có bệnh mới có thuốc, mà thuốc đã nằm sẵn trong bình vàng. Vì muốn lợi ích cho người buộc lòng mở hộp lấy kiếm ra, mở bình trút thuốc ra. Như vậy ai ai cũng sẵn đủ, nhưng vì muốn lợi ích cho chúng sanh Thế Tôn phải đi tu. Đó là chỗ đặc biệt cần phải hiểu cho thật rõ. Cũng như chúng ta thấy trong kinh nói ai ai cũng có tánh Phật, cũng có khả năng thành Phật, vậy quý thầy đã có tánh Phật, đã thành Phật, tại sao đi tu làm gì, thì phải hiểu ý đó. Cho nên dùng câu "Kiếm vì bất bình mở hộp báu, thuốc do trị bệnh ra khỏi bình". Như vậy kiếm ra khỏi hộp báu, thuốc ra khỏi bình là vì trị bệnh, vì cứu dân, vì muốn lợi ích cụ thể nên phải hiện ra ngoài. Cũng như đức Thế Tôn có đủ tánh giác, tròn đầy thể bất sanh bất diệt, nhưng vì muốn cho mọi người được lợi ích, được trở về tánh giác mà phải vào núi tu hành.

Tăng hỏi :

Trong mắt thôi để bụi,

Trên thịt chó khoét thương.

Trên phần người học có tu chứng không ?

Con mắt đang mạnh để bụi vào thì xốn. Trên thịt lành khoét một vết thương thì đau. Con mắt không bệnh đang khỏe để bụi vô làm chi. Thịt lành

để cho khỏe khoét thêm làm chi. Như vậy là nó đã sẵn, đâu cần làm thêm cái gì nữa. Vậy trên phần người học có tu chứng không ? Nghĩa là đã sẵn tánh giác, đã sẵn chân tâm cần tu chi nữa cho thêm chuyện, cũng như con mắt lành bỏ thêm bụi, thịt lành khoét thành vết thương. Như vậy thì cần tu hay không ?

Vua đáp :

*Nước chảy xuống non đâu có ý,
Mây bay qua núi vốn không tâm.*

Nước từ trên núi chảy xuống âm âm, mà có ý chảy không ? - Nước chảy chớ không có ý. Còn mây bay qua núi từng đợt từng đợt có nghĩ rằng che núi không ? Như vậy nước chảy mây bay là để nói phần tu chứng, "Tu chứng chẳng phải không mà nhiệm ô không thể được". Câu trả lời thật hay vì không tâm không ý làm sao nhiệm ô. Câu đáp vừa trung thành với Phật Tổ, vừa là câu văn rất nên thơ. Hai hình ảnh nước trên núi chảy, mây bay qua núi, cả hai đều có động tác mà không tâm không ý. Như vậy tu chứng chẳng phải không mà không có ý để dính mắc sự tu chứng. Vì vậy Ngài Hoài Nhượng khi đến với Lục Tổ, Lục Tổ hỏi : Ông từ Tung Sơn đến đây có mang theo vật gì ? Ngài không trả lời được, nên xin vào chúng ở tám năm

mới phát minh, bèn ra thưa : Bạch Hòa Thượng "Nói một vật tức chẳng trúng". Tổ liền hỏi : Có tu chứng chẳng ? Ngài thưa : "Tu chứng chẳng phải không, nhiệm ô không thể được". Câu này thật thiết yếu. Cũng như ở đây mây bay nước chảy, mà không ý nên nhiệm ô không thể được. Như vậy bay, chảy là hai động tác hiện tiền nhưng ý không dính không mắc. Cũng như tất cả chúng ta đều có tánh giác sẵn không cần phải tìm kiếm ở đâu, nếu khởi tìm kiếm thì giống như đổ bụi vào mắt, như khoét thịt để thành vết thương. Tuy nhiên như thế trên phần tu chứng chẳng phải chẳng có. Tại sao ? Bởi vì tu chứng là phương tiện để hiển bày cái sẵn có của chính mình, chớ không có ý dính mắc ở chỗ chứng đắc. Thế nên mới dùng hình ảnh nước chảy xuống non đâu có ý, mây bay qua núi vốn không tâm. Đến đây vị tăng Đức Thành im lặng, nên vua nói :

Chớ bảo không tâm đây là đạo,

Không tâm còn cách một lớp rào.

Bởi vì ở trên Ngài dùng câu "Mây bay qua núi vốn không tâm", sợ e ông chấp chỗ không tâm nên ngài nhắc lại "Chớ bảo không tâm đây là đạo, không tâm còn cách một lớp rào". Câu này là dẫn lời của Ngài Trường Sa Cảnh Sầm. Ông tăng nghe như vậy thì bẻ lại : Đã nói không tâm, tức nơi tâm đã không thì nói gì là một lớp rào ? Ngài liền đáp :

*Nước cháy xuống non dâu có ý,
Mây bay qua núi vốn không tâm.*

Nói một lớp rào là chỉ cái chấp của người, còn chấp là còn mắc kẹt. Nếu không tâm không ý đâu còn gì chấp, không chấp thì có gì mắc kẹt mà nói một lớp rào. Ngài lập lại câu trên, ông tăng nghe lập lại, không thể đối đáp được. Còn ngài vừa đáp được ý rất sâu, đồng thời văn thơ cũng thật hay. Cho nên chúng ta thấy Thiền sư Việt Nam vừa thật thà, vừa thi vị, nói rõ được ý nghĩa mà vẫn có thi vị.



NIÊM TỤNG KỆ

DỊCH

- 1.- *Cử* : Thế Tôn chưa rời Đâu Suất đã
giáng vương cung, chưa ra thai mẹ
độ người đã xong.
- Niêm* : Guom báu chưa vung, tướng quân
đã lộ.
- Tụng* : Không có hình hài, chưa rời quê,
Sớm tối đưa người qua bến mê.
Cất bước ngao du không xen cách,
Chẳng cần thuyền gổ với phao bè.
- 2.- *Cử* : Thế Tôn mới sinh, một tay chỉ trời,
một tay chỉ đất nói : Trên trời dưới
đất chỉ ta tôn quý.
- Niêm* : Một áng mây trắng che cửa động,
Đàn chim về tổ thấy quên đường.
- Tụng* : Đạt Đa mới giáng Tịnh Vương cung,
Muốn hóa quần sinh tự hiển tung.

Bảy bước đi quanh chỉ trời đất.
Bao người con Phật mất gia phong.

3.- *Cử* : Thế Tôn đưa cành hoa, Ca Diếp
mặt rạng rỡ mỉm cười.

Niêm : vén đứng lông mày để mắt xem,
Tiến lên suy nghĩ cách ngàn non.

Tụng : Thế Tôn nắm dựng một cành hoa,
Ca Diếp sáng nay được đến nhà.
Nếu bảo đây là truyền pháp yếu,
Về Nam xe Bắc lối càng xa.

4.- *Cử* : Ngoại đạo hỏi Phật : Chẳng hỏi có
lời, chẳng hỏi không lời ?

Niêm : Trừ người quả thật con ta đó,
Ai kẻ bạo chân vào đường này.

Tụng : Lao quan khó buộc có ai tri,
Ngôn ngữ đều quên không chỗ y.
Chẳng phải trong đời con ngựa giỏi,
Do đâu bắt chọt được tiện nghi.

5.- *Cử* : Thế Tôn lên pháp tòa, Văn Thù bạch chúng rằng : Quán kỹ pháp Pháp vương, pháp Pháp vương như thế.

Niêm : Khảy khúc Dương Xuân đàn không dây,
Muôn năm ngàn thuở tiếng nào dứt.

Tụng : Tuy nói câu câu chẳng vết tỳ,
Giấu sừng, đuôi vẫn hiện như ri.
Nào giống một cảnh sáo không lỗ,
Vì anh thổi khúc Thái bình thi.

6.- *Cử* : Vua nước Kế Tân cầm kiếm, bảo Tổ thứ 24 (Sư Tử) rằng : Thấy được năm uẩn không chãng ? Tổ đáp : Đã được. Vua hỏi : Lìa sanh tử chãng ? Tổ đáp : Đã lìa. Vua hỏi : Có thể thí cái đầu cho tôi được không ? Tổ đáp : Thân còn không phải của ta, huống nữa là đầu ! Vua liền chém. Sữa trắng vọt ra, tay vua tự rơi.

Niềm : Đem dầu kê gươm bén,
Đường như chém gió xuân.

Tụng : Đao bén chém nước cùng xuy
quang (thôi ánh sáng),
Việc này nên biết nào ngại gì.
Báo tin sáng ấy xa khói, sóng,
Ai biết riêng có nghĩ suy lành.

7.- *Cả* : Đại Sư Đạt Ma đến chùa Thiếu
Lâm ở Lạc Dương, chín năm ngồi
xây mặt vào vách.

Niềm : Để mắt xem, thôi ngủ gật.

Tụng : Chim Bằng vỗ cánh đến Nam Minh
(Nam Hải),
Nổi gót luống công muôn dặm
trình.
Đêm trước chỉ tham vui yến tiệc,
Sáng nay bất giác say men nồng.

8.- *Cả* : Nhị Tổ xin Sơ Tổ pháp an tâm. Sơ
Tổ bảo : Đem tâm ra ta an cho ông.
Nhị Tổ thưa : Con tìm tâm không

thể được. Sơ Tổ bảo : Ta an tâm cho ông rồi.

Nhiệm : Em bé lên ba ôm trống giầy,
Ông già tám chục mặc áo cầu.

Tụng : Tâm đã không tâm nói với ai,
Người cảm thức mộng mắt tròn xoe.
Lão Tăng dối bảo an tâm đấy,
Cười ngất bàng quan chẳng tự hay.

9.- *Cú* : Ngài Văn Thù thấy cô gái nhập
định gần Phật, Ngài đến xuất định
không được. Phật sai Bồ Tát Vô
Minh đến xuất định được.

Nhiệm : Đưa con oan gia, tan gia phong ta.

Tụng : Đều cùng xuất định có sơ thân,
Định ấy nên là chữa chánh chân.
Nếu thật Hóa công không hậu bạc,
Xoay vẫn xuân đến khắp mọi phân.

10.- *Cú* : Mã Tổ nói : Từ sau loạn Hồ ba
mươi năm, chưa từng thiếu tương
muối.

Niềm : Dù cho chẳng phạm mây may,
Vẫn là cầm bánh dính tay.

Tụng : Trước kia làm bạn khách rượu trà,
Quán rượu thường nằm bên cạnh nhà.
Giả thử khoe khoang người lanh lợi,
Giữa đường mất áo chịu thôi mà.

11.- *Cá* : Bá Trượng tái tham Mã Tô, Mã Tô
hét một tiếng. Bá Trượng đại ngộ.

Niềm : Ngàn mũi nhọn, không bằng một
nhát mai cùn.

Tụng : Ngày trước xe thơ chẳng cùng đồng,
Bốn bên dấy loạn tợ đàn ong.
Mã Tô một phen vung kiếm bén,
Từ dây đường nẻo tin tức thông.

12.- *Cá* : Quốc sư một ngày gọi thị giả ba
lần. Thị giả ba lần dạ. Quốc sư
nói : Ngõ là ta phụ người, ngược
lại người phụ ta.

Niềm : Như người uống nước, lạnh nóng tự biết.

Tung : Dưới trên xướng họa xứng cùng hai,
Ý ấy so đâu biết ngắn dài.

Nhằm trước phơi bày gan ruột sạch,
Trong đây chỉ hứa tự mình hay.

13.- *Cử* : Đại Qui nói : Câu có câu không như dây leo cây. Sơ Sơn hỏi : Cây ngã dây khô câu về chỗ nào ? Đại Qui cười to ha hả !

Niềm : Nước chảy ắt về biển, trăng lặn chẳng rời trời.

Tung : Sóng lặng yên rồi, trận gió thổi,
Uổng công hương ngoại khổ tìm cầu.

Khối nghi cười nát thành trăm mảnh,

Từ đó mới phân đá với châu.

14.- *Cử* : Bá Trượng bảo : Thế nào là pháp không vì người nói ? Nam Tuyên

đáp : Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.

Niệm : Ngàn Thánh tìm dấu y chẳng được,
toàn thân ẩn tại đại hư không.

Tụng : Trước đây công án không lệch nghiêng,
Đổi diện xem xem hội chẳng liền.
Trong ngôi Phật pháp mời chẳng ở,
Đêm về như trước ngủ bờ lau.

15.- **Cả :** Nam Tuyên nói : Tâm chẳng phải Phật,
trí chẳng phải đạo.

Niệm : Uống cạn huyền vi lý, đường về dưới trăng di.

Tụng : Muôn tiếng trùng lặng, sao dẫu dời,
Bầu trời trong suốt gợn mây voi.
Nương tựa gậy lê lên gác ngắm,
Yên yên lặng lặng thật thanh thoi.

16.- **Cả :** Sau khi Lâm Tế khai hóa chỉ dùng gậy hét dạy đồ chúng. Vừa thấy Tăng vào cửa liền hét.

Niềm : Mừng năm tháng năm giờ ngọc viết,
Miệng đỏ lưỡi độc tận tiêu trừ.

Tụng : Vào nhà liền hét muốn làm chi ?
Dẫn được cháu con tỉnh giấc mê.
Chẳng phải sấm xuân vang một
tiếng,
Làm sao vỏ hạt được nảy mầm.

17.- *Cử* : Nam Tuyền nói : Tâm bình thường
là đạo.

Niềm : Lạnh nói là lạnh, nóng nói là nóng.

Tụng : Rìu búa không cần, ngọc trắng tinh,
Đâu do mài giữa để cầu tâm.
Đường về chẳng bước nhà vẫn tới,
Trao kẻ trò non buông thông tay.

18.- *Cử* : Triệu Châu nói : Mọi người bị
mười hai thời sai khiến, Lão Tăng
sai khiến được mười hai thời.

Niềm : Cậy thế dối người, không nơi căn
cứ.

Tụng : Lão này hay khiến mười hai thời,
Rồng dữ cọp hung thả được thuần.
Cần phương chỉ sắt thành vàng
thiệt,
Chẳng để cho người có việc nghe.

19.- *Cử* : Tăng hỏi Lâm Tế : Thế nào là vô
vị chân nhân ?

Lâm Tế đáp : Cục cứt khô.

Nhiêm : Bắn sẻ mắt châu, ném chuột như đồ

Tụng : Vô vị chân nhân, cục cứt khô,
Do người Thích tử mất gia phong.
Nhìn xuống xem xem, biết chẳng
biết,
Con trâu vào biển dấu vết không.

20.- *Cử* : Triệu Châu nói : Khám phá bà già
ở Ngũ Đài Sơn xong.

Nhiêm : Ngũ nghịch nghe sấm, chẳng cho
bị tai.

Tụng : Khảy móng Đài Sơn hết nói ngoa,
Chẳng phiền bước tới được về nhà.

Can qua chẳng động lòng người
phục,

Gươm bén đâu cần ra hộp ngà.

21.- *Cử* : Triệu Châu nói : Phật vàng không
độ được lò đúc, Phật gỗ không độ
được lửa, Phật đất không độ được
nước, Phật thật ngồi trong nhà.

Niêm : Núi là núi nước là nước, Phật ở chỗ
nào ?

Tụng : Trên đồ Võng Xuyên xếp thành
hình,

Ngày trước Vương Duy được nổi
danh.

Uổng phí mực son nơi khó vẽ,

Trong không trắng sáng cùng gió
lành.

22.- *Cử* : Triệu Châu nói : Tôi ở Thanh
Châu may một chiếc áo vải nặng
bảy cân.

Niêm : Trấn Châu củ cải còn thể được,
Thanh Châu áo vải lại phiền người.

Tụng : Một manh áo vải thật lạ thường,
Tùng Thảm không màng chẳng cất
rương.
Trong đây nghĩ nghị chia cân
lượng,
Cười ngất nhà đông, Mạnh Bát
Lang.

23.- *Cử* : Vị Tăng hỏi Triệu Châu : Con chó
có Phật tánh không ?

Triệu Châu đáp : Không. Tăng lại
hỏi, Triệu Châu đáp : Có.

Niệm : Lấy hai so một.

Tụng : Hỏi ngay ở trước, đáp có không,
Bảo thẳng ngay lời dứt nhóm
ngông.

Một đời tự phụ người tài giỏi,
Thế ấy vẫn là chẳng trượng phu.

24.- *Cử* : Triệu Châu nói : Chỗ có Phật
chẳng trụ, chỗ không Phật chạy
qua gấp.

Niêm : Nước đến thành ao, roi va lằn nổi.

Tụng : Chỗ Phật có không cả hai quên,
Lời này xem lại chưa được toàn.
Sau rớt cầm hoa đưa trở lại,
Chẳng rời tác bước đến Tây Thiên.

25.- *Cả* : Thủ Sơn đưa trúc bẻ nói : Bảo là trúc bẻ tức chạm, chẳng gọi trúc bẻ tức trái, hãy gọi là cái gì ?

Niêm : Chớ động đến, động đến ăn ba mươi gậy.

Tụng : Trúc bẻ chạm, trái thật khó phân,
Ngay đó rõ ràng nhắc với người.
Tuy vốn đường bằng bụi không dấy,
Một trường bày hiện gai gốc đầy.

26.- *Cả* : Tăng hỏi Động Sơn (Thủ Sơn) : Thế nào là Phật ? Sơn đáp : Trên vách ba cân gai.

Niêm : Gọi một vật lại chẳng trúng.

Tụng : Hỏi Phật thế nào, nói đáp anh,
Động Sơn trên vách gai mấy cân.
Tuy nhiên không có phong trần
dính,
Cũng vẫn còn đem cảnh chỉ người.

27.- *Cử* : Tăng hỏi Hòa Thượng Hiện Tử :
Thế nào là ý Tây sang ? Hiện Tử
đáp : Mâm rượu trước bàn thần.

Niệm : Nếu chẳng phải sư tử con, đâu khỏi
chạy theo khối đất lặn.

Tụng : Chặt đứt cội nguồn không chỗ
nuơng,
Ở đây nhắc lại để anh tường.
Nếu bảo trước thần là Tổ ý,
Khác nào kẻ gọi khó là quần.

28.- *Cử* : Quốc sư Vô Nghiệp nói : Nếu niệm
phàm thánh bằng dầu sợi lông
chưa hết, chưa khỏi vào bụng
ngựa thai lừa. Hòa Thượng Bạch
Vân Đoan nói : Giả sử niệm phàm

thánh bằng dầu sợi lông hết, cũng
chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa.

Niềm : Đốt non cần cạp chạy, đập cỏ cốt
rắn kinh.

Tụng : Lời này xét lại chí khí khinh,
Đập cỏ cốt là bọn rắn kinh.
Nếu người rành lối Trường An ấy,
Buông thông tay đi khỏi hỏi trình.

29.- *Cử* : Huyền Sa dạy chúng nói : Các bậc
Lão túc khắp nơi đều bảo : "Tiếp
vật lợi sanh". Chợt gặp ba hạng
người bệnh lại, làm sao tiếp ?
Người bệnh mù, giơ chùy dựng
phát họ chẳng thấy. Người bệnh
diếc, nói năng tam muội họ không
nghe. Người bệnh câm, dạy họ nói,
nói không được.

Niềm : Khát uống đói ăn, lạnh mặc nóng
quạt.

Tụng : Buồn thì ủ rũ vui tươi cười,
Mũi dọc mày ngang chẳng khác
người.

Đói khát lạnh nóng tùy chỗ được,
Đâu nên bắt chọt lại sanh nghi.

30.- *Cử* : Thụy Nham thường gọi : Ông chủ nhân, tỉnh tỉnh đi, về sau chớ bị người lừa gạt.

Niệm : Khóc đến máu tuôn không chỗ dưng,
Chi bằng ngậm miệng qua xuân tàn.

Tụng : Thụy Nham thường gọi chủ nhân ông,
Lược giỏi cơ sâu cũng chẳng hùng.
Nếu quả thế gian tướng vô địch,
Đợi gì gương giáo mới là hung.

31.- *Cử* : Tam Thánh nói : Tôi gặp người liền ra, ra thì chẳng vì người.
Hung Hóa nói : Tôi gặp người thì chẳng ra, ra thì vì người.

Niệm : Một con rùa mù, nửa cặp trạnh què.

Tụng : Gặp khát tức thì uống nước ngay,
Nói ăn ngày trọn bụng đói chay.
Hai bên gươm bén thôi niêm kín,
Khi khác trẻ con miệng họa này.

32.- *Cử* : Nam Tuyên thấy Đặng Ân Phong
đến, chỉ tịnh bình nói : Tịnh bình
là cảnh, ông không được động đến
cảnh.

Niệm : Nói có, nhằm chỗ nào để.

Tụng : Trong gương không chớp luống tự
chùi.

Dụng hết công phu uống phí thôi.

Lặng lặng im im tùy chỗ thích,

Cơm xong liền đó uống chung trà.

33.- *Cử* : Thạch Đầu nói : Thế ấy chẳng
được, chẳng thế ấy cũng chẳng
được, thế ấy chẳng thế ấy thấy
chẳng được.

Niệm : Các hạnh vô thường, tất cả đều
khổ.

Tụng : Câu nói hay khéo đem đến ông,
Tạm làm mây trắng che cửa động.
Dù cho toàn được mười phần đúng,
Vẫn ở giữa đường muôn dặm trông.

34.- *Cử* : Tăng hỏi : Thế nào là cảnh Giáp Sơn ? Sơn đáp : Vuơn ảm con về sau núi biếc, chim tha hoa rụng trước non xanh.

Nhiêm : Cây gậy tùy thân, gặp trường thì dựa.

Tụng : Giáp Sơn cảnh vắng không người đến,
Ngay đó phải nên làm những gì ?
Nếu người thật được đôi mắt sáng,
Giờ ngộ mặc tình trống canh ba.

35.- *Cử* : Tăng hỏi Mục Châu : Một hơi thở tụng hết một tạng kinh không ? Châu đáp : Có bao nhiêu bánh đem hết lại đây.

Nhiêm : Buông tay đến nhà, chẳng nhọc tiến bước.

Tụng : Một hơi tự khéo tụng tụng kinh;
Vạch lá tìm cành chẳng nhọc mình.
Vô biên huyền nghĩa đều hiện rõ,
Hỏi đến Sơn tăng thấy chẳng minh.

36.- *Cử* : Trong hội Lâm Tế, hai vị Thủ Tọa
nhà Đông nhà Tây gặp nhau đồng
thời hét. Tăng hỏi : Lại có chủ
khách hay không ? Lâm Tế đáp :
Chủ khách rõ ràng.

Niệm : Cũng là vượn trắng nói lằng xằng.

Tụng : Thánh chúa ngày nay cổ hóa phong,
Bản đồ văn phạm trọn cùng đồng.
Bờ cõi xa gần phân rành rõ,
An dân tế thế nào kể công.

37. *Cử* : Huyền Sa nói : Nếu luận việc này,
ví như người chủ một thửa ruộng,
đến trong một phạm vi đã bán cho
các ông rồi, chỉ còn cái cây ở
trung tâm vẫn thuộc về lão Tăng.

Niệm : Biền cả chẳng nạp tử thi.

Tụng : Dù người liễu ngộ ngời ngời tỏ,
Muôn lự dầu tâm hết lãng xăng ;
Trong đây còn có tơ hào dấy,
Vào mắt mặt vàng lại xốn xang.

38.- *Cử* : Tăng hỏi Hòa Thượng Tư (Hành Tư) về đại ý Phật pháp.

Hòa Thượng Tư đáp : Ở Lô Lãng giá gạo bao nhiêu ?

Niệm : Bóng trúc quét thêm trần chẳng dấy,
Vàng trắng xuyên biển nước không tỳ.

Tụng : Lời này quả thật bậc anh linh,
Gồm hết căn cơ tiếp hữu tình.
Một hỏi, Lô Lãng gạo giá mấy,
Hoàn toàn trọn chẳng dính đồ trình.

39.- *Cử* : Tăng hỏi Thiên Sư Văn Thù :
Muôn pháp về một, một về chỗ nào ? Văn Thù đáp : Sông Hoàng Hà chín khúc.

Niêm : Nhon khi có trăng đẹp, bất thần
qua Thương Châu.

Tụng : Hoàng Hà chín khúc vì nêu ra,
Chẳng dính đồ trình tự đến nhà.
Nhiều kẻ ban ngày mở mắt ngóng,
Đâu hay chim Trĩ đến Tân La.

40.- *Cử* : Nam Tuyền hỏi Triệu Châu :
Người là Sa di có chủ hay Sa di
không chủ ? Triệu Châu đáp : Có
chủ. Nam Tuyền hỏi : Thế nào là
chủ ? Triệu Châu khoanh tay
thưa : Hôm nay kính chúc Hòa
Thượng luôn được muôn phúc.

Niêm : Co tay chuyển chùy chẳng đổi
gương,
Người khéo sử dụng đều được tiện.

Tụng : Khoanh tay Tùng Thẩm chỉ cho
người,
Chẳng kẹt hai bên chủ tự phân.
Đâu phải Hoa Lam Hàn lệnh thuật,
Nào hay khéo nấu rượu Tuân tuần.

41.- *Cử* : Tăng hỏi Mộc Am : Thế nào là việc của Nạp Y (Tăng sĩ). Mộc Am đáp :
Dùi châm chẳng vào.

Niêm : Ngồi yên dút mả trần, hư không
chẳng lối thông.

Tụng : Cầm thì mịn mượt, ấn thì mềm,
Trán sát đầu đồng dụng chẳng xuyên.
Vốn thật hư không, không gián cách,
Đêm về như cũ hoa quế thu.

42.- *Cử* : Bàng cư sĩ nói : Đây là trường thi Phật, tâm không được dậu về.

Niêm : Tháp nhận đề tên, không dung
giấy trắng.

Tụng : Áo may trăm mảnh giày cỏ xuyên,
Thi Phật trong trường đã có tên.
Nếu bảo tâm không lại ứng cử,
Chẳng ăn roi vọt cũng ăn thoi.

43.- *Cử* : Từ Minh hỏi Chân Điểm Hưng về đại ý Phật pháp. Chân đáp :

Không mây sinh đỉnh núi, có
trăng rơi lòng sông. Minh hét,
nói : Đầu bạc răng vàng vẫn khởi
kiến giải này. Chân rơi lệ, giây lâu
nói : Không biết thế nào là đại ý
Phật pháp ? Minh đáp : Không
mây sinh đỉnh núi, có trăng rơi
lòng sông. Chân đại ngộ.

Niềm : Người nhơn thấy thì gọi là nhơn,
người trí thấy thì gọi là trí.

Tụng : Kia dây đồng khảm một cung đàn,
Cần phải trao cho bạn tri âm.
Không mây, trăng có tuy đồng dấy,
Nào khác núi cao cùng nước sâu.
Đốt : Trọn ngày theo hồng trần,
Chẳng biết báu nhà mình.
Ôi : Buông tay không tựa toàn thể
hiện,
Lão chà thuyền nhỏ đậu hoa lau.

GIÁNG

Niêm tụng kệ do Ngài Trần Thái Tông biên soạn gồm bốn mươi ba bài, mỗi bài chia làm ba phần : Cử, Niêm, và Tụng. Cử là đề ra hay nêu lên một câu chuyện hoặc một câu trong kinh để giải thích. Niêm là rút gọn hay tóm tắt để nói rõ ý nghĩa của vấn đề. Tụng là giải bày thành một bài kệ bốn câu.

1.- *Cử* : Thế Tôn chưa rời Đâu Suất đã giảng Vương cung, chưa ra thai mẹ độ người đã xong.

Niêm : Gươm báu chưa vung, tướng quân đã lộ.

Tụng : Không có hình hài, chưa rời quê.

Sớm tối đưa người qua bến mê.

Cất bước ngao du không xen cách,

Chẳng cần thuyền gổ với phao bè.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói : "Thế Tôn chưa rời Đâu Suất đã giảng Vương cung, chưa ra thai mẹ độ người đã xong".

Ngài Trần Thái Tông toát yếu gọn lại : "Gươm báu chưa vung, tướng quân đã lộ". Nghĩa là người tướng quân chưa hươi gươm chém giặc, mà hình thức tướng quân đã lộ, vì mang giáp đeo kiếm nên biết là tướng quân. Cũng vậy, tuy đức Phật chưa rời trời

Đâu Suất đã giáng sinh trong Vương cung, chưa ra
khỏi thai mẹ đã hiển bày thể bất sinh bất diệt.

*Không có hình hài chứa rời quê,
Sớm tối đưa người qua bến mê.*

Tuy chỉ là pháp thân, chưa có báo thân hay hóa
thân, tức là chưa ra đời mà đã độ chúng sinh rồi.

*Cát bước ngao du không xen cách,
Chẳng cần thuyền gỗ với phao bè.*

Pháp thân trùm khắp không vắng mặt nơi nào,
nên không phải chờ có hình thức phao bè mới độ
được người. Chính trong thể bất sinh bất diệt là
thể độ chúng sinh ra khỏi bến mê.

2.- Cú : Thế Tôn mới sinh một tay chỉ trời, một tay
chỉ đất nói : Trên trời dưới đất chỉ ta tôn
quí.

Niêm : Một áng mây trắng che cửa động,
Đàn chim về tổ thấy quên đường.

Tụng : Đạt Đa mới giáng Tịnh Vương cung,
Muốn hóa quần sinh tự hiển tung.
Bảy bước đi quanh chỉ trời đất,
Bao người con Phật mất gia phong.

Đức Phật vừa ra đời, tay chỉ trời tay chỉ đất nói : Trên trời dưới đất chỉ ta là hơn hết. Nghe hai câu này có nhiều người nghĩ ngã của Ngài to quá.

Nhớ lại khi xưa tôi đi giảng, có một Phật tử hỏi : Thưa Thầy, thường mỗi bài kệ trong kinh có bốn câu, vì sao ở đây đức Phật chỉ nói hai câu :

Thiên thượng thiên hạ,
Duy ngã độc tôn.

Còn hai câu nữa ở đâu ? Tôi về tra lại trong Kinh A Hàm, mới biết còn hai câu nữa là :

Nhứt thiết thế gian,
Sinh lão bệnh tử.

Như vậy bài kệ có tất cả bốn câu :

Thiên thượng thiên hạ,
Duy ngã độc tôn.
Nhứt thiết thế gian,
Sinh lão bệnh tử.

Dịch :

*Trên trời dưới trời,
Chỉ ta hơn hết.
Tất cả thế gian,
Sanh già bệnh chết.*

"Chỉ ta hơn hết" là hơn chỗ ta là người đã qua khỏi sanh già bệnh chết, còn thế gian vẫn mắc kẹt trong bốn cảnh này. Bên Đại thừa thường dùng hai câu trước bỏ hai câu sau, tại sao ? Vì không muốn nói qua khỏi sanh già bệnh chết là hơn hết, tức là không nói người giải thoát sanh tử là hơn hết. Đại thừa nói "Ta là hơn hết", vì Ta là pháp thân, chứ không phải Ta là thân phàm tục do báo, hóa hiện ra, vì vậy nói Ta hơn hết là đủ rồi, không nói thêm hai câu sau nữa.

Trong Kinh Kim Cang có bài kệ bốn câu thường được nhắc đến là :

Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhân hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai.

Dịch :

*Nếu dùng sắc thấy Ta,
Dùng âm thanh cầu Ta,
Người ấy hành đạo tà,
Không thể thấy được Phật.*

Chữ Ta trong bài kệ không có sắc tướng, không có âm thanh, đó là pháp thân. Pháp thân bất sanh bất diệt là hơn hết, không phải chỉ đức Phật mới

có, mà ai ai cũng có, nên nói Ta hơn hết là đủ, không nói thêm nữa.

*Một áng mây trắng che cửa động,
Đàn chim về tổ thấy quên đường.*

Đây là thấy hình thức mà không thấy chỗ về. Hình thức là tay chỉ trời tay chỉ đất nói : Ta là hơn hết. Ai cũng nghĩ Ta là thân này, cho nên không thể nào thâm nhập được lời Phật nói. Ngài Trần Thái Tông dùng hai câu niêm để giải thích : Vì đám mây trắng che cửa động, nên đàn chim quên đường về tổ. Nghĩa là vì lầm chấp thân tứ đại là Ta nên không ai trở về được với pháp thân bất sanh bất diệt.

*Đạt Đa mới giáng Tịnh Vương cung,
Muốn hóa quần sanh tự hiển tung.
Bảy bước đi quanh chỉ trời đất,
Bao người con Phật mất gia phong.*

Ngài Tất Đạt Đa vừa giáng sinh ở cung vua Tịnh Phạn, vì muốn giáo hóa quần sinh nên Ngài hiển bày tung tích của mình, là phải đạt được pháp thân. Chúng ta cứ nghĩ Ta là thân này cho nên không ai thấy được chỗ Phật chỉ. Đức Phật đi bảy bước tay chỉ trời, tay chỉ đất nói : Ta là hơn hết, chủ yếu là chỉ thể bất sinh bất diệt nơi mọi người.

Vì lầm nhận thân tứ đại là mình nên không ai thấy được pháp thân. Thế nên bao người con Phật quên mất gia phong nhà mình

3.- Cử : Thế Tôn đưa cành hoa, Ca Diếp mặt rạng rỡ mỉm cười.

Niệm : Vén đứng lông mày để mắt xem,
Tiến lên suy nghĩ cách ngàn non.

Tụng : Thế Tôn nắm đưng một cành hoa,
Ca Diếp sáng nay được đến nhà.
Nếu bảo đây là truyền pháp yếu,
Về Nam xe Bắc lối càng xa.

Đức Phật nêu lên cành hoa, đưa mắt nhìn đại chúng, ai cũng im lặng, chỉ có Ngài Ca Diếp mỉm cười.

"Vén đứng lông mày để mắt xem" là chỉ các bậc lão niên lông mày rũ xuống, phải vén lên nhìn, nếu mỉm cười là đúng. "Tiến lên suy nghĩ cách ngàn non", vừa khởi niệm suy nghĩ là cách xa ngàn dặm, không bao giờ thấy được.

*Thế Tôn nắm đưng một cành hoa,
Ca Diếp sáng nay được đến nhà.*

Đức Thế Tôn đưa cành hoa nhìn đại chúng, Ngài Ca Diếp mỉm cười. Ngay đó đức Phật liền truyền pháp ấn cho Ngài : "Ta có Chánh pháp Nhân tạng, Niết Bàn Diệu Tâm ..., nay trao cho Ma Ha Ca Diếp". Phật nói trao Chánh pháp Nhân tạng mà Ngài có trao cái gì không ? Thế nên nói :

*Nếu báo dầy là truyền pháp yếu,
Về Nam xe Bắc lối càng xa.*

Muốn về Nam mà xe hương đầu đi qua phương Bắc thì càng đi càng xa. Vậy có truyền pháp ấn hay không ? Không có mà có. Nếu nghĩ pháp ấn là cái gì từ tay trao cho là không bao giờ hiểu được. Chẳng qua vị Thầy muốn chỉ cái đó cho thấy, người đệ tử nhận thấy, sáng lên, biết được ý Thầy, vị Thầy liền ấn chứng. Vì thế đức Phật đưa cành hoa lên, chư Tổ trong nhà Thiên dựng đứng phất tử, Tổ Bá Trượng chỉ đóm lửa, yếu chỉ đâu có khác. Đó là những điểm đặc biệt trong nhà Thiên.

4.- *Cử* : Ngoại đạo hỏi Phật : Chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời.

Niêm : Trừ người quả thật con ta đó,
Ai kẻ bạo chân vào đường này.

Tụng : Lao quan khó buộc có ai tri,
Ngôn ngữ đều quên không chỗ y.

Chẳng phải trong đời con ngựa giỏi,

Do đâu bắt chột được tiện nghi.

Có một ngoại đạo đến hỏi Phật : Tôi chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời. Đức Phật ngồi lặng thinh. Ngoại đạo tán thán : Thế Tôn vì con mà chỉ chỗ cứu kính. Vậy Phật có nói câu nào không ?

Trừ người quá thật con ta đó,

Ai kẻ bạo chân vào đường này.

Người nào là con thật của ta mới dám đi đường này, ngoài ra không ai dám cất bước vào.

Lao quan khó buộc có ai tri,

Ngôn ngữ đều quên không chỗ y.

Khi đến chỗ cuối cùng, không bị trói buộc, đâu có ai biết được. Tôi xin nhắc lại câu chuyện trong kinh : Có một ngoại đạo đến hỏi Phật : Thưa Thế Tôn, con không hỏi có lời, không hỏi không lời, Thế Tôn dạy cho. Đức Phật ngồi lặng thinh giây lâu. Ngoại đạo nói : Thế Tôn thật là đại từ đại bi, đã chỉ cho con chỗ cứu kính. Khi ngoại đạo đi rồi, Ngài A Nan đứng hầu một bên, ngạc nhiên hỏi Phật : Bạch Thế Tôn, ngoại đạo hiểu gì mà nói câu đó. Phật bảo : Con ngựa hay thấy bóng roi liền chạy. Vì thế trong bài tụng có hai câu :

*Chẳng phải trong đời con ngựa giỏi,
Do đâu bắt chọt được tiện nghi.*

Bắt chọt là dịch chữ Hán "đặc địa". Con ngựa hay là nhắc lại câu chuyện trong kinh. Tất cả ngôn ngữ nói ra không phải là cứu kính, tại sao ? Vì ngôn ngữ lập trên phương diện đối đãi, chứ không phải tuyệt đối. Như nói trắng là đối với đen, nói tốt là đối với xấu, nói phải là đối với quấy, không có câu nói nào ngoài đối đãi. Thường đến chỗ vượt đối đãi chữ Tổ chỉ hét hoặc hư một tiếng mà không nói lời nào. Còn chúng ta cả ngày nói ồn ào, cố gắng nói đến chỗ cứu kính, mà càng nói càng xa. Dù có nói gì cũng ở trong đối đãi phải quấy, hơn thua, còn đối đãi là không phải chơn lý. Thế nên chơn lý không có ngôn ngữ, ngôn ngữ không có chơn lý. Nhưng muốn cho người hiểu chúng ta phải nói, lại còn viết sách nữa, đó đều là mượn những đối đãi để tạm hiểu thôi. Thật ra chỗ cứu kính không có ngôn ngữ, vì ngôn ngữ có hai lỗi : Một là lập trên đối đãi không phải tuyệt đối. Hai là lời nói do khởi nghĩ mới có nên động, còn chơn lý là không động, vì thế lời nói không đến được chơn lý. Do hai lỗi này nên mất đi cái chân thật. Việc này chỉ có con cháu trong nhà mới biết được.

5.- *Cú* : Thế Tôn lên pháp tòa, Văn Thù bạch chúng
rằng :

Quán kỹ pháp Pháp vương, pháp Pháp
vương như thế.

Niêm : Khảy khúc Dương Xuân đàn không dây,
Muôn năm ngàn thuở tiếng nào dứt.

Tụng : Tuy nói câu câu chẳng vết tỳ,
Giấu sừng đuôi vẫn hiện như ri.
Nào giống một cành sáo không lỗ,
Vì anh thổi khúc Thái bình thi.

Thế Tôn lên pháp tòa, Văn Thù bạch chúng
rằng : Quán kỹ pháp Pháp vương, pháp Pháp
vương như thế. Đây là bạch chùy, tức là đánh kiểng
rồi trình bạch với chúng : Quán kỹ pháp của Pháp
vương, pháp của Pháp vương như thế. Nói như vậy
mới đủ.

*Khảy khúc Dương Xuân đàn không dây,
Muôn năm ngàn thuở tiếng nào dứt.*

Khảy bản nhạc Dương Xuân với cây đàn không
dây, tiếng đàn còn mãi không bao giờ dứt bật. Nếu
tiếng do động mà ra, tức nhiên có sinh phải có diệt.
Còn tiếng không động mà có, tiếng đó không bao giờ
diệt, nên muôn năm ngàn thuở không bao giờ dứt.

Pháp của Pháp vương như thế, chúng ta hiểu chữ "như thế" ra sao ? Trong Kinh Pháp Hoa, đức Phật giảng về "Thập Như Thị" : Như thị nhọn, như thị duyên, như thị quả, như thị báo v.v... tất cả là mười pháp như thế. Pháp của Pháp vương như thế tức là pháp của Phật là như thế, đây là chỉ tương chơn thật của các pháp.

Trong nhà Phật chữ "như thế" có nghĩa rất đặc biệt. Tỉ dụ đây là cái tách. Có người hỏi : Cái tách ra làm sao ? Đáp : Cái tách là cái tách, nó như thế. Đáp vậy là đúng như thị. Nếu nói cái tách này xấu là có so sánh với cái tách khác đẹp hơn. Tức là khi trước chúng ta đã thấy một cái tách khác và đem hình bóng của cái tách cũ để đối chiếu với cái tách hiện giờ. Chúng ta luôn luôn dùng hình bóng quá khứ để so sánh với hiện tại, có so sánh là không thấy như thật. Nếu nói cái tách là cái tách, không nói gì thêm, nhìn thấy nó như thế là thấy như thật, đó là nhìn đúng với con mắt nhà Thiền. Nếu nhìn cái tách nói là đẹp là xấu, là nhìn với con mắt phân biệt so sánh, tức không thấy đúng như thật.

Như hiện giờ chúng ta nhìn một người đã có ác cảm với mình khi trước, vừa trông thấy người ấy, chúng ta cảm thấy không vui trong lòng, dù người ấy đang nói những lời tốt lành với bè bạn.

Đó là chúng ta nhìn với khuôn cũ sẵn có cho người ấy là xấu, không thể nào tốt được. Giả sử có người có cảm tình với chúng ta khi trước, bị phê bình là xấu là dở, chúng ta liền phản đối và bênh vực ngay. Tại sao ? Vì chúng ta nhìn theo hình bóng đẹp khi xưa đã có sẵn nơi chúng ta, nên không thấy đúng như thật về con người đó. Tóm lại, nếu thấy đúng "như thế", thì khi nhìn một người nào, chúng ta không có gì bực bội chê bai hay bênh vực bào chữa. Vì thế người tu thiền là lột hết những khuôn cũ, những kiến chấp cũ mà thế gian gọi là thành kiến hay định kiến, chỉ thấy con người và sự vật đúng như thật ngay đây và hiện giờ, các pháp như thế nào thấy như thế ấy, chớ không đem khuôn cũ để so sánh với cái mới hiện tại. Thế nên pháp "như thị" rất hay, rất đặc biệt. Tinh thần đạo Phật là thấy tất cả như thật, không theo thành kiến của chính mình hay của những người thân thuộc bạn bè lập ra. Nếu thấy đúng tinh thần "như thị" thì chúng ta không có phiền não. Trái lại thấy trong so sánh phân biệt thì chúng ta sẽ bực bội rất nhiều. Đối diện với người oán hờn mình, nếu thấy "như thị" thì chúng ta không còn bực tức, nghĩa là không có oán tắng hội khổ. Nếu sống "như thị" thì có người thương hay không có cũng thôi, thì đâu có ái biệt ly khổ. Sống "như thị" thì không khởi niệm mong cầu, thế là không còn cầu bất đắc khổ ...

Thấy "như thị" thì tất cả khổ đau theo đó tan hoang như mây khói. Sở dĩ hiện nay bao nhiêu thứ khổ đau dồn dập tới là vì chúng ta sống với hình bóng quá khứ, sống với mong cầu tương lai, chứ không sống với các pháp hiện tại. Những gì trong quá khứ chúng ta cứ nuôi dưỡng, nên khi đối diện với hiện tại, như ý thì vui, trái ý thì buồn, như ý và trái ý là đối với khuôn cũ sẵn có. Dù cho hiện tại có thay đổi chẳng nữa, nhưng vì thành kiến nên luôn luôn chúng ta sống trong đau khổ. Nếu sống đúng như thị thì chúng ta sẽ được an lành tự tại, những khổ đau ngang đây chấm dứt.

Như vậy cái thấy đúng "như thị" là cái thấy đạo đức, đâu mất thời giờ để nói chuyện năm xưa, đâu mất thời giờ để so sánh đối chiếu. Sống trong hiện tại, giờ ăn cơm cứ ăn cơm, giờ cuốc đất cứ cuốc đất, như thế chúng ta tránh được bao thứ phiền đảo, hoặc của thời quá khứ hoặc của mong đợi tương lai. Thế nên Thiên sư nói : Cây gậy là cây gậy. Đó là nhìn đúng "như thị". Pháp của Pháp vương như thế, mới nghe dường như đơn giản, kỳ thật khó hiểu làm sao ! Song gốc của đạo là ở đây vậy, nên nói tiếng đàn không dây rất tuyệt vời không bao giờ mất.

*Tuy nói câu câu chẳng vết tỳ,
Giấu sừng đuôi vẫn hiện như ri.*

Nếu nói câu nào đều đúng "như thị" thì câu câu đều không tỳ vết. Giấu sừng mà đuôi vẫn hiện, nói như thị mới nghe tưởng như bí mật, nhưng đã bày hiện lẽ thật rồi, đó là giấu đầu mà lộ đuôi.

*Nào giống một cành sáo không lỗ,
Vì anh thổi khúc Thái bình thi.*

Như có cành trúc dùng làm ống sáo mà không có lỗ, vì anh thổi khúc sáo Thái bình. Ai sống được như thị sẽ được thái bình an lạc muôn đời. Chúng ta hãy thử sống một ngày "như thị" xem có được thái bình muôn thuở chăng ? Vì sống với quá khứ và vị lai cho nên chúng ta thường bất bình nổi sóng. Chúng ta ngồi lại cứ ôn nhớ những chuyện cũ rồi tự mình chúc khổ, buồn thương giận ghét. Còn sống ngay hiện tại, tất cả như thế, thì đâu có khổ, đó thực là thái bình.

Việc tu hết sức là đơn giản, đâu phải làm những điều gì khó khăn, chỉ thấy đúng như thế thôi, không có so sánh để khen chê thương ghét. Nếu còn so sánh là còn thương ghét, khen chê, nhân đó sanh ra các thứ phiền não. Nếu thấy các pháp đều như thế thì không còn thương ghét khen chê, chẳng phải khúc sáo thái bình là gì ? Như vậy tu là cốt đem lại cho mình một cuộc đời bình an vô sự, thanh thần không phiền hà, đó là "như thị".

6.- *Cử* : Vua nước Kế Tân cầm kiếm, bảo Tổ thứ 24 (Tổ Sư Tử) rằng : Thấy được năm uẩn không chẳng ? Tổ đáp : Đã được. Vua hỏi : Là sanh tử chẳng ? Tổ đáp : Đã lia. Vua hỏi : Có thể thí cái đầu cho tôi được không ? Tổ đáp : Thân còn không phải của ta, huống nữa là đầu ! Vua liền chém. Sờ trắng vọt ra, tay vua tự rơi. .

Niêm : Đem đầu kê guom bén,
Dường như chém gió xuân.

Tụng : Dao bén chém nước cùng xuy quang (thổi ánh sáng),
Việc này nên biết nào ngại gì.
Báo tin sáng ấy xa khói, sóng,
Ai biết riêng có nghĩ suy lành.

Đây là câu chuyện Tổ Sư Tử bị vua Kế Tân giết. Ngài Trần Thái Tông niệm :

*Đem đầu kê guom bén,
Dường như chém gió xuân.*

Vua Kế Tân đưa kiếm chém đầu Tổ dường như chém gió mùa xuân. Tại sao ? Vì Tổ đã nói : Thân này còn không phải của ta huống nữa là đầu. Tức là thân này không phải của Ngài, nên khi bị chém đầu, Ngài xem như chém gió xuân, không có dính

dáng gì với Ngài cả. Nếu người tu đến được chỗ này là thành Tổ rồi. Còn chúng ta hiện nay, nếu kiếm bèn đưa đến gần liền quì lạy van xin tha mạng, là vì chúng ta còn thấy cái ngã quá to, quá nặng, nhưng với Tổ, Ngài thấy cái ngã không còn nữa. Thế nên có bài tụng :

Đao bén chém nước cùng xuy quang

(thổi ánh sáng),

Việc này nên biết nào ngại gì.

Dùng dao bén chém nước hay chém lửa cũng không được, nước và lửa không bị đứt. Dùng miệng thổi ánh sáng mặt trời, ánh sáng cũng không lay động. Như thế cầm dao chém lửa đang cháy, lửa không có vết tích gì, dùng dao chém nước dưới sông, nước cũng không tỳ vết. Đây là nói lên ý nghĩa : Khi vua Kế Tân cầm kiếm chém đầu Tổ Sư Tử, cũng như chém nước chém lửa, cũng như thổi ánh sáng, đối với Tổ không có nghĩa lý gì, nên nói "Việc này nên biết nào ngại gì". Tuy Tổ bị giết mà không có chút gì ngại ngừng hay khó khăn.

Báo tin sáng ấy xa khói, sóng,

Ai biết riêng có nghĩ suy lành.

"Xa khói, sóng" tức là bỏ thân nhớp nhúa vô thường. Thân này như khói, như sóng không có giá

trị gì. Tuy bị chặt đầu, bỏ thân khỏi sống, nhưng vẫn có hiện tượng tốt đẹp, nên nói : "Riêng có nghĩ suy lành", nghĩa là khi ấy Tổ được thành thời giải thoát. Bỏ thân bại hoại vô thường, sống với thể bất sanh bất diệt, thì đẹp biết dường nào, đâu có gì phải lo sợ hay buồn khổ. Thế nên qua lời giảng của Ngài Trần Thái Tông chúng ta thấy rõ những gì cần làm, cần tu, chứ không phải chỉ nói chuyện suông, nhất là đối với người tu Thiên.

7.- Cử : Đại Sư Đạt Ma đến chùa Thiếu Lâm ở Lạc Dương. Chín năm ngồi xây mặt vào vách.

Niêm : Để mắt xem, thôi ngủ gật.

Tụng : Chim bằng vỗ cánh đến Nam Minh (Nam Hải),

Nổi gót luống công muôn dặm trình.

Đêm trước chỉ tham vui yến tiệc,

Sáng nay bất giác say men nồng.

Đây kể lại câu chuyện Tổ Đạt Ma khi đến ở chùa Thiếu Lâm, tại kinh đô Lạc Dương.

"Tổ Đạt Ma đến chùa Thiếu Lâm, chín năm ngồi xây mặt vào vách" để làm gì ?

Ngài Trần Thái Tông niêm gọn lại : Để mắt xem, thôi ngủ gật. Tức là ngồi đó nhìn xem, chứ

có ngũ gặt. Chúng ta đừng tưởng lầm Tổ tiêu cực yếm thế, ngồi xây mặt vào vách, không nói đến ai. Mục đích Tổ ngồi đó là chờ người đủ điều kiện đến để truyền trao chánh pháp. Như vậy đây là một việc làm phi thường, chứ không phải có tánh cách tiêu cực, yếm thế, trốn thiên hạ. Cho nên có bài tụng :

Chim bằng vỗ cánh đến Nam Minh

(Nam Hải),

Nói gót luống công muôn dặm trình.

Chim đại bàng một khi vỗ cánh liền tới biển Nam Hải. Nếu bắt chước nói gót theo sau thì luống công vô ích, vì chim vỗ cánh đã bay xa muôn dặm, chúng ta có đi theo cũng không kịp. Đó là nói việc làm của Tổ Đạt Ma giống như chim đại bàng vỗ cánh. Nếu chúng ta bắt chước ngồi xây mặt vào vách như Ngài, chỉ uống công vô ích, chứ không bao giờ giống Ngài được.

Đêm trước chỉ tham vui yến tiệc,

Sáng nay bất giác say men nồng.

Đêm trước chúng ta mê vui trong yến tiệc đến khuya, sáng lại giật mình thức dậy, mặt trời đã lên cao mà còn say trong men nồng. Hai câu này ý nói : Chúng ta ở trong mê, mà tưởng lầm là giác,

cũng như chúng ta bắt chước Tổ ngồi xây mặt vào vách, mà không biết mục đích của Ngài. Đó là bắt chước trong mê, chứ không phải đúng, như thế mê lại thêm mê, không có lợi ích gì.

8.- *Cử* : Nhị Tổ xin Sơ Tổ pháp an tâm. Sơ Tổ bảo :
Đem tâm ra ta an cho ông. Nhị Tổ thưa :
Con tìm tâm không thể được. Sơ Tổ bảo :
Ta an tâm cho ông rồi.

Niêm : Em bé lên ba ôm trống giầy,
Ông già tám chục mặc áo cầu.

Tụng : Tâm đã không tâm nói với ai,
Người cảm thức mộng mắt tròn xoe.
Lão Tăng dối bảo an tâm đấy,
Cười ngất bàng quan chẳng tự hay.

Nhị Tổ Huệ Khả xin Sơ Tổ Đạt Ma pháp an tâm. Sơ Tổ bảo : Đem tâm ra ta an cho. Ngài Huệ Khả tìm tâm không được, thưa : Con tìm tâm không được. Tổ bảo : Ta đã an tâm cho người rồi. Như vậy Tổ có an tâm thật hay không ? Làm cách gì để an tâm ? - Không có một pháp để an tâm. Thế mà Sơ Tổ lại bảo đã an tâm cho người rồi. Đó là nói thật hay không ?

Ngài Trần Thái Tông niệm :

*Em bé lên ba ôm trống giấy,
Ông già tám chục mặc áo cầu.*

Trống giấy là của người lớn khéo đánh mới không bể, lại đưa cho con nít lên ba vỗ thì lủng ngay. Còn ông già tám mươi tuổi lại mặc áo cầu, là áo vẽ hình bông hoa để cho con nít mặc.

Ý Ngài Trần Thái Tông nói Tổ Đạt Ma chỉ pháp an tâm cho Tổ Huệ Khả giống như là trao trống giấy cho đứa trẻ lên ba, hay là bắt ông già tám mươi tuổi mặc áo bông vậy. Đây là Tổ Đạt Ma đánh lừa nhưng rất khéo.

Tụng :

*Tâm đã không tâm nói với ai,
Người cầm thức mộng mắt tròn xoe.*

Tâm đã không thật làm sao nói ! Cũng như người cầm nằm ngủ mộng thấy mình được đãi một bữa tiệc rất ngon, khi thức dậy muốn kể lại cho bạn bè làm sao kể ? Chỉ nhìn người rồi tròn tròn đôi mắt, chớ không nói gì được. Cũng như vậy, tâm không thật lại bảo đem ra, làm sao đem. Tâm vọng tự nó dấy lên mình thấy nhưng không nói cho người nghe được, chỉ cho người thấy được, giống như người cầm nằm mộng mà bảo kể lại giấc mộng thì không kể được.

*Lão Tăng dối bảo an tâm đấy,
Cười ngất bâng quan chẳng tự hay.*

Tổ nói : Ta an tâm cho người rồi, đó là một cách nói dối, nhưng dối mà không dối. Người bâng quan không biết được việc này.

Hiện giờ chúng ta có biết Tổ Đạt Ma an tâm bằng cách nào không ? Đây là thuật của Tổ, bảo an tâm mà tâm đó hư dối không thật, làm sao an ? Tỉ dụ như hiện giờ cái tách cái đĩa có hình tướng để bên cạnh ghế nó sẽ ngã đổ, nếu để giữa bàn bảo đảm là an ổn. Vậy có hình thức mới có chỗ nơi. Còn tâm suy nghĩ vọng tưởng của chúng ta hiện giờ ra sao đang ở đâu ? Nó không hình không tướng, muốn an làm sao an ? Thế nên Sơ Tổ bảo : Tìm tâm đem ra ta an cho. Nghĩa là ông muốn an cái không hình không tướng, nếu tìm được đem ra đây, thì ta an được. Nhưng Ngài Huệ Khả tìm ráo để không được. Khi tìm không được, tức là tâm an mất rồi. Như vậy Ngài Huệ Khả tự an tâm mà nói Sơ Tổ an tâm, không phải nói dối là gì ? Thế mà chúng ta nghĩ có pháp an tâm thật, đó là người bâng quan không biết gì.

Trọng tâm việc tu là biết xoay lại tìm. Vì tâm vọng không thật, nên một phen tìm lại nó mất tiêu, thế là tự nó đã an rồi. Nói an tâm nhưng thật ra

không có tâm nào, không có cách nào để an, chỉ là biết xoay lại soi sáng chính mình, tâm vọng mất đi, đó là an tâm. Đây là điểm đặc biệt trong nhà Thiền, nếu chúng ta không nắm vững, khó mà biết được chỗ này.

9.- Cú : Ngài Văn Thù thấy cô gái nhập định gần Phật, Ngài đến xuất định không được. Phật sai Bồ Tát Vông Minh đến xuất định được.

Niêm : Đứa con oan gia, mất gia phong ta.

Tụng : Đều cùng xuất định có sơ thân,
Định ấy nên là chưa chánh chân.

Nếu thật Hóa công không hậu bạc,
Xoay vẫn xoay đến khắp mọi phần.

Đây là câu chuyện dẫn trong Kinh : Một hôm đức Phật đang thuyết pháp cho Tăng chúng, có một cô gái đến ngồi gần tòa đức Phật nhập định. Ngài Văn Thù thấy vậy là vô phép, mới dùng thần thông để xuất định cho cô, nhưng không được. Sau đó đức Phật bảo Bồ Tát Vông Minh đến xuất định thì cô mới xuất. Ngài Vông Minh là Bồ Tát mới tu, còn Ngài Văn Thù là Bồ Tát Đại Trí, rất là đặc sắc, thế mà Ngài không làm được việc mà một vị sơ cơ làm được. Như vậy định của cô gái có phải là đại định không ?

Lời Niêm : Đưa con oan gia, mất gia phong ta.
Nếu là định cứu kính chân thật thì người đại trí
đã cho xuất được, còn định đó chưa phải là chân
thật nên người tu sơ cơ cũng xuất được. Thí dụ
như có những Phật tử nghiên cứu Phật pháp khá,
đến đây hỏi đạo lý với tôi, khi tôi giảng nói họ
nghe họ hiểu. Còn nếu người chưa hiểu Phật pháp
chút nào hay là hiểu lệch lạc, đến đây hỏi, tôi có
nói họ cũng không hiểu. Nhưng khi đến nhà khách,
Thầy Tri khách nói họ lại hiểu. Vậy những gì cao
sâu thì người tu cao nói được, còn những điều thông
thường thì người thường nói chuyện vui vui đây
kia họ nghe họ hiểu.

Thế nên có lời bình như sau :

*Đều cùng xuất định có sơ thân,
Định ấy nên là chúa chánh chân.*

Nếu cùng xuất định mà có kẻ sơ người thân
thì định ấy chưa chân chánh.

*Nếu thật Hóa công không hậu bạc,
Xoay vẫn xuân đến khắp mọi phần.*

Nếu thật trời đất không có đối với người sâu,
cạn khác nhau thì nơi đâu cũng được mùa xuân.
Nhưng vì có hậu bạc, nên mùa xuân không cùng
khắp. Đó là để nói định có chơn và không chơn,

không phải định nào cũng đều chân chánh như nhau.

10.- Cử : Mã Tổ nói : Từ sau loạn Hồ ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối.

Niêm : Dù cho chẳng phạm mảy may,
Vẫn là cầm bánh dính tay.

Tụng : Trước kia làm bạn khách rượu trà,
Quán rượu thường nằm bên cạnh nhà.
Giả thử khoe khoang người lạnh lợi,
Giữa đường mất áo chịu thôi mà.

Đây là câu chuyện trong sử, Mã Tổ ra di giáo hóa, trụ ở Giang Tây. Thầy Ngài là Tổ Nam Nhạc Hoài Nhượng cho người tới hỏi : Từ khi rời Tổ Nam Nhạc đến nay, Thầy ở đây truyền bá thế nào ? Mã Tổ nói : Từ sau loạn Hồ ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối. Loạn Hồ tức là thời loạn lạc ở Trung Hoa. Sau đó ba mươi năm thì tương muối lúc nào cũng sẵn, không có thiếu. Ý muốn nói từ khi thấy đạo đến nay, lúc nào cũng hiện tiền, không có thiếu thốn.

Niêm :

*Dù cho chẳng phạm mảy may,
Vẫn là cầm bánh dính tay.*

Nói chưa từng thiếu tương muối, nghĩa là khỏe ta là người không có thiếu. Như thế tuy không phạm lỗi, nhưng cũng là cầm bánh dính tay, hơi dơ một chút.

Ngài Trần Thái Tông có lời bình :

*Trước kia làm bạn khách rượu trà,
Quán rượu thường nằm bên cạnh nhà.
Giả thử khoe khoang người lạnh lợi,
Giữa đường mất áo chịu thôi mà.*

Trước kia tức là lúc loạn Hồ.

Khoe khoang người lạnh lợi là nói Mã Tổ bảo chưa từng thiếu tương muối. Nhưng giữa đường mất áo phải chịu thôi, nghĩa là tuy lạnh lợi thật nhưng cũng bị mất áo tìm không được, vậy mới đúng với ý nghĩa cầm bánh dính tay. Nếu tự cho mình không từng vắng thiếu, vẫn là có chút khoe khoang !

Phụ chú :

1. Những bài Niêm Tụng này, mới nghe thấy rất khó. Người nghe chỉ có hứng thú trong cái dứt bật nghĩ tưởng, còn suy gẫm thì không thấy thú chút nào. Nghe rồi mỗi ngày thấm một ít, lâu ngày thành quen, mới biết Thiên rất là quan trọng. Nhiều khi chúng ta nghĩ Thiên nói chuyện đâu

dâu không hiểu nổi, dù có hay cũng trở thành không hay. Nếu không hay thì sách vở để lại làm gì cho vô ích ? Chúng ta cần phải nhận hiểu đôi chút để nếm được hương vị Thiên mới thấy cái hay của người xưa. Người xưa hiểu và ứng dụng tới dâu, chúng ta ngày nay cũng noi theo gương đó để thực hành. Tuy những bài Niệm Tụng có khô khan nhưng chúng ta cố gắng nghe, rồi sẽ thấm được vị Thiên.

2. Chữ Biết trong đạo Phật

Hôm nay chúng tôi nói thêm về chữ Biết trong đạo Phật để quý vị nghe và nhận định kỹ trước khi bước vào đường tu tập.

Chữ Biết danh từ chuyên môn trong đạo gọi là Tâm. Đức Phật nhìn thấy nơi con người chúng ta có hai loại biết :

1.- Loại biết do duyên với bóng dáng của sáu trần rồi khởi suy nghĩ phân biệt, đó là cái biết sinh diệt, trong nhà Phật gọi là Vọng tâm.

2.- Còn cái biết sẵn nơi sáu căn, không do duyên với bóng dáng sáu trần, cũng không do suy nghĩ phân biệt, mà luôn luôn hằng có, đó là cái biết không sanh diệt, trong Kinh Lăng Nghiêm đức Phật gọi là Chơn tâm.

Như vậy Chơn tâm là cái biết thường hằng không sanh diệt, còn vọng tâm là cái biết duyên theo bóng dáng sáu trần, cái biết này hư dối, chợt sinh chợt diệt, chợt có chợt không, không phải là thật. Nhưng hầu hết chúng ta đang sống trong cái biết sinh diệt đó. Lúc nào có nghĩ có tính thì gọi là biết, khi không nghĩ không tính tưởng chừng như không biết. Vì thế chúng ta nhận cái biết sinh diệt làm tâm của mình, còn cái biết hằng hữu không sinh không diệt, mình lại bỏ quên, không nhận ra nó. Thế nên đức Phật nói chúng ta cứ mãi đi trong luân hồi sinh tử.

Cái biết duyên theo bóng dáng sáu trần, mà sáu trần là tướng vô thường sinh diệt, nên cái biết cũng là niệm sinh diệt. Bên ngoài chạy theo cảnh sinh diệt, bên trong nhận tâm sinh diệt làm mình, chạy theo hai tướng sinh diệt thì nhất định chúng ta phải đi trong sinh tử luân hồi. Ai cũng như ai đều chấp nhận, đều sống như vậy, cho nên đức Phật bảo : Chúng sanh bị trầm luân trong sinh tử luân hồi.

Hiện nay muốn dứt dòng sinh tử, đức Phật dạy chúng ta phải trở lại cái biết chân thật chưa bao giờ sinh diệt, cái biết đó mới là thực mình, mới là hằng hữu. Vì nó không duyên theo bóng dáng của sáu trần, nên không phải là tướng sinh diệt, không

sinh diệt thì làm gì có sinh tử luân hồi ? Thế nên chúng ta sống trở về với cái biết chân thật là chúng ta biết tu, trở về cái không sinh diệt là chúng ta giải thoát. Thế thì sinh tử hay giải thoát gốc ở nơi mình. Nếu lầm nhận cái biết sinh diệt là mình thì lăn trong sinh tử, nhận cái biết không sinh diệt là mình thì giải thoát sinh tử.

Lâu nay sở dĩ chúng ta quanh quẩn không tìm ra lối đi, vì bị sinh diệt chi phối. Nghiệm cho thật kỹ, mỗi khi chúng ta suy nghĩ, thì cái suy nghĩ là cái biết sinh diệt. Cái suy nghĩ đó luôn luôn kèm theo những hình bóng của trần cảnh, hay ngôn ngữ, mà trần cảnh và ngôn ngữ đều là tướng sinh diệt nên cái suy nghĩ về hai tướng đó cũng sinh diệt. Thế mà chúng ta cứ mãi sống theo cái sinh diệt, chớ không bao giờ sống với cái thật của mình. Nay muốn giải thoát sinh tử, chúng ta phải dùng cái sinh diệt để nhận ngay nơi mình có cái biết không sinh diệt, đó là chúng ta hướng về con đường giải thoát, trong nhà Thiền gọi là trở về cố hương. Còn đi theo sáu trần để chịu sinh tử, đó gọi là lang thang làm khách phong trần.

Hiểu rõ chỗ này rồi, chúng ta mới biết nhà Thiền nhắm thẳng vào cái gì. Nếu không hiểu, chúng ta thấy các Thiền sư nói những chuyện đầu đầu, rất là vô nghĩa vô lý. Thông thường chúng ta

quen câu nói nào cũng phải có nghĩa có lý, tức là có suy gẫm, càng suy gẫm thì càng lặn trong sinh diệt. Thế nên câu nói hay nhất của nhà Thiền là câu nói không suy nghĩ được. Câu nói không suy nghĩ được mà mình nhận ra, thì đó là những câu rất hay, trong nhà Thiền gọi là lời nói sống hay hoạt ngữ. Còn câu nói mà suy nghĩ được nhà Thiền gọi là tử ngữ hay câu nói chết. Hiểu như vậy, khi đi sâu trong tinh thần Thiền tông, chúng ta mới thấm được cái hay. Nếu không, chúng ta nghe nói sao lạ lùng quá, không có một chút ý vị gì, nhưng không ý vị lại được các Ngài khen, còn nói có suy gẫm thấy hay lại bị các Ngài chê. Đó là chỗ thuật yếu trong sự tu. Nếu tu Thiền mà không nắm vững được lý này, thì không hiểu được đạo Phật. Đạo Phật cốt dạy chúng ta giác ngộ và giải thoát. Giác ngộ giải thoát là tự nơi mình. Tâm tư lóng lạng, trí tuệ sáng suốt, thấy được lẽ thật thì giác ngộ. Thấy được lẽ thật và sống được với lẽ thật đó, thì chúng ta không bị sinh tử nữa, đó là giải thoát. Gốc của sự tu là ở ngay chỗ này.

Chúng tôi phác họa đại khái dễ khi nghe các Thiền sư nói chuyện, quý vị không có ngờ ngàng, không thấy khó khăn. Nếu không thì khi nghe những câu nói vừa vô nghĩa, vừa thô kệch, quý vị nghĩ rằng các Thiền sư nói năng không có gì hay

cả, nhưng chính lời thô kệch vô nghĩa lại được khen, còn những lời văn hoa bóng bẩy lại bị chê. Hiểu được như vậy mới thấy chỗ đặc biệt của nhà Thiền.

11.- *Cử* : Bá Trượng tái tham Mã Tổ, Mã Tổ hét một tiếng. Bá Trượng đại ngộ.

Niệm : Ngàn mũi nhọn, không bằng một nhát mai cùn.

Tụng : Ngày trước xe thơ chẳng cùng đồng,

Bốn bên dấy loạn tợ đàn ong.

Mã Tổ một phen vung kiếm bén,

Từ đây đường nẻo tin tức thông.

Đây là câu chuyện Ngài Bá Trượng tái tham Mã Tổ. Tái tham tức là trở lại tham vấn lần thứ hai. Sở dĩ trở lại tham vấn là lý do như sau : Một hôm Mã Tổ đi dạo, Ngài Bá Trượng theo hầu. Thấy một bầy vịt trời bay qua, Mã Tổ hỏi : Đó là cái gì ? Sư thưa : Con vịt trời. Mã Tổ hỏi : Bay đi đâu ? Sư thưa : Bay qua (tức là bay qua mắt). Mã Tổ bèn nắm lỗ mũi Sư kéo mạnh, đau quá Sư la thất thanh. Mã Tổ bảo : Lại nói bay qua đi. Ngay câu ấy Sư tỉnh ngộ.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy Thầy trò như nói đùa nhau. Đi dạo vườn, thấy bầy vịt trời

bay ngang trên hư không. Thầy hỏi : Cái gì ? Trò đáp : Bầy vịt trời. Lại hỏi : Đâu rồi ? Trò phải đáp làm sao ? Tất nhiên phải đáp : Bay qua mất. Thầy liền nắm lỗ mũi kéo mạnh một cái, trò đau la thất thanh. Thầy bảo : Lại nói bay qua đi. Như vậy câu nói đó có lý thú gì mà ngay đó Ngài Bá Trượng liền tỉnh ngộ ? Chúng ta thử lặng tâm xem có thấy được chỗ ngộ của Ngài không ?

Trở lại việc trước, khi Ngài Bá Trượng làm thị giả cho Mã Tổ, mỗi khi thí chủ đem trai phạn đến, Ngài dỡ lồng bàn ra, Mã Tổ liền cầm nửa cái bánh đưa lên giữa chúng hỏi : Đây là cái gì ? Trai qua ba năm như vậy, thị giả chịu thua không trả lời được.

Nếu chúng ta thưa : Là cái bánh, có trúng chỗ Tổ muốn nói chưa ? - Chưa trúng. Qua thời gian ba năm, Ngài Bá Trượng đã nuôi dưỡng cái gì rồi. Cho đến hôm nay Thầy trò đi dạo vườn, Tổ mới sử dụng thuật bầy vịt trời bay qua, xem như Mã Tổ đã chuẩn bị trước ba năm, đến lúc này Tổ mới sử dụng và Ngài Bá Trượng liền được tỉnh ngộ.

Khi ngộ xong trở về phòng thị giả, Sư khóc rất thống thiết. Những người cùng phòng hỏi : Huynh nhớ cha mẹ phải không ? Sư đáp : Không. Hỏi : Bị người ta mắng chửi chằng ? Đáp : Không. Tại sao khóc ? - Lỗ mũi tôi bị Hòa Thượng kéo đau

thấu xương. Huynh đệ mới hỏi : Có nhơn duyên gì không khế hội ? Ngài trả lời : Huynh hỏi Hòa Thượng đi. Những vị ấy đến hỏi Mã Tổ : Thị giả Hải có nhân duyên gì chẳng khế hội ở trong phòng khóc, xin Hòa Thượng vì chúng con nói. Mã Tổ bảo : Y đã khế hội, các người tự hỏi lấy y. Các vị về phòng hỏi : Hòa Thượng nói huynh đã hội, bảo chúng tôi về hỏi huynh. Sư bèn cười hả hả. Các vị ấy bảo : Vừa rồi khóc, sao bây giờ cười ? Sư đáp : Vừa rồi khóc bây giờ cười. Các vị ấy mờ mịt không hiểu.

Cách tu hành này thật lạ lùng, chúng ta thấy sự diễn tiến rất kỳ đặc. Tổ đưa nửa cái bánh lên hỏi : Đây là cái gì ? Ai không biết là cái bánh, tại sao Tổ lại cầm cái bánh hỏi là cái gì, phải trả lời làm sao ? Cho nên Ngài ôm ấp mãi việc này trong ba năm. Đến cuối cùng, khi bị Tổ kéo lỗ mũi và bảo : Sao không nói bay qua mất đi ? Ngay đó Ngài liền thấy, thấy lỗ mũi hay thấy bầy chim ?

Nghe câu chuyện chúng ta cứ mắc kẹt về bầy chim bay hay lỗ mũi bị kéo mạnh. Nhưng chỗ Thiên sư muốn chỉ không phải là chỗ đó. Bầy chim là tướng sinh diệt bên ngoài, lỗ mũi là tướng sinh diệt bên trong. Chỉ có cái không sinh diệt biết được bầy chim mới là quan trọng, đó là chỗ Tổ muốn chỉ. Tuy nhận được nhưng Ngài Bá Trượng chưa

dù lòng tin rằng mình ngộ thật, nên về phòng Ngài khóc. Những người đồng phòng mới hỏi lý do, Ngài trả lời : Lỗ mũi tôi bị Hòa Thượng kéo đau quá. Hỏi : Có nhân duyên gì không hội nên bị kéo lỗ mũi ? Đáp : Huynh đến hỏi Hòa Thượng đi. Khi những vị ấy đến hỏi, Mã Tổ bảo : Y đã ngộ rồi, tức là Tổ xác nhận Ngài đã ngộ. Khi ấy Ngài cười hả hả, nghĩa là không còn nghi ngờ nữa. Ngài không tự đến hỏi Tổ mà nhờ các Thầy đồng phòng đi hỏi giùm, đó là cái khéo của người xưa, khi được xác nhận Ngài cười to.

Đến hôm sau Mã Tổ vừa lên tòa, chúng nhóm họp xong, Sư bước ra cuốn chiếu. Mã Tổ xuống tòa, Sư theo sau đến phương trượng. Mã Tổ hỏi : Ta chưa nói câu nào, tại sao ngươi cuốn chiếu ? Sư thưa : Hôm qua bị Hòa Thượng kéo chót mũi đau. Mã Tổ hỏi : Hôm qua ngươi để tâm chỗ nào ? Sư trả lời : Chót mũi ngày nay lại chẳng đau. Mã Tổ nói : Ngươi hiểu sâu việc hôm qua. Đó là xác nhận một lần nữa. Sư làm lễ lui ra. Vậy là Ngài trực tiếp được Mã Tổ xác nhận, đó là truyền tâm ấn .

Kỳ sau tái tham, Sư đứng hầu Mã Tổ, thấy phát tử ở góc giường, Sư hỏi : Tức đây dùng, là đây dùng ? Mã Tổ bảo : Về sau ngươi mở miệng sẽ lấy cái gì vì người ? Sư cầm phát tử dựng đứng.

Mã Tổ hỏi : Túc dây dùng, lia dây dùng ? Sư để phát tử lại chỗ cũ. Mã Tổ nghiêm chỉnh hét một tiếng, đến ba ngày Sư còn điếc tai.

Đây là lần sau trở lại tham vấn, Ngài Bá Trượng thấy cây phát tử, tức là cây chổi quét bụi, để trên bàn, Sư liền chỉ cây phát tử nói : Túc dây dùng hay lia dây dùng ? Nghĩa là túc cây phát tử đó mà dùng hay lia cây phát tử dùng ? Mã Tổ bảo : Về sau người mở miệng sẽ lấy cái gì vì người ? Túc là muốn dạy dỗ người thì lấy cái gì để chỉ dạy ? Sư cầm cây phát tử dụng đúng, đó là dạy người. Chúng ta mới thấy sở trường của mình nơi vị Thầy như thế nào, đến khi dạy người, mình cũng sử dụng thuật đó triệt để. Dụng đúng cây phát tử là chỉ cái gì ? Có phải chỉ bầy vịt trời không ? Đến khi Mã Tổ hỏi : Túc dây dùng hay lia dây dùng ? Ngài liền để cây phát tử lại y chỗ cũ. Mã Tổ nghiêm chỉnh hét một tiếng, ba ngày còn điếc tai. Một tiếng hét đó, trong nhà Thiên gọi là thủ thuật đặc biệt, muôn đời không quên.

Như vậy chúng ta khi tu có tỉnh có thấy, nhưng tỉnh một lúc rồi quên. Muốn nhớ đời đời phải nhờ những thủ thuật hoặc đánh hoặc hét, Mã Tổ hét một tiếng điếc tai ba ngày, làm sao quên được. Nhớ tiếng hét là nhớ cái gì mình thấy, nhớ mãi không bao giờ quên. Thường giảng tới chỗ này, chúng tôi

nói đông nói tây quanh co, chứ không có cách nào khác hơn.

Ngài Trần Thái Tông niêm : "Ngàn mũi nhọn không bằng một nhất mai cùn", tức là dù khéo dùng ngàn lời ngàn câu bén nhọn để giải thích cũng không bằng một tiếng hét, cũng như một nhất mai cùn có giá trị hơn cả ngàn mũi nhọn. Qua câu niêm này chúng ta đã thấy được toàn ý của bài.

Tụng :

*Ngày trước xe, thơ chẳng cùng đồng,
Bốn bên dấy loạn tợ đàn ong.
Mã Tổ một phen vung kiếm bén,
Từ đây đường nẻo tin tức thông.*

Ngày trước xe, thơ chẳng cùng đồng. Xe và thơ là hình tượng của chiếc xe cụ thể và hình vẽ trên giấy, tức hình tượng thật và nét vẽ không giống nhau. Thế nên :

Bốn bên dấy loạn tợ đàn ong. Khi chưa thấy, chưa sống được lẽ thật, lúc đó tâm chúng ta rối bời lằng xằng như đàn ong vỡ tổ.

Mã Tổ một phen vung kiếm bén, kiếm bén của Mã Tổ là tiếng hét.

Từ đây đường nẻo tin tức thông. Từ đó đường đi nẻo về và tin tức đều thông suốt.

Bài tụng của Ngài Trần Thái Tông tán thán tiếng hét của Mã Tổ đã giúp cho Ngài Bá Trượng thông suốt không còn bị chướng ngại nữa.

12.- *Cử* : Quốc sư một ngày gọi thị giả ba lần. Thị giả ba lần dạ . Quốc sư nói : Ngờ là ta phụ người, ngược lại người phụ ta.

Nhiêm : Như người uống nước, lạnh nóng tự biết.

Tụng : Dưới trên xướng họa xứng cùng hai,
Ý ấy so đâu biết ngắn dài.

Nhằm trước phơi bày gan ruột sạch,
Trong đây chỉ hứa tự mình hay.

Một hôm Quốc sư Huệ Trung gọi thị giả, thị giả dạ. Ngài gọi như vậy mà không nói thêm câu nào, ba lần gọi, thị giả đều ứng tiếng dạ ba lần. Cuối cùng Ngài nói : Tưởng là ta phụ người, không ngờ người phụ ta. Thị giả dạ ba lần mà phụ Thầy ở chỗ nào ?

Bài trước Mã Tổ chỉ cho Ngài Bá Trượng tâm không sinh diệt qua con mắt. Chúng ta lâu nay thường lầm tưởng mình suy nghĩ mới biết, đâu ngờ thấy đã biết. Nếu thấy mà không biết thì làm sao nói người này trắng người kia đen, người này mặc áo vàng người kia mặc áo xanh. Biết trắng đen,

biết xanh vàng mà nói không biết sao được. Nhưng cái biết đó không có suy nghĩ, không một chút máy động, đó mới thật là cái biết của mình. Vì vậy cái khéo của Thiên sư là không nói thẳng, không chỉ thẳng, mà nói từ cái này để chúng ta hiểu qua cái kia. Nhờ vậy chúng ta nhớ mãi.

Ngài Quốc sư Huệ Trung là đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng, mỗi lần Ngài gọi, thị giả dạ, coi như Thầy trò tương ứng, thế mà cuối cùng Ngài nói :
Tuồng là ta phụ người, không ngờ người phụ ta.
Phụ ở chỗ nào ? Không phải Thầy gọi trò dạ là đủ, mà Ngài muốn chỉ cái gì khác nữa.

Niêm : "Nhu người uống nước, lạnh nóng tự biết". Chỗ mình nhận ra, thấy được, giống như người uống nước lạnh nóng tự biết, khó nói được.

Tụng :

*Dưới trên xướng họa, xứng cùng hai,
Ý ấy so đâu biết ngắn dài.
Nhằm trước phơi bày gan ruột sạch,
Trong đây chỉ hứa tự mình hay.*

"Dưới trên xướng họa xứng cùng hai". Dưới là chú thị giả, trên là Ngài Quốc sư Huệ Trung, hai Thầy trò xướng họa là Thầy gọi trò dạ.

"Ý ấy so đâu biết ngắn dài". Lấy cái gì so sánh mà biết đây ngắn kia dài, vì nó không phải là cái so sánh.

"Nhằm trước phơi bày gan ruột sạch". Thầy đã đem hết gan ruột phơi bày cho đệ tử, nếu đệ tử nhận biết thì biết, không thì thôi, chớ không làm sao nói được. Cho nên :

"Trong đây chỉ hứa tự mình hay". Tự mình biết thôi, chớ cái đó giải bày không được. Chỗ chân thật đó, Thầy chỉ một cách hết sức rõ ràng, cũng như đem hết cả gan ruột bày ra, thấy hay không là tự mình chớ không còn cách gì nữa.

Như vậy Ngài Huệ Trung muốn trao cho chú thị giả cái gì ? Trao cái sẵn có nơi mình, cái biết dạ đó ! Gọi biết dạ ở miệng hay ở đâu ? Không phải ở miệng.

13.- Cú : Đại Qui nói : Câu có câu không như dây leo cây. Sơ Sơn hỏi : Cây ngã dây khô câu về chỗ nào ? Đại Qui cười to ha hả !

Niêm : Nước chảy ắt về biển, trăng lặn chẳng rời trời.

Tụng : Sóng lặng yên rồi, trận gió thâu,
Uổng công hướng ngoại khổ tìm cầu.

Khóí nghi cười nát thành trăm mảnh,

Từ đó mới phân đá với châu.

Đại Qui tức là Ngài Đại An ở Qui Sơn. Ở Qui Sơn có hai vị Tổ nổi tiếng. Vị Tổ trước là Ngài Linh Hựu, vị sau là Ngài Đại An. Ngài Đại An là vị Tổ nói : Ta ở non Qui ba mươi năm chăn một con trâu.

Ngài Đại Qui nói : Câu có câu không như dây leo cây. Ngài Sơ Sơn hỏi : Khi cây ngã dây khô, câu về chỗ nào ? Ngài Đại Qui cười to ha hả. Cười đó là đã trả lời chưa ? Chúng ta luôn luôn có bệnh khi mở miệng nói đều kẹt ở hai bên, hoặc có không, hoặc phải quấy, hoặc tốt xấu. Nói có nói không là để chỉ chung cho tất cả những đối đãi.

Ngài Đại Qui muốn nói : Nếu mở miệng nói thuộc về có, không, chẳng khác nào dây bìm bìm leo trên cây, nghĩa là nương cây mà có dây leo. Ngài Sơ Sơn bước ra hỏi : Cây ngã dây khô thì câu có câu không về chỗ nào ? Tức là hết chỗ nương tựa, hết có hết không thì về đâu ? Ngài Đại Qui cười ha hả, không nói thêm lời nào.

Niêm : "Nước chảy ắt về biển, trăng lặn chẳng rời trời". Niêm thật là khéo. Dù cho tất cả nước trên nguồn đổ ầm ầm, nhưng rốt cuộc đều dồn về biển. Dù trăng có mọc có lặn, nhưng không rời bầu

hư không. Như vậy khi đối đãi bất rồi, nghĩa là nói có nói không đều dứt, thì giống như nước chảy về biển, như trăng lặn vẫn ở trong bầu trời, không về đâu.

Tụng :

*Sóng lặng yên rồi trận gió thâu,
Uống công hướng ngoại, khổ tìm cầu.
Khối nghi cười nát thành trăm mảnh,
Từ đó mới phân đá với châu.*

"Sóng lặng yên rồi trận gió thâu", khi nhìn xuống biển thấy sóng yên lặng thì lúc đó gió đã dừng. Sóng lặng gió dừng là để nói cái thấy hai bên đã hết, giống như cây ngã dây khô lúc ấy câu về chỗ nào ?

"Uống công hướng ngoại, khổ tìm cầu", đến chỗ đó thì đừng tìm kiếm đâu nữa, tại sao ? Vì giống như nước chảy về biển, như trăng chẳng rời trời, tuy thấy khuất nhưng đâu có mất, đừng tìm hỏi về đâu chi cho nhọc.

"Khối nghi cười nát thành trăm mảnh", khi đang nghi ngờ nó đi về chỗ nào, thì cái cười ha hả của Ngài Đại Qui làm cho tan nát khối nghi.

"Từ đó mới phân đá với châu", tức là từ đó mới phân rành rẽ cái nào thuộc về châu ngọc, cái nào thuộc về đá sỏi, không còn lẫn lộn hỗn tạp nữa.

Tóm lại trong bài tụng này, Ngài Trần Thái Tông đã giải thích rõ ràng vấn đề nói có nói không, hay nói phải nói quấy. Sở dĩ tâm chúng ta bất an là vì chạy theo phân biệt đối đãi có không, phải quấy. Khi tất cả những đối đãi dứt bật thì còn cái gì ? Nên nói : "Cây ngã bìm khô, câu về chỗ nào ?" Ngài Đại Qui cười to, thấy dường như Ngài không trả lời, nhưng đã có trả lời rồi. Nếu hỏi về chỗ nào mà trả lời là không đúng, nên ngay đó là hết. Thay vì hết, Ngài Đại Qui cười to là đủ, đó là đã trả lời mà không mắc kẹt hai bên.

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy điểm đặc biệt trong nhà Thiền. Ngài Sơ Sơn tức là Ngài Bồ Đan, đệ tử của Ngài Động Sơn Lương Giới. Khi hỏi : Câu về chỗ nào ? Ngài Đại Qui cười, Ngài Sơ Sơn trách : Con đi đường xa cả ngàn dặm đến đây hỏi Hòa Thượng, mà Hòa Thượng không trả lời. Ngài Đại Qui liền lấy tiền ra : Thôi cho ông tiền về xe. Ngài Sơ Sơn không ngờ chính cái cười là đã trả lời, còn đòi hỏi chi nữa ? Thế nên khi chúng ta đọc sách Thiền đừng suy gẫm, cứ lắng tâm rồi sẽ thấy cái hay thấm thía vô cùng.

14.- *Cử* : Bá Trượng bảo : Thế nào là pháp không vì người nói ? Nam Tuyên đáp : Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.

Niêm : Ngàn Thánh tìm dấu y chẳng được,
Toàn thân ẩn tại đại hư không.

Tụng : Trước đây công án không lệch nghiêng,
Đối diện xem xem hội chẳng liền.
Trong ngôi Phật pháp mời chẳng ở,
Đêm về như trước ngủ bờ lau.

Ngài Bá Trượng hỏi : "Thế nào là pháp không vì người nói ?" Nghĩa là pháp không vì người nói là pháp gì ?

Ngài Nam Tuyên đáp : "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật". Đó là pháp không vì người nói.

Niêm : "Ngàn Thánh tìm dấu y chẳng được, toàn thân ẩn tại đại hư không".

Pháp không vì người nói, dù cho mắt của ngàn vị Thánh tìm dấu vết y cũng không được, tại sao ? Vì y không có tướng mạo, biết đâu mà tìm. Toàn thân của pháp đó đang ẩn trong đại hư không, không thiếu vắng.

Tụng :

*Trước đây công án không lệch nghiêng,
Đối diện xem xem hội chẳng liền.*

"Pháp không vì người nói" là một công án rất chu đáo, rất vẹn toàn. Hội hay không hội là ngay nơi đó, đừng suy nghĩ, đừng tìm kiếm nữa.

*Trong ngôi Phật pháp mời chẳng ó,
Đêm về như trước ngủ bờ lau.*

Nguyên văn chữ Hán là :

Phật pháp vị trung lưu bất trụ,
Dạ lai y cụ túc lô hoa.

Hai câu này thật là đẹp làm sao, đây là hai câu tôi đặc ý nhất.

Khi Ngài Bá Trượng hỏi : Pháp không vì người nói là pháp gì ? Ngài Nam Tuyên đáp : "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật". Tâm, Phật, vật đều không phải, vậy là cái gì ? Hai câu này diễn tả chỗ đó.

"Lưu bất trụ" là giữ lại, mời lại mà không ở, vì nếu ở thì hoặc là tâm, hoặc là Phật, nhưng chẳng phải tâm, chẳng phải Phật thì đâu còn ở trong ngôi Phật pháp. Cũng như thuở trước, đêm về đến bờ lau ngủ ngon lành, không cần phải có ngôi vị. Đây là diễn tả "ngộ liễu đồng vị ngộ", nghĩa là ngộ rồi cũng đồng với khi chưa ngộ.

Vì chúng ta đang ở trong cảnh mê, nên Phật mới nói Ngài là giác, mê và giác đối nhau chỉ là phương tiện để chúng ta so sánh mà vươn lên. Còn cái chơn thật là tâm không sinh diệt, tâm đó không phải là cái gì hết. Cho nên Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng nói : "Nói một vật tức không trúng". Nó không phải tâm, không phải Phật, cũng không phải vật, nó không phải là cái gì, nhưng không phải là không có. Nó không ở vị là tâm, là Phật, là pháp, là trí, là đạo, nó không bị lệ thuộc vào những từ ngữ, nhưng trước sau vẫn không thay đổi. Ngày xưa mệt mỏi đến ngủ bờ lau, nay mệt mỏi cũng đến bờ lau ngủ, nghĩa là thưở xưa chưa ngộ, ngày nay ngộ rồi cũng như nhau không khác. Không phải khi xưa mê làm chúng sanh thì mất cái chân thật, ngày nay ngộ làm Phật, làm Bồ tát mới có cái chân thật. Tỉ dụ khi mê chạy theo ngoại cảnh, mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, nhưng mắt thấy mà không nhớ cái thấy, chỉ nhớ cảnh nhớ người, tai nghe mà không nhớ cái nghe, chỉ nhớ tiếng hay tiếng dờ. Nay ngộ rồi, mắt thấy cảnh không dính với cảnh, tai nghe tiếng không kẹt với tiếng, tức là chúng ta đang sống với cái chân thật. Cái chân thật lúc mê vẫn y nhiên, lúc ngộ cũng vẫn y nhiên, không có thiếu vắng bao giờ, chỉ vì quên hay nhớ nó mà thành mê hay ngộ.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Phật chỉ rất thấu đáo, đức Phật đưa tay lên hỏi Ngài A Nan : Ông thấy không ? Ngài A Nan thưa : Bạch Thế Tôn, thấy. Đức Phật để tay xuống, lại hỏi : Ông thấy không ? Ngài A Nan thưa : Bạch Thế Tôn, không. Ngài bị Phật quở : Tay là thuộc về cảnh, cảnh bên ngoài khi có khi không, cái thấy của ông có lúc nào vắng dấu ! Như vậy đức Phật đã chỉ quá rõ ràng, còn Thiền sư chỉ nói gọn thôi.

Đức Phật lại bảo Ngài La Hầu La đánh chuông và hỏi Ngài A Nan : Ông nghe không ? Ngài thưa : Bạch Thế Tôn, nghe. Khi tiếng chuông lặng rồi, Phật hỏi : Ông nghe không ? Ngài thưa : Bạch Thế Tôn, không nghe. Phật quở thêm một lần nữa : Tiếng chuông khi có khi không, còn cái nghe của ông có lúc nào không dấu. Nếu ông không nghe thì làm sao biết được không có tiếng chuông. Có tiếng chuông thì nghe có, không tiếng chuông thì nghe không, tại sao nói không nghe ?

Phật kết luận đó là do mê lầm, chúng sinh quên mình theo vật. Theo vật là quên cái thấy mà theo tay, quên cái nghe mà theo tiếng. Hiện giờ tất cả chúng ta đang quên mình theo vật nên gọi là mê, còn nhớ mình quên vật gọi là giác, thật đơn giản làm sao ! Cái chân thật không bao giờ thay đổi, cái nghe cái thấy trước sau như một, nhưng

khác nhau chỉ có mê và giác thôi. Mê là theo vật thì bị vật chuyển dẫn đi trong luân hồi, giác là nhớ mình thì được tự do tự tại tức là giải thoát.

Lâu nay chúng ta chỉ biết cái bên ngoài, cho nên bao nhiêu người tu cứ nghĩ muốn thành Phật là phải có thần thông, phải phát hào quang..., như vậy ngôi thiên mới có giá trị, mới có kết quả. Còn ngôi im lặng đẽm hơi thở, thấy vọng không theo, sao tầm thường quá, vậy nói tu là tu cái gì ? Nhưng không ngờ trọng tâm của việc tu là không đuổi theo sáu trần thì sáu trần không lôi mình trầm luân trong sanh tử, không đuổi theo sáu trần thì được tự do giải thoát. Muốn dừng dính mắc sáu trần thì phải xoay lại nhìn mình, tức là ngôi ngó xuống, nhìn hơi thở, coi niệm dấy khởi thế nào. Biết quay lại mình thì không bị ngoại cảnh chi phối.

Thật ra việc tu hết sức đơn giản, nhưng vì chúng ta không biết nên trở thành phức tạp. Ngôi tu thì muốn có thần thông biết được tâm người để nói cho họ phục, muốn có thần thông mầu nhiệm để thiên hạ quý kính cúng dường, nên trở thành tham danh tham lợi, rồi cũng bị trầm luân. Cái chân thật thì khô khan lạnh nhạt, chân lý lúc nào cũng đơn giản. Còn những chuyện huyền hoặc nhiệm mầu không phải là chân lý, chỉ là những giả tưởng mà thiên hạ lại ham thích, cho nên suốt

đời con người bị cuồng loạn trong mê hoặc. Thí dụ chúng ta nhìn cảnh vật ở đây, nhìn quen cũng thấy vui nhẹ nhẹ. Còn nếu có ai tới tổ chức đóng tuồng hay đóng kịch, cũng cảnh này nhưng đem ra chiếu người ta lại say mê. Vì những cảnh đóng kịch có vui buồn hấp dẫn hơn, còn cảnh thật dù quý đẹp, người ta vẫn xem thường. Cái giả đối lúc nào cũng hấp dẫn, từ lời nói đến hình dáng tô điểm bịp lừa, nên ở đời những gì hoa hòe lừa bịp người ta lại thích. Nhìn kỹ lại cuộc sống ở thế gian đều là trò lừa dối nhau như vậy. Con người đang chạy theo những ảo ảnh giả dối mà không biết lại cho là vui, còn cái chân thật khô nhạt quá nên không có gì hấp dẫn.

*Trong ngôi Phật pháp mời chẳng ở,
Đêm về như trước ngủ bờ lau.*

Hai câu này dễ thương mà đơn giản làm sao, để nói ngộ rồi đồng với chưa ngộ. Hiểu như vậy mới thấy cái hay của đạo, nếu không, sao thấy nó tầm thường quá.

Hiện nay người tu thường mơ ước thành Phật, thành Tổ ngôi tòa sen báu có phóng hào quang. Nếu thấy tượng Phật không sơn vẽ khéo thì không thích, nên gần đây các Phật tử tô điểm tượng Phật thành môi son má phấn, mày tằm mắt phượng, biến

hình tượng Phật thành sở thích của mình, đó là chuyện của người thế gian. Còn chúng ta tu tức là sống trở lại với tâm chưa bao giờ sinh diệt, tâm đó là tâm chân thật của mình. Sống với nó chúng ta mới được giải thoát sanh tử, đó là Phật chứ không có gì lạ.

15.- *Cứ* : Nam Tuyên nói : Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo.

Niêm : Ưống cạn huyền vi lý, đường về dưới trăng di.

Tụng : Muôn tiếng trùng lặng, sao Đẩu đời,
Bầu trời trong suốt gợn mây voi.
Nương tựa gậy lê lên gác ngấm,
Yên yên lặng lặng thật thanh thoi.

Ngài Nam Tuyên nói : "Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo" (vì có chỗ nói : tức tâm tức Phật). Nếu còn thấy tâm, Phật, trí, đạo là thật là còn trong đối đãi. Muốn dứt bật các đối đãi nên Ngài nói : Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo. Thường khi chúng ta nói đạo là trí tuệ Bất Nhã, nhưng ở đây Ngài nói trí cũng không phải đạo.

Niêm : "Ưống cạn huyền vi lý, đường về dưới trăng di". Lý huyền vi là Tức tâm tức Phật, lý này

phải cho cạn đi, nghĩa là nếu dứt hết những nghĩa lý nhiệm mầu, tâm mình trở về cái chân thật, lúc ấy chúng ta sẽ đi dưới ánh sáng trở về quê hương. Như vậy người khôn ngoan trong nhà đạo khác với người khôn ở thế gian. Ở thế gian ai lý luận giỏi, biện luận tài, cho là người khôn. Còn trong đạo phải bật những lý luận, khi ấy một mình đi dưới ánh sáng trở về quê hương, hình ảnh này thật đẹp.

Tụng :

*Muôn tiếng trùng lặng, sao Đẩu dòi,
Bầu trời trong suốt gọn mây voi.*

Canh năm trời gần sáng, tiếng côn trùng lặng im, chỉ một bầu trời trong vắt không một gọn mây.

*Nương tựa gậy gỗ lê lên gác ngắm,
Yên yên lặng lặng thật thanh thoi.*

Nương gậy bằng gỗ lê, bước lên lầu ngắm nhìn bầu trời trong. Những tâm xao xuyên loạn động đuổi theo lý này ý kia đã dừng bật, chỉ còn một tâm thanh tịnh, khi ấy chúng ta nhìn thấy cả một bầu trời yên lặng thanh thoi, không còn gì vướng bận trong lòng. Đó là chỉ chỗ "Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo" vậy.

16.- Cử : Sau khi Lâm Tế khai hóa chỉ dùng gậy hét dạy đồ chúng. Vừa thấy Tăng vào cửa liền hét.

Niêm : Mừng năm tháng năm giờ ngo viết,
Miệng đỏ lưỡi độc tận tiêu trừ.

Tụng : Vào nhà liền hét muốn làm chi ?
Đẫn được cháu con tỉnh giấc mê.
Chẳng phải sấm xuân vang một tiếng,
Làm sao vỏ hạt được nảy mầm.

Đây là cách dạy đồ chúng của Tổ Lâm Tế. Vừa thấy Tăng vào cửa, chưa cần hỏi han gì, Ngài liền hét một tiếng.

Niêm :

*Mừng năm tháng năm giờ ngo viết,
Miệng đỏ lưỡi độc tận tiêu trừ.*

Theo tục lệ ông bà ngày xưa, vào ngày mừng năm tháng năm đúng giờ ngo, viết lá bùa bát quái treo trước cửa nhà, thì tất cả tai nạn đều qua hết. Như vậy để nói một tiếng hét của Ngài Lâm Tế giống như lá bùa viết vào trưa ngày mừng năm tháng năm, tiêu trừ được tất cả tai nạn.

Tụng :

*Vào nhà liền hét muốn làm chi ?
Đã được cháu con tỉnh giấc mê.*

Tăng vừa bước vào nhà tham vấn liền bị hét. Tiếng hét đó là muốn dẫn con cháu tỉnh được giấc mê. Tại sao ? Vì lời nói dù hay khéo đến đâu cũng gọi cho người suy gẫm, còn suy gẫm là chìm trong mê. Một tiếng hét làm giật mình không còn gì suy nghĩ, chính là để đánh thức giấc mê cho con cháu.

*Chẳng phải sấm xuân vang một tiếng,
Làm sao vỏ hạt được nảy mầm.*

Đây là khen ngợi tiếng hét của Ngài Lâm Tế vang lên như tiếng sấm cuối xuân, nhờ đó những hạt giống dưới lòng đất từ từ nảy mầm. Cũng vậy nhờ tiếng hét mà hạt giống Bồ đề dễ nảy mầm nơi lòng người.

17.- Cử : Nam Tuyên nói : Tâm bình thường là đạo.

Niệm : Lạnh nói là lạnh, nóng nói là nóng.

Tụng : Rìu búa không cần, ngọc trắng tinh,

Đâu do mài giũa để cầu tâm.

Đường về chẳng bước nhà vẫn tới,

Trao kẻ trò non buông thông tay.

Triệu Châu đến hỏi Thiền sư Nam Tuyên : Thế nào là đạo ? Ngài đáp : "Tâm bình thường là đạo".

Tâm bình thường là tâm gì ? Có phải là chúng ta ngồi suy nghĩ trưa nay nấu món ăn gì, chiều nay làm việc gì, không tính chuyện trên trời trên mây, vậy có phải tâm bình thường chưa ? - Chưa phải. Tâm bình thường không phải là nghĩ theo chuyện thông thường ở thế gian.

Niêm : "Lạnh nói là lạnh, nóng nói là nóng". Nói bao nhiêu đó là đủ, nó thế nào nói thế ấy, không nói thêm điều gì, đó là tâm bình thường.

Còn nói lạnh khó chịu quá hay nóng bức bội quá, không phải là bình thường, vì có phiền não gá vào trong đó. Tỷ dụ hôm nào trời lạnh, nói bữa nay trời lạnh là đủ, nếu nói thêm : Bữa nay lạnh muốn run, thì đã qua nghĩa khác, vì có gá cái ta trong đó, không còn là sự thật của cái lạnh nữa. Nóng cũng vậy, nếu nói hôm nay trời nóng là đủ, không nói thêm nóng chịu không nổi, muốn nhưc dầu, đó là qua ý khác rồi. Nghĩa là lạnh nóng ở ngoài đã đồng hóa với cái ta, nên chúng ta bức bội không thích. Còn nếu lạnh nóng như thế nào nói như thế ấy thì không có gì bức bội khó chịu. Thế nên lời niêm rất là hay : Tâm bình thường là lạnh nói lạnh, nóng nói nóng, đó là đủ rồi.

Hằng ngày tâm chúng ta có bình thường không ? Chúng ta làm việc gì cũng muốn như ý, cũng theo sở thích của mình. Thí dụ gần như như trong chùa nuôi mấy con chó, tối đến có trộm vào mà chó không sủa. Sáng lại chó bị đánh vì tội không giữ chùa. Vì sao chúng ta không tự trách mình, các con chó đâu có biết gì. Chúng ta nuôi chó thì nuôi, còn sủa hay không là chuyện của nó. Thế nên tất cả những gì chung quanh, chúng ta đều bắt lệ thuộc vào cái ta, và nhìn muôn vật bằng bản ngã phóng đại ra, nên không thấy được lẽ thật. Người tu bắt buộc phải thấy được lẽ thật, phạm làm việc gì, nhìn vật gì cũng qua lẽ thật, không qua bản ngã. Vì bản ngã nên chúng ta luôn luôn có niệm thương niệm ghét, nếu thấy người nào không hợp với bản ngã của mình thì nói người ấy dễ ghét, nếu hợp bản ngã của mình thì bảo dễ thương. Vậy bản ngã là do huân tập, huân tập cái gì thì nó theo cái ấy. Thí dụ như chúng ta huân tập theo cái nhìn của Đông phương thì thấy người nào có vẻ Đông phương mình ưa, huân tập theo Tây phương thì thấy vẻ gì hợp với Tây phương mình thích. Như vậy ưa thích theo huân tập đâu phải là thật, thế mà suốt ngày chúng ta sống theo huân tập, bị nó chi phối nên chúng ta phiền não khổ đau mãi. Chúng ta tu là phải thấy như thật, tôi đã giảng chữ như thị, tức là pháp của Phật là như

thế, không có cái khác, có khác là tại chúng ta tô điểm thêm. Thế nên lạnh nói lạnh.. nóng nói nóng.

Tụng :

*Rìu búa không cần, ngọc trắng tinh,
Đâu do mài giũa để cầu tân.*

Nói tâm bình thường là đạo, nghĩa là đạo đã sẵn trong tâm bình thường, giống như hòn ngọc trắng tinh đã sẵn nơi mình, đâu cần búa rìu để đục mới trắng, cũng không do mài giũa thành mới, vì nó đã sẵn đẹp rồi. Không cần phải đục để mài giũa, mà tu là phải mài giũa, để đục, như thế có mâu thuẫn hay không ? Tỉ dụ tượng Phật gỗ phải từ khúc gỗ trầm đục để mới thành, nếu để khúc gỗ y nguyên trên bàn thì đâu có ai qui lạy. Tu là phải mài giũa, tuy ai cũng sẵn tâm bình thường, nhưng chúng ta quen tập theo thói bất bình thường, giống như một người trước kia tỉnh táo sau sanh ra cuồng loạn thì phải chạy chữa thuốc men, để trở lại bình thường. Cũng như vậy, sở dĩ chúng ta phải tu là để đưa tâm mình trở lại bình thường, vì hiện giờ chúng ta ít nhiều gì cũng đang là những kẻ bất bình thường, cần phải nhờ thuốc chữa trị mới lành bệnh.

Tâm bình thường là cái sẵn có, không thêm cái gì mới, chỉ hết bệnh trở về tình trạng bình thường

cũ. Nên nói chỗ này không phải trau giồi, mài giũa mà tự nó là ngọc trắng rồi.

Đường về chẳng bước nhà vẫn tới,

Trao kẻ trèo non buông thông tay.

Không cần bước đi mà vẫn tới nhà. Có khi Phật và chư Tổ nói : Đường luân hồi xa xôi diệu vợi, muốn trở về thật là khó. Nhưng có chỗ lại nói : Dưới gót chân ông, chớ không đâu xa. Tuy không phải xa mà thật ra cũng không phải gần. Nếu bỏ quên lối về nhà chạy lang thang mãi, dù cho nhà ở gần cũng thành xa. Nếu biết quay trở về thì tuy nói xa, thực ra ở ngay trước mặt, tức là rất gần. Thế nên không cần bước đi đâu, thay vì phóng ra chỉ quay trở lại, đó là trở về ; từ chuyên môn gọi là hồi đầu thị nạn, tức là xoay đầu trở lại là bờ này, là nhà cửa của mình, đơn giản làm sao ! Như vậy gần xa là do thói quen, quen phóng ra thì thấy xa, biết xoay trở lại là bờ, chớ không có gì.

"Trao kẻ trèo non buông thông tay", không cần bước mà vẫn tới nhà, là chỉ có người trèo non mà buông thông tay tự tại. Nếu phải vịn từ cục đá, bám từng rễ cây để bò lên thì chắc về nhà phải hơi lâu. Buông thông tay mà trèo non được thì nhà ở một bên chớ không đâu xa, cách nhìn này thật là hay, thật là cụ thể.

18.- *Cử* : Triệu Châu nói : Mọi người bị mười hai thời sai khiến, Lão Tăng sai khiến được mười hai thời.

Niêm : Cây thế đối người, không nơi căn cứ.

Tụng : Lão này hay khiến mười hai thời,

Rồng dữ cọp hung thủy được thuận.

Cần phương chỉ sắt thành vàng thiệt,

Chẳng để cho người có việc nghe.

Nhơn có vị Tăng hỏi : Trong mười hai giờ dụng tâm như thế nào ? Ý muốn hỏi trong mười hai giờ mình phải tu như thế nào cho đúng với tinh thần đạo. Ngài Triệu Châu trả lời : "Mọi người bị mười hai thời sai khiến, Lão Tăng sai khiến được mười hai thời". Như hiện giờ chúng ta có bị mười hai thời sai khiến không, hay là sai khiến được mười hai thời ? Nhìn chùng đồng hồ coi mấy giờ, cho đến lúc ngời thiên cũng nhìn đồng hồ, như vậy từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, chúng ta bị đồng hồ sai khiến, tức là bị mười hai thời sai khiến, còn Ngài Triệu Châu sai khiến được mười hai thời.

Niêm : "Cây thế đối người, không nơi căn cứ". Ý muốn nói Ngài Triệu Châu ý mình là người giỏi nên đối người không nơi căn cứ. Niêm như vậy có đúng không ? Mười hai thời chỉ là giả định của con người chớ không có thật, làm sao sai khiến nó được ?

Tụng :

*Lão này hay khiến mười hai thời,
Rỗng dũ cạp hung thấy được thuận.*

Sai khiến được mười hai thời nghĩa là người đời chạy theo thời gian từng giờ từng phút, còn Ngài không dính mắc gì với thời gian. Nếu suốt ngày không bận bịu với thời gian tức là không trông đợi không mong chờ dù cho rỗng dũ cạp hung cũng được thuận thực. Còn chúng ta đang trông đợi mong chờ nên khiến không nổi rỗng dũ cạp hung. Sáng mong trưa, trưa đợi chiều, tâm mong chờ là hư dối làm cho mình mệt mỏi. Người không bị thời gian chi phối là người không còn tâm mong chờ, đó tức là tâm chân thật thì rỗng dũ cạp hung trong tâm không còn hung hăng nữa.

*Cần phương chỉ sắt thành vàng thiệt,
Chẳng để cho người có việc nghe.*

Muốn được diệu thuật chỉ sắt biến thành vàng thì không cho người có việc nghe, tức là ai còn hữu sự thì đừng mong được cái đó. Diệu thuật này chỉ có ở con người vô sự. Chúng ta chẳng những hữu sự mà còn đa sự nữa, nên không được nghe thuật kỳ diệu đó. Tại sao đa sự ? Việc trong nhà mình, trong bản thân mình nhớ nghe cũng đã nhiều rồi, mà chuyện hàng xóm đâu đâu cũng muốn nghe, lại

kể chuyện nằm trên nằm dưới cho người khác, như vậy có phải là đa sự không ? Vì thế nên cả ngày tâm loạn tưởng điên đảo không phút nào yên. Câu kết luận chỉ cho chúng ta thấy muốn sử dụng được mười hai giờ chỉ có người vô sự, nếu còn đa sự thì không bao giờ sử dụng được.

19.- Cừ : Tăng hỏi Lâm Tế : Thế nào là vô vị chân nhân ? Lâm Tế đáp : Cục cứt khô.

Niêm : Bắn sẻ mất châu, ném chuột như đồ.

Tụng : Vô vị chân nhân cục cứt khô,
Do người Thích tử mất gia phong.
Nhìn xuống xem xem, biết chẳng biết,
Con trâu vào biển dấu vết không.

Ngài Lâm Tế nói : Tất cả chúng ta đều có vô vị chân nhân ra vào ở ngay nơi mặt chó không dấu xa. Vô vị chân nhân tức là con người chân thật không có ngôi vị, không có chỗ nơi. Câu tôi đã giảng : Trong ngôi Phật pháp mời không ở, đó là chỉ người chân thật không ngôi vị.

Nhơn có Tăng hỏi : "Thế nào là vô vị chân nhân ? Ngài Lâm Tế đáp : Cục cứt khô". Ngài đáp nghe thô tục quá, sao lại được khen hay ? Nói câu đó chúng ta không còn gì để suy nghĩ. Ngay đó tâm mình đã lặng mà mình đâu có biết. Cứ nhớ

sao thô quá, đó là khởi vọng tưởng diên đảo, nếu không suy nghĩ là vô vị chân nhân. Thành ra trả lời mà không trả lời gì cả. Hỏi một đàng : Thế nào là vô vị chân nhân ? Lại đáp một ngả : Cục cục khô. Nghe câu đáp, người hỏi dứt hết tâm suy gẫm nghĩ tính, không còn gì so sánh. Câu đáp đó là câu sống (hoạt ngữ), câu đặc biệt trong nhà Thiên.

Niêm : "Bắn sẻ mất châu, ném chuột như đồ". Nghĩa là vì chuyện nhỏ như bắn chim sẻ mà mất hạt châu, muốn đuổi chuột làm như đồ quý. Đó là nói câu đáp hơi thô tục một chút.

Tụng :

*Vô vị chân nhân cục cục khô,
Do người Thích tử mất gia phong.*

Hỏi vô vị chân nhân, lại đáp cục cục khô là vì người Thích tử không biết vô vị chân nhân là gì, nên buộc lòng Ngài phải đáp như vậy để họ giựt mình thức tỉnh.

*Nhìn xuống xem xem biết chẳng biết,
Con trâu vào biển dấu vết không.*

Ngay nơi đó mình nhìn thẳng xem thử có biết hay không. Nếu xem rồi mới thấy chính câu trả lời chỉ cho mình cái chân thật rõ ràng, mà không

có gì để suy gẫm, các vọng tưởng mê lầm đều dứt bật, giống như con trâu nhảy ùm xuống biển không còn một chút dấu vết. Trái lại nếu giải thích vô vị chân nhân là một con người chân thật không ngôi vị, sạch hết những phiền não vọng tưởng v.v... làm người nghe suy gẫm đủ điều, như thế là dẫn họ đi trong mê lầm loạn tưởng.

20.- Cú : Triệu Châu nói : Khám phá bà già ở Ngũ Đài Sơn xong.

Niềm : Ngũ nghịch nghe sấm, chẳng cho bị tai.

Tụng : Khảy móng Đài Sơn hết nói ngoa,
Chẳng phiền bước tới được về nhà.
Can qua chẳng động lòng người phục,
Gươm bén đâu cần ra hộp gươm.

Nguyên câu chuyện như sau : Có bà già ở gần đường đi Ngũ Đài Sơn, một vị Tăng tìm đường lên núi mà nghi không biết có đúng không, gặp bà già mới hỏi : Đường Ngũ Đài Sơn đi lối nào ? Bà đáp : Đi thẳng. Tăng vừa đi, bà nói : Khéo, ông Thầy này lại đi thế ấy. Vị Tăng nghe, không hiểu bà muốn nói gì, mới về thưa lại Ngài Triệu Châu. Ngài bảo : Để tôi lên khám phá bà già. Ngài đến gặp bà cũng hỏi : Đường nào đi Ngũ Đài Sơn ? Bà nói : Đi thẳng. Ngài bắt đầu đi, bà già cũng nói : Khéo,

ông Thầy này lại đi thế ấy. Khi trở về, Ngài tuyên bố giữa chúng : Tôi đã khám phá ba già ở Ngũ Đài Sơn rồi. Vậy Ngài khám phá cách nào ? đó là nghi vấn mà lâu nay chúng ta đặt ra.

Niêm : "Ngũ nghịch nghe sấm, chẳng cho bịt tai". Đây là ý gì ? Trong Kinh nói : Người phạm tội ngũ nghịch phải đọa địa ngục. Cũng có người nói : Người phạm tội ngũ nghịch có thể bị trời đánh, vì vậy họ rất sợ sấm. Tội ngũ nghịch là : Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp tăng, làm thân Phật ra máu. Nếu phạm tội ngũ nghịch, mà sấm nổ không cho bịt tai, tức là không cho sợ. Ý nói ông Tăng tìm đường lên Ngũ Đài Sơn, ông nghi không biết có đúng đường không, nên hỏi bà già. Nghe bà bảo : Đi thẳng, thì ông tin ông đi. Nhưng bà nói : Lại đi thế ấy. Như vậy làm cho người đã nghi lại thêm nghi. Vì có nghi mới hỏi, hỏi rồi lại thêm nghi, giống như người phạm tội ngũ nghịch rất sợ sấm, đó là cái nghi trước. Nhưng khi nghe sấm nổ, không cho bịt tai, lại càng sợ thêm, tức là càng thêm nghi. Đó là thuật khéo của bà già.

Bài tụng nói lên ý của bà và của Ngài Triệu Châu :

*Khảy móng Đài Sơn hết nói ngoa,
Chẳng phiền bước tới được về nhà.*

Chỉ trong khảy móng tay thì bà già ở Ngũ Đài Sơn hết nói ngoa, tức là hết nói gạt để người ta nghi nữa. Vì Ngài Triệu Châu nói đã khám phá bà già rồi, không cần suy nghĩ tìm kiếm cũng về tới tận nơi.

*Can qua chẳng động lòng người phục,
Gươm bén đâu cần ra hộp ngà.*

Thế nên không cần phải có chiến trường mà đã chinh phục được người. Có gươm bén nhưng không cần mở hộp đem ra dùng, mà lòng người đã qui phục.

Tuy Ngài Triệu Châu nói khám phá bà già, nhưng sự thực Ngài chỉ hỏi, bà trả lời mà nói đã khám phá rồi là để cho người yên lòng không còn thắc mắc. Đó là chỉ bà già không phải người tầm thường, bà chỉ cho mình đi thẳng. Nhưng chúng ta cứ tưởng đi thẳng là tới Ngũ Đài Sơn, không ngờ bà muốn chỉ thẳng cái mình sẵn có, vị Tăng không biết việc này nên cấm dấu đi thẳng lên Ngũ Đài Sơn. Thế nên bà già nói lại : Khéo, ông Thầy lại đi thế ấy. Đó là lối nói ngoa, không phải nói thiệt. Nhưng khi Ngài Triệu Châu đến thì lời nói ngoa hết, ngay đó liền thấy được nhà. Như thế không cần lý luận, không cần tranh đấu mà đã hàng phục được người, cũng như gươm bén không

cần ra khỏi hộp ngà mà giặc già đều qui hàng.
Đó là thuật khéo của Ngài Triệu Châu.

Như thế chúng ta mới thấy những bà già bán bánh ở dọc đường khi xưa rất là kỳ đặc, làm các vị Tăng phải mệt đầu. Có nhiều bà già trông rất xoàng xĩnh mà vẫn biết đạo chứ không phải thường. Không phải chỉ có người xuất gia học đạo lâu năm mới hay, đừng tưởng lầm như vậy. Dù ở giai cấp nào hình thức nào, người khéo nhận khéo thấy khéo biết đường về đều là hay cả.

Ngài Trần Thái Tông quả là một nhà vua kỳ đặc, da đoan việc nhà việc nước mà hiểu đạo hiểu Thiên thật cao siêu. Còn chúng ta hiện nay rảnh rang trăm bề mà thấy đạo cạn cợt ở ngoài da, nghĩ có hổ thẹn không ? Càng hổ thẹn chúng ta càng phải noi gương Ngài cố gắng nỗ lực tu hành, đừng để thua kém quá xa.

21.- Cử : Triệu Châu nói : Phật vàng không độ được lò dúc, Phật gỗ không độ được lửa, Phật đất không độ được nước, Phật thật ngồi trong nhà.

Niệm : Núi là núi nước là nước, Phật ở chỗ nào ?

Tụng : Trên đồ Vông Xuyên xếp thành hình,
Ngày trước Vương Duy được nổi danh.

Uống phí mực son nơi khó vẽ,

Trong không trắng sáng cùng gió lạnh.

Ngài "Triệu Châu nói : Phật vàng không độ được lò đúc, Phật gỗ không độ được lửa, Phật đất không độ được nước, Phật thật ngồi trong nhà". Câu này rất dễ hiểu. Đến chùa thấy Phật vàng chúng ta liền quỳ lạy nhưng Phật vàng để vào lò đúc thì chảy nên không độ được lò đúc, trái lại lò đúc độ được Phật vàng ! Phật gỗ thỉnh vào lửa cũng cháy nên không độ được lửa mà lửa độ Phật gỗ. Phật đất gặp nước cũng rã nên không độ được nước. Nay có Phật xi măng cũng không độ được búa ! Như vậy những vị Phật đó đều không có khả năng độ, chỉ có Phật thật ngồi trong nhà, chúng ta lại quên. Ngài Triệu Châu nói trắng ra không một chút giấu giếm để cảnh tỉnh những người tu chỉ nặng hình thức bên ngoài, thấy Phật bên ngoài thì tha thiết đánh lễ cầu khẩn, không đoái đến Phật của mình đang ngồi ở trong. Phật bên ngoài chỉ là Phật vàng, Phật gỗ, Phật đất, còn Phật bên trong mới là Phật thật. Chúng ta tha thiết lễ bái cúng dường Phật bên ngoài, có được phước chỉ là phước sanh diệt, phước thật là trở về Phật thật của mình Phật là giác. Phật vàng, Phật gỗ không có giác, chỉ Phật của tự tâm mới giác, nhưng thế gian không biết,

chỉ biết những Phật bên ngoài, vậy là nhớ bên ngoài mà quên mình.

Niêm : "Núi là núi, nước là nước, Phật ở chỗ nào" mà nói Phật ngồi ở trong ? Phật đó đối với cảnh núi là núi, nước là nước, theo tông Lâm Tế là Vô vị chân nhân, người không có ngôi vị, nếu nói ngồi ở trong là hơi kẹt. Thế nên Ngài Trần Thái Tông hỏi Phật ở chỗ nào, ý nói Phật thật không có chỗ nơi, nói có chỗ là đã sai rồi.

Tụng :

*Trên đồ Võng Xuyên xếp thành hình,
Ngày trước Vương Duy được nổi danh.
Uống phí mực sơn nơi khó vẽ,
Trong không trắng sáng cùng gió lành.*

Võng Xuyên là phong cảnh đẹp ở huyện Lam Điền tỉnh Thiểm Tây.

Vương Duy là một họa sĩ nổi tiếng đời Đường, ông vẽ cảnh Võng Xuyên, đem trưng bày, mọi người đều tán thán nên được nổi danh. Cảnh Võng Xuyên được diễn tả bằng mực bằng sơn, nhưng Phật thật ngồi ở trong không có hình tướng, dầu tốn bao nhiêu mực, bao nhiêu sơn cũng không thể vẽ được. Muốn thấy Phật thật phải làm sao ? "Trong không trắng sáng cùng gió lành". Chỉ nhìn

trong bầu hư không, thấy trăng sáng rõ cùng gió mát, là thấy được Phật ở trong. Như vậy Phật ngồi ở trong chỉ là một lối nói chứ chưa đúng lẽ thật, vì nếu còn thấy trong ngoài, thấy chỗ nơi là chưa thấy Phật thật. Ngài Trần Thái Tông khéo dùng hình ảnh gió mát và ánh trăng sáng ngồi trong hư không để diễn tả vị Phật không hình tướng, không chỗ nơi nhưng lúc nào cũng trong sáng, cũng làm mát mẻ mọi người.

22.- Cú : Triệu Châu nói : Tôi ở Thanh Châu may một chiếc áo vải nặng bảy cân.

Niêm : Trấn Châu củ cải còn thể được,
Thanh Châu áo vải lại phiền người.

Tụng : Một manh áo vải thật lạ thường,
Tùng Thẩm không màng chẳng cất rương.
Trong đây nghĩ nghĩ chia cân lượng,
Cười ngất nhà đông Mạnh Bát Lang.

Qua bài trên (21) Ngài Triệu Châu nói về Phật, chúng ta hiểu được. Trong bài này, khi vị Tăng hỏi thế nào là Phật, thông thường câu đáp là : Người giác ngộ gọi là Phật, nhưng với tư cách nhà Thiền Ngài Triệu Châu trả lời : "Tôi ở Thanh Châu may một chiếc áo vải nặng bảy cân". Khi nghe câu này

chúng ta không còn lý lẽ gì để cho tâm đuối theo. Nó không có một chút ý vị, nhưng những câu như thế trong nhà Thiền lại khen hay. Tại sao ? Khi giải thích Phật như thế này v.v... là để người nghe đuối theo phân biệt suy xét. Nếu đuối theo phân biệt thì không thấy được Phật, chưa thật hiểu Phật. Hiện nay nếu ai hỏi thế nào là Phật, chúng ta có thể trả lời : Tôi ở Trúc Lâm may chiếc áo vải nặng ba ký. Người nghe thấy như chúng ta trả lời lạc đề, không chút dính dáng với câu hỏi, nhưng sự thực là trả lời rất thiết thực, vì nói như thế thì dứt suy nghĩ, ngay đó là thấy Phật. Sở dĩ chúng ta không thấy Phật vì niệm suy nghĩ phân biệt làm Phật mình bị khuất lấp. Câu trả lời không cho một niệm nào khởi, đó là chỉ Phật rõ ràng, nhưng thế gian không bằng lòng vì thấy khó hiểu quá. Sự thực đâu cho hiểu mà nói khó hay dễ, nghĩa là nghe mà không cho hiểu, nếu nhận định được thì thấy, nhận định không ra thì không biết gì, khỏi suy nghĩ. Đó là câu đặc biệt nên Ngài Trần Thái Tông khen.

Niệm :

*Trần Châu củ cải còn thể được,
Thanh Châu áo vải lại phiền người.*

Một lần có người tới hỏi Ngài Triệu Châu : Thế nào là Phật ? Ngài đáp : Ở Trấn Châu củ cải to. Nay Ngài lại đáp : Ở Thanh Châu, áo vải nặng bảy cân, nên lời bình : Nếu nói ở Trấn Châu củ cải to còn có thể được, nay nói ở Thanh Châu áo vải nặng bảy cân thật làm phiền người. Như thế là thâm ý khen.

Tụng :

*Một manh áo vải thật lạ thường,
Tùng Thẩm không màng chẳng cất rương.
Trong đây nghĩ nghị chia cân lượng,
Cười ngất nhà đông Mạnh Bát Lang.*

Bài tụng rất hay. Nói áo vải nặng bảy cân là một lối nói lạ thường. Chiếc áo quý, Tùng Thẩm (tức Triệu Châu) không cất vào rương lại đem khoe trình cho thiên hạ thấy. Đây là hai câu tán thán ý nghĩa Ngài Triệu Châu nói chiếc áo vải nặng bảy cân.

*Trong đây nghĩ nghị chia cân lượng,
Cười ngất nhà đông Mạnh Bát Lang.*

Mạnh Bát Lang là tên một gã ngốc ở Trung Hoa, thường hay dùng để chỉ những kẻ si ngốc. Nếu nghe câu đáp của Ngài Triệu Châu rồi suy nghĩ phân chia cân lượng nặng bảy cân, ba cân

v.v... thì quả là một gã gốc ở nhà đông đáng cho người ta cười ngất.

23.- Cú : Vị Tăng hỏi Triệu Châu : Con chó có Phật tánh không ? Triệu Châu đáp : Không. Tăng lại hỏi, Triệu Châu đáp : Có.

Niêm : Lấy hai so một.

Tụng : Hỏi ngay ở trước, đáp có không,
Bảo thẳng ngay lời dứt nhóm ngôn.

Một đời tự phụ người tài giỏi,

Thế ấy vẫn là chẳng trượng phu.

Trong Ngũ Lục ghi có người tới hỏi Ngài Triệu Châu : Con chó có Phật tánh không ? Ngài đáp : Có. Người đó liền bẻ lại : Đã có Phật tánh là sáng suốt, mình mẫn, tại sao chui vào dây da lông lá vậy ? Ngài đáp : Vì biết mà cố phạm.

Lại người khác đến hỏi : Con chó có Phật tánh không ? Ngài nói không. Người đó lại bẻ : Trong Kinh Phật dạy tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tại sao riêng con chó không có Phật tánh ? Ngài đáp : Vì nghiệp thức che đậy. Nếu về giáo, tôi giảng rõ những lời này cho quý Phật tử nghe hiểu và tu. Nhưng về Thiên chỉ dùng hai chữ có không, chó không dẫn lời bẻ lại của người hỏi và lời giải thích

của Ngài Triệu Châu. Hỏi con chó có Phật tánh không ? Đáp không. Những vị tu về thoại đầu chỉ khán chữ không thôi. Lại đưa thêm câu hỏi con chó có Phật tánh không ? Đáp : Có. Đây chỉ dùng hai chữ có không.

Niêm : "Lấy hai so một", tức một là Phật tánh, hai là có và không.

Tụng :

*Hỏi ngay ở trước, đáp có không,
Bảo thẳng ngay lời dứt nhóm ngôn.
Một đời tự phụ người tài giỏi,
Thế ấy vẫn là chẳng trượng phu.*

Người đến tham vấn Ngài Triệu Châu, thấy con chó nằm một bên liền chỉ con chó hỏi : Con chó có Phật tánh không ? Ngay đó trả lời hoặc có hoặc không. Sở dĩ khi Ngài đáp có, khi đáp không là cốt để ngay lời nói chỉ thẳng cho người si mê biết hầu dẹp sự ngông cuồng chấp có chấp không. Hiện nay đa số chúng ta đều mắc bệnh này, hỏi điều gì đều muốn xác định có hoặc không, nên các Thiền sư dùng phương tiện phá chấp cho chúng ta. Hai câu sau của bài tụng là phê bình Ngài Triệu Châu. Trong các Thiền sư đời Đường ai cũng nể Ngài là người lanh lợi nhất, nhưng vẫn còn đáp có, đáp

không là làm cho người nghe bị kẹt, như vậy chưa phải trọng phu. Nhưng đây là vì Ngài phá chấp chứ không phải chỉ thẳng.

24.- *Cử* : Triệu Châu nói : Chỗ có Phật chẳng trụ, chỗ không Phật chạy qua gấp.

Niêm : Nước đến thành ao, roi va lằn nổi.

Tụng : Chỗ Phật có không cả hai quên,

Lời này xem lại chưa được toàn.

Sau rút cắm hoa đua trở lại,

Chẳng rời tác bước đến Tây Thiên.

Đối với người tu, chỗ có Phật phải nương ở, chỗ không Phật phải rời bỏ đi nơi khác. Nhưng ở đây Ngài Triệu Châu nói : "Chỗ có Phật chẳng trụ, chỗ không Phật chạy qua gấp". Như vậy trọng tâm câu này ở chỗ có Phật và không Phật, cũng là hai bên có và không.

Niêm : "Nước đến thành ao, roi va lằn nổi".

Nước chảy đọng lại chỗ nào thì nơi đó thành ao hồ. Roi đánh vào da thịt liền nổi lằn. Lời niêm muốn chỉ rõ mỗi khi chúng ta nói có nói không là còn thuộc về duyên, chưa phải là chỗ cứu cánh, như duyên nước dồn thành ao hồ, duyên roi đánh vào mình thì nổi lằn.

Tụng :

*Chỗ Phật có không cả hai quên,
Lời này xem lại chưa được toàn.
Sau rút cắm hoa đưa trở lại,
Chẳng rời tác bước đến Tây Thiên.*

Chỗ có Phật, chỗ không Phật, hai nơi đó phải vượt qua dùng dính mắc. Lời nói như thế là hay nhưng thực chưa hoàn toàn. Muốn hoàn toàn phải "sau rút cắm hoa đưa trở lại", tức là mượn hình ảnh Phật đưa cành hoa cho Tổ Ca Diếp, chỉ cần nhìn cành hoa là thấy được cái chân thật. "Chẳng rời tác bước đến Tây Thiên", Tây Thiên ở bên cạnh chúng ta, không cần tìm kiếm đâu xa. Thiên tông đời Trần hơi nặng về câu "Tứ mục tương cố" tức là bốn mắt nhìn nhau. Khi đức Phật ở hội Linh Sơn đưa cành hoa lên, Ngài dùng mắt nhìn khắp đại chúng, nhìn đến Ngài Ca Diếp, Ngài Ca Diếp nhìn Phật mỉm cười. Cười đó là ngộ đạo. Như vậy gọi là bốn mắt nhìn nhau cảm thông trên phương diện đạo đức, cảm thông được muốn chỉ cái gì. Tất cả chúng ta tìm nơi có Phật, nơi không Phật, đó là tìm kiếm bên ngoài, ngay nơi mình có sẵn Phật, Phật đó hiện rõ qua cái nhìn. Chỉ cần nhìn cành hoa, không cần đi bước nào vẫn tới Tây Thiên. Đó là điều đặc biệt, đọc mà thấm được mới thấy rất

là hay. Ngài Trần Thái Tông không giấu giếm, Ngài chỉ thẳng cho chúng ta biết.

25.- Cú : Thủ Sơn đưa trúc bễ nói : Bảo là trúc bễ tức chạm, chẳng gọi trúc bễ tức trái, hãy gọi là cái gì ?

Niêm : Chớ động đến, động đến ăn ba mươi gậy.

Tụng : Trúc bễ chạm, trái thật khó phân,

Ngay đó rõ ràng nhắc với người.

Tuy vốn đường bằng bụi không dấy,

Một trường bày hiện gai gốc dầy.

Trúc bễ là cây thước bằng tre, khoảng chừng ba tấc. Ở Trung Hoa các Thiền sư hay để cây thước tre đó trên bàn, và thường dùng mỗi khi có ai đến tham vấn hoặc trong buổi nói chuyện với chúng.

"Ngài Thủ Sơn đưa trúc bễ nói : Bảo là trúc bễ tức chạm, chẳng gọi trúc bễ tức trái, hãy gọi là cái gì ?" Nói phải thì chạm, nói không phải là trái, nói thế nào cho đúng ?

Niêm : "Chớ động đến, động đến ăn ba mươi gậy". Đưa ra hai bên, nói thế này là sai, thế kia cũng sai nên đừng động đến, động đến ăn ba mươi gậy, vậy phải hành động thế nào chớ không thể dùng ngôn ngữ đối đáp được.

Tụng :

*Trúc bẻ chạm trái thật khó phân,
Ngay đó rõ ràng nhắc với người.
Tuy vốn đường bằng bụi không dấy,
Một trường bày hiện gai góc đây.*

Đưa trúc bẻ lên nói rằng gọi trúc bẻ thì chạm mà không gọi trúc bẻ là trái. Như vậy phải nói thế nào, nói hay không nói ? Quý vị phải nhớ câu tứ mục tương cố, đưa lên nói ở đây, mà ý ở kia. Hiểu rồi mới thấy "ngay đó rõ ràng nhắc với người". Đưa như thế là rõ ràng nhắc chúng ta.

Ngài Thủ Sơn là Thiền sư Tĩnh Niệm, cũng gọi là Niệm Pháp Hoa, đệ tử của Ngài Phong Huyệt. Ngài rất thích tụng Kinh Pháp Hoa, đi đâu cũng thầm tụng Kinh này. Một hôm Sư đứng hầu, Phong Huyệt rơi nước mắt nói : Bất hạnh, đạo Lâm Tế đến ta sắp chìm lặn vậy. Sư thưa : Xem trong một chúng này đâu không có người kế thừa Hòa Thượng ? Phong Huyệt bảo : Người thông minh thì nhiều, kẻ thấy tánh rất ít. Sư thưa : Như con, Hòa Thượng xem thế nào ? Phong Huyệt bảo : Ta tuy trông mong ở người đã lâu, vẫn e ngại người dấn mền Kinh này (Pháp Hoa) không thể buông rời. Sư thưa : Việc này có thể làm được, mong nghe yếu chỉ ấy.

Phong Huyệt thượng đường kể lại : Nơi hội Linh Sơn đức Thế Tôn đưa cành hoa sen lên rồi dùng mắt nhìn bốn phía, đến Ngài Ca Diếp, Ngài Ca Diếp nhìn Phật mỉm cười. Khi nói như thế Ngài Phong Huyệt đưa mắt nhìn Ngài Niệm Pháp Hoa, thấy Ngài Phong Huyệt nhìn, bỗng dung Ngài Niệm Pháp Hoa ngộ, Ngài phủ áo đứng dậy đi, Ngài Phong Huyệt ném cây gậy trở về phương trượng. Thị giả theo sau hỏi. Phong Huyệt nói : Niệm Pháp Hoa đã hội. Như vậy Ngài Thủ Sơn thấy được cái gì ? Phải chăng là Tứ mục tương cố. Thế nên Ngài dùng phương tiện đưa trúc bẽ lên là muốn chỉ tứ mục tương cố nhưng Ngài khéo dùng : nói trúc bẽ thì chạm, không nói trúc bẽ thì trái, hãy gọi là cái gì ? Chúng ta kẹt trong câu nói, cho là Ngài nói khó hiểu mà không ngờ chỗ Ngài muốn chỉ, muốn nhắc : "Ngay đó rõ ràng nhắc với người".

"Tuy vốn đường bằng bụi không dấy" là chỉ thẳng, nhưng : "Một trường bày hiện gai gốc dấy", tại sao ? Vì nói là chạm, là trái làm cho người nghe không có hướng để tìm kiếm, không có mối manh để phân ra, nên nói "đấy gai gốc !"

26.- Cú : Tăng hỏi Động Sơn (Thủ Sơn) : Thế nào là Phật ? Sơn đáp : Trên vách ba cân gai.

Niệm : Gọi một vật lại chẳng trúng.

*Tụng : Hỏi Phật thế nào, nói đáp anh,
Động Sơn trên vách gai mấy cân.
Tuy nhiên không có phong trần dính,
Cũng vẫn còn đem cảnh chỉ người.*

Động Sơn là Ngài Động Sơn Thủ Sơ. Động Sơn Tổ Tông Tào Động là Thiền sư Lương Giới. Ngài Thủ Sơ hiệu là Sùng Tuệ, cũng ở tại Động Sơn, đệ tử của Thiền Sư Vân Môn. Tăng hỏi Động Sơn : Thế nào là Phật ? Sơn đáp : Trên vách ba cân gai. Hỏi thế nào là Phật, thấy trên vách đang treo khoanh gai ba cân nên nói trên vách ba cân gai.

Niêm : "Gọi một vật lại chẳng trúng". Gọi một vật chẳng trúng, hướng là ba cân gai !

Tụng :

*Hỏi Phật thế nào, nói đáp anh,
Động Sơn trên vách gai mấy cân.
Tuy nhiên không có phong trần dính,
Cũng vẫn còn đem cảnh chỉ người.*

"Tuy nhiên không có phong trần dính", tức là câu đáp "trên vách ba cân gai" không có dính mắc một chút ý niệm, không còn chỗ để khởi nghĩ, nhưng "cũng vẫn còn đem cảnh chỉ người", còn chỉ ba cân gai đó cũng là chỉ cảnh.

27.- *Cú* : Tăng hỏi Hoa Thượng Hiện Tử : Thế nào là ý Tây sang ? Hiện Tử đáp : Mâm rượu trước bàn thần.

Niêm : Nếu chẳng phải sư tử con, đâu khỏi chạy theo khối đất lặn.

Tụng : Chặt đứt cội nguồn không chỗ nương,
Ở đây nhắc lại để anh tường.

Nếu bảo trước thân là Tổ ý,
Khác nào kẻ gọi khổ là quần.

Câu "Thế nào là ý Tây sang", trong nhà Thiền hỏi rất nhiều. Nói đủ câu là : Thế nào là ý Tổ sư từ Tây sang, tức là Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa là ý gì, nghĩa là muốn thấy được ý chỉ Tổ Đạt Ma mang đến cho người Trung Hoa. Câu này các Thiền sư đáp mỗi vị một cách, có vị đáp có vị không đáp, như Ngài Lâm Tế khi được hỏi câu này Ngài bảo : Đem tọa cụ lại cho ta. Người hỏi đem tọa cụ lại, Ngài liền đánh.

Hiện là con sò, con hến. Vị Thiền sư này không giữ trai giới, Ngài ở gần bờ biển, sáng đi kiếm sò hến ăn, sống qua ngày, tối vào đình ngủ, không ai biết tên, mọi người gọi Ngài là Hiện Tử. Nghe đồn về vị Hoa Thượng kỳ lạ này, Ngài Lâm Tế mới đến thử, bất chợt chụp vai Ngài hỏi : Thế nào là ý Tây sang ? Hiện Tử đáp : Mâm rượu trước bàn

thần. Qua câu đáp, Ngài Lâm Tế buông ra, Ngài nhận rằng đây quả thực là một Thiền sư.

Niêm : "Nếu chẳng phải sư tử con, đâu khỏi chạy theo khối đất lặn". Khi hỏi thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang, chúng ta hoặc nói thế này hoặc nói thế khác, nhưng Ngài chỉ nói "mâm rượu trước bàn thân". Câu này là câu nói của sư tử con chứ không phải thường.

Tụng :

Chặt đứt cội nguồn không chỗ nương,

Ở đây nhắc lại để anh tường.

Nếu báo trước thân là Tổ ý,

Khác nào kẻ gọi khố là quần.

Câu đáp của Ngài Hiện Tử là câu nói chặt hết cội nguồn, không còn manh mối để suy nghĩ, không còn lý do để bám, xét. Chặt đứt cội nguồn để nhắc cho mọi người thấy được ý Tổ sư từ Ấn Độ sang là chỗ chưa có niệm suy nghĩ phân biệt dấy lên. Mới nghe câu đáp, chúng ta thấy như không có chi nhưng thực là chỉ rất tường tận. Nếu khi đó lại suy gẫm về mâm rượu trước bàn thân là ý Tổ sư thì khác nào kẻ nói khố là quần, nói như thế là sai vì khố và quần khác nhau.

28.- Cú : Quốc sư Vô Nghiệp nói : Nếu niệm phàm thánh bằng dầu sọ lông chưa hết, chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa. Hòa Thượng Bạch Vân Đoan nói : Giả sử niệm phàm thánh bằng dầu sọ lông hết, cũng chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa.

Niệm : Đốt non cần cọp chạy, đập cỏ cốt rắn kinh.

Tụng : Lời này xét lại chí khí khinh,

Đập cỏ cốt là bọn rắn kinh.

Nếu người rành lối Trường An ấy,

Buông thông tay đi khỏi hỏi trình.

Quốc sư Vô Nghiệp nói : Nếu niệm phàm thánh bằng dầu sọ lông chưa hết, chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa. Hòa Thượng Bạch Vân Đoan nói : Giả sử niệm phàm thánh bằng dầu sọ lông hết, cũng chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa.

Hai vị đều là Thiên sư mà lại nói trái nhau. Đó là tinh thần của cách đối đáp trong nhà Thiên. Nhà Thiên gọi hoạt cú tức là câu sống. Như khi hỏi thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang thì đáp "Mâm rượu trước bàn thần", hoặc hỏi thế nào là Phật thì đáp "Ba cân gai". Tại sao ? Thẳng đó nhận ra, thấy được nơi mình. Câu sống làm cho người tỉnh liền, nếu không nhận ra cũng được an vì không biết gì thêm.

Nếu hỏi thế nào là Phật, lại đáp Phật là giác ngộ, câu đó gọi là câu chết (tử cú) vì làm cho người nghe suy nghĩ về giác ngộ tức là đi sâu vào cửa tử của vọng tưởng. Vọng tưởng là cửa chết.

Lại còn một lối trả lời làm cho người nghi, lối nói đó cũng khéo. Do nghi nên ôm ấp mãi một ngày nào sẽ ngộ, đó cũng là một lối đặc biệt. Tóm lại có ba câu nói :

1. Câu nói chết người làm cho niệm dứt bật, đó là một lối đặc biệt.

2. Câu nói để người nghi ôm ấp mãi, không giải quyết được, đó cũng là hay.

3. Câu nói thẳng để người nghe hiểu, gọi là dỡ. Nhưng thời này người ta chấp nhận dỡ nên phải nói dỡ, dù sao có còn hơn không.

Thiền sư Vô Nghiệp là đệ tử của Mã Tổ Đạo Nhất. Ai đến hỏi câu gì cũng mặc, Ngài chỉ đáp một câu : Chớ vọng tưởng. Như vậy câu chớ vọng tưởng đã nói hết ý nghĩa của sự tu, nhưng nói trống quá. Nay Ngài lại nói : Nếu người nào còn một niệm phân biệt đây là phàm kia là thánh, dù nhỏ bằng đầu sợi lông, người đó cũng chưa ra khỏi bụng ngựa thai lừa. Nói thế cũng hơi quá đáng. Đó là chưa rời khỏi sanh tử vì còn niệm thì còn sanh tử.

Nhưng Hòa Thượng Bạch Vân Thủ Đoan lại nói : Giả sử một niệm phàm thánh bằng đầu sợi lông hết, cũng chưa khỏi vào bụng ngựa thai lừa. Ai đúng ? Ngài Bạch Vân Thủ Đoan nói câu này để làm gì ?

Niêm : "Đốt non cần cạp chạy, đập cỏ cốt rấn kinh".

Câu niêm quá rõ. Vì sợ cạp nên những người đi rừng đốt lửa, cạp sợ không dám lại gần. Như vậy đốt lửa không phải vì lửa cháy, mà vì cho cạp sợ. Cũng như ban đêm, trên những con đường rậm rạp cỏ phủ, muốn cho rấn rít chạy trước khi mình bước chân tới, chúng ta cầm gậy quơ trên ngọn cỏ, đập cỏ không phải vì cỏ mà là để cho rấn chạy. Như vậy việc làm ở đây mà mục đích ở kia.

Tụng :

Lời này xét lại chỉ khí khinh,

Đập cỏ cốt là bọn rấn kinh.

Nếu người rành lối Trường An ấy,

Buông thõng tay đi khỏi hỏi trình.

Bài tụng này nhắm vào câu nói của Ngài Bạch Vân Thủ Đoan : Giả sử không còn một niệm phàm thánh bằng đầu sợi lông cũng chưa ra khỏi bụng ngựa thai lừa. Câu này mục đích để phá chấp của người nghe câu nói của Quốc sư Vô Nghiệp, cho

không có một niệm là cứu cánh, nhưng còn thấy không tức là còn thấy có, nên còn kẹt trong có không, chưa phải là cứu cánh. Thế nên câu này không phải là giá trị thực, là "chí khí khinh". Chẳng qua là đập cổ để răn sợ chứ không phải chỉ lẽ thật. Nếu người thực rành đường về Trường An tức là người đã ngộ đạo rồi thì buông thông tay mà đi không nghi ngờ, không cần thưa hỏi. Nếu nghe mà khỏi nghi tức chưa phải người có khả năng rành đường về Trường An.

Đến đây tôi dẫn câu chuyện Ngài Đại Mai Pháp Thường cho quý vị thấy. Ngài đến học với Mã Tổ một thời gian rồi về ở núi Đại Mai. Mã Tổ nghi không biết Ngài ngộ đạo chưa, mới sai một đệ tử khá tới thử xem. Người đó gặp Ngài Đại Mai mới hỏi : Ông ở chỗ Mã Tổ được cái gì mà về ở núi ? Ngài đáp : Tôi nghe Mã Tổ nói tức tâm tức Phật, tôi liền nhận được rồi về ở núi. Người kia liền nói : Nay Mã Tổ không nói tức tâm tức Phật, mà nói phi tâm phi Phật. Nếu là người chưa biết đường về Trường An, nghe câu nói sau liền nghi là khi trước mình hiểu chưa đúng vì sau này Thầy nói khác. Nhưng Ngài Đại Mai nói : Mặc ông già nói gì thì nói, tôi chỉ biết tức tâm tức Phật. Người kia về thưa lại Mã Tổ, Mã Tổ ở giữa đại chúng nói : Trái mai đã chín, tức là Ngài Pháp Thường thực

ngộ. Như vậy người ngộ đạo dù ai nói đông nói tây gì cũng không lay chuyển được. Trái lại mới nghe nói thì tin, khi nghe ai nói khác lại khởi nghi, là chưa thực ngộ. Thế nên Ngài Trần Thái Tông mới nói : "Nếu người rành lối Trường An ấy, buông thông tay đi khỏi hỏi trình", vì đâu còn nghi ngờ mà phải hỏi.

29.- Cú : Huyền Sa dạy chúng nói : Các bậc Lão túc khắp nơi đều bảo : "Tiếp vật lợi sanh". Chợt gặp ba hạng người bệnh lại, làm sao tiếp ? Người bệnh mù, giờ chày dựng phất họ chẳng thấy. Người bệnh điếc, nói năng tam muội họ không nghe. Người bệnh câm, dạy họ nói, nói không được.

Niệm : Khát uống đói ăn, lạnh mặc nóng quạt.

Tụng : Buồn thì ủ rũ, vui tươi cười,

Mũi dọc mày ngang chẳng khác người.

Đói khát lạnh nóng tùy chỗ được,

Đâu nên bắt chợt lại sanh nghi.

"Huyền Sa dạy chúng nói : Các bậc Lão túc khắp nơi đều bảo : Tiếp vật lợi sanh. Chợt gặp ba hạng người bệnh lại, làm sao tiếp ? Người bệnh mù, giờ chày dựng phất họ chẳng thấy. Người bệnh điếc, nói năng tam muội họ không nghe.

Người bệnh cảm, dạy họ nói, nói không được". Như vậy làm sao độ ba hạ độ đó ?

Niêm : Khát uống, đói ăn, lạnh mặc, nóng quạt.

Lời niêm có dính với những bệnh mùa diết cảm ở trên không ?

Tụng :

*Buồn thì ủ rũ, vui tươi cười,
Mũi dọc mày ngang chẳng khác người.
Đói khát lạnh nong tùy chỗ được,
Đâu nên bắt chọt lại sanh nghi.*

Dù cho không hiện ở mắt, tai và miệng nhưng đầu phải là thiếu vắng, đầu phải có mắt, tai, miệng mới có cái đó. Tuy ba cơ quan không hiển lộ được cái sáng nhưng nơi mình có thiếu nó bao giờ, nên mới dùng các chữ khát uống, đói ăn, lạnh mặc, nóng quạt.

30.- *Cử* : Thụy Nham thường gọi : Ông chủ nhân, tỉnh tỉnh đi, về sau chớ bị người lừa gạt.

Niêm : Khóc đến máu tuôn không chỗ đọng,
Chi bằng ngậm miệng qua xuân tàn.

Tụng : Thụy Nham thường gọi chủ nhân ông,
Lược giải cơ sâu cũng chẳng hùng.

Nếu quả thế gian tướng vô dịch,

Đội gì gương giáo mới là hung.

Thụy Nham là Thiên sư Sư Nhan ở núi Thụy Nham, ngồi một mình thỉnh thoảng tự gọi ông chủ nhân rồi tự dạy, tự nhắc : Tình tình đi, về sau chớ để người lừa gạt. Thấy như người điên nhưng thực sự chúng ta có bệnh quên, ngồi một lúc là bị ma ngữ hay vọng tưởng gạt, nên nhắc tình tình chớ bị người lừa. Đó là phương tiện để Ngài tự cảnh giác. Hiện nay ngôi lâu bị người lừa dẫn đi chơi thì có các vị giám thiên cầm gậy đánh cho chạy về. Đánh là để không bị người lừa dẫn đi bằng vọng tưởng hay giấc mộng. Có người ngồi một lúc mộng thấy việc này việc kia, đó là đi khá xa nên nhờ gậy đánh liền giật mình tỉnh lại. Hiểu như thế mới mang ơn người vác gậy đi tuần, nếu không sẽ bực tức khi bị đánh giật mình.

Niêm :

Khóc đến máu tuôn không chỗ đọng,

Chi bằng ngậm miệng qua xuân tàn.

Khóc đến máu tuôn nhưng cũng không dùng được, chi bằng làm thỉnh để qua mùa xuân. Hành động của Ngài Thụy Nham là hành động thiết tha đối với sự tu hành, nhưng còn gọi, nói chủ khách

v.v... thì chưa phải là tuyệt vời, nên Ngài Trần Thái Tông hơi chê.

Tụng :

*Thụy Nham thường gọi chủ nhân ông,
Lược giỏi cơ sâu cũng chẳng hùng.*

Tuy có mưu lược, có cơ sâu nhưng cũng chưa phải hùng.

*Nếu quả thế gian tướng vô địch,
Đợi gì gươm giáo mới là hùng.*

Nếu là tướng vô địch thì không cần gươm giáo, không cần phải kêu gọi chi cho ồn. Tuy bị chê như vậy, nhưng Ngài Thụy Nham sau này cũng là một vị Tổ. Vì mỗi người tự biết bệnh mình, nếu ngồi lâu dễ gục hoặc dễ chạy theo vọng tướng thì phải tự gọi cho tỉnh. Như vậy đối với Ngài Thụy Nham là có lợi, nhưng so sánh với những Thiền sư khác thì thấy hơi ồn, còn nghiêng về hình thức.

31.- Cử : Tam Thánh nói : Tôi gặp người liền ra, ra thì chẳng vì người. Hưng Hóa nói : Tôi gặp người thì chẳng ra, ra thì vì người.

Niêm : Một con rùa mù, nửa cặp trạnh què.

Tụng : Gặp khát tức thì uống nước ngay,
Nói ăn ngày trọn bụng đói chay.

Hai bên gươm bén thoi niêm kín,
Khi khác trẻ con miệng họa này.

Tam Thánh là Thiên sư Huệ Nhiên. Hưng Hóa là Thiên sư Tôn Tương. Hai vị là đệ tử lớn của Ngài Lâm Tế. Một vị nói : Tôi gặp người liền ra, ra thì chẳng vì người, một vị lại nói : Tôi gặp người thì chẳng ra, ra thì vì người. Ai nói đúng ?

Niêm : "Một con rùa mù, nửa cặp trạnh què".
Trạnh là con ba ba. Nửa cặp cũng là một con. Như vậy một bên là rùa mù, một bên là trạnh què. Vì ra hoặc không ra, vì người hoặc không vì người đều là một bên, chưa phải là cứu cánh, nên Ngài Trần Thái Tông mới bình : Một con rùa mù, nửa cặp trạnh què.

Tụng :

*Gặp khát tức thì uống nước ngay,
Nói ăn ngày trọn bụng đói chay.
Hai bên gươm bén thoi niêm kín,
Khi khác trẻ con miệng họa này.*

Đói thì ăn, khát thì uống, nói làm chi ồn cả ngày mà bụng vẫn đói. Ý ngài trách là nói "vì người không vì người, ra không ra" chi cho nhiều.

"Hai bên gươm bén thoi niêm kín", nghĩa là hai vị dùng thuật nói mâu thuẫn nhau giống như hai cây gươm bén niêm kín.

"Khi khác trẻ con miệng họa này", e khi khác trẻ con liếm nhằm bị đứt miệng, đứt lưỡi. Lối nói này không cho người thấy được lẽ thật, mà chỉ là nói để cho nghi.

32.- Củ : Nam Tuyên thấy Đặng Ân Phong đến, chỉ tịnh bình nói : Tịnh bình là cảnh, ông không được động đến cảnh.

Niêm : Nói có, nhằm chỗ nào để.

Tụng : Trong gương không nhóp luống tụt chùi,
Dụng hết công phu uống phí thôi.
Lặng lặng im im tùy chỗ thích,
Cơm xong liền đó uống chung trà.

Tịnh bình là cảnh, lại chỉ tịnh bình bảo không được động đến, vậy phải động đến cái nào ? Đó là thuật kỳ đặc trong nhà Thiền. Thông thường nghe chỉ đâu chúng ta chạy theo đó là bị gạt.

Niêm : "Nói có nhằm chỗ nào để". Nói không được động đến thì cái đó có hay không ? Nếu có thì để ở đâu ?

Tụng :

*Trong gương không nhóp luống tụt chùi,
Dụng hết công phu uống phí thôi.*

*Lặng lặng im im tùy chỗ thích,
Cơm xong liền đó uống chung trà.*

Bài thơ rất là thâm thúy. Gương không nhóp, không bụi mà lau, thật là uống công. Như vậy để mặc nó hay sao ? Nghĩa là chúng ta nói lau gương là uống công, nếu nói lau bụi thì đáng công. Hiện nay chúng ta lau gương hay lau bụi ? Gương tự sáng, sở dĩ chúng ta không thấy được ánh sáng là do bụi, nay lau sạch bụi thì gương tự sáng. Cũng vậy cái chân thật nguyên là như thế, không có tu, nhưng vì bụi trần che phủ nên phải tu tức là hằng ngày lau bụi tham sân si mạn nghi ..., lau sạch rồi thì gương tự sáng. Nếu gương không sáng dù lau hết bụi cũng vẫn không sáng. Bản chất nó là sáng nên nói lau là vô ích.

"Dụng hết công phu uống phí thời". Dù dùng bao nhiêu công phu để chùi gương cũng là uống phí, nhưng nếu dụng công chùi bụi thì rất đáng công.

"Lặng lặng im im tùy chỗ thích", nó im nó lặng, tùy duyên tùy cảnh nó hưởng ứng. Hưởng ứng bằng cách nào ? "Cơm xong liền đó uống chung trà". Ăn cơm xong rồi uống trà, việc đó rất bình thường, nhưng chính việc bình thường là cái hiện rõ ràng của tấm gương.

33.- *Cứ* : Thạch Đầu nói : Thế ấy chẳng được, chẳng thế ấy cũng chẳng được, thế ấy chẳng thế ấy thấy chẳng được.

Niềm : Các hạnh vô thường, tất cả đều khổ.

Tụng : Câu nói hay khéo đem đến ông,
Tạm làm mây trắng che cửa động.
Dù cho toàn được mười phần đúng,
Vẫn ở giữa đường muôn dặm trông.

"Thế ấy chẳng được, chẳng thế ấy cũng chẳng được, thế ấy chẳng thế ấy thấy chẳng được". Nói như vậy nghe khó hiểu làm sao ! Thế ấy là khẳng định, chẳng thế ấy là phủ định, thế ấy chẳng thế ấy là khẳng và phủ định, thấy đều không được. Như vậy tất cả sự vật trên thế gian đúng về mặt khẳng định, hoặc phủ định, hoặc gồm cả hai đều không đúng. Tại sao ?

Niềm : "Các hạnh vô thường, tất cả đều khổ". Khẳng định, phủ định hay chung cả hai đều là các hạnh, nên đều là khổ.

Tụng :

*Câu nói hay khéo đem đến ông,
Tạm làm mây trắng che cửa động.*

Câu nói cho ông nghe dù hay dù khéo chẳng khác nào mây trắng che cửa động. Mây che cửa

động, bầy chim muốn về tổ không biết đường vào, cũng như lời nói hay khéo phủ mờ chỗ chân thật.

*Dù cho toàn được mười phần đúng,
Vẫn ở giữa đường muôn dặm trông.*

Cả ba câu khẳng định, phủ định hoặc gồm cả hai, đều được dùng đủ cũng còn ở giữa đường, chưa đến nhà, nên Ngài Thạch Đầu bảo cả ba đều không được. Hiểu như thế mới thấy được ý người xưa.

34.- Cử : Tăng hỏi : Thế nào là cảnh Giáp Sơn ?
Sơn đáp :

Vượn ãm con về sau núi biếc,
Chim tha hoa rụng trước non xanh.

Niêm : Cây gậy tùy thân, gặp trường thì dựa.

Tụng : Giáp Sơn cảnh vắng không người đến,

Ngay đó phải nên làm những gì ?

Nếu người thật được đôi mắt sáng,

Giờ ngộ mặc tình trống canh ba.

Thí dụ có người đến đây hỏi : Thế nào là cảnh Trúc Lâm ?

Đó là hỏi cảnh Trúc Lâm hay hỏi cái gì ? Thực ra không phải hỏi cảnh bên ngoài mà muốn hỏi

cái gì nơi chúng ta, nếu diễn tả cảnh bên ngoài thì sai.

Ngài Giáp Sơn là Thiền sư Thiện Hội. Thuở trước khi còn ở Kinh Khẩu Ngài giảng cho đồ chúng ở chùa rất đông. Một hôm Ngài lên tòa, ở dưới có Thiền sư Đạo Ngô Viên Trí ngồi nghe. Có vị Tăng bước ra hỏi : Thế nào là Pháp thân ? Ngài Thiện Hội đáp : Pháp thân vô tướng. Vị ấy hỏi tiếp : Thế nào là Pháp nhãn ? Ngài đáp : Pháp nhãn vô tỳ (không có tỳ vết). Ở dưới Ngài Đạo Ngô cười. Khi giảng xong, Ngài Thiện Hội đáp y đến thua với Ngài Đạo Ngô : Bạch Hòa Thượng, khi tôi đáp lời người hỏi, có chỗ nào không đúng khiến Hòa Thượng cười ? Ngài Đạo Ngô nói : Nếu là người giảng Kinh thì Hòa Thượng nói rất đúng, còn nếu là Thiền sư thì chưa có Thấy. Nghe như vậy Ngài Thiện Hội mới xin Ngài Đạo Ngô giới thiệu cho một vị Thấy. Ngài Đạo Ngô giới thiệu Ngài Hoa Đình Thuyền Tử. Đang là một giảng sư nổi tiếng mà Ngài Thiện Hội từ bỏ tất cả đi tìm Ngài Hoa Đình Thuyền Tử. Pháp thân vô tướng, Pháp nhãn vô tỳ đều đúng cả, nhưng tại sao Ngài Đạo Ngô cười ? Vì dùng tử ngữ như vậy thì biết người học chưa có Thấy. Sau khi ngộ, Ngài Thiện Hội trở về trụ ở Giáp Sơn, có người hỏi : Thế nào là cảnh Giáp Sơn. Ngài đáp bằng hai câu thơ :

*Vườn ươm con về sau núi biếc,
Chim tha hoa rụng trước non xanh.*

Niêm : "Cây gậy tùy thân, gặp trường thì đùa".
Sẵn có cây gậy tùy thân gặp trường thì đùa không
sợ té. Đó là lời khen Ngài Giáp Sơn khéo, khi có
người hỏi cảnh liền diễn tả cảnh cho người nghe.

Tụng :

*Giáp Sơn cảnh vắng không người đến,
Ngay đó phải nên làm những gì ?
Nếu người thật được đôi mắt sáng,
Giờ ngộ mặc tình trống canh ba.*

Giờ ngộ mà đánh trống canh ba nghe thật trái
ngược, nhưng thực người có mắt sáng thì giờ ngộ
đánh trống canh ba. Tại sao ? Khi Ngài diễn tả
cảnh Giáp Sơn vườn bông con về núi, chim tha hoa
rụng trước non..., nếu biết thì đó là hiện tiền. Thế
nên dường như tả cảnh mà đã chỉ ra cái chân thật
cho người hỏi như giờ ngộ mà đánh trống canh ba
tức là nói ở đây mà thấy rõ ở kia.

35.- *Cử* : Tăng hỏi Mục Châu : Một hơi thở tụng
hết một tạng kinh không ? Châu đáp :
Có bao nhiêu bánh đem hết lại đây.

Niêm : Buông tay đến nhà, chẳng nhọc tiến bước.

*Tụng : Một hơi tự khéo tụng tụng kinh,
Vạch lá tìm cành chẳng nhọc mình,
Vô biên huyền nghĩa đều hiện rõ,
Hỏi đến Sơn tăng thấy chẳng mình.*

"Tăng hỏi Mục Châu : Một hơi thờ tụng hết một tụng kinh không ? Châu đáp : Có bao nhiêu bánh đem hết lại đây (có chỗ nói là bánh bao)". Tức là trên bàn có bao nhiêu bánh bao đem hết lại đây, đơn giản làm sao !

Niêm : "Buông tay đến nhà, chẳng nhọc tiến bước".

Thật là khen đáo để. Buông tay là đến nhà không cần phải nhọc đi bước nào.

Tụng :

*Một hơi tự khéo tụng tụng kinh,
Vạch lá tìm cành chẳng nhọc mình,
Vô biên huyền nghĩa đều hiện rõ,
Hỏi đến Sơn tăng thấy chẳng mình.*

Ngài Mục Châu là Trần Tôn Túc, hiệu Đạo Minh, là vị Thủ Tọa bảo Ngài Lâm Tế đi hỏi Tổ Hoàng Bá ba lần, là một tay cự phách ở hội Tổ Hoàng Bá. Khi Ngài về Mục Châu có người đến hỏi : Một hơi thờ tụng hết một tụng kinh không ? Câu

hỏi quá rắc rối. Tôi nhắc lại câu chuyện Tổ Bát Nhã được nhà vua mời dự trai tăng. Đến nơi chư tăng siêng năng tụng kinh còn Ngài thong dong đi dạo. Vua thấy lạ mới hỏi : Sao Hòa Thượng không đi tụng kinh ? Ngài đáp : Ta thở ra không dính sáu trần, hít vào không kẹt ấm giới, mỗi ngày ta tụng không biết bao nhiêu bộ kinh. Như vậy nói theo cách của Ngài là một hơi thở tụng hết ba tạng kinh ! Chúng ta hiện nay thở ra hít vào dính kẹt đủ điều, nếu thở ra không dính sáu trần, hít vào không kẹt ấm giới thì tự tại biết bao nhiêu ! Như vậy dường như không tu mà thật tu, còn cố gắng tụng hết bộ kinh này sang bộ kinh khác, dường như tận lực tu hành nhưng rốt lại chỉ được phước, chứ thực chưa biết chuyển vô minh phiền não trở thành Bồ đề, vì tham tụng cho hết bộ để được phước nhiều nên vẫn còn phiền não. Trái lại thở ra hít vào mà không dính kẹt gì cả, đó mới thực là tụng kinh.

Đáp câu hỏi của vị tăng, Ngài Mục Châu không nói hết, không nói không, chỉ bảo : Trên bàn có bao nhiêu bánh bao dọn ra ăn. Trả lời thấy như lạc đề nhưng chính đó là điểm hay, nếu vị tăng biết, là thấy được bao nhiêu tạng kinh rồi. Thế nên lời niêm :

"Buông tay đến nhà, chẳng nhọc tiến bước".
Ngay đó thấy gì nói nấy, không phải suy gẫm tìm kiếm.

Tụng :

*Một hơi tư khéo tụng tụng kinh,
Vạch lá tìm cành chẳng nhọc mình.
Vộ biên huyền nghĩa đều hiện rõ,
Hỏi đến Sơn tăng thấy chẳng minh.*

Nghĩa là không nhọc nhằn vạch lá tìm cành, mò từng chữ từng câu, nếu không còn dính mắc thì bao nhiêu huyền nghĩa đều hiện rõ. "Hỏi đến Sơn tăng thấy chẳng minh", hỏi đến chữ nghĩa đều chẳng hiểu rõ nhưng tất cả đều đầy đủ.

36.- Cú : Trong hội Lâm Tế, hai vị Thủ tọa nhà Đông nhà Tây gặp nhau, đồng thời hét.
Tăng hỏi : Lại có chủ khách hay không ?
Lâm Tế đáp : Chủ khách rõ ràng.

Niêm : Cũng là vượn trắng nói lằng xằng.

Tụng : Thánh chúa ngày nay cổ hóa phong,
Bản đồ văn phạm trọn cùng đồng.
Bờ cõi xa gần phân rành rõ,
An dân tế thế nào kể công.

"Trong hội Lâm Tế, hai vị Thủ tọa nhà Đông nhà Tây gặp nhau đồng thời hét. Tăng hỏi : Lại có chủ khách hay không ? Lâm Tế đáp : Chủ

khách rõ ràng". Tông Lâm Tế hay phân chủ khách. Hai người gặp nhau hét một lượt thì ai là chủ, ai là khách ?

Niêm : "Cũng là vượn trắng nói lằng xằng".

Nghe Tổ Lâm Tế đáp chủ khách rõ ràng, nên chúng ta phải tìm xem ai chủ ai khách. Chủ là người hay, khách là người dở, nhưng hai người hét một lượt thì làm sao phân biệt chủ khách. Nếu chúng ta cứ tìm hiểu việc đó, chẳng khác nào nghe vượn trắng nói mà suy nghĩ.

Tụng :

*Thánh chúa ngày nay cố hóa phong,
Bản đồ văn phạm trọn cùng đồng.*

Vua Thánh muốn vận động người tổ chức lại phong hóa đẹp đẽ cho quê hương xứ sở thì những điều kiện như bản đồ, văn phạm ... đều có trách nhiệm chung. Thánh chúa đây là chỉ Ngài Lâm Tế, bản đồ văn phạm là chỉ hai ông Thủ tọa cùng hét, nên trọn cùng đồng.

*Bờ cõi xa gần phân rành rõ,
An dân tế thế nào kể công.*

Trong đó đã nói rõ ràng chỗ lợi ích cho chúng sanh, chỗ giáo hóa chân thực đầy đủ. Các Ngài nói nhưng chúng ta đừng phân biệt tìm hiểu, nên tuy

có lợi cho chúng sanh mà không kể công. Như vậy chúng ta dùng kết trong lời của Tổ Lâm Tế mà phân biệt đúng hay sai, chủ hay khách.

37.- Cú : Huyền Sa nói : Nếu luận việc này, ví như người chủ một thửa ruộng, đến trong một phạm vi đã bán cho các ông rồi, chỉ còn cái cây ở trung tâm vẫn thuộc về Lão Tăng.

Niêm : Biển cả chẳng nạp tử thi.

Tụng : Dù người liễu ngộ ngồi ngồi tỏ,
Muôn lự dầu tâm hết lãng xăng,
Trong đây còn có tơ hào dấy,
Vào mắt mặt vàng lại xốn xang.

Huyền Sa là Ngài Huyền Sa Sư Bị. Việc này là việc ai cũng sẵn có. Nói về việc này thì giống như thửa ruộng lớn khoảnh nào cũng bán cho các ông hết, mỗi người đều có phần, chỉ còn cây giữa trung tâm là phần của ta. Nói như thế là không có giấu giếm gì cả. Chia phần cho tất cả, ai có phần nấy, nhưng cây ở giữa là phần của Ngài, không ai được động đến là thậm chí cái đó ai cũng có phần, chớ không phải dành riêng cho người nào.

Niêm : "Biển cả chẳng nạp tử thi". Những người chết trên biển sớm muộn gì sóng cũng đùa thân vào mé bờ, ý nói chỗ trong sạch không dung cái nhơ nhớp hay nói cách khác là thể không hình tướng không chấp nhận cái có tướng. Cây ở giữa thuộc về Ngài cũng là có tướng.

Tụng :

*Dù người liễu ngộ ngồi ngồi tỏ,
Muôn lự đầu tâm hết lãng xăng,
Trong đây còn có to hào đấy,
Vào mắt mặt vàng lại xốn xang.*

Ngài Trần Thái Tông bình rằng : Dù cho Ngài Huyền Sa đã ngộ được rõ ràng, nhưng còn nói có cây hay có chỗ nào cũng là còn dính mắc, giống như mắt đang lành mạnh lại có người đem mặt vàng hay mặt ngọc để vào. Tuy mặt vàng quý nhưng mắt không thể dung được. Cũng thế dù nói những lời hay, ý đúng nhưng còn có nơi, có tướng cũng là còn kẹt.

38.- Cử : Tăng hỏi Hòa Thượng Tư (Hành Tư) về đại ý Phật pháp. Hòa Thượng Tư đáp :
Ở Lô Lãng giá gạo bao nhiêu ?

Niêm : Bóng trúc quét thêm trần chẳng đấy,
Vàng trắng xuyên biển nước không tỳ.

Tụng : Lời này quả thật bậc anh linh,
Gồm hết căn cơ tiếp hữu tình.
Một hỏi, Lô Lãng gạo giá mấy,
Hoàn toàn trọn chẳng dính đồ trình.

Tăng hỏi Hòa Thượng Tư "Đại ý Phật pháp".

Hòa Thượng Tư tức Ngài Hành Tư. Câu này Ngài Lâm Tế cũng hỏi Ngài Hoàng Bá. Vị Tăng này hỏi cũng tương tự như vậy. Hòa Thượng Tư hiền lành nên đáp : Ở Lô Lãng giá gạo bao nhiêu ? Nếu nay có người hỏi tôi : Thế nào là đại ý Phật pháp ? Tôi hỏi : Ngoài Đà Lạt giá gạo bao nhiêu một ký ? Quý vị nghe có lạc đề không ? Đó là hiền lành chớ còn bạo như Ngài Hoàng Bá thì liền đập cho một gậy. Chính Ngài Lâm Tế bị ba gậy cũng do câu hỏi này. Câu đáp hiền lành nhưng không còn chỗ để suy gẫm.

Niêm :

*Bóng trúc quét thêm trần chẳng dấy,
Vàng trắng xuyên biển nước không tỳ.*

Câu niêm thật hay. Chúng ta thấy vào xế trưa, những bụi trúc gần chùa rọi bóng trên thêm, gió thổi cành trúc, bóng trúc đong đưa qua lại như quét thêm chùa mà không dấy bụi. Vào đêm rằm chúng

ta thấy có vầng trăng dưới đáy biển, nhưng mặt nước không có tỳ vết của vầng trăng xuyên qua vì đó chỉ là bóng mặt trăng. Như vậy bóng trúc hay bóng trăng hiện sờ sờ nhưng không có tác dụng gì thật. Cũng thế câu "Ở Lô Lãng giá gạo bao nhiêu" tuy có câu nói mà không một chút dính mắc, chẳng khác nào bóng trúc bóng trăng.

Tụng :

*"Lời này quả thật bậc anh linh,
Gồm hết căn cơ tiếp hữu tình.
Một hỏi Lô Lãng gạo giá mấy,
Hoàn toàn trọn chẳng dính đồ trình".*

Câu trả lời của Ngài Hành Tư gồm tất cả căn cơ và tỏ rằng Ngài là bậc anh linh. Đáp lại vị Tăng bằng câu hỏi "Lô Lãng giá gạo bao nhiêu" thực không một dấu vết, không một chỗ dính mắc, như trăng đáy biển, như trúc quét thêm, tuy thấy mà không dính dáng. Đó là lời tán thán.

39.- Cử : Tăng hỏi Thiên sư Văn Thù : Muôn pháp về một, một về chỗ nào ? Văn Thù đáp : Sông Hoàng Hà chín khúc.

Niêm : Nhom khi có trăng đẹp, bất thân qua Thương Châu.

Tụng : Hoàng Hà chín khúc vì nêu ra,
Chẳng dính đồ trình tự đến nhà.
Nhiều kẻ ban ngày mở mắt ngóng,
Đâu hay chim Trĩ đến Tân La.

Ở Trung Hoa có hai vị Thiên sư nổi tiếng đều ở chùa Văn Thù là Ngài Tuyên Năng phái Hoàng Long và Ngài Tâm Đạo phái Dương Kỳ, nên không biết chỉ vị nào.

"Muôn pháp về một, một về chỗ nào", ý nói muôn pháp từ tâm khởi, vậy tâm về đâu. Câu này trước đã có Ngài Thạch Suong hỏi Ngài Qui Sơn, Ngài Qui Sơn bảo : Trong gạo có sâu. Ngài Văn Thù là một Thiên sư đạt đạo nên khi vị Tăng hỏi câu trên Ngài đáp : Sông Hoàng Hà chín khúc. Sông Hoàng Hà là một con sông lớn thứ hai ở Trung Hoa, gần Bắc Kinh, dài hơn tám ngàn dặm, mỗi ngàn dặm có một khúc quanh nên gọi là sông Hoàng Hà chín khúc. Thí dụ như có ai hỏi tôi : Muôn pháp về một, một về chỗ nào ? Tôi đáp : Sông Cửu Long chín cửa. Câu trả lời như thế có thú vị không ? Câu nói đó dễ cho người nghe bật hết những nghĩ suy. Nếu nói cho người suy nghĩ thì gạo có sâu.

Nhiệm : "Nhơn khi có trăng đẹp, bất thân qua Thương Châu", nghĩa là nhân đêm trăng sáng trời

đẹp đi chơi một lúc lạc đến Thương Châu. Hỏi và đáp nghe như có câu hỏi, lời đáp nhưng chẳng qua là trò chơi, không có ý nghĩa để chúng ta phải tìm hiểu.

Tụng :

*Hoàng Hà chín khúc vì nêu ra,
Chẳng dính đồ trình tự đến nhà.
Nhiều kẻ ban ngày mở mắt ngóng,
Đâu hay chim Trĩ đến Tân La.*

Nói sông Hoàng Hà chín khúc, nếu ngay đó nhận ra thì không cần đi trên đường dài mà tự đến nhà. Trái lại nếu không nhận được, cứ tìm hiểu tại sao hỏi "một về chỗ nào" lại đáp "sông Hoàng Hà chín khúc", suy gẫm mãi điều đó thì chẳng khác nào kẻ ban ngày ngóng nhìn chim bay trong khi chim Trĩ bay đến Tân La vẫn không hay. Thật là vô ích !

40.- Cú : Nam Tuyên hỏi Triệu Châu : Ngươi là Sa di có chủ hay Sa di không chủ ? Triệu Châu đáp : Có chủ. Nam Tuyên hỏi : Thế nào là chủ ? Triệu Châu khoanh tay thưa : Hôm nay kính chúc Hòa Thượng luôn được muôn phúc.

Niêm : Co tay chuyển chùy chẳng đổi gương,
Người khéo sử dụng đều được tiện.

Tụng : Khoanh tay Tụng Thẩm chỉ cho người,
Chẳng kệt hai bên chủ tự phân.
Đâu phải Hoa Lam Hàn lệnh thuật,
Nào hay khéo nấu rượu Tuân tuần.

Ngài Nam Tuyền đang ngồi trên giường thiền, thấy Ngài Triệu Châu đến, lúc đó Ngài Triệu Châu còn là một Sa di khoảng mười mấy tuổi, liền hỏi : Ông là Sa di có chủ hay Sa di không chủ ? Nay nếu hỏi quý vị như vậy thì quý vị cũng đáp "có chủ". Nhưng khi hỏi chủ ở đâu thì rất khó diễn đạt. Ngài Triệu Châu liền khoanh tay thưa : "Hôm nay kính chúc Hòa Thượng luôn được muôn phúc". Có lạc đề không ? Có chủ hay không chủ ? Nếu không chủ ai biết nói ? Không nói gì đến chủ, chỉ khoanh tay thưa một câu tầm thường mà diễn tả được Sa di có chủ, nên Ngài Nam Tuyền chấp nhận.

Niêm :

*Cơ tay chuyển chùy chẳng đổi guom,
Người khéo sử dụng đều được tiện.*

Cơ tay là khoanh tay, chuyển chùy chẳng đổi guom là cái gì có sẵn liền sử dụng, không phải đợi có guom bén mới sử dụng được. Nghĩa là đối với người đang khai chiến, chúng ta có gì thì dùng liền

cái ấy không cần phải tìm kiếm gì khác. Nếu người khéo dùng thì ngay đó đều được tiện.

Tụng :

*Khoanh tay Tùng Thẩm chỉ cho người,
Chẳng kẹt hai bên chủ tỵ phân,
Đâu phải Hoa Lam Hàn lệnh thuật,
Nào hay khéo nấu rượu Tuân tuần.*

Ngài Tùng Thẩm chỉ khoanh tay mà đã chỉ được ông chủ nhân cho người, lại không kẹt hai bên.

Tuân tuần tức là không lâu, chỉ trong giây phút thôi.

Hàn là Hàn Tương Vũ. Hoa Lam là xứ Hoa Lam.

Lệnh thuật tức là có thuật khéo nấu rượu.

"Đâu phải Hoa Lam Hàn lệnh thuật, Nào hay khéo nấu rượu Tuân tuần". Nếu không phải là Hàn Tương Vũ ở Hoa Lam thì đâu có thuật khéo chỉ trong mấy phút mà nấu được một nồi rượu. Đó là để tán thán nếu không phải Ngài Triệu Châu có tài thì đâu thể ngay câu hỏi đáp lại một cách khéo léo như vậy.

41.- Cử : Tăng hỏi Mộc Am : Thế nào là việc của Nạp y (tăng sĩ) ? Mộc Am đáp : Dùi châm chẳng vào.

Niêm : Ngồi yên dứt mây trần, hư không chẳng lối thông.

Tụng : Cầm thì mịn mượt, ấn thì mềm,
Trán sắt dầu đồng dụng chẳng xuyên.
Vốn thật hư không, không gián cách,
Đêm về như cũ hoa quế thu.

Nạp y là tăng sĩ. Tăng hỏi Mộc Am : Việc của các Tăng sĩ như thế nào ? Ngài Mộc Am đáp : Dùi châm chẳng vào.

Niêm : "Ngồi yên dứt mây trần, hư không chẳng lối thông". Ngài Trần Thái Tông khen Ngài Mộc Am nói câu đó là ngồi yên mà dứt sạch không còn dính một mây trần, như hư không không còn lối nào cho người đi.

Tụng :

*Cầm thì mịn mượt, ấn thì mềm,
Trán sắt dầu đồng dụng chẳng xuyên.
Vốn thật hư không, không gián cách,
Đêm về như cũ hoa quế thu.*

Việc của chư Tăng, chư Ni, hay việc của Thiên sư như thế nào ? Tại sao dùi châm chẳng vào ? Vì nó không phải là diện mạo có hình có tướng, làm sao dùi châm được. Chỗ đó cầm thì mịn mượt nhẹ nhàng, ấn thì mềm không khó khăn, nhưng trán sắt đầu đồng dụng chẳng xuyên, không ai chui vào được. Mỗi người tự giữ, không ai chen vào của ai được, đó là điểm kỳ đặc. Hư không không có chỗ hở nên dùi châm chẳng được. Mùa thu đêm về nghe hoa quế thơm, tức là cái đó hiện thực ở thế gian.

42.- *Cử* : Bàn cư sĩ nói : Đây là trường thi Phật, tâm không được dậu về.

Niêm : Tháp nhận đề tên, không dung giấy trắng.

Tụng : Áo may trăm mảnh giấy cỏ xuyên,
Thi Phật trong trường đã có tên.
Nếu bảo tâm không lại úng cử,
Chẳng ăn roi vọt cũng ăn thoi.

Câu "Đây là trường thi Phật, tâm không được dậu về" là trong bài thơ của ông Bàn Long Uẩn, nghĩa là ai tâm không còn dính mắc thì được dậu.

Niêm : "Tháp Nhận đề tên, không dung giấy trắng". Ở Trung Hoa vào đời Đường, những người thi

đậu Tiến sĩ được ghi tên vào bia ở dưới tháp nhận tại chùa Từ Ân huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây.

Tên được đề trên tháp nhận, đó là khắc trong đá chớ không dùng giấy trắng, ý muốn nói "Đây là trường thi Phật, tâm không được đậu về" là chỗ chưa ổn.

Tụng :

*Áo may trăm mảnh giày có xuyên,
Thi Phật trong trường đã có tên.
Nếu bảo tâm không lại ứng cử,
Chẳng ăn roi vọt cũng ăn thoi.*

Nếu nói tâm không là đậu Phật thì không bị roi đòn cũng ăn thoi đấy. Tại sao ? Vì tâm không còn cách một lớp rào : "Vô tâm du cách nhất trùng quan". Nếu bảo đến đó là xong thì không được vì tâm không là không những niệm khởi lãng xãng, nhưng chỗ đó chưa phải là cứu kính. Khi biết không có niệm lãng xãng, nhưng cái chân thật vẫn hiện tiền thì được, còn chỉ biết cái không mà quên cái hiện tiền thì "không ăn roi vọt cũng ăn thoi".

43.- Cử : Từ Minh hỏi Chân Điểm Hưng về đại ý Phật pháp. Chân đáp : Không mây sinh đỉnh núi, có trăng rơi lòng sông. Minh hết, nói : Đầu bạc răng vàng vẫn khởi

kiến giải này. Chân rơi lệ, già lâu nói :
Không biết thế nào là đại ý Phật pháp ?
Minh đáp : Không mây sinh đỉnh núi, có
trăng rơi lòng sông. Chân đại ngộ.

Niêm : Người nhon thấy thì gọi là nhon, người
trí thấy thì gọi là trí.

Tụng : Kia đây đồng khảm một cung đàn,
Cần phải trao cho bạn tri âm.
Không mây, trăng có tuy đồng dấy,
Nào khác núi cao cùng nước sâu.

Dốt : Trợn ngày theo hồng trần,
Chẳng biết báu nhà mình.

Ôi : Buông tay không tựa toàn thể hiện,
Lão chài thuyền nhỏ đậu hoa lau.

Quý vị thấy lạ không ? Khi hỏi thế nào là đại
ý Phật pháp thì đáp được một câu rất hay : Không
mây sinh đỉnh núi, có trăng rơi lòng sông. Không
mà lại sinh, có lại rơi, đó là muốn nói đại ý Phật
pháp không dính mắc hai bên có không. Ngài Từ
Minh là một tay cù khôi, chưa vội chấp nhận nên
hết nói : Đầu bạc răng vàng vẫn khởi kiến giải
này. Nếu là người thật ngộ thì khi bị nói như thế
phải có một thái độ, một hành động gì để tỏ rằng
câu nói của mình là không sai, nhưng Ngài Chân

Điểm Hưng lại rơi lệ rồi hỏi : Không biết thế nào là đại ý Phật pháp ? Thế là nghe người ta nói mình bất chước nói theo chứ chưa thấy được. Vì vậy Ngài Từ Minh liền lập lại : Không mây sinh đỉnh núi, có trăng rơi lòng sông. Chân đại ngộ, tức là được xác nhận nên tin chắc không còn nghi ngờ nữa. Như vậy người xưa có tài biết ai chưa đủ lòng tin thì thử, dù câu nói đúng mà vẫn bẻ lại, khi bị bẻ nếu mình hoảng hốt thì thấy là sai.

Niêm : "Người nhon thấy thì gọi là nhon, người trí thấy thì gọi là trí".

Cùng một câu mà người chưa ngộ nói vẫn là chưa ngộ, người ngộ nói vẫn là ngộ rồi.

Tụng :

*Kia đây đồng khảy một cung đàn,
Cần phải trao cho bạn tri âm.
Không mây, trăng có tuy đồng đấy,
Nào khác núi cao cùng nước sâu.*

Ngài Từ Minh và Chân Điểm Hưng giống như cùng khảy một cung đàn, nhưng âm ba khác nhau vì người có học đàn với người chưa học. Người hiểu và cảm thông được với mình mới đúng cùng một cung đàn nhịp nhàng với nhau. Cả hai người cùng nói một câu nhưng "nào khác núi cao cùng nước

sâu", người trên trời, người dưới vực, khác nhau chỗ ngộ và chưa ngộ.

Dốt : Trọn ngày theo hồng trần,

Chẳng biết báu nhà mình.

Ôi : Buông tay không tựa toàn thể hiện,

Lão chài thuyền nhỏ đậu hoa lau.

Kết thúc là nếu đi trong cuộc đời, buông thông tay không dính vào sự vật thì toàn thể hiện tiền, rồi sẽ yên ổn giống như lão chài mệt mỗi đậu thuyền cạnh bờ hoa lau ngủ ngon, lòng không bận bịu.

Tóm lại từ những lời dạy đơn giản gần gũi với Phật tử đến những lời dạy đủ tư cách một Thiền sư của vua Trần Thái Tông cho chúng ta thấy người xưa nói đến nơi, làm đến chốn, không phải như chúng ta chỉ học lóm, nói được làm không được. Tuy sống trong cảnh nhung lụa sang trọng nhưng Ngài không nhiệm không dính, nên người sau thường kết luận các vua đời Trần xem ngài vàng như dế rách, muốn từ bỏ lúc nào cũng được. Đó là điểm đặc biệt của người thật thấy đạo. Trái lại chúng ta hiện nay có chùa kang trang một chút, chùa là của bá tánh mà bỏ cũng không đành. Những lời giảng nói của Ngài Trần Thái Tông có giá trị ở chỗ Ngài thấy được và làm được. Khi trở

về già, Ngài về động Thái Vi ở gần vùng Hoa Lu, mở mang cho dân làm ruộng lập ấp, đồng thời Ngài tu tại đó, nhưng sử không ghi Ngài xuất gia hay còn tại gia. Những bài nói về ngũ giới, sám hối lục căn là Ngài viết lúc ở tại triều, còn những bài tụng cổ v.v... có lẽ Ngài viết lúc về già. Ở nơi yên tĩnh tu hành, Ngài thâm nhập được nên có cái nhìn sâu sắc, đúng tinh thần của một Thiên sư. Tuy là một vị vua đa đoan trăm công ngàn việc, trong thời đất nước bị ngoại xâm, mà Ngài vẫn tu được, vẫn thấy đạo. Chúng ta phải quý trọng và noi gương Ngài để tự nhắc nhở. Chúng ta đang ở trong hoàn cảnh rảnh rang, dễ dàng trăm phần, nhận lãnh vài việc nhỏ trong chùa mà than bận quá tu không được. Đó là lỗi tại ai ? Đừng trách cảnh mà chỉ buồn vì mình không khéo. Đổ cho hoàn cảnh thì tìm khắp quả đất cũng không có cảnh nào như ý, chỉ chúng ta biết ứng dụng ngay trong cảnh đó, thâm nhập được đạo lý thì nơi nào cũng tu được. Đó là lời nhắc chung cho toàn chúng.



LỜI BẠT CỦA NGƯỜI SAU

Phàm nói nín động tịnh đều là Phật pháp, ăn uống ngủ thức đều là Phật pháp. Có quyền có thật, có chiếu có dụng, thấy đều là phương tiện độ người. Chư Tổ đời Lý, Trần bàn nói đâu không phải là cổ Phật tái lai, đâu không phải là Tông chỉ Phật Thích Ca. Cho nên nói : Lễ Phật là kính đức của Phật, niệm Phật là cảm ân của Phật, giữ giới là hành cái hạnh của Phật, xem Kinh để rõ cái lý của Phật, tọa Thiền để đạt cái cảnh của Phật, tham Thiền để hợp cái tâm của Phật, thuyết pháp để đầy đủ cái nguyện của Phật.

Đức Phật Thế Tôn của chúng ta vì muốn khiến tất cả chúng sanh khai thị ngộ nhập (mở chỉ ngộ vào) Tri Kiến Phật, chóng thành Chánh giác. Song chúng sanh mê muội bản tâm, chấp chặt sắc thân năm uẩn của chính mình bỏ gốc theo ngọn, không giác không biết, mê muội chánh nhưn, lên xuống trong lục đạo, như con kiến bò quanh miệng chén, biết bao giờ ra khỏi. Vì thế, các Ngài lập bày phương tiện dẫn dạy nhiều môn, nhưn đó lưu lại pháp yếu để mớm cho con cháu sau này. Cổ đức nói : "Vì chuột thường để com, thương bướm không thấp đèn". Lại nói : "Mê đó là mối đầu sanh tử, ngộ đó thì dứt luân hồi".

BẢN HÁN VĂN

正覺而眾生迷昧本心。執著自己五蘊色身。而棄本逐末。不覺不知。迷昧正因。昇沈六道。如蟻循環。何期得脫。而設立方便誘引多門。因此畱下法。要以哺後兒孫。故古德云。爲鼠常畱飯。憐蟻不點燈。又云。迷之則生死始。悟之則輪回矣。息

跋後

夫語默動靜皆是佛法。飲食寤寐皆是佛法。污屎放尿皆是佛法。有權有實。有照有用。餘皆方便度人。而李陳諸家談說。非是古佛再來。非是釋迦宗旨。故云禮佛者敬佛之德。念佛者感佛之恩。持戒者行佛之行。看經者明佛之理。坐禪者達佛之境。參禪者合佛之心。說法者滿佛之願。故我佛世尊欲令一切眾生開示悟入。速成。

生嶺上有月落波心。真大悟。

拈仁者見之謂之仁。智者見之謂之智。

須彼此同鳴。一調琴。須當分付與知音。

無雲有月雖同是。爭柰山高與水深。

嚙終日走紅塵。不識自家珍。

噴撒手無依全體現。扁舟魚父宿蘆華。

雖是虛空無間隙。夜來依舊桂華秋。

舉龐居士云。此是選佛場。心空及第歸。

拈鴈塔題名。不容曳白。

領鶉衣百結草鞋穿。選佛場中奪桂箋。

若謂心空來應舉。不遭鞭撻也遭拳。

舉慈明問真點。曾佛法大意。真曰。無雲生嶺上。

有月落波心。明喝曰。頭白齒黃。猶作此見解。

真淚下。久曰。不知如何是佛法大意。曰。無雲明

有主。泉云。如何是有主。州又手云。卽日恭惟
尊侯動止萬福。

拈伏手活槌不換釘。善使之人皆得便。

頌趙州又手示於人。不落雙邊主自分。

豈是華藍韓令術。爭知會造酒逡巡。

舉僧問木庵。如何是衲衣下事。庵云。針錐不入。
拈靜坐絕纖塵。虛空不通線。

頌持之則軟扭之柔。鐵額銅頭進莫由。

拈竹影掃堦塵不動。月輪穿海水無痕。

頌這言真是英伶漢。輸盡根機接有情。

一問盧陵何米價。全然總不涉途程。

舉僧問文殊。萬法歸一。一歸何處。殊云。黃河曲。

拈有時因好月。不覺過滄洲。

頌黃河九曲爲君舉。沒涉途程自到家。

白晝幾多開眼望。不知鷓子過新羅。

舉南泉問趙州。法是有主沙彌。無主沙彌。州云。

猶開遠近分疆里。安得臨民濟世功。

舉玄沙云。若論者事。喻似一片田地。主至界分契賣與諸人了也。祇有中心樹子。猶屬老僧在。

拈大海不納死屍。

頌縱彌明明悟了人。心頭萬慮沒絃紛。

箇中尙有絲毫在。入眼黃金卻是塵。

舉僧問思和尚佛法大意。思云。廬陵米作麼價。

有甚鐸鑼髓子快下將來。

若撒手到家。不勞進步。

領一氣自能回一藏。不勞摘葉與尋枝。

無邊玄義昭然現。問著山僧總不知。

舉臨濟會中。兩堂首座齊下喝。僧問。還有賓主

也無。濟云。賓主歷然。

拈也是猴白亂說。

頌聖主當天鼓化風。本圖文範盡相同。

須好箇話端將似汝。暫爲谷口白雲橫。

縱饒全得十分舉。猶在途中萬里程。

學僧問。如何是峴山境。山云。猿抱子歸青嶂後。

鳥啣華落碧巖前。

拈干木隨身。逢場作戲。

頌峴山幽境無人到。直下應當作麼生。

若是勝流真具眼。任教日午鼓三更。

學僧問睦州。一氣還轉得一大藏經也無。州云。

舉南泉見鄧隱峰來。指淨瓶云。淨瓶是境。偏不
得動著境。

拈說有向什麼處著。

須鏡中無垢自徒磨。費盡工夫不奈何。

默默休休隨處樂。當時飯後一盃茶。

舉石頭云。恁麼也。不得。不恁麼也。不得。恁麼不
恁麼。總不得。

拈諸行無常。一切皆苦。

拈啼得血流無用處。不如緘口度殘春。

頗瑞巖常喚主人公。英略沈機亦未雄。

若是世間無敵將。爭教技擊日爲隆。

舉三聖云。我逢人卽出。出則不爲人。興化云。我逢人則不出。出則便爲人。

拈一箇盲龜。半雙跛鼈。

須逢渴之時。便飲漿。終朝說食不充腸。

兩條利刃休粘密。異日兒童口內傷。

舉玄沙示眾云。諸方老宿盡道接物利生。忽遇
三種病人來。如何接。患盲者。拈槌豎拂。他又
不見。患聾者。語言三昧。他又不聞。患瘖者。教
伊說。又說不得。

拈渴飲饑食。寒衣熱扇。

頌。憂之戚戚樂熙熙。鼻直眉橫不異知。

饑渴熱寒隨處得。何須特地卻生疑。

舉瑞巖常喚主人翁。惺惺著。向後莫被人欺瞞。

須直截根源無處依。目前舉似與君知。

若言祖意神前是。大似呼裙作袴兒。

舉無業國師云。若一毫頭凡聖念未盡。未免入
驢胎馬腹裏去。白雲端和尚云。設使一毫頭
凡聖念盡。亦未免入驢胎馬腹裏去。

拈焚山須虎避。打草要虵驚。

須此語都來無志氣。等閑打草要虵驚。
若人慣涉長安路。撒手何須苦問程。

頌竹篋背觸正難分。直下明明舉似人。

雖是坦途塵不動。一場漏逗滿荆榛。

舉僧問洞山。如何是佛。山云。壁上麻三斤。

拈喚一物還不中。

一上恐有依字

頌問佛如何說報君。洞山壁上數麻斤。

雖然無有風塵涉。也是猶將境示人。

舉僧問蜺子和尙。西來意。蜺云。神前酒臺盤。

拈若非獅子兒。不免逐轉塊。

一生自負英靈漢。也是猶爲不丈夫。

舉趙州有佛處不得住。無佛處急走過。

拈水到渠成。棒捶痕現。

頌有無佛處兩俱捐。這語都來未是全。

末後揚華還舉似。不離寸步到西天。

舉首山拈竹篋云。喚作竹篋卽觸。不換作竹篋卽背。且喚作什麼。

拈勿動著。動著三十棒。

舉趙州云。我在青州作一領布衫重七斤。

拈鎮州蘿蔔猶自可。青州布衫更愁人。

頌一領布衫特異常。趙州篋笥不包藏。

箇中擬議分銖兩。笑殺東家孟八郎。

寧僧問趙州。狗子有佛性也無。州云無。又問州

云有。

拈兩采一賽。

頌問著當前對有無。直教言下滅羣胡。

拈五逆聞雷。不容掩耳。

逆恐月

頌彈指臺山絕是訛。不勞進步得還家。

干戈不動我心服。寶匣何須出太阿。

舉趙州云。金佛不度爐。木佛不度火。泥佛不度水。眞佛屋裏坐。

拈山是山。水是水。佛在什麼處。

頌輞川圖上列成形。昔日王維浪得名。

枉費丹青難畫處。空中月皎與風清。

拈挾勢欺人。無本可據。

頌老漢能於十二辰。獰龍猛虎使之馴。

欲知點鐵成金法。不與人間有事聞。

舉僧問臨濟。如何無位真人。濟云。乾屎橛。

拈彈雀失珠。投鼠污器。

頌無位真人乾屎橛。從教釋子喪家風。

看看向下還知否。入海泥牛失腳蹤。

舉趙州云。五臺山勘破婆子。

拈五月五日午時書。赤口毒舌盡消除。

頌入門便喝欲何行。引得兒孫醉裏醒。

不是春雷聲一震。爭教舍甲盡開萌。

舉南泉云。平常心是道。

拈寒卽言寒。熱卽言熱。

頌白玉元來沒斧痕。何須鎚琢苦求新。

途程不涉家鄉到。付與懸崖撒手人。

舉趙州云。諸人被十二時所使。老僧使得十二時。

拈千聖覓他蹤不得。全身隱在大虛空。

頌向前公案沒偏頗。對面看看會也麼。

佛法位中畱不住。夜來依舊宿蘆華。

舉南泉云。心不是佛。智不是道。

拈吸盡玄微要。回程月下行。

頌萬籟聲沈斗柄移。璇穹澄徹絕瑕疵。

杖藜徒倚登樓望。寂寂寥寥何所爲。

舉臨濟出世後。唯以棒喝示徒。凡見僧入門便喝。

肺腑向前披露盡。箇中祇許自商量。

舉大滄云。有句無句。如藤倚樹。疎山問曰。樹倒

藤枯。句歸何所。呵呵大笑。

所下恐有滄字

拈水流元在海。月落不離天。

頌浪靜回如風陣收。徒勞向外苦區區。

疑團一笑百雜碎。自此應分玉石殊。

舉百丈曰。如何是不爲人說底法。泉曰。不是心。

不是佛。不是物。

舉百丈再參馬祖。馬祖一喝。百丈大悟。

利錐千削。不如鈍鋏一捺。

捺音遏。捺也。

頌昔日車書未混同。四邊奮螭起羣蜂。

一揮馬老太阿劍。道路從茲信息通。

舉國師一日三喚侍者。者三應諾。師曰。將謂吾

負汝。卻是汝負吾。

拈如人飲水。冷暖自知。

頌尊卑唱和兩相當。此意憑誰較短長。

網明出得。

拈冤家之子。喪我家風。

頌佛前同出有疎親。

此定應爲未正真。

若是化工無厚薄。

律回何地不陽春。

拈馬祖道從胡亂後三十年。不曾闕鹽漿。

拈直饒不犯毫芒。也是拈髓舐指。

頌前時曾伴貪盃客。

家在常爲酒店鄰。

縱爾徒誇伶俐漢。

途中定作失衣人。

衣忍依

頌鵬搏一奮到南溟。接踵徒勞萬里程。

昨夜祇貪筵上樂。今朝不覺醉難醒。

舉二祖乞達麼安心。麼曰。將心來與汝安。曰。覓

心了不可得。麼曰。安心竟。

三歲孩兒抱華鼓。八十老翁裘繡毬。裘衣

領心既無心道向誰。夢回啞子眼麻彌。

老僧謾道能安竟。笑殺傍觀不自知。

舉文殊見女子近佛坐三昧。文殊出不得。佛勅

空否。曰：已得。曰：離生死否。曰：已離。曰：可施我頭否。曰：身非我有。况於頭乎。王便斬。白乳涌出。王臂自墮。

拈將頭臨白刃。猶如斬春風。

須利刀斷水火吹光。那事應知也不妨。

報道今朝遠煙浪。誰知別有好思量。

舉達麼大師至洛陽少林。九年面壁而坐。

拈著眼看休瞌睡。

頌牢關難繫有誰知。言語都忘沒處依。

不是世中良馬子。何由特地得便宜。

舉世尊陞座。文殊白槌云。諦觀法王法。法王法
如是。

拈無絃琴上奏陽春。千古萬古聲不絕。

頌雖言句句沒疤痕。掛角應猶露尾巴。

爭似一枝無孔笛。爲君吹起太平歌。

舉劔賓國王秉劍。謂二十四祖尊者云。師得蘊

頌達多初降淨王宮。欲化羣生自顯蹤。

七步周行指天地。幾多佛子喪家風。

舉世尊拈華。迦葉破顏微笑。

拈剔起眉毛著眼看。進前擬議隔千山。

頌世尊拈起一枝華。迦葉今朝得到家。

若謂此爲傳法要。北轅適越路應賒。

舉外道問佛。不問有言。不問無言。

拈除是我家真的子。誰人敢向裏頭行。

拈頰偈。

以下四十三章

舉世尊未離兜率已降王宮。未出母胎度人已畢。
拈劍戟未施。將軍已露。

頰沒形孩子未離鄉。午夜將人度渺茫。

高蹈優游無間隔。不須船子與浮囊。

舉世尊初生。一手指天。一手指地。天上地下唯
我獨尊。

拈一片白雲橫谷口。幾多歸鳥盡迷巢。

同途。陛下將謂得道獨世尊麼。帝云。春雨無高下。華枝有短長。僧問。人人本自人人具。箇箇元來箇箇圓。爲甚麼世尊入山修道。帝云。劍爲不平開寶匣。藥因療病出金瓶。僧云。眼中休著屑。肉上莫剗瘡。得於學人分上。有修證麼。帝云。流水下山非有意。白雲出岫本無心。僧無語。帝云。莫謂無心云是道。無心猶隔一重關。僧云。於心旣無。喚甚麼作重關。帝重云。流水下山非有意。白雲出岫本無心。僧無對。

語錄問答門下。

一日帝遊眞教寺。宋德成進云。世尊未離兜率已降王宮。未出母胎度人已畢。時如何。帝云。千江有水千江月。萬里無雲萬里天。僧云。未離未出蒙開示。已離已出事若何。帝云。雲生嶽頂都盧白。水到瀟湘一樣清。僧云。齊來山色晴。雲去洞中明。爲甚麼隱顯一如。帝云。除是我家眞的。子。誰人敢向裡頭行。僧云。古今無異路。達者共

楊堪繫馬。家家有路到長安。回程月下人稀到。
一道蟾光大地寒。

面目。剗地斷生死路岐。回頭鐵馬打曳歸。驀鼻
泥牛行卻步。不以萬法爲侶。誰教一物尙存。佛
亦非心亦非。真也入。假也入。三要關外直饒喝
二爲三。十字街頭。一任呼九作十。沒孔笛。奏無
生曲。無絃琴。撫快活歌。那頭頭不是知音。這處
處豈容側耳。祇這向上一路。久作麼生道。咄這
火不曾燒卻口。諦聽諦聽。若也聽得底話。必得
三日耳聾。若聽不得。直須走過。還委麼。處處綠

是法身。不勞頂上放光。本具六通神用。趯倒魔王宮殿。闢開外道心肝。變大地作國界黃金。攬長河爲人天酥酪。鼻孔裏法輪常轉。眉毛下寶利現前。波間石女舞婆娑。吹笛木人歌款籥。或逢場作戲。或得處寬懷。或垂手搜牽。或回頭山野。懶惰時眠雲枕石。適興時詠月嘲風。優遊乎酒肆茶坊。笑傲乎華街柳陌。黃華鬱鬱無非般。碧之心。翠竹青青盡是真如之理。撥草現本來。

目懸崖尤難進足。我於今日爲諸人等。不免虎
口捋鬚。竿頭進步。言處風敲松響。默處月照潭
清。行時雲去水流。住時山安嶽鎮。語語釋迦活
計。句句達麼家風。放之則八字打開。把之則一
門絕跡。鬼窟裏在也是彌勒樓臺。黑山下居不
異普賢境界。處處大光明藏。機機不二法門。直
饒暗去明來。管甚雲遮月蔽。明珠在掌。青映青
黃映黃。古鏡當臺。胡現胡漢。現漢。豈關幻體。盡

蒼觀

山棄棒。臨濟吞聲。佛佛祖祖盡潛蹤。箇箇人人
俱喪膽。雖不能入。針沒處容。銅頭進也無由。鐵
額衝之不過。石火追而莫及。電光逐亦猶遲。靜
悟入沈醉之鄉。動迷蹈生死之路。縱使靈山付
囑。都來漏逗之場。少室單傳。也是葛藤之窟。饒
備機揚掣電。喝下應機。語寫懸河。話頭薦得。參
來參去。日久月深。少羸口上滑濡。爭脫身居窠
臼。諸人等。到這裏也。不得放過一著。倒學者送

普說向上一路。

盤山垂語云。向上一路千聖不傳。學者勞形如
猿捉影。命諸方學人盡向這路頭參取禪意。且
問爾等諸人。禪意作麼生參。若也參著底事。還
如一箇癡兒。頭上安頭。尾巴續尾。眼中添屑。肉
上重疣。說著則唇口喎斜。看到則眼睛脫落。黃
面老子。瞥目傍觀。碧眼胡僧。攢眉側立。馬祖掛
拂。首山藏篋。趙州裂破布衫。雲門捐卻餠餅。德

少資後學。濫以豹文見一。庶開狙罔怒三。由是
洞寫襟懷。親爲注解。搜龍宮奧義。探鷲嶺微言。
道涓滴於正覺之源。補纖埃於真如之路。發揮
幽旨。開闡真宗。使其瞥爾披文。了然見義。破邪
黨籓籬之固。作義徒墾俎之師。妄見茫茫。漸知
尊於拱北。迷途擾擾。粗識正於指南。聊爲學者
所依。以見朕心不恪。故序。

相不關。四禪何有。和諸味成無上味。攬羣流作不二流。轉回徧計妄心。接入如來藏識。摠持眾法。顯示一心。因執而迷者。若蠻蜀之相持。隨差而悟者。如齊魯之一變。朕諒德主器。朽索馭民。每慮艱難。靡亡宵旰。機雖有萬。暇且偷餘。勤務惜陰。學斯加益。字恐丁而未識。夜至乙以猶觀。既閱孔墳。申覽釋典。是經一見。斯感百生。索隱鉤深。九思三復。餐嚼義味。孳掇文華。欲顯聖言。

越海。篤志歸華。自漢權輿。於今敬迪。在敬偏圓半滿。
一無歉於琅瑤。頓漸實權。萬有餘於寶篋。金剛
三昧經者。蓋非圓滿頓實之類歟。不然者。何以
無生法要。逞方便神通。大士問出世之因。尊者
投究竟之果。欲止除於有住有滅。先以叙於無
相無生。見生念於妄念而昏。起始覺於本覺以
利。轉諸情識。入庵摩羅。迷頭不顧自身。垂手導
歸實際。或計外塵緣有。乃談真性本空。及其三

混同。明月與氛埃俱現。鄉迷歸於何有。面忘卻
於本來。涅槃路上進難前。生死窠裏入有限。故
我師能仁。示無生慈忍。愍眾苦淪胥。四弘之願
載懷。三思之勞彌切。法澄報現。祥星著於周朝。
正去像來。金人夢於漢殿。騰蘭載入。竺旦方通。
梵貝翻來。華文燦若。易於貝葉。著彼緹紬。教海
鋪其雜珍。義天羅其眾曜。或欲增於未當。或將
補於有遺。伊吾之道繼蹤。流沙之路接踵。不遠

金剛三昧經序。

朕聞本性玄凝。真心湛寂。成虧俱絕。非性智能
究於端倪。合散盡遺。豈耳目可參于影響。有無
捏就。道俗刻夷。而恐卓而爾獨存。超然無外。此金剛自
性之要川也。柰何眾生久膠薰染之業習。然有
識神每搖知見之風波。縱濁行蓋者不無迴慧。
光照者或鮮。遂使四方易處模糊。指歸岐路。嗟
頭紛糾正道。本始莫辨。真妄難分。精金將雜。鑛

醍醐三藏之甚深。遇此法門。直指人中作佛。錢
他明眼。何妨錦上添花。若是知音。正好進步。

平等禮懺文序。

夫法性如如念慮無於毫髮。真源湛湛本來絕於塵污。由瞥起妄緣。現成幻體。隨時業識。忘一顛之圓明。喪彼家財。逞六根之貪欲。若有納受淨法。必能洗滌妄塵。發平等一真之心。禮法身無相之體。到這裏入自他受用交參。向那邊求面目顛預自現。雖然任麼。劍不開於寶匣。亂處難夷。藥苟出於金瓶。病源方愈。朕以萬幾之餘。

太宗皇帝勸眾偈。

生老病死。理之常然。欲求解脫。

解縛添纏。迷而求佛。惑而求禪。

禪也不求。杜口忘言。

太宗皇帝御製課虛下卷 完。

發願已。志心皈命禮十方無上三寶。

或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十拜。或四十八拜。觀音。世至。清淨大海眾。各三拜已。發願西方文。頂禮三自皈。

此時無常偈。

法鼓擊回浮世夢。

梵鐘撞破大家聾。

猶貪北首眠甜黑。

不管東顏日照紅。

長夜漫漫時有旦。

冥途默默路難通。

今朝若不勤行道。

他日那逢黃面公。

迴向已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心發願。再跪拈香。

一願靈源常湛寂。二願藏識絕攀緣。

三願疑團俱破碎。四願定月永團圓。

五願法塵忘起滅。六願愛網離拘牽。

七願思惟行十地。八願諦聽捨三天。

九願心猿休掉臂。十願意馬息揚鞭。

十一願寬懷諾佛教。十二願適興祖師單。

勸請已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心隨喜。再跪拈香。

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

十地階梯願早登。菩提真心無退轉。

隨喜已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

志心迴向。再跪拈香。

我等迴心歸聖眾。愍懃頭地禮慈尊。

願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。

天濕面。忘恩忘德。背義背仁。不省不思。皆愚
癡業。如斯等罪。最重最深。及至命終。墮于地
獄。經億千劫。方得受生。縱得受生。還遭頑報。
若不懺悔。何以消除。今對佛前。悉皆懺悔。

懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心勸請

再跪拈香

勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。
廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。

從貪業。嗔怒罪者。貪根爲本。嗔火自焚。怒目
厲聲。焚和損氣。非惟俗輩。乃至僧流。經論干
戈。互相攻擊。毀及師長。罵至爺孃。忍草萎黃。
毒焰猛熾。發言傷物。吐語害人。不念佛慈。不
遵律禁。談禪似聖。對境如愚。雖作空門。未成
無我。如木生火。火發自燒。如此前愆。皆由嗔
業。愚癡罪者。性根頑鈍。意識昏蒙。不別尊卑。
不分善惡。殺能斷臂。斫樹傷身。罵佛招殃。唾

著情塵。封心執相。如蠶作蠶。再縛再纏。如蛾
赴燈。自燒自爛。昏迷不覺。顛倒妄生。惱亂寸
心。皆由三毒。慳貪罪者。陰謀嫉妬。恪惜蒙求。
本十利千。猶爲未足。財如川積。心似漏卮。隨
灌隨空。故言未滿。粟紅貫腐。不濟貧寒。綺疊
羅堆。何曾賤貸。得人數百。未說爲多。損己一
文。翻成大耗。上自珍寶。下至絲麻。庫實藏盈。
未嘗布施。諸種種事。晝度夜思。役思勞神。盡

命難常。勿放此時。蹉過。管取眼前淨土。認來心裏彌陀。若能快下承當。便得箇中顯現。但某甲等。謹想斯時。以爲後夜之禮。

啓自己志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

懺悔意根罪。

再拈香胡跪白云。

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前難追悔後。意根罪者。攀緣念慮。無暫時休繫。

夢。捕牢撞破於天陰。淡蟾半入碧山頭。紅日未
生滄海面。古壁頻催蛩韻。御街初動馬蹄。城頭
繚繞淡寒煙。天外霏微迷曉露。適羽客朝真之
際。當緇流行道之時。千家萬室門未開。一夜六
時功已就。忙忙世路。擾擾羣生。雖驚當夜伏枕
眠。未醒終身開眼睡。諸佛子。若縱終宵諸樂欲。
便教徹曉一心昏。致此羈縻一生。由於昏散二
字。爲何直開一線道。將來畱與作家看。當知人

菩薩無量聲聞眾及一切聖賢以起光明臺。遍於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸眾生。皆發菩提心。

供養已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

啓白。

再拈香胡跪白云。

川以句龍子

恐是虵蟲聲也

敬啓十方大覺三世雄師。注甘露而濟羣饑。握神珠而投諸暗。竊聞虬催旣五。鷄唱方三。玳筵之燭影消殘。銀漢之星躔滅沒。蝴蝶翻回於世。

獻香偈。

沈水禪林香馥郁。

旃檀慧苑舊栽培。

戒刀削就聳山形。

熱向心爐長供養。

獻花偈。

心地開時誇爛熳。

諸天雨處讓芬芳。

枝枝朵朵獻佛前。

億劫業風吹不落。

獻香已
祝云。

願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法諸

上之角聲將斷。苾芻眾萃來梵席。薄伽前豫獻
信香。是香也。種從月裏移來。根向山中蟠據。標
姿不俗。體質無塵。遠卑吳國之雀頭。高冠桂林
之龜甲。熱處豈容嗔火。飄時却藉慈風。殊非下
品凡馨。直是上方異味。細細駐遊絲而鼻瑞。慈
慈鬱佳氣以成祥。氤氳寶座之前。縹緲珠薨之
外。回頭尋識光明當處。自然生。覲面聞熏寂滅
由茲親證得。以今後夜。焚香供養。

萬籟聲沈後。

三更鼓動初。

子規啼切切。

蝴蝶夢邊邊。

甘混槐中蟻。

鷗爲水上魚。

不能看月起。

惟愛戀花居。

迷失家千里。

猶貪睡一餘。

不知身是幻。

蒙昧過居諸。

再禮三寶
如初

後夜祝香。

主者拈香
胡麗白云。

伏以斗杓北轉。河漢西傾。枕邊之蝶夢猶醒。檻

五願焚軀酬佛德。六願敲髓報師恩。

七願求頭終不惜。八願取目亦爲親。

九願塗香無有喜。十願割肉不生嗔。

十一願生生無著愛。十二願世世離囂塵。

發願已志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十拜。
或四十八拜。觀音。世至。清淨大海。各三拜。

已發願西方文。
頂禮三自皈。

此詩無常偈。

隨喜已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心迴向。再跪拈香。

我等迴心歸聖眾。慇懃頭地禮慈尊。

願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。

迴向已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

志心發願。再跪拈香。

一願命根速成慧。二願體相變爲真。

三願投崖求大法。四願赴火悟深因。

已志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心勸請。再跪拈香。

勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。

廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。

勸請已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心隨喜。再跪拈香。

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

十地階梯願早登。菩提真心無退轉。

作家貲。不驚神怒。匪但金玉而致重愆。及至
草針亦成盜業。邪姪業者。心迷聲色。眼著錦
華。不顧廉貞。曲生私慾。或於淨地。佛院僧堂。
近事女男。共相調笑。弄花擲果。踏足拊肩。鑽
穴踰牆。皆成姪業。如斯等罪。無量無邊。及至
命終。入于地獄。男抱銅柱。女臥鐵床。萬劫方
生。還遭罪報。若不懺悔。何以消除。今對佛前。
悉皆懺悔。

臟百骸共相結聚。執爲我體。忘却法身。殺盜姪生。遂成三業。殺生業者。常行酷虐。不起慈仁。殘害四生。豈知一體。悞傷故殺。自作教他。或造符師。以行厭禱。或爲鳩毒。以害生靈。惟務忍人。不懷憫物。或焚山藪。或竭溪源。設網張羅。飛鷹走狗。見聞隨喜。念起想行。舉動運爲。無非是罪。偷盜業者。見他財寶。竊起私心。擊鎖開封。探囊祛篋。見佛常住。貪計滋生。奪

界曷時休。繚繞四生何日了。當步往生之路。須
攀引出之車。那處牢關。今宵撞破。但某甲等。謹
想斯時。以爲中夜之禮。

啓白已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

懺悔身根罪。

再拈香册
跪白云。

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。忘却本
心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺悔。
難追悔後身根業者。父精母血。假合成身。五

里一輪皓月浸三更。依稀而林竹篩金。隱映而
庭花弄玉。怨鶴吞聲於蕙帳。哀猿長嘯於松關。
迢迢河漢斗參橫。寂寂郊原神鬼哭。子規啼切。
蝴蝶夢甘。幻身孤寓一林中。遊夢遠奔千里外。
甘被睡魔常擾擾。爭知智燭永煌煌。神舍外魄
蕩魂飛。鬼窟中睛藏眼閉。惟多貪於睡思。豈識
味於真如。應知一枕待天明。管甚百年臨命盡。
諸佛子。當念四蛇逼迫。毋忘二鼠吞侵。輪迴三

菩薩無量聲聞眾。及一切賢聖。以起光明臺。遍於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸眾生。皆發菩提心。

供養已志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

啓白。

再拈香胡
麗白云。

敬啓十方大覺。三世雄師。舒金掌以接羣生。放玉毫而輝眾刹。竊聞時應交子。夜旣云中。銀缸之燈火將闌。紫陌之塵埃俱肅。幾陣風雲生萬

獻香偈。

沈水禪林香馥郁。
旃檀慧苑舊栽培。
戒刀削就聳山形。
熱向心爐長供養。

獻花偈。

心地開時誇爛熳。
諸天雨處讓芬芳。
枝枝朵朵獻佛前。
億劫業風吹不落。

獻香已
祝云。

願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法諸

半夜祝香。

主者拈香
胡跪白云。

伏以三更漏轉。萬籟聲沈。六和緇侶。會嚴壇。一
辨寶香。周法界。是香也。陰陽結聚。天地生成。栽
培非一世之功。守護是百神之力。根株拔萃。久
資法雨。霑濡體質。高標長賴。慈雲庇蔭。異種莫
將凡木比。清芬不許俗人知。拈起金爐片片。纒
焚於火面。結成寶蓋層層。直接於雲頭。肅陳對
聖之儀。聊表通凡之信。以今半夜。焚香供養。

發願已志心皈命禮十方無上三寶一拜。

或誦經旋繞念佛已宜頂禮阿彌陀佛十拜或四十八拜觀音世至清淨大海風各三拜

已發願西方丈
至禮三自皈

此時無常偈。

日色沒時臨夜色。昏衢擾擾又重增。

徒知外點他家燭。不肯回燃自己燈。

隱隱金烏山已入。瞳瞳玉兔海初騰。

死生代謝渾如此。何不皈依佛法僧。

禮三寶
如如

迴向已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心發願。再跪拈香。

一願飽食無上味。二願吐却世間腥。

三願辨才除眾惑。四願樂說度羣生。

五願轉時無盡藏。六願吸盡法流傾。

七願早回大愚吐。八願速共臨濟聲。

九願廣長與佛覆。十願清淨等天成。

十一願世間無暗啞。十二願地獄畢犁耕。

勸請已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心隨喜。再跪拈香

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

十地階梯願早登。菩提真心無退轉。

隨喜已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心迴向。再跪拈香

我等回心歸聖眾。慇懃頭地禮慈尊。

願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。

量無邊。論彼塵沙。算之莫盡。命終之日。拔舌
自投。鐵犁長耕。鎔銅永灌。地獄報盡。萬劫方
生。縱得爲人。還遭啞報。若不懺悔。何以消除。
今對佛前。悉皆懺悔。

懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心勸請。再跪拈香。

勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。
廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。

食藥粥。膏脂滿目。談笑欣欣。酒勸食行。賤來
冷退。延賓待客。嫁女婚男。殺害眾生。皆由三
寸妄言。構作綺語。織成兩舌。橫生惡口。興起
罵詈三寶。咒咀二親。調聖欺賢。謗君誣父。道
他長短。掩己是非。評論古今。抑揚彼此。矜誇
豪富。凌辱貧窮。擯退僧尼。責阿僮僕。譖言若
毒。巧語如簧。文過飾非。道虛爲實。怨吞寒暑。
咳唾江河。戲論僧房。喧呶佛念。如斯等罪。無

懺悔舌根罪。

再拈香胡跪白云。

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。忘却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。難追悔後。舌根業者。貪諸味味。好辨精粗。嘗盡頭頭。諳知肥瘦。傷殘物命。度養自家。炮炙飛潛。烹煎遊走。腥膻戾口。葱蒜熏腸。喫了索來。未曾永飽。或臨齋醮。禮佛祈神。忍受饑虛。待於事畢。晨朝素膳。飯少水多。真似病人。強

兔魄。鳳凰臺畔昏昏嗜酒貪歡。鸚鵡樓前悄悄
迷花取樂。或嘲風詠月。或弄笛舞琴。人人須著
眼前緣。箇箇那忘身後事。諸佛子。須省前程難
進去。勿懷高枕打眠來。上床難保下床。今夜豈
知來夜。第一義門須直入。於三惡道莫親行。回
頭認入自家鄉。開眼勿甘浮世夢。但某甲等。謹
想斯時。以爲初夜之禮。

啓白已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸眾生。皆發菩提心。

供養已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

啓白。

再拈香胡
跪白云。

敬啓十方大覺。三世雄師。廣開諸佛慧燈。普照羣生暗室。竊聞樓笳初咽。禁鼓方傳。家家之蠟燭。搖光處處。之龍膏吐燄。寶馬停嘶於紫陌。金鱗罷躍於清池。依稀水面。度螢光隱約。山頭啣

沈水禪林香馥郁。
旃檀慧苑舊栽培。
戒刀削就聳山形。
熱向心爐長供養。

獻花偈。

心地開時誇爛熳。
諸天雨處讓芬芳。
枝枝朵朵獻佛前。
億劫業風吹不落。

獻香已
祝云。

願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法諸
菩薩。無量聲聞眾。及一切聖賢。以起光明臺。遍

初夜祝香。

王者拈香
胡麗白云。

伏以螢火點空。漁燈照水。壇上齊臨淨侶。爐中
初發信香。是香也。產不落山。種非沈水。豈預
龍鬪出。祇緣菩薩積藏。牛頭林裏。擅無雙。鷓舌
叢中推第一。慧劍伐而戒刀削。聳出清奇。定水
洗而昧火焚。鬱來馥郁。豈止當場親納。盡來普
處遙聞。一縷氣通。多生業盡。以今初夜。焚香供養。

獻香偈。

千求不得增煩惱。五陰相爭熾盛雄。

初入道場持咒嚴淨己。方禮三寶。或三拜。或九拜。或十五拜。隨宜。

南無盡虛空遍法界。十方三世一切常住佛陀

耶尊。

南無盡虛空遍法界。十方三世一切常住達摩

耶藏。

南無盡虛空遍法界。十方三世一切常住僧伽

耶眾。

景透桑榆暮。

東西日已沈。

光陰難久駐。

老病易相侵。

死至誰能戀。

期來孰可禁。

諸人須著眼。

昏散勿關心。

八苦偈。

生至成人形役役。

老將及耄意蒙蒙。

病侵四大痛難忍。

死入三塗業易逢。

恩愛別離哀不盡。

怨憎會遇恨無窮。

此時無常偈。

景逼西山暮。

何時惜寸陰。

唯能奔馬意。

那肯住猿心。

日出還將沒。

身浮又復沈。

老來愚與智。

死去古和今。

不免無常到。

難逃大限臨。

各宜行正道。

勿使入邪林。

黃昏勸眾偈。

三願閉成無漏孔。四願喘散有緣塵。

五願暮回三寶道。六願嘆去四生鄰。

七願息除煩惱障。八願嗅著覺花新。

九願常通諸法種。十願永塞五辛因。

十一願牽來遊性海。十二願拽出離迷津。

發願已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十
或四十八拜。觀音。世至。清淨大海眾。各三

已。發願西方文。
頂禮三自皈。

十地階梯願早登。菩提真心無退轉。
隨喜已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心迴向。再跪拈香。

我等回心歸聖眾。慇懃頭地禮慈尊。
願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。
迴向已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心發願。再跪拈香。

一願出祛邪氣亂。二願納入慧香薰。

何以消除。今對佛前。悉皆懺悔。

懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心勸請。再跪拈香。

勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。

廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。

勸請已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

志心隨喜。再跪拈香。

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

略無厭倦。桃顏杏臉。拽去肯離。覺樹心花。驀
回不顧。或臨市肆。或入庖廚。就穢思飡。慕羶
覓食。不嫌腥臭。不忌葷辛。耽著無休。如豬溷
廁。或收寒洩。或迸黃膠。拭柱投堵。污于淨地。
或因醉臥佛殿僧堂。兩孔息流。薰經衝像。嗅
蓮爲盜。聞氣成姪。不覺不知。由於鼻業。如斯
等罪。無量無邊。捨命之時。三塗受苦。經塵沙
劫。方得受生。縱得受生。還遭壅報。若不懺悔。

啓白已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

懺悔鼻根罪。

再拈香胡
跪白云。

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本
心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。
難追悔後。鼻根業者。常貪異氣。百和氤氳。不
愛真香。五分清淨。蘭飄麝散。惟務尋求。戒遍
定薰。何曾嗅覺。沈燒檀熱。於佛像前。引首偷
馨。拂煙納氣。隨他塵識。慢彼龍神。唯好遮聞。

茶檉野闊而熒光數點。天高而兔魄半鉤。柴扉
初掩。鷄棲。燄火未來。牛下徑。徑客揚鞭。忙似
箭。歸舟鼓棹。急如梭。深憫昏徒。重逢暗道。清裏
晝尙不知去處。黃昏後轉忘却自家。底輩如不
具眼人。這景必歸迷路。漢諸佛子。當念無常迅
速。勿貪浮世奢華。切須驀鼻牽回。莫要縱心放
去。各自回光內照。毋令逐境外求。若是知音。正
好進步。但某甲等。謹想斯時。以爲日沒之禮。

於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸眾生。皆發菩提心。

供養已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

啓白。

再拈香胡
魁白云。

敬啓十方大覺。三世雄師。揮慧劍於邪林。曳慈風於火宅。竊聞丹霞冠嶺。白日含山。城頭而畫角。韻悲簾外之寒砧。聲切曲浦而漁舟唱晚。投林而鳥翮。飛輕。微芒鴈鷺落平沙。蕭索蟬蛩鳴。

沈水禪林香馥郁。旃檀慧苑舊栽培。
戒刀削就聳山形。熱向心爐長供養。

獻花偈。

心地開時誇爛熳。諸天雨處讓芬芳。
枝枝朵朵獻佛前。億劫業風吹不落。

獻香已
祝云。

願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法諸
菩薩。無量聲聞眾。及一切聖賢。以起光明臺。過

伏以半空霞落。遠岫煙凝。躬臨清淨壇場。面禮
慈悲賢聖。期通丹欄。庸熱寶香。是香也。蓬島孤
名。綠洋異品。豈沈水獻從林邑。非蘇油貢自大
秦。氣超澧縣麝臍。味奪烏菴龍腦。獨擅太高之
價。遠騰不眾之馨。寶篆一飛。梵席薰成。檀世界。
玉爐纔起。璇霄結作。蜃樓臺。尋來幻釋乾城。嗅
著酸停閻獄。以今日沒。焚香供養。

獻香偈。

或誦經旋轉念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十
或四十八拜。觀音。世至。清淨大海眾。各三拜。
已。發願西方文。
頂禮三自皈。

此時無常偈。

瞥眼烏輪纔出震。回頭曦馭又當離。

盡食朽木寢尤熟。那省高槐影易移。

倏忽花蔭重復倒。逡巡菌命盛還衰。

諸人盍早回光照。自苦驅馳略路岐。

五經三寶

日沒祝香。主者拈香胡跪自云。

志心發願。再拈香。

一願對聲皆悟道。二願聽苦早修行。

三願聞聰具四達。四願聞樂盡無生。

五願妄言無漏入。六願正語急遙聆。

七願梵音常近側。八願法鼓也須傾。

九願觀音相授手。十願慶喜共馳名。

十一願羣孽長破障。十二願兩朶永通靈。

發願已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心隨喜。再拈香。

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。
十地階梯願早登。菩提真心無退轉。
隨喜已。志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

志心迴向。亦須拈香。

我等迴心歸聖眾。慇懃頭地禮慈尊。
願將功德及眾生。憑此勝因成正覺。
迴向已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

耳。如斯等罪無量無邊。種若塵沙。算之難盡。
命終之後。復墮三塗。苦盡受生。還遭孽報。若
不懺悔。何以消除。今對佛前。悉皆懺悔。
懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心勸請。再拈香。

勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。
廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。
勸請已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

心。罔知正道。墮三塗苦。出六根非。若不懺前。
難追悔後。耳根業者。惡聞正法。好聽邪言。迷
却本真。隨他外妄。喧喧絲竹。反謂龍吟。隱隱
鐘魚。翻成蛙鬧。巴歌鄭曲。忽有生心。唐讚梵
言。略無側耳。風聞空響。暗起邀求。露聽善言。
何曾仰受。三三酒友。兩兩花朋。道短談長。聚
頭密聽。或逢師友。教訓丁寧。忠孝之言。掩聽
抵拒。或聞剗響。忽已成嬌。或半聽經。遂生馬

步步了無黑暗。諸佛子。日既中而則昃。人有盛而必衰。形骸不久堅。富貴非長保。迅速渾如川上水。須臾恰似巖頭雲。平時不作善因。異日定歸苦趣。當生深信。除却稽疑。早開諸佛心珠。照破眾生漆桶。但某甲等。謹想斯時。以爲日中之禮。啓白已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

懺悔耳根罪。

再拈香懇切。

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本

敬啓十方大覺。三世雄師。翻六道而作六通。騰
九類而歸九品。竊聞鄰鷄報午。曦馭當陽。遼天
之紅彩方中。匝地之綠楊始正。影照而庭花弄
玉。風來而堤柳搖金。輝輝灼灼。耀瑤臺。碎碎團
團。重玉砌。猷爐香裊。天晴日麗。碧霄中。僊枕睡
濃晝。永漏稀。朱閣上。盛夏則金流石爍。隆冬則
霧斂雪消。豐中而雜翳全收。離正而羣陰盡掃。
對景性天洞徹。當時心地昭融。頭頭總有光明。

枝枝朶朶獻佛前。億劫業風吹不落。

獻香已
祝云。

願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法諸
菩薩。無量聲聞眾。及一切聖賢。以起光明臺。過
於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸眾
生。皆發菩提心。

供養已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

啓白。再拈香胡
跪白云。

煙起處皆由三昧火燃。瑞靄飛時本自一元氣。
散箇箇頂門皆透徹。人人鼻孔盡薰聞。茲因懺
悔之儀。輒效獻焚之禮。以今日中。焚香供養。

獻香偈。

沈水禪林香馥郁。旃檀慧苑舊栽培。

戒刀削就聳山形。熱向心爐長供養。

獻花偈。

心地開時誇爛熳。諸天雨處讓芬芳。

不覺年花促。

猶爭業果雄。

身如冰見睨。

命似燭當風。

莫作長年客。

終歸早照功。

又禮三寶如初

中日祝香。

主者拈香胡跪白云。

伏以太陽豐照。雲景離明。顧日晝之難留。卽金
僊而仰叩。信將陳於寶座。香先炷於玉爐。是香
也。秀毓先天。非蓬島洲中產出。芳騰大地。豈
檀林下生來。品名冠彼沈箋。氣味壓他蘭麝。

九願觀時除幻翳。十願望處絕花生。

十一願遙瞻障雲卷。十二願一瞬業冰清。

發願已志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

下附

或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十拜。或四十八拜。觀音世至。清淨大海眾。各三拜已。發願西方文。頂禮三自皈。

初日無常偈。

夜色初分曉。晨光漸出空。

暗催新髮白。漸改舊顏紅。

我等迴心皈聖眾。慇懃頭地禮慈尊。
願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。
迴向已志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心發願。再拈香虔懇。

一願普開明正見。二願一拭闌塵盲。

三願觀形無著愛。四願觀色莫開睛。

五願迷頭須急認。六願慧目自圓成。

七願早回今世夢。八願永得本來明。

勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。
廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。
勸請已志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

志心隨喜。亦須拈香。

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。
十地階梯願早登。菩提真心無退轉。
隨喜已志心歸命禮十方無上三寶。一拜。

志心迴向。亦須拈香。

泣血。或見三寶。或入伽藍。近像對經。略無瞻
視。佛堂僧舍。男女相逢。眼去眉來。迷荒色欲。
不驚護法。不畏龍神。極目貪歡。曾無俛首。如
斯等罪。無量無邊。從眼根生。墮於地獄。經恆
沙劫。方得受生。縱得受生。還遭盲報。若不懺
悔。難以消除。今對佛前。悉皆懺悔。

懺悔已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜

志心勸請。亦須拈香。

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本
心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。
難追悔後。眼根業者。惡因熟視。善業冷看。錯
認空花。忘窺本月。愛憎競起。妍醜爭持。瞥眼
妄生。眩於正見。白來青去。紫是黃非。種種邪
觀。何殊盲漢。逢人好色。斜眄偷窺。瞎却未生
本來面目。見他財寶。正覷瞪睛。遇彼貧窮。蒙
眸不顧。他家死喪。乾沿無痕。親眷傷亡。潛然

如昨夜打眠人。不憂生老病死侵。祇管妻孥財
貨縛。諸佛子。身根不固。命蒂難安。凡諸頂上戴
天。難免眼光落地。一朝忽失手。萬劫難復身。切
須草草種善芽。莫自區區求惡果。人人猛省。箇
箇勤修。專心禮無上慈容。觸目見大光明。叢但
某甲等。謹想斯時。以爲日初之禮。

啓白已。志心皈命禮十方無上三寶。一乘。

懺悔眼根罪。

再拈香胡
跪白云。

啓白。

再拈香胡
隴白云。

敬啓十方大覺。三世雄師。揚慧炬於昏衢。泛慈
航於苦海。竊聞鷄籌初送。兔影方沈。江山之煙
霧微分。遠近之輪蹄齊動。樓上梅花聲斷。牕前
竹葉醉醒。柳眉隱約。映朝暎。花面嬌羞。凝曉露。
逢茲明發。憫彼愚蒙。宵中夢裏。既昏昏。覺後心
頭。猶擾擾。眼耳隨於聲色。鼻舌逐於味香。長爲
火宅烹煎。永被愛河沒溺。任爾今朝。開眼漢。赤

心地開時誇爛熳。諸天雨處讓芬芳。

枝枝朵朵獻佛前。億劫業風吹不落。

獻香已
祝云。

願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。尊法讚
菩薩。無量聲聞眾。及一切聖賢。以起光明臺。遂
於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸
生。皆發菩提心。

供養已。志心皈命禮十方無上三寶。一拜。

自戒林灌之以禪定之水。伐從慧苑削之以
脫之刀。不由人力斧斤。自出天然形勢。熱知星
之寶篆。結光明之雲臺。飄時滿地。清芬散處。普
天濃郁。以今日初。焚香供養。

獻香偈。

沈水禪林香馥郁。 旃檀慧苑舊栽培。

戒刀削就聳山形。 熱向心爐長供養。

獻花偈。

耶尊。

南無盡虛空遍法界十方三世一切常住達摩

耶藏。

南無盡虛空遍法界十方三世一切常住僧伽

耶眾。

日初祝香。

主者拈香胡跪白云。

伏以蟾輪西沒。龍燭東生。梵筵會清淨之流。空
界禮聖賢之眾。欲通檀信。謹執寶香。是香也。禮

太宗皇帝御製課虛下卷。

寅時警策眾偈。

暘谷明將啓。

漫漫黑地開。

觸心塵競起。

眩目色爭排。

臭殼休貪抱。

埋頭早願擡。

慙慙專六念。

庶得契方來。

初入道場持咒嚴淨已。方禮三寶。或三拜。或九拜。或十五拜隨宜。

南無盡虛空遍法界十方三世一切常住佛陀

行蓋爲六根故也。閉故其意以六根分爲六時。
禮儀一根。親製其儀文。目之曰六時禮佛。
懺悔科儀。文則文繁。言則言遠。但文繁則懺悔。
言遠則疑生。故不構於浮詞假盈卷軸。使齋
者皆欣聞見者易悟。庶幾有信之徒。能於日夜
發至誠心。以此科儀爲所禮懺者。是不負朕之
所志。自利利他之願也。後之明眼者。毋以儀文
見笑。然雖如是。不因紫陌華開早。爭得黃鸝下

柳條。

厭滋味。身掛金珠。視聽役於色聲。居處安於臺
榭。又况世序澆漓。人法衰末。學者頑瞽。羸薄善
根。日則根塵紛觸。業網拘牽。夜則睡蓋蔽覆。懶
結纏縛。日夜攀緣。莫非構禍。招譽之咎。朕以是
事。載之于懷。悲感集交。餐寢忘廢。以聖政之餘
暇。徧閱經論。及諸儀文。撰集自利利他之法。以
示於人。尋而愚之念之。積有業者。盡是六根所
造。是以釋迦文佛。未成道時。先入雪山六年苦

起穢土。現成。能所兩依。佛我雙計。性根枝別。愚
智淺分。示之一門。難以悟入。故我佛弘大智願。
開方便門。隨路指歸。應病與藥。知其眾生幻垢。
從妄而生。勸令一念精虔。歸依禮懺。使身心清
淨。灑裸依前。風息波澄。垢除鏡徹。何者。前心惡
作。如覆月雲。後心善生。如消暗炬。意禮懺之用。
爲太。豈其然乎。朕荷上天之眷。享至尊之位。民
事艱難。國政繁夥。紛華誘於外。嗜欲蠱於內。口

六時懺悔科儀序。

此文悉在下卷之上

利川陸之來往者。舟車也。滌身心之塵垢者。禮懺也。欲滌身心而不以禮懺。則何異於欲利來往而不以舟車者乎。是知禮懺其用大矣。故大集經云。如百年垢衣。可於一日澣令鮮淨。如是百千劫中所集諸不善業。以佛力故。善願思惟。可於一日一時盡能消滅也。且夫眾生於本來覺性清淨圓明。湛若太虛一塵不立。由妄泡瞥

越如此之者。亦爲難也。下智者。以念爲階。以精進爲棧。注意善緣。願生佛國。勤而不忘。心性純熟。命終之後。隨意所願。得生佛國。旣生佛國。於其身者。何失之有。今之學者。旣愛人身。三業純有。而不以念佛求生佛國者。不亦難乎。如欲念佛。卽以下智爲先。何者。爲有注意故也。譬如作三層之臺。而以下層爲先。未之有也。

者。口勤念佛語。心欲見佛相。身願生佛國。晝夜
勤修。無有退轉。命終之後。隨其善念。得生佛國。
後得諸佛所宣正法。證得菩提。亦入佛果。三者
深淺不同。所得一也。然上智也。言之則易。行之
則難。今世之人。欲趨而學者。空無棲託。盡望涯
而退。尤難措足也。中智者。若能勤修如上之說。
則立地而成佛。如漏未盡而終之。隨其果應。還
生于世。受其善報。善報既盡。無人警悟。還落惡

精進不起邪念。是息意業也。然智者有三。上智者。心卽是佛。不假修添。念卽是塵。不容一點。塵念本淨。故曰如如不動。卽是佛身。佛身卽我身。是無有二相。相相無二。寂然常存。存而不知。是爲活佛。中智者。必藉念佛。注意精勤。念念不忘。自心純善。善念旣現。惡念便消。惡念旣消。惟存善念。以念意念。念念滅之。念滅之時。必歸正道。命終之時。得涅槃樂。常樂我淨佛之道也。下智

念佛論。

夫念佛者。由心所起。心起於善則爲善念。善念之起則善業報之。心起於惡則爲惡念。惡念之生則惡業應之。如鏡現像。似影隨形。故永嘉禪師有云。誰無念。誰無生。此之謂也。今學者欲起正念以息三業者。亦假念佛之功也。云何念佛得息三業。於念佛時正身端坐。不行邪行。是息身業也。口誦真言不道邪語。是息口業也。意存

未得定。而欲求慧。譬若風波未靜。而求見月影者也。若心既定。而反生邪解。求於慧者。亦如風波既靜。月影澄清。而復攬於水中。求取月影。何得見哉。故祖師云。寂而常照。照而常寂。又云。寂寂惺惺。是無記。惺惺寂寂。是亂想。惺惺寂寂。寂寂惺惺。是藥。無記亂想。是病。若身有病。故假對治。身既平定。何治之有。若能如此。則定慧成爾。

慧教鑑論

夫慧者。生於定力。若心定則慧生。若心亂則
慧滅。亦如銅鏡。先假磨礱。然後方有光淨明
照。若不磨礱。則苔痕昏垢。既已昏垢。光何以生。
故知慧由定現。定自慧生。定慧相依。兩無遺一。
若假名坐禪。心未得定。而慧生者。未之有也。
雖有慧性。而不習坐禪。自謂已有慧者。何假坐
爲。若如是者。雖有慧者。而無鑑體。若於定時。心

故喜。以喜故踊躍。以踊躍故身倚。以身倚故樂。以樂故心不定。此謂初善也。定爲中善者。以身倚故止。以止故而心住。以心住故如實知見。此謂中善也。慧爲後善者。以此實知見故厭患。以厭患故離欲。以離欲故解脫。此謂後善也。故以戒除惡趣。定除欲界。慧除一切有。依此戒定慧而修之。則諸佛之徑路。不爲遠矣。

戒定慧論。

夫一切修行之士。祗厭生死二事。捨其父母妻
子。出家求道。奉佛爲師。蓋履諸佛徑路者。唯經
而已。經之所言者。唯戒定慧而已。解脫論云。戒
定慧謂解脫之道。戒者威儀義。定者不亂義。慧
者覺知義。是以戒除惡垢。定除纏垢。慧除使垢。
故以此種善伏道。謂初中後善。以戒爲初。以定
爲中。以慧爲後。戒爲初善者。有精進成就不退。

夫禪。三。了生空理證偏真道而修者。是小教禪。
四。達人法空而修者。是大教禪。今後學之人。須
以大教禪爲正。此習坐禪息念。勿生見解爾。

獨坐。祇因行則縱步。住則生勞。臥則冥昧而安
靜。安靜則慮生。慮生則念起。欲息諸念。故習坐
定。若坐時不息諸念。心猿競起。意馬奔馳。或亂
想而識前塵。或無記而忘自性。倚床倚壁。閉眼
藏睛。困睡流涎。低頭屈背。雖假名坐禪。猶坐在
鬼窟內黑山之下。故讓禪師曰。磨磚作鏡。斯之
謂歟。且禪有四種。一作異計。欣上厭下而修者。
是外道禪。二。正信因果。亦以欣厭而修者。是凡

坐禪論

夫學道之人。惟求見性。雖受其一切淨戒。而無坐禪。則定力不生。定力不生。則妄念不滅。而欲見性者。不亦難乎。釋迦文佛入于雪山。端坐六年。鵲巢于頂上。草穿于腔。身心自若。子綦隱瓦而坐。形如枯木。心似死灰。顏回坐忘。隳肢體。黜聰明。離愚智。同於大道。此古者三教聖賢。曾以坐定而成就者。然行住坐臥。亦皆是禪。非惟

戒如瓔珞。莊嚴法身。有罪者當懺悔。若不懺悔者。其罪益深。一失人身。萬劫不復。今日雖安。明朝難保。宜持此法。速度生死。奉佛爲師。先依戒律。古德有言。過河須用筏。到岸不須船。此蓋古人以戒爲船筏。而今不以此爲渡之。而得到於彼岸者。鮮矣。

受戒論

夫淨戒者。梵語波羅提木叉是也。三世諸佛所以成道者。無逾於此也。故云有破者得名比丘。無破者名爲外道。此乃指有受與無受之謂也。受而復破。尚名比丘。况全受一切淨戒。而又堅持者哉。故現在菩薩。以此度生。未來行人。由之解脫。經云。戒如平地。萬善從生。戒如良醫。能療眾病。戒如明珠。能破昏暗。戒如船筏。能度苦海。

而。同。入。路。頭。或。冤。或。親。而。共。一。鼻。孔。如。斯。實。悟。
尚。滯。半。途。休。說。向。上。三。玄。要。了。末。後。一。著。且。道。
卽。今。喚。那。箇。做。末。後。一。著。

青。山。低。處。見。天。闊。
紅。藕。開。時。聞。水。香。

大隱小隱。休別在家出家。不拘僧俗而祇要辨
心。本無男女而何須著相。未明人妄分三教了
得底。同悟一心。若能返照迴光。皆得見性成佛。
又况人身易失。佛法難逢。欲超六道之周流。唯
有一乘之捷徑。須求正見。莫信邪師。悟了方是
入頭。行得始能脫俗。步步踏著實地。頭頭頂戴
虛空。用時則萬境全彰。放下則一塵不立。超生
死不相關之地。了鬼神覷不破之機。是凡是聖。

於思大禪師。徑山至今猶是龍王打供。雪峯往
昔能使木人開山。此皆已驗之因由。切莫自生
而退屈。野狐尙聽百丈法。螺螄猶護金剛經。十
千遊魚聞佛號。化爲天子。五百蝙蝠聽法音。而
總作聖賢。鱗聞讖以生天。龍聽經而悟道。彼物
尙能領悟。况人何不回心。或有埋頭喫飯而空
過一生。或有錯路修行而不省這意。豈識菩提
覺性。個個圓成。爭知般若善根。人人具足。莫問

而悉沈滄海。眞武不統王位。惟務修行。呂公旣
作神僊。尙勤參問。蘇學士常親佛印。韓文公終
禮大顛。裴公奪笏於石霜。房相問法於國一。妙
善不招駙馬。成佛無疑。六祖相遇。客人聽經。頓
悟。禪道若無貺味。聖賢何肯皈依。華林感二虎
隨身。投子有三鴉報曉。李長者解經。而天廚送
食。須菩提打坐。而帝釋散花。達麼隻履西歸。普
化搖鈴騰去。羅漢來參於仰山和尚。岳帝受戒。

攝沃蕉山下。或在鐵圍山間。受鑊湯則萬死千
生。遭剄磕則一刀兩段。饑吞熱鐵。渴飲鎔銅。十
二時甘受苦辛。五百劫不見頭影。受足罪業。復
入輪迴。頓失舊時人身。換却這迴皮袋。披毛帶
角。啣鐵負鞍。以肉供人。用命還債。生被刀砧之
苦。活遭湯火之災。互積冤愆。遞相食噉。那時道
悔。學道無因。何如直下承當。莫待今生蹉過。釋
迦文佛捨皇宮而直往雪山。居士龐公將家財

誇會誇能畢竟非實。風火散時無老少。溪山磨
盡幾英雄。綠鬢未幾而白髮早侵。賀者纔臨而
弔者隨至。一包膿血長年苦戀恩情。七尺軀體
恣意。怪貪財寶。出息難期入息。今朝不保來
朝。愛河出沒幾時休。火宅憂煎何日了。不願出
離業網。祇因未有功夫。閻羅王忽地來追。崔相
公豈容展限。回首家親都不見。到頭業報自承
當。鬼王獄卒一任欺凌。劍樹刀山更無推抵。或

寶之至輕。又何惜哉。吁。十室之邑。尙有忠信。舉世之人。豈無聰明黠慧者乎。儻聞斯言。固當敏學。勿自遲疑。經云。一失人身。萬劫不復。深可痛哉。故孔子有言。人而無爲。吾末如之何也已矣。詳夫百年光影。全在刹那。四大幻身。豈能長久。每日塵勞汨汨。終朝業識茫茫。不知一性之圓明。徒逞六根之貪欲。功名蓋世。無非大夢一場。富貴驚人。難免無常二字。爭人爭我。到底成空。

既爲人。得生於中國。又六根全具。豈不爲貴乎。
凡世之人。每區區於名利之途。傷其神勞其形。
棄其身命之至重。役於財貨之至輕。與食餅忘
妻含飯忘頰。有何異哉。雖言身命之至重。猶未
足重於至道者也。故孔子曰。朝聞道。夕死可矣。
老子曰。吾所以有大患者。爲吾有身。世尊求道。
捨身救虎。豈非三聖人輕身而重道者哉。嗚呼。
身命之至重。而尙應捨求。無上菩提。况金玉財

六道之中。惟人爲貴。至眼光落地之時。昏昏懵懵。不知所趨。或入地獄。阿修羅。餓鬼。畜生之道。不得爲人。是一難逢也。二者。旣得爲人。或生蠻夷之處。浴則同川。臥則同床。尊卑混處。男女雜居。不被仁風。不調聖化。此二難逢也。三者。雖得生於中國。六根不具。四體不全。盲聾啞。蹇。躄。臆。口鼻腥膻。身形臭爛。師不與近。眾莫能親。雖居華夏之中。若處窮荒之外。此三難逢也。今

勸發心文。

夫世之至貴者。惟金玉耳。然察其所重。審其所惜。反不及於身命者也。假如有富貴家人拜爲大將。用黃金爲甲以備其身。至臨戰之日。兵刃旣攝之時。或棄甲曳兵而走。冀得全於一身而已。而黃金之甲。豈暇顧哉。乃知黃金之重不足。以比身命者。此之謂也。今者不然。反貴其物而賤其身。不知其身有難逢者三。何者爲三。一者。

入這身裡。去也是難難。諸人等。只這色身。又什麼生脫也。若未能脫。須來聽取。

偈曰。

無位真人赤肉團。紅紅白白莫相瞞。

誰知雲卷長空淨。翠露天邊一樣山。

裡喫來鐵凡熱。身怯洋銅俱灌溉。意酸火鑊每
驚煎。人間歷盡百春秋。獄內方爲一晝夜。若是
作家具眼。直須早急回觀。翻身跳出死生窠。彈
指裂開恩愛網。縱爾男縱爾女。總是堪修。任渠
智任渠愚。盡皆有分。若未達佛心祖意。且先憑
持戒念經。及佛亦非。祖亦非。則戒何持。經何念。
居幻色亦名真色。處凡身也是法身。破六賊爲
六神通。遊八苦作八自在。雖言恁麼。而人人既

通孝子反藁裡以藏。拾骨收骸。掩骼埋胔。棺殮
付一星野火。土堆葬萬里荒山。昔時綠髮朱顏。
今日青灰白骨。淚雨灑時雲慘慘。悲風動處月
微微。夜闌則鬼哭神愁。歲久則牛殘馬踐。熒火
照開青草裡。蛩聲吟斷白楊梢。碑銘半沒鑽青
苔。樵牧踏穿成蹊徑。任是文章蓋世。縱饒才貌
傾城。到頭豈有異途。徹底也同一著。眼被色牽
歸劍樹。耳隨聲引上刀山。鼻頭嗅著臭煙腥。舌

如井。不知鬢髮似霜。一朝患染沈痾。百年終歸
大夢。心肝疼痛。反若冤讎。肌體衰微。真如餓鬼。
尙欲祈身壽命。不知殺物傷生。將期一世等長
極。不覺四肢真漏屋。魂魄雖歸鬼界。屍骸猶委
人間。髮毛爪齒未及消。涕唾津液先迸出。腐爛
則流膿流血。污穢則薰地薰天。飽黑不堪觀。瘡
青真可惡。不論貧富。同入死亡。或藏於室。則蟲
出腐生。或棄於路。則鴉食犬食。世人皆掩鼻而

波淥淥。役役匆匆。以幻爲真。背空趨色。骷髏杓
搥花簪玉。臭皮袋帶麝熏。鬚鬚綺裹。膿血囊。
調鉛華。御屎尿桶。如斯外飾。終是穢根。不能這
裡自慚。反向箇中著愛。諸人等。大似機關傀儡。
全憑絲線牽抽。弄來弄去。與生同。放後收時。真
死樣。自起萬般計效。都緣六賊交攻。不憂老病
死來。管貪酒色財去。徒競蠅頭蝸角。甘爲利鎖
名韁。日間費盡倖求。夜裡翻成夢想。積得業垢

普說色身。

諸人等。身爲苦本。質是業因。若自以此爲真。也是認賊作子。你可仔細看來。祇這色身未入胞胎之日。那處得有。蓋由念起緣會。五蘊合成。體貌妄生。形容假出。忘真忘本。現僞現虛。或女或男。或妍或醜。盡是縱心放去。都無退步回歸。馳生。死路頭。失卻本來面目。由是供眸外認。誰知顧首內看。來時生是化生。到處夢中說夢。波。

氣潛消入水凝波增凜冽。

偈曰。

擺蕩在風括地生。漁翁醉裏釣舟橫。

四垂雲合陰霾色。一派波翻鼓動聲。

雨脚陣催聽歷歷。雷車輪轉怒轟轟。

暫時塵歟天邊淨。月落長江夜幾更。

四山者。死相也。病之彌篤。命乃告終。壽齡期享。於百年。身世翻成於一夢。聰明睿智難逃大限。日來。勇力威雄。豈拒無常時到。貞妻順妾。翻成特地之悲。恭弟友兄。遽作終天之別。粉身撲地。碎首號天。雕墻廣宇。以奚爲。積玉堆金。而何用。夜臺幽掩。空聞朔吹颼颼。泉戶長扃。但見愁雲慘慘。人之死相。歲乃冬時。乾坤應太歲而周。日月向玄枵而會。陰星極盛。一天雨雪。更霧霏。陽

秋時。適嚴霜始降之辰。屆眾草俱腓之候。密林
茂樹。金風一扇。幾扶疎。青嶂翠峯。玉露初垂。增
淅落。

偈曰。

陰陽愆德本相因。變作災屯及世人。
大抵有身方有病。若還無病亦無身。
靈丹謾詫長生術。良藥難命不死春。
早願遠離魔境界。回心向道養天真。

世事滔滔。渾不顧。夕陽西去。水東流。

三山者。病相也。年登癯老。疾染膏肓。四肢倦而
脉絡難通。百節惰而寒温靡順。喪厥眞常之性。
失其調暢之源。起坐艱辛。屈伸痛苦。命若風前
之燭。身如水上之漚。心生暗鬼。頭頭。眼見空花。
朶朶。形骸羸劣。誰爲扁鵲之醫。體貌衰微。孰是
盧人之救。親友徒勞。省視。弟兄空自扶持。沈疴
累月而弗瘳。伏枕經旬而未瘥。人之病相。歲乃

柳凋零如春後之花。夕陽欲墜於西山。逝水將
傾於東海。人之老相。歲乃夏時。炎天燦石而萬
物皆枯。煨日流金而百川將涸。殘花疎柳園中
溝畔。豈能畱。在蝶流鶯葉下。枝頭徒向老。

偈云。

人生在世若浮漚。壽夭因天莫妄求。

景逼桑榆將向晚。身如蒲柳暫經秋。

青離昔日潘郎鬢。白徧當年呂望頭。

眞宰薰陶萬象成。本來非兆又非萌。

祇差有念忘無念。卻肯無生受有生。

鼻著諸香舌貪味。眼盲眾色耳聞聲。

永爲浪蕩風塵客。日遠家鄉萬里程。

二山者。老相也。形容漸改。血氣旣衰。貌則枯年
則高。體在前硬在後。綠髮丹臉翻爲鶴髮鷄皮。
竹馬斑衣復有蒲輪鳩杖。縱使離婁之日。視色
難明。任教師曠之聰。聞音莫辨。憔悴若秋來之

之挺生。或列宿應賢臣之間出。文筆掃千軍之陣。武略收百戰之功。男兒誇擲果之姿。女子逞傾城之豔。一笑傾人國。再笑傾人城。競名誇麗。爭異鬪珍。看來總是輪迴。到底難逃生化。人之生相。歲乃春時。壯三陽之亨泰。新萬物之萃榮。一天明媚。村村柳綠花紅。萬里風光處處鶯啼蝶舞。

偈曰。

者生老病死也。今叙四山之序。以貽厥後。

四山偈。

四山峭壁萬青叢。悟了都無萬物空。

喜得驢兒三腳在。驀騎打趁上高峯。

一山者。生相也。有差一念。故現多端。托形骸於父母之精。假孕育於陰陽之氣。冠三才而中立。爲萬物之至靈。不論上智下愚。盡屬胎胎之內。豈問一人兆姓。咸歸橐籥之中。或太陽表聖主。

太宗皇帝御製課虛上卷。

原夫四大本無。五蘊非有。由空起妄。妄成色色。自真空。是妄從空。空現妄。妄生眾色。既背無生。無化。永爲有化。有生。無生化。則無化無生。有化生。故有生有化。或生聖賢。愚智。或化鱗角羽毛。時時凌溺於迷津。往往飄沈於苦海。昏昏懵懵。豈覺豈知。擾擾匆匆。不惺不悟。盡是縱心放去。都無驀鼻牽回。致使六道往來。四山陟降。四山

龜。毀佛。謗僧。肆唇口而謳歌。裸身形而舞蹈。不
惟接佛供養。從教烏帽斜吹。喪身命自此而生。
亡國家由斯而有。棄之則千祥竝集。酣之則百
禍駢臻。大禹惡之而兆姓偕來。太康酣之而五
子咸怨。豈止風流須戒。抑令達者深防。幾多世
上煌煌。却被醉中懵懵。

偈曰。

一甕糟糠麴釀成。幾多智者沒聰明。
非惟獨破緇流戒。敗國亡家自此生。

洋銅灌口而長懷苦痛。

偈曰。

齷肩諂笑舌搖唇。永作塵寰妄語人。

伺意求歡趨世利。到頭爭免業纏身。

戒酒文。僧俗同。

夫嗜酒者德行常虧。飲酒者言辭多失。氣衝腐胃。味浸穿腸。敗亂精神。昏迷心性。二親不顧。五
蓮專行。或店肆而喧呼。或街衢而酩酊。欺天罵

戒妄語文。僧俗同。

夫心爲善惡之本。口爲禍福之器。思一念響應無差。起一言影隨不謬。君子重言若辨。古人防語如瓶。言之則以直以公。語之則無阿無曲。罔道此長彼短。不論己是人非。豈敢搖舌弄唇。故乃謹言慎口。且身中之業所重。然口內之過爲先。非惟語者妄言。抑使聞之亂作。今世爲人輕賤。死後被業牽纏。或鐵鉗拔舌而甘受辛酸。或

流學侶。盡耽法服。觀粧國綱。永墜於蘇臺。戒體
幾亡於姪室。盡是供眸外認。應無回首內看。
却羅綺纏身。仍露肌皮裏肉。獨覺近女庵而還
世。真君遠炭婦而昇天。不行者得五神通。有犯
者失諸戒行。

偈曰。

腮惹梅香臉膩桃。見之目送意忉忉。
都盧一袋肌皮臭。暗斷人腸不用刀。

偈曰。

鑿壁穿牆意不休。千般百計苦營求。

今生苟得他人物。不覺終天受馬牛。

戒色文。僧俗同。

夫楚腰衛鬢能令性惑心迷。燕色趙顏解使神
消精滅。回眼動非磨之刃。孰不斷腸。轉舌弄一
孔之簧。盡來側耳。愛之者親疎義斷。貪之者德
失道消。上而風教沒淪。下則閨門喪亂。不問俗

拯孤貧。小人在貪取財物。利以人貨。每爲已情。

多忍人情。惟知自益。爭知富貴在天。但肆貪求。

爲意。舖肝穴室。鑿壁穿牆。踵跡山陽將軍。習行

恐哺狂

梁上君子。逝天悖地。欺法輕刑。生前遭公事施。

行。死後被冥司拷掠。豈止堆金堆玉。毋命一介。

一毛。嗅池蓮地神尙呵。取子錢陰君猶罰。恢恢。

天網行善脫而行惡羅。蕩蕩王刑爲公免而爲。

私犯。

世相讎。回頭者還著家鄉。縱心者永沈地獄。儒
典施仁布德。道經愛物好生。佛惟戒殺是持。汝
意遵行勿犯。

偈曰。

羽毛鱗甲盡含靈。畏死貪生豈異情。

自古聖賢懷不忍。焉能見死與貪生。

戒偷盜。僧俗同。

夫行仁義者君子。爲偷盜者小人。於君子懷懼

惡紳

戒殺生文。食肉僧俗同體。

夫卵胎濕化性同。見聞覺知豈異。祇因造業積
冤。故受異名別號。昔日本人倫之類。今生爲殊
大之羣。或友或朋。是兄是弟。換却衣裳冠帶。變
爲鱗甲羽毛。妻忘夫而夫忘妻。子睽親而親睽
子。既見改頭異面。牽來斷足剗腸。空懷畏死貪
生。無更言傷告痛。備殺他而他還殺備。渠食汝
而汝返食渠。永沒了期。長爲怨債。生生互報。世

無不參究。常讀金剛。至於應無所住而生其心之句。方爾廢卷長吟間。豁然自悟。以其所悟而作是歌。目曰禪宗指南。是年國師自安子山赴闕。賜居勝嚴寺。開諸經印板。朕以此作出而示之。師一覽而三歎曰。諸佛之心盡在此矣。蓋刊諸經印以示後學。朕聞是言。乃命工楷寫。勅命開印。非特以爲後世指迷。蓋欲繼先代聖人之功。廣因自爲序云。

孰若以身爲天下先也。陛下若不反思。臣等與天下之人同死此日。決無歸志。朕見太師及諸故老之臣。無有捨朕之意。遂以其言告于國師。師捧朕手而言曰。凡爲人君者。以天下之欲爲欲。以天下之心爲心。今天下欲迎陛下歸之。則陛下安得不歸哉。然內典之究。願陛下毋忘斯須耳。由是朕與國人回京。勉而踐位。十數年間。凡遇機暇。聚會耆德。參禪問道。及諸大教等經。

求轍迹。遂與國人尋到此山。與朕相遇。興言痛
切。曰。臣受先君顧託。奉陛下爲民神之主。民之
所以篋戴於陛下者。亦赤子之慕父母。况今朝
廷故老。無非親附之臣。黎元士庶。悅服之眾。至
陛下恐有莫不二字
於三尺之童。皆知陛下作民父母矣。且太祖捨
臣而去。一杯之土未乾。遺耳之言猶在。而陛下
遁跡山林。隱居求志。以臣言之。陛下爲自修之
計。則可。其如國家社稷何。與其垂空言以示後。

主之勢。思林野之賤。果何所邀。而到斯耶。朕聞
其言。雙淚自下。因告之曰。朕方幼穉。劇喪雙親。
孤立士民之上。無所依附。復思前代帝王事業。
興廢不常。故入此山。惟求作佛。不求他物。師曰。
山本無佛。惟存乎心。心寂而知。是名眞佛。今陛
下若悟此心。則立地成佛。無苦外求也。時叔父
陳公。乃先君託孤之從弟也。先君棄世。羣臣之
後。朕命爲太師參輔國政。聞朕去。分命左右遍

江東去。乃以其情告于左右。左右愕然。舉皆涕泣。翌日卯時。到大灘。普賴山渡。恐人知之。以衣蒙面而渡江。徑山而行。及晡。入宿于覺行僧寺。待旦而去。間關跋涉。山險泉深。馬疲而不能進。朕乃棄馬。攀崖而行。未時方到安子山阿。明日直上山頂。參見國師竹林大沙門。師一見欣然。從容謂朕曰。老僧久居山野。骨剛貌悴。甘茶茹椹。泉飲林遊。心若浮雲。隨風到此。今陛下棄人

濟世之尤重。以大器授予。匆冲。夙夜兢兢。不遑啓處。私自謂曰。上既無父母之可依。下恐不足副黔黎之實望。奈何。尋而思之。不如退處山林。旁求佛教。以明生死之大事。又以報劬勞之德。不亦美哉。於是朕志遂決。天應正平五年。寔丙申四月三夜。因微服出宮門。謂左右曰。朕欲出遊。潛聽民言。以觀民志。庶知事之艱難。時從朕左右。不過七八人。是夜亥刻。以單騎匿而行。渡

之訓。則澄思息慮。慨然清淨。有心乎內教。參究於禪宗。虛己求師。精誠慕道。雖回向之意已萌。而感觸之機未達。甫十六歲。太后厭世。朕寢苦枕土。泣血摧心。憂苦之餘。未遑他務。僅數年間。太祖皇帝繼爾晏駕。柩捲之慕未夷。創鉅之心愈切。悽悽縱縱難釋厥懷。念父母之於子者。撫摩鞠育靡所不至。粉骨碎身猶未足以報其萬一也。况朕考太祖皇帝開基創業之艱難。經邦

禪宗指南序。

朕竊謂佛無南北均可修求。性有智愚同。發覺
悟是以誘羣迷之方便。明生死之捷徑者。我佛
之大教也。任垂世之權衡。作將來之軌範者。先

貴必貴

聖之重貴也。故六祖有言云。先大聖人與大師
無別。則知我佛之教。又假先聖人以傳於世也。
今朕焉可不以先聖之任。爲己之任。我佛之教
爲己之教哉。且朕於孩童有識之年。稍聞禪師

陳太宗御製課虛

越南佛典叢刊三七

證明導師

景靈寺和尚釋光明

興隆寺和尚釋清盛

寶龕寺和尚釋允諧

香山崗天厨寺和尚釋清積

安寧寺和尚釋心德

慧藏禪師釋清詮

北圻佛教總會印行經典部彙輯

河內遠東考古學院護刊

越南佛典叢刊

河內北圻佛教總會發行

越南佛教總會二諦進供

南越僧伽佛學堂監督師教諸尊學大衆作大證明

會長裴善機記

Mục Lục

1.- Lời Đầu sách	5
2.- Tiểu sử Vua Trần Thái Tông	7
3.- Tựa Thiển Tông Chỉ Nam.....	13
4.- Năm giới	42
5.- Bốn Núi.....	71
6.- Nói rộng Sắc thân	103
7.- Rộng khuyên Phát tâm Bồ đề.....	130
8.- Luận về Thọ Giới	184
9.- Luận Tọa Thiền.....	194
10.- Luận về Giới Định Tuệ.....	204
11.- Luận Gương Tuệ Giáo.....	216
12.- Luận về Niệm Phật.....	230
13.- Tựa Khoa nghi Sáu thời Sám Hối.....	252
14.- Khóa lễ Sáu thời Sám Hối : DỊCH	267
GIẢNG	313
a. Dâng hương buổi sáng (Sám hối tội căn mắt) .	316
b. Dâng hương buổi trưa (Sám hối tội căn tai)	343
c. Dâng hương buổi mặt trời lặn (Sám hối tội căn mũi).....	366

d. Dâng hương buổi đầu hôm (Sám hối tội căn lữi).....	395
e. Dâng hương nửa đêm (Sám hối tội căn thân)..	417
g. Dâng hương cuối đêm (Sám hối tội căn ý).....	441
15.- Tựa Bình Đăng Sám Hối.....	469
16.- Tựa Kinh Kim Cang Tam Muội.....	479
17.- Nói rộng Một đường hướng thượng.....	522
18.- Ngũ lục Vấn đáp.....	549
19.- Niêm Tụng Kệ.....	563
20.- Lời Bạt của người sau.....	698
21.- Khóa hư lục bản chữ Hán.....	701



KHÓA HƯ LỤC *giảng giải*

THÍCH THANH TỪ



Chịu trách nhiệm xuất bản :

BAN VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Biên tập : THÍCH NHẬT QUANG
THUẦN CHON
THUẦN TINH
THUẦN NHẤT

Sửa bản in : THUẦN CHON

Kỹ thuật in : THUẦN GIÁC

● NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Xuất bản.

Địa chỉ : 62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1

ĐT : 8225340 - 8296764 - 8222726 - 8223637 - 8296713

In đợt hai 2.000 cuốn, khổ 14x20cm, tại **Xí nghiệp in số 3**, 391 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP. Hồ Chí Minh. Số GPXB : 140CXB/76 do Cục xuất bản cấp ngày 29.3.1996. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 - 1996.

1201000007418